MỤC LỤC

[PHẦN I. CÁC CHỦ ĐỀ BÀI TẬP 5](#_Toc48765811)

[Bài 1. 5](#_Toc48765812)

[***Phong cách Hồ Chí Minh* 5**](#_Toc48765813)

[**Các phương châm hội thoại 8**](#_Toc48765814)

[Bài 2. 13](#_Toc48765815)

[***Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* 13**](#_Toc48765816)

[**Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh 17**](#_Toc48765817)

[Bài 3. 19](#_Toc48765818)

[***Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em* 19**](#_Toc48765819)

[Bài 4. 25](#_Toc48765820)

[***Chuyện người con gái Nam Xương* 25**](#_Toc48765821)

[**Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp 29**](#_Toc48765822)

[**Sự phát triển của từ vựng 31**](#_Toc48765823)

[**Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự 32**](#_Toc48765824)

[Bài 5. 32](#_Toc48765825)

[***Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* 32**](#_Toc48765826)

[***Hoàng Lê nhất thống chí* 35**](#_Toc48765827)

[**Trắc nghiệm: Sự phát triển của từ vựng (tiếp theo) 38**](#_Toc48765828)

[Bài 6. 39](#_Toc48765829)

[***Tác giả Nguyễn Du, đôi nét về tác phẩm Truyện Kiều* 39**](#_Toc48765830)

[***Đoạn trích: Chị em Thúy Kiều (trích Truyện Kiều)* 42**](#_Toc48765831)

[***Đoạn trích: Cảnh ngày xuân (trích Truyện kiều)* 46**](#_Toc48765832)

[**Thuật ngữ 50**](#_Toc48765833)

[**Miêu tả trong văn bản tự sự 51**](#_Toc48765834)

[Bài 7. 52](#_Toc48765835)

[***Đoạn trích: Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện kiều)* 52**](#_Toc48765836)

[***Đoạn trích: Mã Giám Sinh mua Kiều (trích Truyện Kiều)* 57**](#_Toc48765837)

[**Trau dồi vốn từ 59**](#_Toc48765838)

[Bài 8. 61](#_Toc48765839)

[***Đoạn trích: Thúy Kiều báo ân báo oán (trích Truyện Kiều)* 61**](#_Toc48765840)

[***Đoạn trích: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (trích Truyện Lục Vân Tiên)* 63**](#_Toc48765841)

[**Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự 68**](#_Toc48765842)

[Bài 9. 68](#_Toc48765843)

[***Đoạn trích: Lục Vân Tiên gặp nạn (trích Truyện Lục Vân Tiên)* 68**](#_Toc48765844)

[**Tổng kết về từ vựng 70**](#_Toc48765845)

[Bài 10. 71](#_Toc48765846)

[***Bài thơ: Đồng chí (Chính Hữu)* 71**](#_Toc48765847)

[***Bài thơ: Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)* 76**](#_Toc48765848)

[**Trắc nghiệm: Kiểm tra truyện trung đại 81**](#_Toc48765849)

[**Nghị luận trong văn bản tự sự 83**](#_Toc48765850)

[Bài 11. 83](#_Toc48765851)

[***Bài thơ: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)* 83**](#_Toc48765852)

[***Bài thơ: Bếp lửa (Bằng Việt)* 89**](#_Toc48765853)

[Bài 12. 92](#_Toc48765854)

[***Bài thơ: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* 92**](#_Toc48765855)

[***Bài thơ: Ánh trăng (Nguyễn Duy)* 96**](#_Toc48765856)

[**Trắc nghiệm: Tổng kết từ vựng (luyện tập tổng hợp) 101**](#_Toc48765857)

[Bài 13. 102](#_Toc48765858)

[***Truyện ngắn: Làng (Kim Lân)* 102**](#_Toc48765859)

[**Đối thoại và độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự 106**](#_Toc48765860)

[Bài 14. 107](#_Toc48765861)

[***Đoạn trích: Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)* 107**](#_Toc48765862)

[**Ôn tập phần tiếng việt 111**](#_Toc48765863)

[**Người kể trong văn bản tự sự 112**](#_Toc48765864)

[Bài 15. 114](#_Toc48765865)

[***Đoạn trích: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)* 114**](#_Toc48765866)

[Bài 16. 119](#_Toc48765867)

[***Truyện ngắn: Cố hương (Lỗ Tấn)* 119**](#_Toc48765868)

[Bài 17. 124](#_Toc48765869)

[***Đoạn trích: Những đứa trẻ (Mác-xim Go-rơ-ki)* 124**](#_Toc48765870)

[Bài 18. 129](#_Toc48765871)

[***Bàn về đọc sách* 129**](#_Toc48765872)

[**Khởi ngữ 132**](#_Toc48765873)

[**Phép phân tích và tổng hợp 133**](#_Toc48765874)

[Bài 19. 135](#_Toc48765875)

[***Tiếng nói của văn nghệ* 135**](#_Toc48765876)

[**Các thành phần biệt lập 138**](#_Toc48765877)

[**Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống 140**](#_Toc48765878)

[**Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống 142**](#_Toc48765879)

[Bài 20. 142](#_Toc48765880)

[***Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* 142**](#_Toc48765881)

[**Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí 147**](#_Toc48765882)

[Bài 21. 149](#_Toc48765883)

[***Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten* 149**](#_Toc48765884)

[**Liên kết câu và liên kết đoạn văn 152**](#_Toc48765885)

[Bài 22. 155](#_Toc48765886)

[***Bài thơ: Con cò (Chế Lan Viên)* 155**](#_Toc48765887)

[Bài 23. 161](#_Toc48765888)

[***Bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)* 161**](#_Toc48765889)

[***Bài thơ: Viếng lăng Bác (Viễn Phương)* 166**](#_Toc48765890)

[**Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) 170**](#_Toc48765891)

[Bài 24. 172](#_Toc48765892)

[***Bài thơ: Sang thu (Hữu Thỉnh)* 172**](#_Toc48765893)

[***Nói với con (Y Phương)* 176**](#_Toc48765894)

[**Nghĩa tường minh và hàm ý 180**](#_Toc48765895)

[**Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ 182**](#_Toc48765896)

[**Trắc nghiệm: Cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ 184**](#_Toc48765897)

[Bài 25. 185](#_Toc48765898)

[***Bài thơ: Mây và sóng (R. Ta-go)* 185**](#_Toc48765899)

[**Trắc nghiệm: Ôn tập về thơ 191**](#_Toc48765900)

[Bài 26. 192](#_Toc48765901)

[**Trắc nghiệm: Tổng kết phần văn bản nhật dụng 192**](#_Toc48765902)

[Bài 27. 194](#_Toc48765903)

[**Bến Quê 194**](#_Toc48765904)

[**Ôn tập tiếng việt lớp 9 học kì II 198**](#_Toc48765905)

[Bài 28. 201](#_Toc48765906)

[***Những Ngôi sao xa xôi* 201**](#_Toc48765907)

[**Trắc nghiệm: Biên bản (có đáp án) 205**](#_Toc48765908)

[Bài 29. 206](#_Toc48765909)

[**Trắc nghiệm: Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang 206**](#_Toc48765910)

[**Trắc nghiệm: Tổng kết về ngữ pháp 208**](#_Toc48765911)

[**Trắc nghiệm: Hợp đồng 210**](#_Toc48765912)

[Bài 30. 210](#_Toc48765913)

[***Bố của Xi-mông* 210**](#_Toc48765914)

[**Trắc nghiệm: Ôn tập truyện lớp 9 213**](#_Toc48765915)

[**Trắc nghiệm: Tổng kết về ngữ pháp (tiếp theo) 214**](#_Toc48765916)

[Bài 31. 216](#_Toc48765917)

[***Con chó Bấc* 216**](#_Toc48765918)

[**Trắc nghiệm: Kiểm tra phần tiếng việt lớp 9 học kì II 218**](#_Toc48765919)

[Bài 32. 220](#_Toc48765920)

[***Bắc Sơn* 220**](#_Toc48765921)

[**Tổng kết phần tập làm văn 223**](#_Toc48765922)

[Bài 33. 227](#_Toc48765923)

[***Tôi và chúng ta* 227**](#_Toc48765924)

[**Trắc nghiệm: Tổng kết phần văn học 229**](#_Toc48765925)

[PHẦN II. KIỂM TRA ĐỊNH KÌ 233](#_Toc48765926)

[CHUYÊN ĐỀ I. KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ I 233](#_Toc48765927)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 233**](#_Toc48765928)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 233**](#_Toc48765929)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 234**](#_Toc48765930)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 234**](#_Toc48765931)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 234**](#_Toc48765932)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 236**](#_Toc48765933)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 237**](#_Toc48765934)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 238**](#_Toc48765935)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 239**](#_Toc48765936)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 240**](#_Toc48765937)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 241**](#_Toc48765938)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 242**](#_Toc48765939)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 243**](#_Toc48765940)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 245**](#_Toc48765941)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 246**](#_Toc48765942)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 248**](#_Toc48765943)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 249**](#_Toc48765944)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 251**](#_Toc48765945)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 252**](#_Toc48765946)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 253**](#_Toc48765947)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 254**](#_Toc48765948)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 255**](#_Toc48765949)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 256**](#_Toc48765950)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 257**](#_Toc48765951)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 1) 259**](#_Toc48765952)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 2) 261**](#_Toc48765953)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 3) 263**](#_Toc48765954)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 4) 264**](#_Toc48765955)

[CHUYÊN ĐỀ II. KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ II 267](#_Toc48765956)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 267**](#_Toc48765957)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 267**](#_Toc48765958)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 267**](#_Toc48765959)

[**Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 268**](#_Toc48765960)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 268**](#_Toc48765961)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 270**](#_Toc48765962)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 272**](#_Toc48765963)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 274**](#_Toc48765964)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 275**](#_Toc48765965)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 277**](#_Toc48765966)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 278**](#_Toc48765967)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 280**](#_Toc48765968)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 281**](#_Toc48765969)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 282**](#_Toc48765970)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 283**](#_Toc48765971)

[**Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 285**](#_Toc48765972)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 286**](#_Toc48765973)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 287**](#_Toc48765974)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 288**](#_Toc48765975)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 289**](#_Toc48765976)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 290**](#_Toc48765977)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 291**](#_Toc48765978)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 291**](#_Toc48765979)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 292**](#_Toc48765980)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 293**](#_Toc48765981)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 294**](#_Toc48765982)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 295**](#_Toc48765983)

[**Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 296**](#_Toc48765984)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 1) 297**](#_Toc48765985)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 2) 298**](#_Toc48765986)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 3) 300**](#_Toc48765987)

[**Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 4) 301**](#_Toc48765988)

# PHẦN I. CÁC CHỦ ĐỀ BÀI TẬP

## Bài 1.

### *Phong cách Hồ Chí Minh*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả Lê Anh Trà

- Lê Anh Trà sinh ngày 24/6/ 1927, mất năm 1999

- Quê quán: xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Năm 1965, ông tốt nghiệp tiến sĩ tại Đại học tổng hợp quốc gia Mát-xcơ-va

- Ông lần lượt được phong học hàm Phó giáo sư và Giáo sư các năm 1984 và 1991

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Lê Anh Trà được biết đến là một nhà quân sự, sau đó chuyển sang viết báo. Ông từng giữ chức Tổng biên tập Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật

    + Ông là một tác giả chuyên nghiên cứu và viết về chủ tịch Hồ Chí Minh

    + Tác phẩm đặc sắc nhất của ông là “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái cao cả”

II. Đôi nét về tác phẩm Phong cách Hồ Chí Minh

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    “Phong cách Hồ Chí Minh” được rút trong bài “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái cao cả” của Lê Anh Trà, in trong cuốn sách “Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam”do Viện Văn hóa xuất bản năm 1990

**2. Bố cục: 3 phần**

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “rất hiện đại”): Cơ sở và quá trình hình thành phong cách Hồ Chí Minh

- Đoạn 2 (từ tiếp đến “hạ tắm ao”): Những biểu hiện cụ thể của phong cách Hồ Chí Minh trong cuộc sống và làm việc

- Đoạn 3 (từ tiếp đến hết): Khẳng định ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh

**3. Giá trị nội dung**

    Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, thanh cao và giản dị.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Văn bản kết hợp giữa kể và bình luận một cách tự nhiên, chọn lọc những chi tiết tiêu biểu, đan xen thơ, dùng từ Hán Việt gợi sự gần gũi; sử dụng nghệ thuật đối lập để làm nổi bật ý: Vĩ nhân mà giản dụ, gần gũi, am hiểu mọi nền văn hóa nhân loại mà lại rất dân tộc, rất Việt Nam

III. **Dàn ý:** phân tích Phong cách Hồ Chí Minh

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả Lê Anh Trà: Một nhà quân sự, một nhà báo tài năng chuyên nghiên cứu về chủ tịch Hồ Chí Minh

- Vài nét về đoạn trích: “Phong cách Hồ Chí Minh” được trích từ bài viết “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái cao cả” đã làm nổi bật phong cách giản dị mà thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh- vị lãnh tụ đáng kính của dân tộc

**II. Thân bài**

**1. Quá trình hình thành phong cách Hồ Chí Minh**

**a. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để hình thành phong cách của mình**

- Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi nhiều, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa cả phương Đông lẫn phương Tây, chính bới vậy, Bác đã thu nhận được vốn tri thức văn hóa sâu rộng:

    + Vốn tri thức sâu rộng có được do Bác hiểu tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp nên đã học và nói thành thạo nhiều thứ tiếng: Anh, Pháp. Hoa, Nga…

    + Bác học hỏi ngay cả khi trải qua những công việc kiếm sống: bác làm nhiều nghề và đến đâu Bác cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa đến một mức khá uyên thâm

**b. Sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại ở Bác là sự tiếp thu có chọn lọc**

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu một cách có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nước ngoài:

    + Không phải tất cả văn hóa các nước Bác đều tiếp thu, Người chỉ tiếp thu những cái hay, cái đẹp, đồng thời phê phán những hạn chế, tiêu cực ⇒ tiếp thu một cách chủ động

    + Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng trên cơ sở nền tảng là văn hóa dân tộc mà tiếp thu những ảnh hưởng bên ngoài

**2. Những vẻ đẹp trong lối sống và làm việc thể hiện phong cách Hồ Chí Minh**

- Nơi ở, nơi làm việc của Bác rất giản dị, là một chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh ao, chỉ vẻn vẹn vài phòng, đồ đạc “mộc mạc, đơn sơ”

- Tư trang rất giản dị: bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp

- Cách ăn uống rất đạm bạc với những món ăn dân tộc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối… ⇒ những món ăn dân tộc không chút cầu kì

**3. Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh**

- Phong cách sống của Bác là phong cách sống giản dị nhưng lại vô cùng thanh cao:

    + Phong cách sống của Bác không phải là một cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời

    + Phong cách sống của Bác chính là phong cách sống với cái đẹp chính là sự giản dị, tự nhiên

        ⇒ Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách sống mang hồn dân tộc sợi nhắc đến phong cách của các vị hiền triết trong lịch sử dân tộc như Nguyến Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những nét tiêu biểu về nghệ thuật làm nên thành công của đoạn trích: Cách lập luận chặt chẽ, luận điểm, luận cứ rõ ràng, xác đáng, cách trình bày ngắn gọn…

- Đoạn trích ngắn gọn nhưng để lại trong lòng người bao niềm ngưỡng vọng chân thành đối với vị lãnh tụ đáng kính của dân tộc. Mỗi chúng ta có thể học tập lối sống giản dị mà thanh cao rất Việt Nam ấy để vững vàng sống trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Tác giả của bài Phong cách Hồ Chí Minh là ai?

**A.** Lê Anh Trà **B.** Phạm Văn Đồng

**C.** Lê Duẩn **D.** Đặng Thai Mai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Phong cách của Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa?

**A.** Vĩ đại và bình dị **B.** Truyền thống và hiện đại

**C.** Dân tộc và nhân loại **D.** Cả ba đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa sự vĩ đại và bình dị, giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính dân tộc và nhân loại

**Câu 3:** Vì sao Hồ Chủ tịch lại có vốn văn hóa sâu rộng?

**A.** Học tập để nói, viết thạo tiếng nước ngoài: Anh, Pháp, Hoa…

**B.** Đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, học hỏi từ thực tiễn lao động

**C.** Tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật của khu vực khác nhau trên thế giới một cách sâu sắc, uyên thâm

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Văn bản này thuộc thể loại nào?

**A.** Tự sự **B.** Trữ tình

**C.** Thuyết minh **D.** Nhật dụng sử dụng yếu tố nghị luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Văn bản Phong cách Hồ Chí Minh là văn bản nhật dụng sử dụng yếu tố nghị luận

**Câu 5:** Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác được thể hiện như thế nào?

**A.** Nơi ở và nơi làm việc mộc mạc, đơn sơ

**B.** Trang phục giản dị: bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp

**C.** Ăn uống đạm bạc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối…

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Lối sống của Bác là sự kết hợp giữa giản dị và thanh cao, vì sao?

**A.** Đây không phải lối sống kham khổ của người tự tìm vui trong cảnh nghèo

**B.** Bản lĩnh của người chiến sĩ hòa với tâm hồn nhà thơ

**C.** Vẻ đẹp tâm hồn Người mạnh mẽ song cũng rất lãng mạn

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Trong quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài, Người tiếp thu một cách có chọn lọc, không ảnh hưởng thụ động, biết tiếp thu cái hay, cái đẹp phê phán hạn chế, tiêu cực, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Trong quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nước ngoài, Người tiếp thu một cách có chọn lọc, không ảnh hưởng thụ động, biết tiếp thu cái hay, cái đẹp phê phán hạn chế.

**Câu 8:** Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống

Đó là cách sống giản dị, đạm bạc nhưng rất… của Hồ Chí Minh.

**A.** Khác đời, hơn đời **B.** Đa dạng, phong phú

**C.** Thanh cao **D.** Cầu kì, phức tạp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Trong bài viết tác giả cho rằng: “Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ là một quan niệm thẩm mĩ về cuộc sống”. Theo em, cụm từ quan niệm thẩm mĩ là gì?

**A.** Quan niệm về cái đẹp **B.** Quan niệm cuộc sống

**C.** Quan niệm về đạo đức **D.** Quan niệm về nghề nghiệp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Quan niệm thẩm mĩ chính là quan niệm về cái đẹp

**Câu 10:** Trong bài viết, để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh tác giả không sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**A.** Kết hợp giữa kể và bình luận **B.** Sử dụng phép đối lập

**C.** Sử dụng phép nói quá **D.** So sánh và sử dụng nhiều từ Hán Việt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Văn bản không sử dụng phép nói quá

**Câu 11:** Trong các từ sau, từ nào không phải là từ Hán Việt?

**A.** Lãnh tụ **B.** Hiền triết

**C.** Vua **D.** Danh nho

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 12:** Trong đoạn văn sau, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để làm nổi bật phong cách Hồ Chí Minh?

Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là một lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm về thẩm mĩ cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.

**A.** Sử dụng phép nói giảm nói tránh **B.** Sử dụng phép nói quá

**C.** Sử dụng phép đối lập **D.** Sử dụng phép tăng tiến

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Các phương châm hội thoại

**I. Kiến thức cơ bản**

Phương châm hội thoại về lượng: khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thừa, không thiếu

- Phương châm về chất: Khi giao tiếp, đừng nói những điều mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực

- Phương châm quan hệ: Cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề

- Phương châm lịch sự: khi giao tiếp cần tôn trọng người khác

- Phương châm cách thức: chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Các nhân vật trong truyện cười sau không tuân thủ phương châm hội thoại nào?

Có hai anh bạn gặp nhau, một anh nói:

- Mắt tớ tinh không ai bằng! Kìa! Một con kiến kiến đang bò ở cành cây trên đỉnh núi phía trước mặt, tớ trông rõ mồn một từ sợi râu đến bước chân của nó.

Anh kia nói:

- Thế cũng chưa tinh bằng tớ, tớ còn nghe thấy sợi râu nó ngoáy trong không khí kêu vù vù và chân nó bước kêu sột soạt.

Bài 2: Xác định các phương châm hội thoại tương ứng với các câu tục ngữ dưới đây:

a, Ai ơi chớ vội cười nhau

Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.

b, Ăn bớt bát, nói bớt lời.

c, Nói có sách, mách có chứng

d, Kim vàng ai nỡ uốn câu

Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

e, Trống đánh xuôi kèn thổi ngược.

Bài 3: Phương châm hội thoại nào không được tuân thủ trong đoạn hội thoại sau:

Mẹ chồng và con dâu nhà kia chẳng may đều góa bụa

Mẹ chồng dặn con dâu:

- Số mẹ con mình hẩm hiu, thôi thì cắn răng mà chịu!

Không bao lâu, mẹ chồng có tư tình, con dâu nhắc lại lời dặn ấy thì mẹ chồng trả lời:

-Mẹ dặn là dặn con, chứ mẹ có còn răng nữa mà cắn.

**Gợi ý:**

Bài 1:

Cả hai nhân vật trong đoạn hội thoại trên đều vi phạm phương châm về chất. Nói những điều sai sự thật.

- Thực tế hai nhân vật đều nói điều không có thật, không ai có thể nhìn thấy một con kiến trên đỉnh núi.

Bài 2:

a, Phương châm về chất

b, Phương châm về lượng

c, Phương châm về chất

d, Phương châm lịch sự

e, Phương châm quan hệ

Bài 3:

Nhân vật người mẹ chồng vi phạm phương châm quan hệ.

Bà mẹ chồng dặn con dâu một đằng nhưng bản thân lại thực hiện một nẻo. Giữa lời nói và hành động không có tính thống nhất với nhau.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Chương trình lớp 9, em được học mấy phương châm hội thoại?

**A.** 4    **B.** 5

**C.** 6    **D.** 7

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Phương châm hội thoại trong chương trình lớp 9: phương châm về chất, lượng, cách thức, lịch sự, quan hệ

**Câu 2:** Phương châm về lượng là gì?

**A.** Khi giao tiếp cần nói đúng sự thật

**B.** Khi giao tiếp không được nói vòng vo, tối nghĩa

**C.** Khi giao tiếp cần nói cho có nội dung, nội dung phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp

**D.** Khi giao tiếp không nói những điều mình không tin là đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Thế nào là phương châm về chất?

**A.** Khi giao tiếp không nên nói những diều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực

**B.** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung, của lời nói phải đáp ứng đúng với yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa

**C.** Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Phương châm quan hệ là gì?

**A.** Khi giao tiếp cần nói lịch sự, tế nhị

**B.** Khi giao tiếp cần tôn trọng người khác

**C.** Khi giao tiếp chú ý ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ

**D.** Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Câu thành ngữ “nói nhăng nói cuội” phản ánh phương châm hội thoại nào?

**A.** Phương châm cách thức **B.** Phương châm quan hệ

**C.** Phương châm về lượng **D.** Phương châm về chất

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Nói nhăng nói cuội là nói những điều không chắc chắn, không đúng, vi phạm phương châm về chất trong giao tiếp

**Câu 6:** Câu thành ngữ “ăn ốc nói mò” liên quan tới phương châm hội thoại nào?

**A.** Phương châm quan hệ **B.** Phương châm về chất

**C.** Phương châm về lượng **D.** Phương châm cách thức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Ăn ốc nói mò có nghĩa là nói không có căn cứ, nói không chính xác

**Câu 7:** Thành ngữ “nói đơm nói đặt” liên quan tới phương châm hội thoại?

**A.** Phương châm về lượng **B.** Phương châm về chất

**C.** Phương châm cách thức **D.** Phương châm quan hệ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Nói đơm nói đặt là nói những điều bịa đặt, không đúng thực tế

**Câu 8:** Xác định phương châm hội thoại của câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”?

**A.** Phương châm quan hệ **B.** Phương châm lịch sự

**C.** Phương châm cách thức **D.** Phương châm về lượng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Câu “Cô ấy nhìn tôi chằm chằm bằng đôi mắt” vi phạm phương châm nào?

**A.** Phương châm lịch sự **B.** Phương châm quan hệ

**C.** Phương châm cách thức **D.** Phương châm về lượng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Thừa thông tin: bằng đôi mắt

**Câu 10:** Phương châm quan hệ nào được thể hiện trong đoạn trích sau:

- Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi:

- Mất mấy con bò?

A Phủ trả lời tự nhiên:

- Tôi về lấy súng, thế nào cũng bắn được. Con hổ này to lắm.

**A.** Phương châm quan hệ **B.** Phương châm cách thức

**C.** Phương châm về chất **D.** Phương châm về lượng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Câu trả lời của A Phủ không đáp ứng về mặt thông tin đối với câu hỏi, nhưng tạo ra hàm ý dùng công chuộc tội

Đọc truyện cười sau và trả lời câu hỏi:

**HỎI THĂM SƯ**

Một anh học trò gặp một nhà sư dọc đường , anh thân mật hỏi thăm:

- A Di Đà Phật! Sư ông vẫn khỏe chứ? Được mấy cháu rồi?

Sư đáp:

- Đã tu hành thì làm gì có vợ mà hỏi mấy con.

- Thế sư ông già có chết không?

- Ai già lại chẳng chết!

- Thế sau này lấy đâu ra sư con?

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

**Câu 11:**

**A.** Phương châm về chất **B.** Phương châm về lượng

**C.** Phương châm quan hệ **D.** Phương châm cách thức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Anh học trò không hiểu chuyện nên đưa ra những câu hỏi không có thực tế.

**Câu 12:** Để không vi phạm các phương châm hội thoại, cần làm gì?

**A.** Nắm được đặc điểm của tình huống giao tiếp **B.** Hiểu được nội dung mình định nói gì

**C.** Biết im lặng khi cần thiết **D.** Phối hợp nhiều cách nói khác nhau

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp như mục đích, nhân vật, hoàn cảnh giao tiếp… sẽ giúp người nói không vi phạm các phương châm hội thoại

**Câu 13:** Câu trả lời trong đoạn hội thoại sau vi phạm phương châm hội thoại nào?

Lan hỏi Bình:

- Cậu có biết trường đại học Sư phạm Hà Nội ở đâu không?

- Thì ở Hà Nội chứ ở đâu!

**A.** phương châm về chất **B.** Phương châm về lượng

**C.** Phương châm quan hệ **D.** Phương châm cách thức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Trả lời thiếu thông tin

**Câu 14:** Các phương châm hội thoại là những quy định bắt buộc trong mọi tình huống giao tiếp, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Giao tiếp là sự linh hoạt trong việc truyền và tiếp nhận thông tin, vì vậy mà các phương châm hội thoại không phải sự bắt buộc trong mọi tình huống giao tiếp

**Câu 15:** Nhận định nào không phải nguyên nhân của các trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại?

**A.** Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp

**B.** Người nói phải ưu tiên một phương châm hội thoại, hoặc một yêu cầu khác cao hơn

**C.** Người nói muốn gây một sự chú ý để người nghe hiểu câu nói đó theo một hàm ý nào đó

**D.** Người nói nắm được các đặc điểm của tình huống giao tiếp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 16:** Các câu tục ngữ sau phù hợp với phương châm hội thoại nào trong giao tiếp?

1. Nói có sách mách có chứng

2. Biết thưa thì thốt

Không biết dựa cột mà nghe.

**A.** Phương châm về lượng **B.** Phương châm về chất

**C.** Phương châm quan hệ **D.** Phương châm cách thức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Các câu tục ngữ hướng người giao tiếp nói đúng sự thật

**Câu 17:** Nói giảm nói tránh là phép tu từ liên quan đến phương châm hội thoại nào?

**A.** Phương châm về lượng **B.** Phương châm về chất

**C.** Phương châm quan hệ **D.** Phương châm lịch sự

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

**I. Kiến thức cơ bản**

1. Muốn làm cho văn bản thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, người ta vận dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc cách thức vè, diễn ca

2. Các biện pháp nghê thuật được sử dụng thích hợp, góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Cho đoạn văn sau:

Múa lân có từ rất lâu đời và rất thịnh hành ở các tỉnh phía nam. Múa lân diễn ra vào những ngày Tết để chúc năm mới an khang, thịnh vượng. Các đoàn lân có khi đi đông tới trăm người, họ là thành viên của một câu lạc bộ hay một lò võ trong vùng. Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân mình có các họa tiết đẹp. Múa lân sôi động với các động tác khỏe khoắn, bài bản: lân chào ra mắt, lân chúc phúc, leo cột… Bên cạnh có ông Địa vui nhộn chạy quanh. Thông thường múa lân còn kèm theo cả biểu diễn võ thuật.

Đoạn văn trên thuyết minh về đối tượng nào? Văn bản cung cấp được tri thức khách quan về đối tượng không? Văn bản vận dụng phương pháp thuyết minh nào là chủ yếu? Đồng thời để cho sinh động, tác giả còn vận dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**Hướng dẫn trả lời:**

- Văn bản trên thuyết minh về tục múa lân mừng Tết

- Văn bản cung cấp tri thức khách quan về nguồn gốc ra đời, thời gian biểu diễn, cách thức tổ chức và hoạt động của hội múa lân

- Để sinh động, tác giả còn vận dụng yếu tố miêu tả:

   + Miêu tả hình dáng lân: Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân mình có các họa tiết đẹp

   + Biện pháp liệt kê: các hình thức múa lân (Múa lân sôi động với các động tác khỏe khoắn, bài bản: lân chào ra mắt, lân chúc phúc, leo cột… )

- Như vậy, để văn bản trở nên hấp dẫn, sinh động cần có các yếu tố như miêu tả, tự sự… các biện pháp nghệ thuật (so sánh, ẩn dụ, hoán dụ…) bổ trợ

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Muốn cho văn bản thuyết minh hấp dẫn, sinh động, người ta vận dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật nào?

**A.** Kể chuyện, tự thuật **B.** Đối thoại theo lối ẩn dụ

**C.** Hình thức diễn vè, thơ ca **D.** Tất cả các đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng thích hợp trong văn thuyết minh nhằm tạo hứng thú cho người đọc, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Các biện pháp nghệ thuật giúp người đọc thấy thú vị và hấp dẫn hơn.

Cho đoạn văn sau:

Tôi không biết có từ lúc nào, không rõ lắm, nhưng chắc chắn là từ rất xưa. Từ khi con người biết trồng bông dệt vải may áo, chắc là phải cần kim để khâu áo. Làm ra cây kim lúc đầu hẳn là rất khó khăn, cho nên giờ mới có câu tục ngữ Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Họ nhà Kim chúng tôi rất đông. Ngoài kim khâu vải may áo, còn có loại kim dùng để thêu thùa, có kim khâu dùng trong phẫu thuật, kim khâu giày, kim đóng sách sách… Công dụng của kim là đưa chỉ mềm luồn qua các vật dày, mỏng để kết chúng lại. Thiếu chúng tôi thì ngành sản xuất gặp nhiều khó khăn đấy! Nghe nói từ cuối thế kỉ XVIII, một người Anh đã sáng chế ra máy khâu, nhưng máy khâu vẫn cứ phải có kim thì mới khâu được!

Cùng họ Kim chúng tôi còn có cây kim châm cứu. Nó bé mà dài, làm bằng bạc, dùng để châm vào huyệt chữa bệnh. Những cây kim của ông Nguyễn Tài Thu đã nổi tiếng thế giới!

**Câu 3:** Đoạn văn vừa trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

**A.** Thuyết minh **B.** Nghị luận

**C.** Tự sự **D.** Miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Thuyết minh về cây kim

**Câu 4:** Phương pháp thuyết minh nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

**A.** Phương pháp nêu ví dụ **B.** Phương pháp so sánh

**C.** Phương pháp liệt kê **D.** Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Khi nào cần thuyết minh sự vật một cách hình tượng bóng bẩy?

**A.** Khi thuyết minh sự các đặc điểm cụ thể, dễ thấy của đối tượng

**B.** Khi thuyết minh các đặc điểm trừu tượng không dễ thấy của đối tượng

**C.** Khi muốn cho văn bản sinh động và hấp dẫn

**D.** Khi muốn trình bày rõ diễn biến của sự việc, sự kiện

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

## Bài 2.

### *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Nhà văn G.G Mác - két (Gabriel Garcia Marquez) sinh năm 1928

- Quê quán: Nhà văn người Cô - lôm - bi - a

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Năm 1936, tốt nghiệp tú tài, ông học ngành Luật tại trường đại học Tổng hợp Bô-gô - ta và viết những truyện ngắn đầu tay

    + Các tác phẩm nổi tiếng: Trăm năm cô đơn (1976)

    + Ông được nhận giải thưởng Nô-ben cao quý về văn học năm 1982, đây là giải thưởng xứng đáng cho những cống hiến của ông cho nèn văn học Cô - lôm - bi - a nói riêng và nền văn học thế giới nói chung

- Phong cách sáng tác:

    + Ông thương viết nhiều tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo nổi tiếng

    + Toàn bộ những sáng tác của G.G Mác - két xoay quanh các chủ đề chính như: sự cô đơn - mặt trái của tình đoàn kết, lòng yêu thương giữa con người…Tất cả đều mang đậm giá trị hiện thực nhưng giàu tính nhân văn sâu sắc.

II. Đôi nét về tác phẩm Đấu tranh cho một thế giới hòa bình

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Tác phẩm được trích từ bài tham luận của G.G Mác - két trong buổi gặp gỡ lần thứ hai vào tháng 8 năm 1986 giữa nguyên thủ 6 nước Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thụy Điển, Ác-hen-ti-na, Hi Lạp, Tan-da-ni-a tại Mê-hi-cô để cùng đưa ra một bản tuyên bố kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân để bảo vệ an ninh và hòa bình thế giới

**2. Bố cục: 3 đoạn**

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn”): Chiến tranh hạt nhân là mối nguy hại khủng khiếp đe dọa đến loài người và mọi sinh vật sinh sống trên Trái đất

- Đoạn 2 (Từ tiếp đến “trở lại điểm xuất phát của nó”: Chạy đua vũ trang giữa các nước làm mất khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn, chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí của loài người và quy luật tự nhiên

- Đoạn 3 (Từ tiếp đến hết): Nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, hướng đến một thế giới hòa bình, văn minh.

**3. Giá trị nội dung**

    Tác phẩm đề cập đến nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên Trái đất và nhiệm vụ của con người đó chính là phải ngăn chặn nguy cơ đó, là đáu tranh cho một thế giới hòa bình.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Đây là một văn bản nghị luận rất giàu tính thuyết phục; tất cả các luận điểm và hệ thông luận cứ vô cùng rõ ràng , các chứng cứ đưa ra rất xác đáng, cụ thể; lập luận chặt chẽ giàu thuyết phục.

III. **Dàn ý:** phân tích Đấu tranh cho một thế giới hòa bình

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét khái quát về tác giả G.G Mác - két - một tác giả nổi bật với những tác phẩm mang đậm chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân văn sâu sắc

- Khái quát những nét cơ bản nhất về tác phẩm Đấu tranh cho một thế giới hòa bình: Tác phẩm tiêu biểu về chủ đề chống chiến tranh bảo vệ hòa bình

**II. Thân bài**

**1. Chiến tranh hạt nhân là mối nguy hại khủng khiếp đe dọa đến loài người và mọi sinh vật sinh sống trên Trái đất**

- Với thời gian hết sức cụ thể, số liệu cụ thể (hơn 50000 đầu đạn hạt nhân) cùng một phép tính hết sức đơn giản ⇒ mỗi người trên Trái đất đang ngồi trên 4 tấn thuốc nổ, nết tất cả nổ tung sẽ làm biến hết thảy 12 lần sự sống trên hành tinh này

        ⇒ Tính chất khốc liệt và sự khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân

- Mác - két đã đưa ra những tính toán lí thuyết: với kho vũ khí đó nó có thể tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh mặt trời cộng với bốn hành tinh nữa ⇒ phá hủy thế thăng bằng của hệ mặt trời

        ⇒ Vào đề trực tiếp với chứng cớ cụ thể, xác thực ⇒ gây chú ý và giúp mỗi người nhận ra hiểm họa khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân

**2. Chạy đua vũ trang giữa các nước làm mất khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn, chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí của loài người và quy luật tự nhiên**

**a. Chạy đua vũ trang giữa các nước làm mất khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn**

- Tác giả đã đưa ra những dẫn chứng với số liệu cụ thể:

    + Số tiền 100 tỉ đô la bỏ ra cho 100 máy bay Mĩ và gần 7000 tên lửa có thể cải thiện cuộc sống cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới

    + Gía 10 chiếc tàu sân bay Ni-mít đủ để thực hiện chương trình phòng bệnh trong 14 năm cho hơn 1 tỉ người và cứu hơn 14 triệu trẻ em châu Phi...

    + Chỉ 2 chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xóa mù chữ cho toàn thế giới...

        ⇒ Số liệu cụ thể trên các lĩnh vực xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục, những mặt thiết yếu trong đời sống....⇒ làm nổi bật sự tốn kém ghê gớm và tính chất phi lí của cuộc chạy đua vũ trang

        ⇒ Lập luận xác đáng, dẫn chứng cụ thể, giàu sức thuyết phục

**b. Chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí của loài người và quy luật tự nhiên**

- Chiến tranh hạt nhân không nhừn tiêu diệt toàn bộ loài người mà còn phá hủy mọi sự sống trên Trái đất ⇒ đi ngược lại quy luật tiến hóa, quy luật tự nhiên

- Tác giả đã đưa ra những chứng cứ khoa học địa chất:

    + trải qua 380 triệu năm thì con bướm mới biết bay

    + 180 triệu năm bông hồng mới nở

    + Trải qua 4 kỉ địa chất con người mới hát hay hơn chim và mới chết vì yêu...

        ⇒ nhưng chỉ cần “bấm nút” tất cả quá trình vĩ đại đó sẽ quay trở về điểm xuất phát của nó

        ⇒ Chiến tranh hạt nhân đẩy lùi quá trình tiến hóa, tiêu hủy mọi thành quả của quá trình tiến hóa

**3. Nhiệm vụ đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, hướng đến một thế giới hòa bình, văn minh**

- Mác két kêu gọi mọi người chống lại cuộc chạy đua vũ trang, kêu gọi mọi người “hãy tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hòa bình, công bằng...”

- Ông đề nghị mở một nhà băng lưu trữ trí nhớ, có thể tồn tại được sau tai họa hạt nhân, để nhân loại tương lai biết rằng có sự sống đã từng tồn tại

        ⇒ Cách diễn đạt đặc sắc, độc đáo, những thông điệp Mác - két đưa ra là những thông điệp có ý nghĩa cấp thiết và thực sự quan trọng

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công về nội dung của văn bản: Dẫn chứng cụ thể, sinh động, lập luận hùng hồn, thuyết phục, lời kêu gọi thiết tha...

- Suy nghĩ bản thân về tâm hồn nhân văn của Mác – két và hiện trạng chạy đua vũ trang hiện nay...

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Đấu tranh cho một thế giới hòa bình là văn bản viết theo phương thức nào?

**A.** Tự sự **B.** Nghị luận

**C.** thuyết minh **D.** Miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình có nội dung gì?

**A.** Nói về nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa tới sự sống của nhân loại

**B.** Sự tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang cướp đi sự phát triển của nhân loại

**C.** Biện pháp ngăn chặn, xóa bỏ nguy cơ chiến tranh hạt nhân

**D.** Tất cả các đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Chi tiết nào nói về chiến tranh hạt nhân phi lí và tốn kém

**A.** Dẫn ví dụ về y tế **B.** Dẫn ví dụ về tiếp tế thực phẩm

**C.** Dẫn ví dụ về giáo dục **D.** Tất cả các đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Tại sao văn bản lại được đặt tên “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” ?

**A.** Vì chủ đích của người viết

**B.** Không phải chỉ là mối đe dọa hạt nhân, mà muốn nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh

**C.** Nhan đề thể hiện luận điểm cơ bản của bài văn, đồng thời như một khẩu hiệu, kêu gọi

**D.** Cả 3 phương án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Văn bản hấp dẫn, thuyết phục bởi vấn đề cấp thiết với sức thuyết phục cao, lập luận chặt chẽ, chứng cứ phong phú, xác thực, cụ thể và còn bởi sự nhiệt tình của tác giả, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**C. D.**

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình của Mác- két được coi là một văn bản nhật dụng vì?

**A.** Vì văn bản thể hiện những suy nghĩ, trăn trở về đời sống của tác giả

**B.** Vì lời văn bản giàu màu sắc biểu cảm

**C.** Vì nó bàn về một vấn đề lớn lao luôn được đặt ra ở mọi thời

**D.** Vì nó kể lại một câu chuyện với những tình tiết li kì, hấp dẫn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Nội dung nào không được đặt ra trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình?

**A.** Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất

**B.** Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại để ngăn chặn nguy cơ đó

**C.** Cần kích thích khoa học kĩ thuật phát triển nhưng không phải bằng con đường chạy đua vũ trang

**D.** Cần chạy đua vũ trang để chống lại chiến tranh hạt nhân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Cách lập luận nào của tác giả Mác-két khiến người đọc hiểu rõ nguy cơ khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân?

**A.** Xác định thời gian cụ thể **B.** Đưa ra số liệu đầu đạn hạt nhân

**C.** Đưa những tính toán lí thuyết **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Các lĩnh vực như ý tế, thực phẩm, giáo dục… được tác giả đưa ra trong bài viết nhằm mục đích gì?

**A.** Làm nổi bật sự tốn kém, tính phi lí của cuộc chạy đua vũ trang

**B.** Làm cho mọi người thấy chi cho những lĩnh vực này tốn kém

**C.** Làm cho mọi người thấy đây là những vấn đề mà các nước nghèo không thể cải thiện được

**D.** Thể hiện sự hiểu biết về các vấn đề thời sự nóng hổi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Đặc sắc nhất về nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn văn nói về các lĩnh vực y tế, thực phẩm, giáo dục… là gì?

**A.** Lập luận giải thích **B.** Lập luận chứng minh

**C.** Kết hợp giải thích và chứng minh **D.** Không có các thao tác trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Vì sao tác giả không nêu luận điểm “chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, đấu tranh vì một thế giới hòa bình” lên trước luận điểm “nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất”?

**A.** Vì tác giả muốn mọi người phải nhận thức được rõ nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất mới đề ra chiến lược hành động tích cực

**B.** Vì theo tác giả, cả hai luận điểm đều quan trọng, sắp xếp luận điểm thế nào cũng được

**C.** Vì tác giả coi luận điểm “chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, đấu tranh vì một thế giới hòa bình quan trọng hơn

**D.** Vì tác giả coi “nguy cơ chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn bộ sự sống trên trái đất” là luận điểm quan trọng hơn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Ý nào không phải là lí do mà tác giả đề nghị mở một nhà băng lưu giữ trí nhớ”?

**A.** Để nhân loại biết rằng sự sống tồn tại trên tất cả đau khổ và hạnh phúc

**B.** Để nhân loại tương lai biết rõ những thủ phạm gây ra những nối lo sợ, khổ đau cho con người

**C.** Để nhân loại tương lai lo sợ trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân

**D.** Để nhân loại tương lai biết rằng những phát minh dã man nào xóa bỏ cuộc sống khỏi vũ trụ này.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 13:** Nhận định chính xác nhất về nét đặc sắc nghệ thuật viết văn của Mắc két thể hiện trong văn bản Đấu tranh cho một thế giới hòa bình

**A.** Xác định hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng

**B.** Sử dụng phối hợp các phép lập luận khác nhau

**C.** Có nhiều chứng cứ sinh động, cụ thể, giàu sức thuyết phục

**D.** Kết hợp các nhận định trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Ngoài ra còn có các yếu tố nào, đặc sắc về mặt nghệ thuật nào giúp tăng thêm sức thuyết phục cho bài viết?

**A.** Sự hiểu biết sâu sắc của tác giả về vấn đề được đem ra bàn bạc

**B.** Giọng văn truyền cảm, thể hiện lòng nhiệt tình của người viết

**C.** Cách đặt vấn đề thông minh, sắc sảo

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

**I. Kiến thức cần nhớ**

Để thuyết minh cho cụ thể, sinh động, hấp dẫn, bài thuyết minh có thể kết hợp với các yếu tố miêu tả

Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Tìm các câu văn miêu tả trong đoạn văn thuyết minh dưới đây:

Trên các miền hoa trái nước ta, có bốn loại bưởi nổi tiếng, bưởi Đoan Hùng ở Phú Thọ, bưởi đỏ Mê Linh ở Vĩnh Phúc, bưởi Long Thành ở Đồng Nai và bưởi Phúc Trạch ở Hà Tĩnh. Người sành nhìn hình dáng quả bưởi đã có thể biết được vùng bưởi nào. Nếu đúng là bưởi Phúc Trạch thì quả không tròn , đỉnh quả không dô ra, dáng hơi dẹt, đầu cuống và đầu núm. Vỏ anh ánh màu vàng mịn, không bị rỗ. Nâng trên lòng bàn tay, vỏ thấm vào da một cảm giác mát mẻ và thoang thoảng hương thơm. Chỉ dùng ngón tay trỏ ấn nhẹ vào vỏ, xung quanh nơi ấn màu vỏ sáng lên và li ti hiện ra một lớp tinh dầu mơ hồ thoang thoảng mùi hương dịu nhẹ…

**Hướng dẫn trả lời**

Các câu văn miêu tả trong đoạn trích dưới:

- đúng là bưởi Phúc Trạch thì quả không tròn , đỉnh quả không dô ra, dáng hơi dẹt, đầu cuống và đầu núm

- Vỏ anh ánh màu vàng mịn, không bị rỗ

- Chỉ dùng ngón tay trỏ ấn nhẹ vào vỏ, xung quanh nơi ấn màu vỏ sáng lên và li ti hiện ra một lớp tinh dầu mơ hồ

Yếu tố miêu tả giúp bài văn giàu hình ảnh, gây được ấn tượng với người đọc.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Để thuyết minh cho sinh động, hấp dẫn, bài thuyết minh sử dụng yếu tố miêu tả nhằm?

**A.** Làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng

**B.** Bài văn trở nên hấp dẫn, sinh động

**C.** Đối tượng thuyết minh được sáng rõ hơn

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Cho đoạn văn sau:

Xuân Quỳnh tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, sinh 6/10/1942 quê ở thôn La Khê, xã Văn Khê, ngoại thị Hà Đông, tỉnh Hà Tây, lớn lên ở Hà Nội. Năm 1955, làm diễn viên múa trong đoàn văn công. Từ năm 1963, làm báo, biên tập viên nhà xuất bản, ủy viên Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam (khóa III) Xuân Quỳnh làm thơ từ lúc còn là diễn viên. Ngay từ những tác phẩm đầu tay, Xuân Quỳnh đã bộc lộ một tâm hồn thơ phong phú, hồn nhiên, tươi mới và sôi nổi khát vọng.

**A.** Miêu tả **B.** Thuyết minh

**C.** Tự sự **D.** Nghị luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Đoạn văn trên có sử dụng yếu tố miêu tả không?

**A.** Có **B.** Không

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Đoạn văn dưới đây là đoạn văn gì?

Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân…Mùa xuân dòng sống xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu canh hến của sông Gâm sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn mỗi độ thu về…

**A.** Tự sự **B.** Thuyết minh

**C.** Nghị luận **D.** Biểu cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Trong đoạn văn trên tác giả kết hợp phương thức biểu đạt gì?

**A.** Miêu tả và tự sự **B.** Thuyết minh và miêu tả

**C.** Tự sự và nghị luận **D.** Nghị luận và thuyết minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

Cho đoạn văn sau:

Tôi không biết có từ lúc nào, không rõ lắm, nhưng chắc chắn là từ rất xưa. Từ khi con người biết trồng bông dệt vải may áo, chắc là phải cần kim để khâu áo. Làm ra cây kim lúc đầu hẳn là rất khó khăn, cho nên giờ mới có câu tục ngữ Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Họ nhà Kim chúng tôi rất đông. Ngoài kim khâu vải may áo, còn có loại kim dùng để thêu thùa, có kim khâu dùng trong phẫu thuật, kim khâu giày, kim đóng sách sách… Công dụng của kim là đưa chỉ mềm luồn qua các vật dày, mỏng để kết chúng lại. Thiếu chúng tôi thì ngành sản xuất gặp nhiều khó khăn đấy! Nghe nói từ cuối thế kỉ XVIII, một người Anh đã sáng chế ra máy khâu, nhưng máy khâu vẫn cứ phải có kim thì mới khâu được!

Cùng họ Kim chúng tôi còn có cây kim châm cứu. Nó bé mà dài, làm bằng bạc, dùng để châm vào huyệt chữa bệnh. Những cây kim của ông Nguyễn Tài Thu đã nổi tiếng thế giới!

**Câu 6:** Đoạn văn vừa trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

**A.** Thuyết minh **B.** Nghị luận

**C.** Tự sự **D.** Miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Phương pháp thuyết minh nào được sử dụng trong đoạn trích?

**A.** Phương pháp nêu ví dụ **B.** Phương pháp so sánh

**C.** Phương pháp liệt kê **D.** Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Theo em, khi nào cần thuyết minh sự vật một cách hình tượng, bóng bẩy?

**A.** Khi thuyết minh các đặc điểm cụ thể, dễ thấy của đối tượng

**B.** Khi thuyết minh các đặc điểm trừu tượng, không dễ nhận thấy của đối tượng

**C.** Khi muốn cho văn bản thuyết minh được sinh động, hấp dẫn

**D.** Khi muốn trình bày rõ diễn biến của sự việc, sự kiện

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Đoạn văn sau sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Từ lâu, dừa sáp nổi là đặc sản nổi tiếng của huyện Cầu Kè. Theo những người cao niên trong làng thì dừa sáp được trồng vào giữa thế kỉ XX do sư cả chùa Chợ đến Cam-pu-chia mua về. Nhìn bề ngoài thì cây dừa sáp cũng giống cây dừa ta. Sở di dừa được gắn với tên dừa sáp là vì cơm của nó vừa mềm, vừa xốp lại dẻo như bột đã được nhào sệt, đồng thời lại có màu đùng đục của sáp. Đặc biệt cơm dừa chiếm gần trọn cả gáo.

Thời gian trước, người ta thưởng thức dừa bằng cách nạo cơm dừa rồi bỏ vào li đã có sẵn đá rồi sau đó cho sữa bò vào. Ngày nay, người ta bỏ cơm dừa vào máy xay sinh tố có chứa sữa đá ở trong đó. Vị lạnh của đá được xay nhuyễn làm cho vị thơm ngon của dừa trộn sữa toát ra hết rồi lan tỏa khắp miệng để lại sư vị tuyệt vời trên đầu lưỡi. Có lẽ nhờ hương vị tuyệt hảo của mỗi trái dừa sáp có giá cao gấp 10 lần dừa thường.

**A.** Tự sự và nghị luận **B.** Tự sự và miêu tả

**C.** Miêu tả và biểu cảm **D.** Thuyết minh và miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**

**Câu 10:** Đọc đoạn văn sau và cho biết biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn trên để thuyết minh?

Đi khắp Việt Nam nơi đâu ta cũng gặp những cây chuối thân mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng, tỏa ra vòm lá xanh mướt che rợp từ vườn tược đến núi rừng. Hầu như ở nông thôn, nhà nào cũng trồng chuối. Cây chuối rất ưa nước nên người ta thường trồng bên ao hồ để nhanh tươi tốt, còn bên những khe suối hay thung lũng, chuối mọc thành từng rừng bạt ngàn vô tận. Chuối phát triển rất nhanh, chuối mẹ đẻ chuối con, chuối phát triển rất nhanh, chuối mẹ đẻ chuối con, chuối con đẻ chuối cháu, cứ phải gọi là “con đàn cháu lũ”.

Những biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong đoạn văn trên để thuyết minh về cây chuối?

**A.** Liệt kê và so sánh **B.** Liệt kê và nhân hóa

**C.** Nhân hóa và so sánh **D.** Nói quá và hoán dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Đoạn văn sau đây được viết theo phương thức thuyết minh kết hợp với biện pháp nghệ thuật nhân hóa. Đúng hay sai?

Múa lân có từ lâu đời và rất thịnh hành ở các tỉnh phía nam. Múa lân diễn ra vài những ngày lễ Tết chúc năm mới an khang, thịnh vượng. Các đoàn lân có khi đông tới trăm người, họ là thành viên của một câu lạc bộ hay một lò võ trong vùng. Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân mình có các họa tiết đẹp. Múa lân rất sôi động với các động tác khỏe khoắn, bài bản: lân chào ra mắt, lân chúc phúc, leo cột… Bên cạnh đó có ông Địa vui ngộn chạy quanh. Thông thường múa lân còn kèm theo cả biểu diễn võ thuật.

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Đoạn văn trên được viết theo phương thức thuyết minh kết hợp với miêu tả, làm nổi bật hình ảnh của hoạt động múa lân trong dịp đầu năm mới

## Bài 3.

### *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác phẩm Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Văn bản “Tuyên bố thế giới về sự phát triển, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em” trích từ Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại Liên hợp quốc ngày 30-9-1990, in trong cuốn Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em.

**2. Bố cục**

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “những kinh nghiệm mới”): khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên Trái đất, kêu gọi nhân loại hãy quan tâm nhiều hơn đến điều này

- Đoạn 2 ( Sự thách thức): những thách thức cho sự phát triển của nhiều trẻ em trên thế giới

- Đoạn 3 ( Cơ hội): Những điều kiện thuận lợi để thế giới có thể đẩy mạnh việc quan tâm, chăm sóc trẻ em

- Đoạn 4 (Nhiệm vụ): Nhiệm vụ cụ thể từng quốc gia vè cả cộng đồng cần làm vì sự sống còn, quyền được bảo về và phát triển của trẻ em

**3. Giá trị nội dung**

    Văn bản phần nào cho ta thấy được thực trạng về cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay và tầm quan trọng của việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Văn bản được trình bày chặt chẽ khoa học và vô cùng hợp lí, toàn diện về các vấn đề được nêu ra

II. **Dàn ý:** phân tích Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em

**I. Mở bài**

- Giới thiệu những nét khái quát về tầm quan trọng của trẻ em trong sự phát triển của nhân loại: Trẻ em là thế hệ kế thừa những thành tựu và phát triển thế giới tốt đẹp mà con người đã gây dựng trong suốt bao thiên niên kỉ

- Nhận thức tầm quan trọng của trẻ em, Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em (trích trong Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em) của Liên hợp quốc đã đưa đến những vấn đề cấp thiết cho thế hệ những chủ nhân tương lai của đất nước

**II. Thân bài**

**1. Sự khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên Trái đất, kêu gọi nhân loại hãy quan tâm nhiều hơn đến điều này**

- Giới thiệu hoàn cảnh của lời kêu gọi, đây là một “lời kêu gọi khẩn thiết hướng tới toàn thể nhân loại” vì mục đích: hãy đảm bảo cho trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn”

- Nêu đặc điểm của trẻ em: “trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc”

- Khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của tất cả các trẻ em trên toàn thế giới: “phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển...”

        ⇒ Cách nêu vấn đề trực tiếp, rõ ràng

**2. Những thách thức cho sự phát triển của nhiều trẻ em trên thế giới**

- Phản ánh thực trạng của trẻ em trên toàn thế giới:

    + Trở thành những nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài

    + Phải sống trong thảm họa đói nghèo, khủng hoảng kinh tế

    + Tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, môi trường xuống cấp...

    + Rất nhiều trẻ em phải bỏ mạng mỗi ngày do suy dinh dưỡng và bệnh tật

**3. Những điều kiện thuận lợi để thế giới có thể đẩy mạnh việc quan tâm, chăm sóc trẻ em**

- Bên cạnh những khó khăn, tuyên bố cũng đưa ra những cơ hội cho việc chăm sóc, hướng tới sự phát triển của trẻ em:

    + Sự liên kết giứa các nước và “công ước về quyền trẻ em”đã tạo ra những quyền và phúc lợi mới cho trẻ em, chúng sẽ “được sự tôn trọng” ở khắp nơi trên thế giới

    + Bầu không khí chính trị quốc tế đang được cải thiện, cụ thể cuộc chiến tranh lạnh đã chấm dứt, sự hợp tác liên kết quốc tế được tăng cường, phong trào giả trừ quân bị được đẩy mạnh...

        ⇒ Tạo điều kiện cho một số tài nguyên to lớn có thể chuyển sang phục vụ các mục tiêu kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội

        ⇒ Có thể tạo ra nhiều hơn nữa những kết quả tốt đẹp cho sự phát triển của trẻ em

**4. Nhiệm vụ cụ thể từng quốc gia về cả cộng đồng cần làm vì sự sống còn, quyền được bảo về và phát triển của trẻ em**

- Tuyên bố đã đưa ra những nhiệm vụ cấp thiết cho cộng đồng quốc tế và từng quốc gia:

    + Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dường của trẻ em

    + Chăm sóc nhiều hơn đối với trẻ em bị tàn tật và có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn

    + Tăng cường vai trò phụ nữ và bình đẳng nam nữ

    + Bảo đảm sự phát triển giáo dục cho trẻ em

    + Bảo đảm an toàn cho phụ nữ mang thai

    + Tạo môi trường sống tốt đẹp cho trẻ em

    + Khôi phục sự phát triển kinh tế

        ⇒ Những nhiệm vụ mang tính cấp thiết này nếu được thực hiện sẽ ,ở ra một tương lai tốt đẹp hơn cho trẻ em trên toàn thế giới

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại tầm quan trọng của bản tuyên bố này đối với sự phát triển của trẻ em trên toàn thế giới

- Trình bày suy nghĩ bản thân và liên hệ thực tế đất nước

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Văn bản này được chia làm mấy phần?

**A.** 2 phần **B.** 3 phần

**C.** 4 phần **D.** 5 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Văn bản được chia làm 3 phần: sự cấp thiết của hành động bảo vệ trẻ, thách thức đặt ra, cơ hội nắm bắt, nhiệm vụ cụ thể.

**Câu 2:** Ở phần “Sự thách thức”, bản Tuyên bố nêu lên thực tế của trẻ em trên thế giới ra sao?

**A.** Bị trở thành nạn nhân chiến tranh, bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, chiếm đóng, thôn tính của nước ngoài

**B.** Chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp

**C.** Nhiều trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng, bệnh tật

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Ở phần “nhiệm vụ” bản tuyên bố nêu nhiều điểm mà quốc gia, cộng đồng quốc tế phải nỗ lực phối hợp hành động?

**A.** Tăng cường sức khỏe, chế độ dinh dưỡng cho trẻ em tàn tật và có hoàn cảnh khó khăn

**B.** Tăng cường vai trò của phụ nữ, đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ vì lợi ích của trẻ em toàn cầu

**C.** Để trẻ nhận thức được nguồn gốc, giá trị của bản thân trong môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Ở phần cơ hội, em nhận thấy có điều gì thuận lợi trong sự bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong bối cảnh hiện nay?

**A.** Sự liên kết về phương tiện, kiến thức giữa các quốc gia về công ước, quyền trẻ em

**B.** Sự hợp tác, đoàn kết quốc tế mở ra khả năng giải quyết vấn đề phát triển kinh tế

**C.** Ngăn chặn dịch bệnh, giải trừ quân bị, tăng cường phúc lợi trẻ em

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Qua bản Tuyên bố, cho thấy tầm quan trọng, tính cấp bách của nhiệm vụ toàn cầu, vì sự sống còn, quyền được bảo vệ, phát triển của trẻ em. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Nhận định nào nói đúng nhất về văn bản Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em ?

**A.** Là một văn bản biểu cảm **B.** Là một văn bản tự sự

**C.** Là một văn bản thuyết minh **D.** Là một văn bản nhật dụng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Việc nhắc lại nhiều lần từ “phải” và “được” trong đoạn văn trên có tác dụng gì?

**A.** Nhấn mạnh những việc người lớn cần làm cho trẻ em

**B.** Nhấn mạnh những quyền lợi mà trẻ em được hưởng

**C.** Nhấn mạnh những việc mà trẻ em cần làm

**D.** Nhấn mạnh những điều trẻ em cần tránh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 8:** Nhận định nói đúng về tình trạng trẻ em trên thế giới hiện nay?

**A.** Trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, sự phân biệt chủng tộc, xâm lược, chiếm đóng, và thôn tính của nước ngoài

**B.** Chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp

**C.** Có nhiều trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng, và bệnh tật

**D.** Kết hợp cả ba nội dung trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Nhận định nói đúng nhất những thuận lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em hiện nay được trình bày trong phần “cơ hội”?

**A.** Khoa học, kĩ thuật ngày càng phát triển

**B.** Nền kinh tế thế giới đã có sự tăng trưởng đáng kể

**C.** Sự kết hợp giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng

**D.** Cả ba ý kiến trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Để thực hiện được nhiệm vụ, bản tuyên bố đề cách thức hoạt động như thế nào?

**A.** Các nước phát triển sẽ chi viện tài chính cho các nước chưa phát triển để xóa đói giảm nghèo

**B.** Tất cả các nước phải nỗ lực liên tục và có sự phối hợp với nhau trong hoạt động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế

**C.** Tự bản thân mỗi quốc gia sẽ đề ra cách thức hoạt động của mình để bảo vệ và chăm sóc trẻ em

**D.** Các nước phát triển cần cắt giảm bớt chi phí cho lĩnh vực quân sự, xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 11:** Những nhiệm vụ được đặt ra trong bản tuyên bố này?

**A.** Cụ thể và toàn diện **B.** Không có tính khả thi

**C.** Chưa đầy đủ **D.** Không thực tế

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Những vấn đề bản tuyên bố đề ra trong bản tuyên bố trực tiếp liên quan đến bối cảnh thế giới vào thời điểm nào?

**A.** Những năm cuối thế kỉ XIX **B.** Những năm đầu thế kỉ XX

**C.** Những năm giữa thế kỉ XX **D.** Những năm cuối thế kỉ XX

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Văn bản này ra đời khi nhà văn Macket được dự hội nghị về việc kêu gọi chấm dứt chạy đưa vũ trang giữa nguyên thủ sáu nước.

Xưng hô trong hội thoại

**I. Kiến thức cần nhớ**

Tiếng Việt có một hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm

Người nói cần dựa vào tình huống giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng và mục đích giao tiếp để lựa chọn từ ngữ xưng hô thích hợp

Ví dụ: Cách xưng hô thể hiện sự ngang ngược của Dế Mèn (Dế Mèn và Dế Choắt bằng tuổi nhau)’

- Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với điệu bộ khinh khỉnh tôi mắng:

- Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.

Cách xưng hô thay đổi thể hiện sự hối lỗi của nhân vật Dế Mèn trước Dế Choắt.

- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Nêu tác dụng của việc thay đổi cách xưng hô dưới đây:

Bây giờ cụ mới lại gần hắn, khẽ lay và gọi:

- Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế ?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

- Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm: người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười.

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngoé đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Bài 2: Phân tích cách dùng từ ngữ xưng hô và thái độ của người nói trong câu chuyện sau:

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ: Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Bài 3: Nhận xét sự thay đổi cách xưng hô trong đoạn hội thoại sau (phân tích vị thế xã hội, thái độ, tính cách nhân vật qua cách xưng hô)

Chị Dậu vẫn tha thiết:

- Khốn nạn! Nhà cháu không có, dẫu ông chửi mắng cũng thế thôi! Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

…

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảu vào cạnh anh Dậu. Chị Dậu nghiến chặt hai hàm răng:

- Mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!

**Gợi ý:**

Bài 1:

Trong đoạn đối thoại giữa Chí Phèo và Bá Kiến:

- Bá Kiến xưng tôi gọi Chí Phèo là anh, thể hiện sự nhún nhường, có phần đề cao Chí điều này thể hiện nhân vật Bá Kiến là kẻ gian ngoan, hiểu được tâm lý người khác

- Nhân vật Chí Phèo xưng tao gọi Bá Kiến là mày, điều này thể hiện nhân vật Chí Phèo là kẻ liều lĩnh, cùng đường nên cư xử bất cần.

Bài 2:

Cách xưng hô: thầy con (nhân vật ông Hai) và cách xưng hô con- thầy (nhân vật đứa con Út) thể hiện mối quan hệ giữa hai nhân vật: quan hệ cha con.

   + Ông Hai trong lời tâm sự với đứa con đã giãi bày nỗi buồn, sự đau xót trước tin làng chợ Dầu theo giặc. Qua đó cũng thể hiện sự băn khoăn, trăn trở khi lựa chọn theo cách mạng, kháng chiến và từ bỏ làng.

- Ông Hai chỉ biết tìm niềm an ủi trong lời tâm sự với đứa con, nói với đứa con nhưng thực tâm là nói với chính mình.

Bài 3:

Đoạn trích là cuộc đối thoại giữa nhân vật chị Dậu và tên cai lệ

- Chị Dậu nhún nhường, e dè, sợ sệt xưng hô **nhà cháu- ông,** với mong muốn cai lệ thương cho tình cảnh nghèo khó mà tạm hoãn thời gian nộp sưu thuế

   + Tên cai lệ thể hiện sự hách dịch, trắng trợn và trịch thượng khi xưng hô **ông- mày,** điều này thể hiện bản chất xấu xa, tàn bạo của xã hội phong kiến nửa thực dân lúc bấy giờ

- Về sau, có sự thay đổi cách xưng hô và vị thế khi:

   + Chị Dậu xưng hô **tôi- ông** và đỉnh điểm là **bà – mày,** thể hiện sự phẫn nộ của chị Dậu trước hành động không có tính người của tên cai lệ. Khi “tức nước vỡ bờ” chị Dậu không ngần ngại đứng lên phản kháng (sự phản kháng mạnh mẽ có ý nghĩa kêu gọi những người nông dân cùng thời đứng lên đấu tranh.)

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Thế nào là xưng hô trong hội thoại?

**A.** Xưng hô trong hội thoại là sử dụng các đại từ, danh từ làm từ ngữ xưng hô

**B.** Tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xưng hô phong phú, tinh tế, giàu sắc thái biểu cảm

**C.** Xưng hô là tự xưng mình và gọi người khác khi nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau.

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Người nói cần căn cứ vào điều gì để lựa chọn từ ngữ xưng hô cho phù hợp?

**A.** Căn cứ vào hoàn cảnh giao tiếp **B.** Căn cứ vào đối tượng giao tiếp

**C.** Dựa vào mục đích giao tiếp **D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Khi xưng hô cần căn cứ vào hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng, mục đích, nội dung giao tiếp

**Câu 3:** Trong câu “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!” từ ngữ xưng hô thuộc từ loại gì?

**A.** Danh từ **B.** Phó từ

**C.** Động từ **D.** Tính từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Từ ngữ xưng hô ở đây: ông- mày, đều là những danh từ được sử dụng làm đại từ xưng hô

**Câu 4:** Dòng nào dưới đây không phải từ ngữ xưng hô trong hội thoại

**A.** Ông, bà, bố, mẹ, chú, bác, cô, dì, dượng, mợ

**B.** Chúng tôi, chúng ta, chúng em, chúng nó

**C.** Anh, chị, bạn, cậu, con người, chúng sinh

**D.** Thầy, con, em, cháu, tôi, ta, tín chủ, ngài, trẫm, khanh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Nhận định nào nói đúng nhất khi chung ta muốn lựa chọn từ ngữ xưng hô trong hội thoại?

**A.** Xem xét tính chất của tình huống giao tiếp

**B.** Xem xét mối quan hệ giữa người nói với người nghe

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Khi giao tiếp, muốn lựa chọn đúng từ ngữ giao tiếp cần dựa vào tính chất của tình huống giao tiếp, mối quan hệ giữa người nói với người nghe.

**Câu 6:** Trong câu “Chúng tôi tham dự Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em để cùng nhau cam kết và ra lời kêu gọi khẩn thiết với toàn thể nhân loại: Hãy đảm bảo cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn.

Từ “chúng tôi” trong câu trên được ai dùng?

**A.** Các nhà lãnh đạo cấp cao thế giới **B.** Tất cả trẻ em trên thế giới

**C.** Tất cả công dân trên thế giới **D.** Tất cả phụ nữ trên thế giới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

## Bài 4.

### *Chuyện người con gái Nam Xương*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Nguyễn Dữ - có sách phiên âm là Nguyễn Tự (chưa rõ năm sinh năm mất)

- Quê quán: Ông là người huyện Trường Tân, nay là Thanh Miện - Hải Dương

- Nguyễn Dữ sống vào nửa đầu thế kỉ XVI, là thời kì Triều đình nhà Lê bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền lực, gây ra những cuộc nội chiến kéo dài

- Sự nghiệp sáng tác: Ông học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi Thanh Hóa. Đó là cách phản kháng của nhiều tri thức tâm huyết đương thời

II. Đôi nét về tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    “Chuyện người con gái Nam Xương” thuộc tác phẩm Truyền kì mạn lục (ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền), được viết ở thế kỉ XVI. Chuyện người con gái Nam Xương có nguồn gốc từ truyện cổ dân gian “Vợ chàng Trương”, là thiên thứ 16 trong 20 truyện của Truyền kì mạn lục

**2. Tóm tắt**

    Vũ Nương tên thật là Vũ Thị Thiết, là cô gái thùy mị nết na, tư dung tốt đẹp, lấy Trương Sinh con nhà khá giả nhưng vô học, vũ phu. Cuộc sống vợ chồng chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải đi lính. Mẹ chồng nàng vì nhớ thương con mà bệnh nặng qua đời, một mình Vũ Nương gánh vác mọi thứ, tự sinh con một mình đặt tên là Đản. Để bù đắp cho con sự thiếu thốn tình cha, đêm đến Vũ Nương chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản. Khi Trương Sinh trở về nhất quyết bé Đản không chịu nhận cha và nói cha đản thường đến vào buổi tối. Lúc này Trương Sinh nghi ngờ vợ bèn mắng nhiết đánh đuổi nàng, Vũ Nương hết lời giải thích minh oan nhưng chành đều không tin, rồi nàng gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Ít lâu sau bé Đản chỉ bóng Trương Sinh trên tường và bảo đó là cha Đản thì Trương Sinh mới thấu nỗi oan của vợ. Cùng làng Trương Sinh có Phan Lang vì đã cứu thần rùa Linh Phi nên được trả ơn. Trong một bữa tiệc dưới thủy cung, Phan Lang nhận ra Vũ Nương. Nghe Phan Lang kể chuyện nhà, Vũ Nương nhớ chồng con da diết và xin nói với Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng, nàng sẽ trở về. Khi Trương Sinh lập đàn giải oan thì Vũ Nương có hiện lên nhưng chỉ nói vài câu rồi biến mất.

**3. Giá trị nội dung**

- Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam

- Niềm cảm thương cho số phận bi kịch của họ đòng thời lên án tố cáo các lễ giáo phong kiến vô nhân đạo, các hủ tục hà khắc trong chế độ phong kiến đương thời.

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Truyện viết bằng chữ Hán

- Kết hợp những yếu tố hiện thực và yếu tố kì ảo, hoang đường với cách kể chuyện , xây dựng nhân vật thành công

III. **Dàn ý:** phân tích Chuyện người con gái Nam Xương

**I. Mở bài**

- Giới thiệu một vài nét chủ yếu nhất về tác giả Nguyễn Dữ: Một tác giả học rộng tài cao nhưng bất đắc chí

- Giới thiệu về tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương: Là một trong hai mươi truyện ngắn của Truyền kì mạn lục

**II. Thân bài**

**1. Nhân vật Vũ Nương**

**a. Vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương**

- Vẻ đẹp trước khi lấy chồng: là một người con gái “tính đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp” ⇒ một vẻ đẹp chuẩn mực

- Trong cuộc sống vợ chồng:

    + Giữ gìn khuôn phép, không để vợ chồng thất hòa ⇒ Tạo dựng và giữ gìn hạnh phúc gia đình

- Khi tiển chồng đi lính:

    + Dặn dò cẩn thận, đầy tình nghĩa, thủy chung

    + Nàng không mong chồng khi trở về mang “ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ” mà chỉ mong chồng bình yên → ko màng danh lợi

- Khi xa chồng:

    + Đảm đang: Là người mẹ hiền, dâu thảo.

    + Là người vợ thuỷ chung yêu chồng tha thiết: hằng đêm vẫn chỉ vào bóng mình và bảo với con đó là cha nó để vơi đi nỗi nhớ chồng

    + Tận tình, chu đáo rất mực yêu thương con

    + Khi mẹ chồng mất, nàng lo ma chay chu tất

        ⇒ Là người phụ nữ có phẩm chất tốt đẹp tiêu biểu người phụ nữ

- Khi bị chồng vu oan:

    + Phân trần để chồng hiểu tấm lòng thủy chung của mình.

    + Nói lên nỗi đau đớn, thất vọng vì không hiểu.

    + Thất vọng tột cùng, nàng chọn cái chết để bày tỏ tấm lòng mình.

        ⇒ Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp, nết na, hiếu thảo, chung thủy, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình

**b. Số phận bi kịch của Vũ Nương**

- Nguyên nhân của nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương

    + Cuộc hôn nhân không bình đẳng, chiến tranh phi nghĩa

    + Tính Đa nghi của Trương Sinh

    + Lời nói ngây ngô của đứa trẻ con

- Ý nghĩa:

    + Tố cáo chiến tranh, xã hội phong kiến trọng quyền uy người đàn ông và kẻ giàu

    + Bày tỏ niềm cảm thương của tác giả với người phụ nữ

**2. Nhân vật Trương Sinh**

- Là người không có học thức

- Cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh có phần không bình đẳng

- Có tính đa nghi, trở về rất buồn vì mẹ mất.

- Cách xử sự của Trương Sinh khi nghe lời bé Đản nói thể hiện sự hồ đồ, độc đoán ⇒ chính sự ghen tuông mù quáng của Trương Sinh là một nguyên nhân dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương.

        ⇒ Tác giả phê phán sự ghen tuông mù quáng, bày tỏ sự cảm thông và ngợi ca người phụ nữ đức hạnh mà phải chịu nhiều đau khổ, bất hạnh.

**3. Những yếu tố kì ảo**

- Những yếu tố kì ảo trong tác phẩm:

    + Chuyện Phan Lang nằm mộng thả rùa

    + Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương dưới thủy cung

    + Vũ Nương hiện về giữa uy nghi

        ⇒ Là những yếu tố hoang đường nhưng vẫn rất thực và gần gũi

- Ý nghĩa:

    + Hoàn chỉnh nét đẹp của Vũ Nương

    + Kết thúc có hậu

    + Không giảm tính bi kịch của tác phẩm, mà tăng giá trị tố cáo và niềm thương cảm của tác giả đối với số phận bi thảm của người phụ nữ

**III. Kết bài**

- Khái quát những nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm: Cách dẫn dắt: khéo léo, tăng tính bi kịch, lời thoại và lời tự bạch khắc họa sâu thêm tính cách nhân vật, các yếu tố kì ảo, kết hợp tự sự với trữ tình...

- Đây là một tác phẩm mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Chuyện người con gái Nam Xương của tác giả nào?

**A.** Nguyễn Du **B.** Nguyễn Dữ

**C.** Nguyễn Trãi **D.** Nguyễn Khuyến

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Chuyện người con gái Nam Xương được trích từ tác phẩm nào?

**A.** Truyền kì mạn lục **B.** Truyện Kiều

**C.** Chinh phụ ngâm khúc **D.** Vũ trung tùy bút

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Truyện truyền kì là gì?

**A.** Những câu chuyện được kể giống như truyện truyền thuyết

**B.** Những câu chuyện có yếu tố hoang đường, kì ảo

**C.** Những câu chuyện kì lạ được ghi chép tản mạn, thường có yếu tố hoang đường kì ảo, nhân vật thường là người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc

**D.** Câu chuyện liên quan tới các nhân vật do trí tưởng tượng tạo nên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Nhân vật Vũ Nương được miêu tả là người như thế nào?

**A.** Tính tình thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp

**B.** Giữ gìn khuôn phép, không để lúc nào với chồng thất hòa

**C.** Không ham của cải vật chất

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Nhân vật Vũ Nương được xây dựng là người có tính cách dịu dàng, nết na, hết mực yêu thương chồng, dù chồng có tính đa nghi nhưng chưa khi nào vợ chồng bất hòa

**Câu 5:** Vũ Nương dỗ dành con trong lúc chồng vắng nhà bằng cách nào?

**A.** Mỗi tối chỉ vào bóng mình và nói đó là cha của đứa con

**B.** Hát ru cho con ngủ

**C.** Đưa con đi chơi ở khắp nơi

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Vũ Nương mỗi tối thường chỉ vào bóng của mình trên tường và nói đó là cha đứa con

**Câu 6:** Nguyên nhân dẫn đến cái chết của Vũ Nương?

**A.** Do lời nói ngây thơ của bé Đản

**B.** Do Trương Sinh tính tình nóng nảy, đa nghi

**C.** Do Vũ Nương không thể tự minh oan cho mình

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Trương Sinh là nhân vật như thế nào?

**A.** Sinh ra trong gia đình hào phú, nhưng lại không có học, cư xử hồ đồ, thô bạo

**B.** Tính tình đa nghi, ích kỉ, đối với vợ thường phòng ngừa quá sức

**C.** Nóng nảy, gia trưởng

**D.** Tất cả các đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Câu nào nêu đúng nhất cách cư xử của Vũ Nương trước tính hay ghen của chồng?

**A.** Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói.

**B.** Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết

**C.** Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa từng bén gót

**D.** Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương có những chi tiết nào hoang đường kì ảo?

**A.** Vũ Nương sống dưới thủy cung, trong động thần rùa Linh Phi

**B.** Phan Lang gặp được Vũ Nương dưới động Rùa

**C.** Vũ Nương trở về dương thế (hiện lên giữa dòng rồi biến mất)

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Các chi tiết hoang đường, kì ảo trong truyện góp phần làm cho chuyện trở nên huyền bí hơn

**Câu 10:** Kết thúc tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương là kết thúc có hậu, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Cái chết oan ức của Vũ Nương dù được hóa giải (Vũ Nương được chồng lập đàn giải oan) sự tưởng tưởng của tác giả nhưng câu chuyện này vẫn là kết cục không có hậu

**Câu 11:** Tác phẩm có giá trị tố cáo xã hội phong kiến bất công trọng nam khinh nữ, chiến tranh phi nghĩa ngăn cản hạnh phúc của con người. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Câu văn “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được” mang ý nghĩa gì?

**A.** Nói lên sự thấm thoát của thời gian

**B.** Miêu tả cảnh thiên nhiên trong nhiều thời điểm khác nhau

**C.** Nỗi buồn nhớ của Vũ Nương trải theo năm tháng

**D.** Cho thấy Trương Sinh phải đi chinh chiến ở một nơi rất xa xôi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Câu văn diễn tả nỗi buồn thương, nhớ mong của Vũ Nương khi chồng ra trận

**Câu 13:** Câu nào trong lời trăn trối của bà mẹ nói lên sự ghi nhận nhân cách và công lao của Vũ Nương đối với gia đình nhà chồng?

**A.** Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về mà không gắng ăn miếng cơm cháo đặng cùng vui sum họp

**B.** Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con

**C.** Chồng con nơi xa xôi chưa biết thế nào không về đền ơn được

**D.** Sau này, trời xét lòng lành, ban phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Từ “xanh” trong câu “Xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ” dùng để chỉ cái gì?

**A.** Mặt đất **B.** Mặt trăng

**C.** Ông trời **D.** Thiên nhiên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 15:** Nhận định nào nói đúng và đầy đủ ý nghĩa của chi tiết Vũ Nương gieo mình xuống sông tự vẫn?

**A.** Phản ánh chân thực cuộc sống đầy oan khuất và khổ đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

**B.** Bày tỏ niềm thương cảm của tác giả trước số phận mỏng manh và bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

**C.** Tố cáo xã hội phụ quyền phong kiến chà đạp lên quyền sống của con người, nhất là người phụ nữ

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

**I. Kiến thức cơ bản**

1. Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật, người, được, lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép

2. Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho thích hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép

VD:

- Lời dẫn gián tiếp: Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa nói với ông họa sĩ anh và công việc là đôi.

- Lời dẫn trực tiếp:

Trong truyện Lặng lẽ Sa Pa nhân vật anh thanh niên khi nói về công việc với ông họa sĩ: “Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được?”

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1:

Tìm lời dẫn cho những đoạn trích sau, cho biết đó là lời nói hay ý nghĩa được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

a, Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Cô kĩ sư chỉ “ô” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường cách dài xa Hà Nội…

b, Anh Nhuận Thổ nói:

- Lạy cụ ạ! Thư cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em thế cơ mà? Cứ goi là anh Tấn như trước thôi!

Bài 2: Hãy chuyển đoạn trích sau trở thành lời dẫn gián tiếp:

a, Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên đây cải chính, ông ấy cho biết… cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn sai sự mục đích cả.

b, Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, mà cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu gọi một tiếng “ba” không được sao?

**Gợi ý:**

Bài 1:

a, Lời dẫn gián tiếp.

Tác giả dẫn ra suy nghĩ, lời nói của nhân vật

b, Lời dẫn trực tiếp

Các nhân vật tự thể hiện lời nói, suy nghĩ của mình.

Bài 2: Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp

a, Ông Hai chưa đến bực cửa đã bô bô nói với bác Thứ rằng ông chủ tịch làng chợ Dầu mới lên cải chính tin đồn làng ông theo giặc.

b, Tôi dọa nó nếu để cơm nhão thế nào cũng bị đánh đòn, và nhắc nó gọi “ba” giúp đỡ.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Cách dẫn trực tiếp là gì?

**A.** Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép

**B.** Thuật lại lời hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp, lời dẫn gián tiếp

**C.** Trích dẫn lời nhân vật theo ý của mình

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Cách dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói, ý nghĩ của người, nhân vật, điều chỉnh cho phù hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Lời trao đổi của nhân vật trong tác phẩm văn học (nhất là văn xuôi) thường được dẫn bằng cách nào?

**A.** Gián tiếp **B.** Trực tiếp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Nhận định nào nói đầy đủ nhất dấu hiệu nhận ra lời nói của nhân vật được dẫn ra trong tác phẩm văn xuôi?

**A.** Thường được viết tách ra như kiểu viết đoạn văn

**B.** Có thêm dấu gạch ngang ở đầu lời nói

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

### Sự phát triển của từ vựng

**I. Kiến thức cơ bản**

1. Cùng với sự phát triển của từ vựng của ngôn ngữ cũng không ngừng phát triển, dựa trên cơ sở nghĩa gốc của chúng. Phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ:

- Phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ

2. Tạo từ ngữ mới để làm cho vốn từ ngữ tăng lên cũng là một cách để phát triển từ vựng tiếng Việt

3. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là một cách để phát triển từ vựng, tiếng Việt mượn chủ yếu từ tiếng Hán.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Cho hai câu thơ sau:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

Từ mặt trời thứ hai được sử dụng theo phép tu từ từ vựng nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Bài 2: Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các ví dụ dưới đây:

a, Bên sườn núi những khóm hoa dại thi nhau đua nở.

b, Cú hích vào mạng sườn khiến nó đau điếng, ngã lăn xuống.

c, Bộ tổng chỉ huy ra lệnh tấn công vào khu sườn địch.

Bài 3: Tìm từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Dập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm

**Gợi ý:**

Bài 1: Từ mặt trời thứ hai để chỉ người con- nguồn sống, ánh sáng của cuộc đời người mẹ

Đây không phải trường hợp từ nhiều nghĩa, bởi vì, nghĩa của từ “mặt trời” được tác giả Nguyễn Khoa Điềm sáng tạo ra, không mang tính phổ quát cho cả cộng đồng.

Từ “mặt trời” trong ví dụ trên là minh chứng cho biện pháp tu từ ẩn dụ

Bài 2:

a, Từ **sườn núi** là từ mang nghĩa chuyển (phương thức ẩn dụ)

b, Từ **mạng sườn** là từ mang nghĩa gốc ( chỉ bộ phận trên cơ thể con người, các chiếc xương bao quanh lồng ngực tới vùng ức.)

c, Từ sườn địch là từ mang nghĩa chuyển

Bài 3:

Trong đoạn trích bài Cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) sử dụng các từ Hán Việt:

- Từ yến anh (chỉ sự tự do, phóng túng)

- Bộ hành (đi bộ)

- Tài tử giai nhân (trai tài, gái sắc)

### Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự

**I. Kiến thức cần nhớ**

Tóm tắt văn bản tự sự là cách làm cho người đọc, người nghe nắm được nội dung của văn bản đó

- Văn bản tím tắt phải nêu được một cách ngắn gọn nhân vật, sự việc chính, phù hợp với văn bản tóm tắt

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Tóm tắt lại văn bản Lão Hạc

Bài 2: Nêu những điều cần lưu ý khi tóm tắt văn bản

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1: Tóm tắt văn bản Lão Hạc

Lão Hạc là người nông dân nghèo, hiền lành. Lão sống cùng với cậu Vàng, kỉ vật của con trai lão để lại khi nó đi đồn điền cao su. Sau một trận ốm lão trở nên kiệt quệ, túng quẫn, không đủ sức nuôi bản thân nên quyết định bán cậu Vàng và gửi tiền, nhà cửa cho ông giáo giữ hộ rồi xin bả chó của Binh Tư để tự tử. Không ai hiểu được nguyên nhân cái chết của lão Hạc, chỉ có Binh Tư và ông giáo hiểu.

Bài 2:

Những điều cần lưu ý khi tóm tắt văn bản

- Diễn đạt mạch lạc, rõ ràng, không dài dòng

- Tôn trọng tính nội dung nguyên bản của tác phẩm

- Không bình luận, không tự thêm thắt các chi tiết vào truyện

## Bài 5.

### *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) - tên chữ là Tùng - Niên hoặc Bỉnh Trực, hiệu là Đông Dã Tiểu, tục gọi là Chiêu Hổ

- Quê quán: Ông là người làng Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương)

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Ông sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư. Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn, nhà vua mời ông ra làm quan, dù ông đã mấy lần từ chức nhưng vẫn bị mời ra.

    + Một số tác phẩm nổi tiếng: Ông để lại nhiều văn thơ viết bằng chữ Hán có giá trị lịch sử như “Vũ trung tùy bút” và “Tang thương ngũ lục”

II. Đôi nét về tác phẩm Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Đoạn trích nằm trong tác phẩm Vũ trung tùy bút, viết khoảng đầu đời Nguyễn (đầu thế kỉ XIX), là tác phẩm văn xuôi ghi lại một cách sinh động, hấp dẫn hiện thực đen tối của lịch sử nước ta, vừa là tài liệu quý giá về sử học, địa lí, xã hội học

**2. Bố cục (2 đoạn)**

- Đoạn 1 (Từ đầu đến “triệu bất tường”): Cuộc sống sa hoa, hưởng lạc của chúa Trịnh Sâm

- Đoạn 2 (Đoạn còn lại): Sự nhũng nhiễu của bọn quan lại dưới quyền

**3. Giá trị nội dung**

    “Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh” phản ánh đời sống sa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê- Trịnh, đưa đến một góc nhìn chân thực, phơi bày thực trạng đen tối của xã hội Việt Nam dưới thời vua Lê – chúa Trịnh

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Phạm Đình Hổ thành công ở thể loại tùy bút, sự ghi chép rất chân thực, sinh động mà lại giàu chất trữ tình. Cùng với đó là các chi tiết miêu tả chọn lọc kĩ càng, đắt giá, giàu sức thuyết phục, tả cảnh đẹp vô cùng tỉ mỉ nhưng lại nhuốm màu u ám, mang tính dự báo. Giọng điệu gần như khách quan nhưng cũng rất khéo léo thể hiện thái độ đó là sự lên án bọn vua quan qua thủ pháp liệt kê.

III. **Dàn ý:** phân tích Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

**I. Mở bài**

- Giới thiệu những nét cơ bản nhất về tác giả Phạm Đình Hổ và tác phẩm Vũ trung tùy bút: Một tác giả mang cốt cách thanh cao của kẻ sĩ Bắc Hà lo cho dân, cho nước. Vũ trung tùy bút là tác phẩm đặc sắc tiêu biểu của ông với bút pháp nghệ thuật tinh tế

- Vài nét về đoạn trích “Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”: phản ánh đời sống sa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê- Trịnh, đưa đến một góc nhìn chân thực về sự đen tối của xã hội Việt Nam thời bấy giờ

**II. Thân bài**

**1. Thói ăn chơi hưởng lạc sa hoa, vô độ của chúa Trịnh Sâm**

- Sự xa hoa trong cuộc sống của chúa Trịnh Sâm đã được ghi chép lại chân thực, tỉ mỉ:

    + Chúa cho xây dựng nhiều cung điện, đền đài chỉ để thỏa mong muốn “thích chơi đèn đuốc”

    + Việc xây dựng đền đài vì mục đích cá nhân này đã làm cho nhân dân hao tiền tốn của

    + Chúa thường xuyên tổ chức các cuộc dạo chơi Tây Hồ ba bốn lần một tháng, mỗi cuộc dạo chơi lại huy động rất nhiều người hầu hạ cùng những trò giải trí lố lăng, tốn kém

    + Việc tìm thu vật “phụng thủ” chính là cướp đoạt những vật quý giá trong thiên hạ. Việc tập trung miêu tả việc đưa một cây đa cổ thụ về ừ bên kia sông, cần tới cơ binh hàng trăm người ⇒ sự kì công, cũng cho thấy sự sa hoa tốn kém

        ⇒ Thói ghi chép tỉ mỉ, chân thực, khách quan, không đưa thêm bất cứ một lời bình luận nào nhưng cũng đủ để cho thấy sự xa xỉ ăn chơi, không màng đến quốc gia đại sự của một người nắm binh quyền ⇒ Sự dự báo trước sụp đổ, suy vong là điều không tránh khỏi đối với một triều đại chỉ ăn chơi hưởng lạc

**2. Sự nhũng nhiễu của bọn quan lại dưới quyền**

- Sự sa hoa hưởng lạc của người đứng đầu đưa đến thói nhũng nhiễu của quan lại dưới trướng:

    + Bọn hoạn quan được sủng ái vì giúp vua trong những trò chơi sa hoa nên ỷ thế hoành hành, tác oai tác quái

    + Chúng tìm thu vật “phụng thủ” mà thực ra chính là vừa ăn cướp, vừa la làng ⇒ người dân bị cướp đến hai lần, hoặc phải tự hủy bỏ những sản vật quý giá của mình, mà chúng thì lại vừa vơ vét làm của riêng lại vừa được tiếng mẫn cán

    + Phạm Đình Hổ kể câu chuyện từ chính gia đình mình khi bà mẹ ông phải sai chặt đi một cây kê và hai cây lựu quý chỉ vì muốn tránh tai họa ⇒ Càng tăng sức thuyết phục cho sự chân thực của những ghi chép

        ⇒ Qua cách ghi chép, tác giả đã kín đáo bộc lộ thái độ bất bình, phê phán của tác giar

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét nghệ thuật tiêu biểu làm nên thành công nội dung của đoạn trích: Cách ghi chép hết sức tỉ mỉ, chân thực, ngòi bút Phạm Đình Hổ là một ngòi bút trầm tĩnh mà sâu sắc,...

- Tác phẩm không chỉ mang giá trị văn chương mà còn mang giá trị lịch sử đáng ghi nhận

- Mở rộng trình bày suy nghĩ bản thân về những nội dung phản ánh trong đoạn trích

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Ai là tác giả của chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh?

**A.** Phạm Đình Hổ **B.** Nguyễn Dữ

**C.** Ngô gia văn phái **D.** Nguyễn Du

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh thuộc thể loại nào?

**A.** Truyện truyền kì **B.** Truyện truyền thuyết

**C.** Tùy bút **D.** Truyện cổ tích

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh là truyện viết theo thể vũ trung tùy bút

**Câu 3:** Thói ăn chơi của chúa Trịnh được miêu tả thông qua chi tiết nào?

**A.** Xây dựng đình đài, cung điện, thú vui ngao du vô độ

**B.** Cách bài trí phủ chúa không thiếu gì những thứ bên ngoài

**C.** Việc thu sản vật quý, thứ quý bày vẽ trang trí trong phủ gây nhiều tốn kém, phiền nhiễu

**D.** Tất cả các ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Lời văn ghi chép của tác giả như thế nào?

**A.** Kín đáo bộc lộ thái độ chủ quan của mình trước việc ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh

**B.** Bộc lộ trực tiếp thái độ phê phán, không bằng lòng với sự ăn chơi hưởng lạc của chúa Trịnh

**C.** Trung lập, không tỏ thái độ gì trước sự ăn chơi sa hoa của chúa Trịnh

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Bọn hầu cận trong phủ chúa làm càn, tác oai tác quái trong dân chúng thế nào?

**A.** Thủ đoạn vừa ăn cắp vừa la làng

**B.** Ngang nhiên, trắng trợn cướp bóc của dân chúng

**C.** Nửa đêm đem quân lính lấy phăng đồ đi rồi vu họa tội giấu vật cung phụng

**D.** Tất cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Bà cung nhân của tác giả sai người chặt cây gì?

**A.** Cây xoài, cây mận **B.** Cây lê, cây lựu

**C.** Cây liễu, cây lựu **D.** 2 cây hoa huệ trắng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Hiện thực thời vua Lê chúa Trịnh được khắc họa qua bài như thế nào?

**A.** Thối nát, mục ruỗng, đầy những giả dối, bất công

**B.** Thời đại rực rỡ, huy hoàng, người dân sống êm ấm

**C.** Quan lại lo hưởng thụ, cướp bóc, dân chúng đói khổ, cơ cực

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Thể loại tác giả sử dụng trong Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh có đặc điểm gì nổi bật?

**A.** Người viết ghi chép tùy hứng, tản mạn, không cần hệ thống, kết cấu

**B.** Người viết tuân thủ chặt chẽ các quy tắc về hệ thống, kết cấu tác phẩm

**C.** Người viết tha hồ tưởng tượng và hư cấu

**D.** Người viết tuyệt đối trung thành với hiện thực đời sống

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Cụm từ “triệu bất thường” trong câu văn trên có ý nghĩa gì?

**A.** Dấu hiệu không lành, điềm gở **B.** Không biết gì

**C.** Điềm lành, tin vui **D.** Sự biến đổi của tự nhiên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Nhận định đúng nhất về nghệ thuật thể hiện thói ăn chơi xa xỉ, vô độ của chúa Trịnh?

**A.** đưa ra các sự việc cụ thể khách quan

**B.** Sử dụng các biện pháp liệt kê và miêu tả tỉ mỉ một số sự kiện tiêu biểu

**C.** Không xen tới lời bình của tác giả

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### *Hoàng Lê nhất thống chí*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Ngô Gia Văn Phái: một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì, trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du

- Quê quán: làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây

- Ngô Thì Chí (1753-1788) làm quan dưới thời vua Lê Chiêu Thống

- Ngô Thì Du (1772-1840) là tác giả làm quan dưới thời nhà Nguyễn

II. Đôi nét về tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Hoàng Lê nhất thống chí là một tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Tác phẩm không chỉ dừng lại ở sự thống nhất của vương triều nhà Lê mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỉ 18 và mấy năm đầu thế kỉ 19. Cuốn tiểu thuyết bao gồm 17 hồi

- Đoạn trích trong SGK là hồi thứ 14 của cuốn tiểu thuyết này

**2. Bố cục: 3 đoạn**

- Đoạn 1: (Từ đầu đến “hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp): Được tin báo quân Thanh chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế thân chinh cầm quân dẹp giặc

- Đoạn 2: (“Vua Quang Trung tự mình dốc suất đại binh… vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long rồi kéo vào thành”): Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung

- Đoạn 3: (Từ “Lại nói Tôn Sĩ Nghị và vua Lê… cũng lấy làm xấu hổ”): Sự đại bại của tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống

**3. Giá trị nội dung**

    Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Tác phẩm nổi bật là một tiểu thuyết chương hồi viết bằng chữ Hán với cách kể chuyện nhanh gọn, chọn lọc sự kiện, khắc họa nhân vật chủ yếu qua hành động, lời nói, kể chuyện xen miêu tả sinh động và cụ thể, gây ấn tượng mạnh

III. **Dàn ý:** phân tích Hoàng Lê nhất thống chí

**I. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát những nét tiêu biểu nhất về nhóm tác giả Ngô gia văn phái: Đây là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì

- Giới thiệu về tiểu thuyết chương hồi Hoàng Lê nhất thống chí và đoạn trích: Đây là một tiểu thuyết khắc họa chân thực, đầy đủ những biến động xã hội trong một thời kì lịch sử của đất nước, đoạn trích hồi thứ 14 đã đưa đến những khắc họa đặc sắc về hình tượng vua Quang Trung cùng sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh cùng số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

**II. Thân bài**

**1. Hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung**

**a. Một người hành động mạnh mẽ, quyết đoán**

- Nghe tin giặc chiếm Thăng Long mà không hề nao núng, đích thân cầm quân đi ngay

- Trong vòng hơn tháng, làm được rất nhiều việc lớn: “tế cáo trời đất”, lên ngôi và thân chinh cầm quân ra Bắc

**b. Một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén**

- Trí tuệ sáng suốt và nhạy bén trong việc nhận định tình hình địch và ta

    + Quang Trung đã vạch rõ âm mưu và tội ác của kẻ thù xâm lược đối với nước ta: “mấy phen cướp bọc nước ta, giết dân ta, vơ vét của cải”...

    + Khích lệ tinh thần tướng sĩ dưới trướng bằng những tấm gương dũng cảm

    + Dự kiến được một số người Phù Lê có thể thay lòng đổi dạ nên có lời dụ với quân lính vừa chí tình vừa nghiêm khắc

- Trí tuệ sáng suốt và nhạy bén trong xét đoán bề tôi:

    + Trong dịp hội quân ở Tam Điệp ta thấy Quang Trung nhận định tình hình sáng suốt để đưa ra lời ngợi khen cho Sở và Lân

    + Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao sự “đa mưu túc trí”

        ⇒ Dùng người sáng suốt

**c. Một con người có tầm nhìn xa trông rộng và tài thao lược hơn người**

- Tầm nhìn xa trông rộng:

    + Mới khởi binh những đã khẳng định “phương lược tiến đánh đã tính sẵn”

    + Đang ngồi trên lưng ngựa mà đã nói với Nhậm về quyết sánh ngọa giao và kế hoạch 10 năm tới ta hòa bình

- Tài thao lược hơn người thể hiện ở cuộc hành quân thành tốc mà đội quân vẫn chỉnh tề

**2. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh**

- Hình ảnh Tôn Sĩ Nghị kiêu căng, tự mãn, chủ quan, kéo quân vào Thăng Long mà không đề phòng gì ⇒ Tướng bất tài

- Khi quân Tây Sơn đánh vào, “tướng sợ mất mật”, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp...chuồn trước qua cầu phao”

- Quân sĩ xâm lược lúc lâm trận thì sợ hãi, xin ra hàng hoặc bỏ chạy toán loạn, giày xéo lên nhau mà chết....

        ⇒ Kể xen lẫn tả thực cụ thể, sống động, ngòi bút miêu tả khách quan

**3. Số phận thảm bại của bọn vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân**

- Khi có biến, Lê Chiêu Thống vội vã “chạy bán sống bán chết”, cướp cả thuyền dân để qua sông, luôn mấy ngày không ăn, may có người thương tình đón về cho ăn và chỉ đường cho chạy trốn

- Đổi kịp Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ còn biết nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt

- Sang Trung Quốc, vua phải cạo đầu, tết tóc, ăn mặc giống người Mãn Thanh và cuối cùng gửi gắm xương tàn nơi đất khách

        ⇒ Số phận tất yếu cho một người đứng đầu đất nước nhưng lại bán nước hại dân

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công về nội dung của tiểu thuyết chương hồi: Cách kể chuyện chân thực, sinh động, khắc họa nhân vật rõ nét...

- Liên hệ trình bày suy nghĩ bản thân về hình tượng Nguyễn Huệ, chân dung kẻ thù và vua quan Lê Chiêu Thống, từ đó đưa ra bài học nhận thức, hành động

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Văn bản do ai sáng tác

**A.** Ngô gia văn phái **B.** Ngô Thì Nhậm

**C.** Nguyễn Thiếp **D.** Ngô Văn Sở

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Đoạn trích Hoàng Lê nhất thống chí thuộc hồi thứ bao nhiêu?

**A.** Hồi thứ 12 **B.** Hồi thứ 14

**C.** Hồi thứ 16 **D.** Hồi thứ 17

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Cuộc chiến của vua Quang Trung trước giặc nào của Trung Quốc?

**A.** GiặcThanh **B.** Giặc Minh

**C.** Giặc Ngô **D.** Giặc Hán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Tác phẩm được viết bằng chữ Hán ghi chép lại sự thống nhất của vương triều nhà Lê thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Nguyễn Huệ lên ngôi và đốc xuất đại quân vào khoảng thời gian nào?

**A.** Ngày 25 tháng Chạp **B.** Ngày 29 tháng Chạp

**C.** Ngày 30 tháng Chạp **D.** Mồng 3 tháng Giêng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Vua Quang Trung lên ngôi và hạ lệnh xuất quân vào ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân

**Câu 6:** Vua Quang Trung mở tiệc khao quân vào ngày 30 tháng chạp nhằm mục đích gì?

**A.** Cổ vũ động viên tinh thần quân sĩ

**B.** Để quân sĩ có thời gian nghỉ ngơi trước khi ra trận

**C.** Củng cố tinh thần quân sĩ, thể hiện niềm tin chiến thắng

**D.** Tất cả các đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Tên tướng giặc nào phải thắt cổ tự vẫn?

**A.** Sầm Nghi Đống **B.** Tôn Sĩ Nghị

**C.** Thoát Hoan **D.** Tô Định

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 8:** Thái độ của vua tôi Lê Chiêu Thống khi giặc Thanh bị tiêu giệt?

**A.** Vua tôi Lê Chiêu Thống xin cầu hòa trước vua Quang Trung

**B.** Vua tôi Lê Chiêu Thống chịu trận trước quân Tây Sơn

**C.** Vua tôi Lê Chiêu Thống chạy trốn

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Hoàng Lê nhất thống chí xây dựng hình ảnh vua Quang Trung như thế nào?

**A.** Hành động mạnh mẽ, quyết đoán

**B.** Trí tuệ sáng suốt, mẫn cán, điều binh khiển tướng tài tình

**C.** Tài thao lược, lãnh đạo tài tình, phi thường

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Hình ảnh quân tướng nhà Thanh thua trận được miêu tả như thế nào?

**A.** Chân thực, sinh động

**B.** Quân tướng nhà Thanh thảm bại, hèn nhát

**C.** Quân tướng nhà Thanh bỏ chạy bán sống, bán chết

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 11:** Ý nói đúng nhất nội dung của Hồi thứ mười bốn (trích Hoàng Lê nhất thống chí) là gì?

**A.** Ca ngợi hình tượng người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ

**B.** Nói lên sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh

**C.** Nói lên số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 12:** Nhận định nói đúng nhất những biểu hiện trí tuệ sáng suốt và nhạy bén của Nguyễn Huệ?

**A.** Phân tích tình hình thời cuộc **B.** Phân tích tương quan lực lượng giữa ta và địch

**C.** Xét đoán người và dùng người **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của những đoạn văn tả cảnh vua Quang Trung ra trận?

**A.** Ghi lại sự kiện lịch sử, diễn biến một cách gấp gáp, khẩn trương qua từng mốc thời gian

**B.** Miêu tả cụ thể những hành động của nhân vật chính trong từng trận đánh

**C.** Nói lên tương quan đối lập giữa quân ta và quân địch

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Tại sao tác giả trung thành với nhà Lê nhưng viết chân thực về Quang Trung- “kẻ thù” của họ?

**A.** Vì họ tôn trọng lịch sử **B.** Vì ý thức dân tộc

**C.** Vì họ luôn ủng hộ kẻ mạnh **D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 15:** Trong những đoạn văn nói về cảnh bỏ chạy khốn cùng của vua Lê Chiêu Thống, tác giả vẫn gửi gắm cảm xúc trong đó, theo em, cảm xúc đó là gì?

**A.** Sự căm phẫn **B.** Sự bênh vực

**C.** Lòng thương cảm **D.** Sự tiếc nuối

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Trắc nghiệm: Sự phát triển của từ vựng (tiếp theo)

**Câu 1:** Cách phát triển từ vựng mà em biết là gì?

**A.** Phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng

**B.** Mượn từ của tiếng nước ngoài

**C.** Tạo ra từ ngữ mới

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Trong câu thơ “Ngày xuân em hãy còn dài/ Xót tình máu mủ thay lời nước non” từ xuân được sử dụng với nghĩa nào?

**A.** Nghĩa gốc chỉ mùa xuân **B.** Nghĩa chuyển chỉ tuổi trẻ

**C.** Nghĩa Hán Việt vì đây là từ mượn **D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Câu thơ “Buồn trông nội cỏ rầu rầu/ Chân mây mặt đất một màu xanh xanh” từ nào được sử dụng với nghĩa chuyển?

**A.** Buồn trông **B.** Chân mây

**C.** Nội cỏ **D.** Rầu rầu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Mô hình “thế giới+ X” trong đó X là các danh từ như ví, quần áo, điện thoại, laptop… có phải là từ ngữ mới không?

**A.** Có **B.** Không

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Từ “tài tử” là từ mượn tiếng nước nào?

**A.** Hán **B.** Anh

**C.** Đức **D.** Ấn Độ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Nhận định nào nói đầy đủ nhất các hình thức phát triển từ vựng tiếng Việt?

**A.** Tạo từ ngữ mới

**B.** Mượn từ ngữ tiếng nước ngoài

**C.** Thay đổi hoàn toàn cấu tạo và ý nghĩa của các từ cổ

**D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Thế nào là cách tạo từ mới?

**A.** Chủ yếu là dùng các tiếng có sẵn ghép lại với nhau

**B.** Đưa vào từ ngữ có sẵn nhiều lớp nghĩa hoàn toàn mới

**C.** Chuyển lớp nghĩa ban đầu của từ này sang một lớp nghĩa mới

**D.** Kết hợp cả B và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Trong tiếng Việt, chúng ta sử dụng mượn ngôn ngữ của nước nào nhiều nhất?

**A.** Tiếng Hán **B.** Tiếng Anh

**C.** Tiếng Đức **D.** Tiếng Pháp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

## Bài 6.

### *Tác giả Nguyễn Du, đôi nét về tác phẩm Truyện Kiều*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả Nguyễn Du

**1. Gia đình**

- Nguyễn Du ( 1765-1820), tên tự là Tố Như, hiêụ Thanh Hiên.

- Ông sinh ra trong một gia đình quan lại có truyền thống khoa bảng.

- Quê quán:

    + Quê cha: Tiên Điền, Hà Tĩnh ⇒ vùng đất sản sinh nhiều anh kiệt

    + Quê mẹ: Từ Sơn, Bắc Ninh ⇒ cái nôi dân ca Quan họ Đây là hai vùng đất giàu truyền thống văn hóa.

        ⇒ Giúp Nguyễn Du có điều kiện tiếp xúc với nhiều vùng văn hóa, dùi mài kinh sử, vốn sống, vốn hiểu biết phong phú.

**2. Thời đại xã hội**

- Nguyễn Du sống vào thời kì loạn lạc, khủng hoảng xã hội, đất nước chia cắt

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra, tiêu biểu là khởi nghĩa Tây Sơn thay đổi sơn hà, nhà Nguyễn lập lại chế độ chuyên chế

        ⇒ Ảnh hưởng đến tư tưởng trong sáng tác của ông

**3. Cuộc đời trải qua lắm gian truân**

- Thời niên thiếu: sống trong sung túc trong gia đình quyền quý ở Thăng Long. Cha ông từng giữ chức Tể tướng, anh trai cùng cha khác mẹ làm tới chức Tham tụng → có điều khiện dùi mài kinh sử, hiểu biết về cuộc sống sa hoa của giới quý tộc phong kiến → dấu ấn trong sáng tác

- Do biến cố năm 1789 (Nguyễn Huệ tiêu diệt tập đoàn PK vua Lê - chúa Trịnh), Nguyễn Du phải trải qua cuộc sông mời năm phiêu bạt (từng mưu đồ chống Tây Sơn nhưng thất bại, lui về ẩn dật)

- 1802, ông ra làm quan cho nhà Nguyễn

- Nguyễn Du ốm, mất ở Huế 1820

        ⇒ Cuộc đời thăng trầm, đi nhiều đã giúp ông có hiểu biết sâu rộng, am hiểu văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.

**4. Sự nghiệp văn học**

**a. Sáng tác bằng chữ Hán**

- 249 bài trong 3 tập:

    + Thanh Hiên thi tập: 78 bài, viết trước khi ra làm quan ⇒ ông gửi vào tập thơ này nỗi cô đơn bế tắc của một con người bơ vơ, lạc hướng giữa dâu bể thời đại

    + Nam trung tạp ngâm: 40 bài, viết trong thời gian làm quan ⇒ Biểu hiện tâm trạng buồn đau nhưng đồng thời thể hiện quan sát về cuộc đời, xã hội

    + Bắc hành tạp lục: 131 bài viết trong thời gian đi sứ

        ⇒ Ca ngợi nhân cách cao cả và phê phán nhân vật phản diện; phê phán xã hội phong kiến và cảm thông với số phận bé nhỏ

**b. Sáng tác bằng chữ Nôm**

- Đoạn trường tân thanh(TK): Gồm 3254 câu thơ dựa trên cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là vô cùng lớn

        ⇒ Thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với số phận của con người tài hoa nhưng bạc phận, là một truyện Nôm có giá trị nhân văn sâu sắc.

- Văn chiêu hồn: Viết theo thể song thất lục bát. Ông viết để chiêu hồn cho những sinh linh thuộc nhiều tầng lớp khác nhau nhưng tấm lòng nhân ái của nhà thơ vẫn luôn hướng về những thân phận nhỏ bé, dưới đáy.

II. Đôi nét về tác phẩm Truyện Kiều

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh) được Nguyễn Du sáng tác vào đầu thế kỉ 19 (khoảng 1805-1809)

- Nguyễn Du sáng tác Truyện Kiều có dựa trên cốt truyện Kim Vân Kiều truyện của Trung Quốc nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là vô cùng lớn, mang đến sự thành công và sức hấp dẫn cho tác phẩm

- Thể loại: Truyện thơ Nôm, 3254 câu thơ lục bát

**2. Bố cục**

3 phần:

- Phần 1: Gặp gỡ và đính ước

- Phần 2: Gia biến và lưu lạc

- Phần 3: Đoàn tụ

**3. Giá trị nội dung**

- Giá trị hiện thực

    + Truyện Kiều phản ánh bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và thế lực hắc ám chà đạp lên quyền sống con người

    + Truyện Kiều phơi bày nỗi khổ đau của những người bị áp bức, đặc biệt là người phụ nữ

- Giá trị nhân đạo

    + Là tiếng nói ngợi ca những giá trị, phẩm chất cao đẹp của con người như nhan sắc, tài hoa,...đề cao vẻ đẹp, ước mơ và khát vọng chân chính của con người

    + Nguyễn Du bộc lộ niềm thương cảm sâu sắc trước những khổ đau của con người, ông xót thương cho Thúy Kiều, một người con gái tài sắc mà phải lâm vào cảnh bị đọa đầy

    + Tố cáo những thế lực tàn bạo đã chà đạp lên quyền sống của những con người lương thiện

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Về ngôn ngữ: ngôn ngữ giàu và đẹp, đạt đến đỉnh cao của ngôn ngữ văn chương

- Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc: Ngôn ngữ kể chuyện có ba hình thức là trực tiếp, gián tiếp và nửa trực tiếp, nhân vật xuất hiện với cả con người hành động và con người cảm nghĩ

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật đạt đến thành công vamg dội, cách xây dựng nhân vật chính thường được miêu tả bằng lối ước lệ, tượng trưng; nhân vật phản diện thường được khắc họa theo lối hiện thực hóa

- Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên đa dạng, có những bức tranh thiên nhiên tả cảnh ngụ tình đặc sắc

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Nguyễn Du có tên hiệu là gì?

**A.** Thanh Hiên **B.** Tố Như

**C.** Thanh Tâm **D.** Thanh Minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Quê hương của Nguyễn Du ở đâu?

**A.** Thanh Miện, Hải Dương **B.** Nghi Xuân, Hà Tĩnh

**C.** Can Lộc, Hà Tĩnh **D.** Thọ Xuân, Thanh Hóa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Nguyễn Du được cử đi sứ ở Trung Quốc lần 1 vào khoảng thời gian nào?

**A.** 1786- 1796 **B.** 1813- 1814

**C.** 1820- 1821 **D.** 1823- 1824

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du gồm các tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm, gồm 243 bài, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Tác phẩm truyện Kiều được mượn cốt truyện của truyện nào?

**A.** Truyện Lục Vân Tiên **B.** Truyện Tống Trân- Cúc Hoa

**C.** Kim Vân Kiều truyện **D.** Sở kính tân trang

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Truyện Kiều là tên gọi do ai đặt?

**A.** Thanh Tâm tài nhân **B.** Nguyễn Du

**C.** Người dân **D.** Không rõ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Truyện Kiều là tên gọi chữ Nôm do người dân gọi theo tên của nhân vật chính trong truyện.

**Câu 7:** Truyện Kiều gồm mấy phần?

**A.** 3    **B.** 4

**C.** 5    **D.** 6

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Truyện Kiều gồm 3 phần: Gặp gỡ và đính ước, gia biến và lưu lạc, đoàn tụ

**Câu 8:** Đoạn trường tân thanh có nghĩa là gì?

**A.** Đứt từng mảnh ruột **B.** Tiếng kêu mới

**C.** Con đường dài màu xanh đứt đoạn **D.** Tiếng kêu mới tới đứt từng mảnh ruột

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Giá trị về mặt nội dung của Truyện Kiều là gì?

**A.** Giá trị nhân đạo, hiện thực

**B.** Bức tranh về xã hội bất công, tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người

**C.** Đề cao tài năng, nhân phẩm của con người

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Đặc sắc nhất về mặt nghệ thuật của Truyện Kiều là gì?

**A.** Được dịch ra nhiều thứ tiếng, được giới thiệu ở nhiều nơi trên thế giới

**B.** Ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ

**C.** Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc

**D.** Cách khắc họa tính cách con người độc đáo

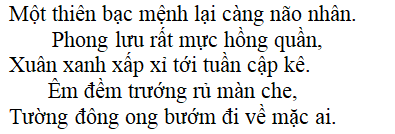
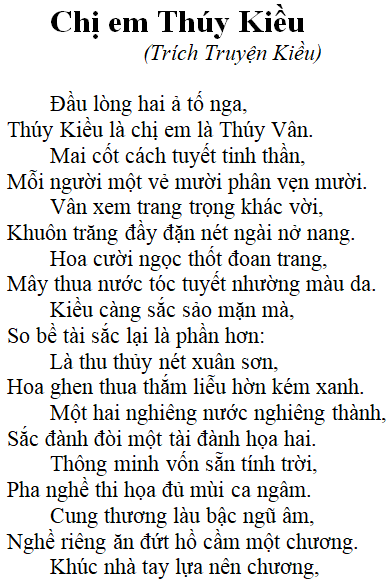
**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

### *Đoạn trích: Chị em Thúy Kiều (trích Truyện Kiều)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung đoạn trích Chị em Thúy Kiều



I. Đôi nét về tác phẩm Chị em Thúy Kiều

**1. Vị trí đoạn trích**

Đoạn trích nằm ở phần mở đầu của phần 1: Gặp gỡ và đính ước

**2. Bố cục**

- Đoạn 1 (4 câu đầu): giới thiệu khái quát hai chị em Thúy Kiều

- Đoạn 2 (4 câu tiếp): gợi tả vẻ đẹp Thúy Vân

- Đoạn 3 (12 câu tiếp): gợi tả vẻ đẹp Thúy Kiều

- Đoạn 4 (4 câu cuối): Nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em

**3. Giá trị nội dung**

    Đoạn trích đã khắc họa rõ nét chân dung tuyệt mĩ của chị em Thúy Kiều, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Thúy Kiều, đây là biểu hiện cho cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Nghệ thuật nổi bật của đoạn trích là nghệ thuật khắc họa nhân vật lí tưởng bằng bút pháp ước lệ tượng trưng – lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người, không miêu tả chi tiết cụ thể mà tả để gợi, sử dụng biện pháp đòn bẩy làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều

II. **Dàn ý:** phân tích Chị em Thúy Kiều

**I. Mở bài**

- Giới thiệu những nét khái quát cơ bản về tác giả Nguyễn Du: một đại thi hào lớn không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của toàn thế giới, đại thi hào đã để lại những tác phẩm văn chương nghệ thuật độc đáo cho đời

- Giới thiệu về Truyện Kiều và đoạn trích Chị em Thúy Kiều: Truyện Kiều có thể nói là một tác phẩm xuất sắc của Nguyễn Du, đoạn trích Chị em Thúy Kiều là một đoạn trích tiêu biểu khắc họa rõ nét vẻ đẹp tài sắc vẹn toàn của Thúy Vân, Thúy Kiều

**II. Thân bài**

**1. Bốn câu thơ đầu: giới thiệu khái quát hai chị em Thúy Kiều**

- Chỉ với hai câu thơ lục bát ngắn ngủi, tác giả đã giới thiệu được hai nhân vật và vị trí của hai người một cách đầy tự nhiên: “Đầu lòng hai ả tố nga- Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân”

- “Mai cốt cách tuyết tinh thần”: bút pháp ước lệ gợi vẻ thanh cao duyên dáng, trong trắng của hai chị em thiếu nữ, đó là cốt cách như mai, tinh thần như tuyết

- “Mối người một vẻ mười phân vẹn mười”: Mỗi người mang nét riêng nhưng cả hai đều tài đều sắc

**2. Bốn câu tiếp theo: gợi tả vẻ đẹp Thúy Vân**

- Câu thơ mở đầu khái quát vẻ đẹp của Thúy Vân, “trang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái

- Vẻ đẹp của Thúy Vân được so sánh với những thứ đẹp nhất trên đời: trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc

- Chân dung Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ mái tóc đến nụ cười, giọng nói, phong thái ứng xử nghiêm trang: khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, lông mày sắc nét như ngài, miệng tươi như hoa, đoạn trang như ngọc,...

- Chân dung dự đoán số phận: “mây thua”, “tuyết nhường” ⇒ số phận êm đềm

**3. 12 câu tiếp: Gợi tả vẻ đẹp tài sắc vẹn toàn của Thúy Kiều**

- “Kiều càng sắc sảo mặn mà”: khái quát đặc điểm của nhân vật

- Tác giả sử dụng những hình ảnh ước lệ “thu thủy”, “xuân sơn”: gợi đôi mắt đẹp trong sáng, long lanh, linh hoạt như nước mùa thu , lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân ⇒ phẩm chất tinh anh của tâm hồn, trí tuệ

- “Hoa ghen... kém xanh”: Vẻ đẹp khiến thiên nhiên nổi giận ⇒ dự báo cuộc đời lắm truân chuyên

- Không chỉ tả nhan sắc, Nguyễn Du còn nhấn mạnh vào sự tài năng của Thúy Kiều “Sắc đành đòi một tài đành họa hai”: Kiều thông minh và đa tài

    + Tài năng của đạt đến mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến: hội tụ đủ cầm kì thi họa “pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm”

    + “Cung thương làu bậc...một trương”: Tác giả nhấn mạnh tài đàn của Kiều

    + “Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”: Kiều còn giỏi sáng tác, khúc bạc mệnh của Kiều phải chăng là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm

        ⇒ Thúy Kiều là một nhân vật hiện lên với sự toàn tài

**4. 4 câu cuối: Nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em**

- “Phong lưu rất mực hồng quần”: Gợi hoàn cảnh sống của hai chị em thúy Kiều, họ sống trong phong lưu của mọt gia đình gia giáo

- Hai chị em luôn sống theo khuôn phép, đức hạnh, theo đúng khuôn khổ của lễ giáo phong kiến. Tuy cả hai đều “đến tuần cập kê” nhưng vẫn “êm đềm trướng rủ màn che- tường đông ong bướm đi về mặc ai”

**III. Kết bài**

- Khái quát về giá trị nghệ thuật làm nên thành công của đoạn trích: ước lệ tượng trưng, bút pháp gợi tả...

- Liên hệ trình bày suy nghĩ bản thân về vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Đoạn trích được chia thành mấy phần, đó là những phần nào?

**A.** 3 phần **B.** 4 phần

**C.** 5 phần **D.** không thể chia được

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Đoạn trích Chị em Thúy Kiều gồm 3 phần: Giới thiệu vẻ đẹp chung của hai chị em, phần 2: Vẻ đẹp của thúy Vân, phần 3: Vẻ đẹp của Thúy Kiều, phần 4: Cuộc sống êm đềm của hai chị em

**Câu 2:** Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm trong phần nào?

**A.** Gia biến và lưu lạc **B.** Gặp gỡ và đính ước

**C.** Đoàn tụ **D.** Phần đề từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm ngay ở phần đầu của phần Gặp gỡ và đính ước

**Câu 3:** Từ “tố nga” để nói về ai?

**A.** Chỉ Thúy Kiều **B.** Chỉ Hoạn Thư

**C.** Chỉ Thúy Vân **D.** Đáp án A và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Câu thơ “mai cốt cách, tuyết tinh thần” có nghĩa là gì?

**A.** Tinh thần trong trắng, tinh khiết như mai, như tuyết

**B.** Đẹp như cây mai cây tuyết

**C.** Cốt cách thanh tao của mai, tinh thần trong trắng, tinh khôi của tuyết

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Tác giả sử dụng bút pháp nào khi miêu tả vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều?

**A.** Bút pháp phóng đại **B.** Bút pháp ước lệ tượng trưng

**C.** Bút pháp tả cảnh ngụ tình **D.** Bút pháp trần thuật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Vẻ đẹp của Thúy Vân khiến tự nhiên, tạo hóa phải thua, nhường dự báo trước cuộc đời của Thúy Vân sẽ thế nào?

**A.** Sóng gió, gập ghềnh, trắc trở **B.** Cuộc đời êm ả, bình lặng, suôn sẻ sau này

**C.** Cuộc đời gặp nhiều tai họa, sóng gió **D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Thúy Kiều được miêu tả như thế nào?

**A.** Là một trang tuyệt thế giai nhân, sắc sảo, mặn mà về trí tuệ và tâm hồn

**B.** Là người có vẻ đẹp đoan trang, hiền dịu

**C.** Là người có đôi mắt đẹp (làn thu thủy) gợi vẻ đẹp trong sáng, lanh lợi, sắc sảo hơn người.

**D.** Cả A và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Trong bức chân dung tả Thúy Kiều tác giả đặc tả tài năng của Thúy Kiều như thế nào?

**A.** Tài cầm, kì, thi, họa theo chuẩn mực vẻ đẹp thời phong kiến

**B.** Tài năng của Thúy Kiều xếp thứ hai, sau nhan sắc

**C.** Tài năng của Thúy Kiều nổi trội hơn hẳn là ở tài chơi đàn

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Đoạn trích chị em Thúy Kiều tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân làm nền nổi bật vẻ đẹp và tài năng của Thúy Kiều đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Nguyễn Du ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Khi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân, tác giả không sử dụng phép tu từ nào?

**A.** Nhân hóa **B.** So sánh

**C.** Ẩn dụ **D.** Liệt kê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Các phép tu từ đã sử dụng nhằm thể hiện vẻ đẹp của Thúy Vân như thế nào?

**A.** Phúc hậu **B.** Qúy phái

**C.** Gợi sự hòa hợp, êm đềm **D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Những câu thơ sau cho thấy Thúy Kiều là con người như thế nào?

Thông minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm

Cung thương lầu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương

Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân

**A.** Có vẻ đẹp hình dáng bên ngoài **B.** Có vẻ đẹp tâm hồn bên trong

**C.** Có sự thông minh, sắc sảo **D.** Có tài cầm, kì, thi, họa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 14:** Từ “ăn” trong câu “Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương” được hiểu theo nghĩa nào?

**A.** Nghĩa gốc **B.** Nghĩa chuyển

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Ăn ở đây được hiểu theo nghĩa chiếm ưu thế, vượt trội

**Câu 15:** Qua cung đàn Kiều sáng tác, em hiểu gì về nhân vật này?

**A.** Là người tươi vui, lạc quan **B.** Là người có trái tim đa sầu, đa cảm

**C.** Là người gắn bó với gia đình **D.** Là người có tình yêu thủy chung

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 16:** Chân dung của Thúy Vân và Thúy Kiều là những chân dung tính cách, số phận. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

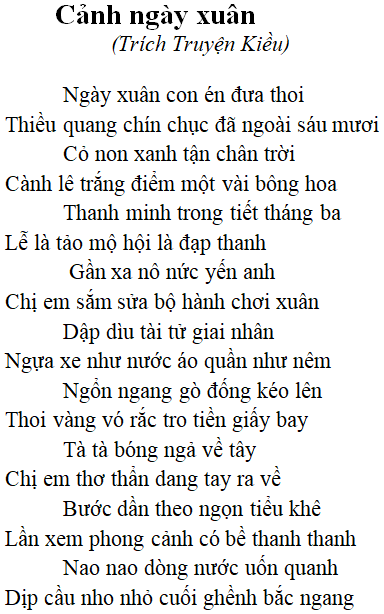
**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### *Đoạn trích: Cảnh ngày xuân (trích Truyện kiều)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung đoạn trích Cảnh ngày xuân



I. Đôi nét về tác phẩm Cảnh ngày xuân

**1. Vị trí đoạn trích**

    Đoạn trích nằm nằm ở phần 1- Gặp gỡ và đính ước, sau đoạn Nguyễn Du miêu tả tài sắc của hai chị em Thúy Kiều, trước đoạn Kiều gặp mộ Đạm Tiên và Kim Trọng

**2. Bố cục**

Theo trình tự thời gian của cuộc du xuân

- Đoạn 1 (4 câu đầu): Khung cảnh màu xuân

- Đoạn 2 (8 câu tiếp): khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh

- Đoạn 3 (6 câu cuối): Cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về

**3. Gía trị nội dung**

    Đoạn trích đã khắc họa rõ nét bức tranh thiên nhiên và lễ hội mùa xuân tươi đẹp , trong sáng, náo nhiệt trong cuộc du xuân của hai chị em Thúy Kiều vào tiết thanh minh

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Nghệ thuật nổi bật của đoạn trích là việc tác giả sử dụng bút pháp tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu chất tạo hình, đắt giá, sáng tạo, nhiều từ láy miêu tả cảnh vật và cũng là tâm trạng con người, bút pháp tả cảnh ngụ tình

II. **Dàn ý:** phân tích Cảnh ngày xuân

**I. Mở bài**

- Giới thiệu những nét khái quát cơ bản về tác giả Nguyễn Du: một đại thi hào lớn không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của toàn thế giới, đại thi hào đã để lại những tác phẩm văn chương nghệ thuật độc đáo cho đời

- Giới thiệu Truyện Kiều và đoạn trích “Cảnh ngày xuân”: Truyện Kiều là một tấc phẩm truyện thơ nôm xuất sắc. Đoạn trích Cảnh ngày xuân là một trong nhũng đoạn trích thể hiện năng lực miêu tả thiên nhiên tài tình của Nguyễn Du

**II. Thân bài**

**1. 4 câu đầu: Khung cảnh ngày xuân**

- Hai câu thơ đầu vừa nói đến thời gian, vừa gợi được không gian:

    + Thời gian của mùa xuân thấm thoắt trôi mau, đã bước sang tháng ba “thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”

    + Không gian: ánh sáng trong veo, không gian trong trẻo cho những “con én đưa thoi”

        ⇒ Vừa tả cảnh vừa ngụ ý thời gian trôi qua mau

- Hai câu sau miêu tả bức tranh xuân tuyệt mĩ

    + “Vỏ non xanh tận chân trời”: không gian khoáng đạt, giàu sức sống

    + “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”: Gọi hoa mùa xuân với sắc trắng trong trẻo, thanh khiết, tinh khôi

        ⇒ Bức tranh mùa xuân sinh động, giàu sức sống

**2. 8 câu tiếp: Khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh**

- Lễ hội mùa xuân hiện lên với Lễ tảo mộ và Hội đạp thanh

- Không khí lễ hội được gợi tả từ hệ thống từ ngữ giàu sức biểu cảm:

    + Các tính từ được sử dụng: “nô nức”, “gần xa”, “ngổn ngang” làm rõ hơn tâm trạng của người đi lễ hội

    + Các danh từ sự vật: “yến anh”, “tài tử”, “giai nhân”, “ngựa xe”, “áo quần”: gợi tả sự tấp nập đông vui của người đi hội

    + Các động từ gợi sự rộn ràng của ngày hội

- Thông qua cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều, tác giả khắc họa hình ảnh một truyền thống văn hóa lễ hội của dân tộc

- Lễ và hội giao thoa hài hòa ⇒ nhà thơ yêu quý, trân trọng những vẻ đẹp của quá khứ dân tộc

        ⇒ Nghệ thuật: bút pháp chấm phá, các từ ngữ được sử dụng đa dạng, linh hoạt, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình...⇒ Bức tranh lễ hội mùa xuân sống động

**3. 6 câu cuối: Cảnh chị em Kiều du xuân trở về**

- Bức tranh mùa xuân trong buổi chiều tà vẫn rất đẹp, rất êm đềm: nắng nhạt, khe nước nhỏ, một dịp cầu...nhưng đã thấm đẫm tâm trạng của con người

- “Tà tà bóng ngả về tây”: gợi khoản thời gian buổi chiều, gợi sự vắng lặng

- “Chị em thơ thẩn dan tay ra về”: Hội vui kết thúc, con người “thơ thẩn” quay trở về

- Nhiều từ láy được sử dụng: “thanh thanh”, “nao nao”, “nho nhỏ”: không chỉ gợi cảnh sắc mà còn gợi tâm trạng con người, đó là nét buồn thương, nuối tiếc

        ⇒ Bút pháp cổ điển, tả cảnh ngụ tình ⇒ Cảm giác bâng khuâng xen lẫn tiếc nuối bao trùm lên con người và cảnh vật, cũng là dự cảm về một nỗi buồn thương chưa thể lí giải của ngươi thiếu nữ nhạy cảm và sâu lắng

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị tiêu biểu của nghệ thuật và nội dung của đoạn trích Cảnh ngày xuân

- Trình bày suy nghĩ bản thân về tài năng miêu tả thiên nhiên tài tình của Nguyễn Du

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Cảnh ngày xuân là đoạn trích nằm trong phần nào của tác phẩm Truyện Kiều?

**A.** Sau đoạn tả tài sắc của chị em Thúy Kiều trong phần gặp gỡ và đính ước

**B.** Nằm trong phần lưu lạc

**C.** Nằm trong phần đoàn tụ

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Đoạn trích được chia thành mấy phần?

**A.** 2 phần **B.** 3 phần

**C.** 4 phần **D.** 5 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Cảnh ngày xuân chia làm 3 phần: vẻ đẹp của thiên nhiên trong tiết thanh minh; Hình ảnh lễ và hội; Tâm trạng chị em Thúy Kiều khi tan hội trở về

**Câu 3:** Cảnh sắc mùa xuân được gợi tả như thế nào qua bốn câu thơ đầu?

**A.** Hình ảnh chim én chao liệng trên bầu trời khoáng đạt tràn ngập ánh sáng mùa xuân

**B.** Vẻ đẹp của cỏ non xanh gợi lên sự mới mẻ, tinh khôi, tràn trề sức sống

**C.** Hình ảnh hoa lê trắng điểm xuyết khiến cảnh vật trở nên sinh động, có hồn

**D.** Cả ba đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh được miêu tả như thế nào?

**A.** Phong tục tảo mộ và du xuân được tái hiện chân thực

**B.** Không khí rộn ràng của lễ hội mùa xuân được thể hiện qua các từ ghép là danh từ, động từ, tính từ

**C.** Cảnh ngày xuân miêu tả không khí náo nhiệt của lễ hội mùa xuân

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Trong câu thơ “Dập dìu tài tử, giai nhân/ Ngựa xe như nước áo quần như nêm” gợi tả điều gì?

**A.** Các bậc tài tử, giai nhân đông đúc, ồn ào

**B.** Ý chỉ trai tài gái sắc đi hội đông đúc, nhộn nhịp

**C.** Ý chỉ người và xe ngựa đông đúc, chật chội như nêm

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** So cảnh vật ở 6 câu cuối với cảnh vật ở 4 câu đầu có điều gì khác?

**A.** Cảnh vật 6 câu cuối vẫn mang sự nhẹ nhàng nhưng nét buồn

**B.** Cảnh vật thay đổi bởi không gian thay đổi, lúc này cảnh được cảm nhận qua tâm trạng

**C.** Sử dụng các từ láy có sức gợi hình, gợi cảm “tà tà”, “nao nao”, “thanh thanh” để gợi tả tâm trạng

**D.** Cả B và C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Thành công về mặt nghệ thuật của Nguyễn Du trong đoạn trích Cảnh ngày xuân?

**A.** Tác giả dùng nhiều từ ngữ giàu chất tạo hình, gợi cảm

**B.** Tác giả kết hợp tài tình bút pháp tả cảnh ngụ tình

**C.** Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên điêu luyện, sắc sảo bởi sự chấm phá, điểm xuyết

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Tâm trạng của chị em Thúy Kiều khi tan hội ra về được diễn tả như thế nào?

**A.** Vui vẻ, háo hức, hồ hởi vì được du xuân vui vẻ

**B.** Tâm trạng bâng khuâng, xao xuyến, thấm đượm nỗi buồn man mác, dịu nhẹ

**C.** Tâm trạng lo lắng, u sầu, chán nản

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Cụm từ “nô nức yến anh” trong câu thơ “Gần xa nô nức yến anh” biểu thị phép tu từ gì?

**A.** Liệt kê **B.** Hoán dụ

**C.** Nhân hóa **D.** Ẩn dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 10:** Thiên nhiên trong những câu thơ cuối?

**A.** Đẹp nhưng đượm buồn **B.** Đẹp và tươi sáng

**C.** Ảm đạm, hiu hắt **D.** Khô cằn, héo úa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Thuật ngữ

**I. Kiến thức cần nhớ**

1. Thuật ngữ là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được sử dụng trong các văn bản nghệ thuật, khoa học

2. Nguyên tắc, mỗi một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, một thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và khái niệm, và ngược lại

3. Thuật ngữ không có tính biểu cảm

VD: Ba-dơ: hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-dro-xit.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Tìm thuật ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống

a, …là được sinh ra ở bên trong Trái Đất. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra nội lực là các nguồn năng lượng trong lòng Trái Đất, như: năng lượng của sự phân huỷ các chất phóng xạ, sự chuyển dịch và sắp xếp lại vật chất cấu tạo Trái Đất theo trọng lực, sự ma sát

b, …là đại lượng véc tơ đặc trưng cho tác dụng của vật này lên vật khác mà kết quả tạo ra gia tốc cho vật hoặc làm vật biến dạng.

c, …là hiện tượng nước biển, nước sông... lên xuống trong một chu kỳ thời .... thấp hơn cả LAT, nghĩa là có ít nước hơn là những gì chỉ ra trên các hải đồ.

d, Trong toán học,… có thể hiểu tổng quát là một sự tụ tập của một số hữu hạn hay vô hạn các đối tượng nào đó

Bài 2: Hãy cho biết từ mặt trời nào sau đây mang sắc thái biểu cảm

a, Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

b, Mặt trời Mặt Trời là ngôi sao ở trung tâm Hệ Mặt Trời, chiếm khoảng 99,86% khối lượng của Hệ Mặt Trời. Trái Đất và các thiên thể khác như các hành tinh, tiểu hành tinh, thiên thạch, sao chổi, và bụi quay quanh Mặt Trời.

**Gợi ý:**

Bài 1: Các thuật ngữ được sử dụng?

a, Nội lực

b, Lực

c, Thủy triều

d, Tập hợp

Bài 2:

Hai câu thơ trong bài Viếng lăng bác sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ.

Mượn hình ảnh mặt trời để ca ngợi sự vĩ đại, lớn lao của Bác. Bác là nguồn sáng, người soi đường chỉ lối cho người dân Việt Nam làm cách mạng đi đến tự do, độc lập.

Từ mặt trời trong câu b là thuật ngữ trong khoa học tự nhiên

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Thuật ngữ là gì?

**A.** Là những từ biểu thị những khái niệm khoa học

**B.** Là những từ biểu thị những khái niệm khoa học, công nghệ, được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ

**C.** Là những từ biểu thị khái niệm có trong cuộc sống, được sử dụng trong các văn bản khoa học công nghệ

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Từ “số thập phân” là thuật ngữ khoa học của ngành nào?

**A.** Toán học **B.** Văn học

**C.** Lịch sử **D.** Vật lý

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Trong mỗi ngành khoa học công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm, và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Từ “ba- zơ” là thuật ngữ dùng trong ngành khoa học nào?

**A.** Hóa học **B.** Toán học

**C.** Kinh tế học **D.** Mĩ thuật

**Hướng dẫn giải:**

**Câu 5:** Thuật ngữ thường có tính biểu cảm, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Thuật ngữ không có tính biểu cảm

### Miêu tả trong văn bản tự sự

**I. Kiến thức cần nhớ**

- Trong văn bản tự sự, sự miêu tả cụ thể, chi tiết về cảnh vật, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động

- Chú ý: yếu tố miêu tả được sử dụng để làm cho bài văn tự sự trở nên hấp dẫn, nhưng không nên sa đà vào miêu tả.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Hãy chỉ ra yếu tố tả cảnh trong đoạn văn sau:

Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi dài ra rồi bẵng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bặt, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:

- Cái gì thế!

Bài 2: Yếu tố miêu tả có vai trò như thế nào đối với văn bản tự sự?

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1:

Những yếu tố miêu tả có văn tự sự:

- Nét hớn hở trên mặt người lái xe

- Nắng len tới đốt cháy rừng cây

- Cây thông cao quá đầu rung tít trong nắng

- Cây tử đinh nhô đầu màu hoa cà

- Mây cuộn tròn lăn từng cục trên những vòm lá ướt sương

- Cây thông cao quá đầu rung tít trong nắng

- Mây cuộn tròn lăn từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương rơi xuống đường cái, luồn vào gầm xe

-> Các yếu tố miêu tả gợi hình ảnh Sa Pa đẹp, độc đáo mang những nét đặc trưng của địa hình vùng núi cao

Sự miêu tả của tác giả giúp người đọc hình dung ra không gian của Sa Pa, một vùng đất đẹp

Bài 2: Yếu tố miêu tả đóng vai trò, làm câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động

- Yếu tố miêu tả giúp người đọc tưởng tượng, hình dung ra sự vật, hiện tượng dễ dàng hơn

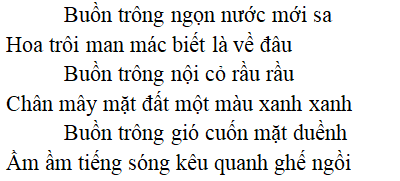
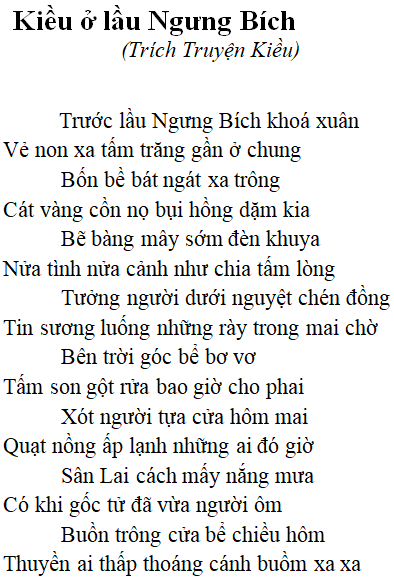
- Yếu tố miêu tả giúp lời kể giàu sức gợi hình, gợi cảm hơn

## Bài 7.

### *Đoạn trích: Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện kiều)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích



I. Đôi nét về tác phẩm Kiều ở lầu Ngưng Bích

**1. Vị trí đoạn trích**

    Đoạn trích nằm ở phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc. Sau khi bị Mã Giam Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn, phẫn uất, nàng định tự vẫn, Tú Bà sợ mất vốn bèn lựa lời khuyên giải đưa nàng ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích với lời hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho người tử tế nhưng thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện và tàn bạo hơn

**2. Bố cục**

- 6 câu đầu: Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của Thúy Kiều

- 8 câu tiếp: Nỗi nhớ thương Kim Trọng và nhớ thương cha mẹ của Kiều

- 8 câu cuối: Tâm trạng đau buồn và dự cảm trước tương lai sóng gió

**3. Giá trị nội dung**

    Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Đoạn trích thành công ở nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình được coi là đặc sắc nhất trong Truyện Kiều

II. **Dàn ý:** phân tích Kiều ở lầu Ngưng Bích

**I. Mở bài**

- Giới thiệu một vài nét về tác giả Nguyễn Du: đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, một cây bút xuất sắc của nền văn học

- Truyện Kiều là tác phẩm được coi là hồn dân tộc; đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” được trích từ Truyện Kiều, qua đoạn trích nhà thơ đã vô cùng tinh tế và sâu sắc khi diễn tả được tâm trạng của Thúy Kiều qua cảnh vật.

**II. Thân bài**

**1. 6 câu thơ đầu: Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Thúy Kiều**

**a. 4 câu thơ đầu: bức họa về hoàn cảnh, không gian nơi Thúy Kiều ở**

    + Khung cảnh thiên nhiên được miêu tả là khung cảnh trước lầu Ngưng Bích qua điểm nhìn từ trên cao, từ tâm trạng của Kiều

    + “Khóa xuân”: khóa kín tuổi xuân, ở nơi đây, con người đã chẳng còn mong chờ đến tuổi thanh xuân nữa

    + “Non xa- trăng gần” đối nhau: tạo không gian xa rộng, nơi đây Kiều không có một người thân quen

    + Tác giả sử dụng từ ghép “bốn bề” đứng cạnh từ láy “bát ngát” gợi không gian rộng lớn không một bóng người,

    + Cảnh vật vốn có đường nét, màu sắc nhưng lại không đẹp, đã vậy còn gợi cảm giác cô đơn, rợn ngợp

        ⇒ Ở đây tác giả sử dụng vô cùng thành công bút pháp tả cảnh ngụ tình.

**b. 2 câu thơ sau: Tình của Kiều**

    + Từ láy “bẽ bàng”: diễn tả nỗi xấu hổ tủi thẹn của Kiều, trong tâm trí nàng vẫn còn in đậm những sự việc vừa mới xảy ra: bị Mã Giám Sinh làm nhục, bị ép làm gái lầu xanh rồi giờ bị giam lỏng nơi đây

    + Thành ngữ “mây sớm đèn khuya”: chỉ thời gian tuần hoàn khép kín,một mình Kiều nơi đây làm nổi bật nỗi bơ vơ

    + So sánh “Nửa tình nửa cảnh như chia tâm lòng”: nỗi lòng Kiều như bị chia ra làm hai, nửa dành cho cảnh nửa dành cho tình

        ⇒ Sáu câu thơ đầu được xây dựng bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, tả cảnh hoang vắng quạnh hiu để khắc họa rõ tâm trạng cô đơn của Kiều

**2. 8 câu thơ tiếp: Nỗi nhớ người yêu và cha mẹ của Kiều**

**a. Nỗi nhớ người yêu (4 câu đầu)**

    + “Người dưới nguyệt chén đồng”: chỉ chàng Kim cùng lời thề nguyền đính ước

    + Động từ “tưởng”: Kiều hồi tưởng lại những kỉ niệm đẹp bên Kim Trọng

    + Hai động từ “trông, chờ” được tách ra đi kèm với các danh từ chỉ thời là “rày, mai”: Thúy Kiều lo chàng Kim cũng nhớ Kiều tha thiết

    + Thành ngữ biến thể “bên trời goc bể”: gợi ra không gian quê người xa xôi, cách trở.

    + Ẩn dụ “tấm son” kết hợp với câu hỏi tu từ “gột rửa bao giờ cho phai” tạo ra hai cách hiểu: thứ nhất tấm lòng Kiều không bao giờ quên được chàng Kim và thứ hai là tấm thân của Kiều đã bị làm nhục bao giờ mới gột rửa được.

        ⇒ Sự thủy chung son sắt của Kiều với người yêu

**b. Nỗi nhớ cha mẹ (4 câu tiếp theo)**

Kiều nhớ thương cha mẹ:

    + Động từ “xót” lại kết hợp với câu hỏi tư từ: thể hiện sự đau đớn của nàng khi nhớ về cha mẹ

    + “Nắng mưa”: ẩn dụ thời gian trong tâm tưởng của Kiều khi xa gia đình

    + Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh”: làm nổi bật sự lo lắng của Kiều, rồi đây ai sẽ quạt cho cha mẹ ngủ khi oi nóng, ai sẽ ủ chăn ấm cho cha mẹ khi trời giá lạnh

        ⇒ Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy Kiều vẫn lo cho cha mẹ ⇒ một người con có hiếu

**3. 8 câu thơ cuối: Tâm trạng đau buồn của Kiều và dự cảm trước tương lai sóng gió**

**a. 2 câu đầu: Bức tranh cửa bể lúc hoàng hôn**

    + “Mênh mông cửa bể chiều hôm”: Giữa không gian bao la mênh mông Kiều cảm thấy nhớ quê hương, một nỗi buồn trào dâng da diết

    + Hình ảnh “con thuyền” gợi sự cô đơn, Kiều đang nhớ gia đình, không biết bao giờ mới được trở về

        ⇒ Nhìn cánh buồm lẻ loi trôi nỗi giữa sóng nước Kiều nghĩ đến thân phận mình cũng đang bị dòng đời đưa đẩy.

**b. 2 câu tiếp: Cảnh hoa trôi mặt nước**

    + “Buồn trông”: gợi âm điệu buồn mênh mang, nỗi buồn nhân lên khi nàng nhìn thấy cánh hoa trôi lênh đênh vô định

    + Từ “trôi”: chỉ sự vận động nhưng ở thế bị động, nhũng cánh hoa trôi mặc sóng nước vùi dập như số phận Kiều cũng thế

**c. 2 câu tiếp: Cảnh nội cỏ rầu rầu**

    + Từ “rầu rầu” được nhân hóa chỉ màu sắc của cỏ ⇒ thiên nhiên như nhuốm màu tâm trạng ⇒ bút pháp tả cảnh ngụ tình

    + Màu xanh nhợt nhạt héo hắt của cảnh vật chính là ẩn dụ cho tương lai mờ mịt vô vọng của Kiều

        ⇒ Kiều tuyệt vọng, mất phương hướng, đây vừa là tâm trạng vừa là cảnh ngộ của Thúy Kiều

**d. 2 câu cuối: Cảnh giông bão sóng gió và niềm dự cảm tương lai**

    + Hình ảnh dữ dội xuất hiện: “gió cuốn mặt duyềnh”: ước ệ cho sóng gió cuộc đời đang bủa vây, cuốn lấy Kiều, những tai ương sắp ập đến đời nàng

    + Nhân hóa “sóng kêu”: gợi hình dung Kiều chới với giữa cái bất tận sục sôi trong lòng Kiều và quanh Kiều

    + “Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”: Trong lòng Kiều là tiếng sóng của buồn đau sợ hãi, dự cảm sóng gió dường như đang tiến đến rất gần Kiều

        ⇒ Câu thơ thể hiện dự cảm của Thúy Kiều về cuộc đời mình nhiều gian truân sóng gió

**III. Kết bài**

- Khẳng định những giá trị nghệ thuật làm nên thành công của đọa trích: thể thơ lục bát cổ truyền, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc, điệp ngữ “buồn trông”…

- Đoạn trích thể hiện tâm trạng buồn đau, cô dơn hiu quạnh trước khung cảnh thiên nhiên cùng bao nỗi nhớ ùa về trong lòng

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích nằm ở phần nào của truyện Kiều?

**A.** Gặp gỡ và đính ước **B.** Gia biến và lưu lạc

**C.** Đoàn tụ **D.** Chưa xác định được

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Từ khóa xuân trong bài có nghĩa là gì?

**A.** Khóa kín tuổi xuân, ý nói sự cấm cung, Kiều bị giam lỏng

**B.** Ý nói khoảng không gian mùa xuân, theo kì

**C.** Ý nói thời gian mùa xuân đang dần khép lại

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Văn bản có bố cục gồm mấy phần?

**A.** 2 phần **B.** 3 phần

**C.** 4 phần **D.** 5 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Cụm từ chén nguyệt dưới đồng gợi Thúy Kiều nỗi nhớ về ai?

**A.** Kim Trọng **B.** Từ Hải

**C.** Thúc Sinh **D.** Thúy Vân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Sáu câu thơ đầu trong bài Kiều ở lầu Ngưng Bích nói về điều gì?

**A.** Hoàn cảnh Thúy Kiều bị giam lỏng ở bốn bức tường, xung quanh bị bao phủ bởi núi non

**B.** Kiều bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, không gian xung quanh quạnh vắng, cô đơn, trơ trọi

**C.** Không gian, thời gian khép kín nhấn mạnh tình cảnh cô đơn, buồn bã của Thúy Kiều

**D.** Cả B và C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Những điển cố như Sân Lai, gốc tử, quạt nồng ấp lạnh được sử dụng nhằm mục đích gì?

**A.** Nhấn mạnh sự nhớ thương của Thúy Kiều đối với cha mẹ

**B.** Nói đến sự thương nhớ, đau xót, lo lắng cho cha mẹ khi Thúy Kiều không thể ở bên cạnh khi nàng không ở cạnh

**C.** Nói tới việc Thúy Kiều khôn nguôi nhớ về Kim Trọng

**D.** Nói tới nỗi nhớ thương của Thúy Kiều đối với các em Thúy Vân, Vương Quan

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Trong 8 câu thơ cuối, biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng đặc trưng nhất?

**A.** Điệp ngữ **B.** Tả cảnh ngụ tình

**C.** Ước lệ tượng trưng **D.** Cả A và B

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Tâm trạng của Thúy Kiều trong 8 câu thơ cuối bài là gì?

**A.** Tâm trạng buồn bã, nỗi nhớ, nỗi cô đơn của Kiều như ngàn đợt sóng trùng điệp càng khiến nỗi buồn dài dằng dặc, mênh mông

**B.** Nỗi nhớ tâm trạng cô đơn, sầu nhớ, cảm giác đau đớn trào lên

**C.** Dự cảm về thân phận bấp bênh, chìm nổi bấp bênh

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất trong truyện Kiều, Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Kiều ở lầu Ngưng Bích là một đoạn thơ cho thấy cảnh cô đơn, buồn tủi, tấm lòng nhớ các em của Thúy Kiều, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

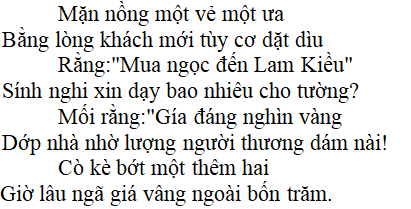
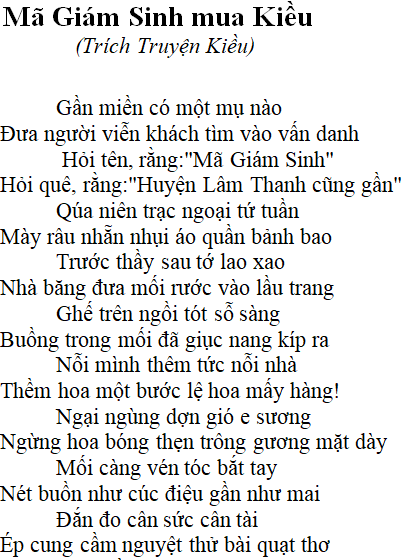
**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích là đoạn thơ thấy cảnh buồn tủi, đau xót của Thúy Kiều trước tình cảnh bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, và nỗi nhớ thương người yêu, cha mẹ của Thúy Kiều

### *Đoạn trích: Mã Giám Sinh mua Kiều (trích Truyện Kiều)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều



**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều diễn ra trong hoàn cảnh nào?

**A.** Nằm ở phần thứ hai, sau khi gia đình Kiều bị vu oan, Kiều bán mình chuộc cha

**B.** Nằm ở phần thứ nhất gặp gỡ và đính ước

**C.** Nằm ở phần thứ ba, đoàn tụ

**D.** Đoạn trích nằm ở sau phần đoàn tụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều được chia làm mấy phần?

**A.** 2 phần **B.** 3 phần

**C.** 4 phần **D.** 5 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Mã Giám Sinh được miêu tả trong bài là con người như thế nào?

**A.** Tính cách bản chất con buôn lọc lõi, trắng trợn, xấu xa được bộc lộ

**B.** Cử chỉ, hành động, lời nói của tên buôn người

**C.** Sự giả dối từ lí lịch, cho tới lý do mua Kiều, thậm chí còn cò kè bớt xén thể hiện bản chất bất nhân

**D.** Cả A và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích được khắc họa như thế nào?

**A.** Cuộc đời Thúy Kiều cô gái tài hoa bạc mệnh, chuỗi những ngày đau đớn

**B.** Hình ảnh Thúy Kiều hiện lên tiều tụy, tội nghiệp, bước đi đẫm lệ, trong lòng đầy đau đớn

**C.** Nỗi đau bị hạ thấp, bị chà đạp, nỗi đau gia đình gặp nạn, nỗi lo lắng cho số phận của mình sắp tới

**D.** Cả B và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Tấm lòng nhân đạo của tác giả được thể hiện như thế nào trong bài?

**A.** Thương xót, cảm thông trước số phận nhỏ nhoi của con người, giá trị con người bị chà đạp

**B.** Vạch trần thực trạng của xã hội đồng tiền đổi trắng thay đen

**C.** Tố cáo bọn buôn người bất nhân, hám lợi

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Nghệ thuật độc đáo, đặc sắc nhất của đoạn trích thể hiện qua việc miêu tả ngoại hình, cử chỉ, ngôn ngữ đối thoại khắc họa tính cách nhân vật, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều?

**A.** Thể hiện tâm trạng cô đơn, tội nghiệp của Kiều **B.** Nói lên nỗi nhớ người yêu và cha mẹ của Kiều

**C.** Nói lên tâm trạng buồn bã, lo âu của Kiều **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Qua nỗi nhớ của Kiều được thể hiện trong đoạn trích ta thấy Kiều là người thế nào?

**A.** Người tình chung thủy **B.** Là con người hiếu thảo

**C.** Là người có tấm lòng vị tha **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Nhận định nào đúng và đầy đủ nhất những thủ pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong 8 câu thơ cuối?

**A.** Tả cảnh ngụ tình **B.** Lặp cấu trúc

**C.** Sử dụng ngôn ngữ độc thoại **D.** Cả 3 ý trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Tác dụng của việc nhắc lại 4 lần cụm từ “buồn trông” trong 8 câu thơ cuối là gì?

**A.** Nhấn mạnh những hoạt động khác nhau của Kiều

**B.** Tạo âm hưởng trầm buồn cho các câu thơ

**C.** Nhấn mạnh tâm trạng đau đớn của Kiều

**D.** Nhấn mạnh sự ảm đạm của cảnh vật thiên nhiên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Hai câu thơ cuối bài: “Buồn trông gió cuốn mặt duềnh- Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi” nói lên tâm trạng gì của Kiều?

**A.** Nhớ cha mẹ, nhớ quê hương **B.** Buồn nhớ người yêu

**C.** Xót xa cho duyên phận lỡ làng **D.** Lo sợ cho cảnh ngộ của chính mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Trau dồi vốn từ

**I. Kiến thức cơ bản**

1. Trau dồi để nắm vững nghĩa, của từ, và cách dùng từ

- Muốn sử dụng tiếng Việt trước hết cần trau dồi vốn từ, rèn luyện nắm đầy đủ ngĩa, cách dùng từ

2. Rèn luyện để biết thêm những từ chưa biết, làm tăng vốn từ là việc thường xuyên phải làm để trau dồi vốn từ

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1:

- Từ đồng nào dưới đây có nghĩa là trẻ nhỏ:

Đồng thoại, đồng dao, đồng chí, đồng hương, đồng đội, đồng nghiệp, đồng ấu, đồng niên, đồng khởi, đồng môn.

- Từ “tuyệt” nào dưới đây có nghĩa là tuyệt, cực kì, nhất:

Tuyệt kĩ, tuyệt mật, tuyệt thực, tuyệt vọng, tuyệt tác, tuyệt trần, tuyệt đỉnh, tuyệt tự.

Bài 2: Phân biệt nghĩa của các từ dưới đây:

- Điểm yếu/ yếu điểm

- Nhuận bút/ thù lao

- Liệt kê/ thống kê

**Gợi ý:**

Bài 1:

Từ đồng có nét nghĩa trẻ nhỏ: đồng thoại, đồng dao, đồng ấu

Từ tuyệt có nét nghĩa tuyệt, cực kì, nhất: tuyệt kĩ, tuyệt tác, tuyệt trần, tuyệt đỉnh

Bài 2:

Điểm yếu: chỉ sự kém cỏi, nhược điểm trong một phương diện nào đó

Yếu điểm: Điểm quan trọng, có ý nghĩa lớn lao.

Nhuận bút: tiền công trả cho các tác giả có công trình về văn hóa, nghệ thuật, khoa học được xuất bản, sử dụng

Thù lao: khoản tiền, vật chất trả cho người lao động

- Liệt kê: kê ra từng khoản, từng thứ có giá trị

- Thống kê: thu thập số liệu về một hiện tượng, sự việc, tình hình nào đó.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Muốn làm tăng vốn từ, sự hiểu biết từ thì cần phải làm gì?

**A.** Trau dồi vốn từ, rèn luyện để nắm đầy đủ, chính xác nghĩa của từ, cách dùng từ là việc quan trọng trau dồi vốn từ

**B.** Đọc từ nhiều lần

**C.** Viết từ đó ra giấy nhiều lần

**D.** Cả 3 phương án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Chọn cách giải thích đúng “hậu quả” là:

**A.** Kết quả phía sau **B.** Kết quả sau cùng

**C.** Kết quả cuối **D.** Kết quả xấu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Từ “tuyệt” nào có nghĩa là dứt, không còn gì?

**A.** Tuyệt chủng **B.** Tuyệt vời

**C.** Tuyệt thực **D.** Cả A và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Từ đồng nào sau đây có nghĩa là trẻ em?

**A.** Đồng dao **B.** Đồng bộ

**C.** Đồng sự **D.** Đồng niên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Đồng nghĩa với từ “nhược điểm” là gì?

**A.** Thiếu sót **B.** Điểm yếu

**C.** Khuyết điểm **D.** Yếu điểm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Nói “một chữ có thể dùng để diễn tả rất nhiều ý” là nói đến hiện tượng gì trong từ vựng

**A.** Hiện tượng nhiều nghĩa của từ **B.** Hiện tượng đồng âm của từ

**C.** Hiện tựơng đồng nghĩa của từ **D.** Hiện tượng trái nghĩa của từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Các từ lá phổi, lá cờ, lá lách, lá gan… là hiện tượng?

**A.** Hiện tượng nhiều nghĩa **B.** Hiện tượng đồng âm

**C.** Hiện tượng đồng nghĩa **D.** Hiện tượng trái nghĩa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 8:** Trong các câu sau, câu nào sai về lỗi dùng từ?

**A.** Khủng long là loại động vật đã bị tuyệt tự

**B.** Truyện Kiều là một tuyệt tác văn học bằng chữ Nôm của Nguyễn Du

**C.** Bà tôi là người chuyên nghiên cứu những hồ sơ tuyệt mật

**D.** Cô ấy có vẻ đẹp tuyệt trần!

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Từ sai là từ tuyệt tự (không có con), trong khi thực tế loài khủng long là động vật bị tuyệt chủng.

**Câu 9:** Nghĩa gốc của từ “chân” là gì?

**A.** Chân con người, được coi là biểu tượng của cương vị, phận sự của một người với tư cách thành viên của một tổ chức

**B.** Bộ phận dưới dùng của một đồ dùng, có tác dụng đỡ cho các bộ phận khác

**C.** Phần dưới cùng của một số vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền

**D.** Bộ phận dưới cùng của cơ thể con người hay động vật, dùng để đi đứng, thường được coi là biểu tượng của hoạt động đi lại của con người.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Bài ca dao sau có hiện tượng từ:

Bà già đi chợ cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn.

**A.** Hiện tượng từ đồng âm **B.** Hiện tượng từ đồng nghĩa

**C.** Hiện tượng từ trái nghĩa **D.** Hiện tượng từ nhiều nghĩa

**Hướng dẫn giải:**

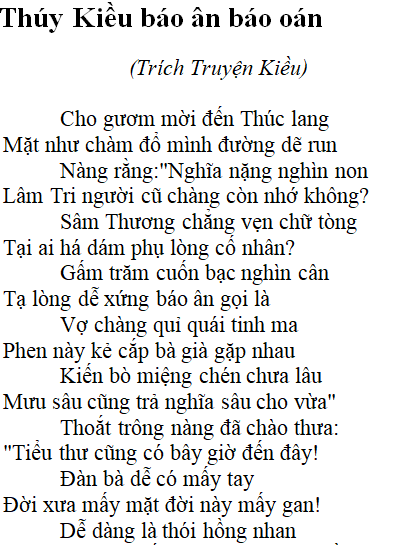
**Chọn đáp án: A**

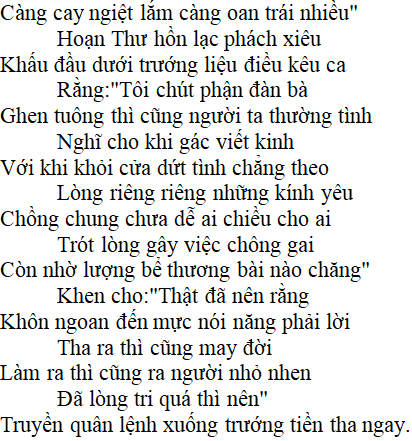
**Giải thích:**Từ 2 từ lợi ở đây đồng âm nhưng khác nghĩa. Lợi 1: tính từ chỉ lợi ích. Lợi 2: danh từ, chỉ một phần trong khoang miệng, nơi răng mọc.

## Bài 8.

### *Đoạn trích: Thúy Kiều báo ân báo oán (trích Truyện Kiều)*

**A. Nội dung bài học**





**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Đoạn trích Kiều báo ân báo oán được chia làm mấy phần?

**A.** 2 phần **B.** 3 Phần

**C.** 4 phần **D.** 5 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Qua lời Kiều nói với Thúc Sinh, em thấy Kiều là nhân vật như thế nào?

**A.** Nàng trân trọng việc Thúc Sinh chuộc nàng khỏi lầu xanh.

**B.** Nàng gọi Thúc Sinh là người cũ mang sắc thái thân mật, gần gũi, gọi là cố nhân một cách trân trọng

**C.** Nàng thấy mang nặng ân nghĩa với Thúc Sinh, không sao đền đáp được

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Tại sao khi trả ơn Thúc Sinh nhưng Kiều lại nhắc tới Hoạn Thư?

**A.** Điều đó chứng tỏ vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra cho Kiều còn nặng nề, đau xót

**B.** Sử dụng lời ăn tiếng nói của người dân để nói về hành động trừng phạt kẻ ác theo quan điểm của nhân dân

**C.** Tố cáo lòng ganh ghét đố kị và thủ đoạn tàn nhẫn của Hoạn Thư

**D.** Cả A và B

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Trước thái độ của Kiều, Hoạn Thư xử lý ra sao?

**A.** Hoạn Thư khéo léo đưa ra lập luận tránh tội cho mình

**B.** Lý lẽ Hoạn Thư đưa ra luôn chính xác, khó lòng bác bỏ được

**C.** Là người khôn ngoan, lọc lõi, Hoạn Thư đưa ra những lý lẽ xác đáng, khó lòng bác bỏ được

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Thái độ của Kiều trước sự chối tội của Hoạn Thư là gì?

**A.** Thúy Kiều xuôi lòng tha bổng cho Hoạn Thư, và còn khen ngợi Hoạn Thư “khôn ngoan”

**B.** Trách phạt Hoạn Thư vì đã từng gieo đau khổ cho mình

**C.** Vui mừng vì Hoạn Thư biết hối lỗi, sợ sệt

**D.** Không biết đối đáp với Hoạn Thư ra sao vì Hoạn Thư quá xảo quyệt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Việc Kiều tha cho Hoạn Thư là kết cục thế nào?

**A.** Kết cục bất ngờ với người đọc nhưng logic với mạch tác phẩm

**B.** Thúy Kiều là người phụ nữ đa sầu, đa cảm, nặng tình nặng nghĩa nên khó đối đầu với Hoạn Thư

**C.** Vì Thúy Kiều dễ mủi lòng, nên có thể tha thứ cho Hoạn Thư

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Tính cách của Kiều qua đoạn trích Kiều báo ân, báo oán được thể hiện như thế nào?

**A.** Có yêu có ghét rõ ràng, lúc ôn hòa, khi cương quyết, cứng rắn

**B.** Nàng đền ơn cho người cưu mang mình, tha tội cho Hoạn Thư- kẻ gây ra đau khổ cho nàng

**C.** Thúy Kiều là người thấu hiểu đạo lý, cách cư xử, nhưng nàng cũng là người đa sầu đa cảm

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Nhân vật Hoạn Thư trong đoạn trích được thể hiện thế nào?

**A.** Hoạn Thư là người khôn ngoan, không run sợ trước lời buộc tội của Kiều

**B.** Không khéo đưa ra lời biện minh để thoát tội cho bản thân

**C.** Lợi dụng lòng đồng cảm của Thúy Kiều, tác động vào lòng thương người của Kiều để mong thoát tội

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Đoạn trích Kiều báo ân báo oán thể hiện quan điểm gì của quần chúng nhân dân?

**A.** Ở hiền gặp lành

**B.** Ác giả ác báo

**C.** Con người đau khổ sẽ có lúc vùng lên cầm cán cân công lí, ở hiền gặp lành

**D.** Đàn bà ghê gớm sẽ bị trừng phạt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 10:** Đoạn trích Kiều báo ân báo oán nổi bật tính cách các nhân vật, qua đó thể hiện niềm tin của nhân dân về sự công bằng trong xã hội, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

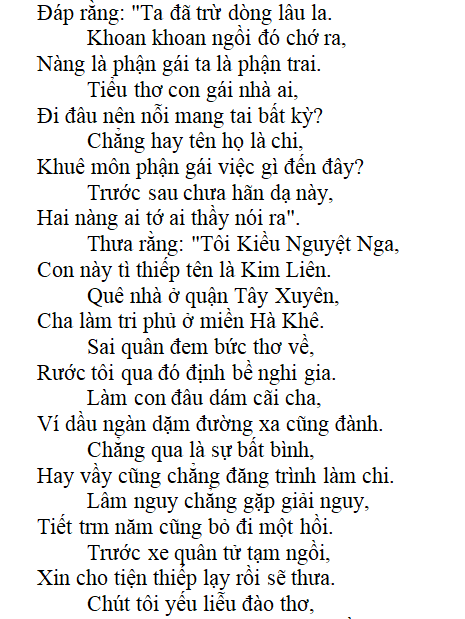
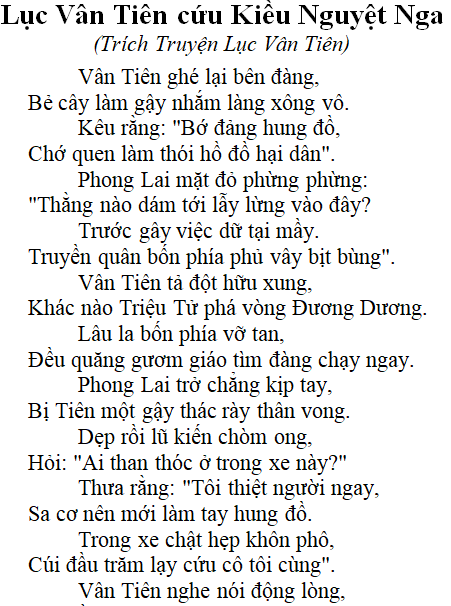
**Hướng dẫn giải:**

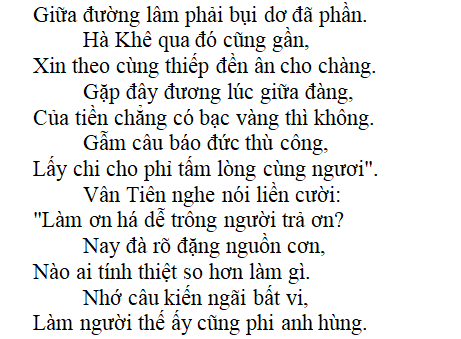
**Chọn đáp án: A**

### *Đoạn trích: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (trích Truyện Lục Vân Tiên)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga





I. Đôi nét về tác giả

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) tục gọi là Đồ Chiểu

- Quê quán: sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố HCM); quê cha ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

- Cuộc đời:

    + Năm 1843, ông thi đỗ tú tài năm 21 tuổi

    + Năm 1849, ông bị mù. Tuy nhiên không đầu hàng số phận, ông về Gia Định dạy học và bốc thuốc.

    + Khi thực dân Pháp xâm lược Nam Kì, ông tích cực tham gia vào phong trào kháng chiến

    + Khi cả Nam Kì rơi vào tay giặc, ông về sống tại Ba Tri (Bến Tre), nêu cao tinh thần bất khuất cho đến lúc mất

- Sự nghiệp văn chương

    + Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc, ông đã để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm truyền bá đạo lí làm người, lòng yêu nước và ý chí cứu nước...

    + Tác phẩm chính: Truyện Lục Vân Tiên, Dương Từ- Hà Mậu, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Thơ điếu Trương Định...

- Quan điểm sáng tác: Nguyễn Đình Chiểu sáng tác với quan điểm lấy ngòi bút làm vũ khí chiến đấu: “Chở bao nhiêu đạp thuyền không khẳm – Đâm mất thằng gian bút chẳng tà”

II. Đôi nét về tác phẩm Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Truyện Lục Vân Tiên là một truyện thơ nôm của Nguyễn Đình Chiểu, được sáng tác khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ 19, truyện có 2082 câu thơ lục bát.

- Đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga nằm ở phần đầu của truyện

**2. Bố cục đoạn trích**

- Phần 1: Lục Vân Tiên đáng cướp

- Phần 2: Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

**3. Giá trị nội dung**

    Đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga đã khắc họa những phẩm chất tốt đẹp của hai nhân vật trung tâm: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa, khinh tài, Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nết na ân tình. Qua đó thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả Nguyễn Đình Chiểu

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Đoạn trích thành công với thể thơ lục bát dân tộc, nghệ thuật kể chuyện, miêu tả rất giản dị, mộc mạc, giàu màu sắc Nam Bộ

III. **Dàn ý:** phân tích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

**I. Mở bài**

- Vài nét về tầm quan trọng của Nguyễn Đình Chiểu đối với nền văn học Nam Bộ nói riêng và nền văn văn học dân tộc nói chung: Một nhà thơ, một người chiến sĩ mù khiến chúng ta cảm phục, một ngôi sao sáng nhất trên bầu trời Nam Bộ

- Giới thiệu khái quát về tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên và đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga: Đây là tác phẩm chứa đựng nhiều giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Đoạn trích đã khắc họa thành công hai nhân vật trung tâm của tác phẩm với nhiều phẩm chất tốt đẹp.

**II. Thân bài**

**1. Hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên**

- Lục Vân Tiên là nhân vật chính của tác phẩm

- Là chàng trai tài, giỏi, cứu cô gái thoát khỏi tình huống nguy hiểm

- Chàng trai ấy vừa rời trường học, muốn thi thố lập công danh nhưng gặp phải bọn cướp hãm hại dân lành liền hành hiệp trượng nghĩa

- Đối đầu với lũ cướp rất đông với gươm giáo sáng ngời, dù không một tấc sẳ trong tay Lục Vân Tiên vẫn dũng cảm đánh cướp

- Lục Vân Tiên bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng giúp đời và tấm lòng vị nghĩa =>một người “vị nghĩa vong thân”

- Đối xử với Kiều Nguyệt Nga rất chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, rất nhân hậu và có văn hóa:

    + Thấy hai cô gái chưa hết hãi hùng, Vân tiên “động lòng” an ủi, ân cần hỏi han

    + Chàng nghĩ cho thân phận nữ nhi của Kiều Nguyệt Nga

    + Khi Kiều Nguyệt Nga mong muốn trả ơn, chàng chỉ: “nghe nói liền cười”, đối với chàng hành động trượng nghĩa không phải là để trả ơn mà với chàng, làm việc nghĩa như là bổn phận, lẽ tự nhiên

        ⇒ Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa Lục Vân tiên mang cốt cách nghĩa sĩ thời loạn với cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và cách ứng xử cao đẹp, đó là cách cư xử của một tinh thần hiệp nghĩa của các bậc hảo hán

**2. Hình tượng nhân vật Kiều Nguyệt Nga**

- Bên cạnh Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga cũng là một nhân vật lí tưởng của tác phẩm

- Những phẩm chất tốt đẹp của Kiều Nguyệt Nga được thể hiện qua lời giãi bày với Lục Vân Tiên:

    + Nàng là một cô gái thùy mị nết na, có học thức: cách xưng hô của nàng rất khiên nhường: “quân tử” “tiện thiếp”

    + Nàng sống mực thước khuôn phép: “làm con đâu dám cãi cha”

    + Nàng còn là một người cư xử có trước có sau: nàng coi trọng ơn nghĩa của Lục Vân Tiên với mình và muốn mời chàng hiệp sĩ qua miền Hà Khê để nàng có thể: “gẫm câu báo đức thù công- lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi”

    + Kiều Nguyệt Nga đã nguyện gắn bó suốt đời mình với chàng trai hiệp nghĩa Lục Vân Tiên

        ⇒ Kiều Nguyệt Nga hiện lên là một nhân vật có lòng tự tôn và đức hạnh

**III. Kết bài**

- Khái quát lại giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật làm nên thành công của tác phẩm

- Trình bày cảm nhận, suy nghĩ về vẻ đẹp của hai nhân vật trung tâm

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Truyện Lục Vân Tiên được viết bằng loại chữ nào?

**A.** Chữ Hán **B.** Chữ Pháp

**C.** Chữ Nôm **D.** Chữ quốc ngữ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Truyện Lục Vân Tiên là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm

**Câu 2:** Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga khiến em em liên tưởng đến nhân vật trong truyện cổ tích nào?

**A.** Anh Khoai trong truyện Cây tre trăm đốt **B.** Người em trong truyện Cây khế

**C.** Thạch Sanh trong truyện Thạch Sanh **D.** Nhà vua trong truyện Tấm Cám

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Dòng nào nói đúng nhất vẻ đẹp của Lục Vân Tiên thể hiện qua hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga?

**A.** Có tính cách anh hùng **B.** Có tài năng

**C.** Có tấm lòng vị nghĩa **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông- Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ gì?

**A.** Nhân hóa **B.** Ẩn dụ

**C.** So sánh **D.** Nói quá

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Hình ảnh Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga được khắc họa giống với motip nào trong truyện cổ?

**A.** Một chàng trai tài giỏi, cứu một gái thoát khỏi cảnh nguy hiểm, họ trả nghĩa nhau và thành vợ chồng

**B.** Một anh nông dân nghèo nhờ chăm chỉ đã lấy được vẻ đẹp và trở nên giàu có

**C.** Một ông vua hạnh phúc đến cho một người đau khổ

**D.** Những con người ăn ở hiền lành, thật thà, phúc đức sẽ đền đáp xứng đáng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự

**I. Kiến thức cần nhớ**

Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật; đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật sống động

Người ta có thể miêu tả nội tâm trực tiếp bằng cách diễn tả những ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật. cũng có thể miêu tả nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục… của nhân vật.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1:

Những câu thơ sau miêu tả điều gì? Nêu tác dụng của biện pháp miêu tả trong đoạn trích trên.

Mỗi mình thêm tức nỗi nhà,

Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!

Ngại ngùng dợn gió e sương

Ngừng hoa bóng thẹn cho gương mặt dày

Mối càng vén tóc bắt tay,

Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

Bài 2:

Cho biết đoạn văn sau sử dụng phương thức biểu đạt nào?

Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Ku- ku-rêu, và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết: “Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong! Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1: Những câu thơ trên miêu tả nỗi đau đớn, ê chề của Thúy Kiều khi phải bán mình chuộc cha

- Biện pháp miêu tả làm hiện rõ nỗi đau đến tột cùng hằn lên vẻ đẹp “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh” của Thúy Kiều

- Tác giả miêu tả hình ảnh thiên nhiên nhưng thực chất để nói tới nỗi đau xót, ê chề của Thúy Kiều

- Hình ảnh ước lệ gợi ra tâm trạng buồn tủi, xót xa, đau đớn của Kiều trước giông bão cuộc đời

Bài 2:

Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt: Tự sự

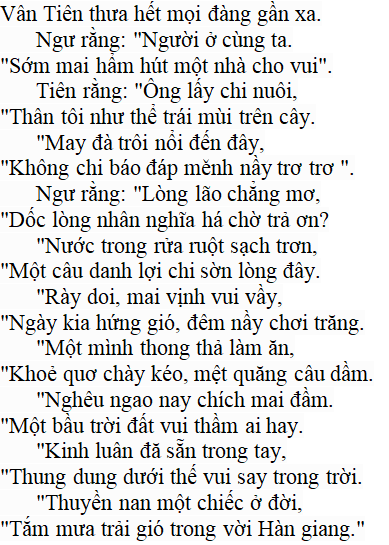
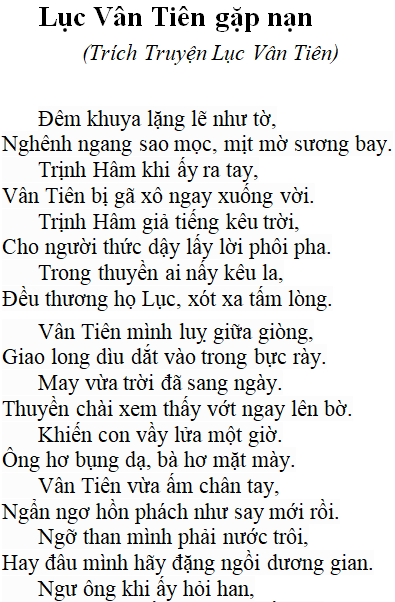
- Người kể kể lại chuyện sau những chuyến đi xa trở về thường mong ngóng được gặp hai cây phong để nghe tiếng lá reo.

## Bài 9.

### *Đoạn trích: Lục Vân Tiên gặp nạn (trích Truyện Lục Vân Tiên)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung đoạn trích Lục Vân Tiên gặp nạn



**B. Bài tập luyện tập**

### Tổng kết về từ vựng

**I. Kiến thức cơ bản**

1. Từ đơn và từ phức

Từ đơn: từ có một tiếng có nghĩa tạo thành. Ví dụ: nhà, cửa, xe, bút, sách…

Từ phức: từ có hai tiếng trở lên tạo thành. Ví dụ: sách vở, xe cộ, lấp lánh, khấp khiểng…

2. Thành ngữ: là những cụm từ mang nghĩa cố định được sử dụng hằng ngày. Nghĩa của nó không thể giải thích bằng nghĩa của các từ đơn lẻ.

VD: Nhanh như chớp, trắng như vôi, nhát như cáy…

3. Nghĩa của từ: nội dung mà từ biểu thị

VD: nghĩa của từ “đi” hoạt động di chuyển bằng chân của người, động vật.

4. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ

Từ nhiều nghĩa: là từ có một nghĩa gốc và một, hoặc một số nghĩa chuyển của nó.

Hiện tượng chuyển nghĩa của từ dựa trên 2 phương thức: hoán dụ và ẩn dụ

VD: Từ “mặt” nghĩa gốc chỉ bộ phần trên cơ thể con người, phần phía trước, **từ** trán đến cằm của người, hay phần phía trước của đầu con thú, nơi có các bộ phận như **mắt,**mũi, mồm

Nghĩa chuyển: mặt bàn, mặt ghế, mặt kính, mặt đồng hồ…

5. Từ đồng âm: từ giống nhau về âm đọc nhưng khác nhau về nghĩa.

VD: **Tôi** đi học.

Mùi vôi **tôi** mới nồng nặc làm sao!

Từ **tôi 1:** đại từ xưng hô

Từ **tôi 2:** động từ chỉ hoạt động thả vôi vào trong nước

6. Từ đồng nghĩa

Là những từ giống nhau hoặc có nét tương đồng với nhau về mặt ý nghĩa.

Ví dụ: từ **chết** và từ **toi** đồng nghĩa với nhau, đều chỉ hiện tượng chấm dứt sự sống

7. Từ trái nghĩa

Là những từ có nghĩa trái ngược nhau

VD. sáng- tối, đóng- mở, vui- buồn…

8. Cấp độ khái quát nghĩa của từ: sự khái quát nghĩa của từ ngữ theo những cấp độ khác nhau (rộng- hẹp)

Ví dụ: nghĩa của từ vũ khí khái quát nghĩa của từ: lê, mác, súng, đại bác…

9. Trường từ vựng: tập hợp những từ có chung ít nhất một nét về nghĩa

Ví dụ trường từ vựng thực phẩm: thịt lợn, thịt bò, tôm, cua, cá…

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau:

- Đầu tắt mặt tối

- Sáng nắng chiều mưa

- Áo gấm đi đêm

- Ân đền oán trả

Bài 2: Tìm các từ trái nghĩa ở các thành ngữ trên

Bài 3: Tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa với các từ: sáng, chăm chỉ, tốt lành, hào phóng, nhanh nhẹn

Bài 4: Tìm nghĩa chuyển của từ “chân” và từ “lá”

**Gợi ý:**

Bài 1:

- Đầu tắt mặt tối: chỉ sự lam lũ, vất vả của người lao động. Chỉ tình trạng làm việc vất vả, từ việc này tới việc khác, không có lúc được nghỉ ngơi

- Sáng nắng chiều mưa: sự thay đột ngột, thất thường, không thể lường trước được về mặt tính cách

- Áo gấm đi đêm: phê phán sự không hợp lý, không đúng lúc, đúng chỗ của hành động nào đó.

Bài 2: Các từ trái nghĩa với các thành ngữ trên

- Thảnh thơi, an nhàn, nhàn tản, nhàn, rảnh rỗi

- Ổn định

- Hợp lý, phù hợp

Bài 3:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ** | **Đồng nghĩa** | **Trái nghĩa** |
| Sáng | Ánh sáng, tia sáng, sáng sủa | Tối, đen tối |
| Chăm chỉ | Cần mẫn, cần cù | Lười biếng, nhác, lười |
| Tốt lành | An lành, yên lành, tốt đẹp | Xấu xa, xấu xí |
| Hào phóng | Hào sảng, phóng khoáng | Ki bo, ích kỉ |
| Nhanh nhẹn | Hoạt bát, linh hoạt, nhanh nhảu | Chậm chạp, rù rờ, chậm |

Bài 4:

Các từ chuyển nghĩa của từ chân: chân trời, chân mây, chân bàn, chân ghế, chân núi…

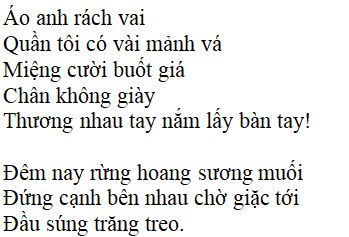
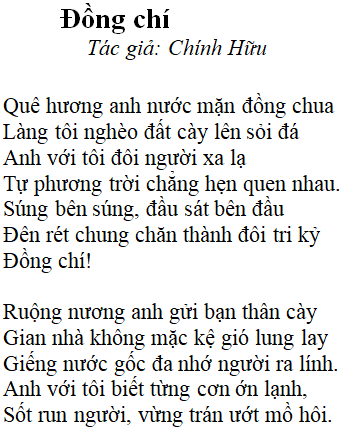
Các từ chuyển nghĩa của từ lá: lá phổi, lá gan, lá gió, lá lách…

## Bài 10.

### *Bài thơ: Đồng chí (Chính Hữu)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Đồng chí



I. Đôi nét về tác giả

- Chính Hữu (1926-2007): Tên thật là Trần Đình Đắc, bút danh Chính Hữu

- Quê quán: huyện Can Lộc, tình Hà Tĩnh

- Năm 1946, Chính Hữu gia nhập Trung đoàn thủ đô và hoạt động trong quân đội suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

⇒ Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp

- Sống và hoạt động trong thời điểm đất nước đang trải qua cuộc chiến đấu trường kì để bảo vệ chủ quyền, độc lập, Chính Hữu có ý thức hướng ngòi bút của mình vào hiện thực chiến tranh.

- Quá trình sáng tác:

    + Ông bắt đầu sự nghiệp sáng tác thơ năm 1947

    + Đề tài chủ yếu trong các sáng tác tác của Chính Hữu là đề tài chiến tranh và người lính

    + Tác phẩm chính làm nên tên tuồi của Chính Hữu là tập thơ Đầu súng trăng treo (1966). Ngoài ra các tác phẩm của ông còn có Thơ Chính Hữu (1997),...

- Phong cách sáng tác: Những sáng tác của ông không nhiều nhưng phần lớn là những bài thơ mang đậm dấu ấn cá nhân với cảm xúc dồn nén, vừa thiết tha, trầm hùng lại vừa sâu lắng, hàm súc, ngôn ngữ, hình ảnh chọn lọc, đặc sắc ⇒ Làm nên một nhà thơ với phong cách bình dị.

II. Đôi nét về tác phẩm Đồng chí

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ được sáng tác vào mùa xuân năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (Thu - Đông năm 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

        ⇒ Được đánh giá là tiêu biểu cho thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946 – 1954, bài thơ đã đi qua hành trình hơn nửa thế kỉ, làm sang trọng một hồn thơ chiến sĩ của Chính Hữu.

**2. Bố cục (3 đoạn)**

- Đoạn 1 (7 câu thơ đầu): Cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội của những người lính.

- Đoạn 2 (10 câu thơ tiếp theo): Những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.

- Đoạn 3 (3 câu kết): Biểu tượng đẹp về tình đồng chí.

**3. Giá trị nội dung**

    Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu. Tình đồng chí góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và phẩm chất của những người lính cách mạng. Qua đó hiện lên hình tượng chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Bài thơ thành công về nghệ thuật bởi thể thơ tự do linh hoạt, các chi tiết, hình ảnh được sử dụng mang tính tiêu biểu, chân thực, ngôn ngữ cô đọng, giản dị và giàu sức biểu cảm.

III. **Dàn ý:** phân tích Đồng chí

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về đề tài chiến tranh, người lính trong thơ ca: Đây là đề tài quen thuộc đã đi vào thơ ca của rất nhiều các tác giả tiêu biểu.

- Khái lược nét riêng độc đáo của Chính Hữu và Đồng chí - một bài thơ viết theo đề tài người lính: Chính Hữu xuất hiện trên thi đàn với phong cách thơ bình dị. Bài thơ Đồng chí tuy vẫn đi vào đề tài người lính nhưng đã vượt qua tất cả những xáo mòn để mang đến những cảm xúc rất chân thực về tình đồng chí nơi trái tim.

**II. Thân bài**

**1. Đôi nét về hoàn cảnh sáng tác tác phẩm**

- Bài thơ ra đời đầu năm 1948, giữa lúc nhà thơ và đồng đội hoạt động chống lại cuộc tấn công của Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

- Ra đời trong hoàn cảnh khó khăn nhưng bài thơ có thể đã như một lời động viên tinh thần cho chính tác giả Chính Hữu, làm sang trọng thêm hồn thơ chiến sĩ của ông.

**2. 7 câu thơ đầu: Sự lí giải về cơ sở của tình đồng chí**

- Hai câu đầu: Hoàn cảnh xuất thân của những người chiến sĩ:

    + Xuất thân từ ngư dân miền biển (nước mặn đồng chua) và nông dân (đất cày lên sỏi đá)

    + Hoàn cảnh khó khăn, vất vả, nghèo khó

        ⇒ Sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó là cơ sở cho sự đồng cảm giai cấp của những người lính cách mạng.

- Hai câu tiếp: Hoàn cảnh gặp gỡ:

    + “Đôi người xa lạ”: Hai đối tượng “anh”- “tôi” vốn không quen biết

    + “Chẳng hẹn quen nhau”: Tuy sự quen nhau là không hẹn trước, nhưng chính việc cùng hoàn cảnh xuất thân, cùng tham gia chiến đấu đã làm họ nảy nở tình cảm cao đẹp.

- 3 câu thơ tiếp: Sự gắn kết trọn vẹn giữa những người đồng chí:

    + Hình ảnh song hành “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”: Tình đồng chí nảy nở và bền chặt khi họ chia sẻ với nhau những khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

    + Những người chiến sĩ còn chia sẻ với nhau những gian khó đời thường “đêm rét chung chăn”, hiểu rõ về nhau để trở thành “tri kỉ”.

    + Hai tiếng “Đồng chí!” vang lên làm bừng sáng cả bài thơ, là kết tinh của một tình cảm cách mạng cao đẹp: tình đồng chí.

**3. 10 câu thơ tiếp: Diễn tả những biểu hiện cụ thể vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí đồng đội**

- 3 câu đầu: Tình đồng chí là cảm thông những tâm sự thầm kín về hậu phương, quê hương

    + Họ hiểu về hoàn cảnh ra đi của nhau: bỏ lại sau lưng những gì bình dị, thân thuộc nhất, những gì đã gắn bó với họ từ lúc chào đời: “ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa”

    + Họ cùng nhau xác định lí tưởng: ra đi để bảo vệ những gì thân thương nhất, thái độ dứt khoát ra đi thể hiện quyết tâm chiến đấu

        ⇒ Tình cảm đồng chí thân thiết, họ chia sẻ với nhua những gì riêng tư, thân thuộc nhất của họ

- 7 câu tiếp: Đồng chí là cùng chia sẻ với nhau những gian lao thiếu thốn trong đời lính

    + Họ san sẻ cùng nhau, cùng nhau trải qua những “cơn ớn lạnh”, những khi “sốt run người vầng trán đẫm mồ hôi” ⇒ Hình ảnh chân thực, họ thương nhau khi phải trải qua những cơn sốt rét

    + Họ chia sẻ cho nhau, cùng nhau trải qua những thiếu thốn về vật chất trong cuộc sống hằng ngày: “Áo anh rách vai...không giày”: Sự thiếu thốn về vật chất không làm tình cảm của họ phai nhạt đi, ngược lại làm cho họ quyết tâm hơn vì lí tưởng

    + “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” Biểu hiện của tình đồng chí trực tiếp nhất, họ nắm tay nhau- cái nắm tay để sẻ chia, truyền hơi ấm, để hi vọng, để quyết tâm ⇒ Cử chỉ cảm động chan chứa tình cảm chân thành

**4. 3 câu cuối: Biểu tượng đẹp, giàu chất thơ của tình đồng chí**

- 2 câu đầu: Nhiệm vụ gian khổ của người lính

    + Hoàn cảnh: đêm, rừng hoang, sương muối ⇒ hoàn cảnh khắc nghiệt

    + Nhiệm vụ của những người lính chiến: đứng gác, phục kích sẵn sàng “chờ giặc tới”

        ⇒ Tình đồng chí được tôi luyện trong thử thách, gian lao, hình ảnh của họ đứng cạnh bên nhau vững chãi làm mờ đi sự gian khổ, ác liệt của chiến tranh, tình đồng chí giúp họ lãng mạn và bình thản trong mọi hoàn cảnh

- Câu cuối “Đầu súng trăng treo”: hình ảnh kết thúc đầy bất ngờ, độc đáo, điểm sáng của toàn bài, gợi liên tưởng thú vị:

    + “Súng”: biểu tượng của chiến tranh

    + “trăng”: biểu tượng cho thiên nhiên trong mát, cho hòa bình

        ⇒ Sự hòa hợp giữa trăng và súng làm toát lên vẻ đẹp tâm hồn người lính, vừa nói lên ý nghĩa của việc họ cầm súng chiến đấu là bảo vệ cho cuộc sống thanh bình nơi quê hương ⇒ Tình đồng chí của họ càng thêm cao cả và ý nghĩa bội phần

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những nét tiêu biểu, đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ Đồng chí: thể thơ tự do, ngôn ngữ cô đọng, hình ảnh chân thực

- Bài thơ là lời tuyên bố chân thực nhất, bình dị nhất nhưng lại sâu sắc và thiêng liêng nhất về tình đồng chí đồng đội trong hoàn cảnh khó khăn tột cùng

- Liên hệ cảm nhận riêng của bản thân về tình bạn trong thời đại hiện nay

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ Đồng chí được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

**A.** 1947 sau chiến dịch Việt Bắc- thu đông **B.** 1948 sau chiến dịch Việt Bắc- thu đông

**C.** 1949 sau chiến dịch Việt Bắc – thu đông **D.** 1950 sau chiến dịch Việt Bắc- thu đông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Bài thơ Đồng chí có bố cục gồm mấy phần?

**A.** Gồm 3 phần **B.** Gồm 4 phần

**C.** Gồm 5 phần **D.** Gồm 6 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Bài thơ Đồng chí gồm 3 phần: Cơ sở hình thành tình đồng chí, biểu hiện của tình đồng chí, Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí

**Câu 3:** Cơ sở hình thành tình đồng chí?

**A.** Từ những người chung nguồn gốc, xuất thân từ các miền quê

**B.** Những người có chung lý tưởng, chí hướng

**C.** Những người cùng sống trong cảnh nghèo khó

**D.** Cả ba đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Câu thơ “Đồng chí!” là câu gì?

**A.** Câu đặc biệt **B.** Câu rút gọn

**C.** Câu đơn **D.** Câu ghép

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Câu thơ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” sử dụng biện pháp tu từ nào?

**A.** Nhân hóa và hoán dụ **B.** Nhân hóa và ẩn dụ

**C.** Ẩn dụ và hoán dụ **D.** Không sử dụng biện pháp tu từ nào cả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Nhân hóa: giếng nước “nhớ”, hoán dụ: Dùng bộ phận để gọi cái cụ thể (giếng nước, gốc đa để nói về quê hương)

**Câu 6:** Chính Hữu khai thác đề tài đó ở khía cạnh nào là chủ yếu?

**A.** Cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh ước lệ mang dáng dấp tráng sĩ

**B.** Vẻ đẹp và chất thơ trong những sự việc và con người giản dị, bình thường

**C.** Cảm hứng về một hiện thực vô cùng khắc nghiệt của chiến tranh, cứu nước

**D.** Vẻ đẹp của những miền quê đã gắn bó với những người lính trong chiến đấu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Nội dung chính của các câu thơ sau là gì?

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

**A.** Miêu tả các vùng đất khác nhau của đất nước ta

**B.** Nói lên sự khắc nghiệt của thiên nhiên ta

**C.** Nói lên sự đối lập giữa các vùng miền của đất nước ta

**D.** Nói lên hoàn cảnh xuất thân của những người lính

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Nhận định nào đúng nhất nội dung chính của các câu thơ sau?

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

**A.** Nỗi nhớ và sự hồi tưởng của người lính về quê hương

**B.** Nỗi nhớ của quê hương đối với những người ra lính

**C.** Sự khó khăn vất vả của gia đình những người lính

**D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Tình đồng chí được thể hiện rõ nhất trong 3 câu thơ trên là gì?

**A.** Sự cảm thông sâu sắc những tâm tư nỗi lòng của nhau

**B.** Sự hiểu biết sâu sắc về quê hương của nhau

**C.** Sự hiểu biết sâu sắc vè gia đình, người thân của nhau

**D.** Sự chia sẻ sâu sắc những khó khăn của cuộc sống chiến đấu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Từ “mặc kệ” có nghĩa là gì?

**A.** Biểu thị quan hệ trái ngược điều kiện và sự việc xảy ra

**B.** Điều vừa được nói đến không có tác động gì làm thay đổi việc sắp xếp xảy ra

**C.** Để cho tùy ý, không để ý đến, không có sự can thiệp nào.

**D.** Một cách nói không rõ ra bằng lời, mà hiểu ngầm với nhau như vậy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Những câu thơ sau đây được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

**A.** Tự sự và nghị luận **B.** Nghị luận và miêu tả

**C.** Miêu tả và tự sự **D.** Thuyết minh và tự sự

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 12:** Hình ảnh đầu súng trăng treo có ý nghĩa tả thực hay biểu tượng?

**A.** Tả thực **B.** Biểu tượng

**C.** Vừa tả thực, vừa biểu tượng **D.** Cả A, B, C đều sai

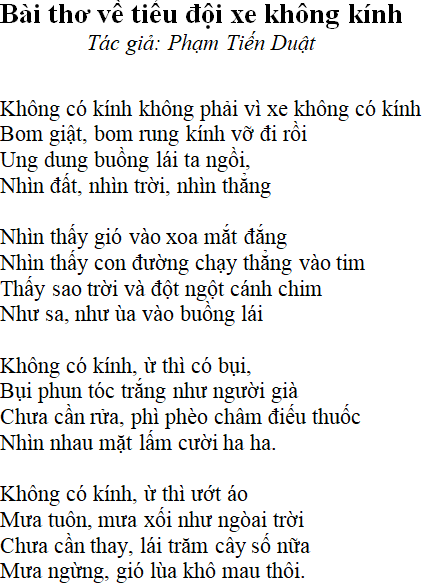
**Hướng dẫn giải:**

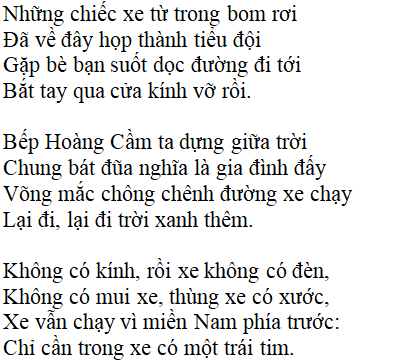
**Chọn đáp án: C**

### *Bài thơ: Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung Bài thơ về tiểu đội xe không kính





I. Đôi nét về tác giả

- Phạm Tiến Duật (1941- 2007)

- Quê quán: huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Năm 1964, ông tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

    + Tuy vậy ông không tiếp tục với nghề mình đã chọn mà quyết định lên đường nhập ngũ, đó cũng là nơi ông sáng tác ra rất nhiều tác phẩm thơ nổi tiếng.

    + Năm 1970, ông đạt giải nhất cuộc thi thơ báo Văn Nghệ, ngay sau đó Phạm Tiến Duật được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam

    + Chiến tranh kết thúc, ông trở về làm tại ban Văn Nghệ, Hội nhà văn Việt Nam và là Phó trưởng Ban Đối ngoại Nhà văn Việt Nam. Đó quả là một thành tích đáng tự hào.

    + Năm 2001, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật

    + 19-11-2007 , ông được chủ tịch nước Nghuyễn Minh Triết trao tặng Huân chương lao động hạng nhì

    + Năm 2012, ông nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn Học Nghệ thuật

    + Các tác phẩm tiêu biểu: “Vầng trăng quầng lửa”, “Nhóm lửa”, “Tiếng bom và tiếng chuông chùa”…

- Phong cách sáng tác: thơ của Phạm Tiến Duật được các nhà văn khác đánh giá cao và có nét riêng: giọng điệu rất sôi nổi của tuổi trẻ vừa có cả sự ngang tàn tinh nghịch nhưng lại vô cùng sâu sắc. Nhiều bài thơ của ông đã được phổ nhạc thành bài hát, tiêu biểu là bài “ Trường sơn Đông Trường Sơn Tây”

II. Đôi nét về tác phẩm Bài thơ về tiểu đội xe không kính

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Bài thơ sáng tác năm 1969 trên tuyến đường Trường Sơn, trong thời kì kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt. Bài thơ thuộc chùm thơ được tặng giải Nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969, in trong tập “Vầng trăng quầng lửa”

**2. Bố cục**

- Đoạn 1 (Khổ 1+2): Tư thế thế ung dung hiên ngang của người lính lái xe không kính

- Đoạn 2 (Khổ 3+4): Tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn gian khổ và tinh thần lạc quan, sôi nổi của người lính

- Đoạn 3 (Khổ 5+6): Tinh thần đồng chí đồng đội thắm thiết của người lính lái xe

- Đoạn 4 (Khổ 7): Lòng yêu nước và ý chí chiến đấu vì miền Nam

**3. Giá trị nội dung**

    Bài thơ khắc họa nét độc đáo của hình tượng những chiếc xe không kính qua đó làm nổi bật hình ảnh những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt, họ ung dung hiên ngang, dũng cảm lạc quan có tinh thần đồng chí đồng đội và một ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Bài thơ kết hợp thể thơ bảy chữ và tám chữ một cách tự nhiên. Đặc biệt nhất là có chất liệu hiện thực vô cùng sinh động của chiến trường, những hình ảnh sáng tạo rất đời thường. Ngôn ngữ và giọng điệu thơ giàu tính khẩu ngữ, ngang tàn và khỏe khoắn

III. **Dàn ý:** phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về đề tài chiến tranh, người lính trong thơ ca: Đây là đề tài quen thuộc đã đi vào thơ ca của rất nhiều các tác giả tiêu biểu.

- Vài nét về tác giả Phạm Tiến Duật- một nhà thơ nổi tiếng với rất nhiều tác phẩm viết về đề tài chiến tranh

- “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” với hình ảnh chủ đạo là chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn với bao phẩm chất tốt đẹp.

**II. Thân bài**

**1. Đôi nét về hoàn cảnh sáng tác tác phẩm**

- Bài thơ ra đời vào năm 1969 trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ diễn ra vô cùng ác liệt

- Bài thơ là lời ngợi ca vẻ đẹp của người lính cách mạng thời bấy giờ

**2. Khổ 1+2: Tư thế thế ung dung hiên ngang của người lính**

- 2 câu thơ đầu: nhấn mạnh tư thế ung dung của người lính, đường hoàng đĩnh đạc, dám nhìn thẳng vào khó khăn gian khổ không hề run sợ né tránh

- 4 câu thơ tiếp theo:

    + Phép nhân hóa “gió vào xoa” “con đường chạy” , ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “mắt đắng”

        ⇒ tả thực cảm nhận của người lính với thế giới bên ngoài

    + “Thấy con đường chạy thẳng vào tim”: tốc độ trên chiếc xe đang lao vun vút ra mặt trận

        ⇒ con đường ấy còn là con đường giải phóng miền Nam, con đường của trái tim nồng nàn yêu nước

        ⇒ Chiến tranh tuy khốc liệt nhưng người lính vẫn cảm nhận bằng một tâm hồn trẻ trung đầy lãng mạn, qua khung cửa, mọi vật dường như cũng muốn theo người lính ra chiến trường.

        ⇒ chất thơ của cuộc chiến đấu

**3. Khổ 3+4: Tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn gian khổ và tinh thần lạc quan, sôi nổi của người lính**

- 2 câu thơ đầu khổ 3+ 2 câu thơ đầu khổ 4:

    + Người lính phải đối mặt với bao khó khăn, khắc nghiệt của thời tiết ở Trường Sơn: “bụi phun tóc trắng”, “mưa tuôn mưa xối”

    + Nhưng sáng ngời ở họ vẫn là sự anh dũng đón nhận những khắc nghiệt “không có… ừ thì”: thái độ sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy gian khó, coi đó như một yếu tố tất yếu trong cuộc sống chiến đấu

- 2 câu thơ cuối khổ 3+ 2 câu thơ cuối khổ 4:

    + Người lính đối mặt với khó khăn gian khổ bằng giọng cười “ha ha”

        ⇒ Thái độ lạc quan

    + Các từ láy tượng hình tượng thanh “ha ha”, “phì phèo” ẩn dụ thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời của các anh

        ⇒ Đây là vẻ đẹp trong tâm hồn các anh, là chất thơ vút lên từ hiện thực chiến đấu thật đáng ngợi ca và trân trọng

**5. Khổ 5+6: Tinh thần đồng chí đồng đội thắm thiết**

- 4 câu thơ khổ 5:

    + “Đã về đây họp thành tiểu đội”: Những chiếc xe từ gian khổ hiểm nguy cùng chung một nhiệm vụ nên đã tập hợp thành “tiểu đội xe không kính”

    + “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”: chi tiết chân thực nhưng rất hóm hỉnh, qua cái bắt tay, người lính tiếp thêm cho nhau sức mạnh, trao cho nhau tình đồng chí, đồng đội thắm thiết

- 2 câu thơ đầu khổ 6:

    + “Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời”: chiến tranh buộc họ phải dựng bếp ăn giữa “trời”, nhưng họ vẫn ung dung và coi đó như một lẽ tự nhiên

    + “chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”: Chính tình đồng chí đồng đội đã hóa gia đình, cách người lính lái xe định nghĩa về gia đình thật giản dị và độc đáo

        ⇒ Hai tiếng “gia đình” thật thiêng liêng chan chứa tình cảm, họ truyền cho nhau sức mạnh để chiến đấu

- 2 câu thơ cuối khổ 6:

    + Điệp ngữ “lại đi” kết hợp với nhịp thơ: nhịp bước hành quân của các anh đến với những chặng đường mới

    + Hình ảnh “trời xanh thêm”: ý nghĩa tượng trưng sâu sắc thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời, chan chứa hi vọng, đó còn là hoán dụ chỉ hòa bình

**6. Khổ 7: Lòng yêu nước và ý chí chiến đấu vì miền Nam**

- 2 câu đầu: Vẫn là những khó khăn nhưng giờ đây được tăng thêm gấp bội “không kính”, “không đèn”, “không mui xe”, “thùng xe có xước”: khó khăn tăng thêm như cản đi bước chân của người chiến sĩ

- 2 câu cuối

    + Lời khẳng định: “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”: Lời khẳng định chắc nịch bất chấp mọi gian khổ, khó khăn

    + “ Chỉ cần trong xe có một trái tim”: Hình ảnh “trái tim” là hoán dụ chỉ người lính lái xe nồng nàn yêu nước và sục sôi căm thù quân xâm lược nhưng cũng mang nghĩa ẩn dụ: nhiệt huyết cách mạng, lòng trung thàn, dũng cảm

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những nét tiêu biểu, đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn, sử dụng nhiều biện pháp tu từ quen thuộc…

- Bài thơ đã khắc họa chân thực nhất vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn với tư thế ung dung hiên ngang, tinh thần lạc quan dũng cảm bất chấp khó khăn gian khổ và ý chí giải phóng miền Nam. Vẻ đẹp của các anh cũng là tiêu biểu cho thế hệ thanh niên những năm đánh Mĩ

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ về tiểu đội xe không kính sáng tác trong hoàn cảnh nào?

**A.** Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 **B.** Trong kháng chiến chống Pháp

**C.** Trong kháng chiến chống Mĩ **D.** Sau đại thắng mùa xuân 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Tác giả sáng tạo hình ảnh độc đáo- những chiếc xe không kính, nhằm mục đích gì?

**A.** Làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe hiên ngang dũng cảm, sôi nổi, trẻ trung

**B.** Làm nổi bật những khó khăn, thiếu thốn về điều kiện vật chất, vũ khí của những người lính trong cuộc kháng chiến

**C.** Nhấn mạnh tội ác của giặc Mĩ trong việc tàn phá đất nước

**D.** Làm nổi bật sự vất vả, gian lao của những người lính lái xe

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Qua những dòng thơ ta thấy tác giả là người như thế nào?

**A.** Có sự am hiểu về hiện thực đời sống chiến tranh

**B.** Có sự gắn bó với đời sống chiến đấu nơi chiến trường lửa đạn

**C.** Có tâm hồn trẻ trung, sôi nổi và tinh nghịch

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Bài thơ có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt nào?

**A.** Biểu cảm, thuyết minh, miêu tả **B.** Biểu cảm, tự sự, miêu tả

**C.** Miêu tả, tự sự, thuyết minh **D.** Biểu cảm, miêu tả, thuyết minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Có ý kiến cho rằng bài thơ giống bài Đồng chí, cũng khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình dị, bình thường của đời sống chiến tranh. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong những câu sau:

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái

- Bụi phun tóc trắng như người già

- Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời

**A.** So sánh **B.** Liệt kê

**C.** Nhân hóa **D.** Nói quá

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Hai câu thơ “Không có kính, rồi xe không có đèn- Không có mui xe, thùng xe có xước” sử dụng biện pháp nghệ thuật?

**A.** So sánh **B.** Nhân hóa

**C.** Liệt kê **D.** Nói quá

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Nhận định nào nói đúng nhất vẻ đẹp của hình ảnh những người lính lái xe trong bài thơ này?

**A.** Có tư thế hiên ngang và tinh thần dũng cảm

**B.** Có những niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ trong tình đồng đội

**C.** Có ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Giọng điệu bài thơ được thể hiện thế nào?

**A.** Ngang tàng, phóng khoáng, pha chút nghịch ngợm, phù hợp với đối tượng được miêu tả

**B.** Trữ tình, nhẹ nhàng, phù hợp với đối tượng miêu tả

**C.** Sâu lắng, nhẹ nhàng, phù hợp với đối tượng được miêu tả

**D.** Hào hùng, hoành tráng, phù hợp với đối tượng được miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Qua hình ảnh độc đáo những chiếc xe không kính, bài thơ khắc họa nổi bật hình ảnh người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời kì chống Mĩ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp nguy hiểm với ý chí giải phóng miền Nam, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Kiểm tra truyện trung đại

**Câu 1:** Chủ đề của văn bản Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh là gì?

**A.** Phê phán bộ mặt thật của xã hội phong kiến thể hiện qua những con người giả dối, bất nhân, vì tiền mà táng tận lương tâm

**B.** Phê phán bộ mặt thật của xã hội phong kiến qua việc ăn chơi xa hoa, trụy lạc của bọn vua chúa

**C.** Phê phán bộ mặt thật của xã hội phong kiến thể hiện qua thái độ hèn nhát, thần phục ngoại bang một cách nhục nhã

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Giá trị nhân đạo của văn bản Kiều ở lầu Ngưng Bích là gì?

**A.** Thương cảm trước khổ đau bi kịch của con người

**B.** Khẳng định vẻ đẹp của con người

**C.** Đề cao tấm lòng nhân hậu, đề cao ước mơ, công lí, chính nghĩa

**D.** Lên án tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên con người, thương cảm trước thân phận khổ đau của con người

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Ý nào nói đúng nhất thành công trong truyện Kiều của Nguyễn Du?

**A.** Khắc họa nhân vật bằng thủ pháp ước lệ

**B.** Khắc họa tính cách nhân vật qua miêu tả ngôn ngữ, ngoại hình, cử chỉ

**C.** Miêu tả đời sống nội tâm của nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

**D.** Luôn đặt nhân vật vào khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Để lập luận chặt chẽ, người ta dùng các yếu tố ngôn ngữ nào?

**A.** Dùng từ lập luận **B.** Dùng câu lập luận

**C.** Cả A và B đều đúng **D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Đoạn trích Thúy Kiều báo an báo oán sử dụng yếu tố nghị luận không?

**A.** Có **B.** Không

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Trong phần xin tha tội của Hoạn Thư, Hoạn Thư viện dẫn ra nguyên nhân việc làm của mình là do thói thường tình của phụ nữ

**Câu 6:** Trong các câu thơ sau, câu nào sử dụng từ Hán Việt?

**A.** Thuyền ta lái gió với buồm trăng **B.** Biển cho ta cá như lòng mẹ

**C.** Dập dìu tài tử giai nhân **D.** Cháu thương bà biết mấy nắng mưa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Hai từ Hán Việt: tài tử, giai nhân

**Câu 7:** Trong những câu sau, câu nào không mắc lỗi dùng từ?

**A.** Mẹ tôi mua một cuốn bách khoa toàn thư của gia đình

**B.** Bộ Tài chính chuẩn bị dự thảo về thuế đất cho quốc hội xem

**C.** Bác của An là đại sứ quán ở Cu Ba

**D.** Bộ phim này không có không khí chút nào!

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Sai ở quan hệ từ “của”

**Câu 8:** Văn bản Chuyện người con gái Nam Xương của tác giả nào?

**A.** Nguyễn Dữ **B.** Nguyễn Du

**C.** Nguyễn Trãi **D.** Phạm Đình Hổ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Nhận định nào nói đúng nhất mục đích của việc Quang Trung dẫn ra những tấm gương anh hùng dân tộc trong lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An?

**A.** Thể hiện niềm tự hào của Quang Trung đối với những vị anh hùng trong lịch sử

**B.** Thể hiện sự am hiểu về lịch sử của dân tộc của Quang Trung

**C.** Nói lên truyền thống giặc ngoại xâm của dân tộc từ xa xưa

**D.** Thể hiện khao khát của Quang Trung muốn lập được những chiến công như những vị anh hùng đó.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh tố cáo tội ác của phong kiến chà đạp lên con người và đề cao tấm lòng nhân hậu, đề cao ước mơ, công lí, chính nghĩa đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Tác phẩm Lục Vân Tiên ta hiểu được sự đối lập thiện – ác và niềm tin của tác giả vào những điều tốt đẹp ở đời. Tìm hiểu, đánh giá nghệ thuật kết cấu và nghệ thuật ngôn từ của đoạn thơ này, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Nghị luận trong văn bản tự sự

**I. Kiến thức cần nhớ**

- Trong văn tự sự, để người đọc, người nghe phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét cùng những lý lẽ và dẫn chứng

- Nội dung đó thường được diễn đạt bằng cách lập luận, làm cho câu văn thêm phần triết lý

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Phân tích cách lập luận của Hoạn Thư trước Thúy Kiều để Kiều phải thốt lên “Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời?”

Rằng: “Tôi chút phận đàn bà

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình

Nghĩ cho khi gác viết kinh

Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo

Lòng riêng riêng những kính riêng

Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1:

Thông qua lời đối đáp của Hoạn Thư với Thúy Kiều ta cũng thấy rõ được tính cách của Hoạn Thư, mưu mô, xảo trá

- Dù dáng vẻ bề ngoài dường như thể hiện Hoạn Thư đang rất run sợ trước lời vạch tội của Thúy Kiều, nhưng bởi tính mưu mô, Hoạn Thư biện hộ cho mình một cách khéo léo

- Hoạn Thư khẳng định “ghen tuông thì cũng người ta thường tình” ý rằng sự ghen tuông là bản chất, là thói bình thường của đàn bà, không có gì là lạ

- Hoạn Thư kể ra những việc tưởng như đã ban phước cho Thúy Kiều: cho ra nhà gác viết kinh, khi Thúy Kiều trốn đã không đuổi bắt

- Hoạn Thư viện cớ trên đời này, đàn bà quyết không chung chạn với nhau về chồng

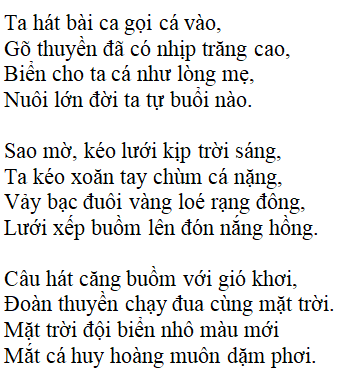
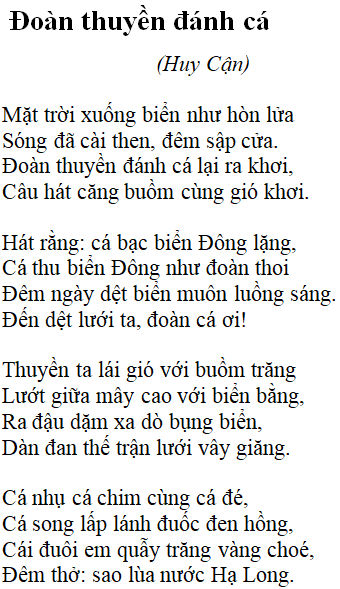
- Để thoát tội, mụ vận dụng tất cả sự khôn ngoan lọc lõi của mình để biện minh

## Bài 11.

### *Bài thơ: Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Đoàn thuyền đánh cá



I. Đôi nét về tác giả

- Huy Cận (1919-2005) tên đầy đủ là Cù Huy Cận

- Quê quán: Làng Ân Phú- huyện Dụ Quang- tỉnh Hà Tĩnh

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào thơ mới với thơ “Lửa thiêng”.

    + Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam

    + Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996)

- Phong cách sáng tác:

    + Trước cách mạng, hồn thơ ông là một hồn thơ ảo não

    + Sau cách mạng, hồn thơ ông có sự biến chuyển tươi vui hơn

II. Đôi nét về tác phẩm Đoàn thuyền đánh cá

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Giữa năm 1958, Huy Cận có một chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế ấy, hồn thơ Huy Cận thực sự nảy nở dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước. Bài thơ được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập “Trời mỗi ngày lại sáng”

**2. Bố cục: 3 phần**

- Phần 1 (2 khổ đầu):Cảnh đoàn đánh cá ra khơi

- Phần 2 (4 khổ tiếp theo): Cảnh đoàn thuyền đánh trên biển

- Phần 3 (khổ cuối): Hình ảnh đoàn thuyền trở về

**3. Giá trị nội dung**

    Bài thơ là khúc tráng ca ca ngợi cuộc sống lao động tập thể của người dân chài trong công cuộc xây dựng và tái thiết đất nước, đồng thời bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thớ trước khung cảnh thiên nhiên đất nước giàu đẹp.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Bài thơ có sự sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh thơ bằng liên tưởng, trí tưởng tượng phong phú. Âm hưởng thơ khỏe khoắn hào hùng và sáng tạo.

III. **Dàn ý:** phân tích Đoàn thuyền đánh cá

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả Huy Cận và bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”:

    + Huy Cận nổi tiếng trong phong trào thơ mới với thơ “Lửa thiêng”, ông hay viết về thiên nhiên và vũ trụ, trước cách mạng thơ ông phảng phất buồn nhưng sau cách mạng hồn thơ Huy Cận trở nên ấm nóng, tươi vui

    + “Đoàn thuyền đánh cá” là bài thơ tiêu biểu của ông – là khúc tráng ca ca ngợi cuộc sống lao động làm chủ biển khơi làm chủ cuộc đời

**II. Thân bài**

**1. Khúc hát ra khơi (khổ 1+2)**

        • Khổ 1:

- Hai câu đầu: Đoàn thuyền ra khơi trong cảnh hoàng hôn (2 câu thơ đầu)

    + Phép so sánh “mặt trời xuống biển” ví như “hòn lửa” cho thấy màu sắc đỏ rực và hình dạng tròn đầy của mặt trời

    + Nhà thơ liên tưởng vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm là cánh cửa còn sóng biển là then cài

        ⇒ Vũ trụ đang bước vào trạng thái nghỉ ngơi gợi sự bình yên, con người ra khơi vào thời điểm về đêm

- Hai câu sau: Dân chài cất cao tiếng hát tạo sự khỏe khoắn (2 câu thơ cuối)

    + Người dân chài ra khơi theo một tập thể- “Đoàn thuyền”

    + Từ “lại” cho thấy đó là một công việc thường xuyên, quen thuộc của họ, cứ màn đêm buống xuống thì họ lại ra khơi

    + Ẩn dụ “câu hát căng buồm” cho thấy câu hát cũng như có sức mạnh góp gió căng buồm đẩy con thuyền ra khơi

        ⇒ Vũ trụ bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu ra khơi đánh cá với khí thế phơi phới và niềm vui đang chinh phục biển khơi

        • Khổ 2: Câu hát thể hiện mong ước đánh nhiều cá và sự tự hào về sự giàu có của biển

- “ Cá bạc, cá thu” gợi sự giàu có phong phú của biển

- So sánh “cá thu biển đông như đoàn thoi” – từng đàn cá lao trên mặt biển như đoàn thoi mang ánh sáng lấp lánh dệt muôn luồng sáng trên tấm thảm biển

- Ẩn dụ, nhân hóa “đêm ngày dệt biển” tạo ra nhiều sắc màu chuyển động

- Nhà thơ cất tiếng gọi cá thật dịu dàng “đến dệt lưới ta đoàn cá ơi”: vừa là lời gọi vừa là niềm mong ước đánh được nhiều cá vừa xen cả sự lạc quan tươi vui và tự hào về biển

**2. Khúc hát đánh cá trên biển(khổ 3+4+5+6)**

        • Khổ 3: Người dân ra khơi với tư thế tầm vóc lớn lao

- Nghệ thuật phóng đại “Lướt giữa mây cao với biển bằng”- con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây qua cái nhìn của tác giả đã sánh ngang tầm vũ trụ

- Nghệ thuật ẩn dụ: “lái gió buồm trăng”: thiên nhiên hòa hợp, cùng con người lao động

        ⇒ Các biện pháp nghệ thuật trên làm nổi bật tầm vóc của con người và đoàn thuyền

- Không khí lao động đang trở nên hứng khởi “ Ra đậu dặm xa dò bụng biển”- mặc đêm tối, mặc gió khơi người dân chài vẫn ra khơi dò lồng cá trong lòng biển

- Ẩn dụ: “Dàn đan thế trận”- cuộc sống đánh cá của người dân chài như một trận chiến đấu ác liệt

        ⇒ sự kết hợp giữa hiện thực (đoàn thuyền) với chất lãng mạn (thuyền lái gió, trăng treo trên cánh buồm) tạo nên những vần thơ đẹp và sâu sắc

        • Khổ 4:Cảnh biển đẹp trong đêm

- Nhà thơ đã liệt kê những loài cá quý của biển: cá nhụ, cá chim, cá đé cho thấy sự phong phú và quý giá của biển

- Nhân hóa “Cái đuôi e quẫy” kết hợp với các tính từ chỉ màu sắc: làm cho lời thơ thêm sinh động

- Phép so sánh “đuôi cá” với “ngọn đuốc”: hình ảnh so sánh thú vị giàu liên tưởng

- Nhà thơ gọi cá bằng một cách gọi rất dịu dàng-“em” ẩn chứa sự yêu mến với cá và biển cả quê hương

- “Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”: Màn đêm trước biển như một sinh mệnh

        ⇒ Thiên nhiên trên biển đêm thực sự rực rỡ sắc màu như một bức tranh sơn mài

        • Khổ 5:Tinh thần lao động hăng say và lòng biết ơn biển

- “Ta hát bài ca gọi cá vào”: Người dân chài đã biến công việc nặng nhọc thành bài ca vui tươi ⇒ Tiếng hát của người dân chài có khả năng kì diệu là gọi cá vào lưới

        ⇒ bút pháp lãng mạn khi miêu tả giúp cho công việc đánh cá đêm trở nên thơ mộng

    + Những người dân chài vô cùng biết ơn biển cả “biển cho ta cá như lòng mẹ”

    + So sánh biển với lòng mẹ cho thấy biển nuôi sống nhân dân từ bao đời nay

        ⇒ Nói lên lòng tự hào và biết ơn biển

        • Khổ 6:Cảnh thu hoạch cá

- “sao mờ kéo lưới kịp trời sáng”: người dân thu hoạch cá vào lúc trơi đã gần sáng hăng say

- “Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”: công việc trở nên khẩn trương với hi vọng đón chờ chùm cá nặng, cho hình dung thấy những cánh tay sắn chắc, cuồn cuộn, tư thế hiên ngang, làn da nhuộm năng gió, nhuộm cả vị mặn mòi của biển cả

- Kéo lưới lên là khi trời đã sáng, bình minh lên là kết thúc công việc đánh cá

        ⇒ Bút pháp lãng mạn được sử dung làm nổi bật vẻ thơ mộng khi đã kết thúc công việc đánh cá đêm.

- “Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông”: mọi vật đều tràn ngập sức sống ⇒ Cảnh biển vào lúc mình minh bao la kì vĩ ⇒ Đoàn thuyền đang khẩn trương để trở về

**3. Khúc ca khải hoàn (Khổ 7)**

- “Câu hát căng buồm với gió khơi”: gió thổi đưa câu hát của người dân chài bay cao, bay xa trên biển

- “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”: Đoàn thuyền lướt sóng trở về như đua cùng thời gian để nhanh chóng trở về bến cảng

        ⇒ Câu hát lúc trở về say sưa hơn bao giờ hết, vì một đêm lao động vất vả đã được đề đáp một cách xứng đáng

- “Mặt trời đội biển nhô màu mới”: niềm hi vọng, sự ngợi ca cuộc sống mới của người dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, được làm chủ cuộc sống của mình

- Từ láy “huy hoàng”: là ánh sáng huy hoàng của niềm vui niềm tin vào một cuộc đời tốt đẹp

        ⇒ Vẻ đẹp của con người, thiên nhiên hòa hợp nhuần nhuyễn thành vẻ đẹp thực sự tráng lệ

**III. Kết bài**

- Khẳng định những giá trị nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: hình ảnh thơ đẹp, xây dựng bằng sự liên tưởng phong phú, âm hưởng mạnh mẽ, bút pháp lãng mạn xen hiện thực

- Bài thơ là khúc hát ngợi ca con người lao động trên biển đồng thời là niềm say mê tự hào của con người làm chủ quê hương

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá viết về vùng biển nào?

**A.** Sầm Sơn (Thanh Hóa) **B.** Hạ Long (Quảng Ninh)

**C.** Đồ Sơn (Hải Phòng) **D.** Cửa Lò (Nghệ An)

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng từ thời kì nào?

**A.** Kháng chiến chống Pháp **B.** Kháng chiến chống Mĩ

**C.** Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 **D.** Trước Cách mạng tháng Tám

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Tác giả lấy cảm hứng nào để viết tác phẩm Đoàn thuyền đánh cá?

**A.** Cảm hứng về lao động **B.** Cảm hứng về thiên nhiên

**C.** Cảm hứng về chiến tranh **D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Bài thơ có bố cục theo hành trình một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Nội dung 2 khổ thơ đầu là gì?

**A.** Miêu tả cảnh hoàng hôn và sự phong phú của các loài cá biển

**B.** Miêu tả cảnh lên đường và tâm trạng náo nức của con người

**C.** Miêu tả cảnh hoàng hôn trên biển

**D.** Miêu tả cảnh lao động trên biển

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Tìm biện pháp tu từ trong câu thơ sau:

Đêm thở sao lùa nước Hạ Long

**A.** Nhân hóa **B.** Ẩn dụ

**C.** Nhân hóa và Ẩn dụ **D.** Hoán dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Nội dung các “câu hát” trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

**A.** Biểu hiện của sức sống căn tràn của thiên nhiên

**B.** Biểu hiện niềm vui, sự phấn chấn của người lao động

**C.** Thể hiện sự vô địch của con người

**D.** Thể hiện sự bao la, hùng vĩ của biển cả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Câu thơ nào cho thấy việc đánh cá là công việc thường xuyên của người dân chài?

**A.** Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng **B.** Dàn đan thế trận lưới vây giăng

**C.** Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi **D.** Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Hãy tìm biện pháp tu từ trong những câu thơ sau:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển,

Dàn đan thế trận lưới vây giăng

**A.** Nhân hóa **B.** So sánh

**C.** Ẩn dụ **D.** Liệt kê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Phép tu từ đó có tác dụng gì?

**A.** Nhấn mạnh khung cảnh rộng lớn của biển cả

**B.** Nhấn mạnh sự nhộn nhịp của cảnh đánh cá trên biển

**C.** Làm cho con thuyền đánh cá trở nên kì vĩ, khổng lồ

**D.** Thể hiện niềm vui say trong lao động của con người

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Hai câu thơ “Cá nhụ cá chim cùng cá đé- Cá song lấp lánh đuốc đen hồng” sử dụng phép tu từ gì?

**A.** So sánh **B.** Nói quá

**C.** Nhân hóa **D.** Liệt kê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 12:** Câu thơ “Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe” nên hiểu như thế nào?

**A.** Đuôi cá quẫy vào bóng trăng màu vàng chóe **B.** Ánh trăng màu vàng chóe

**C.** Nước biển màu vàng chóe **D.** Mạn thuyền màu vàng chóe

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 13:** Phép so sánh trong hai câu thơ “Biển cho ta cá như lòng mẹ- Nuôi lớn đời ta tự buổi nào” có tác dụng gì?

**A.** Nhấn mạnh sự rộng lớn của biển cả **B.** Nhấn mạnh tác dụng biển cả

**C.** Nhấn mạnh vẻ đẹp của biển cả **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Khổ thơ cuối nói về khoảng thời gian nào khi đoàn thuyền đánh cá trở về

**A.** Bình minh **B.** Hoàng hôn

**C.** Đêm tối **D.** Giữa trưa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 15:** Nhận định nào nói đúng nhất giọng điệu của bài thơ?

**A.** Khỏe khoắn **B.** Sôi nổi

**C.** Bay bổng **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 16:** Ý nào nói đúng nhất vẻ đẹp nghệ thuật của bài thơ?

**A.** Lời thơ dõng dạc, điệu thơ như khúc hát say mê, hào hứng

**B.** Giọng thơ khỏe khoắn, sôi nổi, phơi phới, bay bổng

**C.** Sử dụng nhiều biện pháp tu từ nghệ thuật

**D.** Cách gieo vần có nhiều biến hóa linh hoạt

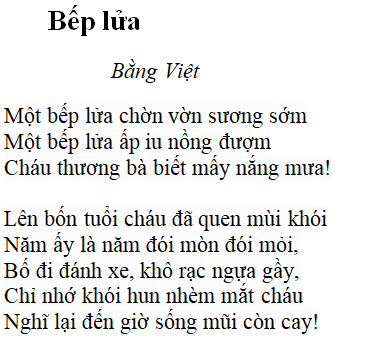
**Hướng dẫn giải:**

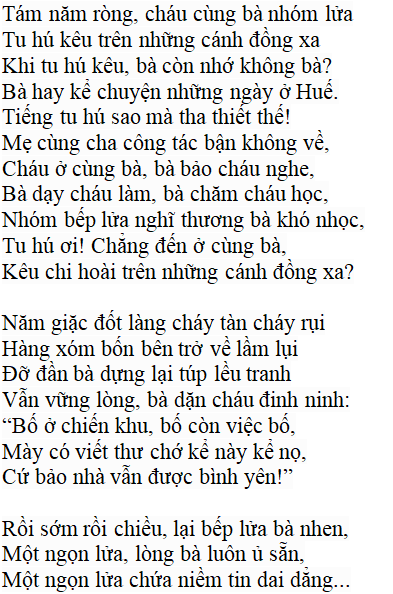
**Chọn đáp án: A**

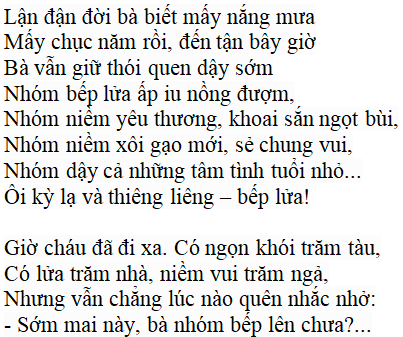
### *Bài thơ: Bếp lửa (Bằng Việt)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Bếp lửa







**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ Bếp lửa của ai sáng tác?

**A.** Lưu Quang Vũ **B.** Bằng Việt

**C.** Huy Cận **D.** Nguyễn Minh Châu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ Bếp lửa là ai?

**A.** Người bà **B.** Người bố

**C.** Người cháu **D.** Người mẹ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Bài thơ là sự hồi tưởng về lại những kỉ niệm tuổi thơ về người bà và tình bà cháu của nhà thơ. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Bài thơ sử dụng phương thức biểu đạt nào là chủ yếu?

**A.** Tự sự **B.** Biểu cảm

**C.** Nghị luận **D.** Miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Nội dung chính của bài thơ là gì?

**A.** Miêu tả vẻ đẹp của hình ảnh bếp lửa mỗi buổi sớm mai

**B.** Nói về tình cảm sâu nặng, thiêng liêng của người cháu đối với người bà

**C.** Nói về tình cảm yêu thương của người bà dành cho con và cháu

**D.** Nói về tình cảm nhớ thương của người con dành cho cha mẹ đang chiến đấu ở xa.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Hình ảnh bếp lửa trong những câu thơ đầu tiên có ý nghĩa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng và cảm xúc về bà của nhân vật trữ tình. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Trong dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình, hình ảnh người bà gắn với hình ảnh nào?

**A.** Người cháu **B.** Bếp lửa

**C.** Tiếng chim tu hú **D.** Cuộc chiến tranh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Từ “ấp iu” trong câu “Một bếp lửa ấp iu nồng đượm” gợi đến hình ảnh bàn tay của người bà như thế nào?

**A.** Kiên nhẫn, khéo léo **B.** Cần cù, chăm chỉ

**C.** Vụng về, thô nhám **D.** Mảnh mai, yếu đuối

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Nội dung của ba khổ thơ “Lên bốn tuổi… chứa niềm tin dai dẳng” nói về nội dung gì?

**A.** Chủ yếu miêu tả hiện thực cuộc chiến tranh ác liệt, tàn khốc

**B.** Là sự hồi tưởng lại những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà của người cháu

**C.** Chủ yếu là cảnh bà dạy cho người cháu học chữ

**D.** Nói về những câu chuyện bà kể cho cháu nghe khi bà còn ở Huế

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Tuổi thơ người cháu bên bà được tái hiện như thế nào?

**A.** Một tuổi thơ nhiều niềm vui sướng, hạnh phúc

**B.** Một tuổi thơ trong chiến tranh biến động dữ dội

**C.** Một tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn nhưng ấm áp tình yêu thương của bà

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Hai câu thơ “Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi/ Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy” nhắc tới sự kiện lịch sử nào?

**A.** Ngày kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp **B.** Ngày tổng khởi nghĩa năm 1945

**C.** Nạn đói năm 1945 **D.** Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 12:** Nhận định nói đúng nhất tiếng chim tu hú trong bài?

**A.** Báo hiệu một mùa hè đã đến **B.** Gợi ra tình cảnh vắng vẻ của hai bà cháu

**C.** Nói lên nỗi nhớ mong của hai bà cháu **D.** Cả B và C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Từ “nhóm” nào sau đâu được dùng theo nghĩa chuyển?

**A.** Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm **B.** Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

**C.** Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa **D.** Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Từ nhóm được dùng theo nghĩa ẩn dụ, làm bừng lên tình yêu thương, tình thân ruột thịt

**Câu 14:** Ý nghĩa của ba câu thơ sau

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm

**A.** Nói lên nỗi nhớ của tác giả về người bà

**B.** Nói lên sự tần tảo, đức hi sinh của người bà

**C.** Nói lên thói quen nhóm lửa lúc sáng sớm của người bà

**D.** Cả A, B, C đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 15:** Nhận định nói đúng nhất ý nghĩa hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa nhóm lên đối với người cháu khi đã trưởng thành, khôn lớn và đi xa?

**A.** Là một kỉ niệm làm ấm lòng người cháu khi giá rét

**B.** Tạo thành niềm tin thiêng liêng và kì diệu

**C.** Là chỗ dựa tinh thần vững chắc để vượt qua mọi khó khăn

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

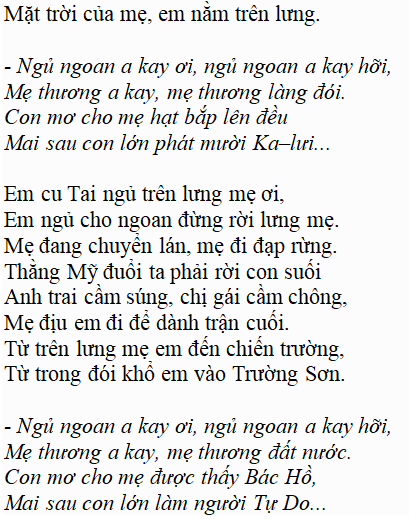
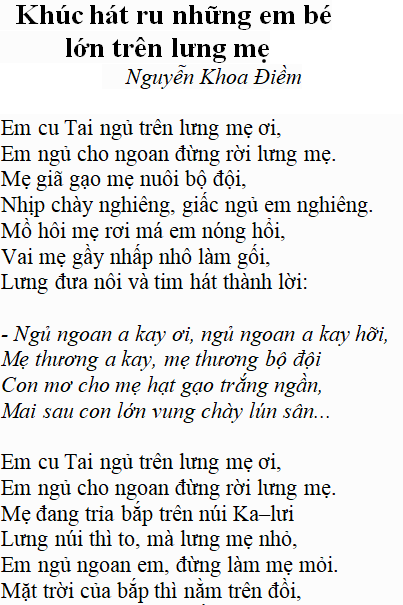
**Chọn đáp án: D**

## Bài 12.

### *Bài thơ: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ



**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ viết về những em bé của dân tộc nào?

**A.** Chăm **B.** Ê- đê

**C.** Tà ôi **D.** Ba-na

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Bài thơ có mấy khúc hát ru?

**A.** Hai **B.** Ba

**C.** Bốn **D.** Năm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Bài thơ có 3 khúc hát: khúc hát của người mẹ khi đang giã gạo nuôi bộ đội, lời ru của người mẹ khi đang tỉa bắp trên núi Ka- lưi. Lời ru của người mẹ khi đang chuyển lán, đạp rừng trong những năm tháng kháng chiến Mĩ.

**Câu 3:** Cụm từ “những em bé lớn trên lưng mẹ” nên hiểu thế nào cho đúng?

**A.** Người mẹ phải làm lụng vất vả để nuôi các em bé

**B.** Những em bé trưởng thành nhờ lưng người mẹ

**C.** Những em bé còn nhỏ được mẹ mang địu trên lưng khi đi làm

**D.** Những em bé cùng mẹ tham gia vào những trò chơi tuổi thơ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Nhận định nói đúng nhất những nét đặc biệt trong cách cấu tạo bài thơ là gì?

**A.** Tạo nên sự giống nhau, lặp lại về cấu tạo của các đoạn thơ

**B.** Tạo nên âm điệu dìu dặt, vương vấn của lời ru

**C.** Tập trung sự chú ý của người đọc

**D.** Tạo nên tính triết lí của hình tượng thơ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Theo em, ý nghĩa của việc lặp lại trong các đoạn thơ nhằm tạo âm điệu tha thiết, vương vấn của lời ru đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

**A.** Người mẹ **B.** Em cu tai

**C.** Nhà thơ **D.** Anh bộ đội

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Người mẹ thể hiện tình cảm, nỗi lòng của mình với đứa con.

**Câu 7:** Nhận định nói đầy đủ hoàn cảnh, công việc của người mẹ được nói đến trong bài thơ?

**A.** Mẹ tham gia sản xuất, giã gạo góp phần nuôi bộ đội kháng chiến

**B.** Mẹ tham gia đào hầm nuôi giấu cán bộ bí mật

**C.** Mẹ và các anh chị tham gia chiến đấu bảo vệ căn cứ, di chuyển lực lượng

**D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa của câu thơ “Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ” ?

**A.** Nói lên sự to lớn của ngọn núi Ka-lưi **B.** Nói lên vóc dáng nhỏ bé của người mẹ

**C.** Nói lên sự gian khổ của người mẹ **D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Tìm biện pháp nghệ thuật sử dụng trong câu thơ “Lưng núi thì to mà lưng mẹ thì nhỏ”?

**A.** Hoán dụ **B.** Ẩn dụ

**C.** So sánh **D.** Nhân hóa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Biện pháp nghệ thuật đó có tác dụng gì?

**A.** Cho thấy vai trò to lớn của buôn làng với đứa con

**B.** Cho thấy vai trò to lớn của đứa con với kháng chiến

**C.** Cho thấy đứa con là nguồn hạnh phúc ấm áp và thiêng liêng của đời mẹ

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 11:** Những câu thơ sau đều nói lên điều gì từ người mẹ?

**A.** Người mẹ có nhiều giấc mơ về tương lai **B.** Đứa con là niềm tin, hi vọng của người mẹ

**C.** Tình yêu nước tha thiết của người mẹ **D.** Người mẹ rất yêu lao động

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Theo em, vào thời điểm mà bài thơ ra đời thì việc “mơ thấy Bác Hồ” hàm ý điều gì?

**A.** Mơ cuộc sống kháng chiến nhanh chóng thắng lợi

**B.** Mơ cuộc sống trở nên no đủ

**C.** Mơ kháng chiến thắng lợi, nước nhà thống nhất, Bắc Nam sum họp

**D.** Mơ đứa con mai khôn lớn để giúp đỡ người mẹ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 13:** Nhận định nào nói đúng nhất ý nghĩa của các câu thơ cuối mỗi khúc hát ru?

**A.** Nói lên nỗi mong ước của người mẹ về đứa con

**B.** Nói lên niềm tin tưởng của người mẹ vào đứa con

**C.** Nói lên niềm tự hào của người mẹ về đứa con

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Ý nào không nói lên vẻ đẹp của người mẹ phải thể hiện qua bài thơ?

**A.** Bền bỉ, quyết tâm trong công việc lao động và kháng chiến thường ngày

**B.** Thắm thiết yêu con và nặng tình thương buôn làng, quê hương, bộ đội

**C.** Luôn khát khao đất nước được độc lập, tự do

**D.** Có tinh thần chiến đấu dũng cảm và hi sinh quên mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 15:** Nhận định không phù hợp với nội dung tư tưởng được thể hiện qua bài thơ?

**A.** Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết

**B.** Thể hiện ý chí chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc

**C.** Thể hiện khát vọng, niềm tin chiến thắng giặc Mĩ, thống nhất đất nước

**D.** Thể hiện niềm tự hào và truyền thống chiến đấu của cha ông

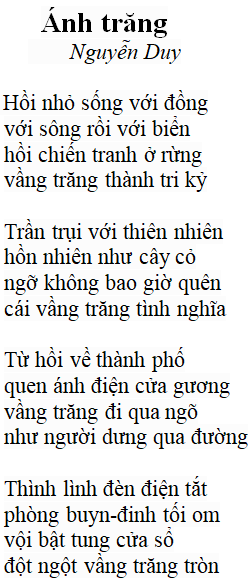
**Hướng dẫn giải:**

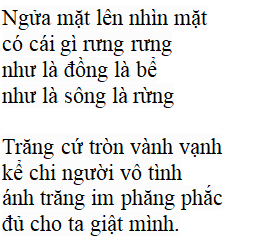
**Chọn đáp án: D**

### *Bài thơ: Ánh trăng (Nguyễn Duy)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Ánh trăng





I. Đôi nét về tác giả

- Nguyễn Duy (1948) tên thật là Nguyễn Duy Nhuệ

- Quê quán: Xã Đông Vệ huyện Đông Sơn(nay là phường Đông Vệ-Thanh Hóa)

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Nguyễn Duy làm thơ từ rất sớm, từ khi học cấp ba

    + Năm 1973, ông đã đoạt giải nhất cuộc thi thơ tuần báo văn nghệ với chùm thơ vô cùng xuất sắc.

    + Ngoài việc sáng tác thơ ông còn viết tiểu thuyết và bút kí

    + Năm 2007, Nguyễn Duy đã được Giải thưởng Nhà nước danh giá về Văn học Nghệ thuật

    + Những tác phẩm tiểu biểu: “Đãi cát tìm vàng”, “ Bụi”, “Mẹ và em”…

- Phong cách sáng tác: Thơ Nuyễn Duy giàu chất triết lí, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt và suy tư.

II. Đôi nét về tác phẩm Ánh trăng

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    “Ánh trăng” là một bài thơ hay viết vào năm 1978, 3 năm sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, được nhà thơ viết tại Thành phố Hồ Chí Minh. In trong tập “Ánh trăng”.

**2. Bố cục (3 phần)**

- Đoạn 1 (3 khổ thơ đầu): Kí ức về vầng trăng trong quá khứ của tác giả và vầng trăng trong hiện tại

- Đoạn 2 (Khổ 4): Tình huống bất ngờ khiến kí ức ùa về

- Đoạn 3 (2 khổ cuối): Sự hối hận của tác giả vì đã lãng quên vầng trăng

**3. Giá trị nội dung**

    Bài thơ là sự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước rất bình dị, hiền hậu. Qua đó nhắc nhở người đọc phải có một thái độ sống “ Uống nước nhớ nguồn”, thủy chung ân tình với quá khứ, nhớ quên là lẽ thường tình, quan trọng là biết thức tỉnh lương.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Bài thơ viết theo thể thơ năm chữ bố cục rõ ràng, mạch lạc. “Ánh trăng” có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và tự sự, hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa sinh động vừa khát, giàu tính biểu cảm, giọng điệu tâm tình tự nhiên như lời tâm sự của nhân vật trữ tình.

III. **Dàn ý:** phân tích Ánh trăng

**I. Mở bài**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả Nguyễn Duy- là một trong những những tác giả viết hay về trăng. Ông là một nhà thơ tiểu biểu của thế hệ trẻ sau năm 1975 góp vào mảng thơ thiên nhiên một “Ánh trăng”

- Ánh trăng là lời ân hận trong tâm sự sâu thẳm của nhà thơ về sự vô tình trước những kỉ niệm thời quá khứ

**II. Thân bài**

    1. Vầng trăng trong quá khứ (khổ 1+2)của tác giả và vầng trăng trong hiện tại (khổ 3)

- Khổ 1: Dòng hoài niệm mở ra

    + “Hồi nhỏ…hồi chiến tranh”: đánh dấu mốc thời gian

    + Phép liệt kê tăng cấp “ đồng, sông , bể”: Tuổi thơ gắn bó với sông nước, trăng sao đầy ắp kỉ niệm. ⇒ Chỉ thứ tự từ hẹp đến rộng, từ quê hương đến đất nước, mở rộng hơn là sự gắn bó giữa những con người ở quê hương đến đồng đội nhân dân

        ⇒ Như vậy khi còn nhỏ nhân vật trữ tình sống chan hòa với thiên nhiên

    + “vầng trăng thành tri kỉ”: đất nước có chiến tranh, con người lên đường tham gia chiến đấu, ở rừng là những năm tháng khó khăn gian khổ, trăng được nhân hóa trở thành người bạn tri kỉ không thể nào quên.

- Khổ 2:

    + Phép so sánh sánh “trần trụi, hồn nhiên” kết hợp với phép liệt kê “ thiên nhiên, cây cỏ”: lối sống đơn giản, mộc mạc mọi buồn vui sướng khổ đều gắn bó với trăng.

    + Ngỡ: nghĩ là, tưởng là, vậy mà kết quả lại ngược lại

    + Nhân hóa “cái vầng trăng tình nghĩa”: khẳng định mối quan hệ giữa người và trăng là bền vững mãi mãi

        ⇒ Mạch thơ biến đổi đánh dấu một sự thay đổi lẽ ra phải trân trọng.

- Khổ 3:Vầng trăng trong hiện tại

    + Khi chiến tranh kết thúc, người lính từ giã núi rừng trở về với thành phố nơi đô thị hiện đại.

    + Nhân hóa liệt kê “ánh điện cửa gương”- cuộc sống đầy đủ tiện nghi. Mặc dù vậy trăng vẫn tròn đầy lặng lẽ đi qua thành phố nhưng người bạn năm xưa chỉ coi trăng như một vật chiếu sáng

    + Hình ảnh so sánh “vầng trăng đi qua ngõ- như người dưng qua đường”: thể hiện một sự bội bạc vẫn thường xảy ra trong cuộc sống hằng ngày: có mới nới cũ

        ⇒ Hoàn cảnh sông thay đổi kéo con người đổi thay, quên đi ân tình trong quá khứ

**2. Tình huống bất ngờ xuất hiện (khổ 4)**

- Phép đảo ngữ từ láy “thình lình”, “ đột ngột “ được đưa lên đầu câu: nhấn mạnh sự việc bất ngờ là mất điện

- Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau: diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương của nhân vật trữ tình đi tìm nguồn sáng

- Ngay lúc đó trăng hiện ra “đột ngột” khiến con người bàng hoàng xúc động.

        ⇒ Vầng trăng đến bất ngờ làm sáng lên những góc tối trong tâm hồn, thức tỉnh sự ngủ quên trong diều kiện sống đã hoàn toàn đổi khác.

**3. Vầng trăng thức tỉnh con người và sự hối hận của tác giả (khổ 5+6)**

- Khổ 5: Tâm trạng, cử chỉ của con người khi đối diện với vầng trăng

    + Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt”: là tư thế trực tiếp đối mặt

    + Phép nhân hóa, từ mặt thứ hai chỉ vầng trăng tròn, đó là thiên nhiên hồn nhiên tươi mát, đó còn là quá khứ bạn bè tươi đẹp.

    + So sánh, liệt kê, điệp ngữ, lặp cấu tứ “ như là đồng là bể- như là sông là rừng”: diễn tả dòng hoài niệm ùa về và con người thấy trăng là thấy người bạn tri kỉ ngày nào.

        ⇒ Cảm xúc chừng như nén lại nhưng cứ trào ra thổn thức

- Khổ 6: Bài thơ khép lại ở hình ảnh sâu lắng

    + Trăng tròn đầy vành vạnh có hai lớp nghĩa: nghĩa tả thực về sự tròn đầy lung linh của trăng, thiên nhiên vũ trụ vĩnh hằng, gợi quá khứ bạn bè tươi đẹp chẳng thể phai mờ

    + Trăng còn được nhân hóa “kể chi người vô tình- ánh trăng im phăng phắc” gợi thái độ bao dung, nhân hậu

    + Trăng tròn vành vạnh-con người vô tình, trăng im phăng phắc- con người vô tình.

        ⇒ Câu thơ cuối mang ý nghĩa nhân văn, cái giật mình thức tỉnh của con người từng bội bạc trở nên đáng trân trọng bởi nhớ quên là lẽ thường tình, quan trọng là biết thức tỉnh lương tâm.

**III. Kết bài**

- Khẳng đinh lại giá trị nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: thể thơ năm chữ, nhịp thơ linh hoạt theo mạch cảm xúc,…

- Bài thơ chứa đựng một ý nghĩa triết lí sống “Uống nước nhớ nguồn”

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Nguyễn Duy là nhà thơ trưởng thành trong giai đoạn nào?

**A.** Thời kì kháng chiến chống Pháp **B.** Thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Mĩ

**C.** Thời kì cuối cuộc kháng chiến chống Mĩ **D.** Sau 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Ánh trăng là bài thơ được viết cùng thể loại với bài thơ nào sau đây?

**A.** Cảnh khuya **B.** Đập đá ở Côn Lôn

**C.** Lượm **D.** Đêm nay Bác kg ngủ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Nhận định nào không phù hợp với nội dung tư tưởng được thể hiện qua bài thơ?

**A.** Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết

**B.** Thể hiện ý chí chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc

**C.** Thể hiện khát vọng và niềm tin thắng giặc Mĩ

**D.** Thể hiện niềm tự hào về truyền thống chiến đấu của cha ông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Bài thơ đề cập tới hai khoảng thời gian: “hồi nhỏ, hồi chiến tranh” và “hồi về thành phố”. Em có nhận xét gì, về những sự việc xảy ra trong hai khoảng thời gian đó?

**A.** Giống nhau **B.** Trái ngược nhau

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Nội dung của khổ thơ sau là gì?

Hồi nhỏ sống với đồng

với sông rồi với bể

hồi chiến tranh ở rừng

vầng trăng thành tri kỉ

**A.** Nói về những kỉ niệm trong tuổi thơ

**B.** Hình ảnh vầng trăng là người tri kỉ trong quá khứ

**C.** Hình ảnh vầng trăng khi tác giả sống với đồng

**D.** Hình ảnh vầng trăng gắn bó với người lính như người tri kỉ từ khi nhỏ, trong chiến đấu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Từ tri kỉ trong câu “vầng trăng thành tri kỉ” có nghĩa là gì?

**A.** Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình **B.** Biết được giá trị của người nào đó

**C.** Người có hiểu biết rộng **D.** Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Từ “ngỡ” trong câu “ngỡ không bao giờ quên” đồng nghĩa với từ nào?

**A.** Nói **B.** Bảo

**C.** Thấy **D.** Nghĩ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn thơ sau?

Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rưng rưng

như là đồng là bể

như là sông là rừng

**A.** Nhân hóa **B.** So sánh

**C.** Nói quá **D.** Liệt kê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Từ “vô tình” có những lớp nghĩa nào?

**A.** Không có tình nghĩa, không có tình cảm **B.** Không chủ ý, không cố ý

**C.** Không có tội tình gì **D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh” đặc trưng cho điều gì?

**A.** Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy

**B.** Hình ảnh ánh trăng đẹp đẽ, vẹn nguyên tình nghĩa không phải mờ

**C.** Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn

**D.** Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 11:** Nhận định không phù hợp với ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng?

**A.** Biểu tượng của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát

**B.** Biểu tượng trong quá khứ tình nghĩa

**C.** Biểu tượng vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống

**D.** Biểu tượng của sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi thơ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 12:** Tư tưởng mà nhà thơ muốn gửi gắm qua bài thơ là gì?

**A.** Con người có thể vô tình, lãng quên tất cả, nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn trong đầy, bất diệt

**B.** Thiên nhiên, vạn vật thì vô hạn, tuần hoàn còn cuộc đời con người thì hữu hạn

**C.** Thiên nhiên luôn bên cạnh con người, là người bạn thân thiết của con người

**D.** Cuộc sống vật chất dù đầy đủ cũng sẽ tiêu tan, chỉ có đời sống tinh thần là bất diệt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 13:** Nhận định nói đúng nhất vấn đề về thái độ của con người mà bài thơ đặt ra?

**A.** Thái độ đối với quá khứ **B.** Thái độ với con người đã khuất

**C.** Thái độ đối với chính mình **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Thái độ và bài học tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ?

**A.** Thái độ đối với quá khứ **B.** Thái độ với những người đã khuất

**C.** Thái độ với chính mình **D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Trắc nghiệm: Tổng kết từ vựng (luyện tập tổng hợp)

**Câu 1:** Thế nào là từ tượng hình?

**A.** Là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái… của sự vật

**B.** Là những từ gợi tả âm thanh của sự vật, hiện tượng

**C.** Là những từ có nhiều nghĩa, ngoài nghĩa gốc

**D.** Là những từ mô phỏng hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật, hiện tượng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Dòng nào dưới đây chứa từ tượng hình?

**A.** Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi **B.** Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối

**C.** Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần **D.** Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Từ tượng hình “nhấp nhô”

**Câu 3:** Từ tượng thanh là gì?

**A.** Là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, hiện tượng

**B.** Là những từ mô phỏng hình ảnh, dáng vẻ

**C.** Là những từ giàu sức biểu cảm

**D.** Là những từ có nhiều nghĩa ngoài nghĩa gốc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Câu thơ nào dưới đây chứa từ tượng thanh?

**A.** Lưng đưa nôi và tim hát thành lời **B.** Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long

**C.** Nhìn nhau mặt lấm cười haha **D.** Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Từ tượng thanh: haha

**Câu 5:** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ sau:

Thà rằng liều một thân con

Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

**A.** Nhân hóa **B.** So sánh

**C.** Ẩn dụ **D.** Hoán dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Biện pháp ẩn dụ: Lời nói của Kiều hàm ẩn ý, bản thân mình (liều một thân con/ hoa dù rã cánh) để bảo vệ gia đình, người thân (lá còn xanh cây)

## Bài 13.

### *Truyện ngắn: Làng (Kim Lân)*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Kim Lân (1920- 2007) tên thật là Nguyễn Văn Tài

- Quê quán: Huyện Từ Sơn- tỉnh Bắc Ninh

- Sự nghiệp sáng tác

    + Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và bắt đầu viết từ năm 1941

    + Tác phẩm của ông được đăng trên các báo như Tiểu thuyết thứ bảy, Trung Bắc chủ nhật.

    + Năm 2001, Kim Lân được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật

    + Những tác phẩm tiêu biểu: “Vợ nhặt”, “Làng”, “Nên vợ nên chồng”…

- Phong cách sáng tác: Ông chuyên viết truyện ngắn nên ngòi bút của ông luôn vững vàng, ông hay viêt về cuộc sống và con người ở nông thôn bằng tình cảm, tâm hồn của một người vốn là con đẻ của đồng ruộng.

II. Đôi nét về tác phẩm Làng

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Truyện ngắn “Làng” viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948.

**2. Tóm tắt**

    Ông Hai là một người nông dân sống ở làng Chợ Dầu, do chiến tranh nên ông phải đi tản cư. Ở nơi tản cư, ông luôn tự hào về cái làng của mình và mang nó khoe với mọi người. Khi tin làng Chợ Dầu theo giặc, ông sững sờ, cổ ông nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, xấu hổ tới mức cứ cúi gằm mặt xuống mà đi. Suốt mấy ngày ở nhà, ông chẳng dám đi đâu, mang nỗi ám ảnh nặng nề, đau đớn, tủi hổ, bế tắc, tuyệt vọng. Tâm trạng ông bế tắc khi mụ chủ nhà nói sẽ đuổi hết người làng Chợ Dầu khỏi nơi sơ tán. Rồi cái tin cải chính khiến ông sung sướng đi khoe về làng mình với tâm trạng như lúc ban đầu, ông hạnh phúc khi khoe Tây nó đốt nhà mình.

**3. Bố cục**

- Phần 1 (Từ đầu đến “không nhúc nhích”: Cuộc sống của ông Hai ở nơi tản cư

- Phần 2 (Từ tiếp đến “ đôi phần”): Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc

- Phần 3 (còn lại): Tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính

**4. Giá trị nội dung**

    Tác phẩm đề cập tới tình yêu làng quê và lòng yêu nước cùng tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra được thể hiện một cách chân thực , sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai.

**5. Giá trị nghệ thuật**

    Tác giả đã rất thành công trong việc tạo dựng tình huống thắt nút và cởi nút câu chuyện rất tự nhiên và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua hành động suy nghĩ và lời nói, từ đó tạo ra được một tác phẩm hoàn hảo.

III. **Dàn ý:** phân tích Làng

**I. Mở bài**

- Về đề tài quê hương đất nước trong văn học: Đây là một đề tài quen thuộc của văn học nhưng không bao giờ xưa cũ

- Giới thiệu về tác phẩm Làng của nhà văn Kim Lân: Một tác phẩm viết về đề tài quen thuộc nhưng vẫn để lại những rung động sâu sắc trong lòng độc giả bởi tình yêu làng yêu nước và tinh thần kháng chiến của nhân vật ông Hai- nhân vật trung tâm của tác phẩm

**II. Thân bài**

**1. Hoàn cảnh đặc biệt của ông Hai**

    + Xuất thân là một người nông dân quanh năm gắn bó với lũy tre làng

    + Một người yêu làng nhưng phải rời làng đi tản cư

**2. Cuộc sống của ông Hai ở nơi tản cư**

**a. Tình cảm của ông Hai với làng**

- Ông đau đáu nhớ về quê hương, nghĩ về “những ngày làm việc cùng anh em”, ông nhớ làng

- Ông khoe về làng: giàu và đẹp, lát đá xanh, có nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh, phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi, chòi phát thanh cao bằng ngọn tre

- Ông luôn đến phòng thông tin nghe ngóng tình hình về ngôi làng của mình

**b. Tình cảm của ông Hai với đất nước, với kháng chiến**

- Ông Hai yêu nước và giàu tinh thần kháng chiến

    + Đến phòng thông tin đọc báo, nghe tin tức về kháng chiến.

    + Lúc nào cũng quan tâm đến tình hình chính trị thế giới, các tin chiến thắng của quân ta

    + Trước những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan cứ múa cả lên

        ⇒ ngôn ngữ quần chúng, độc thoại ⇒ Tự hào, vui sướng, tin tưởng khi nghe tin về cuộc kháng chiến, đó là niềm vui của một con người biết gắn bó tình cảm của mình với vận mệnh của toàn dân tộc

**2. Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng của mình theo giặc.**

**a. Khi vừa nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.**

- Khi mới nghe tin, ông sững sờ, xấu hổ:

    +“Cổ họng nghẹn ắng, da mặt tê rân rân”

    + Lặng đi không thở được, giọng lạc đi

    + Lảng chuyện, cười nhạt, cúi gằm mặt xuống mà đi

        ⇒ Nghệ thuật miêu tả tầm lí nhân vật ⇒ bẽ bàng, xấu hổ, ê chề nhục nhã.

**b. Về đến nhà trọ.**

- Nằm vật ra giường, tủi thân, nước mắt giàn ra.

- Ông tự hỏi và buồn thay cho số phận những đứa con của mình: “chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư?”

- Ông nắm chặt tay, rít lên: “chúng bay … mà nhục nhã thế này”

        ⇒ Nghệ thuật miêu tả tâm trạng qua hành động, thái độ, cử chỉ ⇒ Nỗi cay đắng tủi nhục, uất hận trước tin làng theo giặc

**c. Những ngày sau đó.**

- Không dám đi đâu, chỉ quanh quẩn ở nhà, chột dạ, nơm nớp, lủi ra một góc, nín thít.

        ⇒ Nỗi ám ảnh nặng nề, biến thành sự sợ hái thường xuyên.

- Khi mụ chủ nhà đánh tiếng đuổi đi: ông bế tắc, tuyệt vọng.

- Ông băn khoăn trước quyết định “hay là về làng” nhưng cuối cùng ông đã gạt bỏ ngay ý nghĩ bởi đối với ông: “làng đã theo Tây, về làng nghĩa là rời bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ, là cam chịu trở về kiếp sống nô lệ”

- Ông trò chuyện với đứa con út để khẳng định thêm: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”

**3. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính.**

- Thái độ ông Hai thay đổi hẳn:

    + “ cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”

    + mồm bỏm bẻm nhai trầu, mắt hấp háy

    + Chạy đi khoe khắp nơi về làng của mình

        ⇒ Vui mừng tột độ, tự hào, hãnh diện khi làng không theo giặc, cũng đồng thời thấy được tình yêu làng, yêu nước của người nông dân như ông Hai

**III. Kết bài**

- Khái quát về giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

- Liên hệ tới lòng yêu làng quê, yêu đất nước hôm nay

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Tác phẩm Làng của Kim Lân thuộc thể loại nào?

**A.** Tiểu thuyết **B.** Truyện ngắn

**C.** Truyện dài **D.** Tùy bút

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Nhân vật chính truyện Làng là ai?

**A.** Ông Hai **B.** Bà Hai

**C.** Bà chủ nhà **D.** Người lính

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Truyện ngắn Làng viết về đề tài gì?

**A.** Người trí thức **B.** Người nông dân

**C.** Người phụ nữ **D.** Người lính

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Tác giả đặt nhân vật chính vào tình huống như thế nào?

**A.** Ông Hai không biết chứ, phải đi nghe nhờ người khác đọc

**B.** Tin làng ông theo giặc mà tình cờ ông nghe được từ những người tản cư

**C.** Bà chủ nhà hay dòm ngó, nói bóng gió vợ chồng ông Hai

**D.** Ông Hai lúc nào cũng nhớ tha thiết cái làng chợ Dầu của mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Tình huống tác giả đặt ra có tính kịch tính, để nhân vật giải quyết vấn đề.

**Câu 5:** Trong các câu nói của ông Hai “Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!” “chúng nó” là ai?

**A.** Cua, cá **B.** Giặc Tây

**C.** Lũ trẻ **D.** Trâu, bò

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Từ “lắp bắp” trong câu “ông Hai quay phắt lại lắp bắp hỏi” có nghĩa là gì?

**A.** Mấp máy phát ra những tiếng rời rạc và lắp lại, không nên lời, nên câu

**B.** Nói không rõ tiếng như đang ngậm cái gì trong miệng

**C.** Không phát âm được một số âm do có tật hoặc nói chưa sõi

**D.** Cảm động vì những người gặp lại cùng làng lên tản cư

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Câu nào nói đúng nhất tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc?

**A.** Bị ám ảnh và lo sợ trước bọn giặc Tây và Việt gian bán nước

**B.** Luôn sợ hãi mỗi khi nghe ai đó tụ tập và nói về việc làng mình theo giặc

**C.** Đau xót, tủi hổ trước cái tin làng mình theo giặc

**D.** Cả B và C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Vì sao ông Hai yêu làng nhưng không quay về làng khi bị mụ chủ nhà đuổi khéo, không còn chỗ để đi, hơn nữa ông lại còn thù cái làng của mình?

**A.** Vì ông yêu làng theo Tây thì ông phải thù, tình yêu nước rộng lớn hơn

**B.** Vì giặc Tây đã đốt cháy nhà của ông nên gia đình ông không có chỗ để quay về

**C.** Vì ông không ưa những tên kì mục và hào lí áp bức dân làng ông

**D.** Vì ông muốn tìm cuộc sống ổn định, no đủ hơn cho làng quê nghèo của ông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Mục đích của ông Hai trò chuyện với đứa con út là gì?

**A.** Để bày tỏ lòng yêu thương một cách đặc biệt đứa con út của mình

**B.** Để cho bớt cô đơn và buồn chán vì không có ai để nói chuyện

**C.** Để thổ lộ nỗi lòng và làm vơi bớt nỗi buồn khổ

**D.** Để mong thằng Húc hiểu được tấm lòng ông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Đoạn tâm sự với thằng Húc là cách để ông Hai giãi bày tâm trạng, nỗi đau khổ buồn tủi khi nghe tin làng mình theo giặc

**Câu 10:** Tính cách của nhân vật ông Hai được thể hiện trong tác phẩm?

**A.** Yêu và tự hào về làng quê của mình

**B.** Căm thù giặc Tây, những kẻ theo Tây làm Việt gian

**C.** Thủy chung với kháng chiến, với cách mạng và lãnh tụ

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 11:** Tâm lí nhân vật chính trong tác phẩm thể hiện qua?

**A.** Bằng hành động, cử chỉ **B.** Bằng những lời đối thoại

**C.** Bằng những lời độc thoại **D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 12:** Dòng nào chứa các từ địa phương được dùng trong truyện Làng?

**A.** Bực cửa, thầy, (chẳng có gì) sất, trầu, tinh **B.** Bực cửa, trâu, thầy, tinh

**C.** Trâu, bực cửa, thầy **D.** Thầy, bực cửa, (chẳng có gì) sất, trầu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Dòng nào nêu nhận xét không phù hợp với những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?

**A.** Xây dựng tình huống tâm lí đặc sắc **B.** Miêu tả sinh động diễn biến tâm trạng, nhân vật

**C.** Sử dụng chính xác ngôn ngữ quần chúng **D.** Giọng văn giàu màu sắc trữ tình, biểu cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 14:** Từ truyện ngắn Làng có thể thấy nhà văn Kim Lân là người thế nào?

**A.** Am hiểu đời sống và thế giới tinh thần của con người, đặc biệt là người nông dân

**B.** Yêu tha thiết làng quê, đất nước, thủy chung với kháng chiến và cách mạng

**C.** Căm thù giặc Pháp và những kẻ làm Việt gian

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 15:** Ngôi kể trong truyện ngắn Làng?

**A.** Bác Thứ **B.** Người kể giấu mặt

**C.** Ông chủ tịch **D.** Ông Hai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 16:** Nhận định nói đúng nhất loại ngôn ngữ được sử dụng trong truyện Làng của Kim Lân?

**A.** Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật

**B.** Ngôn ngữ độc thoại và đối thoại nội tâm của nhân vật

**C.** Ngôn ngữ trần thuật

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Đối thoại và độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

**I. Kiến thức cần nhớ**

1. Đói thoại: hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người

Độc thoại: lời của người nào đó nói với chính mình, hoặc nói với ai đó trong tâm tưởng

Độc thoại nội tâm: trong văn tự sự, khi người độc thoại nói thành lời thì phía trước câu có gạch đầu dòng, khi không thành lời thì không có gạch đầu dòng .

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích sau:

Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người:

- Chí Phèo đấy hở ? Lè bè vừa thôi chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn:

- Cầm lấy mà cút đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hắn trợn mắt chỉ tay vào mặt cụ:

- Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hắn toan làm dữ cụ đành dịu giọng:

- Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất kiêu ngạo:

- Tao đã bảo là tao không đòi tiền.

- Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế anh cần gì?

Hắn dõng dạc:

- Tao muốn làm người lương thiện!

**Gợi ý làm bài**

Bài 1: Đoạn trích là cuộc đối thoại giữa nhân vật Bá Kiến với Chí Phèo.

Lượt lời đầu tiên, Bá Kiến thị uy “lè bè vừa thôi chứ, tôi không phải cái kho”, sau đó ném bẹt 5 hào với thái độ khinh miệt “cầm lấy mà cút đi cho rảnh”. Rõ ràng Bá Kiến thể hiện sự khinh thường Chí Phèo từ lời nói tới hành động

- Khi Chí Phèo thể hiện sự bất cần sau lời nói và hành động ném tiền của Bá Kiến thì Bá Kiến hiểu chuyện và dịu giọng gian ngoan

- Chí Phèo vênh mặt kiêu ngạo “Tao đã bảo là tao không đòi tiền.” điều này thể hiện Chí Phèo đã thực sự ý thức, tỉnh táo trong lần gặp Bá Kiến

- Lượt lời cuối khi Chí Phèo dõng dạc “tao muốn làm người lương thiện” phản ánh được khát vọng muốn được sống như một con người của Chí.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Thế nào là đối thoại trong văn tự sự?

**A.** Là hình thức đối đáp, trò chuyện giữa hai hay nhiều người. Trong văn bản tự sự, đối thoại được thể hiện ở các gạch đầu dòng lời trao và lời đáp (mỗi lượt lời là một gạch đầu dòng)

**B.** Là lời nhân vật tự nói với chính mình, hoặc nói với ai đó trong tưởng tượng

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Cho đoạn văn sau:

Nước mắt ông giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. Ông lão nghĩ ngay đến mấy thằng kì lí chuyên môn khua khoét ngày trước lại ra vào hống hách ở trong cái đình. Và cái đình lại như của riêng chúng nó, lại thâm nghiêm ghê gớm, chúa toàn những sự ức hiếp, đè nén. Ngày ngày chúng dong ra, dong vào, đánh tổ tôm mà bàn tư việc làng với nhau ở trong ấy. Những hạng khố rách áo ôm như ông có đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào, rồi cắm đầu xuống mà lủi đi.

**A.** Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm của nhân vật

**B.** Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật và ngôn ngữ trần thuật của tác giả

**C.** Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật và ngôn ngữ trần thuật của tác giả

**D.** Ngôn ngữ độc thoại của nhân vật và ngôn ngữ trần thuật của tác giả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Ngôn ngữ được in đậm trong ví dụ dưới đây thuộc kiểu loại nào?

Ông Hai trả tiền nước đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

- Hà, nắng gớm, về nào…

**A.** Ngôn ngữ độc thoại của nhân vật **B.** Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật

**C.** Ngôn ngữ trần thuật của tác giả **D.** Ngôn ngữ độc thoại nội tâm của nhân vật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Ông Hai tự nói với chính mình

**Câu 4:** Tác dụng của ngôn ngữ độc thoại trong văn bản tự sự là gì?

**A.** Diễn đạt tế nhị những dòng suy nghĩ có chiều sâu của nhân vật

**B.** Tạo sự bí ẩn, tò mò cho người đọc

**C.** Làm cho tác phẩm có sức hấp dẫn, lôi cuốn

**D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm là những hình thức quan trọng để thể hiện nhân vật trong văn tự sự, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Ngôn ngữ của nhân vật góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm, vì thế hình thức đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm đóng vai trò quan trọng

## Bài 14.

### *Đoạn trích: Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Nguyễn Thành Long (1925-1991) còn có một số bút danh khác như Lưu Quỳnh, Phan Minh Thảo

- Quê quán: sinh ra tại huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam,

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Năm 1943 ông viết báo cho Thanh Nghị

    + Sau cách mạng tháng Tám ông tham gia hoạt động văn nghệ trong những năm kháng chiến chống Pháp và bắt đầu viết văn

    + Sau 1954, Nguyễn Thành Long chuyển về sáng tác và biên tập ở các báo chí, nhà xuất bản

    + Năm 2008, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Lao đông hạng Nhì

    + Các tác phẩm tiêu biểu: “Bát cơm Cụ Hồ”, “Giữa trong xanh”, “Gió bấc gió nồm”…

- Phong cách sáng tác: Ông là một cây bút chuyên viết về truyện ngắn và kí. Đặc sắc trong truyện ngắn của ông là luôn tạo ra những hình tượng đẹp đẽ, ngôn ngữ rất giàu chất thơ trong trẻo và nhẹ nhàng.

II. Đôi nét về tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Lặng lẽ Sa Pa được viết năm 1970, trong chuyến đi thực tế của tác giả Nguyễn Thành Long, in trong tập “Giữa trong xanh”.

**2. Tóm tắt**

    Truyện kể về cuộc gặp gỡ tình cờ của anh thanh niên, ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe tại trạm khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn, trong vòng chưa đầy nửa tiếng. Ông họa sĩ và cô kĩ sư lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên . Anh bộc bạch về công việc và cuộc sống của mình. Họa sĩ đã kịp ghi lại kí họa chân dung về anh. Anh đã làm cô kĩ sư và ông họa sĩ sống dậy những khát vọng cống hiến. Họ đã chia tay trong tình cảm lưu luyến, xúc động.

**3. Giá trị nội dung**

    Truyện ngắn khắc họa thành công hình ảnh những con người lao động thầm lặng công hiến cho đời mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi cao. Qua đó ngợi ca vẻ đẹp của người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng nhưng quan trọng vô cùng.

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Tác phẩm thành công trong việc xây dựng tình huuongs, miêu tả nhân vật từ nhiều điểm nhìn tạo tính khách quan, kết hợp nhuần nhuyễn giữa tự sự và trữ tình.

III. **Dàn ý:** phân tích Lặng lẽ Sa Pa

**I. Mở bài**

- Dẫn dắt từ khát vọng cống hiến của người trẻ hiện nay

- Giới thiệu sang tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của tác giả Nguyễn Thành Long: Một tác phẩm sáng tác năm 1970 chứa đựng những giá trị sâu sắc về sự cống hiến thầm lặng trước cuộc đời thông qua vẻ đẹp của các nhân vật trong tác phẩm

**II. Thân bài**

**1. Nhân vật anh thanh niên**

**a. Giới thiệu về nhân vật và hoàn cảnh sống**

- Xuất hiện trong lời giới thiệu của ông lại xe: đó là một trong những người cô độc nhất thế gian, thèm người.

- Hai mươi bảy tuổi, tầm vóc nhỏ bé, nét mặt rạng rỡ.

- Sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù.

        ⇒ Nghệ thuật miêu tả gián tiếp, trực tiếp được sử dụng để khắc họa oàn cảnh sống thật đặc biệt: cô đơn, vắng vẻ của anh thanh niên

- Nơi ở và cách sống, cách sinh hoạt:

    + Nơi ở: sạch sẽ với chiếc giường con, một bàn học, một giá sách.

    + Cách sống, cách sinh hoạt: Trồng hoa, nuôi gà, tự học, đọc sách.

        ⇒ Nghệ thuật liệt kê, miêu tả nhằm khắc họa nơi ở giản dị nhưng ngăn nắp, gọn gàng cùng cách sống rất đẹp của anh thanh niên

**b. Công việc và suy nghĩ về công việc, về mọi người**

- Công việc của anh thanh niên:

    + Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

    + Công việc hằng ngày của anh là: đo gió, mưa, nắng, tính mây, đo chấn động địa chất dự vào việc dự báo thời tiết, phục vụ sản xuất và chiến đấu

        ⇒ Nghệ thuật liệt kê, kể, miêu tả => công việc của anh là một công việc đòi hỏi sự chính xác cao, đó cũng là một công việc nhiều vất vả, gian khổ, đồng thời qua đó cũng bộc lộ anh thanh niên là người yêu công việc, có tinh thần trách nhiệm cao.

- Suy nghĩ của anh thanh niên về công việc:

    + Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi.

    + Anh luôn nghĩ: mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc

        ⇒ Đây là những suy nghĩ đúng đắn, nghiêm túc và sâu sắc

- Khi anh suy nghĩ và nói về người khác:

    + Anh kể về ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa: ngồi im rình xem ong lấy phấn thụ phấn .

    + Anh khâm phục đồng chí nghiên cứu khoa học đang làm bản đồ sét.

        ⇒ Anh nói về mọi người với một thái độ khiêm nhường, quý trọng những người lao động.

        ⇒ Anh thanh niên hiện lên chân thật, tận tuỵ, tin yêu cuộc sống.

**2. Những nhân vật khác**

**a. Nhân vật ông hoạ sĩ già**

- Cảm xúc của người họa sĩ già trước anh thanh niên

    + Xúc động mạnh.

    + Bối rối.

    + Cảm thấy người con trai làm ông nhọc quá

    + Ông muốn vẽ anh thanh niên

- Những điều ông nhận ra sau khi tiếp xúc cới anh thanh niên

    + Nghệ thuật, hội hoạ bất lực trong hành trình cuộc đời.

    + Vẽ là công việc khó nhọc, gian nan.

        ⇒ Ông họa sĩ hiện lên là con người yêu mến, quý trọng những người lao động

**b. Nhân vật cô kĩ sư**

- Cảm xúc của cô kĩ sư khi tiếp xúc với anh thanh niên:

    + Trước một người giáu lí tưởng như anh thanh niên, cô kĩ sư thấy bàng hoàng và sự hàm ơn khó tả, khi nhận lại chiếc khăn tay, cô đỏ bừng mặt

    + Sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi ấy, cô càng tin vào quyết định của mình

        ⇒ Cô kĩ sư hiện lên là một người trẻ trung, kín đáo, giàu khao khát, lí tưởng

**III. Kết bài**

- Khái quát những nét chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

- Suy nghĩ bản thân về sự cống hiến của con người trước cuộc đời

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa được viết theo thể loại nào?

**A.** Hồi kí **B.** Tiểu thuyết

**C.** Truyện ngắn **D.** Tùy bút

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Chuyện Lặng lẽ Sa Pa có nhân vật chính là ai?

**A.** Ông họa sĩ **B.** Cô kĩ sư

**C.** Bác lái xe **D.** Anh thanh niên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Cốt truyện của Lặng lẽ Sa Pa là gì?

**A.** Cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa

**B.** Cuộc nói chuyện thú vị giữa người lái xe lên Sa Pa với cô kĩ sư và ông họa sĩ già

**C.** Anh thanh niên làm công tác trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa tự kể về cuộc đời mình

**D.** Cuộc gặp gỡ giữa những người đang sống và làm việc trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa nhưng trước đó chưa biết về nhau

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Cốt truyện của Lặng lẽ Sa Pa là cốt truyện có tính kịch tính, xung đột. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Truyện Lặng lẽ Sa Pa có cốt truyện nhẹ nhàng

**Câu 5:** Truyện Lặng lẽ Sa Pa chủ yếu được kể qua cái nhìn của ai?

**A.** Tác giả **B.** Anh thanh niên

**C.** Ông họa sĩ già **D.** Cô gái

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Trong tác phẩm, anh thanh niên chủ yếu được tác giả miêu tả bằng cách nào?

**A.** Tự giới thiệu về mình

**B.** Được tác giả miêu tả trực tiếp

**C.** Hiện ra qua sự nhìn nhận, đánh giá của các nhân vật khác

**D.** Được giới thiệu qua lời kể của ông họa sĩ già

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Câu “Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu” có tác dụng gì?

**A.** Giới thiệu hoàn cảnh sống của anh thanh niên **B.** Giới thiệu công việc của anh thanh niên

**C.** Giới thiệu cảnh sống của anh thanh niên **D.** Giới thiệu đặc điểm khí hậu, thời tiết của Sa Pa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Qua lời kể của anh thanh niên, em nhận thấy công việc đó đòi hỏi người làm việc như thế nào?

**A.** Ti mỉ, chính xác **B.** Có tinh thần trách nhiệm cao

**C.** Cả A và B đều đúng **D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Theo em thách thức lớn nhất với nhân vật anh thanh niên là gì?

**A.** Công việc vất vả, nặng nhọc **B.** Sự cô đơn, vắng vẻ

**C.** Thời tiết khắc nghiệt **D.** Cuộc sống thiếu thốn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** “Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa…!... Hay là, đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới ấy đấy. Câu nói này thể hiện nhân vật anh thanh niên có nét đẹp nào?

**A.** Dũng cảm, gan dạ **B.** Khiêm tốn, thành thực

**C.** Chăm chỉ, cần cù **D.** Cởi mở, hào phóng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

### Ôn tập phần tiếng việt

**1. Kiến thức cần nhớ**

1. Các phương châm hội thoại

- Phương châm về lượng

- Phương châm về chất

- Phương châm quan hệ

- Phương châm cách thức

- Phương châm lịch sự

2. Xưng hô trong hội thoại

Trong giao tiếp cần căn cứ vào hoàn cảnh giao tiếp, đối tượng, mục đích, nội dung giao tiếp… để tìm từ ngữ xưng hô thích hợp

VD: Vua Quang Trung cho vời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh sang chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ thế nào?

Từ ngữ xưng hô thể hiện thái độ lịch sự, khiêm nhường, đúng vai vế của vua Quang Trung: **tôi- tiên sinh**

3. Cách dẫn trực tiếp cách dẫn gián tiếp

- Cách dẫn trực tiếp: trích lại y nguyên lời nhân vật, để trong ngoặc kép

- Cách dẫn gián tiếp: thuật lại lời nói, ý nghĩ của người khác và có sự điều chỉnh cho phù hợp

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Hãy chuyển những lời trong đoạn đối thoại sau trở thành lời dẫn gián tiếp

Vua Quang Trung cho vời người cống sĩ La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:

- Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua tiên sinh nghĩ như thế nào?

Thiếp nói:

- Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh giữ ra sao. Chúa công đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

**Gợi ý:**

Bài 1

- Vua Quang Trung cho vời người cống sĩ La Sơn hỏi ý kiến rằng vua sắp cho quân ra chống cự giặc Thanh thì mưu đánh giữ cơ được thua thế nào.

- Nguyễn Thiếp nói quân Thanh không rõ địa thế, tình hình quân ta nên không biết đánh giữ, nhà vua đi chuyến này không quá mười ngày quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Nối nội dung giữa cột A với cột B để có được những nhận định đúng về phương châm hội thoại

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Phương châm về lượng | a, Cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh cách nói mơ hồ |
| 2. Phương châm về chất | b, Khi nói cần phải tế nhị, tôn trọng người khác |
| 3. Phương châm quan hệ | c, Khi giao tiếp cần nói đầy đủ thông tin, không thừa không thiếu |
| 4. Phương châm cách thức | d, Không nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực |
| 5. Phương châm lịch sự | e, Cần nói vào đúng đề tài, tránh nói lạc đề |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- C; 2-D; 3-E; 4-A; 5-B**

**Câu 2:** Câu văn nào sau đây sử dụng lời dẫn trực tiếp?

**A.** Còn nhà họa sĩ và cô gái nín bặt, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ

**B.** Họa sĩ thầm nghĩ: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”

**C.** Người con trai mừng quýnh cầm cuốn sách còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bây giờ xuống đất tất cả

**D.** Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Trong tiếng Việt thường hay tuân thủ theo phương pháp “xưng khiêm, hô tôn” có nghĩa là gì?

**A.** Xưng hô khiêm tốn

**B.** Nói chuyện biết rõ vị thế, vai vế của mình

**C.** Thể hiện sự khiêm tốn khi nói về bản thân, sự tôn trọng với những người ở vai trên, vị thế trên

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Vì sao trong tiếng Việt, khi giao tiếp, người nói phải hết sức chú ý tới từ ngữ xưng hô?

**A.** Bởi từ ngữ xưng hô quyết định đến hiệu quả của cuộc giao tiếp

**B.** Vì tiếng Việt có nhiều từ ngữ xưng hô nên cần phải lựa chọn kĩ lưỡng trước khi

**C.** Vì từ ngữ xưng hô thể hiện mối quan hệ, thái độ, tình cảm, mỗi phương tiện xưng hô để đạt được hiệu quả giao tiếp

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Câu văn nào sử dụng lời nói gián tiếp?

**A.** Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toét, mặc, cháu gan lì nhất định không ngồi xuống

**B.** Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá

**C.** Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều

**D.** Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

### Người kể trong văn bản tự sự

**I. Kiến thức cần nhớ**

- Trong văn bản tự sự, ngoài hình thức kể chuyện theo ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba (người kể chuyện giấu mình có mặt khắp nơi trong văn bản)

- Người kể có vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt người đọc đi vào câu chuyện: giới thiệu nhân vật và tình huống, tả người và cảnh vật, đưa ra nhận xét, đánh giá về những điều được kể

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi

Tôi không quản trời lạnh giá, về thăm làng cũ, xa những hai ngàn dặm mà tôi đã từ biệt từ hai mươi năm nay.

Đang độ giữa đông. Gần về đến làng, trời lại càng u ám. Gió lạnh lùa vào khoang thuyền, vi vu. Nhìn qua các khe hở mui thuyền, thấy xa gần thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời vàng úa. Không nén được lòng tôi se lại.

Câu hỏi: Ngôi kể trong đoạn trích này là gì? Nêu ưu điểm, và hạn chế của ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích trên?

Bài 2: Cho đoạn trích sau:

Buổi trưa ông Hai ở nhà một mình. Con bé lớn gánh hàng ra quán cho mẹ chưa thấy về. Hai đứa bé thì ông cắt chúng nó ra vườn trông mấy luống rau mới cấy lại chẳng gà vặt hết.

Ông Hai hì hục vỡ một vạt đất rậm ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính để trồng thêm vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình ông phải làm cố. Hai vai ông mỏi nhừ. Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ những ngày làm việc với anh em. Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra

Câu hỏi: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy. Ngôi kể này có tác dụng gì khi điễn dạt nội dung của truyện.

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1: Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ nhất

Ưu điểm: ngôi kể thứ nhất tạo ra lời kể chân thật, có độ tin cậy cao. Người kể cũng chính là nhân vật tham gia vào câu chuyện

Tuy nhiên ngôi kể này cũng có mặt hạn chế: người kể chỉ có mặt trong những câu chuyện liên quan tới bản thân

Bài 2:

Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ ba, kể về nhân vật ông Hai cùng gia đình đi tản cư nhưng vẫn nghĩ về làng của mình

Ngôi kể này kể lại sự việc một cách khách quan nhất, người kể có mặt ở khắp nơi trong truyện

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Trong văn tự sự, hình thức kể chuyện theo ngôi thứ ba, có nghĩa là?

**A.** Người kể giấu mình, có mặt khắp nơi trong văn bản, người kể này biết hết mọi việc, mọi hành động, tâm tưu, tình cảm của các nhân vật

**B.** Người kể xưng tôi kể chuyện chân thành tạo ra tính chân thật cho câu chuyện

**C.** Cả A và B đều sai

**D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự?

**A.** Giới thiệu nhân vật và tình huống, tả người và tả cảnh vật, đưa ra các nhận xét, đánh giá về những điều được kể

**B.** Người kể chuyện dẫn dắt người đọc tới bất ngờ và cao trào của chuyện

**C.** Người kể chuyện đôi khi đóng vai trò là nhân vật, thể hiện tư tưởng của tác phẩm

**D.** Cả A và C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Đoạn văn sau được kể theo ngôi thứ mấy?

Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính tình đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh, xin mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không phải để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc sum họp chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú nhưng không có học nên tên phải ghi trong sổ đi lính đi vào loại đầu.

**A.** Ngôi thứ nhất **B.** Ngôi thứ hai

**C.** Ngôi thứ ba **D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Tác dụng của ngôi kể trong đoạn trích trên?

**A.** Nêu sự việc, diễn biến một cách khách quan **B.** Nêu sự việc diễn biến một cách chủ quan

**C.** Cả A và B **D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Ai là người kể chuyện trong đoạn văn sau?

Hai ông con theo cấp bậc bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nhìn đồng hồ và nói một mình: Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chị cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ “ốp” đâu? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ?

**A.** Bác lái xe **B.** Cô gái

**C.** Tác giả **D.** Ông họa sĩ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

## Bài 15.

### *Đoạn trích: Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Nguyễn Quang Sáng (1932- 2014)

- Quê quán: Thị trấn Mỹ Luông-huyện Chợ Mới-tỉnh An Giang

- Sự nghiệp sáng tác:

    + Ông bắt đầu viết truyện từ năm 1954

    + Năm 1955, ông làm cán bộ sáng tác của Hội Văn nghệ Giải phóng

    + Sau khi đất nước thống nhất, ông về thành phố Hồ Chí Minh và làm Tổng thư kí Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh các khóa I,II,III

    + Năm 2000 ông được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật

    + Các tác phẩm tiêu biểu: “Người con đi xa”, “Người quê hương”, “Bông cẩm thạch”

- Phong cách sáng tác: Các sáng tác của ông thường là về cuộc sống và con người Nam Bộ. Truyện ông thường có cốt truyện và lựa chọn các tình huống hết sức đặc sắc và giàu kịch tính. Truyện ngắn của ông thường rất giản dị vừa hiện đại và có âm hưởng

II. Đôi nét về tác phẩm Chiếc lược ngà

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    “Chiếc lược ngà” viết năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ và được đưa vào tập truyện cùng tên

**2. Tóm tắt**

    Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến 8 năm trở về thăm gia đình và con gái. Bé Thu- con gái ông không chịu nhận cha vì vết thẹo dài trên mặt làm ông không giống người cha trong tấm ảnh chụp chung với má. Em tỏ ra lạnh nhạt đối xử với ông Sáu như người lạ. Đến lúc em nhận ra cha, tình cảm cha con trong em trỗi dậy mạnh mẽ nhưng đó cũng là lúc ông Sáu phải đi. Ở khu căn cứ ông dồn hết tâm lực, tình cảm làm cây lược tặng con.Chưa kịp trap cho con thì ông đã hí sinh. Trước khi nhắm mắt ông trút hơi sức cuối cùng trao cây lược cho bác Ba- người bạn của ông nhờ trao lại cho ông Sáu.

**3. Giá trị nội dung**

    Truyện ngắn nói về tình cảm gia đình đặc biệt là tình cha con sâu nặng cao đẹp trong hoàn cảnh chiến tranh éo le

**4. Giá trị nghệ thuật**

    Truyện kể theo điểm nhìn của bác Ba giúp tăng tính khách quan.Truyện thành công trong việc tạo dựng tình huống bất ngờ, tự nhiên và hợp lí, thành công nữa là miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc qua suy nghĩ, hành động và lời nói.

III. **Dàn ý:** phân tích Chiếc lược ngà

**I. Mở bài**

- Đề cập đến sức mạnh giúp con người có thể vượt qua những khốc liệt của chiến tranh: Tình đồng chí, đồng đội, tình cảm cộng đồng, tình cảm cha con

- Truyện ngắn Chiếc lược ngà, một tác phẩm ra đời năm 1966 của Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa thành công tình cảm cha con bất diệt của ông Sáu và bé Thu trước hoàn cảnh chiến tranh

**II. Thân bài**

**1. Ông Sáu và bé Thu phải sống trong hoàn cảnh chia li bởi chiến tranh**

- Ông Sáu là một chiến sĩ hoạt động trên chiến trường, suốt 8 năm ròng ông chưa từng được gặp mặt đứa con gái của mình

- Đồng nghĩa suốt 8 năm bé Thu chỉ biết cha qua tấm ảnh chụp chung với mẹ nó

        ⇒ Chiến tranh đẩy con người vào hoàn cảnh xa cách

**2. Tình cảm cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu**

**a. Lúc còn ở rừng**

- Ông Sáu nhớ thương con vô cùng, khao khát gặp con, được sống trong tình yêu thương của con

- Khi gặp con:

    + Thuyền chưa cập bến đã nhảy vội lên bờ gọi con

    + Đáp lại bé Thu ngạc nhiên , sợ hãi, vụt bỏ chạy

**b. Trong ba ngày ngày nghỉ phép**

- Ông Sáu khao khát tình cảm của con bao nhiêu thì bé Thu lại hoàn toàn lạnh lùng trước mọi tình cảm của cha

    + Ông càng xích lại gần, bé Thu càng lùi xa

    + Ông càng chiều bé Thu bao nhiêu, bé Thu càng lẩn tránh

    + Ông càng mong nghe được tiếng ba, bé Thu coàng cố tình trốn tránh

    + Ngay cả khi bé Thu bị lâm vào thế bí “nồi cơm sôi sùng sục nó cũng không chịu cất lên cái tiếng mà ba nó mong đợi

    + Trong bữa cơm, hành động hất cái trứng cá của bé Thu là hành động đỉnh điểm nhất khiến ông Sáu thực sự đau lòng

        ⇒ Ông Sáu nhận ra tình cảm không dễ gì gượng ép, vì vậy ông cam chịu

- Bé Thu cũng là một người thương yêu ba của mình vô cùng

    + Tất cả những thái độ ương nhạnh ngang bướng của bé Thu đối với ông Sáu lại là biểu hiện tuyệt vời của tình phụ tử bởi Thu chỉ có duy nhất một người cha là người trong bức ảnh chụp với má nó

    + Khi Thu được bà ngoại giảng giải người có vết thẹo chính là ba em ⇒ Tình yêu thương dành cho ông Sáu tăng lên gấp bội

    + Trong khoảnh khắc cuối cùng trước lúc ông Sáu lên đường, Thu chạy ra ôm hôn cha

    + Hành động cùng giọt nước mắt ân hận của bé Thu chảy đầm đìa trên má, trên cằm khiến ông không kìm nén được xúc động

        ⇒ Tình cảm giữa hai cha con ông Sáu và bé Thu là vô cùng sâu nặng

**c. Lại những ngày ông Sáu xa con**

- Ông Sáu thương nhớ con, ân hận vì mình đã đánh con.

- Tình yêu thương con đã khiến ông tự tay làm chiếc lược ngà thực hiện lời hứa với con

- Khi bị thương nặng ông đã dồn tất cả tàn lực của mình trao chiếc lược ngà cho ông Ba như một lời chăng chối cuối cùng

        ⇒ Tình cảm cha con trong lòng ông Sáu là một tình cảm bất diệt, chiến tranh có thể hủy diệt thân xác ông nhưng không thể hủy diệt tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu kết tinh trong chiếc lược ngà.

**III. Kết bài**

- Vài nét về giá trị nghệ thuật tác phẩm: Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ nhân vật đặc sắc...

- Qua truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng thể hiện được sâu sắc tư tưởng, chủ đề của tác phẩm, đó là sự khẳng định ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng như một giá trị nhân văn sâu sắc. Tình cảm ấy là cội nguồn, sức mạnh vượt lên sự hủy diệt tàn bạo của chiến tranh.

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng viết cùng thể loại với tác phẩm nào?

**A.** Hoàng Lê nhất thống chí **B.** Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

**C.** Làng **D.** Phong cách Hồ Chí Minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Tại sao người đọc biết được truyện Chiếc lược ngà viết về vùng đất Nam Bộ?

**A.** Nhờ tên tác giả **B.** Nhờ tên tác phẩm

**C.** Nhờ tên các địa danh trong truyện **D.** Nhờ tên các nhân vật chính trong truyện

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Nội dung văn bản Chiếc lược ngà trong SGK chủ yếu viết về điều gì?

**A.** Tình cha con trong cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh

**B.** Tình đồng chí giữa những người cán bộ cách mạng

**C.** Tình quân nhân trong chiến tranh

**D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Đoạn trích trong SGK có mấy nhân vật chính?

**A.** Một **B.** Hai

**C.** Ba **D.** Bốn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Đoạn trích có mấy tình huống thể hiện chủ đề tư tưởng của truyện?

**A.** Một **B.** Hai

**C.** Ba **D.** Bốn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**

Tình huống 1: Ông Sáu sau tám năm xa cách trở về gặp con nhưng đứa con không nhận mặt cha

Tính huống 2: Ông Sáu trở lại chiến trường, làm cho con chiếc lược ngà nhưng chưa kịp trao cho con thì ông hy sinh

**Câu 6:** Người kể truyện trong đoạn trích là ai?

**A.** Ông Sáu **B.** Bé Thu

**C.** Mẹ bé Thu **D.** Bạn ông Sáu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Nhân vật bác Ba- bạn ông Sáu là người kể chuyện

**Câu 7:** Câu văn “trong những ngày hòa bình vừa lập lại… chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi” chủ yếu nhiệm vụ gì?

**A.** Kể về tình bạn giữa người kể chuyện với ông Sáu **B.** Giới thiệu hoàn cảnh gia đình ông Sáu

**C.** Giới thiệu tính cách của ông Sáu **D.** Giới thiệu nhân vật bé Thu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Câu văn “Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi cắt tóc ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cặp lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với” nói lên tâm trạng gì của ông Sáu?

**A.** Vội vàng, cuống quýt muốn được gặp con

**B.** Yêu thương, mong nhớ con đến da diết

**C.** Ân hận vì đã xa nhà quá lâu, không chăm sóc cho vợ con

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Câu văn: “Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy kêu thét lên: “Má! Má” nói lên thái độ gì ở bé Thu trước sự vồ vập của người cha?

**A.** Ngờ vực, sợ hãi **B.** Vui mừng, phấn khởi

**C.** Lạnh lùng, thờ ơ **D.** Ân hận, hối tiếc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Phép so sánh ở phần in đậm trong câu văn sau có tác dụng gì?

“Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”

**A.** Nhấn mạnh sự tủi hổ của ông Sáu **B.** Nhấn mạnh nỗi cô đơn của ông Sáu

**C.** Nhấn mạnh nỗi đau đớn của ông Sáu **D.** Nhấn mạnh nỗi tức giận của ông Sáu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Các chi tiết trong truyện thể hiện nhân vật bé Thu là người thế nào?

- Chỉ gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha

- Nhất định không chịu nhờ ông chắt giúp nồi cơm đang sôi

- Hất trứng cá mà ông Sáu gắp cho, làm tung tóe ra mâm cơm

- Bỏ về nhà ngoại, cố ý dây cột xuồng kêu rổn rang thật to

**A.** Hư hỗn **B.** Ương ngạnh

**C.** Lém lỉnh **D.** Láu cá

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Lý do mà bé Thu không chịu nhận ông Sáu là ba?

**A.** Vì ông Sáu già hơn trước **B.** Vì ông Sáu không hiền như trước

**C.** Vì mặt ông Sáu có thêm vết thẹo **D.** Vì ông Sáu đi lâu, bé Thu quên mất hình ba

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 13:** Đánh giá như thế nào về phản ứng tâm lí của bé Thu khi không chịu nhận ông Sáu là cha?

**A.** Đó là những phản ứng hoàn toàn tự nhiên của các em bé, trong đó có Thu

**B.** Chứng tỏ bé Thu có cá tính mạnh mẽ và có tình cảm chân thành

**C.** Chứng tỏ Thu có một niềm kiêu hãnh, một tình yêu sâu sắc đối với người cha (trong tấm hình) của em

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 14:** Câu văn “tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**A.** Nhân hóa **B.** Ẩn dụ

**C.** So sánh **D.** Hoán dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 15:** Khi chứng kiến cảnh cha con bé Thu chia tay, người kể chuyện cảm thấy “khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim”. Chi tiết đó nói lên tâm trạng gì ở nhân vật?

**A.** Xúc động, nghẹn ngào **B.** Đau đớn đến tột cùng

**C.** Sung sướng đến khó tả **D.** Giận dữ, phẫn uất

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 16:** Từ ngữ địa phương (Nam Bộ) được sử dụng trong bài có tác dụng gì?

**A.** Cho biết nhà văn chắc chắn phải là người địa phương Nam Bộ

**B.** Cho biết nhà văn rất am hiểu vùng đất Nam Bộ và muốn tạo dựng một không khí Nam Bộ trong câu chuyện

**C.** Cho biết nhà văn đã đi và rất am hiểu vùng đất Nam Bộ

**D.** Cho biết nhà văn đã đi và sống nhiều ở vùng Nam Bộ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 17:** Đọc câu văn sau và trả lời câu hỏi.

Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa.

Việc lặp lại bốn lần “cây lược” trong câu văn trên có tác dụng gì?

**A.** Để nhấn mạnh hình dáng đặc biệt của cây lược

**B.** Để nhấn mạnh ý nghĩa đặc biệt của cây lược

**C.** Để nhấn mạnh tình cảm đặc biệt mà người cha gửi gắm vào cây lược

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 18:** Vì sao cây lược lại có một ý nghĩa quý giá, thiêng liêng đối với ông Sáu?

**A.** Vì nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha đối với đứa con trong xa cách

**B.** Vì nó chứng tỏ ông là người biết giữ đúng lời hứa với đứa con gái bé bỏng

**C.** Vì ông đã mất bao nhiêu công sức và thời gian để làm ra chiếc lược

**D.** Vì lúc bấy giờ việc có được một cây lược làm bằng ngà voi là vô cùng hiếm hoi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 19:** Người kể chuyện trong tác phẩm là bạn của ông Sáu. Điều đó có tác dụng gì?

**A.** Vừa dẫn dắt câu chuyện được khách quan, vừa bày tỏ thái độ, tình cảm đối với nhân vật trong truyện

**B.** Làm cho câu chuyện kể trở nên gần gũi, đáng tin cậy và xúc động

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 20:** Nhận định nào sau đây không phù hợp với giá trị nghệ thuật của truyện Chiếc lược ngà?

**A.** Xây dựng được cốt truyện chặt chẽ, có nhiều yếu tố bất ngờ

**B.** Đặt nhân vật vào tình huống đặc biệt để bộc lộ tính cách và tâm lí

**C.** Xây dựng được nhân vật người kể chuyện thích hợp

**D.** Nghệ thuật tả cảnh và độc thoại nội tâm sâu sắc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

## Bài 16.

### *Truyện ngắn: Cố hương (Lỗ Tấn)*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Lỗ Tấn (1881- 1936) lúc nhỏ tên là Chu Chương Thọ, tên chữ là Dự Tài, sau đổi tên là Chu Thụ Nhân, ông sinh ra trong một gia đình quan lại sa sút

- Quê quán: phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc

- Sự ngiệp văn chương:

    + Ông chuyển hướng từ nghề y sang nghề văn vì ông tin rằng văn chương có thể trở thành vũ khí lợi hại để biến đổi tinh thàn dân chúng

    + Lỗ Tấn là nhà văn chiến đấu. Ông cống hiến cả cuộc đời cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

    + Tác phẩm của Lỗ Tấn rất đa dạng: 17 tạp văn, hai tập truyện ngắn xuất sắc là Gào thét (1923) và Bàng hoàng (1926)

    + Truyện của Lỗ Tấn chủ yếu phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa cho nhân dân lao động dưới ách áp bức của chế độ phong kiến

    + Năm 1981, thế giới đã kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Lỗ Tấn với tư cách là danh nhân văn hóa Thế giới

- Phong cách tác giả: Coi văn chương như một vũ khí chiến đấu, đưa nhân dân thoát khỏi tình trạng “ngu muội”

II. Đôi nét về tác phẩm Cố hương

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

    Cố hương là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập Gào thét (1923)

**2. Tóm tắt tác phẩm**

    Sau 20 năm xa cách nhân vật “tôi” trở về quê lần cuối cùng để giã từ làng cũ và chuyển đến nơi ở mới. Trong cảm nhận của nhân vật “tôi” cảnh vật và con người quê hương đã có sự thay đổi theo hướng tàn tạ đi. Nhân vật “tôi” gặp lại thím Hai Dương và Nhuận Thổ, một người đã từ 20 năm trước, giờ đây tiều tụy và túng bấn. Nhân vật “tôi” rời làng và nghĩ về con đường xã hội trong tương lai

**3. Bố cục**

3 phần

- Phần 1( Từ đầu đến “ Làm ăn sinh sống”): Nhân vật Tôi trên đường về quê

- Phần 2(Tiếp đó đến “ Sạch trơn nh quét”): Nhân vật Tôi những ngày ở quê.

- Phần 3(Còn lại): Nhân vật Tôi trên đường xa quê.

**4. Giá trị nội dung**

    Truyện ngắn phản ánh tình cảnh sa sút về mọi mặt của XH TQ đầu TK XX đồng thời phê phán và hi vọng của tác giả trên cơ sở tình yêu quê hương và nhân dân là cơ sở tư tưởng của tác phẩm.Đồng thời đặt ra vấn đề đường đi của người nông dân, của toàn xã hội để mọi người suy ngẫm.

**5. Giá trị nghệ thuật**

- Bố cục chặt chẽ, cách sử dụng sinh động những thủ pháp nghệ thuật: hồi ức, hiện tại, đối chiếu, đầu cuối tương ứng.

- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật độc đáo góp phần khắc hoạ tính cách nhân vật và chủ đề tác phẩm.

- Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận.

- Sáng tạo hình ảnh biểu tượng giàu ý nghĩa triết lý

III. **Dàn ý:** phân tích Cố hương

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Lỗ Tấn: Một nhà văn tài năng với mong muốn dùng văn chương làm vũ khí tinh thần chống lại sự ngu dốt lạc hậu

- Vài nét cơ bản về tác phẩm Cố hương: Một tác phẩm chứa đựng những trăn trở của nhà văn thông qua hành trình trở về quê của nhân vật “tôi”

**II. Thân bài**

**1. Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi”**

**a. Trên đường về quê**

- Hoàn cảnh: Trời giá lạnh, đang độ giữa đông, nhân vật “tôi” về quê sau hơn 20 năm xa cách

- Mục đích: Ý định là để từ giã lần cuối cùng, đem gia đình đến đất khách tôi đang làm ăn sinh sống.

- Không gian làng quê: Trời u ám, thôn xóm tiêu điều, hoang vắng nằm im lìm dưới trời vàng úa… ⇒ Lòng tôi se lại vì “trong ký ức làng cũ đẹp hơn kia”, thất vọng, hụt hẫng vì làng xóm tiêu điều, hoang vắng quá khác xưa.

        ⇒ Bức tranh làng quê ảm đạm, héo hon, làm rõ tình cảnh sa sút của XHTQ đầu thế kỉ XX

**b. Những ngày “tôi” ở quê**

Nhân vật “tôi” cảm nhận mọi thứ trên quê hương mình:

- Khung cảnh:

    + Sáng tinh mơ, trên mái ngói, mấy cọng rơm khô phất phơ

    + Các gia đình đã dọn đi nhiều, càng hiu quạnh.

        ⇒ không gian hoang vắng, hiu quạnh, gợi cảm giác buồn

- Con người

    + Mẹ: “mừng rỡ, nét mặt ẩn một nỗi buồn”: nỗi buồn của người sắp phaỉ từ giã nơi mình sinh ra và lớn lên mà chưa hẹn ngày gặp lại.

        ⇒ Tâm trạng lưu luyến, buồn của một người sắp xa quê.

    + Cháu Hoằng: nhìn “tôi” chòng chọc vì nó chưa gặp “tôi” lần nào, thấy tôi khác xa những người ở quê mà hằng ngày nó được gần gũi tiếp xúc.

        ⇒ nhấn mạnh sự đổi thay của quê hương, của bên trong con người, khiến Hoằng lạ lẫm với tôi so với nhữn người, nếp sống, suy nghĩ quen thuộc ở quê.

    + Chị Hai Dương: 20 năm trước là một người phụ nữ duyên dáng, được mọi người yêu mến, sau 20 năm trở thành người phụ nữ xấu cả bề ngoài lẫn tính tình

    + Nhuận Thổ: Lúc nhỏ còn là cậu bé nông dân khoẻ mạnh, lanh lợi tháo vát, hiểu biết nhiều, hiện tại là người nông dân già nua, nghèo khổ đần độn, mụ mẫm, cam chịu số phận.

        ⇒ Nguyên nhân: sự thay đổi này do cách sống lạc hậu của người nông dân từ hiện thực đen tối, xã hội phong kiến đang suy tàn .

    + Nhân vật Thủy Sinh: Giống hệt bố ở tính nhút nhát, chỉ núp sau lưng bố, so với Nhuận Thổ 20 năm về trước “gầy còm, vàng vọt cổ không đeo vòng bạc”

        ⇒ Nghèo khổ, lam lũ hơn, không đẹp đẽ như tuổi thơ Nhuận Thổ xưa. Tác giả cũng ngầm lo lắng về tương lai thế sau như Thủy Sinh liệu có như Nhuận Thổ bây giờ.

        ⇒ Nhà văn đang nhìn thẳng vào hiện thực xã hội tha hóa con người và dùng văn chương, phơi bày hiện thực để thức tỉnh con người “chữa bệnh tinh thần cho dân tộc”

**c. Trên đường rời xa quê**

- Hoàn cảnh: Chiều hoàng hôn ⇒ dụng ý nghệ thuật bố cục đầu cuối tương ứn, mặt khác thời gian hoàng hôn còn gợi buồn, suy tư

- Tâm trạng: lòng không chút lưu luyến, cảm thấy vô cùng lẻ loi, ngột ngạt.

- Mơ về một cuộc sống khác: tươi đẹp, hạnh phúc hơn lúc này.

    + Mong ước: Chúng nó (bọn trẻ) không giống chúng tôi không bao giờ phải áp bức nhau ...

    + “Chúng nó cần phải sống một cuộc đời mới” sống giữa làng quê tươi đẹp, con người tử tế thân thiện.

**2. Hình ảnh con đường**

- Con đường sông, đường thủy (nghĩa đen): đi mãi cũng thành đường thôi. Đó là con đường mà tôi và cả gia đình đang đi.

- Con đường cho cả dân tộc Trung Hoa xây dựng, đổi mới, đó là niềm hy vọng của các nhà văn về một ngày mai tươi sáng đối với cả dân tộc (nghĩa bóng).

        ⇒ Vấn đề đặt ra: Xây dựng những cuộc đời mới, những con đường mới tốt đẹp hơn cho tương lai. Hi vọng vào thế hệ trẻ làm thay đổi quê hương, đem đến tự do hạnh phúc cho con người

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những giá trị nghệ thuật tiêu biểu làm nên thành công của tác phẩm

- Liên hệ tới con đường đất nước, con đường bản thân

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Lỗ Tấn đã học qua những ngành nào?

**A.** Hàng hải, địa chất, y học **B.** Hàng hải, địa chất, y học, văn học

**C.** Văn học, y học, địa chất **D.** Địa chất, văn học, hàng hải

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Cố hương nghĩa là gì?

**A.** Hương cũ **B.** Quê cũ

**C.** Ngoái nhìn quê cũ **D.** Quê hương

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Nhận xét đúng với tác phẩm Cố hương của Lỗ Tấn

**A.** Là một truyện ngắn giàu chất trữ tình

**B.** Là một tiểu thuyết lịch sử nhưng mang đậm chất trữ tình

**C.** Là một hồi kí đậm chất trữ tình

**D.** Là một truyện ngắn có yếu tố hồi kí và đậm chất trữ tình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Truyện Cố hương được kể theo ngôi thứ mấy?

**A.** Ngôi thứ nhất **B.** Ngôi thứ hai

**C.** Ngôi thứ ba **D.** Ngôi thứ nhất số nhiều

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Nhân vật xưng tôi kể chuyện

**Câu 5:** Nhân vật trung tâm của Cố hương là gì?

**A.** Nhuận Thổ **B.** Nhân vật “tôi”

**C.** Thím Hai Dương **D.** Mẹ của nhân vật “tôi”

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Nhân vật trung tâm của truyện hiện lên chủ yếu ở phương diện nào?

**A.** Những lời đối thoại với các nhân vật khác

**B.** Những hành động, cử chỉ đối với các nhân vật khác

**C.** Những lời độc thoại, suy tư, day dứt

**D.** Trong lời giới thiệu của các nhân vật khác

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Cốt truyện của Cố hương là gì?

**A.** Nói về cuộc gặp gỡ bất ngờ nhưng đầy thú vị của nhân vật “tôi” với những người nông dân nơi quê cũ

**B.** Kể về chuyến thăm quê lần cuối và những rung cảm của nhân vật “tôi” trước sự thay đổi của cảnh cũ, người xưa

**C.** Xoay quanh những suy tưởng của nhân vật “tôi” về thân phận của những người nông dân nơi quê cũ và tương lai của mình

**D.** Những hồi ức của nhân vật “tôi” về những kỉ niệm tuổi thơ khi ở xa quê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Các phương thức biểu đạt trong văn bản Cố hương là gì?

**A.** Tự sự, miêu tả, biểu cảm, lập luận **B.** Miêu tả, tự sự, lập luận, thuyết minh

**C.** Lập luận, miêu tả, tự sự, thuyết minh **D.** Lập luận, miêu tả, tự sự, thuyết minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Truyện Cố hương được bố cục theo kiểu “đầu cuối tương ứng”. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Cảm xúc chủ đạo trong truyện là gì?

**A.** Nỗi buồn **B.** Sự ngạc nhiên

**C.** Niềm vui sướng **D.** Sự đau đớn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật Nhuận Thổ trong tác phẩm?

**A.** Hiện lên thông qua hồi ức của nhân vật “tôi”

**B.** Hiện lên thông qua sự đối chiếu, so sánh của nhân vật “tôi”

**C.** Hiện lên thông qua lời kể của người mẹ nhân vật “tôi”

**D.** Cả A và B đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 12:** Câu văn sau được viết theo phương thức nào?

"Hắn đang đứng trong bếp, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng."

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Biểu cảm **D.** Lập luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 13:** Ý nào không phải là tính con người Nhuận Thổ trong hồi ức của nhân vật “tôi”?

**A.** Là một chú bé khỏe mạnh

**B.** Là một chú bé nhiều chuyện lạ lùng

**C.** Là một chú bé hồn nhiên, giàu tình cảm

**D.** Là một chú bé luôn giữ lễ nghĩa khi giao tiếp với những người bề trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 14:** Đoạn văn sau được viết theo phương thức nào?

Trời! Nhuận Thổ hẳn biết nhiều chuyện lạ lùng lắm, kể không xiết. Những chuyện đó, bạn bè tôi từ trước đến nay, không ai biết cả. Chúng nó không biết là vì trong khi Nhuận Thổ sống bên bờ biển thì chúng nó, cũng như tôi, chỉ nhìn một mảnh trời vuông trên bốn bức tường cao bọc lấy cái sân thôi!

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Biểu cảm **D.** Lập luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 15:** Nội dung chủ yếu của đoạn văn trên là gì?

**A.** Sự thán phục của nhân vật “tôi” trước sự hiểu biết của Nhuận Thổ

**B.** Lòng ghen tị của nhân vật “tôi” trước sự hiểu biết của Nhuận Thổ

**C.** Sự kém hiểu biết của những người bạn của nhân vật “tôi”

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 16:** Nhận định nói đúng nhất vai trò và ý nghĩa của nhân vật Thủy Sinh?

**A.** Nói lên sự sa sút và khó khăn về kinh tế của gia đình Nhuận Thổ

**B.** Dùng để đối chiếu nhân vật Nhuận Thổ trong quá khứ

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 17:** Những câu nói và cách xưng hô của Nhuận Thổ khi gặp lại nhân vật “tôi” sau nhiều năm xa cách chủ yếu nói lên điều gì ở con người này?

**A.** Một lòng tôn kính nhân vật “tôi”

**B.** Vẫn mang một quan niệm cũ kĩ về đẳng cấp

**C.** Thay đổi trở thành người nhút nhát và hay sợ hãi

**D.** Là một người lạnh lùng khó hiểu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 18:** Đoạn văn sau viết theo phương thức biểu đạt nào?

Anh cao gấp hai trước, khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật trước kia đổi thành vàng sạm, lại có thêm những vết nhăn sâu hoắm. Cặp mắt giống hệt cặp mắt bố anh ngày trước, mi mắt viền đỏ húp mọng lên. Tôi không lấy làm lạ, ở miền biển gió thổi suốt ngày, đại để ai cũng thế cả. Anh đội một cái mũ lông chiên rách tươm, mặc một chiếc áo bông mỏng dính, người co ro cúm rúm, tay cầm một bọc giấy và một tẩu thuốc lá dài. Bàn tay này cũng không phải bàn tay em còn nhớ, hồng hào, lanh lẹn, mập mạp, cứng rắn, mà thô kệch vừa nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông.

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Biểu cảm **D.** Lập luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 19:** Để làm nổi bật vẻ đẹp của Nhuận Thổ, ngoài việc miêu tả trực tiếp, tác giả còn sử dụng biện pháp gì?

**A.** Phóng đại các chi tiết mà tác giả nhìn thấy

**B.** Nói giảm, nói tránh để thể hiện sự thương cảm với nhân vật

**C.** Đối chiếu người cha và với bản thân nhân vật trong quá khứ

**D.** Để nhân vật tự nói về sự thay đổi của mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 20:** Nhận định nói đúng nhất nguyên nhân làm Nhuận Thổ phải khổ?

**A.** Vì đông con quá khó khăn về kinh tế **B.** Vì gánh nặng tinh thần và mê tín

**C.** Vẫn còn quan niệm cũ kĩ về đẳng cấp **D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 21:** Tính cách thím Hai Dương, những người khách mượn cớ đưa tiễn mẹ con nhân vật “tôi” để “lấy đồ đạc”, tính cách của Nhuận Thổ trong hiện tại nhằm mục đích chủ yếu nào?

**A.** Để làm nổi bật sự thay đổi của làng quê cả về kinh tế lẫn diện mạo tinh thần

**B.** Để chế giễu, mỉa mai những người nông dân nghèo khổ nhưng tham lam

**C.** Để thấy được tấm lòng nhân ái của mẹ con nhân vật “tôi”

**D.** Để thấy được những nét tiêu cực trong tính cách của người nông dân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 22:** Nhận định nào nói đúng nhất những vấn đề mà tác giả đặt ra khi miêu tả sự thay đổi của cảnh vật và con người nơi quê cũ?

**A.** Phản ánh tình cảnh sa sút về mọi mặt của xã hội Trung Quốc đầu thế kỉ XX

**B.** Để chế giễu, mỉa mai những người nông dân nghèo khổ nhưng tham lam

**C.** Để thấy được tấm lòng nhân ái của mẹ con nhân vật “tôi”

**D.** Để thấy được những nét tiêu cực trong tính cách của người nông dân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 23:** Chi tiết nhân vật “tôi” về quê trong đêm và rời quê vào lúc hoàng hôn có ý nghĩa gì?

**A.** Để tạo nên sự cân đối trong bố cục truyện

**B.** Nhấn mạnh và tô đậm chủ đề: đó là một thời kì tăm tối của nhân dân Trung Quốc

**C.** Chỉ là tả thực như truyện đã xảy ra

**D.** Tạo nên âm hưởng buồn cho người đọc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 24:** Sự xuất hiện của nhân vật Thủy Sinh và Hoàng ở cuối truyện có ý nghĩa gì?

**A.** Làm cho câu chuyện trở nên li kì và hấp dẫn hơn

**B.** Gợi cho nhân vật “tôi” nghĩ về đặc điểm của xã hội trong tương lai

**C.** Làm nổi bật tình cảnh khốn cùng của Nhuận Thổ

**D.** Thể hiện sự thấu hiểu tâm lí trẻ em của tác giả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 25:** Hình ảnh “con đường” ở cuối tác phẩm được hiểu theo lớp nghĩa nào?

**A.** Nghĩa đen, con đường trên mặt đất **B.** Nghĩa bóng, con đường đi của dân tộc

**C.** Nghĩa bóng, thói quen của con người **D.** Cả B và C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

## Bài 17.

### *Đoạn trích: Những đứa trẻ (Mác-xim Go-rơ-ki)*

**A. Nội dung bài học**

I. Đôi nét về tác giả

- Mác-xim Go-rơ-ki (1868-1936) là một nhà văn người Nga của thế kỉ 20, ông tên thật là A-lếch-xây Pê-scop

- Quê quán: Ông sinh tại thành phố công nghiệp Nizhni Novgorod trên bờ sông Vôn ga trong một gia đình lao động

- Cuộc đời và sự nghiệp:

    + Ông mồ côi cha từ khi 13 tuổi

    + Ngay từ thời thơ ấu, Go-rơ-ki đã phải chịu một sự giáo dục nghiệt ngã, hà khắc của ông ngoại

    + Khi lên 10 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, ông đã phải lăn vào đời để kiếm sống, ông làm đủ nghề, có lúc ông phải đi ăn xin

    + Ông rất ham đọc sách và chính niềm đam mê này cùng những bươn trải đã giúp ông nảy sinh cảm hứng và năng lực áng tác văn chương

    + Những tác phẩm tiêu biểu của ông: Bộ ba tiểu thuyết tự thuật: Thời thơ ấu (1913-1914), Kiếm sống (1916), Những trường đại học của tôi (1923) và Người mẹ (1906-1907)

II. Đôi nét về tác phẩm Những đứa trẻ

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Thời thơ ấu là tiểu thuyết đầu tiên trong ba tiểu thuyết tự thuật của Go-rơ-ki được sáng tác vào năm 1913-1914, tiểu thuyết gồm 13 chương

- Văn bản Những đứa trẻ trích ở chương 9 của tác phẩm này

**2. Tóm tắt**

    Gần một tuần trôi qua ba đứa trẻ hàng xóm lại ra sân chơi và rủ Aliosa chơi cùng. Trong cuộc trò chuyện với ba anh em con nhà ông đại tá Ốp- xi- an- ni- cốp, Aliosa có hỏi mẹ chúng, chúng buồn vì mẹ của chúng đã mất còn bố chúng lấy một người mẹ khác. Để an ủi ba đứa trẻ, Aliosa đã kể cho chúng nghe những câu chuyện cổ tích mà bà câu hay kể. Tuy nhiên bố của ba đứa trẻ xuất hiện và cấm đoán Aliosa không được chơi với ba đứa trẻ nữa. Bất chấp sự ngăn cấm, những đứa trẻ vẫn tìm cách chơi với nhau, an ủi nhau bằng cách kể cho nhau nghe những câu chuyện vui buồn.

**3. Bố cục**

- Phần 1 ( Từ “Có đến gần mọt tuần” đến “ấn em nó cúi xuống”): Tình bạn tuổi thơ trong sáng của Aliosa và ba đứa trẻ hàng xóm

- Phần 2 ( Từ tiếp đến “cấm không được đến nhà tao”): Tình bạn bị ngăn cấm

- Phần 3 (Còn lại): Mặc dù bị ngăn cấm, tình bạn của những đứa trẻ vẫn tiếp diễn

**4. Giá trị nội dung**

    Đoạn trích kể lại tình bạn thân thiết giữa Aliosa và ba đứa trẻ hàng xóm con ông đại tá sống thiếu tình thương, bất chấp sự cách biệt và cản trở của địa vị xã hội

**5. Giá trị nghệ thuật**

    Đoạn trích thành công bởi cách kể chuyện nhẹ nhàng giàu hình ảnh, có sự đan xen giữa chuyện đời thường và truyện cổ tích. Việc không gắn danh xưng cho bọn trẻ khiến câu chuyện mang ý nghĩa khái quát và đậm màu sắc cổ tích

III. **Dàn ý:** phân tích Những đứa trẻ

**I. Mở bài**

- Giới thiệu những nét chủ yếu nhất về tác giả Go- rơ- ki: Một nhà văn Nga từng trải qua bao truân chuyên cay đắng trong cuộc đời, một văn hào nổi tiếng với những tiểu thuyết tự thuật

- Vài nét về Thời thơ ấu và đoạn trích “Những đứa trẻ”: Thời thơ ấu là một trong ba tiểu thuyết tự thuật nổi tiếng của Go- rơ – ki, đoạn trích Những đứa trẻ là một đoạn trích đặc sắc mang ý nghĩa nhân văn

**II. Thân bài**

**1. Hoàn cảnh đáng thương của những đứa trẻ**

- Ba anh em con nhà ông đại tá và Aliosa là những đứa trẻ thuộc những gia đình có địa vị xã hội khác nhau:

    + Aliosa ở với ông bà, cậu thường hay bị ông đánh, niềm an ủi duy nhất là người bà luôn yêu thương cậu

    + Ba đứa trẻ con ông đại tá tuy sống trong gia đình giàu có nhưng lại thiếu tình yêu thương khi mẹ chúng mất, bố chúng đi lấy một người khác

        ⇒ Những đứa trẻ có hoàn cảnh đáng thương

**2. Tình bạn tuổi thơ trong sáng của những đứa trẻ**

- Tình bạn nảy nở giữa Aliosa và ba đứa trẻ hàng xóm, bất chấp cách biệt về địa vị xã hội:

    + Chúng cùng nhau trò chuyện, đối thoại với những chú chim ⇒ Sự ngây thơ trong sáng

    + Ba đứa trẻ hàng xóm chia sẻ với aliosa về người mẹ của chúng

    + Ailiosa lại chia sẻ với chúng về những câu chuyện cổ tích mà bà cậu bé thường hay kể cho cậu bé nghe

        ⇒ Với tâm hồn trong sáng nhạy cảm, bốn đứa trẻ ríu rít chơi với nhau, sự đồng cảm về cảnh ngộ đã gắn bó những tâm hồn tuổi thơ như chúng

**3. Tình bạn trong sáng bị ngăn cấm**

- Tình bạn trong sáng của bốn đứa trẻ bị ngăn cấm bởi người bố đại tá của ba đứa hàng xóm:

    + Lão đại tá già xuất hiện với bộ ria trắng, đầu đội chiếc mũ xù lông đã thô bạo “nắm lấy vai đuổi Aliosa ra khỏi cổng

    + Trận đòn của ông ngoại cùng sự đặt điều mách lẻo của bác Pi ốt đã khiến Aliosa bị ngăn cấm không được chơi với mấy đưa con của lão đại tá

        ⇒ Chính người lớn với sự thờ ơ, không quan tâm tới cảm xúc của những đứa trẻ đã khiến tình bạn đẹp đẽ của chúng bị ngăn cấm

**4. Mặc dù bị ngăn cấm, tình bạn ấy vẫn tiếp diễn**

- Mặc cho vấp phải những sự ngăn cấm từ hai bên thì tình bạn trong sáng của tuổi thơ vẫn tiếp tục:

    + Aliosa vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa chúng nó “càng ngày càng trở nen thích thú”

    + Chúng đã bí mật khoét ra “một lỗ hổng hình bán nguyệt”, núp dưới bụi hương mộc rậm rạp “nói chuyện khe khẽ với nhau”, chúng nó chuyện về cuộc sống, về những con chim, về nhiều chuyện trẻ con khác

        ⇒ Một tình bạn trong sáng hồn nhiên mà không gì có thể phá vỡ được

**III. Kết bài**

- Khái quát những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích Những đứa trẻ

- Trình bày suy nghĩ bản thân về tình bạn chân thành cao đẹp giữa nhân vật “tôi” với ba đứa trẻ hàng xóm

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Thời thơ ấu của M. Go-rơ-ki được viết theo thể loại nào?

**A.** Truyện ngắn trữ tình **B.** Tiểu thuyết lịch sử

**C.** Tiểu thuyết tự thuật **D.** Hồi kí

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Vì sao nói Thời thơ ấu được viết theo thể loại đó?

**A.** Các sự kiện, chi tiết trong tác phẩm do nhà văn hư cấu, tưởng tượng nên

**B.** Tác phẩm dùng ngôi thứ nhất (“tôi”) kể lại những chuyện đời mình

**C.** Tác phẩm kể lại những sự việc có thật xảy ra trong lịch sử dân tộc Nga

**D.** Tác phẩm ghi chép lại các sự việc xảy ra trong những chuyến đi thực tế của nhà văn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Đoạn trích Những đứa trẻ được kể theo ngôi nào?

**A.** Ngôi thứ nhất xưng “tôi” **B.** Ngôi thứ nhất xưng “chúng tôi”

**C.** Ngôi thứ hai **D.** Ngôi thứ ba

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Nội dung của đoạn trích Những đứa trẻ là gì?

**A.** Kể lại những lần nhân vật “tôi” kể chuyện cổ tích cho bọn trẻ hàng xóm nghe.

**B.** Kể lại sự việc nhân vật “tôi” cứu một đứa trẻ bên hàng xóm khi nó bị rơi xuống giếng

**C.** Kể về cuộc đời của những đứa trẻ nghèo khổ sống cùng làng với nhân vật “tôi”

**D.** Kể tình bạn thân thiết nảy sinh giữa nhân vật “tôi” và bọn trẻ sống thiếu tình thương bên hàng xóm, bất chấp sự ngăn cản của bố chúng.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Nhận định nào đúng với câu văn “Tôi thấy khó mà tin rằng những đứa trẻ này cũng bị đánh đòn như tôi, tôi thấy tức thay cho chúng?”

**A.** Đây là câu có nhiều vị ngữ **B.** Đây là câu ghép không sử dụng quan hệ từ

**C.** Đây là một câu ghép có sử dụng quan hệ từ **D.** Đây là một câu đơn có thành phần trạng ngữ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Cuộc trò truyện của nhân vật tôi và những đứa trẻ ở đầu đoạn trích cho thấy chúng có một tình bạn tuổi thơ trong trắng. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Mẹ khác thì gọi là dì ghẻ, cho thấy điều gì ở con người của nhân vật tôi?

**A.** Tỏ ra là người hiểu biết **B.** Tỏ ra kiêu ngạo

**C.** Tỏ ra rất lo lắng **D.** Tỏ ra buồn rầu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 8:** Câu “chúng ngồi sát vào nhau, giống như những chú gà con” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

**A.** Hoán dụ **B.** So sánh

**C.** Nói quá **D.** Nhân hóa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Các câu văn “Không được ư? Trời ơi, biết bao nhiêu lần những người chết, thậm chí đã bị xả ra từng mảnh, mà chỉ cần vảy cho một ít nước phép là sống lại, có biết bao nhiêu người chết mà không phải chết thật, vì phép của bọn phù thủy.” được viết theo phương thức nào?

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Nghị luận **D.** Thuyết minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Dấu hiệu nào trong các câu văn dưới đây giúp người đọc nhận ra phương thức biểu đạt trong đoạn văn trên?

**A.** không được ư?, trời ơi, biết bao nhiêu

**B.** “người chết”, “thậm chí”, “chỉ cần vẩy một ít nước phép”

**C.** “chỉ cần vẩy cho một ít nước phép”, “người chết mà không phải là chết thật”

**D.** “vì phép của bọn phù thủy”, “thậm chí đã bị xả ra từng mảnh”

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 11:** Thực chất câu văn trên là lời nói của nhân vật “tôi” với ai?

**A.** Với bà ngoại **B.** Với những đứa trẻ

**C.** Với ông đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp **D.** Với chính bản thân mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Câu nói cho thấy điều gì của nhân vật “tôi”?

**A.** Rất thông cảm với hoàn cảnh của những đứa trẻ

**B.** Luôn tin những câu chuyện cổ tích bà kể là có thật

**C.** Luôn biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn của những đứa trẻ

**D.** Rất sợ ki nhắc đến bọn phù thủy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 13:** Câu văn sau:

"Hai em nó im lặng nghe, thằng bé nhất mím chặt môi và phồng má lên, còn thằng kia thì chống khuỷu tay lên đầu gối, cúi về phía tôi, tay kia quàng lên vai em nó, ấn em nó cúi xuống"

**A.** Biểu cảm **B.** Tự sự

**C.** Miêu tả **D.** Nghị luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 14:** Dấu ba chấm trong câu văn sau được dùng để làm gì?

- Nó ở… bên kia sang…

**A.** Được dùng để tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết

**B.** Thể hiện chỗ lời nói bị ngập ngừng, ngắt quãng

**C.** Làm dãn nhịp điệu câu văn

**D.** Chuẩn bị cho sự xuất hiện từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 15:** Khi nhìn thấy “mấy đứa trẻ con lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe và đi vào nhà”, nhân vật “tôi” lại nghĩ đến những con vật nào?

**A.** Những chú gà con **B.** Những chú thỏ con

**C.** Những con ngỗng ngoan ngoãn **D.** Những con dế

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 16:** Nhận định nào nói đúng nhất tác dụng của sự liên tưởng ấy?

**A.** Thể hiện được dáng dấp của những đứa trẻ

**B.** Thể hiện được thế giới nội tâm của những đứa trẻ

**C.** Thể hiện được sự cảm thông của nhân vật “tôi” với những đứa trẻ

**D.** Cả A, B, C đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 17:** Trong con mắt của nhân vật “tôi”, ông đại tá Ốp-xi-an-ni-cốp hiện lên là một người như thế nào?

**A.** Nghiêm khắc với các con **B.** Tàn nhẫn, thiếu tình yêu thương

**C.** Hiểu rõ tâm lí trẻ con **D.** Nhân hậu, hiền từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 18:** Câu văn “nó thường sống một cách buồn bã: ngày trước, ngày kia, đã có thời… dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm” nói lên điều gì ở nhân vật “thằng lớn”?

**A.** Sự già dặn, ưu tư và phiền muộn **B.** Sự hiểu biết hơn người

**C.** Sự cứng cỏi, bạo dạn **D.** Sự tôn sùng quá khứ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 19:** Câu văn “Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ nhắn, những ngón tay thon và người mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng trong ngọn đèn nhà thờ” viết theo phương thức biểu đạt nào?

**A.** Miêu tả **B.** Tự sự

**C.** Biểu cảm **D.** Nghị luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 20:** Vì sao nhà văn không đặt tên cho những đứa trẻ?

**A.** Vì bản thân chúng không có tên

**B.** Vì nhân vật tôi quên mất tên của những đứa trẻ

**C.** Vì những đứa trẻ phải giấu tên của chúng

**D.** Để làm cho câu chuyện về những đứa trẻ trở nên khái quát và đậm đà chất cổ tích nhiều hơn.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 21:** Nhận định nào không phù hợp với nghệ thuật kể chuyện của Go-rơ-ki trong đoạn trích Những đứa trẻ?

**A.** Ngôn ngữ giản dị, tự nhiên, giàu hình ảnh **B.** Giọng điệu tự nhiên, thân mật

**C.** Đan xen chuyện đời thường với truyện cổ tích **D.** Xây dựng tình huống truyện độc đáo, bất ngờ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

## Bài 18.

### *Bàn về đọc sách*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Chu Quang Tiềm (1897-1986), tên khai sinh là Tự Mạnh Thực

- Quê quán: Đông Thành- An Huy-Trung Quốc

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Ông là nhà mĩ học và lí luận học nổi tiếng của Trung Quốc

   + Ông là danh nhân lớn, học vấn cao, là tác giả của nhiều bài chính luận nổi tiếng

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài luận này của Chu Quang Tiềm được trích trong “Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”, Bắc Kinh (1995), Trần Đình Sử dịch

**2. Bố cục: 3 phần**

- Phần 1: (“Học vấn …Thế giới mới”): Tầm quan trọng của việc đọc sách

- Phần 2: (Tiếp đến “tiêu hao lực lượng”): Những khó khăn, thiên hứng sai lạc dễ mắc phải của việc đọc sách hiện nay

- Phần 3: (còn lại): Bàn về phương pháp đọc sách

**3. Giá trị nội dung**

- Chu Quang Tiềm trong bài viết đã khẳng định đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Từ việc đưa ra những sai lầm trong việc đọc sách, tác giả hướng tới cách đọc sách khoa học, hợp lí cho con người

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài văn nghị luận đã đặt ra và bàn về một vấn đề có ý nghĩa trong đời sống. Luận điểm rõ ràng, thuyết phục. Bố cục bài viết hợp lí, chặt chẽ, các ý được dấn dắt tự nhiên. Lối viết giàu hình ảnh, nhiều so sánh thú vị

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét cơ bản về Chu Quang Tiềm, một tác giả nổi tiếng của Trung Quốc trên lĩnh vực mĩ học và lí luận văn học

- Bàn về đọc sách là một tác phẩm nghị luận xuất sắc của Chu Quang Tiềm đề cập đến một vấn đề thiết yếu và quan trọng để phát triển con người: Đọc sách.

**II. Thân bài**

1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách

- Học vấn là thành quả tích lũy lâu dài của nhân loại => Sách chính là kho tàng lưu giữ những thành quả đã tích lũy đó => Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn

- Mỗi quyển sách có giá trị là một cột mốc trên con đường phát triển học thuật => Sách có ý nghĩa quan trọng trên con đường phát triển của nhân loại

- Đọc sách là trả nợ quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm của lòai người, là hưởng thụ kiến thức, lời dạy tâm huyết của quá khứ

- Đọc sách là con đường tích lũy, nâng cao vốn tri thức, là sự chuẩn bị cho con đường chinh phục học vấn kéo dài hàng vạn dặm

⇒ Sử dụng lập luận hợp lý, thấu tình đạt lí, kín kẽ sâu sắc => Đọc sách là để nâng cao nhận thức, bồi bổ trí tuệ, phát triển tâm hồn, tình cảm, rèn giũa hành động.

2. Những khó khăn trong việc đọc sách

- Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu:

   + Ngày trước sách ít, “có người đọc đến bạc đầu mới hết một quyển kinh” nhưng đọc nghiền ngẫm nên đã thấm vào xương tủy

   + Ngày nay, những học giả trẻ đọc nhiều sách nhưng chỉ “lướt qua”, như vậy chỉ là “hư danh nông cạn”

⇒ Sử dụng hình ảnh đối sánh xác đáng => sách nhiều khiến người đọc lướt qua, hời hợt không chuyên sâu, dễ sa vào lối "ăn tươi nuốt sống".

- Sách nhiều khiến người đọc lạc hướng:

   + Trước một số lượng lớn sách sẽ khiến con người “tham nhiều mà không thực chất”, không phân biệt được những “tác phẩm cơ bản đích thực” với “những cuốn sách “vô thưởng vô phạt”

⇒ Nhấn mạnh việc sách nhiều có thể khiến chọn lầm chọn sai lãng phí thời gian và sức lực. Thậm chí chọn phải sách độc hại.

3. Phương pháp đọc sách hiệu quả

- Cách chọn sách:

   + Chọn cho tinh

   + Không xem thường đọc sách thường thức, sách ở lĩnh vực gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình

- Cách đọc sách:

   + Đọc cho kĩ

   + Không đọc lướt qua, vừa đọc vừa suy nghĩ.

   + Không đọc tràn lan mà cần đọc có kế hoạch và có hệ thống.

⇒ So sánh, kết hợp phân tích lí lẽ , liên hệ=> Đọc sách: rèn luyện tính cách, học làm người.

**III. Kết bài**

- Khái quát lại giá trị nghệ thuật và nội dung của Bàn về đọc sách

- Bài viết là một kim chỉ nam cho những người mong muốn đọc sách, muốn tiến xa trên con đường học vấn => mang giá trị thời đại

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bàn về đọc sách sử dụng phương thức biểu đạt nào chính?

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Nghị luận **D.** Biểu cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Văn bản trên không đề cập tới nội dung gì?

**A.** Ý nghĩa của việc đọc sách **B.** Các loại sách cần đọc

**C.** Phương pháp đọc sách có hiệu quả **D.** Những thư viện nôi tiếng trên thế giới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Vì sao đọc sách trong thời đại ngày nay không dễ?

**A.** Sách thì hay nhưng sách nhiều

**B.** Sách nhiều khiến người đọc dễ lạc hướng và không chuyên sâu

**C.** Không dễ tìm sách hay để đọc

**D.** Sách nhiều nhưng vẫn là một thứ hàng hóa đắt so với điều kiện của nhiều người

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Loại sách thường thức cần cho ai?

**A.** Những người ít học **B.** Các học giả chuyên sâu

**C.** Chỉ cần cho nhưng người yêu quý sách **D.** Cần cho mọi công dân của thế giới hiện tại

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Tại sao cần kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn?

**A.** Vì “trên đời không có học vấn nào cô lập, tách rời các học vấn khác”

**B.** Vì “không biết rộng thì không thể chuyên, không thông thái thì không thể nắm gọn”

**C.** Vì “biết rộng rồi sau đó mới nắm chắc, đó là trình tự để nắm vững bất cứ học vấn nào”

**D.** Cả 3 lí do trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Ý nói đúng sự thuyết phục của văn bản trên là gì?

**A.** Lý lẽ sắc sảo, dẫn chứng sinh động **B.** Dẫn chứng phong phú, câu văn giàu hình ảnh

**C.** Sử dụng so sánh và nhân hóa **D.** Giọng văn biểu cảm, giàu biện pháp tu từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Câu văn nào thể hiện rõ nội dung: khuyên người đọc sách phải chọn cho tinh?

**A.** Đọc ít mà đọc kĩ, sẽ tập tành được nếp suy nghĩ sâu xa

**B.** Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng thời gian đem sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thực sự có giá trị

**C.** Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng lấy 10 quyển mà đọc 10 lần

**D.** Đọc sách vốn có ích riêng cho mình, đọc nhiều không thể coi là vinh dự, đọc ít không phải là xấu hổ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Câu văn nào khuyên người đọc sách phải đọc cho kĩ?

**A.** Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy điều làm quý

**B.** Đọc sách vốn có ích riêng cho mình, đọc nhiều không thể coi là vinh dự, đọc ít cũng không phải là xấu hổ.

**C.** Nếu đọc được 10 quyển mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc 10 lần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Tại sao không thể coi đọc nhiều là vinh dự?

**A.** Đọc nhiều nhưng đọc toàn sách ít có giá trị **B.** Đọc nhiều nhưng không đọc kĩ

**C.** Đọc nhiều mà không chịu suy nghĩ sâu xa **D.** Vì cả 3 lí do trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 10:** Ý nghĩ nào sau đây không phải là kết quả của việc đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu xa?

**A.** Chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý

**B.** Sẽ tập tành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm thay đổi khí chất

**C.** Như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm cho mắt hoa ý loạn, tay không mà về

**D.** Với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 11:** Từ “trọc phú” trong đoạn văn trên chỉ loại người nào?

**A.** Người khỏe mạnh, cường tráng **B.** Người giàu có mà dốt nát, bần tiện

**C.** Người ít tiền mà hay khoe mình giàu có **D.** Người hay khoe mình có tài

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Ý nào nêu khái quát nhất lời khuyên của tác giả đối với người đọc sách?

**A.** Nên lựa chọn sách mà đọc

**B.** Đọc sách phải kĩ

**C.** Cần có phương pháp

**D.** Không nên đọc sách chỉ để trang trí như kẻ trọc phú khoe của

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

### Khởi ngữ

**I. Kiến thức cần nhớ**

Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu

Trước khởi ngữ thường có thêm các quan hệ từ: về, đối với…

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Tìm các khởi ngữ trong các câu sau đây

a, Ông cứ vờ xem tranh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này khiến ông khổ tâm hết sức.

b, Đối với nó, vượt qua kì thi là niềm vui vô hạn.

c, Thời tiết, những ngày này mưa nắng thay đổi thất thường.

d, Về khoản tìm đường, chẳng ai bằng nó.

e, Nghĩ lại, người ta sợ cái uy của đồng tiền (Nguyễn Công Hoan)

g, Đi, con cũng chả được mấy, mà ở nhà thì thầy cũng đem về cho con.

**Gợi ý**

Bài 1: Xác định khởi ngữ

a, Điều này

b, Đối với nó

c, Thời tiết

d, Về khoản tìm đường

e, Nghĩ lại

g, Đi

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Ý nào sau đây nêu không đúng về khởi ngữ?

**A.** Khởi ngữ là thành phần đứng trước chủ ngữ

**B.** Khởi ngữ nêu lên đề tài được nói đến trong câu

**C.** Có thể thêm một số quan hệ từ trước khởi ngữ

**D.** Khởi ngữ là thành phần không thể thiếu được trong câu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Dấu hiệu nhận biết giữa chủ ngữ và khởi ngữ là việc có thể thêm quan hệ từ “về, đối với” vào trước hoặc cụm từ đó, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Câu nào dưới đây không có khởi ngữ?

**A.** Tôi thì tôi xin chịu **B.** Miệng ông, ông nói, đình làng, ông ngồi

**C.** Nam Bắc hai miền ta có nhau **D.** Cá này rán thì ngon

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Câu nào sau đây có khởi ngữ?

**A.** Về trí thông minh thì nó là nhất **B.** Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả

**C.** Nó là đứa thông minh **D.** Người thông minh nhất là lớp nó.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Dòng nào nói đúng nhất nội dung cơ bản của phép lập luận phân tích?

**A.** Dùng lí lẽ để làm sáng tỏ vấn đề nhằm thuyết phục người đọc

**B.** Giới thiệu đặc điểm, nội dung và hình thức của sự vật hiện tượng

**C.** Trình bày từng bộ phận, phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung bên trong của sự vật, hiện tượng

**D.** Dùng dẫn chứng để khẳng định vấn đề là đúng đắn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Từ nào có thể điền vào chỗ trống trong câu sau?

… là rút ra cái chung từ những điều đã phân tích

**A.** Giả thiết **B.** So sánh

**C.** Đối chiếu **D.** Tổng hợp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Phép phân tích và tổng hợp

**I. Kiến thức cần nhớ**

- Để làm rõ ý của một sự vật, hiện tượng nào đó, người ta thường dùng phép phân tích và tổng hợp

- Phân tích: trình bày từng bộ phận, phương tiện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng. Để phân tích nội dung của sự vật, hiện tượng, người ta có thể vận dụng các biện pháp nêu giả thiết, so sánh, đối chiếu… cả phép lập luận giải thích, chứng minh

- Tổng hợp là phép lập luận rút ra từ cái chung từ những điều đã phân tích. Lập luận tổng hợp thường đặt ở cuối đoạn, cuối bài, ở phần kết luận của một phần hoặc toàn bộ văn bản

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Cho đoạn trích sau:

Người ta vẫn quen nhìn thời gian như một định luật đưa tới già nua, tàn tạ, hủy diệt nhưng không mấy ai nghĩ rằng nhờ có thời gian nên mới có tác động, hiện hữu, nảy sinh. Nếu không có thời gian, thì sẽ không bao giờ cho sự sống. Không có sự hình thành của trái đất, không có sự kết hợp của các phân tử thành các cơ thể đơn bào, rồi đa bào, không có sự xuất hiện của các loài cỏ cây, cầm thú không có sự tiến hóa liên tục cho tới loài người, với bộ óc tinh vi sáng tạo. Đó là những thành quả của sự tiến hóa không ngừng của vạn vật, tức là những thành quả của thời gian.

Tác giả đã dùng phép lập luận nào và lập luận như thế nào?

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1: Đoạn trích trên tác giả sử dụng phép lập luận diễn dịch

Ban đầu tác giả đưa ra luận điểm “nhờ có thời gian nên mới có tác động, hiện hữu, nảy sinh”

Sau đó tác giả lần lượt chỉ ra những luận cứ chứng minh cho luận điểm trên:

   + Nếu không có thời gian sẽ không bao giờ có sự sống

   + Sự tiến hóa của tạo vật chính là sự tiến hóa của thời gian

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Phân tích là gì?

**A.** Là chẻ nhỏ vấn đề, làm đối tượng đó được so sánh, đối chiếu với các đối tượng khác

**B.** Là phép lập luận trình bày từng bộ phận, phương diện của vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng

**C.** Phân tích có thể kết hợp với nhiều thao tác khác

**D.** Cả 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Tổng hợp là phép lập luận như thế nào?

**A.** Tổng hợp là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích, không có phân tích thì không có tổng hợp

**B.** Tổng hợp là tập hợp phần thông tin mình sưu tầm, thu thập

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

Đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi?

Người ta vẫn quen nhìn thời gian như một định luật đưa tới già nua, tàn tạ, hủy diệt, nhưng không mấy ai nghĩ rằng chính nhờ có thời gian nên mới có tác động, hiện hữu, nảy sinh. Nếu không có thời gian thì sẽ không bao giờ có sự sống. Không có sự hình thành của trái đất, không có sự kết hợp của các phân tử thành các cơ thể đơn bào, rồi đa bào, không có sự xuất hiện của các loài cỏ cây, cầm thú, không có sự tiến hóa liên tục cho tới loài người, với bộ óc tinh vi sáng tạo. Đó là những thành quả của sự tiến hóa không ngừng của vạn vật, tức là thành quả thời gian.

**Câu 3:** Đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào?

**A.** Tự sự **B.** Nghị luận

**C.** Miêu tả **D.** Biểu cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Câu hỏi nào phù hợp để hỏi về nội dung của đoạn trích trên?

**A.** Thời gian là gì? **B.** Thời gian có đặc điểm gì?

**C.** Thời gian được biểu hiện như thế nào? **D.** Thời gian có vai trò, ý nghĩa gì?

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Trong đoạn văn trên có vị trí gì?

**A.** Triển khai ý chủ đề **B.** Triển khai ý của câu

**C.** Kết lại ý chủ đề của đoạn văn **D.** Nêu ra một ý chủ đề mới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Trong câu văn cuối có vị trí gì?

**A.** Triển khai ý chủ đề **B.** Triển khai ý của câu (3)

**C.** Kết lại ý chủ đề của đoạn văn **D.** Nếu ra một ý chủ đề mới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Câu cuối trong đoạn văn sử dụng phép lập luận nào?

**A.** Phân tích **B.** Tổng hợp

**C.** Phân tích **D.** Chứng minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Đoạn văn trên triển khai ý theo trình tự nào?

**A.** Từ cụ thể tới khái quát

**B.** Từ nguyên nhân tới kết quả

**C.** Từ chung đến riêng rồi từ khái quát, tổng hợp đến cụ thể

**D.** Từ quá khứ tới hiện tại, tương lai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

## Bài 19.

### *Tiếng nói của văn nghệ*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Nguyễn Đình Thi (1924-2003)

- Quê quán: Nguyên quán ở làng Vũ Thạch, hiện nay là phố Bà Triệu- phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm,Hà Nội

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Ông là nhà văn, nhà phê bình văn học và là nhạc sĩ Việt Nam thời hiện đại

   +Thuộc thế hệ các nghệ sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Ông viết sách khảo triết học, viết văn, làm thơ, soạn kịch, viết lí luận phê bình

   + Ông được nhà nước phong tặng Giải thương Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 1996

   + Các tác phẩm tiêu biểu: Bên bờ sông Lô, Vào lửa, Mặt trận trên cao…

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Tiểu luận “Tiếng nói của văn nghệ” được Nguyễn Đình Thi viết năm 1948, in trong cuốn “Mấy vấn đề văn học” (xuất bản năm 1956)

**2. Bố cục**

- Phần 1: từ đầu bài cho đến “cách sống của tâm hồn”: Nội dung tiếng nói của văn nghệ.

- Phần 2: Tiếp theo đoạn 1 cho đến cuối bài: Văn nghệ mang lại nhiều giá trị thiết thực trong cuộc sống con người.

**3. Giá trị nội dung**

- Bài tiểu luận bàn về nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của nó đối với đời sống của con người, giúp con người được sống phong phú hơn và tự nhiên hoàn thiện nhân cách tâm hồn mình

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bố cục chặt chẽ, hợp lí, dẫn dắt tự nhiên. Lối viết giàu hình ảnh, sử dụng nhiều dẫn chứng thơ văn, dẫn chứng thực tế, khẳng định các ý kiến, nhận xét, tăng sức hấp dẫn cho bài viết.

Soạn bài

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Đôi nét về Nguyễn Đình Thi: Một người tài năng với hoạt động nghệ thuật khá đa dạng được biết đến như viết sách khảo triết học, viết văn, làm thơ, soạn kịch, viết lí luận phê bình

- Bài viết đã nói lên những đặc trưng tiêu biểu và đề cao vai trò của văn nghệ trong đời sống con người

**II. Thân bài**

1. Nội dung tiếng nói của văn nghệ

- Khi sáng tác, người nghệ sĩ không phải chỉ lấy chất liệu từ đời sống hiện thực mà còn gửi gắm vào đó cách nhìn, lời nhắn nhủ của riêng mình => Văn nghệ không chỉ phản ánh cái khách quan mà còn biểu hiện tư tưởng, tình cảm của người viết

- Tác phẩm nghệ thuật được nói bằng những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng => Đem đến cho con người sự bỡ ngỡ mới lạ giữa bao điều thân thuộc

- Nội dung tiếng nói của văn nghệ còn bao gồm cả những nhận thức rung cảm nơi người đọc (người đọc tham gia vào quá trình đồng sáng tạo với người nghệ sĩ)

⇒ lập luận bằng những luận cứ trong tác phẩm và thực tế => Nội dung của văn nghệ là hiện thực mang tính cụ thể sinh động được phản ánh qua lăng kính của người nghệ sĩ, là đời sống trải nghiệm của người nghệ sĩ và của chính độc giả cộng lại

2. Văn nghệ mang lại nhiều giá trị thiết thực trong cuộc sống con người

- Vai trò của tiếng nói của văn nghệ

   + Giúp mỗi con người sống đầy đủ hơn, phong phú hơn với cuộc đời và chính mình, làm “thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”

   + Văn nghệ là sợi dây ràng buộc họ chặt hơn với cuộc đời, giúp con người biết rung cảm và ước mơ trong cuộc đời lắm cơ cực

   + Góp phần giữ cho “đời cứ tươi”

- Bản chất của văn nghệ:

   + Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm

   + Văn nghệ nói nhiều đến cảm xúc.

   +Văn nghệ mượn sự việc để tuyên truyền

⇒ Sức mạnh của văn nghệ:

- Văn nghệ giúp mọi người tự nhận thức mình, tự xây dựng nhân cách và cách sống của bản thân mình và xã hội:Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta phải tự bước đi trên con đường ấy

⇒ Dẫn chứng phong phú, sát thực=> Sức mạnh kì diệu, làm thay đổi nhận thức con người

**III. Kết bài**

- Khái quát những giá trị tiêu biểu về nghệ thuật làm nên thành công của tác phẩm: cách viết chặt chẽ, lập luận xác đáng nhưng cũng giáu hình ảnh và cảm xúc

- Liên hệ trình bày suy nghĩ về vai trò của văn nghệ đối với đời sống tinh thần của cá nhân người viết

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Văn bản tiếng nói của văn nghệ sử dụng phương thức biểu đạt giống với văn bản nào?

**A.** Bàn về đọc sách **B.** Làng

**C.** Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh **D.** Những đứa trẻ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Ý nào nói không đúng về tác giả Nguyễn Đình Thi?

**A.** Sinh năm 1924 và mất năm 2003

**B.** Từng là tổng thư kí Hội nhà văn Việt Nam về văn học nghệ thuật

**C.** Từng là đạo diễn điện ảnh nổi tiếng

**D.** Được trao giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Nhận định nào sau đây nêu đầy đủ nhất về nội dung của văn bản Tiếng nói của văn nghệ?

**A.** Văn bản nêu lên vị trí và sức mạnh riêng biệt của văn nghệ đối với đời sống tâm hồn con người

**B.** Văn bản nêu vị trí và sức mạnh riêng biệt của văn nghệ đối với đời sống xã hội

**C.** Văn bản phân tích những nội dung tạo nên tiếng nói của văn nghệ và cách thể hiện rất độc đáo của văn nghệ

**D.** Văn bản phân tích nội dung phản ánh, thể hiện cũng như sự khẳng định cách nói độc đáo và sức mạnh to lớn của văn nghệ đối với đời sống tâm hồn con người.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Theo tác giả, tại sao con người cần tới tiếng nói của văn nghệ?

**A.** Văn nghệ giúp chúng ta được sống đầy đủ, phong phú hơn cuộc sống của mình

**B.** Văn nghệ góp phần làm tươi mát cuộc sống sinh hoạt khắc khổ hằng ngày, giúp con người vui lên, biết rung cảm và ước mơ

**C.** Văn nghệ giúp chúng ta khám phá ra thế giới diệu kì ở ngay trong chính tâm hồn của mỗi người

**D.** Gồm cả 3 ý A, B, C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Ý nào sau đây nói về “con đường” độc đáo của văn nghệ đến với người đọc?

**A.** Văn nghệ là tiếng nói của tình cảm, tác phẩm văn học chứa đựng tình yêu ghét, vui buồn của con người ở trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày

**B.** Nghệ thuật nói nhiều đến tư tưởng, những tư tưởng trong nghệ thuật không khô khan, trừu tượng mà lắng sâu vào cảm xúc, nỗi niềm

**C.** Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy

**D.** Lời gửi của văn nghệ không chỉ là những bài học đạo đức luân lí mà cả những say sưa, vui buồn, mơ mộng, yêu ghét của người nghệ sĩ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Trong văn bản trên, người viết đã dẫn ra những tác giả văn học nào để làm dẫn chứng?

**A.** Nguyễn Du và Tôn-xtoi **B.** Go-rơ-ki và Tôn-xtoi

**C.** Nguyễn Du và Lỗ Tấn **D.** Nguyễn Du và Nguyễn Trãi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

Nghệ thuật nói nhiều với tư tưởng nữa, nghệ thuật không thể nào thiếu tư tưởng. Không tư tưởng, con người có thể nào là con người. Nhưng trong nghệ thuật, tư tưởng từ ngay cuộc sống hằng ngày nảy ra, và thấm trong tất cả cuộc sống. Tư tưởng của nghệ thuật không bao giờ là trí thức trừu tượng một mình trên cao. Một câu thơ, một trang truyện, một vở kịch, cho đến một bức tranh, một bản đàn, ngay khi làm chúng ta rung động trong cảm xúc, có bao giờ để trí óc chúng ta nằm lười yên một chỗ… Cái tư tưởng trong nghệ thuật là một tư tưởng, yên lặng. Và cái yên lặng của một câu thơ lắng sâu xuống tư tưởng. Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà ta bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc, không phải chỉ có trí thức. Và khác với cách độc riêng bằng trí thức, lần đọc thứ hai chậm hơn, đòi hỏi nhiều cố gắng hơn, nhiều chỗ chúng ta dừng lại hơn. Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thầm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy.

**Câu 7:** Đoạn văn trên bàn về nội dung?

**A.** Cái hay của một bài thơ **B.** Cách đọc một bài thơ

**C.** Tư tưởng trong thơ **D.** Tư tưởng trong nghệ thuật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Câu văn nào sau đây nêu ý chủ đạo của đoạn văn

**A.** Nghệ thuật nói nhiều với tư tưởng nữa, nghệ thuật không thể nào thiếu tư tưởng

**B.** Tư tưởng của nghệ thuật không bao giờ là trí thức trừu tượng một mình đỉnh cao

**C.** Nhưng trong nghệ thuật, tư tưởng từ ngay cuộc sống hằng ngày nảy ra và thấm trong tất cả cuộc sống

**D.** Cho đến một câu thơ kia, người đọc nghe thì thầm mãi trong lòng, mắt không rời trang giấy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Qua đoạn văn, tác giả nêu ra ý kiến, quan điểm gì?

**A.** Nghệ thuật và tư tưởng luôn có mối quan hệ gắn bó với nhau

**B.** Tư tưởng của nghệ thuật nảy sinh từ cuộc sống và lắng sâu trong cảm xúc, rung động của người đọc

**C.** Nghệ thuật có những khả năng thật kì diệu đối với con người

**D.** Mỗi con người có một con đương riêng để đến với nghệ thuật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng phép lập luận chính nào?

**A.** Chứng minh **B.** Giải thích

**C.** Phân tích **D.** Tổng hợp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Đặc sắc về lập luận của đoạn văn trên là gì?

**A.** Cách dẫn dắt tự nhiên, uyển chuyển **B.** Phân tích cụ thể, chặt chẽ

**C.** Câu văn giàu hình ảnh **D.** Gồm cả 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 12:** Câu văn “Cái tư tưởng trong nghệ thuật là một tư tưởng náu mình, yên lặng” sử dụng biện pháp tu từ gì?

**A.** So sánh **B.** Nhân hóa

**C.** Hoán dụ **D.** Liệt kê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

### Các thành phần biệt lập

**I. Kiến thức cần nhớ**

1. Thành phần tình thái được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu

VD: Với lòng mong nhớ của anh, **chắc** anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh.

2. Thành phần cảm thán được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói (vui, mừng, buồn, giận…)

VD: **Ồ,**sao mà độ ấy vui thế!

3. Thành phần gọi- đáp được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp

VD: **Thưa ông,** chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ.

4. Thành phần phụ chú: được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

VD: Lúc đi, đứa con gái đầu lòng của anh- và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Tìm các thành phần biệt lập trong các ví dụ dưới đây:

a,

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

b, Chắc hẳn trận đấu tối nay giữa tuyển Việt Nam với tuyển Thái Lan sẽ thu hút đông đảo người xem và cổ vũ.

c, Chúng tôi, mọi người- kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi.

d,

Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)

g, Thưa bác, con mới từ Hà Nội về thăm gia đình ta ạ!

h, Này, chuyện lớp mình đạt giải nhất là thế nào vậy?

e, Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

**Gợi ý**

Bài 1:

a, Thành phần tình thái (hình như) diễn đạt trạng thái mơ hồ, chưa xác định được trong khoảnh khắc giao mùa

b, Thành phần tình thái: diễn đạt sự phỏng đoán chưa chắc chắn ở trận đấu bóng

c, Thành phần phụ chú, từ kể cả anh được thêm vào làm rõ cho tập hợp “mọi người” được nói đến trong câu

d, Thành phần phụ chú: diễn đạt trạng thái bất ngờ, ngỡ ngàng khi cô bé hàng xóm là thanh niên xung phong (có ai ngờ) và cảm xúc khâm phục, yêu thương của nhân vật trữ tình trước vẻ đẹp của cô gái.

g, Thành phần gọi đáp: diễn đạt sự lễ phép trong giao tiếp với người hơn tuổi (thưa bác)

h, Thành phần gọi đáp: thu hút sự chú ý từ người nghe (này)

e, Thành phần tình thái: diễn tả sự nuối tiếc, vội vã của nhân vật khi thời gian ngắn ngủi sắp kết thúc

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Tác dụng của thành phần tình thái

**A.** Được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói tới trong câu

**B.** Thành phần tình thái không tham gia vào việc diễn đạt sự việc của câu là thành phần biệt lập

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Thành phần cảm thán được sử dụng làm gì?

**A.** Bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận…)

**B.** Bộc lộ suy nghĩ thầm lặng của con người

**C.** Bộc lộ quan điểm, thái độ đánh giá sự vật, hiện tượng của con người

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Câu văn nào dưới đây không chứa thành phần cảm thán?

**A.** Chao ôi, bắt gặp con người như anh ta là một cơ hội hữu hạn cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là cả một chặng đường dài.

**B.** Trời ơi, chỉ còn năm phút!

**C.** Có lẽ khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.

**D.** Ôi, độ ấy sao mà vui tới thế.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Câu văn “Ôi những cánh đồng quê chảy máu” (Nguyễn Đình Thi) bộc lộ tâm trạng gì của người nói?

**A.** Giận dữ **B.** Buồn chán

**C.** Thất vọng **D.** Đau xót

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Trong những từ dưới đây, từ ngữ có độ tân cậy cao nhất?

**A.** Chắc là **B.** Có vẻ như

**C.** Chắn hẳn **D.** Chắc chắn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Thành phần biệt lập của câu là gì?

**A.** Bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu

**B.** Bộ phận đứng trước chủ ngữ, nêu sự việc được nói tới của câu

**C.** Bộ phận tách khỏi chủ ngữ và vị ngữ, chỉ thời gian, địa điểm… được nói tới trong câu

**D.** Bộ phận chủ ngữ hoặc vị ngữ trong câu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Câu nào sau đây không chứa thành phần biệt lập cảm thán?

**A.** Chao ôi, bông hoa đẹp quá **B.** Ồ, ngày mai là chủ nhật rồi

**C.** Có lẽ ngày mai mình sẽ đi pic-nic **D.** Kìa, trời mưa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Câu C có thành phần tình thái.

**Câu 8:** Gạch chân các thành phần tình thái hoặc cảm thán trong những câu sau:

1. Có vẻ như cơn bão đã đi qua

2. Tôi không rõ, hình như họ là hai mẹ con

3. Trời ơi, bên kia đường có một cây khô đã chết.

4. Không thể nào việc đó lại lặp lại lần nữa.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**

1. Thành phần tình thái (có lẽ)

2. thành phần tình thái (hình như)

3. Thành phần cảm thán (trời ơi

4. Thành phần cảm thán (không thể nào)

### Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

**I. Kiến thức cơ bản**

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

- Yêu cầu về nội dung của bài văn nghị luận: làm sáng rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đè, phân tích mặt đúng- sai, lợi- hại, chỉ ra nguyên nhân, bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Hãy nêu một số sự việc, hiện tượng được đưa vào văn nghị luận

Bài 2: Vấn nạn bạo lực học đường có phải là hiện tượng đáng được viết bài văn nghị luận không? Tại sao?

**Gợi ý trả lời**

Một số sự việc, hiện tượng được đưa vào văn nghị luận:

- Nạn bạo lực học đường

- Bệnh thành tích trong giáo dục

- Vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ

- Nạn thực phẩm bẩn

Bài 2: Bạo lực học đường là một trong những vấn đề đáng được đưa vào văn nghị luận

- Khái niệm bạo lực học đường

   + Là hành vi thô bạo bằng lời nói, hành động tới những người trong môi trường nhà trường

- Các hình thức, hiện trạng của nạn bạo lực học đường:

   + Lăng mạ, xúc phạm, chửi bậy đối với người khác

   + Làm tổn thương đến tinh thần bạn bè

   + Học sinh có thái độ không đúng với thầy cô

   + Thầy cô xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, thể chất của học sinh

- Nguyên nhân của nạn bạo lực học đường

   + Do chưa có sự quan tâm đúng đắn từ nhà trường, gia đình

   + Chưa có hình phạt thích đáng cho những người gây ra bạo lực

   + Do thiếu hiểu biết, kĩ năng sống

- Hậu quả của nạn bạo lực học đường

Với người bị bạo lực: bị ảnh hưởng về tinh thần, thể chất, làm cho gia đình họ bị đau thương, làm cho xã hội bất ổn

- Với người gây ra bạo lực:

   + Bị mọi người lên án, bài trừ

- Cách khắc phục:

   + Nâng cao khả năng nhận thức của mỗi người

   + Cần có sự chăm lo quan tâm tới con cái

   + Bản thân mỗi người phải ý thức được hậu quả của nạn bạo lực học đường

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống là gì?

**A.** Là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ

**B.** Là bàn về một vấn đề về tư tưởng đạo lý trong đời sống xã hội

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Yêu cầu về mặt nội dung khi viết văn nghị luận về một hiện tượng đời sống?

**A.** Bài viết phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề

**B.** Phân tích được mặt đúng, sai, mặt lợi, hại của nó

**C.** Chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến nhận định của người viết

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Nối cột A với cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Mở bài | **a.** Đối chiếu, so sánh để làm nổi bật vấn đề |
| 2. Thân bài | **b.** Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề |
| 3. Kết bài | **c.** Khẳng định, phủ định, nêu bài học |
|  | **d.** Phân tích các mặt, đánh giá, nhận định |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- b; 2- d, a; 3- c**

**Câu 4:** Trong các đề bài sau, đề nào không thuộc về đề nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?

**A.** Suy nghĩ về tấm gương của một học sinh vượt khó

**B.** Suy nghĩ của em về con người không chịu thua số phận

**C.** Suy nghĩ của em về tác phẩm Làng của Kim Lân

**D.** Suy nghĩ của em về những con người sống vì cộng đồng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Đây là đề nghị luận về tác phẩm văn học

**Câu 5:** Đề bài Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn. Nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập và còn phạm những sai lầm khác. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó, có phải là đề nghị luận về một hiện tượng đời sống không?

**A.** Có **B.** Không

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

**I. Kiến thức cần nhớ**

Muốn làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống phải tìm hiểu thật kĩ đề bài, phân tích sự việc, hiện tượng đó để tìm ý, lập dàn bài, viết bài và sửa chữa sau khi viết

- Dàn bài chung:

Mở bài: giới thiệu sự việc, hiện tượng cần bàn luận

Thân bài: Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, nêu đánh giá, nhận định

Kết bài: Kết luận, khẳng định, phủ định lời khuyên

- Bài viết cần lựa chọn các góc riêng để phân tích, nhận định, đưa ra ý kiến, suy nghĩ, cảm thụ riêng của người viết

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Hãy lập dàn ý cho bài văn nghị luận về hiện tượng sống ảo trong giới trẻ hiện nay

**Gợi ý làm bài**

Bài 1:

Mở bài:

Chỉ ra hiện trạng xã hội ngày nay, có nhiều bạn khi tiếp cận với khoa học công nghệ đã nảy sinh ra lối sống ảo. Điều đáng buồn, hiện tượng này xuất hiện đa phần ở giới trẻ

Thân bài

- Giải thích khái niệm sống ảo

   + Là cuộc sống xã hội, đời sống của người nào đó tồn tại không có thực trên mạng xã hội

   + Nhiều người sa đà vào thể hiện bản thân hòa nhoáng, không có thực

- Biểu hiện:

   + Cố tạo ra cuộc sống lung linh trên mạng xã hội, còn thực tế thì ê chề, chậm phát triển

   + Sống ảo còn là việc sống không có mục tiêu, lý tưởng, không mang lại các giá trị thực

- Nguyên nhân dẫn tới việc sống ảo:

   + Do con người tiếp cận sai và lạm dụng công nghệ

   + Do nhiều bạn trẻ muốn thể hiện bản thân mình nổi trội

   + Nhiều người mong muốn được nổi tiếng, được tôn thờ, ngưỡng mộ

- Tác hại

   + Mất quá nhiều thời gian sống ảo, các bạn trẻ dần dần sa đà vào, dẫn đến kết quả học tập, sức khỏe giảm sút

   + Những rắc rối, bí mật đời tư bị trưng lên mạng xã hội

   + Không có mục tiêu, lý tưởng sống, dần dần thui chột

- Giải pháp

   + Cần xác định rõ ràng mục tiêu, mục đích sống

   + Hạn chế dành thời gian cho mạng xã hội

   + Tích cực tạo ra các giá trị thật cho bản thân, xã hội

Kết bài:

Đây là hiện tượng xấu, làm ảnh hưởng tới quá trình sống của mỗi người vì thế cần loại bỏ thái độ sống, cách sống ảo.

## Bài 20.

### *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Vũ Khoan (sinh năm 1937)

- Quê quán: huyện Phú Xuyên, Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội)

- Cuộc đời và sự nghiệp:

   + Vũ Khoan được biết đến là một nhà chính trị và ngoại giao xuất sắc của Việt Nam

   + Ông từng bắt đầu công việc ngoại giao cho quốc gia từ 1956 với công việc phiên dịch

   + Năm 1990, ông làm Thứ trưởng Bộ ngoại giao

   + Từ 28 tháng 1 năm 2000 đến ngày 8 tháng 8 năm 2002 ông làm Bộ trưởng Bộ Thương mại

   + Ông là Phó Thủ tướng phụ trách kinh tế đối ngoại Việt Nam từ tháng 8 năm 2002 đến cuối tháng 6 năm 2006

   + Với rất nhiều những đóng góp của mình cho nền ngoại giao quốc gia, ông được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hai Huân chương Lao động hạng Nhì

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài viết này đăng trên tạp chí Tia sáng năm 2001, in trong tập Một góc nhìn của trí thức, NXB Trẻ, Thành phố HCM, 2002

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Phần 1 từ đầu đến “thiên niên kỷ mới”: Sự chuẩn bị bản thân con người là sự chuẩn bị quan trọng nhất trong hành trang bước vào thế kỉ mới

- Phần 2: tiếp theo cho đến “kinh doanh và hội nhập”: Tình hình thế giới và những nhiệm vụ của đất nước

- Phần 3: tiếp theo cho đến hết. Những điểm manh, điểm yếu của con người Việt Nam và nhiệm vụ của con người khi bước vào thế kỉ mới

**3. Giá trị nội dung**

- Tac phẩm đã nêu ra bình luận cụ thể về những điểm mạnh, điểm yếu trong tính cách và thói quen của người Việt Nam, từ đó, đưa ra những yêu cầu, đòi hỏi con người Việt Nam phải khắc phục điểm yếu để bước vào thế kỉ mới

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài viết đặt ra vấn đề nóng hổi, cấp thiết với cách nhìn nhận khách quan kết hợp với lí lẽ lập luận giản dị, chặt chẽ và thái độ tôn trọng đối tượng, tinh thần trách nhiệm của tác giả. Việc sử dụng ngôn ngữ báo chí gắn với ngôn ngữ sinh hoạt đời thường, cách nói giản dị, dễ hiểu, sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ sinh động, cụ thể và hàm súc cũng là những nét tiêu biểu về nghệ thuật của tác phẩm

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả Vũ Khoan: Một nhà chính trị, ngoại giao xuất sắc, một vị thủ tướng có đóng góp quan trọng vào con đường phát triển của đất nước

- “Chuẩn bị hành trang vào thế kì mới” ra đời đúng thời điểm như một kim chỉ nam để mỗi người Việt Nam tự nhìn nhận lại những điểm mạnh, điểm yếu của mình nhằm sẵn sàng vươn tới một kỉ nguyên mới

**II. Thân bài**

1. Sự chuẩn bị bản thân con người là sự chuẩn bị quan trọng nhất trong hành trang bước vào thế kỉ mới

- Khẳng định trong thời khắc chuyển giao giữa hai thế kỉ, cần chuẩn bị tốt hành trang để bước sang một thế kỉ mới thành công

- Nhấn mạnh sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất vì:

   + Con người lúc nào cũng là động lực phát triển của lịch sử

   + Con người giữ vai trò nổi trội trong nền kinh tế tri thức mà nền kinh tế này sẽ phát triển nổi trội vào thế kỉ mới

⇒ Cách đặt vấn đề trực tiếp, ngắn gọn, thuyết phục

2. Tình hình thế giới và những nhiệm vụ của đất nước

- Tình hình thế giới:

   + Khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại

   + Sự giao thoa sâu rộng giữa các nền kinh tế

- Nhiệm vụ của đất nước:

   + Thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp

   + Đẩy mạnh công nghiệp hóa- hiện đại hóa

   + Tiếp cận với nền kinh tế tri thức

⇒ Cách trình bày luận điểm logic chặt chẽ

3. Những điểm manh, điểm yếu của con người Việt Nam và nhiệm vụ của con người khi bước vào thế kỉ mới

- Điểm mạnh của con người Việt Nam:

   + Thông minh, nhạy bén với cái mới

   + Cần cù, sáng tạo

   + Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc, nhất là trong kháng chiến chống ngoại xâm

   +Bản tính thích ứng nhan

- Điểm yếu của con người Việt Nam:

   + Thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành

   + Thiếu đức tính tỉ mỉ, hành động theo phương châm “nước đến chân mới nhảy”, chưa có được thói quen tôn trọng những quy định nghiêm ngặt của công việc là cường độ khẩn trương

   + Thường ích kỉ, đố kị nhau trong đời sống thường ngày

   + Thái độ kì thị với sự kinh doanh, , thói quen ảnh hưởng sự bao cấp, nếp nghĩ sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức

⇒ Lập luận song hành: đi liền với điểm mạnh là điểm yếu => cái nhìn trực diện, thông suốt, thấu đáo, không né tránh => Người Việt Nam nhận rõ về những điểm mạnh, điểm yếu của mình

- Từ điểm mạnh, điểm yếu, đề ra nhiệm vụ khi bước vào thế kỉ mới:

   + Lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh: Phát huy điểm mạnh

   + Vứt bỏ điểm yếu

   + Làm cho lớp trẻ nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu, làm quen với những thói quen tốt đẹp

⇒ Lập luận chặt chẽ, logic, chắc chắn, giàu sức thuyết phục => Tài năng của một người tài năng luôn lo lắng cho vận mệnh đất nước

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

- Trình bày giá trị thờ đại của bài viết tới thời điểm hôm nay, liên hệ bản thân về việc phát huy những điểm mạnh, điểm yếu bản thân để phát triển đất nước trong tương lai

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới là gì?

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Nghị luận **D.** Biểu cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Ý nào sau đây nói đúng mục đích chính mà bài viết muốn gửi tới người đọc?

**A.** Để chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị về con người

**B.** Những mặt mạnh, mặt yếu của con người Việt Nam

**C.** Bối cảnh thế giới hiện nay đang đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho đất nước

**D.** Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những mặt mạnh, mặt yếu cảu con người Việt Nam để rèn luyện những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây không phải mặt mặt của người Việt Nam?

**A.** Thông minh, nhạy bén với cái mới

**B.** Cần cù, sáng tạo trong công việc

**C.** Có truyền thống lâu đời đùm bọc, đoàn kết với nhau

**D.** Tỉ mỉ, cẩn trọng và có tinh thần kỉ luật cao trong công việc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực để phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.

**Câu 4:** Câu nào là câu chủ đề của đoạn văn trên?

**A.** Câu 1 **B.** Câu 2

**C.** Câu 3 **D.** Đoạn văn không có câu chủ đề

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Cụm từ “nền kinh tế tri thức” được hiểu là: Đó là khái niệm chỉ một trình độ phát triển rất cao của nền kinh tế, trong đó tri thức trí tuệ chiếm một tỉ trọng cao trong giá trị của các sản phẩm và tổng sản phẩm kinh tế quốc dân. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Đoạn văn trên trình bày theo phép lập luận nào?

**A.** Diễn dịch **B.** Quy nạp

**C.** Phân tích **D.** Tổng hợp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Hành trang có nghĩa là gì?

**A.** Trang phục mỗi người (quần, áo, giày, dép…) **B.** Những vật dụng quen thuộc hằng ngày

**C.** Những vật dụng mang theo khi đi xa **D.** Những vật trang trí trong nhà

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Trong những so sánh, so sánh nào không nằm trong những văn bản trên?

**A.** Người Hoa ở nước ngoài thường cưu mang song người Việt lại thường đố kị nhau

**B.** Người phương Tây có ý thức rất cao trong việc bảo vệ môi trường: trong khi người Việt thường vứt rác bừa ở nơi công cộng

**C.** Người Nhật thăm bảo tàng thì túm tụm vào nghe thuyết minh, còn người Việt thì tản ra xem thứ mình thích

**D.** Người Nhật vốn nổi tiếng cần cù rất cẩn trọng khi chuẩn bị công việc, người Việt lại thường dựa vào tài tháo vát của mình nên thường hành động theo kiểu nước đến chân mới nhảy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Thành ngữ “nước đến chân mới nhảy” có nghĩa là gì?

**A.** Hành động vội vã, thiếu suy nghĩ **B.** Hành động chậm chạp, lười biếng

**C.** Hành động cẩu thả, qua loa **D.** Hành động chậm chễ, thiếu tính toán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Dòng nào sau đây không phải là nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho đất nước được nêu trong văn bản trên?

**A.** Thoát khỏi tình trạng đói nghèo, lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp

**B.** Phát triển các dịch vụ thương mại

**C.** Đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa

**D.** Tiếp cận với nền kinh tế tri thức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 1:** Thành phần phụ chú là gì?

**A.** Được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

**B.** Thành phần phụ được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang, sau dấu hai chấm

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Trong những câu sau, câu nào có thành phần phụ chú?

**A.** Này, hãy đến đây nhanh lên! **B.** Chao ôi, đêm trăng đẹp quá!

**C.** Mọi người, kể cả nó, đều nghĩ là sẽ muộn **D.** Tôi đoán chắc là thể nào ngày mai anh cũng đến.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Thành phần phụ chú: kể cả nó

**Câu 3:** Thành phần phụ chú và những từ ngữ trong câu sau liên quan với nhau theo kiểu quan hệ nào?

"Bác tôi, người bên trái tấm hình, là một nhạc sĩ sáng tác nhạc tiền chiến."

**A.** Quan hệ bổ sung **B.** Quan hệ điều kiện

**C.** Quan hệ nguyên nhân **D.** Quan hệ mục đích

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Bổ sung thêm thông tin cho từ bác tôi

**Câu 4:** Từ “có lẽ” trong câu “những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị về con người là quan trọng nhất” là thành phần gì?

**A.** Thành phần trạng ngữ **B.** Thành phần bổ ngữ

**C.** Thành phần biệt lập tình thái **D.** Thành phần biệt lập cảm thán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Trong những câu sau đây không có thành phần gọi- đáp?

**A.** Ngày mai anh phải đi rồi ư? **B.** Ngủ ngoan a- kay ơi, ngủ ngoan a- kay hỡi!

**C.** Thưa cô, em xin phép đọc bài! **D.** Ngày mai là thứ năm rồi!

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Ý nào nói không đúng về thành phần phụ chú?

**A.** Dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp

**B.** Dùng để bổ sung chi tiết cho nội dung chính của câu

**C.** Dùng để nêu thái độ của người nói

**D.** Thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Thành phần phụ chú trong đoạn thơ sau có ý nghĩa gì?

Cô gái nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)

**A.** Miêu tả về cô gái

**B.** Kể về cuộc gặp bất ngờ của tác giả và cô gái

**C.** Bộc lộ rõ thái độ của tác giả đối với sự việc và hình ảnh cô gái

**D.** Thể hiện rõ mối quan hệ giữa tác giả và cô gái

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Trong câu “Tất cả chúng tôi- kể cả nó- đều biết hôm nay cô sẽ nghỉ ốm, chúng tôi trốn học đi chơi” thành phần phụ chú có quan hệ thế nào với từ ngữ đó?

**A.** Quan hệ bổ sung **B.** Quan hệ điều kiện

**C.** Quan hệ nguyên nhân **D.** Quan hệ tương phản

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Gạch chân thành phần phụ chú trong câu văn sau và cho biết kiểu quan hệ của thành phần phụ chú với từ ngữ có liên quan:

Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nương nhẹ, giúp anh đi nửa nốt vòng trái đất- từ mép tấm đệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**thành phần phụ chú: từ mép tấm đệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.

Kiểu quan hệ của thành phần phụ chú với từ ngữ có liên quan mang nghĩa bổ sung

**Câu 10:** Câu ca dao dưới đây sử dụng thành phần phụ chú đúng hay sai?

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

### Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí

**I. Kiến thức cần nhớ**

Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người

- Yêu cầu về nội dung của bài văn nghị luận này là phải làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích… để chỉ ra chỗ sai, đúng của tư tưởng nào đó

- Hình thức: bài văn gồm 3 phần: có luận điểm đúng đắn, lời văn chính xác, sinh động

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Cho đoạn văn sau:

Tình mẫu tử là tình thân ruột thịt giữa mẹ và con, đó là sự hi sinh vô điều kiện của người mẹ dành cho con, và cũng là tình yêu thương, sự tôn kính của đứa con dành cho người mẹ.

Tình mẫu tử là tình cảm cao đẹp, thiêng liêng và đẹp đẽ nhất trong cuộc đời. Đối với mỗi con người, sự đủ đầy về vật chất không thể thay thế sự phong phú trong đời sống tinh thần của ta. Tình mẫu tử mang lại đời sống tinh thần của mỗi người trở nên ý nghĩa hơn, giúp ta tránh khỏi những cám dỗ trong cuộc sống. Tình mẫu tử như điểm tựa tinh thần nâng đỡ con người trước khó khăn, sóng gió, thể hiện niềm tin, động lực, khát vọng sống của cá nhân mỗi người. Chẳng bởi thế mà mỗi khi gặp khó khăn, người đầu tiên chúng ta nghĩ tới là mẹ, mong được mẹ động viên, an ủi. Rồi những lúc vui vẻ, đạt thành tựu trong cuộc sống, người đầu tiên muốn chia sẻ nhất cũng chính là mẹ.

Vì thế, mỗi đứa con cần biết tôn trọng, yêu thương và ghi nhớ công ơn của mẹ- người mang nặng đẻ đau mỗi chúng ta. Biết thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc đối với mẹ. Bằng những hành động nhỏ bé nhưng thiết thực như trò chuyện cùng với mẹ, lắng nghe tâm tư của mẹ, hay đơn giản như khỏe mạnh, học tập thật tốt và sống có giá trị hơn mỗi ngày. Tình mẫu tử luôn là tình cảm đẹp, nâng đỡ mỗi con người sống tốt hơn, nhân ái hơn.

- Văn bản trên thuộc loại nghị luận nào?

- Văn bản nghị luận về vấn đề gì? Chỉ ra luận điểm chính của nó.

- Phép lập luận chủ yếu trong bài này là gì? Cách lập luận trong bài có sức thuyết phục như thế nào?

**Gợi ý trả lời:**

- Văn bản trên thuộc loại văn bản nghị luận về tư tưởng, đạo lý: tình mẫu tử

Luận điểm chính:

- Tình mẫu tử là tình cảm cao đẹp, thiêng liêng và đẹp đẽ nhất trong cuộc đời

- Tình mẫu tử như điểm tựa tinh thần nâng đỡ con người trước khó khăn, sóng gió, thể hiện niềm tin, động lực, khát vọng sống của cá nhân mỗi người

- Mỗi đứa con cần biết tôn trọng, yêu thương và ghi nhớ công ơn của mẹ

Phép lập luận chủ yếu trong bài này là: giải thích, chứng minh nhằm làm rõ vấn đề tư tưởng, đạo lý, lối sống xuất phát từ hiện tượng thực tế của đời sống.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Một bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí có yêu cầu gì về mặt nội dung

**A.** Nghị luận làm sáng tỏ các vấn đề về tư tưởng, đạo lý bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích… để chỉ ra chỗ đúng sai của tư tưởng nào đó.

**B.** Nghị luận làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lý bằng cách trình bày mặt lợi hại

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Trong những đề bài sau, đề bài nào không thuộc bài nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí?

**A.** Suy nghĩ về đạo lý Uống nước nhớ nguồn của dân tộc

**B.** Suy nghĩ từ truyện Ếch ngồi đáy giếng

**C.** Suy nghĩ về câu Có chí thì nên

**D.** Suy nghĩ về một tấm gương vượt khó

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Đề bài câu D là nghị luận về hiện tượng đời sống

**Câu 3:** Ý nào dưới đây nói không phù hợp với bài văn nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí?

**A.** Nội dung đem ra bàn luận là vấn đề tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống của con người

**B.** Bài viết có bố cục 3 phần, phần có luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, chính xác, sinh động

**C.** Văn viết cần trau chuốt, bóng bảy, giàu hình ảnh, giàu biện pháp tu từ

**D.** Vận dụng linh hoạt thao tác chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, đối chiếu… để trình bày vấn đề

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Sự khác nhau chủ yếu giữa bài văn nghị luận về một sự việc, hiệ tượng, đời sống và nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí

**A.** Khác nhau về nội dung nghị luận **B.** Khác nhau về sự vận dụng thao tác

**C.** Khác nhau về cấu trúc bài viết **D.** Khác nhau về ngôn ngữ diễn đạt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Trong những đề bài sau đề nào không thuộc bài văn nghị luận về một vấn đề, tư tưởng đạo lí?

**A.** Bàn về nhân vật chó sói và cừu non trong bài thơ của La Phông ten

**B.** Bàn về đạo lý Uống nước nhớ nguồn

**C.** Lòng biết ơn thầy cô giáo

**D.** Bàn về tranh giành và nhường nhịn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Ý nào sau đây không phù hợp với đề bài “Bàn về câu nói Có chí thì nên”?

**A.** Chí là chí hướng, quyết tâm, sức mạnh tinh thần của con người

**B.** Người có chí là người biết vươn lên trong mọi hoàn cảnh

**C.** Người có chí là người luôn gặp may mắn trong cuộc sống

**D.** Người học sinh cần rèn chí trong học tập và trong cuộc sống

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Hãy điền vào bảng yêu cầu về nội dung từng phần của bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Yêu cầu về nội dung** |
| Mở bài |  |
| Thân bài |  |
| Kết bài |  |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án:**

Mở bài: Giới thiệu về vấn đề đạo lí, tư tưởng cần bàn luận

Thân bài: + Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề tư tưởng

+ Nhận định, đánh giá vấn đề tư tưởng, đạo lí đó trong bối cảnh của cuộc sống riêng, chung

Kết bài: Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động

## Bài 21.

### *Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Hi-pô-lít Ten sinh năm 1828, mất năm 1893

- Quê quán: Ông sinh ra tại Vouziers, Pháp

- Cuộc đời và sự nghiệp:

   + Năm ông 13 tuổi, 1841, cha ông mất

   + Ông được biết đến là một sinh viên xuất sắc ở cả hai ngành tự nhiên và xã hội, ông đã lấy được hai bằng khi ông chưa 20

   + Năm 1853, ông hoàn thành bằng tiến sĩ

   + Ông được biết đến là triết gia, sử gia, nhà nghiên cứu văn học Pháp, Viện sĩ viện Hàn lâm khoa học Pháp

   + Tác phẩm tiêu biểu: Ông là tác giả của công trình nghiên cứu La- phông- ten và thơ ngụ ngộ của ông (1853)

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Văn bản trích từ chương II, phần thứ hai công trình nghiên cứu khoa học nổi tiếng “La Phông- ten và thơ ngụ ngôn” của ông, xuất bản lần đầu năm 1853, đã tái bản nhiều lần.

**2. Bố cục**

- Phần 1: (từ đầu đến “Tốt bụng như thế”): Hình tượng cừu trong thơ La Phông- ten

- Phần 2: (còn lại): Hình tượng chó sói trong thơ La Phông- ten

**3. Giá trị nội dung**

- Bằng cách so sánh hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông- ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy- phông, tác giả làm nổi bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Cách trình bày và sắp xếp luận điểm chặt chẽ giàu thuyết phục, dẫn chứng khoa học, lối viết hấp dẫn

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Vài nét về tác giả Hi-pô-lít Ten: tác giả tài năng với nhiều vai trò: triết gia, sử gia, nghiên cứu văn học.

- Đoạn trích Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten trích “La Phông- ten và thơ ngụ ngôn” là một đoạn trích tiêu biểu mà thông qua việc bàn luận về hai hình tượng chó sói và cừu, ttacs giả đã khéo léo làm rõ đặc trưng của sáng tác nghệ thuật

**II. Thân bài**

1. Hình tượng cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten

- Đưa ra dẫn chứng nhận định: Con cừu non trong thơ La-phông-ten tội nghiệp, buồn rầu và dịu dàng

- So sánh hình tượng cừu dưới ngòi bút của Buy-phông: thấy con cừu ngu ngốc và sợ sệt => ngòi bút miêu tả chính xác những đặc tính của con vật => sự chính xác của ngòi bút khoa học

⇒ Hình tượng cừu trong thơ La-phông- ten: Thấy chú cừu thân thương và tốt bụng

   + Dẫn chứng: Con cừu mẹ chạy tới khi nghe tiếng khóc của con cừu con, nhận ra con trong “cả đám đông cừu”, đứng yên trên “đất lạnh và bùn lầy” chờ con => Có tình cảm mẫu tử như con người

⇒ Khẳng định La-phong-ten đã động lòng thương cảm những chú cừu như thế => Nhà thơ phản ánh hiện thực bằng suy nghĩ, tình cảm của mình

2. Hình tượng cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten

- Đưa ra nhận định: Chó sói trong thơ La-phông-ten đáng thương, là một tên trộm cướp nhưng khốn khổ và bất hạnh, một gã vô lại, luôn đói dài và luôn bị ăn đòn

- So sánh hình tượng sói dưới ngòi bút của Buy-phông: thù ghét mọi sự kết bạn, dáng vè hoang dã, bản tính hư hỏng, thật đnags ghét, lúc sống thì có hại, chết rồi thì vô dụng => cái nhìn khách quan, chân thực của nhà khoa học =>Buy-phông dựng bi kịch của sự độc ác

⇒ Hình tượng cừu trong thơ La-phông- ten: cũng là bạo chúa khát máu, giọng khàn khàn, tiếng gầm dữ dội nhưng vụng về=> Kẻ săn mồi ăn tươi nuốt sống loài vật yếu ớt, bé nhỏ, một tên tàn bạo, lí sự cùn nhưng nhìn sâu lại tháy khía cạnh khác: khổ sở, vụng về => LPT dựng hài kịch về sự nggu ngốc

⇒ Gửi gắm đặc trưng của sáng tác nghệ thuật: Khác với các nhà khoa học nhìn mọi vật dưới lăng kính khách quan, chính xác, các nhà thơ sáng tác tác phẩm nghệ thuật dựa trên hiện thực được nhìn qua cách cảm nhận của riêng mình

**III. Kết bài**

- Khái quát những nét nghệ thuật tiêu biểu làm nên thành cocong đoạn trích: cách trình bày và sắp xếp luận điểm chặt chẽ giàu thuyết phục, dẫn chứng khoa học…

- Cho đến nay đoạn trích Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten nói riêng và công trình “La Phông- ten và thơ ngụ ngôn” vẫn được đánh giá là công trình xuất sắc của Hi-po-lít- ten

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Văn bản Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten thuộc loại nào?

**A.** Tác phẩm văn chương **B.** Văn bản nhật dụng

**C.** Văn bản nghị luận xã hội **D.** Văn bản nghị luận văn học

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Tác giả của văn bản trên là ai

**A.** Ru-xô **B.** Hi-pô- lít Ten

**C.** Von-te **D.** La Phông- ten

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Ý tưởng chính mà tác giả muốn nói đến qua văn bản trên là gì?

**A.** Những nét độc đáo của hình tượng con chó sói và con cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông ten

**B.** So sánh hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La Phông ten với con cừu và con sói trong những trang viết của Buy – phông

**C.** Mô tả cách nhìn nhận và phản ánh cuộc sống khác nhau giữa nhà thơ và nhà khoa học

**D.** Nêu bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật qua việc bàn luận về hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La- Phông ten

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Theo Buy phông, loài cừu không có tính cách nào sau đây?

**A.** Thân thương **B.** Bắt chước

**C.** Ngu ngốc **D.** Sợ sệt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Tính cách của loài nào trong quan niệm của La Phông ten khác với Buy phông?

**A.** Hư hỏng **B.** Khốn khổ

**C.** Độc ác **D.** Khát máu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Cách viết về chó sói và cừu của Buy- phông và La Phông ten có điểm gì giống nhau?

**A.** Cả hai ông đều sử dụng biện pháp nhân hóa để nói về chúng

**B.** Cả hai ông đều dựa vào đặc tính của cừu và chó sói để nói về chúng

**C.** Cả hai ông đều viết về loài cừu và chó sói nói chung chứ không phải một con cừu, con chó sói cụ thể

**D.** Cả hai ông đều viết về cừu và chó sói như những số phận và tính cách cụ thể

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Nhận định nào sau đây không đúng?

**A.** Chó sói và cừu được Buy phông miêu tả một cách khách quan khoa học theo đặc tính của loài nói chung

**B.** Cừu và chó sói trong trang viết của Buy phông có những đặc tính đơn giản của loài: hoặc là sợ sệt, ngu ngốc, hoặc là độc ác

**C.** Chó sói và cừu được Buy phông miêu tả như một số phận, một tính cách sinh động, phong phú

**D.** Nêu bật đặc trưng của sáng tác nghệ thuật qua việc luận bàn về hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La phông ten

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây chưa chính xác?

**A.** Cả chó sói và cừu đều được La phông ten miêu tả như một số phận cụ thể

**B.** Hình ảnh chó sói và cừu trong thơ La Phông ten còn mang trong đó bóng dáng cuộc sống con người

**C.** La Phông ten không chỉ dựa vào đặc tính chủng loại mà còn dùng trí tưởng tượng phóng khoáng và lòng thương cảm để miêu tả chó sói và cừu

**D.** Hình tượng chó sói của La Phông ten chỉ là một kẻ đáng cười chứ không phải là một kẻ đáng ghét như trong những trang viết của Buy- phông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Sức thuyết phục của văn bản được thể hiện qua cách viết nào?

**A.** So sánh **B.** Phân tích tỉ mỉ, chi tiết

**C.** Liệt kê qua nhiều dẫn chứng **D.** Phản đề

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Buy phông là ai?

**A.** Là một nhân vật văn học **B.** Nhà thơ

**C.** Nhà nghiên cứu văn học **D.** Nhà triết học

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Biện pháp nghệ thuật chính được sử dụng trong văn bản Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông ten là gì?

**A.** Nhân hóa **B.** Hoán dụ

**C.** Điệp ngữ **D.** So sánh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Mục đích chính của văn bản trên là?

**A.** Bàn về đặc điểm tính cách của loài cừu

**B.** Bàn về đặc điểm tính cách của loài chó sói

**C.** Bàn về sự khác biệt giữa cái nhìn của nhà văn và nhà khoa học

**D.** Bàn về đặc trưng của văn chương nghệ thuật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Liên kết câu và liên kết đoạn văn

**I. Kiến thức cần nhớ**

Các đoạn văn trong một văn bản cũng như các câu trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức

- Về nội dung:

   + Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn

   + Các đoạn văn và các câu phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí

- Về hình thức, các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính như sau:

   + Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu trước (phép lặp)

   + Sử dụng ở câu đứng sau các từ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước (phép đồng nghĩa, liên tưởng, trái nghĩa)

   + Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước (phép thế)

   + Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thì quan hệ với câu trước (phép nối)

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Nối các từ ngữ cột A với các từ ngữ cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Phép lặp từ ngữ | a, Sử dụng ở các câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước |
| 2. Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng | b, Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu đứng trước |
| 3. Phép thế | c, Lặp lại ở câu đứng sau từ ngữ đã có ở câu đứng trước |
| 4. Phép nối | d, Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước |

Bài 2: Tìm các phép liên kết có trong các đoạn trích sau:

a, Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

b, Tôi ngẩng cao đầu mới thấy tuổi của bà; chứ cứ nhìn bà chặt củi, nhổ sắn, nhìn bà đứng, bà đi thì không ai biết bà đã gần bảy mươi. Bà làm nhanh, đi nhanh, lưng thẳng. Bà không hút thuốc lào như u tôi, không ăn giầu.

c, Có cây lược anh càng mong gặp con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám- năm đó ta chưa võ trang- trong một trận càn của quân Mĩ- ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực.

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1:

1- c; 2- d; 3- a; 4- b

Bài 2:

a, Phép thế

b, Phép lặp

c, Phép nối

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Các đoạn văn trong một văn bản, cũng như các câu văn trong một đoạn văn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Tính liên kết về mặt nội dung trong đoạn văn là gì?

**A.** Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu phải phục vụ chủ đề của đoạn văn (liên kết chủ đề)

**B.** Các đoạn văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí (liên kết logic)

**C.** Cả A và B đúng

**D.** Cả A và B sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Các phép liên kết chủ yếu được học là?

**A.** Phép nối, phép lặp **B.** Phép liên tưởng, trái nghĩa

**C.** Phép thế **D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Hai câu “Nhà thơ hiểu rằng những tật xấu của chó sói là do nó vụng về vì chẳng có tài trí gì, nên nó luôn đói meo, và vì nó đói nên nó hóa rồ. Ông để cho Buy- phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn ông dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc.” liên kết với nhau bằng phép liên kết chính nào?

**A.** Phép lặp từ ngữ **B.** Phép trái nghĩa

**C.** Phép đồng nghĩa **D.** Phép thế

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Thế từ “ông” cho từ “nhà thơ”

**Câu 5:** Đại từ “nó” trong câu “Cái im lặng lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung…” thay thế cho cụm từ nào?

**A.** Cái im lặng **B.** Lúc đó

**C.** Thật dễ sợ **D.** Cái im lặng lúc đó

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Hãy nối từ ngữ cột A với cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Phép lặp lại | **A.** Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có các câu trước |
| 2. Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng | B. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước |
| 3. Phép thế | **C.** Lặp lại ở câu đứng sau các từ ngữ đã có ở câu trước |
| 4. Phép nối | D. Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với các từ ngữ đã có ở câu trước. |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- C; 2- D; 3- A; 4- B**

**Câu 7:** Nhận định nào sau đây chưa chính xác?

**A.** Các câu văn trong đoạn văn hoặc trong văn bản phải có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức

**B.** Các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phải phục vụ chủ đề của đoạn văn

**C.** Các đoạn văn và câu văn phải được sắp xếp theo một trình tự hợp lí

**D.** Việc sử dụng ở câu đứng các từ ngữ đồng nghĩa với từ ngữ đã có ở câu trước được gọi là phép liên kết liên tưởng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Trong đoạn văn sau, từ ngữ in đậm thay thế cho những từ ngữ nào?

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết **ông ta** xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

**A.** Ông quan lớn **B.** Có ông quan lớn

**C.** Cái áo thật sang **D.** Ông quan

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Yếu tố được thay thế trong câu trên là gì?

**A.** Cụm danh từ **B.** Cụm tính từ

**C.** Cụm động từ **D.** Cụm chủ vị

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Các từ được sử dụng trong phép thế?

**A.** Đây, đó, kia, thế, vậy… **B.** Cái này, việc ấy, vì vậy, tóm lại…

**C.** Và, rồi, nhưng, vì, để, nếu… **D.** Nhìn chung, tuy nhiên, dù thế, nếu vậy…

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Từ “tuy nhiên” trong đoạn văn sau chỉ kiểu quan hệ nào giữa hai câu?

Cừu là con vật ngu ngốc và sợ sệt. Tuy nhiên chúng là con vật rất thân thương.

**A.** Quan hệ nguyên nhân **B.** Quan hệ điều kiện

**C.** Quan hệ nghịch đối **D.** Quan hệ thời gian

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 12:** Dòng nào sau đây không chứa những từ ngữ thường dùng trong phép nối?

**A.** Và, rồi, nhưng, mà, còn, vì, nếu, tuy, để… **B.** Vì vậy, nếu thế, thế thì, vậy nên…

**C.** Nhìn chung, tóm lại, hơn nữa, vả lại, với lại… **D.** Cái này, điều ấy, việc đó,…hắn, họ, nó…

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Từ in dậm trong câu văn chỉ kiểu quan hệ gì giữa hai câu?

Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.

**A.** Quan hệ bổ sung **B.** Quan hệ nguyên nhân

**C.** Quan hệ nhượng bộ **D.** Quan hệ nghịch đối

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 14:** Gạch chân từ ngữ chỉ quan hệ liên hệ giữa hai câu văn sau và cho biết kiểu quan hệ do từ ngữ này diễn đạt.

Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông ra, áp vật vào nhau… Kết cục, anh chàng “hầu cận ông lí” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

**A.** Quan hệ tăng tiến **B.** Quan hệ nguyên nhân kết quả

**C.** Quan hệ kết quả **D.** Quan hệ tương phản

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 15:** Từ in đậm trong câu “Con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. **Bản chất trời phú ấy** rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu”. là gì?

**A.** Cái mạnh của con người Việt Nam **B.** Sự thông minh

**C.** Nhạy bén với cái mới **D.** Sự thông minh nhạy bén với cái mới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 16:** Từ ngữ được thay thế cho trong câu trên là:

**A.** Cụm danh từ **B.** Cụm tính từ

**C.** Cụm động từ **D.** Cụm chủ vị

**Hướng dẫn giải:**

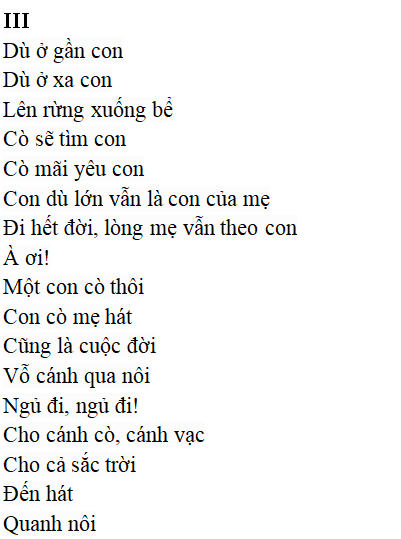
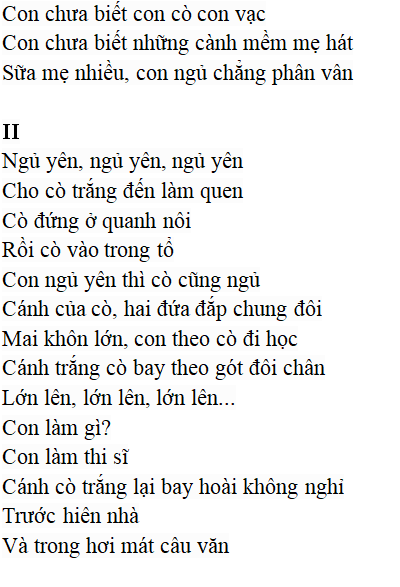
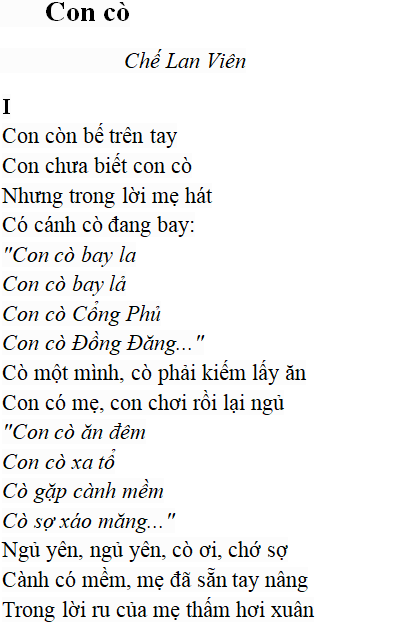
**Chọn đáp án: A**

## Bài 22.

### *Bài thơ: Con cò (Chế Lan Viên)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Con cò



I. Vài nét về tác giả

- Chế Lan Viên (1920- 1989) tên thật là Phan Ngọc Hoan

- Quê quán: huyện Cam Lộ- tình Quảng Trị nhưng ông lớn lên ở Bình Định

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Trước Cách mạng tháng 8 Chế Lan Viên nổi tiếng với phong trào thơ mới với tập thơ “Điêu tàn” (1937)

   + Với hơn 50 năm sáng tác, ông có nhiều tìm tòi ở những tập thơ hay gây được tiếng vang trong công chúng, Chế Lan Viên là một trong những tên tuổi hàng đầu của nền thơ hiện đại thế kỉ XX

   + Năm 1996 ông được nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật

- Phong cách sáng tác: Ông được đánh giá là một nhà thơ có phong cách và đặc sắc. Thơ ông lấp lánh vẻ đẹp trí tuệ, triết lí và khả năng sáng tạo hình ảnh.

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ “Con cò” sáng tác năm 1962, in trong tập “Hoa ngày thường- Chim báo bão” của Chế Lan Viên.

**2. Bố cục: 3 phần**

Khổ 1: Hình ảnh con cò theo lời ru đến với tuổi thơ con, đó là biểu tượng cho cuộc đời lam lũ của mẹ

- Khổ 2: Hình ảnh con cò trong tiềm thức của con và theo con suốt cuộc đời dài rộng

- Khổ 3: Ý nghĩa lời ru qua hình ảnh con cò, con cò là biểu tượng cho tấm lòng người mẹ

**3 Gía trị nội dung**

- Khai thác hình tượng con cò trong những câu hát, lời ru, bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru trong cuộc đời mỗi người

**4 Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ thành công trong với thể thể thơ tự do, nhiều câu mang dáng dấp của thể thơ 8 chữ nên cảm xúc được thể hiện linh hoạt, giọng điệu suy ngẫm mang tính triết lí, vận dụng sáng tạo ca dao

**5 Phân tích**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu về Chế Lan Viên: nhà thơ được biết đến với một phong cách thơ đặc sắc, giàu trí tuệ và chất triết lí

- Giới thiệu bài thơ Con cò: Bài thơ với chất liệu dân gian với những hình ảnh thơ độc đáo đã ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa lời ru trong cuộc đời mỗi con người

**II. Thân bài**

1. Hình ảnh con cò theo lời ru đến với tuổi thơ con, đó là biểu tượng cho cuộc đời lam lũ của mẹ

- “Con còn bế trên tay….đang bay”: lời tâm tình thủ thỉ của mẹ với con, con cò đến với con ngay từ khi còn còn tấm bé trong lời ru của mẹ

- Con cò bay la…Đồng Đăng”: Hình ảnh con cò gợi cuộc sống xưa cũ từ làng quê đến phố xá thong thả => con cò là hình ảnh của hồn quê hương, hồn đất nước

- “Con cò ăn đêm…Cò sợ xáo măng”: Hình ảnh cò trong lời ru con không phải chỉ là hồn quê hương mà còn là hình ảnh biểu trưng cho những người nông dân, những người phụ nữ …vất vả lam lũ kiếm sống

- “Ngủ yên!...phân vân”: “Cánh cò” trong câu hát của mẹ đến với con khi con còn chưa thể hiểu được, nhưng có thể con sẽ cảm nhận được âm điệu ngọt ngào và tình yêu thương che chở vỗ về của mẹ

⇒ Vận dụng sáng tạo hình ảnh, âm điệu ca dao dân ca => những câu ca dao in dần vào mảnh hồn thơ ngây của con

2. Hình ảnh con cò trong tiềm thức của con và theo con suốt cuộc đời dài rộng

- Hình ảnh cò đến với tiềm thức của con qua lời ru của mẹ “Cò đứng quanh nôi…đắp chung đôi”: Cò gần gũi, gắn bó với con từ thưở trong nôi

- Cò theo con trên từng chặng đường đời:

   + “Mai khôn lớn con theo cò đi học”: Cò trở thành người bạn đồng hành trên con đường đi học của con

   + Cò còn “theo gót đôi chân”, không rời xa, con sẽ làm “thi sĩ”, cánh cò sẽ tiếp tục gắn bó với con miệt mài không nghỉ, không xa rời

⇒ Điệp ngữ, điệp cấu trúc, sử dụng nhiều câu cảm thán => Cò thực sự trở thành một người bạn đồng hành từ khi con còn nằm trong nôi đến khi con khôn lớn trưởng thành

⇒ Hình ảnh cánh cò đồng hành cùng con là biểu tượng cho người mẹ, cho tình mẹ luôn gắn bó, che chở cho con trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời

3. Ý nghĩa lời ru qua hình ảnh con cò, con cò là biểu tượng cho tấm lòng người mẹ

- Hình ảnh “con cò” được nhấn mạnh ở ý nghĩa biểu tượng, cò là biểu tượng cho tấm lòng người mẹ “dù ở gần con…cò mãi yêu con”

- Từ sự thấu hiểu tấm lòng người mẹ, nhà thơ khái quát quy luật tình cảm: “Con dù lớn vẫn là con của mẹ….vẫn theo con”

⇒ Từ ngữ “dù”, “vẫn” nhấn mạnh sự gắn bó bền chặt của tình mẫu tử

- Phần kết quay trở lại với âm hưởng lời ru và đúc kết hình tượng con cò trong những lời ru ấy

⇒ Ý nghĩa lời ru: Lời ru đến với con một cách tự nhiên, qua lời ru con cảm nhận được bao điều thân thuộc gần gũi thanh bình của quê hương, cũng cảm nhận được tấm lòng bao la của người mẹ, lời ru hoàn thiện tâm hồn nhỏ bé của con để con lớn lên biết yêu thương và trân quý những giá trị tốt đẹp

**III. Kết bài**

- Khái quát những nét tiêu biểu nghệ thuật và sự thành công trong nội dung biểu hiện của tác phẩm

- Liên hệ mở rộng: Đưa ra suy nghĩ của bản thân về tình mẹ trong cuộc sống

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ Con cò được viết vào năm nào?

**A.** Năm 1960 **B.** Năm 1961

**C.** Năm 1962 **D.** Năm 1963

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Bài thơ của tác giả nào?

**A.** Tố Hữu **B.** Nguyễn Du

**C.** Hữu Thỉnh **D.** Chế Lan Viên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Hình ảnh con cò trong bài thơ trên có ý nghĩa biểu tượng gì?

**A.** Biểu tượng cho cuộc sống khó nhọc trước kia **B.** Biểu tượng cho cuộc sống vất vả hôm nay

**C.** Biểu tượng cho người phụ nữ Việt Nam **D.** Biểu tượng cho tấm lòng người mẹ và lời mẹ ru

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Nhận xét nói đúng nhất về nội dung của bài thơ?

**A.** Bài thơ là những cảm nhận, suy ngẫm của tác giả về tình cảm mẹ con gắn bó, thiêng liêng

**B.** Bài thơ là những cảm nhận, suy ngẫm về tình cảm gia đình nói chung

**C.** Bài thơ là những cảm nhận, suy ngẫm về tình yêu quê hương đất nước

**D.** Bài thơ là những cảm nhận, suy ngẫm về cuộc sống sinh hoạt gần gũi, thân thương

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Nhân vật nào được nói tới trong bài thơ Con cò?

**A.** Con cò **B.** Người mẹ

**C.** Người mẹ và đứa con **D.** Con cò, người mẹ, đứa con

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Câu ca dao nào không được lấy và đưa vào bài thơ Con cò?

**A.** Con cò bay lả, bay la

Bay từ cửa phủ bay về Đồng Đăng

**B.** Con cò bay lả, bay la

Bay từ cổng phủ bay ra cánh đồng

**C.** Một đàn cò trắng bay quanh

Cho loan nhớ phượng cho mình nhớ ta

**D.** Còn cò mà đi ăn đêm

Gặp phải cành mềm, lộn cổ xuống ao…

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Hình ảnh cánh cò được gợi về qua những câu ca dao cho ta cảm nhận điều gì?

**A.** Không gian làng quê thanh bình, yên ả, thân thương với lời ru tha thiết mang điệu hồn dân tộc

**B.** Cuộc sống lao động lam lũ, vất vả

**C.** Vẻ đẹp tần tảo, thân thương của người phụ nữ Việt Nam

**D.** Cả ba ý A, B, C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Câu thơ nào dưới đây chứa đựng chân lí

**A.** Cò một mình, cò phải kiếm lấy ăn

Con có mẹ con chơi rồi lại ngủ

**B.** Con ngủ yên thì cò cũng ngủ

Cánh của cò hai đứa đắp chung đôi

**C.** Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con

**D.** Cho cả sắc trời

Đến hát

Quanh nôi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Dòng nào sau đây hiểu đúng nhất về hai câu thơ “Con dù lớn vẫn là con của mẹ, đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”?

**A.** Tình yêu của mẹ mãi mãi không bao giờ thay đổi

**B.** Ca ngợi công sinh thành, dưỡng dục của người mẹ ngay cả khi con khôn lớn

**C.** Bổn phận làm con phải luôn ghi nhớ, biết ơn công lao của cha mẹ

**D.** Tình cảm của người mẹ mãi dạt dào và có ý nghĩa lớn lao đối với cuộc đời mỗi người

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?

**A.** Sử dụng rộng rãi phép nhân hóa

**B.** Đưa ca dao dân ca vào trong thơ

**C.** Thơ giàu triết lý và giàu nhạc điệu ca dao, dân ca

**D.** Ngôn ngữ trong sáng, bình dị

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Hai câu thơ “Ta đi trọn kiếp con người- cũng không đi hết mấy lời mẹ ru” có ý nghĩa tương tự như hai câu thơ nào sau đây?

**A.** Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con

**B.** Cò một mình cò phải kiếm lấy ăn

Con có mẹ con chơi rồi lại ngủ

**C.** Con ngủ yên thì cò cũng ngủ

Cánh của cò hai đứa đắp chung đôi

**D.** Con chưa biết những cành mềm mẹ hát

Sữa mẹ nhiều, con ngủ chẳng phân vân

**Hướng dẫn giải:**

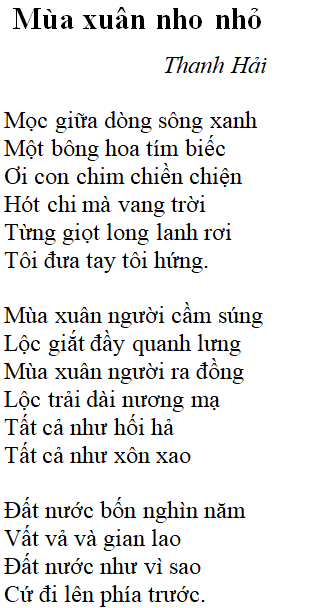
**Chọn đáp án: A**

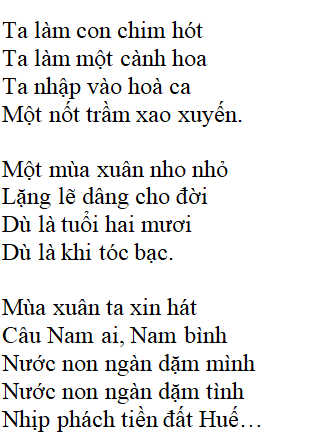
## Bài 23.

### *Bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Mùa xuân nho nhỏ





I. Vài nét về tác giả

- Thanh Hải (1930-1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn

- Quê quán: Phong Điền- Thừa Thiên Huế

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Từ năm 1954 đến năm 1964 ông làm cán bộ tuyên huấn

   + Từ năm 1964 đến năm 1967 ông phụ trách báo cờ giải phóng của thành phố Huế sau đó làm Ủy viên ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam

   + Tiếp đó sau năm 1975 ông được làm Tổng thư kí Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên cùng đó là ủy viên thường vụ Hội Liên hiệp văn học nghệ thuạt Việt Nma, Ủy viên ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam

   + Các tác phẩm tiêu biểu:

- Phong cách sáng tác:

   + Thanh Hải thường viết về thien nhiên và lòng yêu cuộc sống

   + Thơ ông bình dị, nhẹ nhàng nhưng đậm chất triết lí về cuộc đời thể hiện tình yêu cuộc sống tha thiết

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ viết vào tháng 11-1980 trong hoàn cảnh đất nức đã thống nhất, đang xây dựng cuộc sống mới nhưng còn vô vàn khó khăn gian khổ, thử thách, không đầy một tháng trước khi nhà thơ qua đời. Bài thơ như một lời tâm niệm chân thành, gửi gắm tha thiết của nhà thơ để lại với đời

**2. Bố cục**

Gồm 4 phần

- Khổ 1: Cảm xúc trước mùa xuân thien nhiên đất nước

- Khổ 2   +3: Cảm xúc về mùa xuân của đất nước

- Khổ 4   +5: Ước nguyện của tác giả

- Khổ 6: Lời ngợi ca quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế

**3. Giá trị nội dung**

- Bài thơ bộc lộ cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm một “mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho đời

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ theo thể thơ năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, thiết tha gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, nhiều so sáng và ẩn dụ sáng tạo

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Vài nét về nhà thơ Thanh Hải: Một nhà thơ có thể nói là đã cống hiến cả đời mình cho cách mạng

- Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ: được viết trong những ngày cuối cùng Thanh Hải nằm trên giường bệnh, cả cuộc đời ông đã dùng để cống hiến cho cách mạng, giờ đây ông lại cất lên niềm khát khao, niềm mong mỏi có thể tiếp tục cống hiến “mùa xuân nho nhỏ” cho cuộc đời này

**II. Thân bài**

1. Cảm xúc trước mùa xuân thien nhiên đất nước

- Nhà thơ vẽ ra trước mắt độc giả bức tranh thiên nhiên mùa xuân với:

   + Không gian: cao rộng của bầu trời, dài rộng của “dòng sông xanh”

   + Âm thanh: âm thanh rộn rã vui tươi của “chim chiền chiện”

   + Mùa sắc: xanh của dòng sông, tím của hoa

⇒ Nghệ thuật đảo cú pháp: không gian cao rộng, màu sắc tươi sáng và âm thanh rộn ràng như thiết tha mời gọi níu giữ con người ở lại với cuộc sống, với mùa xuân xứ Huế tươi đẹp này

- Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên:

   + Nhà thơ có cái nhìn trìu mến với cảnh vật

   + Đưa tay ra “hứng” “giọt long lanh”: là giọt sương, cũng có thể là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác chỉ tiếng chim “hót vang trời”

⇒ Cảm xúc ngây ngất trước vẻ đẹp của mùa xuân của thiên nhiên, khao khát hòa mình với thiên nhiên đất trời

2. Cảm xúc về mùa xuân của đất nước

- Mùa xuân của đất nước gắn với hình ảnh người cầm súng (những người làm nhiệm vụ chiến đấu) và hình ảnh “người ra đồng”, “lộc”- niềm hi vọng tươi sáng đang theo họ đi khắp nơi hay hay chính họ đã đem mùa xuân đến mọi nơi trên đất nước

- Nhịp độ khẩn trương: “Tất cả như…xôn xao”: Công cuộc xây dựng mùa xuân của đất nước diễn ra khẩn trương, sôi động

⇒ Nghệ thuật điệp cấu trúc, từ láy…=> Nhà thơ như reo vui trước tinh thần lao động khẩn trương của con người làm nên mùa xuân của đất nước

- Nhà thơ nhắc lại về lịch sử bốn nghìn năm “vất vả và gian lao” của đất nước đầy tự hào, đồng thời tin tưởng vào tương lai tươi đẹp của đất nước mai sau bằng hình ảnh so sánh đẹp mang nhiều ý nghĩa “Đất nước như vì sao…phía trước”

3. Ước nguyện của tác giả

- Nhà thơ bộc lộ chân thành và thiết tha khát khao cống hiến giản dị, chân thành cho cuộc đời:

   + Tác giả muốn làm “con chim hót”: góp tiếng hót cho cuộc đời

   + Tác giả muốn làm “nhành hoa”: góp chút sắc hương cho cuộc sống

   + Tác giả muốn làm “nốt trầm”: cho sự hoàn thiện của bản nhạc cuộc sống

   + Tất cả những khát khao của tác giả chỉ là “một”: khát khao mong ước giản dị nhưng ý nghĩa

⇒ Không mong muốn những điều lớn lao => ước nguyện hóa thân thiết tha của nhà thơ giản dị nhưng chân thành và tha thiết

- Thanh Hải đúc kết tất cả những mong ước của mình thành “Một mùa xuân nho nhỏ - Lặng lẽ dâng cho đời”

   + “Mùa xuân nho nhỏ mang nghĩa ẩn dụ cho khao khát cống hiến phần tươi đẹp nhất của mình cho cuộc đời chung

   + Từ láy “lặng lẽ” thể hiện sự cống hiến thầm lặng lẽ

   + Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc” – sự cống hiến từ lúc còn trẻ đến khi về già => công hiến suốt đời

4. Lời ngợi ca quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế

- Giai điệu được cất lên chính là điệu hát truyền thống của xứ Huế mộng mơ

   + “Nam Ai, Nam Bình”: làn điệu dân ca ngọt ngào xứ Huế, thể hiện tình yêu mến với di sản văn hóa phi vật thể

- “Mùa xuân ta xin hát”: không chỉ mở ra không gian nó còn mở ra niềm tự hào về lối sống nghĩa tình của cha ông

**III. Kết bài**

- Khái quát những đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ: Thể thơ năm chữ, có nhạc điệu trong sáng, thiết tha gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, nhiều so sáng và ẩn dụ sáng tạo

- Liên hệ trình bày khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ cho cuộc đời

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ mùa xuân nho nhỏ được sáng tác trong giai đoạn nào?

**A.** 1930- 1945 **B.** 1954- 1975

**C.** 1945- 1954 **D.** 1975- 2000

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Bài thơ mùa xuân nho nhỏ được sáng tác 1980

**Câu 2:** Mùa xuân nho nhỏ được viết giống thể thơ của tác phẩm nào?

**A.** Đêm nay Bác không ngủ **B.** Bài thơ về tiểu đội xe không kính

**C.** Đồng chí **D.** Đoàn thuyền đánh cá

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Mùa xuân nho nhỏ bắt nguồn từ cảm xúc nào?

**A.** Cảm xúc về vẻ đẹp và truyền thống của đất nước

**B.** Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế

**C.** Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân Hà Nội

**D.** Cảm xúc về thời điểm lịch sử đáng nhớ của dân tộc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Ý nào nêu đúng nhất về giọng điệu của bài thơ?

**A.** Hào hùng, mạnh mẽ **B.** Bâng khuâng, tiếc nuối

**C.** Trong sáng, thiết tha **D.** Nghiêm trang, thành kính

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Tác giả đã sử dụng phép tu từ nào là chính trong đoạn thơ sau?

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

**A.** So sánh **B.** Ẩn dụ

**C.** Hoán dụ **D.** Nhân hóa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Dòng nào sau đây nói đúng về hình ảnh con chim hót, cành hoa, nốt trầm xao xuyến?

**A.** Là những gì đẹp nhất của mùa xuân

**B.** Là những gì nhỏ bé trong cuộc sống

**C.** Là những gì đẹp nhất mà mỗi con người muốn có

**D.** Là mong muốn khiêm nhường và tha thiết của nhà thơ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Phép tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Một mùa xuân nho nhỏ”?

**A.** So sánh **B.** Nhân hóa

**C.** Ẩn dụ **D.** Ẩn dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Ước nguyện chân thành, nhỏ bé của nhà thơ

**Câu 8:** Có thể thay thế tù xao xuyến trong câu “Một nốt trầm xao xuyến” bằng từ nào sau đây mà không làm mất đi giá trị nghệ thuật của câu thơ?

**A.** Êm ái **B.** Sâu lắng

**C.** Da diết **D.** Cả 3 từ trên đều không thay thế được

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Nhà thơ thể hiện tình cảm gì qua bài thơ trên?

**A.** Tình yêu thiên nhiên, đất nước **B.** Tình yêu cuộc sống

**C.** Khát vọng cống hiến cho đời **D.** Cả 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Bài thơ mùa xuân nho nhỏ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp sức lực vào mùa xuân lớn của đất nước?

**A.** Đúng **B.** Sai

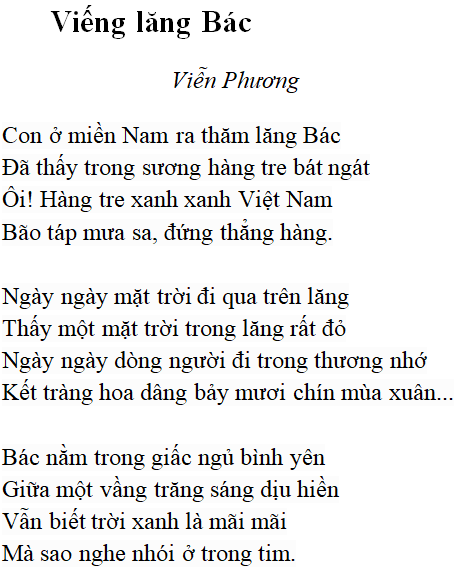
**Hướng dẫn giải:**

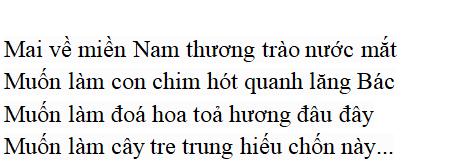
**Chọn đáp án: A**

### *Bài thơ: Viếng lăng Bác (Viễn Phương)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Viếng lăng Bác





I. Vài nét về tác giả

- Viễn Phương ( 1928-2005) tên thật là Phan Thanh Viễn

- Quê quán: An Giang

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Trong kháng chiến chống Pháp và Mĩ, ông hoạt động ở chiến trường Nam Bộ, là một cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mĩ cứu nước

   + Năm 1952, trường ca “ Chiến thắng Hòa Bình” của ông được giải nhì khi Nam Bộ tổ chức giải thưởng tổng kết văn học nghệ thuật

   + Khi Chi hội văn nghệ Nam Bộ được tổ chức ông được bầu làm Ban chấp hành.

   + Tác phẩm tiêu biểu: “Anh hùng mìn gạt”, “Như mây mùa xuân”, “Lòng mẹ”,…

- Phong cách sáng tác: Thơ của Viễn Phương giàu cảm xúc nhưng không bi lụy, thơ ông nền nã, thì thầm, bâng khuâng

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi, đất nước nước thống nhất, lăng Bác Hồ mới được khánh thành, Viễn phương ra Bắc thăm Bác, nhà thơ đã viết bài thơ này và được in trong tập “Như mây mùa xuân” năm 1978

**2. Bố cục**

- Khổ 1: Cảm xúc của tác giả trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng

- Khổ 2: Cảm xúc trước đoàn người vào lăng viếng Bác

- Khổ 3: Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấu di hài Bác

- Khổ 4: Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về

**3. Giá trị nội dung**

- Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sắc của nhà thơ nói riêng và mọi người nói chung khi đến thăm lăng Bác

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ viết theo thể thơ bảy chữ, giọng điệu thơ trang trọng tha thiết, có nhiều hình ảnh thơ đẹp lãng mạn gợi nhiều xúc cảm

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Viễn Phương- là một cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mĩ cứu nước

- Vài nét về bài thơ “Viếng lăng Bác”- bài thơ là dòng cảm xúc nghẹn ngào của tác giả khi đến thăm lăng, nó còn là một nén hương thơm dâng lên chủ tịch Hồ Chí Minh

**II. Thân bài**

1. Niềm xúc động nghẹn ngào khi đến thăm lăng Bác (khổ 1)

- “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”: nhân dân miền Nam xưng con với Bác vì Bác như một người cha nhân hậu hiền từ

- Nhà thơ dùng từ “thăm”: nói giảm nói tránh để giảm nhẹ đi nỗi đau , mặc dù Bác đã đi xa nhưng trong tâm trí mỗi người Bác luôn sống mãi

- Từ láy “bát ngát” hiện lên trước mắt mà một màu xanh ngút ngàn trải dài và lan ra quanh lăng

- Hình ảnh hàng tre mang nghĩa thựclà những khóm tre quanh lăng nhưng còn mang nghĩa ẩn dụ chỉ phẩm chất con người Việt Nam bất khuất kiên cường, ngay thẳng có tinh thần yêu thương, đùm bọc

⇒ Tác giả đứng trước lăng bác với cảm xúc nghẹn ngào “ôi”, xưng hô “con”…

2. Cảm xúc trước đoàn người vào lăng viếng Bác ( khổ 2)

- Ẩn dụ “mặt trời “: Bác là mặt trời của dân tộc mang ánh sáng ấm áp cho cuộc sống của dân tộc, đồng thời thể hiện niềm yêu mến kính trọng Bác

- Sử dụng điệp ngữ “ngày ngày”: chỉ thời gian vô tận, tấm lòng của người dân chưa bao giờ thôi nhớ Bác

- Hình ảnh ẩn dụ “tràng hoa”: chỉ những người vào lăng viếng Bác kết thành tràng hoa rực rỡ huy hoàng, mỗi người mang một bông hoa của lòng thành kính, sự yêu mến và niềm ngưỡng vọng lãnh tụ

- “bảy mươi chín mùa xuân”: là hoán dụ chỉ cuộc đời Bác đẹp như những mùa xuân, đó còn là tuổi thọ của Bác

⇒ Sự biết ơn công lao to lớn của chủ tịch Hồ Minh, niềm thành kính của người dân Việt Nam với vị lãnh tụ của dân tộc

3. Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấy di hài Bác (Khổ 3)

- “Giấc ngủ bình yên”: nói giảm nói tránh nhằm giảm đi nỗi đau, vừa thể hiện thái độ nâng niu, trân trọng giấc ngủ của Bác.

- “vầng trăng sáng dịu hiền”: nhân hóa chỉ ánh đèn tỏa ra từ lăng, đó cũng là ẩn dụ chỉ vẻ đẹp tâm hồn thanh cao của Người

- “Trời xanh”: ẩn dụ Bác trường tồn, vĩnh hằng cùng non sông đất nước

- Nhà thơ dùng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “nghe nhói ở trong tim”, nhà thơ như nghe thấy nỗi đau cứ nhức nhối như cắt cứa trong tim mình

⇒ Cảm xúc trong lăng của nhà thơ với Bác thành kính mà xúc động

4. Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về ( Khổ 4)

- “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”: cảm xúc trực tiếp lưu luyến không muốn rời xa

- Phép liệt kê, ẩn dụ “con chim, đóa hoa, cây tre” cùng với điệp ngữ “muốn làm”: niềm dâng hiến tha thiết,mãnh liệt, muốn làm một điều gì đó vì Bác

- Hình ảnh cây tre được lặp lại tạo kết cấu đầu cuối tương ứng

⇒ Chủ thể “con” đến đây không xuất hiện thẻ hiện ước nguyện này không phải của riêng tác giả mà là của tất cả mọi người, của dân tộc ta đối với Bác

**III. Kết bài**

- Tổng kết những thành công về nội dung, nghệ thuật làm nên bài thơ:

   + Với thể thơ 8 chữ, giọng điệu thiết tha, sâu lắng, sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ quen thuộc, ngôn ngữ thơ giản dị mà cô đọng

   + Thể hiện niềm xúc động, thành kính, và nỗi đau xót của nhà thơ trước sự ra đi của Bác, ước nguyện là được ở mãi bên Bác, đang lên Bác tất cả lòng tôn kính và biết ơn…

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Bài thơ Viếng lăng Bác được sáng tác vào năm nào?

**A.** Năm 1974 **B.** Năm 1976

**C.** Năm 1977 **D.** Năm 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Viếng lăng Bác được ai sáng tác ?

**A.** Xuân Diệu **B.** Nguyễn Duy

**C.** Phạm Tiến Duật **D.** Viễn Phương

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Ý nào sau đây nhận xét đúng về bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương?

**A.** Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thiết tha, rạo rực, nhiều hình ảnh thiên nhiên giàu sức gợi cảm

**B.** Thể thơ 5 chữ, nhạc điệu trong sáng thiết tha, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, gợi cảm và những so sánh ẩn dụ sáng tạo

**C.** Thể thơ 8 chữ, giọng điệu trang trọng, tha thiết, thành kính, nhiều hình ảnh ẩn dụ, gợi cảm, lời thơ bình dị

**D.** Thể thơ tự do, hình thức đối thoại lòng trong độc thoại, hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Câu thơ “Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân” sử dụng biện pháp tu từ gì?

**A.** So sánh **B.** Nhân hóa

**C.** Hoán dụ **D.** Ẩn dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Bảy mươi chín mùa xuân tượng trưng cho số tuổi của Người

**Câu 5:** Câu nào sau đây thể hiện rõ niềm xúc động của tác giả khi vào lăng viếng Bác?

**A.** Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát **B.** Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân

**C.** Mai về miền Nam thương trào nước mắt **D.** Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Phẩm chất nổi bật của cây tre được tác giả nói đến trong khổ thơ đầu bài thơ?

**A.** Cần cù, bền bỉ **B.** Bất khuất, kiên trung

**C.** Ngay thẳng, trung trực **D.** Thanh cao, trung hiếu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Tác giả sử dụng phép tu từ nào trong hai câu thơ:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

**A.** So sánh **B.** Điệp ngữ

**C.** Ẩn dụ **D.** Hoán dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Hình ảnh mặt trời tượng trưng cho Bác, vĩ đại, cao đẹp, là nguồn ánh sáng soi rọi cho cách mạng và dân tộc Việt Nam

**Câu 8:** Hiệu quả của phép tu từ tìm được trong hai câu trên là gì?

**A.** Ca ngợi sự cao quý của hình ảnh Bác **B.** Ca ngợi vẻ đẹp diệu kì của hình ảnh Bác

**C.** Ca ngợi sự trường tồn, vĩnh hằng của Bác **D.** Ca ngợi công lao to lớn của Bác

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Bài thơ kết hợp những phương thức biểu đạt nào?

**A.** Tự sự và biểu cảm **B.** Miêu tả và biểu cảm

**C.** Tự sự và miêu tả **D.** Tự sự, miêu tả và biểu cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Nghệ thuật nổi bật nhất của bài thơ trên là?

**A.** Nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm **B.** Ngôn ngữ bình dị, giàu cảm xúc

**C.** Giọng điệu trang trọng, thành kính **D.** Gồm tất cả các yếu tố trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

**I. Kiến thức cần nhớ**

- Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể

- Những nhận xét, đánh giá về truyện phải xuất phát từ ý nghĩa của cốt truyện, tính cách, số phận của nhân vật và nghệ thuật trong tác phẩm được người viết phát hiện và khái quát

- Các nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) trong bài nghị luận phải rõ ràng, đúng đắn, có luận cứ và lập luận thuyết phục.

- Bài nghị luận về tác phẩm truyện cần có bố cục mạch lạc, lời văn chuẩn xác, gợi cảm.

Cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện

Mở bài: Giới thiệu tác phẩm (tùy theo yêu cầu cụ thể của đề bài) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình

Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực

Kết bài: Nêu nhận định, đánh gái chung của mình về tác phẩm truyện

- Triển khai các luận điểm, luận cứ, cần thể hiện cảm xúc, ý kiến riêng của người viết

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Lập dàn ý cho bài văn nghị luận truyện ngắn Làng.

Bài 2: Viết phần mở bài và kết bài cho đề văn: Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về truyện ngắn Làng của Kim Lân

**Gợi ý trả lời:**

Bài 1: **Dàn ý:** nghị luận truyện ngắn Làng

Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả Kim Lân và truyện ngắn Làng. Giới thiệu nhân vật ông Hai- nhân vật chính

Thân bài:

- Tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai

   + Lúc ở nơi tản cư, ông thường xuyên nhớ và khoe về làng của mình

   + Ông theo dõi tin tức kháng chiến: thấy giặc thua, ông vui mừng

- Nhân vật ông Hai trước tin đồn làng chợ Dầu theo giặc

   + Cảm thấy xấu hổ, đau đớn

   + Không dám bước chân ra khỏi nhà

   + Luôn sống trong cảm giác dằn vặt, tội lỗi

   + Nỗi ám ảnh khiến ông luôn có cảm giác tủi nhục, đau xót

   + Ông tâm sự với đứa con cũng để giãi bày lòng mình

   + Ông đấu tranh tư tưởng, giằng xé giữa việc chọn theo làng hay chọn theo kháng chiến

- Tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính

   + Ông vui sướng, hạnh phúc như trút bỏ được gánh nặng trong lòng

   + Ông lại đi khoe với mọi người về làng của mình

Kết bài:

Qua hình tượng nhân vật ông Hai, nhà văn ca ngợi tình yêu quê hương đất nước của người nông dân

   + Xây dựng thành công nhân vật, tình huống truyện độc đáo

   + Khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu quê hương, đất nước

Bài 2:

Mở bài:

Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn về người nông dân bởi vốn hiểu biết sâu sắc về nông thôn. Ông thường chỉ viết về cảnh sinh hoạt nông thôn và cảnh ngộ của người nông dân. Trong đó, tác phẩm Làng là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của ông viết về chủ đề này trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm xây dựng thành công hình tượng nhân vật ông Hai, người làng chợ Dầu, yêu quê hương tha thiết, sâu sắc, trải qua thử thách càng yêu quê sâu đậm hơn.

Kết bài: Truyện ngắn Làng của Kim Lân là minh chứng chân thật nhất về tinh thần yêu nước, tinh thần kháng chiến thông qua việc khai thác đề tài người nông dân trong kháng chiến. Với cách xây dựng tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ miêu tả tâm lý nhân vật sinh động, tác giả Kim Lân đã khắc họa ấn tượng về nhân vật ông Hai hiền lành, chất phác, yêu làng quê, trung thành với kháng chiến. Tất cả đã làm nên thiên truyện ngắn đặc sắc, ý nghĩa.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Nghị luận về tác phẩm truyện (hay đoạn trích) là gì?

**A.** Là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện hay chủ đề, nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể

**B.** Các nhận xét đánh giá về tác phẩm truyện trong bài nghị luận phải rõ ràng, đúng đắn, có luận cứ và lập luận thuyết phục

**C.** Bài nghị luận phải có bố cục mạch lạc có lời văn chuẩn xác và gợi cảm

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:

Trong nền văn học hiện đại, Kim Lân là một gương mặt độc đáo. Do hoàn cảnh sống của mình, ông am hiểu sâu sắc sinh hoạt, tâm lí của người nông dân. Kim Lân được xem là nhà văn của nông thôn, của người dân quê Việt Nam với vẻ đẹp mộc mạc mà đậm đà. “Làng” là một trong những truyện ngắn đặc sắc nhất của Kim Lân. Tác phẩm này được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thể hiện một cách sinh động vẻ đẹp của tình yêu quê hương, tình yêu đất nước ở người nông dân. Ai đến với “Làng” chắc khó có thể quên ông Hai – một nhân vật nông dân mang đến những nét đẹp thật đáng yêu qua ngòi bút khắc họa tài tình của Kim Lân.

**Câu 2:** Đoạn văn trên phù hợp với nội dung của đề văn nghị luận nào?

**A.** Phân tích tác phẩm Làng của Kim Lân

**B.** Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng

**C.** Phân tích những tác phẩm của nhà văn Kim Lân

**D.** Phân tích nghệ thuật văn chương của Kim Lân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Đoạn văn trên phù hợp với phần nào của bài văn?

**A. Mở bài B. Thân bài**

**C. Kết bài D.** Có thể dùng cho cả 3 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Đoạn văn trên lập luận theo phương thức quy nạp, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Cách trình bày của đoạn trên theo trình tự nào?

**A.** Từ khái quát đến cụ thể **B.** Từ riêng đến chung

**C.** Từ quá khứ đến hiện tại **D.** Nêu trực tiếp vấn đề

**Hướng dẫn giải:**

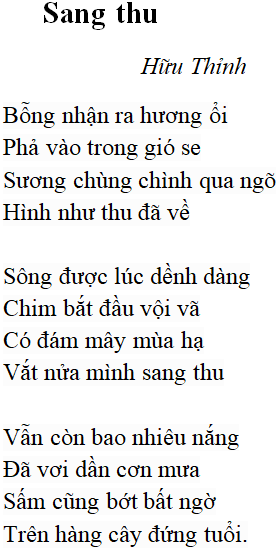
**Chọn đáp án: A**

## Bài 24.

### *Bài thơ: Sang thu (Hữu Thỉnh)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Sang thu



I. Vài nét về tác giả

- Hữu Thỉnh ( sinh năm 1942) tên thật là Nguyễn Hữu Thỉnh bút danh là Vũ Hữu

- Quê quán: Quê ở Tam Dương- Vĩnh Phúc

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Năm 1963 ông nhập ngũ rồi trở thành cán bộ tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ

   + Ông tham gia ban chấp hành hội nhà văn Việt Nam các khóa III. IV, V

   + Năm 2000 ông là Tổng thư kí Hội nhà văn Việt Nam

   + Tác phẩm tiêu biểu: “Thương lượng với thời gian”, “Sang thu”, “Âm vang chiến hào”…

- Phong cách sáng tác: Ông là người viết nhiều, viết hay về con người và cuộc sống ở nông thôn. Thơ ông giản dị nhưng vô cùng tinh tế và sâu sắc

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ ra đời gần cuối năm 1977 khi đất nước mới thống nhất hòa bình, in trong tập “Từ chiến hào đến thành phố”

**2. Bố cục**

- Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về

- Khổ 2: Cảm nhận về quang cảnh trời đất lúc vào thu

- Khổ 3: Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về cuộc đời người lúc chớm thu

**3. Giá trị nội dung**

- Bài thơ là những cảm nhận thực sự tinh tế cùng sự quan sát vô cùng tỉ mỉ của tác giả về sự biến chuyển của đất trời từ cuối mùa hạ sang thu. Từ đó bộc lộ tình yêu thiết tha với thiên nhiên của một tâm hồn nhạy cảm và sâu sắc

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ viết theo thể thơ năm chữ, sử dụng rất nhiều những hình ảnh sinh động hấp dẫn, cảnh tượng được miêu tả tự nhiên chân thực, ngôn ngữ thơ trong sáng, giản dị, gợi nhiều cảm xúc.

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Hữu Thỉnh- là một nhà thơ viết nhiều và viết rất hay về con người, cuộc sống nông thôn- một nhà thơ mộc mạc nhưng vô cùng tinh tế

- Giới thiệu vài nét về bài thơ “Sang thu”: bài thơ miêu tả những chuyển biến nhẹ nhàng của đất trời từ hạ sang thu, không chỉ có hình ảnh thiên nhiên mà còn có bóng dáng con người trước mùa thu của cuộc đời

**II. Thân bài**

1. Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về

   + Thiên nhiên cảm nhận từ những gì vô hình- “hương ổi”: hương thơm bình dị của làng quê Bắc Bộ mà bất cứ ai cũng đã từng cảm nhận mỗi dịp chớm thu

   + “Gió se”: gió heo may, khiến làn da cảm nhận được hơi lạnh và khô

   + “phả”: gợi sự sánh, hòa quyện, huơng thu hòa trong làn gió se trải đều khắp các ngõ ngách làng quê

   + Nhân hóa “sương chùng chình”: tả làn sương mỏng nhẹ bắt đầu xuất hiện, có lẽ làn sương cũng như cố chậm lại có vẻ đợi chờ ai

⇒ Những chuyển biến của không gian được tác giả cảm nhận bằng nhiều giác quan tinh tế: khướu giác (hương ổi), xúc giác(gió se), thị giác( sương chùng chình) và bằng tâm hồn( hình như thu đã về?)

⇒ Con người quanh năm bận rộn thấm thoắt thu đã đến, cái ngõ mà sương chùng chình chưa muốn qua có lẽ là cái ngõ của cuộc đời vào thu

2. Khổ 2: Quang cảnh đất trời vào thu

- Không gian đất trời vào thu bằng những dấu hiệu và hình ảnh: “sông dềnh dàng”, “chim vội vã”: Sông cạn nước đã chảy chậm hơn, đàn chim đã bắt đầu bay đi tránh rét

- “sông dềnh dàng”, “chim vội vã”, “mây vắt nửa mình”: Phép nhân hóa => từ những dấu hiệu vô hình giờ đây hữu hình, không gian đất trời mở ra nhiều tầng bậc khác nhau

- Phép nhân hóa “mây vắt nửa mình”: những đám mây xanh mỏng lững lở bảng lảng như một dải lụa nửa nghiêng về mùa hạ nửa ngả về mùa thu

⇒ Con người vừa muốn níu kéo cái rực rỡ của mùa hè vừa muốn vội vã làm việc gì chưa xong khi mùa thu chưa ngả chiều

3. Khổ 3: Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về cuộc đời người lúc chớm thu

   +Dần sang thu, nắng vẫn còn nhưng đã nhạt, mưa ít đi, sấm cũng bớt đi, “hàng cây đứng tuổi”- nhân hóa chỉ những cây cổ thụ già, lâu năm

⇒ Tín hiệu mùa hạ vẫn còn nhưng đã nhạt dần

   + Lớp nghĩa ẩn dụ đem đến cho bài thơ sự đặc sắc: Sấm là những biến đổi bất thường, hàng cây đứng tuổi chỉ những con người từng trải sẽ vững vàng hơn

**III. Kết bài**

- Tổng kết những thành công về nội dung nghệ thuật:

   + Cách sử dụng từ ngữ độc đáo, cảm nhận tinh tế, giọng thơ êm đềm sử dụng các biện pháp tu từ quen thuộc

   + Cảm nhận về những biến chuyển nhẹ nhàng của khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu ở miền Bắc

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Nhà thơ Hữu Thỉnh thuộc lớp nhà thơ trưởng thành vào thời kì nào?

**A.** Kháng chiến chống Pháp **B.** Thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Mĩ

**C.** Thời kì cuối cuộc kháng chiến chống Mĩ **D.** Thời kì sau năm 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Bài thơ Sang thu được viết theo thể thơ nào?

**A.** Lục bát **B.** Ngũ ngôn

**C.** Song thất lục bát **D.** Thất ngôn tứ tuyệt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Sự biến đổi của đất trời lúc sang thu được nhà thơ cảm nhận lần đầu tiên từ đâu?

**A.** Từ một mùi hương **B.** Từ một cơn mưa

**C.** Từ một đám mây **D.** Từ một cánh chim

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Hai câu thơ “Sương chùng chình qua ngõ- Hình như thu đã về” sử dụng phép tu từ nào?

**A.** Nhân hóa **B.** Ẩn dụ

**C.** Hoán dụ **D.** Điệp từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Từ “chùng chình” được hiểu thế nào?

**A.** Đi rất chậm, dò từng bước một **B.** Đi rất nhanh, vừa đi vừa nghiêng ngả

**C.** Ngập ngừng như không muốn đi **D.** Ẩn giấu nhiều điều không muốn nói

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ Sang thu?

**A.** Hồn nhiên, tươi trẻ **B.** Lãng mạn, siêu thoát

**C.** Mới mẻ, tinh tế **D.** Mộc mạc, chân thành

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Trong bài thơ trên, hình ảnh thiên nhiên vào thời điểm giao mùa hạ- thu có đặc điểm gì?

**A.** Sôi động, náo nhiệt **B.** Bình lặng, ngưng đọng

**C.** Xôn xao, rộn ràng **D.** Nhẹ nhàng, giao cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Trời đất lúc sang thu được miêu tả qua những phương diện nào?

**A.** Màu sắc, hương vị **B.** Hoạt động, âm thanh

**C.** Ca ngợi, hình hồn **D.** Trầm tĩnh, răn dạy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Ý nghĩa của câu thơ “Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi” là gì?

**A.** Những hàng cây đứng tuổi đã quen với tiếng sấm của mùa hạ nên không thấy bất ngờ với tiếng sấm của mùa thu

**B.** Sấm mùa thu không còn nhiều bất ngờ với hàng câu đứng tuổi

**C.** Hàng cây đứng tuổi trải qua nhiều mùa sấm chớp nên không còn bất ngờ đối với chúng nữa

**D.** Hàng cây đứng tuổi như con người từng trải, không còn thấy bất ngờ trước những vang động bất thường của cuộc sống.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Ý nào sau đây nêu được nét đặc sắc nhất về nghệ thuật của bài thơ trên?

**A.** Sử dụng câu ngắn gọn, chính xác

**B.** Sử dụng đa dạng, phong phú phép so sánh, ẩn dụ

**C.** Sáng tạo những hình ảnh quen thuộc mà vẫn mới mẻ, gợi cảm

**D.** Sáng tạo những hình ảnh giàu ý nghĩa, triết lý

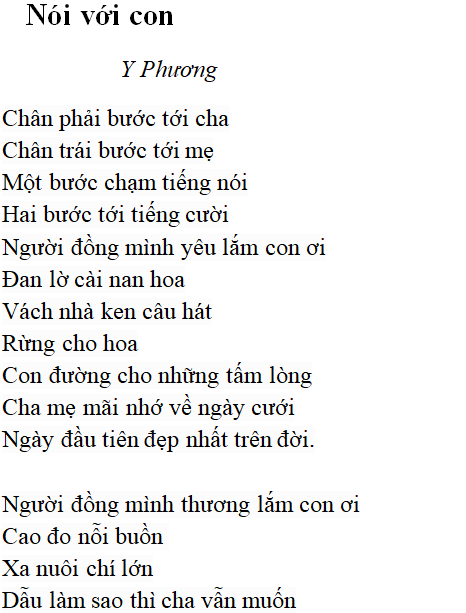
**Hướng dẫn giải:**

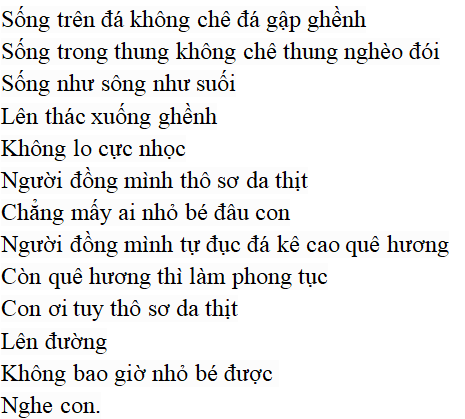
**Chọn đáp án: D**

### *Nói với con (Y Phương)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Nói với con





I. Vài nét về tác giả

- Y Phương (sinh năm 1948) tên thật là Hứa Vĩnh Sước

- Quê quán: Trùng Khánh- Cao Bằng , ông là người dân tộc Tày

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Ông nhập ngũ năm 1968, phục vụ trong quân đội đến năm 1981 chuyển về công tác tại sở văn hóa và thông tin tỉnh Cao Bằng

   + Năm 1993 là chủ tịch hội văn nghệ Cao Bằng

   + Năm 2007 ông được nhận giải thưởng nhà nước về Văn học nghệ thuật. Đây quả là một giải thưởng cao quý rất xứng đáng với những gì ông đã cống hiến cho nền văn học nước nhà

   + Các tác phẩm tiêu biểu: “Người hoa núi”, “Lời chúc”, “Đàn then”…

- Phong cách sáng tác:

   + Thơ ông thể hiện tâm hồn mạnh mẽ, chân thực và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người dân tộc miền núi, mang đậm bản sắc vùng cao.

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi đất nước mới hòa bình thống nhất nhưng gặp rất nhiều khó khăn thiếu thốn. Từ hiện thực ấy nhà thơ sáng tác bài thơ như lời tâm sự, động viên chính mình đồng thời nhắc nhở con cái sau này.

**2. Bố cục**

- Đoạn 1: Con lớn lên trong tình yêu thương, sự giúp đỡ của cha mẹ , trong cuộc sống lao động của quê hương

- Đoạn 2: Lòng tự hào về sức sống bền bỉ, manh mẽ về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con sẽ kế tục những truyền thống đáng quý

**3. Giá trị nội dung**

- Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống, niềm tự hào về quê hương, dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc đến tình cảm đẹp đẽvới quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Bài thơ được làm theo thể thơ tự do phóng khoáng làm cho cảm xúc cụ thể, rõ ràng, giọng điệu thơ trìu mến, thiết tha. Ngôn ngữ thơ cụ thể, hàm súc, nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo sinh động mang đậm bản sắc thơ ca miền núi cũng là những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm

**5. Phân tích**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu một vài nét về Y Phương: là người dân tộc Tày, thơ ông thể hiện tâm hồn mạnh mẽ, chân thực và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người dân tộc miền núi, mang đậm bản sắc vùng cao.

- Giới thiệu về bài thơ “Nói với con”: là lời tâm sự, động viên chính mình đồng thời nhắc nhở con cái sau này của nhà thơ

**II. Thân bài**

1. Cội nguồn sinh dưỡng của con

- Cội nguồn gia đình

   + Con lớn lên trong những tháng ngày chờ trông, mong đợi của cha mẹ

   + “Chân phải- chân trái”, “một bước- hai bước”: phép đối tạo âm điệu vui tươi, tạo không khí đầm ấm, hạnh phúc, mỗi nhịp bước của con đều có cha mẹ dang rộng vòng tay che chở

⇒ Đó là tình cảm thiêng liêng mà con luôn phải khắc cốt ghi tâm

- Cội nguồn quê hương

   + đan lờ (dụng cụ đánh bắt cá), đan lờ cài nan hoa( công việc đã tạo nên vẻ đẹp của con người lao động), vách nhà ken câu hát( cuộc sống hòa với niềm vui”: Cuộc sống lao động của người đồng mình được gợi lên qua nhiều hình ảnh đẹp đẽ

   + Sử dụng các động từ: đan, ken ,cài: vừa diễn tả những động tác cụ thể , khéo léo vừa nói lên cuộc sống gắn bó với niềm vui

   + “Rừng cho hoa”: nhân hóa rừng không chỉ cho gỗ, cho lâm sản mà còn cho hoa=> vẻ đẹp tinh thần

   + “Con đường cho những tấm lòng”: đâu chỉ đãn lối mà còn cho những tấm lòng cao cả tấm lòng cao cả, thủy chung

2. Quê hương và gia đình nuôi con khôn lớn

- “Người đồng mình”- những người sống chung trên một miền quê, cùng một dân tộc, “thương lắm”- sự gắn bó yêu thương, đùm bọc

- Người đồng mình có chí khí mạnh mẽ

   + Nỗi buồn được cụ thể hóa bằng chiều cao, chí được đo bằng độ xa => người đọc có thể cảm nhận nỗi buồn chồng chất trong cuộc sống của họ

⇒ Cuộc sống vẫn nhiều buồn lo cực nhọc nhưng tâm càng sáng chí càng bền, tầm nhìn càng xa càng rộng

- Người đồng mình thủy chung tình nghĩa

   + “Sống”- khẳng định tâm thế bản lĩnh kiên cường, bất chấp khó khăn gian khổ

⇒ Mặc dù cuộc sống quê hương khó khăn vất vả nhưng họ “không chê”, học vẫn thủy chung với quê hương, gắn bó với uqee hương để tạo dựng cuộc sống

- Lối sống phóng khoáng đầy nghị lực

   + So sánh “như sống như suối”: sức sống mãnh liệt, đầy ắp nghĩa tình

   + Dù “lên thác xuỗng ghềnh” nhưng người đồng mình vẫn không lo cực nhọc, vẫn đầy sự yêu mến tự hào về quê hương

- Người đồng mình giàu lòng tự trọng

   + “Người đồng mình thô sơ da thịt”- họ có thể thô ráp, nói không hay, làm không khéo, làn da mái tóc dãi dầu mưa nắng nhưng phẩm chất bên trong không hề nhỏ bé, tầm thường

- Người đồng mình khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp

   + Người đồng mình tự lực tự cường, tự xây dựng quê hương bằng bàn tay khối óc

   + Họ xây dựng quê hương, đưa quê hương có thể sánh ngang với các cường quốc năm châu

⇒ Người cha gợi cho con niềm tự hào và khát vọng xây dựng quê hương, kế tục truyền thống đáng tự hào của dân tộc

3. Điều cha mong muốn ở con

- Cha nhắc con “lên đường” là khi con trưởng thành, dù ở bất cứ đâu, đi bất cứ nới nào cũng không bao giờ được sống một cách tầm thường phải luôn giữ lấy cốt cách giản dị, ý chí của dân tộc để vững bước

⇒ Qua đó cha thể hiện tình yêu con

⇒ Đó còn là lời của cha anh đi trước nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay phải vững tin vào cuộc đời để xây dựng quê hương giàu đẹp

**III. Kết bài**

- Khẳng định những giá trị nội dung, nghệ thuật làm nên thành công của bài thơ:

   + Thể thơ tự do, nhịp điệu vui tươi, các hình ảnh thơ đẹp, sử dụng các biện pháp tu từ quen thuộc,…

   + Cha đưa con về với cội nguồn sinh dưỡng nhắc nhở con phát huy phẩm chất cao đẹp của quê hương để vững bước trên cuộc đời

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Y Phương là nhà thơ dân tộc ít người nào?

**A.** Thái **B.** Tày

**C.** Chăm **D.** Khme

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Bài thơ Nói với con được làm theo thể thơ gì?

**A.** Năm chữ **B.** Lục bát

**C.** Tám chữ **D.** Tự do

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Qua bài Nói với con, nhà thơ muốn gửi gắm điều gì?

**A.** Tình yêu quê hương sâu nặng

**B.** Triết lí về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người

**C.** Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương

**D.** Cả 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Bài thơ Nói với con có giọng điệu như thế nào?

**A.** Sôi nổi, mạnh mẽ

**B.** Ca ngợi, hùng hồn

**C.** Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương

**D.** Gồm cả 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Dòng nào dưới đây nêu đúng những đức tính tốt đẹp của người đồng mình?

**A.** Cần cù, chịu khó, anh dũng, bất khuất **B.** Bền bỉ, nhẫn nại, chịu đựng, hi sinh

**C.** Hồn nhiên, mộc mạc, nghĩa tình, giàu chí khí **D.** Thẳng thắn, trung thực, bền bỉ, dẻo dai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Từ “nhỏ bé” trong câu thơ “Người đồng mình thô sơ da thịt- Chẳng có ai nhỏ bé đâu con” được dùng theo nghĩa nào?

**A.** Nghĩa thực **B.** Nghĩa so sánh

**C.** Nghĩa cụ thể **D.** Nghĩa ẩn dụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Cụm từ lên thác xuống ghềnh là:

**A.** Tục ngữ **B.** Thành ngữ

**C.** Quán ngữ **D.** Ca dao

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Người cha nói với đứa con về cội nguồn sinh dưỡng là gia đình và quê hương nhằm mục đích gì?

**A.** Nhắc nhở đứa con nhớ về cội nguồn sinh dưỡng (gia đình và quê hương)

**B.** Người cha muốn đứa con trân trọng, tự hào quê hương và tình cảm gia đình

**C.** Nhắc đứa con mạnh mẽ, kiên cường như truyền thống vượt khó của quê hương

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Qua bài thơ Nói với con bằng từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi cảm, Y Phương thể hiện tình cảm ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương, và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Nghĩa tường minh và hàm ý

**I. Kiến thức cần nhớ**

1. Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.

2. Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp những có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

3. Điều kiện sử dụng hàm ý:

- Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói.

- Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1:

Tìm hàm ý trong các ví dụ dưới đây:

a, Bao giờ chạch đẻ ngọn đa

Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.

b, Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:

Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?

Bài 2: Người nói và người nghe trong những câu in đậm dưới đây là ai? Xác định hàm ý của mỗi câu ấy. Theo em người nghe có hiểu hàm ý của người nói hay không? Những chi tiết nào chứng tỏ điều đó?

Thoắt trông nàng đã chào thưa:

**“Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây!**

Đàn bà dễ có mấy tay,

Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!

Dễ dàng là thói hồng nhan

**Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều”**

Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu

Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.

**Gợi ý:**

Bài 1:

a, Chạch, loại cá sống dưới nước, sáo loài chim sống trên trời không thể đẻ trứng dưới nước.

Câu ca dao như một lời từ hôn khi đưa ra điều không thể tồn tại trong hiện thực, đây là lời từ chối của cô gái thông minh có phần kênh kiệu

b, Lời tỏ tình ý nhị, tình tứ của chàng trai khi mượn hình ảnh của “tre non” và hành động “đan sàng” để hỏi ý kiến của cô gái đang tới tuổi cập kê có đã muốn lấy chồng hay chưa.

Bài 2:

Đoạn trích là cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư

- Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây: người quyền uy, quý phái như “tiểu thư” Hoạn Thư cũng có lúc phải tới đây nơi báo ân báo oán của Thúy Kiều (hàm ý mỉa mai, giễu cợt sự thất thế của Hoạn Thư.

- Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều: sự cảnh báo trước hình phạt thích đáng, oan nghiệt như Hoạn Thư.

- Người nói và người nghe đều hiểu được hàm ý của người nói, bởi sau lời nói của Thúy Kiều thì Hoạn Thư hồn lạc phách siêu, sợ sệt.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Nghĩa tường minh là gì?

**A.** Nghĩa tường minh là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu

**B.** Nghĩa tường minh là phần nghĩa không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Hàm ý là gì?

**A.** Phần nghĩa được thông báo trực tiếp bằng từ ngữ trong câu

**B.** Phần được thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

**C.** Cả đáp án A và B

**D.** Không xác định được

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Câu nào dưới đây chứa hàm ý?

**A.** Lão trông tẩm ngẩm thế nhưng cũng ra phết chứ chẳng vừa đâu: Lão vừa cho tôi xin một ít bả chó

**B.** Lão làm khổ lão chứ ai làm khổ lão

**C.** Cuộc đời quả thực cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn

**D.** Chẳng hiểu lão chết vì gì mà bất thình lình như vậy.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Đoạn hội thoại dưới đây chứa hàm ý gì?

Thầy giáo vào lớp được một lúc thì học trò xin vào. Thầy giáo nói với học sinh đó: Bây giờ là mấy giờ rồi?

**A.** Trách học sinh đó không mang theo đồng hồ **B.** Hỏi học sinh đó xem đi muộn bao nhiêu phút

**C.** Phê bình học sinh đó không đi học đúng giờ **D.** Hỏi học sinh đó xem bây giờ là mấy giờ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Câu “dã tràng xe cát biển Đông” có hàm ý gì?

**A.** Nói tới việc con dã tràng xe cát ở biển Đông

**B.** Nhọc công làm việc gì đó nhưng cuối cùng lại vô ích

**C.** Nói tới hiện tượng con dã tràng thường xuyên xe cát để lấp lối đi xuống thủy cung

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Khi sử dụng hàm ý cần có những điều kiện gì?

**A.** Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói

**B.** Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Tìm câu có chứa hàm ý trong đoạn hội thoại dưới đây?

- Anh nói nữa đi. – Ông giục.

- Báo cáo hết! – Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ. –Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chè đã ngấm rồi đấy.

**A.** Anh nói nữa đi **B.** Năm phút nữa là mười.

**C.** Còn hai mươi phút thôi **D.** Chè đã ngấm rồi đấy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Tìm hàm ý trong đoạn hội thoại dưới đây:

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi “Ba chắt nước giùm con” phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

**Cơm sôi rồi, nhão bây giờ.**

**A.** Thông báo về việc cơm đang sôi **B.** Thông báo về việc cơm sôi và sẽ nhão

**C.** Muốn nhờ người chắt giúp nước cơm **D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Điền tiếp vào chỗ trống một câu có hàm ý khích lệ động viên:

Chán quá, bài văn hôm nay tớ được có mỗi 5 điểm.

……………………..

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**Không sao, kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ. Cậu cố gắng từng ngày từng ngày sẽ tiến bộ mà.

**Câu 10:** Hãy tìm hàm ý của câu in đậm trong đoạn văn sau:

Bác sĩ cầm mạch, sẽ cắn môi, nhìn ông già giọng phàn nàn:

- Chậm quá. Đến bây giờ mới tới.

Nghĩa tường minh:……

Hàm ý:……..

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**

Nghĩa tường minh: Bệnh nhân tới muộn.

Hàm ý: Không hài lòng vì việc bệnh nhân tới muộn

### Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**I. Kiến thức cần nhớ**

- Nghị luận về một bài thơ, bài thơ được thể hiện qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu… bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy có những nhận xét, đánh giá cụ thể, xác đáng

- Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua yếu tố ấy để có những nhận xét, đánh giá, cụ thể, xác đáng

- Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần có bố cục mạch lạc, rõ ràng; có lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết

Cách làm bài văn nghị luận về đoạn thơ, bài thơ:

Mở bài:

Giới thiệu đoạn thơ, bài thơ và đưa ra nhận xét của cá nhân mình

Thân bài: Trình bày các suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ

Kết bài: Khái quát giá trị ý nghĩa của bài thơ, đoạn thơ

- Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần nêu được các nhận xét, đánh giá và sự cảm thụ riêng của người viết. Những nhận xét, đánh giá ấy phải gắn với sự phân tích, bình giá ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, cảm xúc của tác phẩm

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Viết phần mở bài và kết bài cho bài văn nghị luận về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ

Bài 2: Viết bài văn nghị luận phân tích vẻ đẹp trong khổ thơ cuối bài Sang thu của Hữu Thỉnh

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1:

Mở bài

Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là một trong những tác phẩm thơ gây ấn tượng sâu sắc với người đọc bởi khát khao sống, khát vọng cống hiến cho cuộc đời. Bài thơ thể hiện một hồn thơ trong trẻo, yêu đời, ngân vang giữa không khí rộn ràng, vui tươi của đất nước trong những năm đầu hòa bình. Bài thơ cũng chính là món quà cuối cùng nhà thơ dâng trọn cho cuộc đời, những yêu thương về cuộc sống, con người, quê hương đất nước.

Kết bài

Với âm điệu vui tươi, có lúc trầm buồn, sâu lắng, bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là “nốt trầm xao xuyến” giữa bản đàn muôn điệu của cuộc đời. Bài thơ sử dụng thể thơ năm chữ, hòa quyện với âm hưởng dân ca nhẹ nhàng tha thiết, giàu hình ảnh, đã diễn đạt trọn vẹn cảm xúc, khao khát sống và cống hiến của tác giả. Ước nguyện trở thành “mùa xuân nho nhỏ” sống giá trị, ý nghĩa cho đời luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho mọi người sống đẹp hơn.

Bài 2:

Khổ thơ cuối bài Sang thu là những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà thơ Hữu Thỉnh về cuộc đời con người.

Mở đầu khổ thơ vẫn là mưa nắng của tự nhiên, tạo hóa nhưng đã có chút thay đổi khi “vơi dần”. Dường như vẫn còn vương vấn đâu đây sự tiếc nuối, những sôi động của mùa hè đang qua. Có lẽ độc đáo nhất, sâu sắc nhất là hai câu thơ cuối:

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi

Hình ảnh sấm đơn thuần là hiện tượng tự nhiên, nó còn tượng trưng cho những thăng trầm trong cuộc đời mỗi con người. Khi trải qua sóng gió, thử thách, con người được tôi luyện trở nên cứng cáp hơn, vững chãi như những “hàng cây đứng tuổi”. Quy luật cuộc sống được tác giả rút ra từ chính cuộc đời được đúc kết trong những hình ảnh thân thuộc của tự nhiên: Con người khi trải qua mọi sóng gió, những trải nghiệm khi vượt qua khó khăn sẽ cho con người bài học để trở nên kiên cường, mạnh mẽ hơn. Nhìn sâu xa, cặn kẽ để thấy được sự tinh tế, sâu sắc của tác giả Hữu Thỉnh đã góp phần làm cho đoạn thơ cuối trở nên ý nghĩa và là điểm nhấn cho toàn bộ bài thơ Sang thu.

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Dòng nào sau đây không phù hợp với yêu cầu của bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**A.** Trình bày những cảm nhận, đánh giá về cái hay cái đẹp của đoạn thơ, bài thơ

**B.** Cần căn cứ vào đặc điểm ngoại hình, ngôn ngữ, tâm lí, hành động của nhân vật để phân tích

**C.** Cần bám vào ngôn từ, giọng điệu, hình ảnh… để cảm nhận, đánh giá về tình cảm, cảm xúc của tác giả

**D.** Bố cục mạch lạc, lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Nội dung, nghệ thuật của bài thơ đoạn thơ thể hiện qua điều gì?

**A.** Qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu… cần phân tích các yếu tố đó để có những nhận xét, đánh giá cụ thể, xác đáng

**B.** Thể hiện qua hoàn cảnh sáng tác của bài thơ

**C.** Cả A và B đều đúng

**D.** Cả A và B sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Khi viết bài nghị luận về một đoạn thơ bài thơ cần có lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Nghị luận về đoạn thơ đầu bài Mùa xuân nho nhỏ, cần những LUẬN ĐIỂM gì?

**A.** Khổ thơ đầu bài thơ mùa xuân nho nhỏ thể hiện những rung động đẹp đẽ của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên.

**B.** Vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên trong tâm tưởng nhà thơ

**C.** Khát vọng chân thành của nhà thơ được cống hiến tâm sức của mình vào mùa xuân to lớn của dân tộc, đất nước

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày để nhận xét, đánh giá của mình về nghệ thuật, nội dung của bài thơ ấy đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ

**Câu 1:** Phần mở bài của bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ nêu điều gì?

**A.** Giới thiệu đoạn thơ, bài thơ bước đầu nêu nhận xét đánh giá của mình (nếu phân tích đoạn thơ nên nêu rõ vị trí của đoạn thơ ấy trong tác phẩm và khái quát nội dung cảm xúc của nó.

**B.** Trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ

**C.** Khẳng định giá trị, ý nghĩa của bài thơ, đoạn thơ

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Phần thân bài của bài văn nghị luận về bài thơ đoạn thơ lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần nêu lên được các nhận xét, đánh giá và sự cảm thụ riêng của người viết. Những nhận xét, đánh giá ấy phải gắn với sự phân tích, bình giá ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu, nội dung cảm xúc… của tác phẩm, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Kết bài khi phân tích tác phẩm Viếng lăng Bác là?

**A.** Khẳng định tình cảm của tác giả Viễn Phương đối với Bác

**B.** Khẳng định sự yêu mến, niềm mong ước được hóa thân thành sự vật quanh lăng Bác

**C.** Khẳng định niềm xót thương, yêu kính Bác cũng như niềm mong mỏi được hóa thân thành sự vật quanh lăng Bác

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Kết bài nhằm mục đích khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

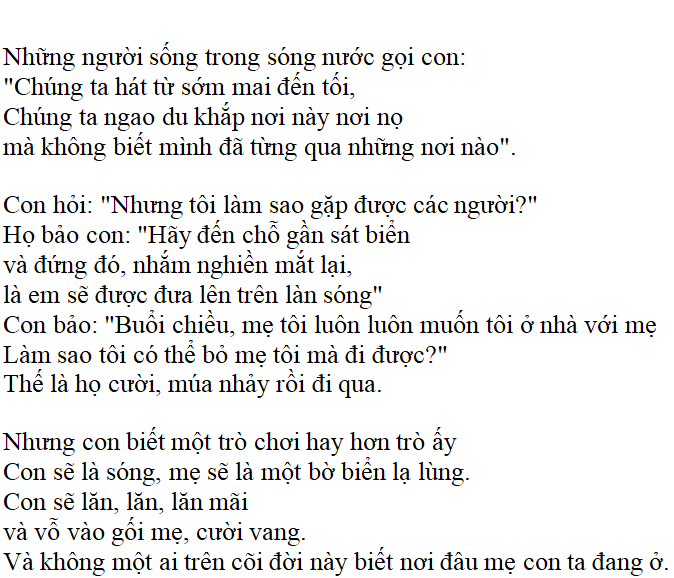
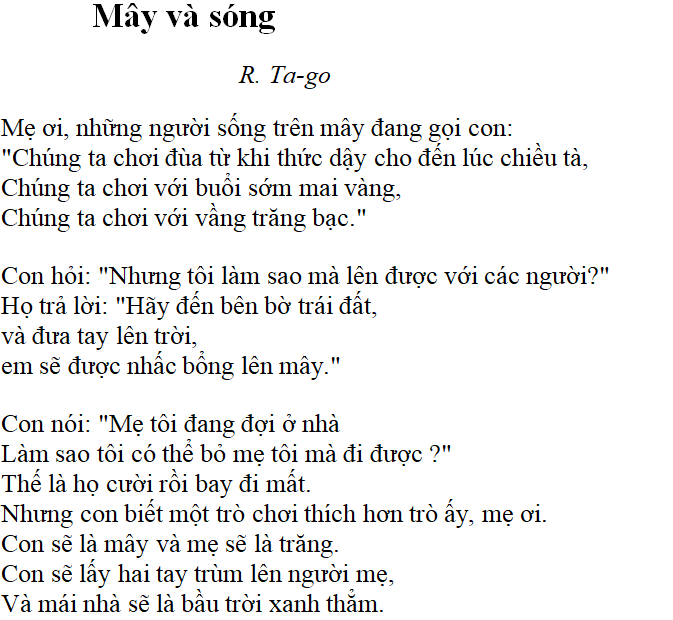
**Chọn đáp án: A**

## Bài 25.

### *Bài thơ: Mây và sóng (R. Ta-go)*

**A. Nội dung bài học**

Nội dung bài thơ Mây và sóng



I. Vài nét về tác giả

- R. Ta-go (1861-1941) tên đầy đủ là Ra-bin-đra-nát Ta-go (Ra-bin-đra-nát nghĩa là Thần Thái Dương, dịch tên ông sang Tiếng Việt là Tạ Cơ Thái Dương)

- Quê quán: sinh tại Kolkata, Tây Bengal, Ấn Độ, trong 1 gia đình quý tộc

- Tuy tài năng nhưng số phận Ta-go gặp nhiều bất hạnh

- Sự nghiệp sáng tác:

   + Ta- go làm thơ từ rất sớm và cũng tham gia các hoạt động chính trị và xã hội

   + Năm 14 tuổi ông được đăng bài thơ “Tặng hội đền tín đồ Ấn Độ giáo”

   + Vào năm 1913, ông trở thanh người Châu Á đầu tiên được trao Giải Nobel Văn học với tập “Thơ dâng”

   + Ta-go đã để lại cho nhân loại gia tài văn hóa đồ sộ: 52 tập thơ, 42 vở kịch, 12 bộ tiểu thuyết, khoảng 100 truyện ngăn, trên 1500 bức họa và nhiều bút kí, luận văn…

   + Một số tác phẩm tiêu biểu: Tập thơ Người làm vườn, tập Trăng non, tập Thơ dâng…

- Phong cách sáng tác: Đối với văn xuôi, Ta-go đề cập đến các vấn đề xã hội, chính trị, giáo dục. Về thơ ca, những tác phẩm của ông thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm; sử dụng thành công những hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng, hình thức so sánh, liên tưởng vè thủ pháp trùng điệp

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- “Mây và sóng” được viết bằng tiếng Ben-gan, in trong tập thơ Si-su (Trẻ thơ), xuất bản năm 1909 và được Ta-go dịch ra tiếng Anh, in trong tập Trăng non xuất bản năm 1915.

**2. Bố cục: 2 phần**

- Phần 1: (Từ đầu đến “xanh thẳm”): Cuộc trò chuyện của em bé với mây và mẹ

- Phần 2: (Còn lại): Cuộc trò chuyện của em bé với sóng và mẹ.

**3 Giá trị nội dung**

- Thông qua cuộc trò chuyện của em bé với mẹ, bài thơ Mây và sóng của Ta-go ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng sâu sắc

- Bài thơ chứa đựng những triết lí giản dị nhưng đúng đắn về hạnh phúc trong cuộc đời

**4 Giá trị nghệ thuật**

- Sử dụng hình ảnh mang giàu chất trữ tình mang ý nghĩa biểu tượng

- Kết cấu bài thơ như một câu chuyện kể tạo ấn tượng thú vị với hình thức đối thoại lồng trong lời kể của em bé

- Nghệ thuật đối lập, ẩn dụ, nhân hóa….

**5 Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Vài nét về Ta-go: Một nhà thơ Ấn Độ tài năng với tấm lòng yêu thương đối với trẻ thơ

- Mây và sóng là một bài thơ ông viết với tấm lòng yêu trẻ thơ của mình, đồng thời gửi gắm vào đó những triết lí sâu sắc về tình mẫu tử

**II. Thân bài**

1. Lời mời gọi của những người trên mây và sóng

- Lời mời gọi của mây và sóng:

   + Những người trên mây: “Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”

   + Những người trên sóng: “Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao?”

⇒ Thế giới mà mây và sóng vẽ ra là thế giới diệu kì, bí ẩn, hấp dẫn, đặc biệt là đối với trẻ thơ

- Cách đến với mây và sóng:

   + Đến với mây: đến nơi tận cùng trái đất và đưa tay lên trời

   + Đến với sóng: đến rìa biển cả và nhắm nghiền mắt lại

- Nhận xét:

   + Lời mời gọi của mây và sóng: Lời mời gọi hấp dẫn, thú vị, khơi gợi trí tò mò

   + Cách đến với mây và sóng: rất dễ thực hiện, thú vị, hấp dẫn

- Nghệ thuật: nhân hóa, sử dụng hình ảnh ẩn dụ đầy sức gợi

⇒ “mây” và “sóng” là biểu tượng cho thế giới thần tiên kì ảo mà em bé tưởng tượng ra, nhưng “mây” và “sóng” cũng là những thú vui, những cám dỗ trong cuộc sống thường ngày mà con người rất dễ bị thu hút

2. Phản ứng của em bé trước lời mời gọi

- Ban đầu: Em bé bị hấp dẫn bởi những lời mời, bằng chứng là em bé hỏi lại:

   + Với mây: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”

   + Với sóng: “Nhưng làm thế nào mình ra đó được?”

⇒Phản ứng ban đầu của em bé là có thể hiểu được vì những lời mời ấy vô cùng thú vị, dễ hấp dẫn, đặc biệt là đối với trẻ con

- Sau đó: Em bé từ chối lời mời: “Làm sao có thể rời mẹ mang đi được”

⇒ lời từ chối dễ thương nhưng đầy cảm động

- Lí do em bé từ chối lời mời: vì em nghĩ tới mẹ, mẹ em đang đợi và luôn mong muốn em bé ở nhà -> mẹ chính là lí do khiến em bé từ chối những lời mời hấp dẫn đó

- Nghệ thuật: đối thoại

⇒ Dù luyến tiệc cuộc vui, nhưng sự từ chối lời mời gọi đã thể hiện tình yêu thương mẹ thiết tha của em bé, lúc nào em cũng nghĩ đến mẹ, luôn mong muốn ở bên mẹ. Mẹ với tình yêu thương đã trở thành sức mạnh, nguồn động lực cho em bé vượt qua những cám dỗ

3. Trò chơi của em bé và mẹ

- Trò chơi của em bé và mẹ:

   + Sau khi từ chối mây: “Con là mây và mẹ là trăng. Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm”

   + Sau khi từ chối sóng: “Con là sóng và mẹ sẽ là bến bờ kì lạ"

- Đối với em bé: đó là trò chơi thú vị hơn, hay hơn vì những trò chơi ấy bắt nguồn từ tình yêu thương mẹ

⇒ Hình ảnh thiên nhiên “mây”, “sóng” ở đây tượng trưng cho con thích vui chơi, hình ảnh “trăng”, “ bến bờ kì lạ” tượng trưng cho sự dịu dàng dàng và tấm lòng bao la, tình yêu thương con không bờ bến ⇒ Lòng yêu thương mẹ bộc lộ rõ nét hơn nữa

- Hai câu thơ cuối: Hai câu thơ là lời khẳng định tình mẫu tử thiêng liêng và bất diệt, đó là tình cảm lớn lao được nâng tầm vũ trụ

- Nghệ thuật: Sử dụng hình ảnh biểu tượng, điệp ngữ, câu thơ giàu hình ảnh...(đặc trưng nghệ thuật tiêu biểu cho thơ Ta-go)

⇒ Hình tượng em bé hiện lên vừa có những nét ngây thơ đáng yêu đồng thời thể hiện thông minh, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu thương mẹ thiết tha ⇒ tinh thần nhân văn của Ta-go: ngợi ca vẻ đẹp tình mẫu tử

4. Triết lí qua bài thơ

- Con người không tránh khỏi những sự thu hút, cám dỗ từ đời sống, nếu như không có điểm tựa vững chắc, con người rất dễ vướng vào những cám dỗ đó. Tình mẫu tử chính là một điểm tựa vững chắc trong đời người

- Hạnh phúc, đó không phải là những thứ quá xa vời, cũng không phải tự nhiên mà có, hạnh phúc luôn nằm ngay gần chúng ta, trong những điều giản dị hàng ngày, do chính chúng ta tạo ra

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ

- Liên hệ thực tế bản thân

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Nhận định nào là chính xác về nhà thơ Ta-go?

**A.** Ta-go là nhà thơ cổ điển của nước Anh **B.** Ta-go là nhà thơ hiện đại của Anh

**C.** Ta-go là nhà thơ cổ điển của Ấn Độ **D.** Ta-go là nhà thơ hiện đại của Ấn Độ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Bài thơ Mây và sóng là lời của ai, nói với ai?

**A.** Lời của người mẹ nói với đứa con **B.** Lời của đứa con nói với mẹ

**C.** Lời của con nói với bạn bè **D.** Lời của con nói với mẹ về những người sống trên sóng, trên mây.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Điểm giống và khác nhau giữa hai phần của bài thơ Mây và sóng là gì?

**A.** Đều có số dòng thơ bằng nhau nhưng cách xây dựng hình ảnh khác nhau

**B.** Đều có cách tổ chức lời thơ giống nhau nhưng trình tự tường thuật khác nhau

**C.** Có trình tự tường thuật khác nhau nhưng có cùng nội dung biểu đạt

**D.** Có trình tự tường thuật giống nhau nhưng ý và lời không trùng lặp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Chủ đề bài thơ Mây và sóng là gì?

**A.** Tình mẫu tử thiêng liêng **B.** Tình bạn bè thắm thiết

**C.** Tình anh em sâu nặng **D.** Tình yêu thiên nhiên sâu sắc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là gì?

**A.** Mây **B.** Sóng

**C.** Người mẹ **D.** Em bé

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Nội dung chính của bài thơ là gì?

**A.** Miêu tả những trò chơi của trẻ thơ

**B.** Thể hiện mối quan hệ giữa thiên nhiên và tâm hồn trẻ thơ

**C.** Ca ngợi hình ảnh người mẹ và tấm lòng bao la của mẹ

**D.** Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Câu thơ “Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào” được hiểu như thế nào?

**A.** Có một không gian riêng của tình mẫu tử mà không ai ngoài mẹ con ta biết được

**B.** Tình mẫu tử có ở khắp nơi, chứ không riêng một nơi nào

**C.** Thế giới của tình mẫu tử là thế giới huyền bí mà không ai nhận biết hết biết

**D.** Tình mẫu tử là một thế giới thiêng liêng, vĩnh hằng, bất diệt, ai cũng biết nhưng chẳng thể biết hết được

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Bài thơ gợi cho ta suy ngẫm về điều gì trong cuộc sống?

**A.** Thế giới thật bao la với vô vàn những điều hấp dẫn mà ta chẳng thể cảm nhận hết

**B.** Niềm vui, hành phúc chẳng phải điều gì bí ẩn, xa xôi mà ngay ở chính cõi đời này và do chính con người tạo nên

**C.** Để từ chối những cám dỗ trong cuộc đời cần có những điểm tựa vững chắc mà tình mẫu tử là một trong những điểm tựa ấy

**D.** Gồm 2 ý B và C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Dòng nào sau đây nhận định không đúng về nhân vật em bé trong bài Mây và sóng?

**A.** Yếu đuối, không thích các trò chơi **B.** Ham chơi, tinh nghịch

**C.** Hóm hỉnh, sáng tạo **D.** Hồn nhiên, yêu thương mẹ tha thiết

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Những nét đặc sắc về nội dung của bài thơ trên là gì?

**A.** Tình mẫu tử thiêng liêng và triết lí sâu sắc về tình yêu cuộc sống

**B.** Tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động, chân thực

**C.** Thể hiện ước mơ tự do, bay bổng, lãng mạn

**D.** Tái hiện bức tranh thiên nhiên đẹp, mơ mộng, kì ảo

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Bài thơ thể hiện bằng ngôn ngữ nào?

**A.** Ngôn ngữ hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ **B.** Ngôn ngữ thơ ca lãng mạn bay bổng

**C.** Ngôn ngữ truyện trầm ngâm, sâu lắng **D.** Ngôn ngữ tưởng tượng, liên tưởng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Bài thơ được thể hiện bằng hình thức ngôn ngữ nào?

**A.** Đối thoại **B.** Độc thoại

**C.** Độc thoại nội tâm **D.** Đối thoại lồng trong độc thoại

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 13:** Hình ảnh “mây và sóng” trong bài thơ biểu tượng cho điều gì?

**A.** Những thú vui lôi cuốn, hấp dẫn của cuộc sống. **B.** Vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên

**C.** Tặng vật trời đất **D.** Những gì không có thực trong đời

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 14:** Nhận xét về hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ?

**A.** Vừa lung linh, kì ảo, vừa chân thực, sinh động

**B.** Được thể hiện qua các phép so sánh, ẩn dụ độc đáo

**C.** Mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc

**D.** Gồm 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Trắc nghiệm: Ôn tập về thơ

**Câu 1:** Hãy nối cột A với cột B cho chính xác?

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Đồng chí | **A.** Giai đoạn sau kháng chiến chống Pháp (1954- 1965) |
| 2. Mùa xuân nho nhỏ | B. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp ( 1946- 1954) |
| 3. Bài thơ về tiểu đội xe không kính | **C.** Giai đoạn kháng chiến chống Mĩ (1965- 1975) |
| 4. Đoàn thuyền đánh cá | D. Giai đoạn từ 1975 đến 1985 |
| 5. Sang thu | E. Giai đoạn từ 1986 đến 2000 |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- B; 2- E; 3- C; 4- A; 5- D**

**Câu 2:** Nối tên tác phẩm ở cột A với tên tác giả ở cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Sang thu | **A.** Viễn Phương |
| 2. Con cò | B. Hữu Thỉnh |
| 3. Mùa xuân nho nhỏ | **C.** Chế Lan Viên |
| 4. Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ | D. Bằng Việt |
| 5. Viếng lăng Bác | E. Nguyễn Khoa Điềm |
| 6. Bếp lửa | F. Thanh Hải |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- B; 2- C; 3- F; 4- E; 5- A; 6- D**

**Câu 3:** Điền tên tác phẩm vào cột B cho phù hợp với nhận xét ở cột A

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Qua lời trò chuyện của em bé với người mẹ, bài thơ thể hiện tình yêu vô hạn với mẹ và ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt |  |
| 2. Qua hình thức những lời hát ru, bài thơ ca ngợi tình mẹ và lời ru đối với cuộc sống của mỗi con người |  |
| 3. Bằng lời trò chuyện với con, bài thơ thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lí sống của dân tộc |  |
| 4. Bài thơ thể hiện hiện tình yêu thương của người mẹ miền núi Tây Nguyên gắn liền với lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu, khát vọng tương lai |  |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án:**

1. Mây và sóng

2. Con cò

3. Nói với con

4. Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

**Câu 4:** Bài thơ nào sau đây không nói về hình ảnh người lính và tình đồng đội?

**A.** Bài thơ về tiểu đội xe không kính **B.** Đoàn thuyền đánh cá

**C.** Ánh trăng **D.** Đồng chí

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Nối tên nghệ thuật của cột A với cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tác phẩm** | **Thể loại** |
| 1. Viếng lăng Bác | a, Thể thơ 5 chữ, nhạc điệu trong sáng thiết tha, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, gợi cảm và những so sánh ẩn dụ sáng tạo |
| 2. Con cò | b, Thơ tám chữ, giọng điệu trang trọng, tha thiết, thành kính, nhiều hình ảnh ẩn dụ, gợi cảm, lời thơ bình dị |
| 3. Mây và sóng | c, Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thiết tha, rạo rực, nhiều hình ảnh thiên nhiên giàu sức gợi cảm |
| 4. Sang thu | d, Thể thơ tự do, hình thức đối thoại lồng trong độc thoại, hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- b, 2- a, 3- d; 4- c**

## Bài 26.

### Trắc nghiệm: Tổng kết phần văn bản nhật dụng

**Câu 1:** Nội dung nào sau đây không phù hợp với đặc điểm của văn bản nhật dụng?

**A.** Đề cập đến những vấn đề gần gũi, bức thiết đang diễn ra trong cuộc sống hiện tại

**B.** Có thể được viết bằng các phương thức biểu đạt khác nhau

**C.** Chỉ được sáng tác trong thời điểm hiện tại

**D.** Có giá trị nhất định về mặt văn chương

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Văn bản Cuộc chia tay của những con búp bê thuộc thể loại văn bản nhật dụng, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Văn bản nhật dụng nào nói về việc bảo vệ môi trường?

**A.** Bức thư của thủ lĩnh da đỏ **B.** Ca Huế trên sông Hương

**C.** Cổng trường mở ra **D.** Mẹ tôi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Văn bản nhật dụng nào sau đây phê phán việc chạy đua vũ trang, chống vũ khí hạt nhân?

**A.** Bài toán dân số **B.** Đấu tranh cho một thế giới hòa bình

**C.** Phong cách Hồ Chí Minh **D.** Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Văn bản Bức tranh của em gái tôi là văn bản nhật dụng, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Văn bản nhật dụng nào viết về vẻ đẹp của sinh hoạt văn hóa dân tộc?

**A.** Bức thư của thủ lĩnh da đỏ **B.** Ca Huế trên sông Hương

**C.** Cổng trường mở ra **D.** Mẹ tôi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Văn bản nhật dụng nào sau đây nói về bản sắc văn hóa của con người Việt Nam?

**A.** Bài toán dân số **B.** Đấu tranh cho một thế giới hòa bình

**C.** Phong cách Hồ Chí Minh **D.** Thông tin về ngày trái đất năm 2000

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Văn bản nhật dụng nào sau đây được viết bằng phương thức tự sự?

**A.** Mẹ tôi **B.** Cuộc chia tay của những con búp bê

**C.** Ca Huế trên sông Hương **D.** Cầu Long Biên- chứng nhân lịch sử

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Văn bản nhật dụng nào sau đây được viết bằng phương thức nghị luận?

**A.** Mẹ tôi **B.** Phong cách Hồ Chí Minh

**C.** Ca Huế trên sông Hương **D.** Cầu Long Biên- chứng nhân lịch sử

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Nối tên tác phẩm ở cột A với nội dung cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Đề tài** |
| 1. Bài toán dân số | **A.** Việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc và thời kì hội nhập |
| 2. Thông tin ngày trái đất năm 2000 | B. Dân số và tương lai loài người |
| 3. Tuyên bố thế giới về sự sống còn | **C.** Danh lam thắng cảnh |
| 4. Động Phong Nha | D. Quyền sống của con người |
| 5. Phong cách Hồ Chí Minh | E. Bảo vệ môi trường |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**1- B; 2- E; 3- D; 4- C; 5- A

**Câu 11:** Nối tên cột A với cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Phương thức biểu đạt** |
| 1. Cuộc chia tay của những con búp bê | **A.** Nghị luận và hành chính |
| 2. Động phong Nha | B. Nghị luận và biểu cảm |
| 3. Cầu Long Biên- chứng nhân lịch sử | **C.** Tự sự, miêu tả và biểu cảm |
| 4. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | D. Thuyết minh và miêu tả |
| 5. Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000 | E. Tự sự và miêu tả |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: 1- C; 2- E. 3- D; 4- A; 5- B**

**Câu 12:** Những lưu ý khi học văn bản nhật dụng?

**A.** Cần căn cứ vào đặc điểm hình thức của văn bản và phương thức biểu đạt để phân tích nội dung

**B.** Cần có kiến giải về quan điểm riêng, đề xuất kiến nghị và giải pháp về những vấn đề trong văn bản

**C.** Cần vận dụng kiến thức các môn học để làm sáng tỏ nội dung đặt ra trong văn bản

**D.** Gồm tất cả nội dung trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

## Bài 27.

### Bến Quê

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Nguyễn Minh Châu (1930-1989)

- Quê quán: làng Văn Thai (tên nôm là làng Thơi), xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

   + Năm 1945, ông tốt nghiệp trường Kỹ nghệ Huế với bằng Thành chung

   + Tháng 1 năm 1950, ông học chuyên khoa trường Huỳnh Thúc Kháng tại Nghệ Tĩnh sau đó gia nhập quân đội, học trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn

   + Năm 1961 ông theo học trường Văn hóa Lạng Sơn

   + Năm 1962 ông về công tác tại phòng Văn nghệ quân đội, sau chuyển sang tạp chí Văn nghệ quân đội

   +Năm 1972 ông đã được kết nạp vào Hội nhà văn Việt Nam

Các tác phẩm tiêu biểu: Chiếc thuyền ngoài xa, Dấu chân người lính, Bến quê…

- Phong cách sáng tác:

   + Ra khỏi cuộc chiến tranh, Nguyễn Minh Châu vẫn phát huy tính chiến đấu của ngòi bút, viết về những âm vang chiến trận, bao quát cả những vấn đề dân sự qua cảm hứng của một người lính đầy trải nghiệm.

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Truyện ngắn Bến quê in trong truyện cùng tên của Nguyễn Minh Châu

**2. Tóm tắt**

Nhĩ - nhân vật chính của truyện từng đi khắp mọi nơi trên Trái đất, cuối đời lại bị cột chặt trên giường bệnh vì căn bệnh hiểm nghèo, đến nỗi không thể tự dịch chuyển đến vài mươi phân trên chiếc giường hẹp kê cạnh cửa sổ. Vào buổi sáng mùa thu ấy, Nhĩ phát hiện ra vẻ đẹp bình dị và quyến rũ của cái bãi bồi bên kia sông, ngay phía trước cửa sổ nhà mình mà anh chưa một lần đặt chân tới. Cũng đến lúc nằm liệt giường, anh nhận sự chăm sóc đến từng miếng ăn, ngụm nước của người vợ, đức hi sinh thầm lặng của vợ mình. Anh khao khát được đặt chân một lần lên cái bờ bãi bên kia sông, nhưng không thể. Anh nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình mơ ước ấy nhưng cậu ta không hiểu ý bố, đã sa vào đám chơi phá cờ thế ven đường và để lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày. Nhĩ đã chiêm nghiệm được cái quy luật đầy nghịch lí của đời người. Khi con đò sắp chạm mũi vào bờ đất bên này, Nhĩ thu hết tâm lực đu mình ra ngòi cửa sổ giơ cánh tay gầy guộc khoát khoát- y như đang khẩn thiết ra hiệu cho ai đó.

**3. Giá trị nội dung**

- Qua cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật Nhĩ, truyện Bến quê gửi gắm những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Truyện thành công trong việc tạo dựng tình huống nghịch lí, trần thuật qua dòng nội tâm nhân vật, ngôn ngữ và giọng điệu giàu chất suy tư, hình ảnh mang tính biểu tượng.

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Minh Châu: ngòi bút, viết về những âm vang chiến trận, bao quát cả những vấn đề dân sự qua cảm hứng của một người lính đầy trải nghiệm.

- Giới thiệu vài nét về văn bản Bến quê: truyện Bến quê gửi gắm những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương

**II. Thân bài**

1. Cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ về vẻ đẹp thiên nhiên nơi bến quê

- Hoàn cảnh của Nhĩ:

   + Vào buổi chiều đầu thu, qua khung cửa sổ Nhĩ nhận ra vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên quê hương

   + Những bông hoa bằng lăng cuối mùa đậm hơn

   + Vòm trời thu như cao hơn

   + Đặc biệt nhất là vẻ đẹp trù phú của bãi bồi

⇒ Mỗi cảnh vật đều mang nét đẹp riêng rất đỗi quen thuộc và bình dị. Nhĩ xúc động trước vẻ đẹp thân thương của xứ sở quê hương

2. Cảm xúc của Nhĩ về người vợ

- Những ngày cuối đời nằm trên giường bệnh Nhĩ mới cảm nhận được vẻ đẹp của Liên- người vợ của anh

- Liên phải chịu bao vất vả, lo toan. Anh xót xa vô cùng khi thấy Liên mặc tấm áo vá => vẻ đẹp bình dị, mộc mạc chân thành

- Liên đã tần tảo, hi sinh thầm lặng suốt đời vì chồng con, vì gia đình

- Dù đã trở thành người đàn bà thành thị nhưng Liên vẫn vẹn nguyên những vẻ đẹp tâm hồn trong sáng

⇒ Cuối đời, Nhĩ mới nhận ra và thấm thía tình cảm gia đình bởi anh đã nhân ra gia đình mãi mãi là ấm áp, hạnh phúc và là nơi nương tựa vững chắc nhất

3. Cảm xúc và suy nghĩ về khát vọng bình dị cuối đời

- Khi nhận ra vẻ đẹp của bãi bồi bên sông là lúc Nhĩ bừng lên một niềm khao khát cháy bỏng vô cùng là được đặt chân lên bãi bồi đó

- Khát vọng ấy tuy rất bình dị nhưng lại trở nên đặc biệt trong hoàn cảnh của anh lúc này- đó là một điều vô vọng => thể hiện sự thức tỉnh xót xa của Nhĩ

- Từ việc nhờ đứa con trai không thành cùng với quãng đời tuổi trẻ của mình, Nhĩ đã nghiệm ra một quy luật có tính chất phổ biến của đời người

- Hành động cố thu người “ giơ tay khoát khoát” như muốn thức tỉnh mọi người: hãy mau thoát ra những cái chùng chình, vòng vèo trên đời để hướng tới những giá trị đích thực của cuộc sống

⇒ Nhà văn đã gửi gắm vào nhân vật Nhĩ những triết lí, tư tưởng cốt lõi của cuộc đời con người: hãy trân trọng những giá trị bình dị nhất trong cuộc sống, quê hương và xứ sở.

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những thành công về nghệ thuật và nội dung:

   + Tình huống truyện xây dựng đặc biệt, xây dựng nhân vật tư tưởng, miêu tả nhân vật chi tiết, sáng tạo nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng.

   + Qua đó gợi cho người đọc những suy nghĩ về con người và cuộc đời, những cái đẹp dôi khi lại là những thứ bình dị nhất mà chúng ta vô tình chưa thể nhận ra.

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Dòng nào sau đây nêu đúng về tác giả và thời điểm sáng tác truyện ngắn Bến quê?

**A.** Tô Hoài, sau 1975 **B.** Nguyễn Khải, 1945- 1975

**C.** Nguyễn Minh Châu, trước 1975 **D.** Nguyễn Minh Châu, sau 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Ý nào đây nêu tình huống chính của truyện ngắn Bến quê?

**A.** Nhĩ bị ốm nặng, mọi người phải chăm sóc nâng giấc nên anh luôn day dứt về điều đó

**B.** Nhĩ bị ốm, muốn con thay mình sang bên kia sông thăm lại nơi trước kia anh đã từng nhiều lần sang chơi

**C.** Nhĩ bị ốm nặng, trong những ngày cuối cùng của cuộc đời mình, anh chỉ khao khát được đặt chân lên bờ bên kia con sông gần nhà

**D.** Nhĩ bị ốm, trong những ngày dưỡng bệnh, anh luôn suy nghĩ về việc nếu khỏi bệnh anh sẽ đi thăm thú những nơi trước đây anh đã dự định mà chưa đi được.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Khi nằm trên giường bệnh, Nhĩ thấy gì qua khung cửa sổ?

**A.** Những hình ảnh thiên nhiên như mang một màu sắc mới thật lạ mắt

**B.** Thiên nhiên dường như nhợt nhạt và xám xịt

**C.** Thiên nhiên mang một sắc màu thân thuộc như những gì thân thuộc nhất của quê hương

**D.** Vì anh muốn con trai anh không phải ân hận như anh lúc cuối đời

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Nhân vật Nhĩ đã cảm nhận điều về Liên, người vợ của anh?

**A.** Tần tảo, và chịu đựng hi sinh **B.** Vất vả, giản dị

**C.** Đảm đang, tháo vát **D.** Thông minh, giỏi giang trong công việc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Trong tâm tưởng khi đang đi trên bãi bồi bên kia sông, Nhĩ thấy mình giống nhân vật nào?

**A.** Một khách du lịch **B.** Một nhà thám hiểm

**C.** Một nhà địa chất **D.** Một nhà khảo cổ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Chi tiết: Giữa lúc Nhĩ đang nhìn thấy trong tưởng tượng chính mình trong tấm áo màu xanh trứng sáo và chiếc mũ nan rộng vành, như một nhà thám hiểm

**Câu 6:** Vì sao Nhĩ lại muốn sang bên kia sông?

**A.** Vì bên ấy có nhiều điều mới lạ hơn so với nơi anh từng đặt chân đến

**B.** Vì chưa bao giờ Nhĩ đặt chân lên mảnh đất ấy và lúc này anh mới cảm nhận được vẻ đẹp gần gũi, bình dị, thân thương mà thiêng liêng của nó

**C.** Vì đấy là nơi duy nhất chưa đặtc hân đến sau khi đã đi khắp “xó xỉnh của thế giới” nên anh muốn đi cho biết

**D.** Vì Nhĩ muốn thoát ra khỏi cảnh ốm yếu, tù túng của bản thân và không gian vắng lặng của ngôi nhà

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Lí do chính nào khiến Nhĩ muốn con trai bên kia sông?

**A.** Để nó có thời gian đi loanh quanh và mua quà về cho anh

**B.** Nhĩ muốn con trai thay mình thực hiện khát vọng sang bên kia sông- một mảnh đất lúc này trở nên rất đỗi thân thương với anh

**C.** Vì anh muốn con trai mình cần phải biết mảnh đất bên kia sông, nơi có rất nhiều điều kì lạ

**D.** Vì anh muốn con trai anh phải ân hận như anh lúc cuối đời

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Vì sao Tuấn không sang sông như bố muốn?

**A.** Tuấn bị hấp dẫn bởi trò chơi phá cờ thế **B.** Tuấn giống bố hồi còn trẻ

**C.** Tuấn không biết đó là khao khát của bố **D.** Vì tất cả những lí do trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Những khám phá riêng của Nhĩ về cái bãi bồi bên kia sông Hồng đã đem đến cho anh tâm trạng gì?

**A.** Say mê, pha lẫn với nỗi ân hận, đau đớn **B.** Buồn bã, trầm uất

**C.** Vui sướng, ngạc nhiên **D.** Tự hào, hãnh diện với bạn bè

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Nhận định nào nói đúng về nhân vật Nhĩ?

**A.** Là người đi nhiều, biết nhiều về các địa danh trên thế giới nhưng lại hời hợt tình cảm với quê hương

**B.** Là người suốt đời chỉ mong muốn những điều nhỏ bé, bình thường mà không đạt được

**C.** Là người biết nâng niu, trân trọng vẻ đẹp gần gũi, bình dị của cuộc sống, quê hương

**D.** Là người suốt đời sống trong đau khổ, dằn vặt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Thông điệp từ truyện Bến quê của Nguyễn Minh Châu?

**A.** Dù đi đâu thì quê hương vẫn là chỗ dừng chân cuối cùng của đời con người

**B.** Hãy trân trọng những vẻ đẹp, giá trị bình dị, gần gũi của cuộc sống quê hương

**C.** Quê hương nếu ai không nhớ- Sẽ không lớn nổi thành người

**D.** Trước khi đi ra ngoài, hãy biết sống với quê hương của mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Truyện Bến quê được kể bằng ngôi thứ ba, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 13:** Biểu tượng bờ đất lở dốc đứng phía bên này sông là biểu tượng cho điều gì?

**A.** Những khó khăn gian khổ của quê hương **B.** Những khó khăn gian khổ của đời người

**C.** Phần thiếu hụt trong cuộc đời con người **D.** Những trở ngại không thể vượt qua

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 14:** Ý nào dưới đây thể hiện chính xác nhất giá trị nhân đạo của tác phẩm trên?

**A.** Tác phẩm thức tỉnh ở mỗi người niềm trân trọng những vẻ đẹp và những giá trị bình dị, gần gũi của cuộc sống, gia đình, quê hương

**B.** Tác phẩm đề cập đến những tình cảm thiêng liêng nơi sâu thẳm tâm hồn con người: tình cảm gia đình, tình anh em bạn bè

**C.** Tác phẩm khắc họa cuộc sống của một người trong những ngày cuối cùng của cuộc đời với nỗi khổ đau và niềm khao khát cháy bỏng

**D.** Thức tỉnh con người biết tìm đến chỗ dựa tinh thần lớn lao của cuộc đời khi gặp khó khăn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 15:** Nhận định nào sau đây không phải là đặc điểm nghệ thuật nổi bật của truyện ngắn Bến quê?

**A.** Tổ chức đối thoại và miêu tả hành động của nhân vật

**B.** Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên

**C.** Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật

**D.** Xây dựng những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 16:** Câu văn sau nói về điều gì?

Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến- cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình.

**A.** Chiêm nghiệm của Nhĩ về một nghịch lí của chính cuộc đời anh

**B.** Cảm giác buồn chán của Nhĩ khi cả cuộc đời chưa đi ra khỏi ngôi nhà của mình

**C.** Nhĩ chưa khi nào hiểu hết vẻ đẹp của quê hương mình

**D.** Chỉ nghĩ tới lúc này Nhĩ mới hiểu hết được vẻ đẹp quê hương

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 17:** Dòng nào sau đây thể hiện rõ nhất cảm xúc của nhân vật Nhĩ?

**A.** Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt

**B.** Tiết trời đầu thu đem đến cho con sông Hồng một màu đỏ nhạt

**C.** Những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ

**D.** Mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 18:** Truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu chứa đựng những suy ngẫm, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người, cuộc đời, thức tỉnh sự trân trọng giá trị của cuộc sống gia đình và những vẻ đẹp bình dị của quê hương, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 19:** Nghệ thuật của truyện nổi bật ở việc miêu tả tâm lí tinh tế, nhiều hình ảnh giàu tính biểu tượng, cách xây dựng tình huống truyện, trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Ôn tập tiếng việt lớp 9 học kì II

**I. Kiến thức cơ bản**

1. Khởi ngữ và các thành phần biệt lập

Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu

Trước khởi ngữ thường có thêm các quan hệ từ: về, đối với…

2. Các thành phần biệt lập của câu

- Thành phần tình thái

- Thành phần gọi đáp

- Thành phần phụ chú

- Thành phần cảm thán

3. Liên kết câu và liên kết đoạn văn

- Về nội dung: Các đoạn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các đoạn văn và các câu văn phải được sắp xếp theo trình tự hợp lý

- Về hình thức, các câu và các đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính

+ Lặp từ

+ Sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, cùng trường liên tưởng

+ Phép thế

+ Phép nối

4. Nghĩa tường minh, hàm ý

Nghĩa tường minh: phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu

Hàm ý: là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Tìm các thành phần biệt lập trong các câu sau:

a, Này, có sao đâu mà phải gắt lên thế?

b, Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ.

c, Thưa ông, bốn cháu của con nhờ trời vẫn khỏe mạnh cả.

d, Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng!

e, Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.

g, Truyện chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La- phông- ten, tác giả Buy- phông, hay và hấp dẫn vô cùng.

Bài 2: Chỉ ra phép liên kết trong đoạn văn sau: “Nhà thơ hiểu rằng những tật xấu của con chó sói là do nó vụng về vì chẳng có tài trí gì, nên nó luôn đói meo, và vì đói meo nên nó hóa rồ. Ông để cho Buy- phông dựng một vở bi kịch về sự độc ác, còn ông dựng một vở hài kịch về sự ngu ngốc.”

Bài 3: Cho đoạn hội thoại sau, hãy chỉ ra câu chứa hàm ý và cho biết nội dung của hàm ý đó?

Thầy giáo đang giảng bài thì một học sinh bước vào.

Thầy giáo: Bây giờ là mấy giờ rồi?

Học sinh: - Em xin lỗi thầy, xe em bị hỏng ạ.

**Gợi ý**

Bài 1

a, Thành phần gọi đáp

b, Thành phần tình thái

c, Thành phần gọi đáp

d, Thành phần cảm thán

e, Thành phần tình thái

g, Thành phần phụ chú

Bài 2:

Phép liên kết trong đoạn trên là phép thế: từ nó thế cho từ con sói, từ ông thế cho từ nhà thơ.

Bài 3:

Hàm ý nằm trong câu nói của thầy giáo “Bây giờ là mấy giờ rồi? ” là lời nhắc học sinh đã đi học muộn

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Thành phần gạch chân trong câu văn “Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt- cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đã nhợt nhạt” là thành phần gì?

**A.** Thành phần tình thái **B.** Thành phần cảm thán

**C.** Thành phần gọi- đáp **D.** Thành phần phụ chú

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Thành phần phụ chú: cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đã nhợt nhạt

**Câu 2:** Dòng nào sau đây ghi đầy đủ các cụm danh từ có trong câu văn trên

**A.** Những bông hoa bằng lăng, ngoài cửa sổ, đã thưa thớt

**B.** Cái giống hoa, mới nở, đã nhợt nhạt

**C.** Đã thưa thớt, đã nhợt nhạt, mới nở

**D.** Ngoài cửa sổ, những bông hoa bằng lăng, cái giống hoa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Cụm từ “ngoài cửa sổ bấy giờ” thuộc thành phần gì trong câu văn trên?

**A.** Khởi ngữ **B.** Trạng ngữ chỉ thời gian

**C.** Trạng ngữ chỉ nơi chốn **D.** Trạng ngữ chỉ thời gian và nơi chốn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Trong câu “**Thưa ông,** chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!” cụm in đậm thuộc thành phần gì của câu?

**A.** Phụ chú **B.** Cảm thán

**C.** Gọi đáp **D.** Tình thái

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Cụm từ in đậm trong câu “**Dường như** vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ.”

**A.** Thành phần phụ chú **B.** Thành phần tình thái

**C.** Thành phần cảm thán **D.** Thành phần gọi –đáp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Đọc đoạn trích sau và cho biết, đoạn trích sử dụng phép liên kết nào?

Ở rừng mùa này thường như thế. Mưa. Nhưng mưa đá. Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì sắc xé không khí thành từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướt ở má.

**A.** Phép lặp **B.** Phép thế

**C.** Phép liên tưởng, đồng nghĩa **D.** Phép tương phản

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Các câu trong đoạn văn sau được nối với nhau bằng phép liên tưởng nào?

Ngay lúc ấy, cái vật mà Nhĩ nhìn thấy trước tiên khi được ngồi sát ngay sau khuôn cửa sổ là một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên. Con đò ngang mỗi ngày chỉ qua lại một chuyến giữa hai bên bờ khúc sông Hồng này vừa mới bắt đầu chống sào ra khỏi chân bãi bồi bên kia, cánh buồm nâu bạc trắng vẫn còn che lấp gần hết miền đất mơ ước.

**A.** Phép nối **B.** Phép thế

**C.** Phép lặp từ ngữ **D.** Phép đồng nghĩa và trái nghĩa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Hàm ý trong đoạn trích sau

Tuấn hỏi Nam:

- Cậu thấy đội bóng huyện mình chơi có hay không?

Nam bảo:

- Tớ thấy họ ăn mặc đẹp lắm.

**A.** Hàm ý ở câu “Tớ thấy họ ăn mặc đẹp lắm”

**B.** Hàm ý ở câu “Cậu thấy đội bóng huyện mình chơi có hay không?

**C.** Hai đáp án A, B đều đúng

**D.** Không có hàm ý

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

## Bài 28.

### *Những Ngôi sao xa xôi*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Lê Minh Khuê sinh năm 1949

- Quê quán: Tĩnh Gia- Thanh Hóa

- Sự nghiệp sáng tác

   + Năm 1965, Lê Minh Khuê tham gia vào lực lượng Thanh niên xung phong chống Mĩ

   + Vào năm 1967, tác giả có những bài báo đầu tiên và năm 1969 bà bắt đầu viết văn

   + Ngoài việc viết văn bà còn từng làm phóng viên cho nhiều báo đài

   + Một số tác phẩm chính: “Cao điểm mùa hạ”, “Màu xanh man trá”, “Tôi đã không quên”.”Bi kịch nhỏ”, “Cuộc chơi”…

- Phong cách sáng tác: Bà viết truyện ngắn với một ngòi bút giàu nữ tính, miêu tả tinh tế, đặc sắc

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Truyện ngắn “Nhưng ngôi sao xa xôi” được viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ diễn ra vô cùng ác liệt, lúc đó tác giả từng là chiến sĩ thanh niên xung phong ở Trường Sơn.

**2. Tóm tắt tác phẩm**

- Truyện kể về cuộc sống và chiến đấu của ba cô gái thanh niên xung phong: Thao, Phương Định và Nho của một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn những năm kháng chiến chống Mĩ. Họ làm thành một tổ trinh sát mặt đườnglàm nhiệm vụ phá bom, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom thông đường cho đoàn xe ra mặt trận.Công việc vô cùng khó khăn và gian khổ, họ luôn phải đối mặt với cái chết nhưng chưa bao giờ mất đi niềm vui, sự hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút mơ mộng. Họ yêu thương và gắn bó với nhau mặc dù mỗi người một cá tính. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, đồng đội hết sức lo lắng, chăm sóc cho cô rất tận tình. Cuối truyện, một trận mưa sao băng vụt qua trên cao điểm đã gợi trong lòng Phương Định những khát khao hoài niệm.

**3. Giá trị nội dung**

- Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đã khắc họa rõ nét tâm hồn trong sáng, mộng mơ cùng tinh thần lạc quan dũng cảm giàu nghị lực của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó cũng là hình ảnh đẹp của thanh niên, thế hệ trẻ Việt Nam những năm kháng chiến chống Mĩ.

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Truyện ngắn có cách kể chuyện tự nhiên: ngôi kể thứ nhất - Phương Định kể chuyện làm tăng tính chân thực, ngôn ngữ truyện sinh động, trẻ trung, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua hành động, lời nói, suy nghĩ xuất sắc

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Lê Minh Khuê: một tác giả thuộc thế hệ nhà văn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ

- Giới thiệu về văn bản “Những ngôi sao xa xôi”: khắc họa thành công hình ảnh tiêu biểu của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn

**II. Thân bài**

1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu

- Các cô gái sống trong một cái hang dưới chân cao điểm – nơi tập chung nhiều bom đạn và sự nguy hiểm ác liệt

- Họ uống nước suối đựng trong ca hoặc bi đông, tắm ở suối, dụng cụ giải trí duy nhất là một cây đài bán dẫn nhỏ để nghe nhạc và tin tức

- Công việc đặc biết nguy hiểm: chạy trên cao điểm cả ngày, phơi mình giữa vùng trọng điểm, sau mỗi trận bom phải đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, khi cần thì phải phá bom.

⇒ hoàn cảnh sống vô cùng nguy hiểm, luôn căng thẳng, cái chết luôn rình rập đòi hỏi sự bình tĩnh, tự tin và dũng cảm.

2. Điểm chung của các cô gái

- Họ có phẩm chất chung của người chiến sĩ thanh niên xung phong:

- Họ có lí tưởng sống cao đẹp: họ sẵn sàng hi sinh tuổi thanh xuân, hi sinh hạnh phúc cá nhân để nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc

- Kiên cường dũng cảm đối mặt với mưa bom bão đạn

   + Nơi các cô làm việc quả là một thử thách, không sợ hi sinh

   + Bị thương nhưng vẫn sẵn sàng bám trụ chia lửa cùng đồng đội

- Tinh thần trách nhiệm cao với công việc: Khối lượng công việc lớn nhưng các cô thường cố gắng hoàn thành tốt mà không cần nhờ đến sự giúp đỡ

- Họ còn có tình đồng chí, đồng đội gắn bó đầy yêu thương

   + Khi Nho bị thương, chị Thao lo cho Nho, Phương Định rửa cho Nho bằng nước đun sôi, tiêm cho Nho, chăm sóc Nho như một cô y tá thành thạo

⇒ Chính tình đồng đội ấy giúp các cô động viên nhau hoàn thành nhiệm vụ

3. Điểm riêng của mỗi người

- Nhân vật Nho

   + Nho là em út, tính trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ nhỏ nhắn, cứ mỗi lần đi trinh sát về lại đi tắm khiến Phương Định liên tưởng Nho như một que kem mát mẻ. Nhưng khi bị thương lại luôn là một cô gái rắn rỏi và bản lĩnh

- Nhân vật Thao

   + Chị Thao là chị cả nhưng lại thích làm duyên: Lông mày tỉa nhỏ như cái tăm, áo lót cái nào cũng thêu chỉ màu. Chị rất chăm chép bài hát mặc dù không hát trôi chảy bài nào.

   + Trong công việc luôn dũng cảm quyết đoán nhưng lại rất sợ máu và sợ vắt

⇒ Trong cô có sự kết hợp giữa cái nhút nhát, mềm yếu và cái bản lĩnh quyết đoán đến vô cùng

- Nhân vật Phương Định

   + Định là một cô gái hồn nhiên, hay mơ mộng hay sống với kỉ niệm của thiếu nữ ở thành phố nơi cô sống

   + Phương Định còn rất dũng cảm trong một lần phá bom, cô bản lĩnh hơn khi nghĩ rằng có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình

   + Cô không sợ chết mà chỉ sợ đường không thông không hoàn thành nhiệm vụ

⇒ Các cô đều có những nét tính cách đẹp đẽ và đáng yêu, là những con người sinh động từ cuộc sống thực bước vào tác phẩm một cách tự nhiên

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những thành công về nội dung nghệ thuật:

   + Nghệ thuật: ngôi kể thứ nhất, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế

   +Nội dung: Khẳng định sự kiên cường bất khuất cùng những phẩm chất vô cùng đáng yêu của ba cô gái nói riêng và thế hệ trẻ Việt Nam bấy giờ nói chung.

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Tác phẩm những ngôi sao xa xôi do ai sáng tác?

**A.** Hữu Thỉnh **B.** Nguyễn Thành Long

**C.** Nguyễn Minh Châu **D.** Lê Minh Khuê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Truyện ngắn những ngôi sao xa xôi ra đời vào năm nào?

**A.** Năm 1970 **B.** Năm 1971

**C.** Năm 1976 **D.** Năm 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Nội dung chính được thể hiện trong truyện Những ngôi sao xa xôi là gì?

**A.** Cuộc sống gian khó ở Trường Sơn trong những năm tháng chống Mĩ

**B.** Vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn

**C.** Vẻ đẹp của những người lính công binh trên con đường Trường Sơn

**D.** Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Hoàn thành thông tin vào bảng sau để có thông tin về ba nhân vật nữ thanh niên

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ba nữ thanh niên xung phong |
| Hoàn cảnh sống |  |
| Công việc |  |
| Phẩm chất |  |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**

Hoàn cảnh sống: trên cao điểm của tuyến đường Trường Sơn, thường xuyên phải chịu bom mìn kẻ thù dội xuống

Công việc: phá bom mìn, đo đất đá lấp đường

Tính cách: dũng cảm, kiên cường, hồn nhiên, sống tình cảm

**Câu 5:** Nhân vật chính Phương Định được khắc họa ở những phương diện nào?

**A.** Ngoại hình **B.** Tâm trạng

**C.** Hành động **D.** Cả 3 phương diện

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Văn bản được viết theo phương thức biểu đạt nào chính?

**A.** Tự sự **B.** Miêu tả

**C.** Nghị luận **D.** Hành chính công vụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

Cho đoạn văn sau:

Nhưng tạnh mất rồi. Tạnh rất nhanh như khi mưa đến. Sao chóng thế? Tôi bỗng thẫn thờ, tiếc không nói nổi. Rõ ràng tôi không tiếc những viên đá. Mưa xong thì tạnh thôi. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, oặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể những cái đó… Hoặc là cây, hoặc là cái vòm tròn của nhà hát, hoặc là bà bán kem đẩy chiếc xe chở đầy thùng kem, trẻ con háo hức bâu xung quanh. Con đường nhựa vào ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen. Những ngọn đèn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên. Hoa trong công viên. Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Tiếng rao của bà bán xôi sáng có cái mủng đội trên đầu…

Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó. Những cái đó ở thiệt xa… Rồi bỗng chốc, sau một cơn mưa đá, chúng xoáy mạnh như sóng trong tâm trí tôi…

**Câu 7:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là?

**A.** Tự sự **B.** Biểu cảm

**C.** Miêu tả **D.** Nghị luận

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Người kể trong đoạn trên là ai?

**A.** Phương Định **B.** Tác giả

**C.** Cả ba cô gái **D.** Những người cùng đơn vị

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Đoạn trích trên cho thấy phẩm chất gì của nhân vật?

**A.** Hồn nhiên và mơ mộng **B.** Chín chắn và già dặn

**C.** Tinh nghịch và thích hài hước **D.** Thông minh, thích khám phá

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Điểm đặc sắc nhất trong nghệ thuật trong đoạn văn trên là gì?

**A.** Sử dụng các kiểu câu linh hoạt, có giá trị biểu cảm

**B.** Sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa

**C.** Cách kể chuyện tự nhiên, sinh động

**D.** Cách xây dựng tình huống truyện hấp dẫn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Câu văn “Sao chóng thế?” được dùng với mục đích gì?

**A.** Bày tỏ ý nghi vẫn **B.** Trình bày một sự việc

**C.** Thể hiện sự cầu khiến **D.** Bộc lộ cảm xúc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 12:** Từ gạch chân trong câu “rõ ràng tôi không tiếc những viên đá” là thành phần gì?

**A.** Khởi ngữ **B.** Thành phần biệt lập tình thái

**C.** Thành phần biệt lập phụ chú **D.** Thành phần biệt lập cảm thán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 13:** Những cụm từ được gạch chân trong câu “Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố” liên hệ với từ ngữ trước đó theo kiểu quan hệ nào?

**A.** Quan hệ bổ sung **B.** Quan hệ thời gian

**C.** Quan hệ nghịch đối **D.** Quan hệ nguyên nhân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 14:** Trong đoạn văn “Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó. Những cái đó ở thiệt xa…Rồi bỗng chốc, sau một cơn mưa đá, chúng xoáy mạnh như sóng trong tâm trí tôi…” từ “chao ôi” là thành phần gì?

**A.** Thành phần tình thái **B.** Thành phần gọi- đáp

**C.** Thành phần phụ chú **D.** Thành phần cảm thán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 15:** Từ “chúng” được dùng để thay thế cho từ ngữ nào trong đoạn văn trên?

**A.** Bỗng chốc **B.** Những cái đó

**C.** Một cơn mưa đá **D.** Thiệt xa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 16:** Câu văn “cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa” được dùng với mục đích gì?

**A.** Bày tỏ ý nghi vấn **B.** Trình bày sự việc

**C.** Thể hiện sự cầu khiến **D.** Bộc lộ cảm xúc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 17:** Từ ngữ gạch chân trong câu văn “Chắc các anh ấy có những cái ống nhòm để thu cả trái đất vào tầm mắt” đóng vai trò gì?

**A.** Khởi ngữ đầu câu **B.** Kết nối với câu trước nó

**C.** Thành phần chủ ngữ của câu **D.** Thành phần trạng ngữ của câu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 18:** Câu văn trên sử dụng phép tu từ gì?

**A.** Ẩn dụ **B.** So sánh

**C.** Phóng đại **D.** Bộc lộ cảm xúc

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 19:** Hai câu văn sau: Qủa bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng” sử dụng phép liên kết nào?

**A.** Phép thế **B.** Phép lặp từ ngữ

**C.** Phép nối **D.** Phép đồng nghĩa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Từ đầu này thay thế cho từ “một đầu”

**Câu 20:** Câu nào sau đây là câu đặc biệt?

**A.** Tôi, một quả bom trên đồi **B.** Vắng lặng đến phát sợ

**C.** Cây còn lại xơ xác **D.** Đất nóng.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Biên bản (có đáp án)

**Câu 1:** Biên bản là gì?

**A.** Biên bản là loại văn bản ghi chép một cách trung thực, chính xác, đầy đủ một sự việc đang xảy ra hoặc vừa mới xảy ra. Người ghi chép biên bản chịu trách nhiệm về tính xác thực của biên bản.

**B.** Biên bản là những văn bản ghi chép lại tản mản những câu chuyện được lưu truyền trong dân gian

**C.** Biên bản là văn bản hành chính đề nghị một vấn đề, sự việc với cấp trên

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Biên bản gồm mấy phần?

**A.** 3 phần **B.** 4 phần

**C.** 5 phần **D.** 6 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Gồm 3 phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc

**Câu 3:** Những tình huống nào dưới đây cần viết biên bản?

**A.** Đơn xin nghỉ ốm

**B.** Đơn tường trình khi một nhóm học sinh tự ý đi tham quan khi chưa được phép của thầy cô và cha mẹ

**C.** Lớp em đề xuất đi tham quan bảo tàng dân tộc học

**D.** Ghi lại diễn biến và kết quả Đại hội Đoàn trường

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Một biên bản cần đảm bảo yếu tố gì về mặt nội dung

**A.** Ghi chép đầy đủ ngắn gọn về sự việc **B.** Nêu đầy đủ diễn biến của sự việc

**C.** Bảo đảm tính xác thực **D.** Cả A, B, C

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Ý nào sau đây không thuộc yêu cầu về hình thức của biên bản?

**A.** Viết đúng mẫu quy định **B.** Có đầy đủ các phần, mục

**C.** Có đánh số cụ thể **D.** Có đầy đủ bố cục 3 phần

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Mục đích của việc viết biên bản là gì?

**A.** Làm chứng cứ để minh chứng cho các cự kiện diễn ra trong thực tế

**B.** Đề đạt lên cấp trên để thi hành, giải quyết

**C.** Thỏa thuận các điều khoản giữa các bên liên quan

**D.** Thông báo cho nhiều người được biết về một sự kiện vừa diễn ra

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Yêu cầu nào không phù hợp với biên bản?

**A.** Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể **B.** Ghi chép sự việc trung thực, đầy đủ, khách quan

**C.** Lời văn ngắn gọn, chính xác **D.** Có thể sử dụng các biện pháp tu từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

## Bài 29.

### Trắc nghiệm: Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang

**Câu 1:** Rô-bin-xơn Cru-xô là tác phẩm được viết bởi ai?

**A.** Mô –pa-xăng **B.** Lân đơn

**C.** O Hen-ri **D.** Đ. Đi-phô

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Tác giả của tác phẩm là người nước nào?

**A.** Pháp **B.** Mĩ

**C.** Anh **D.** Tây Ban Nha

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Tác giả là nhà văn lớn của Anh ở thế kỉ XVIII

**Câu 3:** Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là?

**A.** Ngôi thứ nhất, nhân vật xưng tôi **B.** Ngôi thứ hai

**C.** Ngôi thứ ba, tác giả kể **D.** Cả 3 đáp án trên đều sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Ngôi kể văn bản giống với ngôi kể trong tác phẩm nào em đã học?

**A.** Chiếc lá cuối cùng **B.** Buổi học cuối cùng

**C.** Đánh nhau với cối xay gió **D.** Cô bé bán diêm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Nội dung chính của văn bản Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang là gì?

**A.** Kể về những ngày tháng trôi dạt ngoài biển khơi, sống trên đảo hoang của Rô-bin-sơn

**B.** Kể về công việc hằng ngày của Rô-bin-xơn

**C.** Miêu tả bức chân dung tự họa của Rô-bin-xơn

**D.** Miêu tả hoàn cảnh sống của Rô-bin-xơn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Điền vào bảng sau cho thích hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện** | **Nhân vật Ro-bin-sơn** |
| Trang phục |  |
| Trang bị |  |
| Diện mạo |  |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương diện** | **Nhân vật Ro-bin-sơn** |
| Trang phục | Đội chiếc mũ cao lêu đêu, chiếc áo tấm da dê, quần loe đến đầu gối, không có bít tất, không có giày, chỉ có đôi ủng, sợi dây lưng to bản, |
| Trang bị | Dao găm, cưa nhỏ, hai chiếc túi đựng thuốc súng, đạn ghém, súng, dù |
| Diện mạo | Ria mép để kiểu Hồi giáo như ria vài gã Thổ Nhĩ Kì, bộ dạng nếu ai đó gặp ở nước Anh sẽ làm cho họ hoảng sợ hoặc phá lên cười. |

**Câu 7:** Đảo hoang mà Rô-bin-xơn sống thuộc miền khí hậu nào?

**A.** Ôn đới **B.** Nhiệt đới

**C.** Xích đạo **D.** Hàn đới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Văn bản trong SGK nói về thời điểm nào trong thời gian Rô-bin-xơn sống trên hoang đảo?

**A.** Những ngày đầu tiên **B.** Khoảng một năm

**C.** Sau 15 năm trên hoang đảo **D.** Ngày cuối cùng sau 28 năm 2 tháng 19 ngày

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Trang phục của Rô-bin-xơn được làm bằng chất liệu gì?

**A.** Vỏ cây rừng **B.** Lá rừng

**C.** Da của con dê **D.** Lông con báo

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 10:** Nhận xét nào sau đây nói đúng về chân dung của Rô-bin-xơn?

**A.** Xấu xí, dị dạng **B.** Lố lăng, kệch cỡm

**C.** Kì cục, lập dị **D.** Kì dị, hài hước

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 11:** Nhận xét nào sau đây chưa chính xác?

**A.** Trang phục của Rô-bin-xơn thật kì quái

**B.** Trang phục của Rô-bin-xơn khác người

**C.** Trang phục của Rô-bin-xơn chủ yếu để làm đẹp cho bản thân

**D.** Gồm tất cả các ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 12:** Thông qua lời kể cho thấy nhân vật là người như thế nào?

**A.** Có cuộc sống gian khổ, khó khăn và nhiều thử thách trên đảo hoang

**B.** Ý chí vượt trên những gian khổ

**C.** Tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn

**D.** Gồm tất cả những ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Đoạn trích Rô-bin-xơn ở ngoài đảo hoang là bức chân dung tự họa bằng giọng kể hài hước, chân thật về cuộc sống gian khổ, tinh thần lạc quan của nhân vật khi chỉ có một mình trên đảo hoang suốt mấy chục năm trời đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Tổng kết về ngữ pháp

**Câu 1:** Tính từ là những từ?

**A.** Chỉ sự vật, hiện tượng, người, khái niệm

**B.** Chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật

**C.** Chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Động từ là những từ chỉ hoạt động trạng thái của sự vật đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Từ in đậm trong câu “Nghe gọi, con bé giật mình, **tròn** mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động” thuộc từ loại nào?

**A.** Tính từ **B.** Động từ

**C.** Danh từ **D.** Trợ từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Tìm động từ trong các từ in đậm dưới đây

**A.** Xin các bạn vui lòng hình dung **bộ dạng** của tôi như dưới đây.

**B.** Tôi đội một **chiếc mũ** to tướng cao lêu đêu chẳng ra hình thù gì

**C.** Tôi mặc một **chiếc áo** bằng tấm da dê, vạt áo dài tới khoảng lưng chừng hai bắp đùi

**D.** Tôi đeo gùi sau lưng, **khoác** súng bên vai, và giương trên đầu một chiếc dù lớn bằng da dê

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 5:** Từ “băn khoăn” nào dưới đây là danh từ?

**A.** Anh cứ băn khoăn không hiểu mình làm thế là đúng hay sai

**B.** Những băn khoăn ấy làm anh cứ day dứt mãi

**C.** Cái nhìn của cô gái làm anh không khỏi băn khoăn

**D.** Cảm giác băn khoăn cứ đeo đẳng anh mãi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Dòng nào dưới đây chỉ toàn là các cụm danh từ?

**A.** Những chiếc mũ to tướng, đôi mắt đen vời vợi, nắng vàng

**B.** Một chiếc mũ to tướng, thấm vào da thịt, luồn trong áo, cao lênh khênh

**C.** Cao lênh khênh, che nắng, không để mưa hắt vào cổ

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Cho câu “tôi mặc một chiếc áo bằng tám da dê, vạt áo dài khoảng lưng chừng hai bắp đùi và một cái quần loe đến đầu gối cũng bằng da dê” có bao nhiêu quan hệ từ?

**A.** Hai **B.** Ba

**C.** Bốn **D.** Năm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Các quan hệ từ: bằng, khoảng, và

**Câu 8:** Đáp án nào phía dưới chứa lượng từ?

**A.** Một chiếc áo bằng tấm da dê

**B.** Cái quần loe đến đầu gối bằng da dê

**C.** Lông dê thõng xuống mỗi bên đến giữa bắp chân

**D.** Không có bít tất mà cũng chẳng có giầy

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**- Lượng từ mỗi

**Câu 9:** Dòng nào không chứa phép so sánh trong những câu dưới đây?

**A.** Vừa để che nắng, vừa để che chắn không cho mưa hắt vào cổ

**B.** Chẳng có gì tai hại bằng nước mưa luồn trong áo thấm vào da thịt

**C.** Giống như đôi ủng, bao quanh bắp chân

**D.** Hình dáng hết sức kì cục chẳng khác gì áo quần của tôi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 10:** Khi cần nhận biết và phân biệt từ loại cần dựa vào tiêu chí nào?

**A.** Ý nghĩa khái quát của từ **B.** Khả năng kết hợp của từ

**C.** Chức vụ cú pháp thường đảm nhiệm **D.** Cả 3 tiêu chí trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 11:** Phần gạch chân trong câu “Tôi đội một chiếc mũ to tướng cao lêu đêu chẳng ra hình thù gì làm bằng da một con dê” là cụm từ gì?

**A.** Cụm tính từ **B.** Cụm danh từ

**C.** Cụm động từ **D.** Cụm chủ vị

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Câu văn sau có bao nhiêu cụm động từ: “Còn về diện mạo tôi, nó không đến nỗi đen cháy như các bạn có thể nghĩ về một kẻ chẳng quan tâm gì đến da dẻ mình lại sống ở vào khoảng chín hoặc mười độ vĩ tuyến miền xích đạo”

**A.** Hai **B.** Ba

**C.** Bốn **D.** Năm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Cụm động từ: có thể nghĩ; chẳng quan tâm

### Trắc nghiệm: Hợp đồng

**Câu 1:** Trong những tình huống dưới đây, tình huống nào cần viết hợp đồng?

**A.** Công ti thuê nhà em làm trụ sợ tiêu thụ sản phẩm

**B.** Em mất xe đạp và muốn trình báo với cơ quan công an

**C.** Nhà trường muốn biết kết quả học tập của các lớp

**D.** Xã em tiến hành bàn giao ngôi nhà tình nghĩa cho mẹ liệt sĩ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Nội dung nào dưới đây không phù hợp với văn bản hợp đồng?

**A.** Có các bên tham gia kí kết

**B.** Có sự thỏa thuận về trách nhiệm, quyền lợi của các bên tham gia

**C.** Có những điều khoản cụ thể cần thống nhất

**D.** Có những kiến nghị, đề nghị lên cơ quan có trách nhiệm để giải quyết

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Nêu tên các mục của hợp đồng vào cột bên trái cho phù hợp với nội dung cột bên phải?

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên mục** | **Nội dung** |
|  | Ghi họ tên, chức vụ, chữ kí của đại diện các bên tham gia kí kết hợp đồng và xác nhận bằng dấu của các cơ quan hai bên (nếu có) |
|  | Ghi quốc hiệu và tiêu ngữ, tên hợp đồng, thời gian, địa điểm, họ tên, chức vụ, địa chỉ của các bên kí kết hợp đồng |
|  | Ghi lại nội dung của hợp đồng theo từng điều khoản đã được thống nhất |

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án:**Phần kết -> phần mở đầu-> phần nội dung

**Câu 4:** Trường hợp nào dưới đây cần viết hợp đồng?

**A.** Trường em đề nghị với các cơ quan cấp trên cho phép sửa chữa, hiện đại hóa các phòng học

**B.** Gia đình em và cửa hàng vật liệu xây dựng thống nhất với nhau về mua bán

**C.** Xã em và công ty đại lí thống nhất đầu ra tiêu thụ nông sản

**D.** Thầy Hiệu trưởng nghỉ hưu bàn giao công việc cho thầy Hiệu trưởng mới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Phần nội dung ghi lại nội dung của từng hợp đồng theo từng điều khoản được thống nhất, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

## Bài 30.

### *Bố của Xi-mông*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Đ. Đi- phô ( tên đầy đủ là Daniel Defoe)

- Quê quán: sinh ra ở London, Anh

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

   + Ông là một nhà văn, nhà báo, học giả kinh tế người Anh

   + Các sáng tác: Thủ lĩnh Singleton, Moll Flanders…

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Rô- bin- xơn ngoài đảo hoang trích từ tiểu thuyết Rô- bin- xơn Cru- xô(1719). Đoạn trích kể chuyện lúc Rô- bin- xơn đã một mình sống ngoài đảo hoang 15 năm

**2. Bố cục**

- Đoạn 1: Mở đầu

- Đoạn 2: Trang phục của Rô- bin- xơn

- Đoạn 3: Trang của Rô- bin- xơn

- Đoạn 4: Diện mạo của Rô-bin-xơn

**3. Giá trị nội dung**

Đoạn trích khắc họa thành công hình tượng Rô- bin- xơn. Tuy cuộc sống gian nan nhưng Rô- bin- xơn không thốt ra lời than phiền đau khổ nào khi khắc họa chân dung mình. Trái lại, qua lời kể của chàng, hiện lên như bức chân dung một vị chúa đảo trị vì đảo quốc của mình

**4. Giá trị nghệ thuật**

Nghệ thuật miêu tả, khắc họa diện mạo nhân vật được sử dụng thành công, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn…là nét đặc sắc trong đoạn trích

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Đi-phô: Một nhà văn, nhà báo, học giả kinh tế người Anh

- Khái quát về đoạn trích Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang: trích từ tiểu thuyết Rô- bin- xơn Cru- xô(1719) khắc họa rõ nét hình tượng nhân vật Rô- bin- xơn

**II. Thân bài**

1. Cảm nhận về chân dung của chúa đảo

- Chân dung: mọi người hoảng sợ, cười sằng sặc

⇒ Nghệ thuật đối lập, giọng giễu cợt, hài hước ⇒ Khẳng định chân dung kì lạ, quái đản và tức cười

2. Trang phục của chúa đảo

Trang phục: Kì quặc, kì dị, kì quái, lạ lùng, lố lăng và nực cười

- Mũ: to tướng, cao lêu đêu.

- Áo: dài lưng chừng bắp đùi.

- Quần: loe bằng da dê , đến đầu gối.

- Giày: tự tạo, hình dáng kì cục

- Trang bị của chúa đảo:

   +Thắt lưng: rộng bản, đeo cưa và rìu nhỏ

   + Đạn, dù, súng

⇒ Nghệ thuật miêu tả ⇒ Trang phục độc đáo, hết sức đặc biệt.

3. Diện mạo của chúa đảo.

- Da: Không đến nỗi đen cháy.

- Râu cắt gọn.

- Ria mép: to tướng kiểu Hồi giá

⇒ Với giọng điệu khôi hài và thủ pháp so sánh ⇒ Tác giả khắc họa diện mạo kì quái của Rô-bin-xơn

⇒ Khi khắc hoạ bức chân dung của mình, Rô-bin-xơn không hề tỏ ra than phiền, đau khổ ⇒ Qua đó chứng tỏ một tinh thần rất lạc quan của một con người can đảm, làm chủ vận mệnh của mình

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: Với nghệ thuật miêu tả, khắc họa diện mạo nhân vật được sử dụng thành công, nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn ⇒ đoạn trích khắc họa nhân vật Rô-bin-xơn độc đáo, kì dị về ngoại hình nhưng tinh thần lại lạc quan, làm chủ mình

- Liên hệ trình bày suy nghĩ bản thân về nhân vật: Rô-bin-xơn xứng đáng là tấm gương để mỗi cá nhân học tập

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Nhà văn nào sau đây là nhà văn Pháp viết truyện ngắn Bố của Xi-mông?

**A.** Đô- đê **B.** Mô-li-e

**C.** Mô- pa-xăng **D.** Ê-ren-bua

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Mô-pa-xăng sống vào giai đoạn lịch sử nào?

**A.** Nửa đầu thế kỉ XIX **B.** Nửa đầu thế kỉ XX

**C.** Nửa cuối thế kỉ XIX **D.** Nửa cuối thế kỉ XX

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Sắp xếp những nội dung dưới đây để hoàn thiện diễn biến của đoạn trích Bố của Xi-mông?

**A.** Phi-líp gặp Xi-mông và hứa sẽ cho em một ông bố

**B.** Xi- mông đến trường và nói với các bạn có bố tên là Phi-lip

**C.** Phi-lip đưa Xi-mông về nhà trả cho chị Blăng-sốt và nhận làm bố của em

**D.** Xi- mông buồn chán, tuyệt vọng, lang thang ra bờ sông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D - > A -> C -> B**

**Câu 4:** Nhân vật nào không xuất hiện trong đoạn trích Bố của Xi-mông?

**A.** Bố của Xi-mông **B.** Bác Phi-lip

**C.** Mẹ của Xi-mông **D.** Xi- mông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Hoàn cảnh đáng thương của Xi-mông trong đoạn trích là gì?

**A.** Sống nghèo khổ, cô đơn **B.** Không có gia đình

**C.** Không có bố **D.** Không có mẹ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Nhân vật Phi-lip trong đoạn trích là người như thế nào?

**A.** Luôn yêu thương và quan tâm đến những đứa trẻ tội nghiệp

**B.** Muốn bỡn cợt với mẹ của Xi-mông

**C.** Thích bỡn cợt với Xi-mông

**D.** Chỉ muốn qua Xi-mông để gặp gỡ, tán tỉnh chị Blăng-sốt

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Phi-líp làm nghề gì?

**A.** Thợ mỏ **B.** Thợ đóng tàu

**C.** Thợ rèn **D.** Thợ đào vàng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Ý nào sau đây không phải là tâm trạng của chị Blăng sốt khi gặp bác Phi-lip?

**A.** Lạnh lùng, căm ghét Phi-lip **B.** Bối rối, lạnh lùng

**C.** Chua xót, tê tái **D.** Quằn quại vì hổ thẹn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Nội dung tư tưởng nổi bật của đoạn trích Bố của Xi-mông là gì?

**A.** Cảm thương cho những đứa trẻ sống lang thang, cơ nhỡ

**B.** Đồng cảm với nỗi khổ của những người phụ nữ lầm lỗi

**C.** Ca ngợi tình yêu thương giữa con người với con người

**D.** Tố cáo lối sống vô tâm trong xã hội

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 10:** Ý nào nói đúng về thái độ của tác giả qua đoạn trích trên?

**A.** Phê phán sự lầm lỡ của Blăng-sốt

**B.** Thương cảm cho nỗi bất hạnh của Xi-mông

**C.** Phê phán sự trêu chọc ác ý của bạn bè Xi-mông

**D.** Đề cao lòng nhân hậu, yêu thương con người

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 11:** Chi tiết Xi – mông “quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện” nằm ở phần nào của đoạn trích?

**A.** Phần nói về nỗi tuyệt vọng của Xi-mông

**B.** Phần nói về Phi-líp gặp Xi-mông

**C.** Phần kể Phi-lip đưa Xi-mông về nhà

**D.** Phần kể Xi-mông đến trường với niềm tin đã có một ông bố

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu văn sau:

Chị Blăng- sốt, mẹ của Xi-mông là một phụ nữ….

**A.** Khổ đau và cam chịu **B.** Lầm lỡ và hư hỏng

**C.** Khổ đau và tự trọng **D.** Nghèo khổ và bất hạnh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

### Trắc nghiệm: Ôn tập truyện lớp 9

**Câu 1:** Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa được sáng tác vào năm nào?

**A.** Năm 1948 **B.** Năm 1970

**C.** Năm 1976 **D.** Năm 1980

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 2:** Điền tên tác phẩm thích hợp vào phần nội dung ở cột phải

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tác phẩm (tác giả)** | **Nội dung** |
|  | Tình yêu làng quê sâu đậm, lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến quật cường của người nông dân |
|  | Phẩm chất bình dị, khiêm nhường mà cao cả của những con người trong thời kì mới xây dựng xã hội chủ nghĩa, sôi nổi, hào hứng |
|  | Cuộc sống gian khổ nhưng đầy nghị lực, dũng cảm của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn những năm tháng chống Mĩ |
|  | Suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc về cuộc đời, niềm trân trọng những vẻ đẹp giá trị bình dị, gần gũi với cuộc sống, quê hương |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án:**

1. Làng (Kim Lân)

2. Lặng lẽ Sa Pa

3. Những ngôi sao xa xôi

4. Bến quê

**Câu 3:** Chi tiết nào không xuất hiện trong tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa?

**A.** Một vườn hoa trên đỉnh Yên Sơn **B.** Người con gái hay tỉa lông mày của mình

**C.** Cô gái bỏ quên chiếc khăn mùi soa **D.** Anh thanh niên đưa cho người lái xe gói tam thất

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Tác phẩm Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng) được sáng tác vào giai đoạn lịch sử nào?

**A.** Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp

**B.** Thời kì hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

**C.** Thời kì kháng chiến chống Mĩ

**D.** Thời kì sau 1975

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Tác phẩm có ngôi kể là nhân vật xưng “tôi”?

**A.** Chiếc lược ngà **B.** Bến quê

**C.** Lặng lẽ Sa Pa **D.** Làng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Tổng kết về ngữ pháp (tiếp theo)

**Câu 1:** Dòng nào chưa phải là câu?

**A.** Nguyễn Du, đại thi hào dân tộc **B.** Trường tôi vừa được xây dựng khang trang

**C.** Chiếc quạt quay suốt ngày đêm **D.** Con đường làng rợp mát bóng cây

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Câu “ Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm” thuộc kiểu câu gì?

**A.** Câu đơn **B.** Câu đặc biệt

**C.** Câu ghép **D.** Câu phức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Câu “Sao mà mày hư vậy hả con?” được dùng với mục đích nói gì?

**A.** Nghi vấn **B.** Cảm thán

**C.** Tường thuật **D.** Cầu khiến

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Câu “Gió. Mưa. Não nùng.” Thuộc kiểu câu nào?

**A.** Câu đơn **B.** Câu đặc biệt

**C.** Câu ghép **D.** Câu phức

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Câu “Đây, thưa chị, tôi dắt về trả cho chị cháu bé bị lạc ở gần bờ sông.” Chứa thành phần biệt lập nào?

**A.** Gọi đáp **B.** Phụ chú

**C.** Tình thái **D.** Cảm thán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Câu “ Cõ lẽ trong thâm tâm, nó thầm tự nhủ sẽ cố gắng hơn vào kì thi sắp tới” sử dụng thành phần biệt lập nào?

**A.** Thành phần tình thái **B.** Thành phần cảm thán

**C.** Thành phần phụ chú **D.** Thành phần gọi đáp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Câu “Ơi con chim chiền chiền/ Hót chi mà vang trời” sử dụng thành phần tình thái đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Thành phần gọi đáp: ơi con chim chiền chiện

**Câu 8:** Cho câu “Một bác công nhân cao lớn, râu tóc đen, quăn, đang dắt mấy đứa nhỏ sang đường” là câu gì?

**A.** Câu đặc biệt **B.** Câu đơn

**C.** Câu ghép **D.** Câu cầu khiến

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Câu nào có vị ngữ là tính từ?

**A.** Em chẳng nghĩ ngợi gì nữa, chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa mà chỉ khóc hoài.

**B.** Trời ấm áp vô cùng, dễ chịu vô cùng.

**C.** Xi mông lặng im một giây để ghi nhớ cái tên ấy trong óc.

**D.** Bác công nhân nhấc bổng em lên, đột ngột hôn vào má em.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Quan hệ giữa các vế câu ghép sau là gì?

Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng.

**A.** Quan hệ nguyên nhân **B.** Quan hệ điều kiện

**C.** Quan hệ tương phản **D.** Quan hệ nhượng bộ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Chuyển câu chủ động sau sang câu bị động

a, Nhà văn Nguyễn Thành Long đã viết tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa năm 1970.

b, Tại trung tâm thành phố người ta sẽ xây dựng khi mua sắm liên hợp.

c, Bàn tay khéo léo của cô tạo ra những bức tranh thêu thật đẹp mắt.

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án:**

a, Tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa được nhà văn Nguyễn Thành Long viết năm 1970.

b, Khu liên hợp mua sắm ở trung tâm thành phố được người ta xây dựng.

c, Những bức tranh thêu thật đẹp mắt được tạo ra từ bàn tay khéo léo của cô.

**Câu 12:** Câu “Sao không đi đi còn đứng mãi thế? được dùng với mục đích nói gì?

**A.** Tường thuật **B.** Nghi vấn

**C.** Cầu khiến **D.** Cảm thán

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

## Bài 31.

### *Con chó Bấc*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- G. Mô- pa- xăng (1850-1893) tên đầy đủ là Guy de Maupassant

- Quê quán: vùng Normandie ở miền Bắc nước Pháp

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

   + Năm 1871, ông đến Paris làm một viên chức nhỏ cho Bộ Hải quân

   + Từ năm 1878 trở đi ông làm một viên chức Bộ Giáo dục

   + Hoạt động văn chương của ông bắt đầu khoảng giữa thời gian từ 1871-1880, bắt đầu bằng những bài thơ

   + Trong khoảng 1880-1891, ông đã sáng tác thêm khoảng 300 truyện ngắn, trong đó có rất nhiều truyện xuất sắc như: Người đã khuất, Món tư trang, Cái thùng con, …

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Văn bản là một phần của truyện ngắn Bố của Xi- mông, lấy từ Tuyển tập truyện ngắn Pháp, thế kỉ XIX, bản dịch của Lê Hồng Sâm, NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1986

**2. Bố cục**

- 4 phần:

   + Phần 1: Nỗi tuyệt vọng của Xi- mông

   + Phần 2: Xi- mông gặp bác Phi- líp

   + Phần 3: Bác Phi- líp đưa Xi- mông về nhà

   + Phần 4: Ngày hôm sau ở trường

**3. Giá trị nội dung**

- Qua diễn biến tâm trạng của ba nhân vật: Xi- mông, Blăng- sốt và Phi- líp, nhà văn gợi cho ta về lòng yêu bạn bè, mở rộng ra là yêu thương con người, sự thông cảm với những nỗi đau hoặc lầm lỡ của người khác

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả thật sâu sắc, tinh tế; hình thức giản dị trong sáng, thể hiện một nội dung cô đọng, sâu sắc.

**5. Phân tích**

**I. Mở bài**

- Vài nét về tác giả G. Mô- pa- xăng: Một nhà văn Pháp tài năng với gia tài văn chương đồ sộ

- Khái quát về đoạn trích Bố của Xi-mông: Đoạn trích là một phần của truyện ngắn Bố của Xi- mông, khắc họa thành công nét đẹp của các nhân vật Xi-mông, Blăng- sốt và Phi- líp

**II. Thân bài**

1. Nhân vật Xi-mông

- Là một đứa trẻ đáng thương: "Nó độ bảy, tám tuổi. Nó hơi xanh xao, rất sạch sẽ, vẻ nhút nhát gần như vụng dại", là đứa trẻ không có bố, thường bị bạn bè trêu chọc

- Ý nghĩa và hành động: Bỏ nhà ra bờ sông định tự tử.

- Tâm trạng: cảm giác uể oải, buồn bã vô cùng, chẳng nhìn thấy gì và chẳng nghĩ gì?

- Cử chỉ, hành động: Khóc, nức nở, khóc hoài

- Về nhà, nhìn thấy mẹ: - Nhảy lên ôm cổ mẹ, oà khóc

- Nói năng: ấp úng, ngắt quãng, không nên lời.

- Khi được bác Phi-líp nhận làm con: Kiêu hãnh, tự tin

   + Hết cả buồn.

   + Đưa con mắt thách thức lũ bạn.

⇒ Nghệ thuật miêu tả, so sánh ⇒ Đây là một đứa trẻ ngây thơ, hồn nhiên, đáng yêu và đáng thương nhưng đồng thời Xi – mông cũng là đứa rất có nghị lực

2. Nhân vật Blăng- sốt

- Được giới thiệu: là một thiếu phụ, cao lớn, xanh xao, nghiêm nghị.

- Sống cùng đứa con trai Xi-mông trong ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

- Thái độ với khách: đứng nghiêm nghị…như muốn cám đàn ông bước qua ngướng cửa.

- Nỗi lòng với con

   + Tái tê đến tận xương tuỷ, nước mắt lã chã tuôn rơi.

   + Lặng ngắt và quằn quại vì hổ thẹn

⇒ Nghệ thuật miêu tả, tác giả đã cho thấy Blăng- sốt là một người thiếu phụ đẹp, đức hạnh, trót lỡ lầm

3. Nhân vật Phi - lip

- Được giới thiệu là một người:

   + Cao lớn, râu tóc quăn đen

   + Bàn tay chắc nịch, giọng ồm ồm.

- Khi gặp Xi-mông:

   + Đặt tay lên vai em ôn tồn hỏi, nhìn em nhân hậu.

- Trên đường đưa Xi-mông về nhà nghĩ bụng có thể đùa cợt với chị - “tự nhủ thầm”

- Hành động: Trò chuyện và nhận làm bố của Xi-mông

⇒ Nghệ thuật kể chuyện sinh động, nghệ thuật miêu tả, ngôn ngữ đối thoại ⇒ Bác Phi-líp là người nhân hậu, giàu tình thương đã cứu sống Xi-mông, nhận làm bố của Xi-mông, đem lại niềm vui cho em.

**II. Kết bài**

- Khẳng định lại những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: Nghệ thuật: miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật sắc nét.

Nội dung: Nhắc nhở lòng thương yêu con người, bè bạn.

- Liên hệ bản thân

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Giắc Lân đơn là nhà văn cùng quốc tịch với nhà văn nào?

**A.** O Hen-ri **B.** Đi – phô

**C.** Mô pa-xăng **D.** Ta-go

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Giải thích:**Cả hai nhà văn đều có quốc tịch Mỹ

**Câu 2:** Văn bản Con chó Bấc được trích từ tác phẩm nào?

**A.** Chó hoang Đin-gô **B.** Chiếc lá cuối cùng

**C.** Cố hương **D.** Tiếng gọi nơi hoang dã

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 3:** Văn bản trích có thể chia làm mấy phần?

**A.** Hai **B.** Ba

**C.** Bốn **D.** Không thể phân chia được

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Nội dung chính của đoạn trích?

**A.** Kể về hoàn cảnh của con chó Bấc **B.** Miêu tả tình cảm của chó Bấc đối với ông chủ

**C.** Miêu tả tình cảm của ông chủ đối với chó Bấc **D.** Miêu tả tình cảm của những con người

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Vì sao con chó Bấc lại được ông chủ Thooc –tơn chăm sóc?

**A.** Vì nghĩa vụ **B.** Vì lợi ích kinh doanh

**C.** Vì tình yêu chân thành **D.** Vì cùng sống dưới một mái nhà

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 6:** Tình cảm Thooc- tơn dành cho Bấc cho thấy Thooc –tơn coi Bấc như thế nào?

**A.** Con cái, bạn bè **B.** Đồng loại

**C.** Anh em **D.** Một con chó bình thường

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Ý nào cho thấy nhà văn thể hiện chiều sâu “tâm hồn” của con chó Bấc?

**A.** Tình yêu thương của Bấc phần lớn được diễn đạt bằng sự tôn thờ

**B.** Nó thường nằm phục vụ ở chân Thooc- tơn hàng giờ

**C.** Nó nằm xa hơn, về một bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và từng cử động của thân thể anh

**D.** Tình cảm của Bấc ngời ánh lên qua đôi mắt nó tỏa rạng ra ngoài

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Câu nào rõ nhất tâm trạng lo sợ của Bấc sau khi được Thooc- tơn cứu sống

**A.** Một thời gian dài sau khi được cứu sống, Bấc không muốn rời Thooc-tơn một bước

**B.** Từ lúc anh ra khỏi lều cho đến lúc anh quay trở về, Bấc luôn bám theo gót chân anh

**C.** Ngay cả đêm, trong các giấc mơ, nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ảnh

**D.** Nó vội vùng dậy không ngủ nữa, trườn ra ngoài giá lạnh, đến tận mép lều đứng đấy, lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 9:** Đoạn trích thể hiện trí tưởng tượng tuyệt vời khi đi sâu vào “tâm hồn” của con chó Bấc, đồng thời bộc lộ tình cảm yêu thương của mình đối với loài vật, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Kiểm tra phần tiếng việt lớp 9 học kì II

**Câu 1:** Tìm khởi ngữ trong câu sau: “Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”?

**A.** Còn mắt tôi **B.** Còn

**C.** Anh lái xe bảo **D.** Sao mà xa xăm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Thành phần được gạch chân trong câu sau “Và thường thường, như mối giao cảm giữa họ với nhau, sức mạnh ánh mắt của Bấc làm cho Giôn Thooc- tơn quay đầu sang và nhìn lại nó, không nói năng gì…” thuộc thành phần gì trong câu?

**A.** Thành phần khởi ngữ **B.** Thành phần phụ chú

**C.** Thành phần tình thái **D.** Thành phần gọi- đáp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Câu văn trên có mấy cụm danh từ?

**A.** Một **B.** Hai

**C.** Ba **D.** Bốn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Giải thích:**Cụm danh từ: Mối giao cảm giữa họ với nhau, ánh mắt của Bấc

**Câu 4:** Mối quan hệ sâu sắc nhất giữa con chó Bấc và Thooc- tơn được biểu hiện ở điểm nào?

**A.** Bấc luôn trung thành với Thooc tơn

**B.** Bấc luôn tôn thờ Thooc-tơn

**C.** Giữa Bấc và Thooc tơn như có mối giao cảm với nhau

**D.** Bấc luôn tự hào về người chủ của mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 5:** Phần gạch chân trong câu “Hoặc cũng có lúc nó nằm ra xa hơn, về một bên hoặc đằng sau anh, quan sát hình dáng của anh và từng của động của thân thể anh” sử dụng phép liên kết nào?

**A.** Phép nối **B.** Phép thế

**C.** Phép lặp từ **D.** Phép đồng nghĩa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Từ in đậm trong câu ca dao sau thuộc thành phần gì của câu?

**Ăn** thì ăn những miếng ngon

**Làm** thì chọn việc cỏn con mà làm

**A.** Thành phần khởi ngữ **B.** Thành phần cảm thán

**C.** Thành phần phụ chú **D.** Thành phần tình thái

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Thành phần gạch chân trong câu “Thật đấy, chuyến này không được Độc lập thì chết cả đi chứ sống làm gì cho nó nhục”?

**A.** Thành phần cảm thán **B.** Thành phần tình thái

**C.** Thành phần phụ chú **D.** Thành phần gọi- đáp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào?

Ngay cả ban đêm, trong các giấc mơ, nó cũng bị nỗi lo sợ này ám ảnh. Những lúc ấy, nó vội vùng dậy không ngủ nữa, trườn qua giá lạnh đến tận mép lều, đứng đấy, lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ…

**A.** Phép nối **B.** Phép lặp

**C.** Phép thế **D.** Phép đồng nghĩa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Dòng nào nêu đầy đủ các cụm danh từ có trong hai câu văn trên?

**A.** Ban đêm, các giấc mơ, nỗi lo sợ này, tiếng thở đều đều

**B.** Ban đêm, nỗi lo sợ này, ám ảnh, vội vùng dậy, cái giá lạnh

**C.** Ban đêm, các giấc mơ, nỗi lo sợ, ám ảnh, vội vùng dậy, cái giá lạnh

**D.** Nỗi lo sợ, ám ảnh, vội vùng dậy, cái giá lạnh, đứng đấy, lắng nghe

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Câu nào có chưa khởi ngữ?

**A.** Về tài đánh cờ vua thì nó giỏi nhất lớp **B.** Nó đứng nhất lớp về tài đánh cờ vua

**C.** Cờ vua là môn thể thao lí thú đối với chúng tôi **D.** Chúng tôi rất thích học đánh cờ vua

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Câu “Tình yêu thương, một tình yêu thương thực sự và nồng nàn, lần đầu tiên phát sinh ra bên trong nó” có chứa thành phần biệt lập nào?

**A.** Thành phần tình thái **B.** Thành phần cảm thán

**C.** Thành phần gọi - đáp **D.** Thành phần phụ chú

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Giải thích:**Thành phần phụ chú: một tình yêu thương thực sự và nồng nàn

**Câu 12:** Thành phàn biệt lập tìm được trong câu trên có vai trò gì trong câu?

**A.** Nêu ý bổ sung **B.** Nêu thái độ của người nói

**C.** Thể hiện cách nhìn của người nói **D.** Duy trì quan hệ giao tiếp

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 13:** Dòng nào nói đúng về điều kiện sử dụng hàm ý?

**A.** Người nói (người viết) và người nghe (người đọc) có trình độ học vấn cao

**B.** Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói, người nghe (người đọc có năng lực đoán hàm ý

**C.** Người nói (người viết) sử dụng cách nói so sánh, ẩn dụ

**D.** Người nói (người viết) không muốn nói trực tiếp ý tưởng của mình

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

## Bài 32.

### *Bắc Sơn*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Nguyễn Huy Tưởng( sinh năm 1912)

- Quê quán: làng Dục Tú, từ Sơn, bắc Ninh nay thuộc xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

   + Năm 1930, ông tham gia các hoạt động yêu nước của thanh niên học sinh ở Hải Phòng

   + Năm 1943 ông gia nhập nhóm Văn hóa cứu quốc bí mật và được bầu làm Tổng thư ký Hội Truyền bá Quốc ngữ Hải Phòng. Sau đó ông tiếp tục hoạt động ở Hà Nội, Nam Định và Phúc Yên.

   + Năm 1951, ông tham gia chiến dịch biên giới

   + Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 1996

- Tác phẩm tiêu biểu: Bốn năm sau, An Tư công chúa, Truyện Anh Lục…

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Vở kịch Bắc Sơn được Nguyễn Huy Tưởng sáng tác và đưa lên sân khấu vào đầu năm 1946 trong không khí sôi sục của những năm đầu cách mạng

**2. Tóm tắt**

Đêm, thấy Ngọc - chồng mình cầm gậy và đèn bấm định đi đâu với dáng điệu rất khả nghi. Thơm cho chồng biết có tin đồn Ngọc dắt tây vào đánh Vũ Lăng, Ngọc chối và nói tránh sang chuyện về một chiến sĩ cách mạng tên Thái Có tiếng gọi và Ngọc vội vã ra đi, Thơm một mình nghĩ đến mẹ rồi nghĩ đến Thái, lo sợ Thái bị bắt. Đúng lúc đó, Thái và Cửu chạy nhầm vào nhà Thơm. Thơm tìm cách giấu hai người vào buồng của mình. Thơm đã giấu thành công hai chiến sĩ cách mạng

**3. Giá trị nội dung**

- Đoạn trích thể hiện những xung đột diễn ra trong nội tâm nhân vật Thơm, thúc đẩy diễn biến tâm trạng nhân vật để đi tới bước ngoặt quan trọng, làm nổi bật vẻ đẹp và sự chuyển biến trong nhận thức của nhân vật Thơm

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Tác giả thành công trong việc xây dựng tình huống kịch: tình huống éo le, bất ngờ, bộc lộ rõ xung đột và thúc đẩy hành động kịch phát triển, tác giả đã tổ chức được các đối thoại với những nhịp điệu, giọng điệu khác nhau, phù hợp với từng giai đoạn của hành động kịch

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Nguyễn Huy Tưởng: một nhà văn chủ chốt của nền VH Việt Nam

- Khái quát về đoạn trích: thuộc lớp 2,3 hồi 4 của kịch "Bắc Sơn": đoạn trích đã thể hiện xung đột gay gắt giữa lực lượng cách mạng và kẻ thù, đồng thời thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật Thơm

**II. Thân bài**

1. Tình huống kịch

- Khi Thái, Cửu bị Ngọc truy đuổi chạy vào đúng nhà Thơm (vợ Ngọc), tình huống này buộc buộc nhân vật Thơm phải có chuyển biến thái độ, dứt khoát đứng về phía cách mạng.

2. Nhân vật Thơm

- Hoàn cảnh:

   + Cha, em trai: hi sinh.

   + Mẹ: bỏ đi

- Còn một người thân duy nhất là Ngọc- chồng

   + Sống an nhàn, được chồng chiều chuộng (sắm sửa, may mặc…).

- Tâm trạng: Luôn day dứt, ân hận về cha, mẹ.

- Thái độ với chồng:

   + Băn khoăn, nghi ngờ chồng làm Việt gian.

   + Tìm cách dò xét.

   + Cố níu chút hi vọng về chồng

- Hành động:

   + Che giấu Thái, Cửu – hai chiến sĩ cách mạng ngay trong buồng của mình.

   + Khôn ngoan, che mắt Ngọc bảo vệ cho 2 chiến sĩ cách mạng.

⇒ Nghệ thuật miêu tả ⇒ Hành động táo bạo, bất ngờ ⇒ Là người có bản chất trung thực, lòng tự trọng, nhận thức về cách mạng nên đã biến chuyển thái độ, đứng hẳn về phía cách mạng.

⇒ Khẳng định chân lí: Cuộc đấu tranh cách mạng ngay cả khi bị đàn áp khốc liệt cũng sẽ không thể bị tiêu diệt, vẫn có thể thức tỉnh quần chúng, cả với những người ở vị trí trung gian như Thơm

2. Nhân vật Ngọc

- Là nhân vật giả nhân giả nghĩa

- Ham muốn địa vị, quyền lực, tiền tài

- Làm tay sai cho giặc (Việt gian)

- Tên Việt gian bán nước đê tiện, đáng khinh, đáng ghét.

⇒ Là một người hám lợi, hám danh

3. Nhân vật Thái, Cửu

- Bị truy đuổi - chạy vào nhà Thơm.

- Thái: giữ lại, tươi cười, định chạy ra cửa ⇒ Hành động bình tĩnh, sáng suốt.

- Cửu: vẻ mặt thất sắc, chĩa súng định bắn thất vọng, hoài nghi ⇒ Nóng nảy, hăng hái nhưng thiếu chín chắn.

⇒ Những chiến sĩ cách mạng kiên cường trung thành đối với Tổ quốc, cách mạng, đất nước…

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:

   + Nghệ thuật: Cách tạo dựng tình huống sử dụng ngôn ngữ đối thoại.

   + Nội dung:Thể hiện diễn biến nội tâm nhân vật Thơm – người phụ nữ có chồng theo giặc – đứng hẳn về phía cách mạng.

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Cách hiểu đúng nhất về thể loại kịch?

**A.** Chủ yếu dùng phương thức kể, tả, qua lời kể chuyện để tái hiện đời sống

**B.** Dùng phương thức biểu cảm và bằng lời nói của cái tôi trữ tình để biểu hiện tình cảm, thái độ trước hiện thực

**C.** Dùng lí lẽ và dẫn chứng để khẳng định hoặc bác bỏ vấn đề được nêu ra

**D.** Dùng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và cử chỉ, hành động cảu nhân vật thể hiện những mâu thuẫn xung đột trong đời sống

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** Vở chèo Quan âm thị kính thuộc thể loại kịch gì?

**A.** Kịch hát **B.** Kịch nói

**C.** Kịch thơ **D.** Kết hợp giữa ca kịch và múa

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng về một hồi kịch?

**A.** Thể hiện một biến cố hay sự kiện trong cốt truyện kịch

**B.** Các sự kiện xung quanh một nhân vật trong vở kịch

**C.** Không thay đổi thành phần của nhân vật trên sân khấu

**D.** Không thay đổi địa điểm và bài trí sân khấu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Vở kịch Bắc Sơn phản ánh giai đoạn lịch sử nào của dân tộc?

**A.** Đầu những năm 30 của thế kỉ trước **B.** Đầu những năm 40 của thế kỉ trước

**C.** Sau cách mạng tháng Tám 1945 **D.** Sau kháng chiến chống Pháp 1954

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Kịch Bắc Sơn được viết 1946, trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp

**Câu 5:** Địa danh Bắc Sơn được nhắc đến nằm ở đâu?

**A.** Tây Bắc **B.** Việt Bắc

**C.** Trung Bộ **D.** Nam Bộ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Vở kịch nói về những nhân vật thuộc dân tộc nào?

**A.** Tày **B.** Nùng

**C.** Dao **D.** Thái

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Thứ tự sắp xếp đúng trình tự diễn biến của các sự việc được giới thiệu trong đoạn trích?

**A.** Thơm và Ngọc nói chuyện với nhau trước khi Ngọc cùng đồng bọn đi lùng bắt Thái và Cửu

**B.** Ngọc trên đường đi bắt những người cách mạng ghé về nhà

**C.** Thái và Cửu chạy trốn nhầm vào nhà Ngọc

**D.** Thơm quyết định che dấu hai người ở nhà mình

**E.** Thơm khôn khéo che giấu Ngọc và cứu hai người cách mạng

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án: C-> D-> B -> A-> E**

**Câu 8:** Câu nói đúng tình huống kịch của đoạn trích?

**A.** Những người cách mạng bất ngờ chạm trán với tên chỉ điểm

**B.** Những người cách mạng chạy trốn nhầm nhà tên chỉ điểm

**C.** Vợ tên chỉ điểm bất ngờ nhận ra bộ mặt thật của chồng

**D.** Tên chỉ điểm bất ngờ ghé về thăm nhà và bắt gặp những người cách mạng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 9:** Ý nào nói đúng sự chuyển biến của nhân vật Thơm trong đoạn?

**A.** Từ chỗ thờ ơ, sợ hãi đến chỗ đứng hẳn về phía cách mạng

**B.** Từ chỗ hiểu sai đến chỗ hiểu đúng về những người cách mạng

**C.** Từ chỗ theo chồng làm chỉ điểm đến chỗ đấu tranh trực diện với chồng

**D.** Từ chỗ quay lưng về phía cách mạng đến chỗ đi theo cách mạng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng về nhân vật Thái?

**A.** Hoài nghi, không tin vào vợ Việt gian **B.** Hốt hoảng, bối rối khi chạy nhầm vào nhà Thơm

**C.** Bình tĩnh, tin vào lòng tốt của quần chúng **D.** Bất lực, phó thác cho hoàn cảnh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Ý nào chứng tỏ Thơm đã hiểu rõ bản chất của Ngọc?

**A.** Anh thằng Sáng thật chỉ ăn người **B.** Ai biết được, cứ ỡm ờ làm gì?

**C.** Thì làm gì cứ phải thâm thù thế **D.** Đấy nhớ, cứ đổ tội cho vợ tiêu

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 12:** Dòng nào sau đây nêu đúng những đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích?

**A.** Tạo dựng tình huống và miêu tả tâm lí nhân vật

**B.** Tổ chức đối thoại, xây dựng nhân vật, tả cảnh, tả tình

**C.** Miêu tả tâm trạng, sử dụng phong phú các biện pháp tu từ

**D.** Xây dựng tình huống, tổ chức đối thoại, thể hiện tâm lí và tính cách

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

### Tổng kết phần tập làm văn

**I. Kiến thức cơ bản**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu văn bản** | **Phương thức biểu đạt** | **Ví dụ về hình thức văn bản cụ thể** |
| 1 | Văn bản tự sự | Trình bày sự việc, có quan hệ nhân quả  - Mục đích: Biểu hiện con người, quy luật đời sống, bày tỏ tình cảm thái độ | - Bản tin báo chí  - Bản tin tường thuật, tường trình  - Tác phẩm văn học |
| 2 | Văn bản miêu tả | - Tái hiện các tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng, làm cho chúng hiển hiện  - Giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng | - Văn tả cảnh, tả người, tả sự vật  - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự |
| 3 | Văn biểu cảm | Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người đối với con người, thiên nhiên, xã hội, sự vật  - Bày tỏ tình cảm và khơi gợi sự đồng cảm | - Điện mừng, làm thăm hỏi, chia buồn, văn tế, điếu văn  - Thư từ biểu hiện tình cảm giữa người với người  - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút, bút kí |
| 4 | Văn bản thuyết minh | - Trình bày thuộc tính cấu tạo, nguyên nhân, kết quả, tính có ích, có hại của sự vật, hiện tượng | Bản thuyết minh sản phẩm hàng hóa  - Lời giới thiệu di tích thắng cảnh, nhân vật  - Văn bản trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học |
| 5 | Văn bản nghị luận | Trình bày tư tưởng, quan điểm đối với tự nhiên, xã hội, con người và tác phẩm văn học bằng các luận điểm, luận cứ, lập luận  Thuyết phục mọi người tin theo cái tốt, từ bỏ cái sai, cái xấu | - Nghị luận về các tác phẩm văn học  - Nghị luận về các hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lý… |

**II. Bài tập vận dụng**

Bài 1: Trong tác phẩm nghị luận, các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự đóng vai trò như thế nào?

Bài 2: Kiểu văn bản tự sự và thể loại văn học tự sự khác nhau như thế nào? Tính nghệ thuật trong tác phẩm văn học tự sự thể hiện ở điểm nào?

Bài 3: So sánh kiểu văn bản biểu cảm với thể loại văn học trữ tình giống và khác nhau ở những điểm nào? Nêu đặc điểm của thể loại văn học trữ tình. Cho ví dụ minh họa

Bài 4: Các phương thức biểu đạt có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể không? Vì sao? Nêu một ví dụ minh họa cụ thể?

**Hướng dẫn trả lời**

Bài 1:

Các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn nghị luận đóng vai trò là yếu tố phụ trợ, giúp cho tác phẩm nghị luận trở nên sinh động, thuyết phục

- Trong văn nghị luận: yếu tố nghị luận là yếu tố chủ đạo, làm sáng tỏ nội dung, nổi bật nội dung cần nói đến

Bài 2:

Kiểu văn bản tự sự và thể loại văn học tự sự có sự giống và khác nhau:

- Giống: yếu tố tự sự (kể chuyện) đóng vai trò chính

- Khác nhau:

Văn bản tự sự: phương thức biểu đạt chính là trình bày sự việc

   + Tính nghệ thuật được thể hiện qua các yếu tố cốt truyện- nhân vật- sự việc- kết cấu văn bản

- Thể loại tự sự đa dạng: truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết…

Bài 3:

Kiểu văn bản biểu cảm và thể loại trữ tình

- Giống: đều có yếu tố cảm xúc giữ vai trò chủ đạo

- Khác:

   + Văn biểu cảm: Bày tỏ cảm xúc về một đối tượng (văn xuôi)

   + Tác phẩm trữ tình: đời sống cảm xúc của chủ thể trước vấn đề đời sống (thơ)

- Văn học trữ tình thường:

   + Bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp

   + Người bộc lộ cảm xúc là nhân vật trữ tình

   + Ngôn ngữ thường cô đọng, giàu tính biểu cảm, cách thể hiện ngắn gọn

Bài 4:

Các phương thức biểu đạt có thể được phối hợp với nhau trong cùng một văn bản. mỗi phương thức biểu đạt sẽ tạo ra thế mạnh khác nhau cho từng mục đích, yêu cầu của văn bản.

Ví dụ: Trong tác phẩm Làng của Kim Lân, phương thức biểu đạt chủ yếu là phương thức tự sự

- Các phương thức khác phối hợp như phương thức miêu tả, biểu cảm

   + Phương thức miêu tả: thể hiện qua các chi tiết miêu tả nhân vật về gương mặt, tính cách, hành động

   + Phương thức biểu cảm khi diễn tả được diễn biến chiều sâu tâm lý của nhân vật, những giằng xé trong tâm trạng của người nông dân yêu nước

Như vậy, khi kết hợp các phương thức biểu đạt sẽ tạo ra hiệu quả nghệ thuật theo từng mục đích của văn bản

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Hãy nối tên kiểu văn bản ở cột A với nội dung ở cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1 Văn bản tự sự | **A.** Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người đối với con vật, thiên nhiên, xã hội, sự vật |
| 2. Văn bản miêu tả | B. Trình bày theo mẫu chung, bày tỏ nguyện vọng của cá nhân, tập thể với các cơ quan quản lí hoặc bày tỏ yêu cầu, quyết định, thỏa thuật giữa các bên có trách nhiệm |
| 3. Văn bản biểu cảm | **C.** Trình bày tư tưởng, quan điểm đối với tự nhiên, xã hội, con người và tác phẩm văn học bằng các luận điểm, luận cứ và cách lập luận thuyết phục |
| 4. Văn bản thuyết minh | D. Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết cục, qua đó biểu hiện con người, quy luật cuộc sống, bày tỏ thái độ |
| 5. Văn bản nghị luận | E. Tái hiện tính chất, thuộc tính của sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm và hiểu được chúng |
| 6. Văn bản điều hành | G. Trình bày, giới thiệu thuộc tính, cấu tạo, công dụng của sự vật, hiện tượng, cung cấp tri thức khách quan về đối tượng |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án: 1- D; 2- E; 3- A; 4- G; 5- C; 6- B**

**Câu 2:** Trong các loại văn bản sau, văn bản nào không sử dụng phương thức biểu cảm?

**A.** Lời giới thiệu một di tích lịch sử

**B.** Điện chúc mừng, thăm hỏi, chia buồn

**C.** Thư từ biểu hiện tình cảm giữa người với người

**D.** Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút, bút kí…

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Kiểu văn bản chính nào không được giới thiệu trong sách Ngữ văn 9?

**A.** Văn bản thuyết minh **B.** Văn bản tự sự

**C.** Văn bản nghị luận **D.** Văn bản miêu tả

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 4:** Văn bản nghị luận, việc đưa yếu tố miêu tả vào có ý nghĩa gì?

**A.** Trình bày rõ diễn biến của sự việc được nêu ra **B.** Tái hiện cụ thể sự vật, hiện tượng

**C.** Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của người viết **D.** Giới thiệu rõ đặc điểm, công dụng của đối tượng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 5:** Dòng nào sau đây nêu đúng đặc điểm của văn bản nghị luận?

**A.** Trình bày, giới thiệu, giải thích… nhằm cung cấp tri thức về các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội

**B.** Dùng lí lẽ và dẫn chứng làm sáng tỏ một vấn đề, nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về quan điểm hay tư tưởng được nêu ra

**C.** Trình bày sự việc, nhân vật, diễn biến, nhằm giải thích về sự việc, tìm hiểu con người và bày tỏ thái độ khen chê

**D.** Dùng chi tiết, hình ảnh,… nhằm tái hiện chi tiết cụ thể để người đọc hình dung rõ nét về sự việc, con người, phong cảnh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Ngôn ngữ của văn bản điều hành (hành chính- công vụ) có đặc điểm gì?

**A.** Có tính hình tượng **B.** Có tính biểu cảm

**C.** Chính xác, không dùng biện pháp tu từ **D.** Có thể sử dụng các biện pháp tư từ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 7:** Văn bản nào sau đây thuộc văn học nước ngoài

**A.** Bến quê **B.** Những ngôi sao xa xôi

**C.** Con chó Bấc **D.** Tôi và chúng ta

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 8:** Lỗ Tấn viết tác phẩm nào?

**A.** Con chó Bấc **B.** Bố của Xi-mông

**C.** Cố hương **D.** Rô Bin –xơn ở ngoài đảo hoang

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 9:** Đi- phô là nhà văn nước nào?

**A.** Mĩ **B.** Anh

**C.** Pháp **D.** Nga

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 10:** Trường hợp nào nêu đúng và đủ tên các tác giả có trong các văn bản đọc hiểu?

**A.** Lỗ Tấn, Ta- go, Lí Bạch, Mô-pa- xăng, Đi- phô, Lân-đơn, Ô Hen-ri, Go-rơ-ki, Đỗ Phủ

**B.** Lỗ Tấn, Go-rơ-ki, Lí Bạch, Mô-pa-xăng, Đi- phô, Lân- đơn, O Hen-ri, Mô-li-e

**C.** Lỗ Tấn, Go-rơ-ki, Mác-két, Đi- phô, Mô- pa-xăng, Lân-đơn, Chu Quang Tiềm, Ten

**D.** Lỗ Tấn, Go-rơ-ki, Đi-phô, Mô-pa-xăng, Lân-đơn, Chu Quang Tiềm, Ten

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 11:** Các nhân vật có trong truyện Cố hương của Lỗ Tấn?

**A.** Nhuận Thổ, Tây Thi đậu phụ, mẹ tôi, Thủy Sinh, Mã Lương

**B.** Tôi, Nhuận Thổ, mẹ tôi, Thủy Sinh, Hai Dương, cháu Hoàng

**C.** Nhuận Thổ, tôi, mẹ tôi, Mạnh Tử, Hai Dương, cháu Hoàng

**D.** Nhuận Thổ, tôi, mẹ tôi, Mạnh Tử, Hai Dương, cháu Hoàng.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Văn bản nào sau đây là văn bản nghị luận?

**A.** Những đứa trẻ **B.** Đánh nhau với cối xay gió

**C.** Đấu tranh cho một thế giới hòa bình **D.** Hai cây phong

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

## Bài 33.

### *Tôi và chúng ta*

**A. Nội dung bài học**

I. Vài nét về tác giả

- Lưu Quang Vũ (1948- 1988)

- Quê quán: xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nhưng quê gốc lại ở phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:

+ Từ 1965 đến 1970, ông nhập ngũ, phục vụ trong Quân chủng Phòng không-Không quân=> thời kì này thơ Lưu Quang Vũ bắt đầu nở rộ.

+ Từ 1978 đến 1988: Lưu Quang Vũ làm biên tập viên Tạp chí Sân khấu, bắt đầu sáng tác kịch nói, vở kịch đầu tay của tác giả là Sống mãi tuổi 17

+ Tác phẩm tiêu biểu: Hồn Trương Ba da hàng thịt, Linh hồn của đá, Chiếc ô công lý…

- Phong cách sáng tác:

+ Thơ Lưu Quang Vũ không chỉ bay bổng, tài hoa mà còn giàu cảm xúc, trăn trở, khát khao. Anh còn là tác giả của nhiều truyện ngắn mang đậm phong cách riêng, kịch đi sâu vào những vấn đề nổi cộm của đời sống

II. Tác phẩm

**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Đoạn trích thuộc cảnh ba của vở kịch Tôi và chúng ta (vở kịch gồm 9 cảnh) – một vở kịch phản ánh cuộc đấu tranh gay gắt cũ- mới để phát triển

**2. Bố cục**

- Phần 1 (đầu vở kịch cho đến…. “tăng lên ít nhất là gấp năm lần”): Giám đốc Hoàng Việt và kĩ sư Lê Sơn bắt đầu triển khai kế hoạch kinh doanh mới.

- Phần 2 (tiếp theo từ đoạn 1 cho đến…. “các đồng chí giải tán”): Kế hoạch kinh doanh mới chịu sự phản đối nhưng giám đốc Hoàng Việt vẫn quyết định thực hiện

- Phần 3 (Tiếp theo cho đến hết): Phản ứng của công nhân, phó giám đốc Nguyễn Chính, kĩ sư Lê Sơn khi kế hoạch kinh doanh mới bắt đầu thực hiện và kết quả chiến thắng của phe tiến bộ, đổi mới

**3. Giá trị nội dung**

- Đoạn trích đã làm nổi bật vấn đề đổi mới trong sản xuất, đem lại lợi ích cho đất nước và mọi người. Thông qua đó, tác giả muốn nhấn mạnh rằng muốn phát triển, cần phá bỏ cách suy nghĩ lạc hậu, mạnh dạn đổi mới phương thức tổ chức, lề lối hoạt động.

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Cách xây dựng tình huống kịch giàu kịch tính

- Nghệ thuật khắc họa rõ cách nhân vật được sử dụng thành công

**5. Phân tích tác phẩm**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét về tác giả Lưu Quang Vũ: một nhà viết kịch đại tài với những vở kịch đề cập đến thời sự nóng hổi của cuộc sống đương thời

- Vài nét về kịch Tôi và chúng ta và đoạn trích: Thông qua cuộc đối thoại gay gắt công khai đầu tiên giữa 2 tuyển nhân vật diễn ra trong phòng làm việc của Giám đốc Hoàng Việt, ta thấy cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người mạnh dạn đổi mới và những người mang tư tưởng bảo thủ, lạc hậu

**II. Thân bài**

1. Tình huống kịch và những mâu thuẫn cơ bản

- Tình huống kịch:

+ Tình trạng ngưng trệ sản xuất ở xí nghiệp đòi hỏi có cách giải quyết, Giám đốc Hoàng Việt quyết định công bố kế hoạch sản xuất mở rộng và phương án làm ăn mới => Tuyên chiến với cơ chế quản lý phương thức tổ chức lỗi thời do Nguyễn Chính và Trương là tiêu biểu.

- Mâu thuẫn cơ bản giữa 2 tuyến:

+ Hoàng Việt (giám đốc) và Sơn (kĩ sư): Tư tưởng mới, tiến bộ, dám nghĩ, dám làm

+ Phòng tổ chức lao động, tài vụ (biên chế, tiền lương) quản đốc phân xưởng: Bảo thủ, trì trệ, máy móc

2. Nhân vật

- Giám đốc Hoàng Việt:

+ Người lãnh đạo có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, dám nghĩ, dám làm.

+ Thẳng thắn, trung thực kiên quyết đấu tranh với niềm tin vào chân lý.

- Kĩ sư Lê Sơn:

+ Có năng lực, trình độ chuyên môn giỏi, gắn bó nhiều năm cùng xí nghiệp

+ Sẵn sàng cùng Hoàng Việt cái tiến toàn diện hoạt động xí nghiệp

- Phó Giám đốc Chính và giám đốc phân xưởng Trương:

+ Máy móc, bảo thủ, gian ngoan, nhiều mánh khoé.

+ Dựa vào cơ chế nguyên tắc chống lại sự đổi mới, khéo xu nịnh.

3. Ý nghĩa của mâu thuẫn kịch và cách kết thúc tình huống

- Cuộc đấu tranh giữa 2 phái: đổi mới và bảo thủ

⇒ Phản ánh tính tất yếu và gay gắt những tình huống xung đột kịch nêu lên là vấn đề nóng bỏng của thức tế đời sống sinh động.

- Thông qua cách kết thúc tình huống ⇒Khẳng định cuộc đấu tranh mới-cũ, tiến bộ- lạc hậu, trì trệ rất gay go nhưng nhất định những gì tiến bộ sẽ thắng

**III. Kết bài**

- Khái quát lại những nét tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích: Bằng việc xây dựng tình huống kịch hấp dẫn, các nhân vật có tính cách rõ nét, Lưu Quang Vũ đã khắc họa thành công cuộc đấu tranh cũ- mới

- Liên hệ cuộc đấu tranh cũ – mới hiện nay

**B. Bài tập luyện tập**

**Câu 1:** Vở kịch Tôi và chúng ta ra đời trong hoàn cảnh nào?

**A.** Thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước

**B.** Thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

**C.** Thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội sau chiến tranh (những năm 80 của thế kỉ XX)

**D.** Thời kì đổi mới (những năm 90 của thế kỉ XX)

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 2:** Vở kịch Tôi và chúng ta viết về cái gì?

**A.** Sự thay đổi phương thức và cơ chế sản xuất

**B.** Sự thay đổi của đất nước sau chiến tranh

**C.** Số phận của con người trong xã hội mới

**D.** Sự thay đổi của cuộc sống trong những năm đổi mới

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 3:** Xung đột chủ yếu trong đoạn trích là xung đột nào?

**A.** Xung đột giữa các kiểu tính cách khác nhau **B.** Xung đột giữa các lối sống khác nhau

**C.** Xung đột giữa tư tưởng bảo thủ và đổi mới **D.** Xung đột giữa đội ngũ lãnh đạo và công nhân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 4:** Xung đột được thể hiện qua đoạn trích thuộc phần nào của vở kịch?

**A.** Bắt đầu xung đột **B.** Xung đột cao trào

**C.** Xung đột phát triển **D.** Xung đột được giải quyết

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Bối cảnh của đoạn trích trong vở kịch ở đâu?

**A.** Phân xưởng sản xuất **B.** Phòng Giám đốc

**C.** Trước cổng nhà máy **D.** Phòng Tài vụ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 6:** Dòng nào sau đây nêu nhận xét đúng nhất về tính cách nhân vật Hoàng Việt đoạn trích?

**A.** Năng động và quyết đoán **B.** Giỏi về chuyên môn và tổ chức

**C.** Năng động nhưng có phần cứng nhắc **D.** Giỏi tổ chức nhưng chưa thật mạnh dạn

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 7:** Câu “sự thật không đứng yên, cuộc sống không đứng yên một chỗ, có cái hôm qua đúng, hôm nay nó là vật cản” thể hiện rõ phẩm chất gì của người nói?

**A.** Thẳng thắn và trung thực **B.** Tư duy biện chứng và khát khao đổi mới

**C.** Thông minh và nhạy bén **D.** Chín chắn trong suy nghĩ và hành động

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Nối các ô tên nhân vật với tính cách cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Hoàng Việt | **A.** Bảo thủ, cứng nhắc, nhiều tham vọng |
| 2. Lê Sơn | B. Bảo thủ, cố bám lấy chức vụ nhưng không làm được việc gì |
| 3. Nguyễn Chính | **C.** Tính tình bộc trực, thẳng thắn |
| 4. Trương | D. Có đầu óc tổ chức nhưng chưa thật mạnh dạn, tự tin |
|  | E. Tư duy năng động, hết lòng vì quyền lợi của công nhân |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án: 1- E; 2- C; 3- B; 4- A**

**Câu 9:** Nghệ thuật nổi bật nhất của vở kịch Tôi và chúng ta là gì?

**A.** Tạo xung đột và phát triển xung đột **B.** Ngôn ngữ nhân vạt giàu cá tính

**C.** Xây dựng những biến cố giàu kịch tính **D.** Tổ chức đối thoại sinh động

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Vở kịch tôi và chúng ta thể hiện cuộc đấu tranh gay gắt, để phát triển sản xuất, để đem lại quyền lợi, hạnh phúc cho mọi người, cần phá bỏ cách nghĩ, cơ chế lạc hậu, cũ kĩ, cần mạnh dạn đổi mới phương thức tổ chức, lề lối hoạt động, đúng hay sai?

**A.** Đúng **B.** Sai

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

### Trắc nghiệm: Tổng kết phần văn học

**Câu 1:** Bài thơ nào dưới đây không nằm trong chương trình ngữ văn 9?

**A.** Mùa xuân nho nhỏ **B.** Viếng lăng Bác

**C.** Nói với con **D.** Ông đồ

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 2:** “Thể thơ tám chữ, giọng điệu trang trọng, tha thiết, thành kính, nhiều hình ảnh ẩn dụ, gợi cảm” là nhận xét về bài thơ nào?

**A.** Mùa xuân nho nhỏ **B.** Nói với con

**C.** Viếng lăng Bác **D.** Mây và sóng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 3:** Văn bản nào sau đây không phải là văn bản nghị luận?

**A.** Tiếng nói của văn nghệ

**B.** Những ngôi sao xa xôi

**C.** Bàn về đọc sách

**D.** Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông- ten

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 4:** Nối cột A với cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Bến quê | **A.** Tấm lòng yêu thương, đồng cảm, sẻ chia của con người với nhau trong cuộc sống |
| 2. Những ngôi sao xa xôi | B. Sự thức tỉnh ở mọi người niềm trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị của cuộc sống, quê hương |
| 3. Rô-bin-xơn Cruxo | **C.** Cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của con người khi bị đẩy vào cảnh ngộ khó khăn |
| 4. Bố của Xi- mông | D. Tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm của các cô gái thanh niên xung phong |

**Hướng dẫn giải:**

**Đáp án: 1- B; 2- D; 3- C; 4- A**

**Câu 5:** Tác phẩm Tôi và chúng ta của Lưu Quang Vũ thuộc thể loại gì?

**A.** Văn nghị luận **B.** Thơ hiện đại

**C.** Truyện hiện đại **D.** Kịch hiện đại

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 6:** Thành phần tình thái trong câu có vai trò gì?

**A.** Được dùng để diễn đạt cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu

**B.** Được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (buồn, vui, giận, mừng…)

**C.** Được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp

**D.** Được dùng để nêu bổ dung thái độ người nói

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 7:** Những từ nào sau đây chứa những từu ngữ được dùng trong phép nối?

**A.** Đây, đó, ấy, kia, thế, ra vậy… **B.** Nó, hắn, họ

**C.** Cái này, việc ấy, điều đó **D.** Tuy, nhưng, vì, để…

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 8:** Trong những đề văn sau, đề nào không thuộc loại nghị luận xã hội?

**A.** Suy nghĩ của em về bài học từ truyện ngụ ngôn Thỏ và Rùa

**B.** Cảm nghĩ của em về bài Mây và sóng

**C.** Bình luận đạo lí Ăn quả nhớ kẻ trồng cây của dân tộc ta

**D.** Bàn về lòng dũng cảm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Nhận định nào chưa chính xác về văn học dân gian?

**A.** Chỉ được sáng tác khi chưa có chữ viết

**B.** Lưu truyền chủ yếu bằng phương thức truyền miệng

**C.** Mang tính tập thể của quần chúng nhân dân

**D.** Gắn với cuộc sống sinh hoạt và tâm tư tình cảm của nhân dân

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 10:** Tác phẩm nào sau đây không thuộc văn học dân gian?

**A.** Sự tích Hồ Gươm **B.** Thạch Sanh

**C.** Mẹ hiền dạy con **D.** Thánh Gióng

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Giải thích:**Mẹ hiền dạy con là tác phẩm truyện trung đại

**Câu 11:** Tác phẩm nào là truyện ngụ ngôn?

**A.** Thạch Sanh **B.** Đẽo cày giữa đường

**C.** Con Rồng cháu Tiên **D.** Sự tích Hồ Gươm

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12:** Tác phẩm nào sau đây không thuộc văn học nước ngoài?

**A.** Con chó Bấc **B.** Cây bút thần

**C.** Chiếc lá cuối cùng **D.** Em bé thông minh

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 13:** Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?

**A.** Nhân vật dũng sĩ **B.** Nhân vật có tài năng đặc biệt

**C.** Nhân vật xấu xí **D.** Nhân vật ngốc nghếch

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 14:** Các từ trong dòng nào sau đây phù hợp để điền vào hai chỗ trống trong câu “truyện cổ tích thường có yếu tố… và có những nhân vật…”?

**A.** Kì ảo, kì tài **B.** Kì diệu, kì cục

**C.** Kì lạ, kì dị **D.** Kì bí, kì khôi

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: A**

**Câu 15:** Những câu nói ngắn gọn, có vần, có đối, nhằm đúc kết kinh nghiệm trong đời sống” là nhận xét về thể loại nào của văn học dân gian?

**A.** Ca dao **B.** Tục ngữ

**C.** Ngụ ngôn **D.** Câu đố

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 16:** Dòng nào sau đây nêu nhận xét chưa chính xác về văn học viết?

**A.** Sáng tác bằng chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ

**B.** Chịu ảnh hưởng của văn hóa, tư tưởng, văn chương Trung Quốc

**C.** Có ảnh hưởng qua lại với văn học dân gian

**D.** Có nhiều thể loại mang tính dị bản

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

**Câu 17:** Quy tắc “nhị tứ lục phân minh” trong thơ Đường luật là gì?

**A.** Các câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 có cùng cấu trúc về thanh điệu

**B.** Các câu 2,4, 6, 8 hiệp vần với nhau

**C.** Chữ thứ 4 trong câu thơ phải ngược thanh với chữ thứ 2 và thứ 6

**D.** Câu 3 và 4, 5 và 6 phải đối ý, đổi thanh.

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 18:** Các tác phẩm gắn với những trang sử chống ngoại xâm của dân tộc?

**A.** Em bé thông minh, mẹ hiền dạy con, Cây bút thần

**B.** Truyện Kiều, Chuyện người con gái Nam Xương, Lão Hạc

**C.** Sự tích Hồ Gươm, Bình Ngô đại cáo, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến

**D.** Cô bé bán diêm, Chiếc lá cuối cùng, Bố của Xi- mông

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: C**

**Câu 19:** Tác phẩm Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn thuộc thể loại nào?

**A.** Truyện, kí trung đại **B.** Nghị luận trung đại

**C.** Truyện thơ Nôm **D.** Thơ Đường luật

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: B**

**Câu 20:** Ý nào nói đúng về biểu hiện tư tưởng nhân đạo trong Truyện Kiều?

**A.** Cảm thương thân phận những con người tài hoa bạc mệnh nói chung và những thân phận người nhỏ bé, yếu đuối trong xã hội nói riêng

**B.** Thương sự lận đận, truân chuyên mà Kiều phải chịu đựng suốt 15 năm lưu lạc

**C.** Ca ngợi vẻ đẹp, giá trị của con người, đặc biệt ca ngợi phẩm chất người phụ nữ trong xã hội phong kiến

**D.** Cả 3 ý trên

**Hướng dẫn giải:**

**Chọn đáp án: D**

# PHẦN II. KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

## CHUYÊN ĐỀ I. KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ I

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**a.** Tìm lời dẫn trong đoạn trích sau. Cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp.

*Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thực ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “ thèm” người là gì?”.*

**b.** Đặt câu (hoặc viết thành đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu) để dẫn câu sau theo cách dẫn trực tiếp: Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

**Đáp án và thang điểm**

a, HS chỉ ra được:

+ …*Cái nhớ xe, nhớ người thực ra là cái gì vậy ? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng* là dẫn gián tiếp.

+ “ Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì ?” là dẫn trực tiếp.

b, HS dẫn câu đã cho theo lối trực tiếp đúng

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Câu 1:** Nối cột A (tên phương châm hội thoại) với cột B( khái niệm) cho đúng:

|  |  |
| --- | --- |
| Cột A | Cột B |
| 1. Phương châm về chất | **a.** Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề. |
| 2. Phương châm về lượng | **b.** Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch ; tránh cách nói mơ hồ. |
| 3. Phương châm về quan hệ | **c.** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung ; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa. |
| 4. Phương châm về cách thức | **d.** Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác. |
|  | **e.** Khi giao tiếp, đừng nói những điều mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực. |

**Câu 2:** Chuyển lời dẫn trực tiếp sau thành lời dẫn gián tiếp:

*“Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo: “Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi thầy được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về; không có tiền sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”. (Lão Hạc - Nam Cao)*

**Đáp án và thang điểm**

**Câu 1: 1-e; 2-c;3-a; 4-b**

**Câu 2:** Chú ý khi chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp, phải bỏ dấu ngoặc kép, có thể thêm từ “rằng” hoặc “là” và cần thay các từ xưng hô cho phù hợp.

*“Nó đưa cho tôi ba đồng và bảo rằng nó biếu tôi ba đồng để thỉnh thoảng tôi ăn quà; xưa nay nó ở nhà mãi cũng chẳng nuôi tôi được bữa nào, thì nó đi cũng chẳng phải lo; tôi bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn; nó đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm nó mới về; không có tiền sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm!...”. (Lão Hạc - Nam Cao)*

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

Chép chính xác 6 câu thơ đầu bài thơ **“Đồng chí”** . Hãy nêu những cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp ?

**Đáp án và thang điểm**

- Chép chính xác 6 câu thơ.

- Cơ sở tạo nên tình đồng chí cao đẹp:

+ Cùng chung cảnh ngộ: - vốn là những người nông dân nghèo từ những miền quê hương ‘nước mặn đồng chua.’’, ‘đất cày lên sỏi đá”

+ Cùng chung lí tưởng, cùng chiến hào chiến đấu vì độc lập tự do của tổ quốc.

+ Cùng nhau chia sẻ gian lao

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

Tóm tắt **“Truyện Kiều”** bằng một đoạn văn ngắn 8-10 dòng.

**Đáp án và thang điểm**

Thúy Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, sống êm ấm cùng cha mẹ và hai em là Thúy Vân và Vương Quan. Trong buổi du xuân, Kiều gặp Kim Trọng, thề nguyền đính ước với nhau. Kim Trọng về quê chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan, Kiều phải bán mình chuộc cha. Kiều bị Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa đẩy vào lầu xanh, được Thúc Sinh cứu khỏi lầu xanh nhưng bị Hoạn Thư ghen, Kiều phải chốn đi nương náu ở chùa Giác Duyên. Vô tình Kiều lại rơi vào tay Bạc Hạnh, Bạc Bà phải vào lầu xanh lần thứ hai. Kiều gặp Từ Hải. Từ Hải lấy Kiều làm vợ, giúp Kiều báo ân báo oán. Từ Hải mắc lừa Hồ Tôn Hiến, bị giết. Kiều bị bắt ép gả cho tên Thổ Quan. Nàng tủi nhục trầm mình ở sông Tiền Đường, được sư Giác Duyên cứu, nương nhờ cửa phật lần thứ hai. Kim trọng trở lại kết duyên với Thúy Vân nhưng vẫn đi tìm Kiều. Nhờ sư Giác Duyên, Kim-Kiều gặp nhau, gia đình đoàn tụ. Kim gặp Kiều đổi tình yêu thành tình bạn.

### Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**Phần I: Trắc nghiệm:**(3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đầu đáp án đúng:

**Câu 1:** Nhân vật chính trong truyện **“Chuyện người con gái Nam Xương”** là ai?

**A.** Trương Sinh và Phan Lang  **B.** Phan Lang và Linh Phi

**C.** Vũ Nương và Trương Sinh  **D.** Linh Phi và mẹ Trương Sinh

**Câu 2:** Nhận định nào nói đúng nhất tư tưởng, cảm xúc chủ đạo của tác giả trong văn bản “Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”?

**A.** Phê phán thói ăn chơi xa xỉ của bọn vua chúa đương thời.

**B.** Phê phán tệ nhũng nhiễu nhân dân của lũ quan lại hầu cần vua chúa.

**C.** Thể hiện lòng thương cảm đối với nhân dân của tác giả.

**D.** Cả A,B,C đều đúng.

**Câu 3:** Đoạn trich **“Chị em Thúy Kiều”** nói về những nhân vật nào?

**A.** Thúy Kiều và Kim Trong  **B.** Thúy Kiều và Vương Quan

**C.** Thúy Kiều và Từ Hải  **D.** Thúy Kiều và Thúy Vân

**Câu 4:** Hồi thứ 14 trong **“Hoàng Lê nhất thống chí”** tái hiện sự việc gì?

**A.** Chiến thắng của vua Lê và sự thảm hại của quân Thanh.

**B.** Chiến thắng của vua Quang Trung.

**C.** Chiến công của vua Quang Trung và sự thảm bại của quân Thanh cùng số phận bi đát của bọn thống trị nhà Lê.

**D.** Sự thống nhất của vua Lê.

**Câu 5:** Đoạn trích **“Kiều ở lầu Ngưng Bích”**tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật nào của Nguyễn Du?

**A.** Nghệ thuật tả cảnh  **B.** Nghệ thuật miêu tả ngoại hình.

**C.** Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  **D.** Nghệ thuật tả người.

**Câu 6:** Hình ảnh Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga được khắc họa giống với motip nào trong truyện cổ tích?

**A.** Một chàng trai tài giỏi, cứu một cô gái thoát khỏi cảnh nguy hiểm, họ trả nghĩa nhau và trở thành vợ chồng.

**B.** Một anh nông dân nghèo nhờ chăm chỉ đã lấy được vợ đẹp và trở nên giàu có.

**C.** Một ông vua mang hạnh phúc đến cho một người đau khổ.

**D.** Những con người ăn ở hiền lành, thật thà, phúc đức sẽ được đền đáp xứng đáng.

**Phần II. Tự luận:**

**Câu 1:**Nêu những nét chính về thời đại, gia đình và cuộc đời Nguyễn Du. Tóm tắt **“Truyện Kiều”**.

**Câu 2:**Viết một đoạn văn ngắn (khoản 10-15 câu) nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp, phẩm chất và số phận của nhân vật Vũ Nương trong **“Chuyện người con gái Nam Xương”** của Nguyễn Dữ. Từ đó em hiểu gì về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội xưa?

**Đáp án và thang điểm**

**Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm)** – Mỗi câu đúng được 0,5đ.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | C | D | D | C | C | A |

**Phần II: Tự luận (7 điểm)**

**Câu 1:**

**# Những nét chính về thời đại, gia đình và cuộc đời Nguyễn Du:**

- Tiểu sử

    + Nguyễn Du (1765-1820) quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; sinh trưởng trong một gia đình đại quí tộc có truyền thống về văn học.

    + Cuộc đời Nguyên Du gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn lịch sử đầy biến động với hai đặc điểm nổi bật: chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng và bão táp phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi.

    + Nguyễn Du sống phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc rồi về ở ẩn tại quê nội Hà Tĩnh, sau đó ra làm quan bất đắc dĩ với triều Nguyễn. Năm 1813-1814 ông được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1820 ông được cử làm chánh sứ đi Trung Quốc lần thứ hai nhưng chưa kịp đi thì bị bệnh, mất tại Huế.

- Học vấn: Nguyễn Du là người có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hoá dân tộc và văn chương Trung Quốc. Ông có vốn sống phong phú, niềm thông cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân.

- Sự nghiệp: Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du gồm những tác phẩm có giá trị lớn cả bằng chữ Hán và chữ Nôm.

**# Tóm tắt “Truyện Kiều”:**

Thúy Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, sống êm ấm cùng cha mẹ và hai em là Thúy Vân và Vương Quan. Trong buổi du xuân, Kiều gặp Kim Trọng, thề nguyền đính ước với nhau. Kim Trọng về quê chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan, Kiều phải bán mình chuộc cha. Kiều bị Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa đẩy vào lầu xanh, được Thúc Sinh cứu khỏi lầu xanh nhưng bị Hoạn Thư ghen, Kiều phải chốn đi nương náu ở chùa Giác Duyên. Vô tình Kiều lại rơi vào tay Bạc Hạnh, Bạc Bà phải vào lầu xanh lần thứ hai. Kiều gặp Từ Hải. Từ Hải lấy Kiều làm vợ, giúp Kiều báo ân báo oán. Từ Hải mắc lừa Hồ Tôn Hiến, bị giết. Kiều bị bắt ép gả cho tên Thổ Quan. Nàng tủi nhục trầm mình ở sông Tiền Đường, được sư Giác Duyên cứu, nương nhờ cửa phật lần thứ hai. Kim trọng trở lại kết duyên với Thúy Vân nhưng vẫn đi tìm Kiều. Nhờ sư Giác Duyên, Kim-Kiều gặp nhau, gia đình đoàn tụ. Kim gặp Kiều đổi tình yêu thành tình bạn.

**Câu 2:**

Chú ý các ý sau:

- Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp

   + Người con gái thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp.

   + Người vợ một mực thủy chung với chồng, thấu hiểu nỗi khổ và nguy hiểm mà chồng phải đối mặt nơi chiến tuyến, chờ đợi chồng.

   + Người con dâu hiếu thảo: chăm sóc mẹ chồng như cha mẹ ruột, lo ma chay chu đáo khi mẹ chồng mất

   + Người mẹ thương con hết mực:bù đắp thiếu thốn tinh thần của con bằng cách chỉ vào bóng mình trên tường giả làm cha đứa bé.

   + Người phụ nữ trọng nhân phẩm tình nghĩa.

- Số phận của nàng bất hạnh, hẩm hiu:

   + Chồng đi lính, một mình phải gánh vác công việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già

   + Bị chồng nghi oan tấm lòng chung thủy, mắng nhiếc, đánh đuổi một cách phũ phàng

   + Dù ở thủy cung luôn nhớ về nhân gian nhưng không thể trở về được

Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại... kết hợp với yếu tố kì ảo có thực

- Vũ Nương là đại diện cho người phụ nữ Việt Nam xưa có tư dung tốt đẹp, có nhiều phẩm chất tốt đẹp nhưng chịu nhiều đau khổ, bất hạnh.

### Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Phần I: Trắc nghiệm: (3 điểm)** Khoanh tròn vào chữ cái đầu đáp án đúng:

**Câu 1:“Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh”** được viết theo thể loại nào?

**A.** Tiểu thuyết chương hồi  **B.** Tùy bút

**C.** Truyền kì  **D.** Truyện ngắn

**Câu 2:** Nhận định nào nói đúng và đầy đủ ý nghĩa của chi tiết Vũ Nương gieo mình xuống sông tự vẫn?

**A.** Phản ánh chân thực cuộc sống đầy oan khuất và khổ đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**B.** Bày tỏ niềm thương cảm của tác giả trước số phận mỏng manh và bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**C.** Tố cáo xã hội phụ quyền phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người nhất là người pụ nữ.

**D.** Cả A,B,C đều đúng.

**Câu 3:** Đoạn trích **“Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”** thể hiện khát vọng gì của tác giả?

**A.** Cứu người giúp đời  **B.** Trở nên giàu sang phú quý

**C.** Có công danh hiển hách  **D.** Có tiếng tăm vang dội

**Câu 4:** Nhận xét nào thể hiện cách dùng binh tài giỏi của Quang Trung trong văn bản **“Hoàng Lê nhất thống chí”** ?

**A.** Tổ chức cuộc hành quân thần tốc giành thắng lợi. **B.** Giữ được bí mật tuyệt đối.

**C.** Sắp xếp quân tiền, hậu, tả, hữu, trung hợp lí. **D.** Vừa hành quân, vừa đánh giặc

**Câu 5:** Đoạn trích **“Cảnh ngày xuân”** kết cấu theo trình tự nào sau đây?

**A.** Theo trình tự không gian của cảnh du xuân. **B.** Theo trình tự nguyên nhân, kết quả.

**C.** Theo trình tự thời gian của cuộc du xuân. **D.** Kết hợp trình tự thời gian và không gian.

**Câu 6:** Đoạn trích **“Kiều ở lầu Ngưng Bích”**, 2 câu thơ *“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng – Tin sương luống những rày trông mai chờ”* nói lên nỗi nhớ của Kiều với ai?

**A.** Thúy Vân  **B.** Kim Trọng

**C.** Cha mẹ  **D.** Vương Quan

**Phần II: Tự luận (7đ)**

**Câu 1:** Chép thuộc lòng đoạn trích **“Cảnh ngày xuân”**.

**Câu 2:** Chi tiết cái bóng trong **“Chuyện người con gái Nam Xương”** có ý nghĩa như thế nào?

**Đáp án và thang điểm**

**Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm)** – Mỗi câu đúng được 0,5đ.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | B | D | A | A | D | B |

**Phần II: Tự luận (7 điểm)**

**Câu 1:** Học sinh chép đúng đoạn trích.

**Câu 2:**

- Cái bóng trong câu chuyện có ý nghĩa đặc biệt vì đây là chi tiết tạo nên cách thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ.

+ Cái bóng có ý nghĩa thắt nút câu chuyện vì:

**• Đối với Vũ Nương:** Trong những ngày chồng đi xa, vì thương nhớ chồng, vì không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng người cha nên hàng đêm, Vũ Nương đã chỉ bóng mình trên tường, nói dối con đó là cha nó. Lời nói dối của Vũ Nương với mục đích hoàn toàn tốt đẹp.

**• Đối với bé Đản:** Mới 3 tuổi, còn ngây thơ, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin là có một người cha đêm nào cũng đến, mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng nín thin thít và không bao giờ bế nó.

**• Đối với Trương Sinh:** Lời nói của bé Đản về người cha khác (chính là cái bóng) đã làm nảy sinh sự nghi ngờ vợ không thuỷ chung, nảy sinh thái độ ghen tuông và lấy đó làm bằng chứng để về nhà mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi để Vũ Nương phải tìm đến cái chết đầy oan ức.

+ Cái bóng cũng là chi tiết mở nút câu chuyện.

• Chàng Trương sau này hiểu ra nỗi oan của vợ cũng chính là nhờ cái bóng của chàng trên tường được bé Đản gọi là cha.

• Bao nhiêu nghi ngờ, oan ức của Vũ Nương đều được hoá giải nhờ cái bóng.

- Chính cách thắt, mở nút câu chuyện bằng chi tiết cái bóng đã làm cho cái chết của Vũ Nương thêm oan ức, giá trị tố cáo đối với xã hội phong kiến nam quyền đầy bất công với người phụ nữ càng thêm sâu sắc hơn.

### Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

**Phần I: Trắc nghiệm: (3 điểm)** *Khoanh tròn vào chữ cái đầu đáp án đúng:*

**Câu 1:** Tên tác phẩm **“Hoàng Lê nhất thống chí”** có nghĩa là gì?

**A.** Vua Lê nhất định thống nhất đất nước. **B.** Ý chí thống nhất đất nước của vua Lê.

**C.** Ghi chép việc vua Lê thống nhất đất nước. **D.** Ý chí trước sau như một của vua Lê.

**Câu 2:** Theo em vì sao tác giả Nguyễn Du lại miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước, vẻ đẹp của Thúy Kiều sau?

**A.** Vì Thúy Vân không phải là nhân vật chính.

**B.** Vì Thúy Vân đẹp hơn Thúy Kiều

**C.** Vì tác giả muốn làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều

**D.** Vì tác giả muốn đề cao Thúy Vân.

**Câu 3:** Dòng nào nhận định không đúng về tác phẩm **“Truyền kì mạn lục”**

**A.** Là tác phẩm viết bằng chữ Nôm.

**B.** Khai thác các truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử của Việt Nam

**C.** Có tất cả 20 truyện.

**D.** Nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh nhưng gặp nhiều oan khuất, bất hạnh.

**Câu 4:** Em hiểu câu thơ:

*“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*

**A.** Phải viết quý trọng ơn nghĩa

**B.** Cuộc sống trong sạch, tự do, ngoài vòng danh lợi.

**C.** Cuộc sống nhỏ nhen, mưu danh, trục lợi.

**D.** Thấy việc nghĩa không làm thì không phải là người anh hùng.

**Câu 5:** Đoạn trích **“Kiều ở lầu Ngưng Bích”** đã nói lên bao nỗi nhớ và buồn thương của Thúy Kiều. Đó là nỗi buồn thương nhớ ai?

**A.** Nhớ hai em.  **B.** Nhớ cha mẹ và Kim Trọng.

**C.** Nhớ quê nhà.  **D.** Nhớ về tuổi thơ vui vẻ, hạnh phúc.

**Câu 6:** Lí do chính khiến Vũ Nương không trở về đoàn tụ với gia đình mặc dù đã được giải oan là?

**A.** Vì cảm ơn đức của Linh Phi.

**B.** Vì còn tức giận Trương Sinh.

**C.** Vì chế độ phong kiến đương thời không dung nạp được những người đức hạnh như nàng.

**D.** Cả A và C đều đúng.

**Phần II: Tự luận (7đ)**

Qua các đoạn trích **“Chị em Thúy Kiều”, “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, “Mã Giám Sinh mua Kiều”, “Thúy Kiều báo ấn báo oán”**, em hãy phân tích giá trị nhân đạo của **“Truyện Kiều”** ?

**Đáp án và thang điểm**

**Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm)** – Mỗi câu đúng được 0,5đ.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | C | C | A | D | B | D |

**Phần II: Tự luận (7 điểm)**

HS cần triển khai được một số ý:

Tinh thần nhân đạo được thể hiện trong Truyện Kiều

- Khẳng định đề cao con người: vẻ đẹp ngoại hình, phẩm chất, tài năng

- Lên án tố cáo những thế lực tàn bạo càh đạp lên quyền sống và hạnh phúc của con người

- Thương cảm đồng cảm trước những đau khổ, bi kịch của con người, đặc biệt là người phụ nữ

- Đề cao tấm lòng bao dung, nhân hậu và ước mơ công lí, chính nghĩa

### Đề kiểm tra 1 tiết Văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

**Phần I: Trắc nghiệm: (3 điểm)** *Khoanh tròn vào chữ cái đầu đáp án đúng:*

**Câu 1:** Dòng nào sắp xếp đúng trình tự diễn biến của các sự việc trong **“Truyện Kiều”** ?

**A.** Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ - Gia biến và lưu lạc

**B.** Gặp gỡ và đính ước – Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ

**C.** Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ - Gặp gỡ và đính ước

**D.** Gia biến và lưu lạc – Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ

**Câu 2:** Hình ảnh chiếc bóng trong **“Chuyện người con gái Nam Xương”** giữ vai trò gì trong câu chuyện?

**A.** Làm câu chuyện hấp dẫn **B.** Thắt nút, mở nút câu chuyện

**C.** Là yếu tố truyền kì **D.** Thể hiện tính cách nhân vật

**Câu 3:** Truyện Kiều có:

**A.** 2354 câu thơ lục bát.  **B.** 3254 câu thơ lục bát.

**C.** 4253 câu thơ lục bát.  **D.** 5324 câu thơ lục bát.

**Câu 4:** Nhận định nào sau đây đúng nhất về nội dung đoạn trích **“Kiều ở lầu Ngưng Bích”**?

**A.** Niềm thương nhớ và nỗi đau đớn xót xa. **B.** Nỗi cô đơn, buồn thương da diết.

**C.** Nỗi xót xa cho thân phận nàng Kiều. **D.** Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi, tấm lòng thủy chung, hiếu thảo.

**Câu 5:** Trong tác phẩm **“Hoàng Lê thống nhất chí”**, vì sao tác giả vốn là quan trung thành với nhà Lê nhưng vẫn viết rất chân thực và hay về Quang Trung – “kẻ thù” của họ?

**A.** Vì họ tôn trọng lịch sử.  **B.** Vì học có ý thức dân tộc.

**C.** Vì họ luôn ủng hộ kẻ mạnh.   **D.** Cả A và B đều đúng.

**Câu 6:** Nội dung chính của đoạn trích **“Cảnh ngày xuân”**là gì?

**A.** Tả lại vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều.

**B.** Tả lại cảnh chị em Thúy Kiều đi chơi xuân.

**C.** Tả cảnh mọi người đi lễ hội trong tiết thanh minh.

**D.** Tả lại cảnh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ.

**Phần II: Tự luận (7đ)**

Phân tích hình tương nhân vật Nguyễn Huệ trong **“Hoàng Lê nhất thống chí”** của Ngô gia văn phái.

**Đáp án và thang điểm**

**Phần I: Trắc nghiệm (3 điểm) – Mỗi câu đúng được 0,5đ.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | B | B | B | D | D | B |

**Phần II: Tự luận (7 điểm)**

HS cần triển khai kĩ được các ý:

- Nguyễn Huệ:

    + Lòng yêu nước nồng nàn

    + Quả cảm, tài trí

    + Nhân cách cao đẹp

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**Phần I: Trắc nghiệm (2đ):** Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất.

**Câu 1:** Thành ngữ **"Ông nói gà bà nói vịt"** liên quan đến phương châm hội thoại nào?

**A.** Phương châm về lượng   **B.** Phương châm về chất

**C.** Phương châm về quan hệ   **D.** Phương châm cách thức

**Câu 2:** Thành ngữ nào dưới đây không liên quan đến phương châm hội thoại về chất?

**A.** Ăn ốc nói mò **B.** Nói nhăng nói cuội

**C.** Ăn không nói có  **D.** Lúng búng như ngậm hột thị

**Câu 3:** Lời dẫn trực tiếp là:

**A.** Nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật.

**B.** Thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp.

**C.** Lời dẫn trực tiếp không cần đặt trong dấu ngoặc kép.

**D.** Cả ba đáp án trên đều đúng.

**Câu 4:** Việc mượn từ trong Tiếng Việt là để:

**A.** Phát triển từ ngữ Tiếng Việt **B.** Biết ngôn ngữ nước ngoài

**C.** Người Việt Nam đi du lịch **D.** Người Việt Nam hiểu văn hoá nước ngoài

**Câu 5:** Từ ngữ nào dưới đây không phải là thuật ngữ của môn Tiếng Việt?

**A.** ẩn dụ  **B.** Chủ ngữ

**C.** ẩn hiện   **D.** Cảm thán

**Câu 6:** Mỗi chúng ta cần làm gì để tăng vốn từ?

**A.** Quan sát lắng nghe lời nói hằng ngày của những người xung quanh.

**B.** Nghe, học tập trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**C.** Đọc sách, báo, các tác phẩm văn học mẫu mực, ghi chép từ ngữ mới.

**D.** Cả ba phương án trên

**Câu 7:** Từ nào trái nghĩa với từ **“truân chuyên”**

**A.** Nhọc nhằn  **B.** Vất vả

**C.** Nhàn nhã  **D.** Gian nan

**Câu 8:** Cụm từ **“quạt nồng ấp lạnh”** được gọi là gì?

**A.** Thành ngữ  **B.** Thuật ngữ

**C.** Hô ngữ  **D.** Trạng ngữ

**Phần II: Tự luận (8đ)**.

**Câu 1: (2đ)** Kể tên các phương chân hội thoại đã học? Cho biết phương châm hội thoại nào có liên quan trong ví dụ dưới đây? Đọc mẩu chuyện sau:

*Người con đang học môn Địa lí , hỏi bố:*

*- Bố ơi! Ngọn núi nào cao nhất thế giới hả bố ?*

*Người bố đang mải đọc báo, trả lời:*

*- Ngọn núi nào không nhìn thấy ngọn là ngọn núi cao nhất.*

*( Truyện cười dân gian)*

Trong mẫu chuyện trên, lời thoại không tuân thủ phương châm hội thoại nào?

**Câu 2: (2đ)** Vận dụng kiến thức đã học về từ láy để phân tích nét nổi bật của việc dùng từ trong những câu thơ sau:

*“Nao nao dòng nước uốn quanh,*

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

*Sè sè nấm đất bên đường*

*Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.”*

*(Nguyễn Du, Truyện Kiều)*

**Câu 3: (4đ)** Viết đoạn văn khoảng 8 câu phân tích điệp từ “nhóm” trong khổ thơ sau:

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

       (Bếp lửa – Bằng Việt)

**Đáp án và thang điểm**

**Phần I: Trắc nghiệm (2đ)** mỗi câu đúng được 0,25đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | C | D | A | A | C | D | C | A |

**Phần II: Tự luận (8đ)**

**Câu 1:**

- Có 5 phương châm hội thoại đã học:

   + Phương châm về chất

   + Phương châm về lượng

   + Phương châm quan hệ

   + Phương châm cách thức

   + Phương châm lịch sự

- Lời thoại không tuân thủ phương châm cách thức.

**Câu 2:**

- Những từ láy: *nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu .*

- Vừa tả cảnh, vừa tả tâm trạng: gợi vẻ hoang vắng, trơ trọi, buồn tẻ của ngôi mộ vô chủ và tâm trạng nao nao buồn của ba chị em Thúy Kiều vào thời điểm cuối ngày hội đạp thanh đồng thời báo hiệu một sự kiện sắp xảy ra.

**Câu 3:** Điệp từ **“nhóm”** mang hai ý nghĩa:

- Nghĩa đen: Làm cho lửa bén vào củi, làm cho củi cháy.

- Nghĩa chuyển: Khơi lên, gợi lên những tình cảm tốt đẹp trong tâm hồn con người.

Qua từ “nhóm”, bà không chỉ là người nhóm lên một bếp lửa để nuôi cháu lớn lên mà bà con khơi lên, gợi lên những tình cảm trong cháu, giúp cháu hiểu thêm về quê hương, đất nước mình, hiểu thêm về những phụ nữ việt Nam, những người bà, người mẹ muôn đời tần tảo. Từ đó bồi dưỡng cho cháu niềm tin, nghị lực, tình yêu quê hương, lòng kính trọng, biết ơn đối với bà. Từ “nhóm”được lặp đi lặp lại như khắc sâu tình cảm thiêng liêng ấy.

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Phần I: Trắc nghiệm (2đ)**

**Câu 1 (2 điểm):** Các lời thoại sau không tuân thủ phương châm hội thoại nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lời thoại | Nối | Phương châm hội thoại |
| 1.- Cậu học bơi ở đâu vậy?  - Dĩ nhiên là ở dưới nước chứ con ở đâu. | 1 - | A. Phương châm quan hệ. |
| 2. Con bò nhà tôi đẻ ra một con chim bồ câu. | 2 - | B. Phương châm lịch sự. |
| 3. Ông tránh ra cho con cháu đi. | 3 - | C. Phương châm về lượng. |
| 4. Bài toán này khó quá phải không cậu?  - Tớ được tám phảy môn văn. | 4 - | D. Phương châm về chất. |

**Câu 2(1 điểm):** Từ nào dùng sai trong các câu sau? Em hãy sửa lại cho đúng.

**a.** Chúng ta cần loại bỏ các yếu điểm trong học tập.

**b.** Trong cuộc họp hôm nay, chúng ta sẽ tiến hành kiểm kê lại tình hình học tập của lớp.

**Câu 3: (2 điểm)**Phân tích cái hay của việc sử dụng biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau

*“Bão bùng thân bọc lấy thân*

*Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*

*Thương nhau ta chẳng ở riêng*

*Lũy thành từ đó mà nên hỡi người”*

       (Nguyễn Duy – Tre Việt Nam)

**Câu 4: (5 điểm)** Viết đoạn văn ngắn ( khoảng 7 - 10 câu ) đề tài tự chọn trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp?

**Đáp án và thang điểm**

**Câu 1:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lời thoại | Nối | Phương châm hội thoại |
| 1.- Cậu học bơi ở đâu vậy?  - Dĩ nhiên là ở dưới nước chứ con ở đâu. | 1 - C | A. Phương châm quan hệ. |
| 2. Con bò nhà tôi đẻ ra một con chim bồ câu. | 2 - D | B. Phương châm lịch sự. |
| 3. Ông tránh ra cho con cháu đi. | 3 - B | C. Phương châm về lượng. |
| 4. Bài toán này khó quá phải không cậu?  - Tớ được tám phảy môn văn. | 4 - A | D. Phương châm về chất. |

**Câu 2:**các từ dùng sai là:

**a.** Yếu điểm → Sửa: điểm yếu

**b.** Kiểm kê → Sửa: kiểm điểm

**Câu 3:**

Tác giả nhân hóa cây tre . Miêu tả tre ngả nghiêng trong gió bão mà lại dùng những hình ảnh “ thân bọc lấy thân “, “ tay ôm, tay níu “ vừa đúng với thực tế thân tre , cành tre quấn quít nhau trong gió bão gợi đến tình yêu thương đoàn kết giữa con người với nhau.

**Câu 4:**

- Nội dung: đề tài học sinh tự chọn

- Hình thức: một đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

**Câu 1: (2 điểm)** Có mẫu chuyện vui như sau:

*Trong giờ học, thầy giáo hỏi:*

*- Em nào cho biết rừng sâu là gì?*

*Rất nhanh, một học sinh giơ tay xin trả lời:*

*- Rừng sâu là rừng ở đó có nhiều sâu ạ!*

*Cả lớp cười ồ lên.*

Em hãy cho biết bạn học sinh kia khi trả lời đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào? Vì sao?

**Câu 2: (2 điểm)** Tìm trường từ vựng và đặt câu với trường từ vựng đã tìm được?

*“Chúng lập ra tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.”*

   ( Hồ Chí Minh- Tuyên ngôn độc lập)

**Câu 3: (3 điểm)**Chuyển lời dẫn gián tiếp sau thành lời dẫn trực tiếp:

*“Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dằn lòng bỏ đám này để dùi giắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?...” (Lão Hạc - Nam Cao)*

**Câu 4: (3 điểm)**

Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những phần sau:

***a.*** *Một dãy núi mà hai màu mây*

*Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác*

*Như anh với em, như Nam với Bắc*

*Như đông với tây một dải rừng liền.*

**b.** *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao đông! Tre, anh hùng chiến đấu!*

**Đáp án và thang điểm**

**Câu 1:**

- Bạn học sinh không tuân thủ 2 phương châm: quan hệ và lịch sự.

- Hiểu nhầm hoặc cố tình gây cười. Không thưa gửi và thiếu nghiêm túc trong giờ học (Trả lời với thầy giáo)

**Câu 2:**

- Tìm trường từ vựng ( Tắm , bể)

- Đặt câu với 2 trường từ vựng tìm được. ( học sinh tự làm)

**Câu 3:**

Chú ý khi chuyển lời dẫn gián tiếp thành lời dẫn trực tiếp, phải khôi phục lại nguyên văn lời dẫn và đặt trong dấu ngoặc kép, đồng thời, cần thay các từ xưng hô cho phù hợp.

*Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó: “Con hãy dằn lòng bỏ đám này để dùi giắng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ?” (Lão Hạc - Nam Cao)*

**Câu 4:**

**a.** *Phép so sánh trong đoạn thơ nói lên rằng giữa anh và em, giữa hai miền Nam và Bắc* tuy khác nhau mà là một, giống như mây, mưa, khí trời, … của hai bên Trường Sơn tuy khác nhau mà lại liền một dải núi.

**b.** Đoạn văn của Thép Mới dùng nhân hóa và điệp ngữ để thấy tre anh hùng như con người Việt Nam (từ đó gián tiếp ca ngợi con người Việt Nam anh hùng).

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

**Câu 1:** Đọc câu sau:

"Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp"

   (Hồ Chí Minh – Di chúc)

Cho biết dựa trên cơ sở nào, từ xuân có thể thay thế cho từ tuổi. Việc thay từ trong câu trên có tác dụng diễn đạt như thế nào?

**Câu 2: ( 2 điểm )** Viết những câu sau thành lời dẫn trực tiếp

a/ Làng thì yêu thật, nhưng làng đã theo Tây rồi thì phải thù.

b/ Mình sinh ra là gì , mình đẻ ra ở đâu , mình vì ai mà làm việc.

**Câu 3:**

Vận dụng kiến thức đã học về từ vựng để phân tích hiệu quả của việc sử dụng các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa*

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi*

**Đáp án và thang điểm**

**Câu 1:** Từ "xuân" có thể thay thế từ "tuổi" ở đây vì từ "xuân" đã chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ (lấy một khoảng thời gian trong năm thay cho năm, tức lấy bộ phận thay cho toàn thể). Việc thay từ "xuân" cho từ "tuổi" cho thấy tinh thần lạc quan của tác giả (vì mùa xuân là hình ảnh sự tươi trẻ, của sức sống mạnh mẽ)

**Câu 2:** Viết thành lời trực tiếp

a/ Qua những ngày đấu tranh tư tưởng, đau đớn , dằn vặt, cuối cùng ông Hai đã đi đến quyết định:” làng thì yêu thật , nhưng làng theo Tây rồi thì phải thù”.Đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của người Việt Nam , khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.

b/ Anh thanh niên là người sống có lý tưởng . Vẻ đẹp tâm hồn và cách sống của anh là vẻ đẹp hiến dâng:” Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc”

**Câu 3:**

- Với biện pháp so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, trong hai câu đẩu tác giả đã gợi tả không gian, thời gian đoàn thuyền ra khơi đánh cá, vẽ lên một bức tranh hoàng hôn biển rộng lớn, rực rỡ, ấm áp, vừa thơ mộng, vừa hùng vĩ:

   + Hình ảnh so sánh độc đáo: “Mặt trời…như hòn lửa” → Mặt trời như hòn lửa khổng lồ, đỏ rực đang từ từ chìm vào lòng biển khơi làm rực hồng từ bầu trời đến đáy nước, mang vào lòng biển cả hơi ấm và ánh sáng. Biển vào đêm không tối tăm mà rực rỡ, ấm áp.

   + Biện pháp nhân hóa, ẩn dụ “Sóng đã cài then, đêm sập cửa” gợi nhiều liên tưởng thú vị: Vũ trụ như một ngôi nhà khổng lồ, những lượn sóng là then cài, màn đêm là cánh cửa. “Sóng …cài then, đêm sập cửa” thiên nhiên đó đi vào trạng thái nghỉ ngơi. Ở đây, thiên nhiên không xa cách mà gần gũi, mang hơi thở của cuộc sống con người.

- Hai câu sau, với biện pháp đối lập, ẩn dụ, tác giả đã cho thấy khí thế làm ăn tập thể, niềm vui, sự phấn chấn của con người lao động mới

   + Từ “lại” cho thấy sự đối lập: Khi thiên nhiên đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu ngày lao động mới của mình → Khí thế, nhiệt tình của người lao động: khẩn trương làm việc, không quản ngày đêm làm giàu cho quê hương, đất nước. Nhịp lao động của con người theo nhịp vận hành của thiên nhiên, tầm vóc con người sánh ngang tầm vũ trụ.

   + Hình ảnh ẩn dụ đầy lãng mạn:“Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát khỏe khoắn, âm vang mặt biển hòa vào trong gió, cùng gió khơi lồng lộng làm căng buồm, đẩy thuyền băng băng ra khơi. Câu hát vốn vô hình như cũng tạo ra sức mạnh vật chất hữu hình. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn của người lao động.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**Đề bài:** Cây lúa Việt Nam

**Dàn ý:**

**A. Mở bài:**

- Giới thiệu khái quát đôi nét về cây lúa Việt Nam.

**B. Thân bài:**

- Nguồn gốc của cây lúa: Từ xa xưa, khi con người bắt đầu biết tới trồng trọt.

- Đặc điểm cấu tạo của cây lúa:

   + Lúa là một trong số cây lương thực chính của Việt Nam nói riêng và châu Á nói chung.

   + Có rất nhiều các loại giống lúa khác nhau phù hợp với đặc điểm khí hậu và địa hình của mỗi vùng miền như: Nếp 97, xi, quy..

   + Lúa thuộc họ cây thân mềm, rễ chùm, dài. Thân lúa thường mọc thẳng. Lá lúa dài như lưỡi kiếm, mặt lá nhám. Khi còn non thì mang màu xanh mỡ màng, lúc chín, lá lúa khoác trên mình chiếc áo vàng óng ả, cùng với hương thơm ngào ngạt của bông lúa chín tạo nên một nét vẽ thôn quê bình yên đến lạ. Bông lúa nằm phía ngọn cây, mọc thành từng chùm, sau sinh trưởng và thành hạt lúa. Hạt lúa được người nông dân xay xát và trở thành hạt gạo.

   + Cây lúa là loại cây chủ yếu sống dưới nước.

- Quá trình sinh trưởng của lúa chia làm 3 thời kỳ:

   + Khi mới cấy

   + Lúa đang ở thời con gái

   + Lúa thời kỳ trổ bông và làm mẩy

- Cách trồng lúa và chăm sóc:

   + Người nông dân phải tỉ mỉ ở mỗi một công đoạn: Từ khi chọn giống lúa sao cho đạt tiêu chuẩn, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chuẩn bị đất: Dọn cỏ, trục bùn cho đến gieo mạ, bón phân, quản lý lượng nước cho thích hợp với từng giai đoạn phát triển của cây lúa, phòng trừ cỏ dại, sâu bệnh hại. Khi lúa trổ bông rồi đến kỳ thu hoạch, người dân lại lam lũ ra đồng cắt lúa về tuốt hạt, phơi khô, xát gạo.

- Công dụng, ý nghĩa:

   + Hạt gạo được coi là lương thực chính của người nông dân, một thứ không thể thiếu trong mâm cơm mỗi gia đình Việt, từ giản đơn đến sang trọng.

   + Thân lúa ngày xưa thường được phơi cho khô để lợp nhà, bện chổi, làm chất đốt. Rơm là thức ăn chính của trâu, bò. Người ta đôi khi còn dùng thân cây để ủ phân, cấy nấm.

   + Hạt gạo khi qua chế biến còn trở thành những món ăn ngon lạ miệng: Bánh trôi, bánh tét, bánh giò...Bột gạo còn làm thành bánh phở, mỳ chũ. Nếp non làm nên thứ cốm dẻo thơm phảng phất dư vị nồng nàn của Hà Nội xưa cũ.

   + Bên cạnh đó, việc xuất khẩu lúa gạo ra thị trường quốc tế giúp phát triển kinh tế nông nghiệp.

**C. Kết bài:**

Khẳng định lại ý nghĩa và vai trò của cây lúa Việt Nam.

Cây lúa vừa là cây lương thực giúp nuôi sống con người, vừa còn là linh hồn của làng quê Việt Nam, làm đẹp thêm cho hình ảnh quê hương đất nước.

**Bài mẫu**

Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau, đi từ Bắc chí Nam, dọc theo đường quốc lộ hay ven những rặng núi, những dòng sông, bao giờ ta cũng cũng thấy những cánh đồng lúa xanh tận chân trời hoặc vàng thắm một màu trù phú. Cây lúa là người bạn của con người, là biểu tượng của sự no ấm phồn vinh của đất nước.

Lúa thuộc loài thân thảo. Thân cây lúa tròn chia thành từng lóng và mắt. Lóng thường rỗng ruột, chỉ có phần mắt là đặc. Lá lúa dài và mỏng, mặt lá nhám, gân lá chạy song song. Rễ của cây lúa không dài lắm, thường mọc với nhau thành chùm bám chặt vào bùn để giữ cho thân lúa thẳng đồng thời hút dưỡng chất nuôi thân cây. Hoa lúa nhỏ nhắn, mọc thành nhiều chùm dài. Điều đặc biệt của cây lúa mà ít ai để ý đến. Hoa lúa cũng chính là quả lúa đồng thời trở thành hạt lúa sau này. Hoa lúa không có cánh hoa, chỉ có những vảy nhỏ bao bọc lấy nhuỵ ở bên trong. Lúc hoa lúa nở, đầu nhuỵ thò ra ngoài, có một chùm lông để quét hạt phấn. Hoa lúa tự thụ phấn rồi biến thành quả. Chất tinh bột trong quả khô đặc lại dần và biến thành hạt lúa chín vàng.

Muốn lấy hạt gạo bên trong, con người phải trải qua nhiều công đoạn: gặt lúa, trục lúa về, phơi cho hạt thật khô. Sau đó đổ lúa vào trong cối, dùng chày mà giã liên tục cho lớp vỏ trấu bong tróc ra. Kế tiếp phải sàng sảy để lựa ra hạt gao chắc mẩy... Sau này, máy móc đã thay dần cho sức người, năng suất tăng dần theo thời gian, nhưng ở những vùng cao người ta vẫn dùng chày để giã gạo. Tiếng chày "cụp, cum" văng vẳng trong đêm gợi lên một cuộc sống lao động thanh bình mang đậm bản sắc riêng của người dân Việt.

Cây lúa ở nước ta có rất nhiều giống nhiều loại. Tuỳ vào đặc điểm địa lý từng vùng, từng miền mà người ta trồng những giống lúa khác nhau. Ở miền Bắc với những đồng chiêm trũng, người ta chọn lúa chiêm thích hợp với nước sâu để cấy trồng, miền Nam đồng cạn phù sa màu mỡ hợp với những giống lúa cạn. Ở những vùng lũ như Tân Châu, Châu Đốc, Mộc Hoá, Long Xuyên người ta chọn loại lúa "trời" hay còn gọi là lúa nổi, lúa nước để gieo trồng. Gọi là lúa "trời" vì việc trồng tỉa người nông dân cứ phó mặc cho trời. Gieo hạt lúa xuống đồng, gặp mùa nước nổi, cây lúa cứ mọc cao dần lên theo con nước. Đến khi nước rút, thân lúa dài nằm ngã rạp trên đồng và bắt đầu trổ hạt. Người dân cứ việc vác liềm ra cắt lúa đem về.

Ngày nay, ngành nghiên cứu nuôi trồng phát triển đã cho ra đời nhiều loại lúa ngắn ngày có năng suất cao như NN8, Thần Nông 8, ÔM, IR66...

Theo điều kiện khí hậu và thời tiết nước ta, cây lúa thường được trồng vào các vụ mùa sau: miền Bắc trồng vào các vụ lúa chiêm, lúa xuân, miền Nam chủ yếu là lúa Đông Xuân và lúa Hè Thu. Các loại lúa ngắn ngày thường không bị ảnh hưởng bởi vụ mùa.

Cây lúa đã mang đến cho dân ta hai đặc sản quí từ lâu đời. Đó là bánh chưng, bánh giầy và cốm. Bánh chưng bánh giầy xuất hiện từ thời Hùng Vương, biểu tượng cho trời và đất. Người Việt ta dùng hai thứ bánh này dâng cúng tổ tiên và trời đất vào những dịp lễ tết. Nó trở thành đặc sản truyền thống của dân tộc Việt.

Cốm, một đặc sản nữa của cây lúa. Chỉ những người chuyên môn mới định được lúc gặt thóc nếp mang về. Qua nhiều chế biến, những cách thức làm có tính gia truyền từ đời này sang đời khác đã biến hạt thóc nếp thành cốm dẻo, thơm và ngon. Nhắc đến cốm, không đâu ngon bằng cốm làng Vòng ở gần Hà Nội.

Tóm lại, cây lúa có tầm quan trọng rất lớn đối với nền kinh tế nước nhà chủ yếu còn dựa vào nông nghiệp. Cây lúa bao đời là bạn thân thiết của người nông dân Việt Nam, không chỉ về mặt vật chất mà còn cả về mặt tinh thần. Mãi mãi vẫn còn nghe mọi người nhắc nhau những vần điệu ca dao thấp thoáng bóng hình con trâu và cây lúa:

*Bao giờ cây lúa còn bông*

*Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn*

### Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Đề bài:** Cây hoa đào ở quê em.

**Dàn ý:**

**A. Mở bài:** giới thiệu về hoa đào

**B. Thân bài:** thuyết minh về hoa đào

**1. Khái quát về hoa đào:**

- Biểu tượng của tết ở Miền Bắc

- Là loài hoa đẹp và được nhiều người yêu thích

- Biểu tượng của mùa xuân

**2. Chi tiết về hoa đào:**

- Những bộ phận của hoa đào:

   + Thân cây hoa đào nhỏ, có vỏ xù xì

   + Thân cây có rất nhiều nhánh

   + Lá hoa đào nhỏ, trông dễ thương

   + Hoa đào màu hồng đậm

   + Mỗi hoa có rất nhiều cánh, có đài hoa và nhị hoa

   + Hoa đầo thường nở và mùa xuân

- Đặc điểm của hoa đào:

   + Hoa đào là một loại cây sớm rụng lá

   + Thường mọc ở những nơi lạnh giá

   + Hoa đào được trang trí vào mỗi dịp tết

   + Hoa đào được trưng trong chậu hoặc trưng theo cành

   + Hoa đào rất đẹp

- Ý nghĩa của cây hoa đào:

   + Là biêu tượng của mùa xuân

   + Là dấu hiệu cho mùa xuân

   + Là biểu tượng cho ngay tết miền bắc

   + Là nguồn cảm hứng thơ ca và nghệ thuật

- Cây hoa đào trong nghệ thuật:

**C. Kết bài:** nêu cảm nghĩ của em về hoa đào

**Bài mẫu**

Mỗi năm, vào dịp tết đến xuân về địa phương tôi lại tấp nập khách thăm quan với mục đích ngắm những vườn đào nở rộ hay mua về một cây hoa đào để trưng trong mấy ngày năm mới.

Ngày tết ở miền Bắc không thể thiếu hoa đào cũng như việc hoa mai không thể không xuất hiện trong ngày tết của người miền Nam. Vì thế cho nên nghề chính của người dân quê tôi là trồng hoa đào để đáp ứng nhu cầu chơi hoa của người miền Bắc.

Cây đào có tên gọi khoa học là Prunus persica, là cây thân gỗ nhỏ, sống lâu năm. Cây có thể cao tới 5 - 10 m nhưng ngày nay người ta thường chuộng những cây đào thế có chiều cao khoảng 2 đến 3 m. Thân cây có màu nâu, cành cây mảnh dẻ tỏa ra bốn hướng với rất nhiều lá. Lá cây đào dài, dẹt giống hình mũi mác. Hoa đào là hoa đơn có thể là hoa đôi, nở vào đầu mùa xuân. Hoa có đường kính khoảng từ 2,5 đến 3 cm với năm cánh hoa tạo thành. Hoa đào có nhiều màu khác nhau: hồng nhạt, hồng đậm, đỏ tươi,…

Không phải ngẫu nhiên, hoa đào lại được là loài hoa tượng trưng cho mùa xuân đã tới trong những ngày năm mới của miền Bắc mà bởi khí hậu của mùa xuân miền Bắc thích hợp cho việc cây đào nở hoa. Nếu khí hậu quá nóng hoa đào sẽ nở sớm, hoặc quá lạnh nụ hoa sẽ chết. Qua đó, ta có thể thấy được công sức của người nông dân chăm sóc, vun trồng để hoa nở rộ đúng những ngày tết đầu năm.

Hoa đào trong văn hóa dân gian Việt Nam tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở, có thể xua đuổi bách quỷ, tà m**a.** Vì thế, người ta thường chơi đào vào ngày tết với những mong muốn làm ăn thuận lợi, gia đình dồi dào sức khỏe, vui vẻ, an lành,… Không những thế, hình ảnh hoa đào còn tượng trưng cho người con gái xứ Bắc, thể hiện qua câu thành ngữ “Liễu yếu đào tơ” hay câu ca dao “Bây giờ mận mới hỏi đào – Vườn hồng có lối ai vào hay chưa?”

Có rất nhiều loại hoa đào khác nhau: đào phai, đào bích, đào bạch,…mỗi loại hoa mang một màu sắc, vẻ đẹp khác nhau. Nhưng ở địa phương tôi thường trồng nhiều đào bích bởi loại đào này có màu đỏ tươi, là loại hoa cánh kép được mọi người ưa chuộng hơn cả.

Để hoa đào nở hoa vào đúng dịp tết, người dân phải rất kì công chăm sóc. Khi cách dịp tết khoảng 2, 3 tháng, người dân sẽ vặt toàn bộ lá của cây để cây phát triển nụ. Tùy vào thời tiết mà ta nên vặt lá sớm hay muộn. Nếu trời lạnh, nụ sẽ phát triển chậm nên cần phải vặt lá sớm còn nếu trời nóng thì nên vặt lá muộn hơn nếu không hoa sẽ nở rộ trước tết, giảm giá trị của hoa.

Vào dịp Tết, người dân quê tôi rất thích ra đường đi dạo phố bởi đây là lúc người nông dân thu lại công sức mà họ đã bỏ ra trong cả một năm. Họ bày những chậu đào bích đương nở dọc hai bên đường, nhìn qua trông chẳng khác những vườn đào của họ là mấy. Những chậu đào làm nên một không gian xuân sắc, người người qua lại ngắm hoa rồi chọn lấy một chậu hoa ưng ý mua về trưng trong mấy ngày xuân.

Theo thời gian, một vài phong tục tập quán đã mai một nhưng thói quen chơi đào của người dân ngầy Tết cổ truyền vẫn không hề thay đổi. Hoa đào là loài hoa không thể thiếu trong khung cảnh ngày tết của người dân Việt Nam.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

**Đề bài:** Một loài động vật hay vật nuôi ở quê em.

**Dàn ý:**

**A. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về giống vật nuôi (chó)

**B. Thân bài:**

**1. Nguồn gốc**

- Chó là loài động vật có vú, có tổ tiên là loài cáo và chó sói; sau đó tiến hóa thành loài chó nhỏ, màu xám, sống trong rừng, dần dần được con người thuần hóa và trở thành vật nuôi phổ biến nhất trên thế giới.

**2. Phân loại**

- Chó ở Việt Nam được chia thành 2 loại chính: chó thuần chủng có nguồn gốc tại Việt Nam (chó cỏ) và chó có nguồn gốc từ nước ngoài (chó Alaska, chó Bulldog,…)

**3. Đặc điểm**

- Chó là loài động vật có vú, các bộ phận cơ thể phát triển khá hoàn thiện, gồm: phần đầu, phần thân, và phần đuôi.

- Chó đặc biệt phát triển ở các giác quan: thính giác, khứu giác, giúp nó có thể thích nghi với hoạt động săn mồi.

    + Chó có đôi tai to, rất thính, có thể nhận biết được 35.000 âm rung chỉ trong 1 giây

    + Mũi chó rất thính, có thể nhận biết tới tối đa 220 triệu mùi khác nhau. Đặc biệt ở phần mũi chó, sống mũi và các nếp nhăn trên mũi sẽ tạo ra những đường vân độc nhất, gọi là vân mũi - thứ giúp nhận định danh tính của chúng.

- Mắt chó có 3 mí: một mí trên, một mí dưới và mí thứ 3 nằm ở giữa, hơi sâu vào phía trong, giúp bảo vệ mắt khỏi bụi bẩn. Chó phân biệt vật thể theo thứ tự: từ chuyển động đến ánh sáng rồi mới đến hình dạng. Vì vậy mà thị giác của chó rất kém, khả năng nhận biết màu sắc kém, nhưng bù lại, chúng có thể quan sát khá rõ trong đêm tối.

- Não chó rất phát triển, theo một nghiên cứu khoa học, trí tuệ của loài chó có thể tương đương với một đứa trẻ 2 tuổi. Vì vậy, loài chó là một trong những loài vật được nuôi nhiều nhất trên thế giới vì sự thông minh, nhạy bén, dễ bảo, và đặc biệt trung thành với chủ.

- Về thời gian sinh sản: Thời gian mang thai trung bình của chó từ 60-62 ngày. Chó khi mới sinh ra được bú mẹ và chăm sóc đến khi trưởng thành. Trong thời gian mang thai và chăm sóc con, chó mẹ rất hung dữ và nhạy cảm.

- Về sức khỏe: chó có tuổi thọ khá cao so với các con vật nuôi khác, trong điều kiện thuận lợi, chó có thể sống tới 12 đến 15 năm.

**4. Lợi ích và ý nghĩa của loài chó**

- Chó được nuôi với rất nhiều mục đích, chủ yếu là giữ nhà hoặc làm thú chơi. Thịt của chó đặc biệt có rất nhiều chất đạm, vì vậy, một số nơi nuôi chó để lấy thịt. Tuy nhiên hiện nay, rất nhiều người trên thế giới đang kêu gọi không ăn thịt chó bởi chó là loài động vật thông minh, tình cảm và trung thành, sống gắn bó với con người.

- Trong đời sống văn hóa, chó gắn bó với con người như một người bạn, một người thân trong gia đình. Chó là biểu tượng của lòng trung thành, dũng cảm, lòng tin và sự yêu thương.

**5. Một số lưu ý khi nuôi chó**

- Chó là loài vật dễ nuôi, dễ bảo. Tuy nhiên khi nuôi cần chú ý một số điều:

    + Tránh bạo hành chó

    + Chú ý nguồn thức ăn: Một số thức ăn gây ngộ độc cho chó: Socola, hành, tỏi, nho,…

    + Đối với những loài chó dữ, người nuôi chó cần có lồng nhốt hoặc xích để giữ chó

    + Tiêm phòng cho chó ngay từ khi còn nhỏ, đặc biệt là tiêm phòng dại.

**C. Kết bài:** Khái quát lợi ích của vật nuôi.

**Bài mẫu**

Chó là một loài động vật rất có ích cho con người. Nó trung thành, dễ gần và là bạn của con người. Cũng có thể vì thế mà người ta gọi nó là "linh cẩu".

Chó có rất nhiều loại và từ đó người ta đặt tên cho chúng. Chó là một trong số những loài động vật được thuần dưỡng sớm nhất. Trung bình chó có trọng lượng là từ một đến tám mươi ki-lô-gam.

Chó là giống vật nuôi đầu tiên được con người thuần hóa được cách đây 12.000 năm vào thời kỳ đồ đá. Tổ tiên của loài chó bao gồm cả cáo và chó sói (một loài động vật có vú gần giống như chồn sinh sống ở các hốc cây vào khoảng 400 triệu năm trước). Còn loài chó như chúng ta thấy ngày nay được tiến hóa từ một loài chó nhỏ, màu xám.

Lúc mới ra đời, chó con không có răng nhưng chỉ sau 4 tuần tuổi đã có thể có 28 chiếc răng. Bộ hàm đầy đủ của loài thú này là 42 chiếc.

Mắt chó có đến 3 mí: Một mí trên, một mí dưới và mí thứ ba nằm ở giữa, hơi sâu vào phía trong, giúp bảo vệ mắt khỏi bụi bẩn. Tai của chúng thì cực thính, chúng có thể nhận được 35.000 âm rung chỉ trong một giây. Khứu giác của chúng cũng rất tuyệt vời. Người ta có thể ngửi thấy mùi thức ăn ở đâu đó trong nhà bếp nhưng chó thì có thể phân biệt từng gia vị trong nồi, thậm chí những chú chó săn còn tìm ra những cây nấm con con nằm sâu trong rừng, vì chúng có thể phân biệt gần 220 triệu mùi. Chó phân biệt vật thể đầu tiên là dựa vào chuyển động sau đó đến ánh sáng và cuối cùng là hình dạng. Vì thế thị giác của chúng rất kém. Ta có thấy vào mùa đông lạnh, thỉnh thoảng chó hay đuôi che lấy cái mũi ướt át, đấy là cách chúng giữ ấm cho mình.

Chó có đến 2 lớp lông: Lớp bên ngoài như chúng ta đã thấy, còn lớp lót bên trong giúp cho chúng giữ ấm, khô ráo trong nhũng ngày mưa rét, thậm chí còn có nhiệm vụ "hạ nhiệt" trong những ngày oi bức.

Chó là loài động vật có bốn chân, mỗi bàn chân đều có móng vuốt sắc nhưng khi đi thì cụp vào. Chó có bộ não rất phát triển, xương quai hàm cứng. Đặc biệt, tai và mắt chó rất thính và tinh vào ban đêm. Chó vẫy đuôi để biểu hiện tình cảm. Chó là loài động vật có bộ phận tiêu hóa rất tốt.

Chó có đặc tính là chạy rất nhanh bằng bốn chân, tốc độ lao về phía trước khoảng từ bảy mươi đến tám mươi km một giờ. Hơn nữa, chó cũng có khả năng đánh hơi rất tài. Hiện nay chó hoang dã vẫn còn tồn tại, nhưng chó được thuần dưỡng như chó nhà, chó cảnh thì phổ biến hơn.

Chó thuần dưỡng có nhiệm vụ trông, giữ nhà và thường nặng từ mười lăm đến hai mươi ki-lô-gam, có tuổi thọ trung bình từ mười sáu đến mười tám năm. Loại chó bắt được tội phạm được gọi là chó nghiệp vụ, trinh thám, và thường rất to, cao, tai vểnh, hoạt động nhanh nhẹn, linh hoạt và thông minh. Chúng được nuôi rất công phu. Một số loại chó khác như chó săn thường rất khôn. Chó cứu hộ được dùng trong việc cứu hộ ở các bến cảng, sân bay,... nơi xảy ra sự cố.

Ở một số nước trên thế giới, chó còn chuyên để kéo xe. Nhưng không hẳn là chỉ có ích, nó còn rất dễ bị bệnh, đó là bệnh "dại". Thường là thời gian đầu chó rất bình thường, ít người phát hiện ra để đề phòng. Khi bị chó dại cắn, lúc bấy giờ mới thấy rõ việc nguy hiểm đến tính mạng con người. Vì vậy cần phải tiêm phòng cho chó thường xuyên theo định kì để tránh bị mắc bệnh.

Chó là loài động vật rất có ích trong mọi lĩnh vực. Chó còn là bạn của con người bởi sự thông minh, lanh lợi, trung thành và nhiều tác dụng của nó. Chó được coi là loài động vật rất quan trọng và giúp việc đắc lực cho con người.

Con chó luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như trong lúc bần hàn, khi khoẻ mạnh cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ là được.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 1 lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

**Đề bài:** Một nét đặc sắc trong di tích, thắng cảnh quê em.

**Dàn ý:**

**A. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh: Việt Nam ta luôn tự hào với muôn vàn danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp, nổi tiếng, trong số đó, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động đã và đang thu hút được rất nhiều sự chú ý của khách du lịch trong và ngoài nước bởi những cảnh đẹp hùng vĩ, vừa hoang sơ, vừa thơ mộng, giản dị.

**B. Thân bài:**

**1. Vị trí địa lý**

- Tam Cốc – Bích Động có tổng diện tích lên đến 350.3 ha, nằm cách quốc lộ 1A 2 km, cách thành phố Ninh Bình 7 km, cách thành phố Tam Điệp 9 km.

- Tam Cốc – Bích Động nổi tiếng với hệ thống các hang động núi đá vôi tuyệt đẹp và các di tích lịch sử liên quan đến một triều đại lớn của nước ta – triều đại nhà Trần.

**2. Kết cấu**

- Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động gồm 2 phần chính: Tam Cốc và Bích Động

- Tam Cốc: có nghĩa là “ba hang” gồm hang Cả, hang Hai và hang Ba. Cả 3 hang đều được tạo thành bởi dòng sông Ngô Đồng chảy xuyên qua núi.

   + Hang Cả có chiều dài lên đến 127m, với cửa hàng rộng mở, hang đâm xuyên qua một quả núi lớn tạo sự kì thú, hấp dẫn du khách. Đặc biệt khí hậu trong hang khá mát và có nhiều nhũ đá rủ xuống với muôn hình vạn trạng khiến nơi đây như một bức họa của thiên nhiên tạo hóa.

   + Hang Hai nằm cách hang Cả gần 1 km, dài 60 m, trần hang cũng có nhiều nhũ đá rủ xuống rất kỳ lạ.

   + Hang Ba tuy nhỏ hơn hang cả và hang Hai, nhưng xấu tạo trần hang lại có hình vòm đá vô cùng kì lạ.

   + Bên cạnh đó còn có các công trình kiến trúc khác: Đền Thái Vi và Động Thiên Hng.

- Khu Bích Động - Xuyên Thủy Động: Bích Động nằm cách bến Tam Cốc 2 km, có nghĩa là "động xanh", cái tên này do tể tướng Nguyễn Nghiễm, cha của đại thi hào Nguyễn Du đặt cho động năm 1773.

   + Bích Động gồm 1 hang động khô ngự trên lưng chừng núi. Trên đó có công trình kiến trúc nổi tiếng của phật giáo:chùa Bích Động. Bên cạnh đó là một hang động nước chảy xuyên qua lòng núi nên được gọi là Xuyên Thủy động.

   + Xuyên Thủy động là một công trình kiến trúc vô cùng đặc biệt của thiên nhiên tạo hóa. Kết cấu của Xuyên Thủy động như 1 đường ống hình bán nguyệt bằng đá và uốn lượn từ phía Đông sang phía Tây. Trần và vách động thường bằng phẳng, tạo hoá như xếp từng phiến đá lớn thành mái vòm cung, bán nguyệt với muôn hình vạn trạng, góp phần tăng thêm vẻ đẹp kì thú cho động.

**3. Ý nghĩa của danh lam thắng cảnh**

- Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động nằm trong quần thể danh thắng Tràng An, được Thủ tướng chính phủ Việt Nam xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt và được tổ chức UNESCO công nhận là di sản thế giới.

- Tam Cốc - Bích Động có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách ở cảnh quan tuyệt đẹp và sự thanh bình, không khí trong lành, tươi mát, tràn đầy linh khí. Có thể nói, Tam Cốc - Bích Động vừa in đậm dấu ấn lịch sử nhà Trần, vừa có sức quyến rũ, hấp dẫn từ những hang động bí ẩn, những cảnh đẹp giản dị, thanh bình, lại vừa mang trong mình bầu linh khí của thế giới tâm linh - Phật giáo.

**C. Kết bài:**

- Không thể phủ nhận, Tam Cốc - Bích Động chính là một niềm tự hào của người dân kinh đô Hoa Lư nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

- Chúng ta cần phải giữ gìn và phát triển những giá trị tự nhiên - truyền thống này của dân tộc.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**Đề bài:** Tưởng tượng 20 năm sau, vào một ngày hè, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho một bạn học hồi áy kể lại buổi thăm trường đấy xúc động đó.

**Bài mẫu**

Hà Nội, ngày 19.05.2035

Phượng thân mến!

Thấm thoát đã 20 năm trôi qua, kể từ cái ngày tớ chia tay cậu, thầy cô và mái trường thân yêu cùng gia đình sang định cư bên nước ngoài, chúng mình đã không còn liên lạc với nhau nữa nhỉ?. Hôm nay, ngày 19.05.2030, cái ngày tớ được trở về nước đáp chuyến sân bay Nội Bài, lòng bồi hồi rạo rực và người bạn tớ nghĩ đến đầu tiên chính là cậu. Tớ nhớ tới những kỉ niệm của tuổi thơ, cùng dắt tay cậu tung tăng cắp sách tới trường, đi qua con đường đi bộ với những cánh đồng bất tận màu lúa chín. Và hôm nay trở về, tớ lại đi trên con đường mòn quen thuộc ấy, tớ đi tới ngôi trường mà ngày xưa tớ với cậu đã học: Trường trung học cơ sở Đức Thượng.

Chiếc xe taxi lăn bánh trên đường, cảnh quan phố xá Hà Nội thật đẹp, những tầng nhà cao ốc, những cung đường cao tốc trên cao, những dòng người đổ xô tấp nập cũng chẳng khác gì bên Singapo – nơi mình sống là mấy. Tớ còn nhớ, ngày trước, con đường đi tới trường đều là con đường đất đá, gồ ghề, những hôm mưa bụi lầy lội, mặt mũi, quần áo đứa nào đứa lấy đi tới lớp cũng nhọ nhem, dính đầy bùn đất cả. Hai bên đường là những dãy bằng lăng, phượng vĩ, bạch đàn cao vút, mát rượi nhưng giờ đây nó đã thay đổi, con đường ấy đã được lát nhựa đường nhẵn thín, hai bên đường là những cột đèn và toàn dãy nhà cao ốc sang trọng, các cửa hàng tạp hóa bày bán đủ các thứ trên đời. Đang ngẩn ngơ nhớ lại những kỉ niệm, hồi ức xưa, bỗng bác tài xế kêu:

- Anh ơi, đến trường rồi ạ!

Tớ giật thoắt người, một cảm giác lâng lâng khó tả, ngẹn ngào chặn đứng nơi cổ họng, không nói được thành lời. Trước mắt tớ là ngôi trường xưa mà mình đã học đây sao?, thật khang trang, thật đẹp. Mình vội vàng bước xuống xe, lòng nôn nao muốn bước nhanh vào trong mà gặp lại người thầy kính yêu. Tiếng trống trường "tùng... tùng ... tùng" vang lên như từng nhịp kí ức đang lần lượt vẫy gọi mình trở về thời học sinh, thời áo trắng cắp sách tới trường. Tụi nhóc trong các lớp nghe thấy tiếng trống, ùa ra như bầy ong vỡ tổ, tiếng cười nói, vui vầy ngây ngô của những tâm hồn trẻ thơ non nớt, và chỉ nay mai thôi, tụi nhóc ấy cũng nhanh chóng trưởng thành, cũng phải tạm biệt mái trường, xa bạn bè thầy cô, rồi lại xòe chiếc áo trắng tinh trên người mà thay nhau khắc ghi kỉ niệm. Thời gian đúng là không bỏ xót một ai trên đời mà ...

Kia rồi, chú Hoài bảo vệ vui tính kia rồi. Hai mươi năm rồi, chú vẫn còn làm ở đây, không biết chú ấy còn nhớ tớ không nữa. Tớ cất tiếng chào:

- Cháu chào chú Hoài.

Chẳng hiểu sao lúc ấy, tớ lại hiện lên như một đứa trẻ, nhớ lại những lần đi học muộn bị chú phạt đứng phơi nắng một tiết ở cổng trường, bởi chú cũng là "biệt đội sát thủ" giám thị của trường mà.

- Cậu là...?

- Cháu là học sinh cũ của trường, chú còn nhớ cháu không ạ?

- Có phải Tùng? học sinh lớp thầy Vẻ, con bố Lộc ở làng Phượng Trì không? Lâu lắm rồi không gặp cậu, lớn lên đẹp trai, trắng trẻo phết nhỉ?...

- Ôi, đã hai mươi năm rồi, mà chú vẫn còn nhớ cháu vậy cơ ạ!.

Mình giật mình như tìm lại người quen, bởi mình cứ nghĩ, xa trường, xa quê lâu như vậy, chắc hẳn chẳng ai còn nhớ tới mình nữa. Lòng phấn chấn, vui sướng không giấu được vào trong lòng.

- Chú cho cháu vào thăm trường được không ạ. Cháu nhớ trường, nhớ lớp quá chú ạ!.

Tạm biết chú Hoài vui tính, tớ đi loanh quanh sân trường, tìm lại nơi góc xưa trốn cũ mà bọn mình đã chơi ú tìm trong mỗi lần ra chơi, đó là chiếc gầm cầu thang quen thuộc. Nơi đó, cậu còn nhớ không, chúng mình còn khắc tên nhau lên đó nữa đấy. Đã hai mươi năm rồi, thế mà những dòng chữ ngệch ngoạc ngây ngô ấy vẫn còn vẹn nguyên, có chăng cũng chỉ mờ đi chút ít do lớp bụi thời gian năm tháng. Kia rồi, lớp 9a kia rồi, mình chạy lại nhìn vào lớp học. Vẫn cái khung cảnh ấy, vẫn là thầy Vẻ, vẫn từng ấy học sinh đang say sưa học bài. Bất chợt bài hát "Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ" của ca sĩ Lynk Lee vang lên trong đầu tớ:

*Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*

*Để trở về với giấc mơ ngày xưa*

*Bút mực, truyện tranh, những gói bỏng ngô trong ngăn bàn*

*Cho tôi xin về lại thời tập tô để vẽ ông mặt trời hiền như bố*

*Những chiều rong chơi say mê những món đồ hang*

*Cho tôi xin về lại mái trường xưa*

*Dù trường thật bé nhưng ước mơ thật to*

*Từng ngày chăm lo, cô giáo vui như mẹ hiền...*

Tớ cứ đứng ngoài lớp mà nhìn thầy giảng bài, thấy hình ảnh của cả lớp mình năm xưa lần lượt như hiện về, nổi hình nổi sắc trong đầu. Mái tóc thầy giờ đã điểm hoa râm, thầy đã gầy hơn xưa nhiều rồi. Nét mặt gầy gò với cặp kính đeo trễ, làn da nâu xạm nắng, giọng nói trầm ấm say sưa trong tiết học khiến tụi nhóc cứ há hốc miệng mà chăm chú nghe giảng. Bất thần, thầy nhìn thấy tớ, tớ lúng túng không biết phải xử trí như nào, tay còn gãi gãi lên đầu, tỏ vẻ ngượng ngùng, giống hệt như một cậu học sinh đi học muộn sợ thầy phạt vậy. Thầy đi ra cửa lớp, cất tiếng hỏi nhẹ nhàng, nồng ấm:

- Tùng, phải Tùng không? Đúng là Tùng rồi, lâu rồi thầy không gặp em. Sao đến trường không gọi điện cho thầy. Mà thầy tưởng em đang định cư bên Xingapo cùng gia đình cơ mà?

Hàng loạt các câu hỏi dồn dập, thể hiện niềm vui, sự bất ngờ của thầy trước việc gặp lại cậu học trò năm nào. Bỗng dưng như một phản xạ vô điều kiện, tớ lao đến, ôm trầm lấy thầy và khóc nức nở như một đứa con nít được gặp lại người cha sau bao năm xa cách. Rồi tớ nói trong dòng nước mắt nghẹn ngào:

- Vâng, em là Tùng đây, em nhớ thầy, nhớ trường, nhớ các bạn quá. Bao năm nay, bên nước ngoài, em không đến thăm thầy được, em xin lỗi thầy nhiều lắm.

Trong lòng tớ lúc ấy, không hiểu sao dâng lên một niềm xúc động khó tả, vừa vui khi gặp lại thầy, lại vừa có phần trách mình khi cảm thấy có lỗi với thầy về ngày xưa đã có lúc không nghe lời thầy, khiến thầy phải bận lòng, không vui... Nói chuyện một hồi lâu, thầy cũng quên cả tiết dạy, hai thầy trò lại hẹn nhau có dịp gần nhất sẽ tới nhà thầy chơi.

Tiếng trống trường lại vang lên từng hồi, điểm nhịp "tùng... tùng.... tùng", báo hiệu trống tan trường. Tụi nhóc, đứa nào đứa nấy chạy ùa ra mà tung tăng vui vẻ ra về, trả lại không gian im lặng tĩnh mịch vốn có của biết bao nhiêu ngôi trường miền quê khác. Lúc này, tớ mới có dịp nhìn kĩ hơn toàn bộ khung cảnh của trường, thật rộng lớn mênh mông. Cả trường vẫn tổng có sáu dãy nhà, được chia theo lần lượt từ A đến B. Giờ đây, trường còn có cả thêm khu nhà thể thao, thư viện sách và hội trường, trông không khác xưa là mấy nhưng có vẻ sang trọng và hiện đại hơn rất nhiều. Cả sân trường khi đứng trên cao nhìn xuống, một màu xanh lá cây bạt ngàn xen lẫn một vài chấm đỏ của hoa phượng vĩ, báo hiệu thời khắc mùa hạ đã tới. Xa xa là những đàn chim chích chòe đang đậu trên tán lá, chim mẹ đang mớm mồi cho những chú chim non trong tổ, tiếng chim chóc hót líu lo, hòa với tiếng ve kêu, tiếng run dế cao vút, gợi lên một không gian thật nên thơ, tạo cảm giác thư thái, nhẹ nhàng. Ánh mặt trời đã ngả về tây, những đám mây ánh hồng như những hòn than sắp tàn, bóng tối đã bắt đầu xuất hiện, phủ lên khắp không gian trước mặt tớ một màu sẫm đen.

Chiều muộn, tớ ra về mà lòng nặng trĩu. Bởi giờ đây, mỗi chúng ta ai cũng đã khôn lớn trưởng thành, chẳng biết đến bao giờ lớp mình mới lại được gặp lại nhau, rồi cùng nhau tới trường, thăm lại thầy cô, ôn lại những kỉ niệm. Tớ hi vọng, đến một ngày gần nhất, sẽ lại được cùng cậu đi trên con đường mà mình đã từng đi... Nhận được lá thư tớ gửi, cậu nhớ hồi thư lại cho mình nhé!

Tùng lưu bút! Thân ái.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Đề 2:** kể lại một giấc mơ trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày

**Bài mẫu**

Những ngày đầu mùa đông, trời trở lạnh, em đi ngủ sớm hơn mọi khi. Em nằm bên cạnh bà và được nghe những câu hát mượt mà của ngày xưa bà thường hay hát. Chắng mấy chốc, giọng hát ngọt ngào ấy đã đưa em chìm sâu vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, em thấy ông nội trở về trò chuyện cùng với em.

Ông nội em năm nay cũng khoảng 70 tuổi nhưng ông đã không còn từ khi em mới bỡ ngỡ bước vào lớp một. Thời gian trôi qua thật nhanh, thấm thoắt cũng đã gần chục năm rồi em không đuợc sống bên cạnh ông, không đuợc nghe giọng nói ồm ồm chứa đựng bao tình thương của ông.

Em vẫn nhớ như in giấc mơ hôm đó, em thấy ông nội với hình dáng gầy gầy thân quen đi về phía em đang học bài. Em vui sướng chạy ra ôm chầm lấy ông. Đôi bàn tây ấm áp của ông nhẹ nhàng xoa lên đầu em rồi ông dắt em từ bàn học ra chiếc ghế nhỏ ngày xưa hai ông cháu dạy nhau tập đọc đặt ở phòng ngoài. Đã lâu lắm rồi mà nhìn ông vẫn không thay đổi là bao so với trước. Khuôn mặt vấn rạng ngời phúc hậu đã xuất hiện thêm nhiều nếp nhăn. Đôi mắt sâu hơi mờ đi nhưng đôi tai ông vẫn còn tinh lắm. Dường nhu chỉ có mái tóc bạc thêm là thấy rõ vì dấu ấn thời gian.

Ông hỏi han về tình hình học tập của em có tốt không? Em tự hào kể cho ông nghe về những thành tích mà mình đã đạt được. Nói đến đâu ông cũng gật đầu tỏ vẻ hài lòng và khen em đã có tiến bộ hơn ngày trước rất nhiều. Em cảm thấy ông rất vui và hãnh diện vì mình. Song ông vẫn nhắc nhở em phải biết lấy đó làm động lực để mình cố gắng. Ông mong em luôn chăm chỉ học tập, rèn luyện bản thân, không lúc nào được nguôi nhớ công ơn sinh thành và nuôi dưỡng của bố mẹ, thầy cô. Em ngồi im lặng và thấm thía những lời dạy đầy ý nghĩa của ông vào tâm trí. Rồi em hỏi thăm sức khoẻ của ông. Ông nói rằng ông rất khoẻ và luôn nhớ về mọi người. Ông hy vọng rằng em sẽ thay ông chăm sóc bà thật tốt. Em cảm động lắm, không biết nói gì em chỉ biết nhìn ông và gật đầu thay cho câu trả lời của mình. Ngồi nói chuyện được khá lâu, ông kể tiếp cho em nghe nhiều câu chuyện hay mà ngày trước ông vấn thường hay kể. hai ông cháu nói chuyện vui vẻ, giọng nói và tiếng cười ấm áp của ông vang khắp căn nhà bé nhỏ.

Trời về khuya hơn, màn đêm yên ắng, tĩnh mịch lạ thường. Em hỏi ông hay nói đúng hơn nó là lời trách móc ngây thơ rằng: "Sao ông không thường xuyên về thăm gia đình hay là ông đã quên mọi người? Lần này về ông phải ở đây thật lâu để chơi với chúng cháu". Ông khẽ nói với em rằng: "Hãy nhớ ông luôn ở bên cạnh mọi người". Nói xong, ông lẳng lặng bước ra cửa, vì sợ phải xa ông em vội chạy theo nhưng hình ảnh ông cứ xa dần, chỉ thỉnh thoảng ông ngoảnh lại vẫy tay tạm biệt. Em khóc gọi theo ông. Thấy mình khóc, em tỉnh dậy thì ra những gì mình vừa thấy chỉ là mơ. Đó là một giấc mơ mà em không bao giờ quên được.

Em sẽ luôn ghi nhớ và trân trọng giấc mơ quý giá này. Em tin rằng dù không có thật nhưng mỗi lời nói, cử chỉ ông dành cho em đều là động lực để em vươn lên trong cuộc sống.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

**Đề 3: Kể lại một trận chiến đấu ác liệt mà em đã đọc, đã nghe kể hoặc đã xem trên màn ảnh.**

**Bài mẫu**

Mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), quân của Nguyễn Huệ nước An Nam vượt sông Gián Thủy đánh bại quân phòng thủ của Lê Duy Kỳ (Lê Chiêu Thống), lại bắt toán quân Thanh tuần thám giết sạch. Ngày mồng hai, Tôn Sĩ Nghị được tin hoảng hốt ngự địch, ra lệnh Tổng binh Trương Triều Long mang ba ngàn quân tăng cường cho các đồn Hà Hồi, Ngọc Hồi để chống cự, lại ra lệnh cho Ðề đốc Hứa Thế Hanh mang một ngàn năm trăm tên, tự đốc suất một ngàn hai trăm tên để tiếp ứng. Quân Nguyễn Huệ tiến tới đông như ong, vây đồn bốn phía, đánh nhau một ngày một đêm, quân Thanh bị đánh tan bèn bỏ chạy.

Vào canh năm ngày mồng 5 Nguyễn Văn Huệ mang đại binh tiến đánh, thân tự đốc chiến, dùng một trăm thớt voi khỏe làm tiên phong. Rạng sáng quân Thanh cho kỵ binh nghênh đón địch, ngựa bị voi quần kinh hãi bỏ chạy, quân rút lui vào trại cố thủ. Phía ngoài trại, lũy đầy chông sắt, bên trong bắn súng ra cự địch. Vào giờ Ngọ quân Nguyễn bắn hỏa châu, hỏa tiễn tới tấp; lại dùng rạ bó to lăn mà tiến đều, khinh binh theo sau, trước ngã sau tiến lên một lòng quyết chiến, tại các trại quân Thanh đồng thời tan vỡ, quân Nguyễn thừa thắng chém giết, quân Thanh tử thương quá nửa.

Ðề đốc Hứa Thế Hanh thấy thế lực nhiều ít rõ ràng, bảo gia nhân đem ấn triện Ðề đốc mang đi, rồi ra sức đánh, bị chết tại trận. Lúc này quân địch càng bị giết càng nhiều, chia cắt quân Thanh từng nhóm rồi vây kín. Thống soái Tôn Sĩ Nghị mất liên lạc với Hứa Thế Hanh và các đại viên Ðề, Trấn; bèn ra lệnh Phó tướng Khánh Thành, Ðức Khắc Tinh Ngạch mang ba trăm quân đoạt vây chạy về phía bắc. Khi tàn quân của Tôn Sĩ Nghị chạy đến bờ sông, thì số quân Thanh ba ngàn tên trú đóng tại bờ phía nam đã được Tổng binh Thượng Duy Thanh mang đi tiếp ứng cho Hứa Thế Hanh, bèn ra lệnh cho Tổng binh Lý Hóa Long vượt qua cầu nổi chiếm cứ bờ phía bắc, để tiện việc yểm hộ qua sông. Không ngờ Lý Hóa Long đi đến giữa cầu, trượt chân rơi xuống nước chết, số quân mang đi kinh hãi không biết làm gì. Tôn Sĩ Nghị ra lệnh Khánh Thành yểm hộ mặt sau bằng cách bắn súng điểu thương vào quân Nguyễn Văn Huệ đang truy kích, riêng mình tự mang quân theo cầu nổi lui về bờ phía bắc; rồi lập tức cho chặt đứt cầu nổi, cùng với bọn Khánh Thành rút lui về sông Thị Cầu.

Quân Thanh tại phía nam sông thấy cầu đã bị đứt chìm, không có đường về, bèn đánh trở lại thành nhà Lê. Các Tổng binh Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long, Phó tướng Na Ðôn Hành, Tham tướng Dương Hưng Long, Vương Tuyên, Anh Lâm đều tử trận. Tri châu Ðiền Châu Sầm Nghi Ðống không được viện binh đành tự tử, số thân binh tự tử cũng đến hàng trăm. Quốc vương An Nam Lê Duy Kỳ vào lúc binh thua tới dinh Tôn Sĩ Nghị họp bàn, thấy Tôn Sĩ Nghị đã bỏ chạy, bèn hoảng hốt vượt sông chạy lên phương bắc, đến đây nhà Lê diệt vong.

Nguyễn Văn Huệ xua quân tiến vào thành, chiến bào mặc trên người nhuốm đen, do bởi thuốc súng. Ðề đốc Ô Ðại Kinh mang đạo quân Thanh tại Vân Nam xuất phát từ Mã Bạch quan vào ngày 20 tháng 11 năm ngoái, đến Tuyên Quang vào ngày 21 tháng 12; khi đến sông Phú Lương thấy cầu nổi bằng tre đã bị chìm đứt, nhìn sang bên kia bờ thấy lửa rực bốn phía, bèn triệt hồi Tuyên Quang, rồi lập tức lui vào trong nước.

Cuộc chiến vẫn còn tiếp tục, nhưng rõ ràng rằng phần thắng sẽ thuộc về những lý tưởng chiến đấu vì chính nghĩa. Tinh thần hy sinh và tài năng của dân tộc ta một lần nữa được khẳng định với bạn bè năm châu khi một lần nữa nhắc lại chiến công oai hùng.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 2 lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

**Đề 4: Đã có lần em cùng bố mẹ hoặc anh chị đi thăm mộ người thân trong ngày lễ, tết. Hãy viết bài văn kể về buổi đi thăm đáng nhớ đó.**

**Bài mẫu**

Sắp Tết rồi! Phải, sắp Tết! Đã hơn hai năm trôi qua, không có bà ở bên chăm sóc, vỗ về, bà chỉ hiện lên trong những dòng kí ức, trong trí tưởng tượng non nớt của tôi. Và năm nay sẽ là lần đầu tiên tôi đi tảo mộ bà. Trong tôi rộn lên bao nỗi niềm cảm xúc...

Chớm xuân! Trời đất, vạn vật choàng tỉnh khỏi giấc ngủ mùa đông, khoác tấm áo mới tươi tắn mừng xuân về. Những giọt nắng đầu tiên đã xuất hiện, rơi xuống con đường đất nâu sậm thành từng vùng nắng ấm áp, dìu dịu, làm tan đi cái lạnh lẽo, u ám vốn thấy ở mùa đông. Bên vệ đường, những bông lau, những vạt cỏ mới mọc, khẽ đưa mình trước làn gió thoảng, gợn sóng mềm mại. Trời đất như rộng thêm ra! Cái phong vị mùa xuân đang lan tỏa khắp nơi.

Đường vắng vẻ, mọi người rảo bước đi nhanh hơn. Còn tôi, tôi thấy mình thật lạ! Tôi đã rất muốn gặp, rất muốn thăm bà nhưng thực tình tôi không muốn bước chân vào khu nghĩa trang này, nó như cho tôi cái cảm giác phải tin là bà đã mãi đi xa vậy. Dòng suy nghĩ vẩn vơ, chân bước tiếp, rồi tự bao giờ tôi đã đứng trước nơi bà yên nghỉ.. Mọi thứ xung quanh chợt mờ đi trước mắt tôi, tôi muốn dùng nước mắt như cố để phủ nhòa đi cái cảnh tượng trước mắt. Mẹ tôi đã chuẩn bị đầy đủ trong chiếc làn nặng trĩu những thứ cần thiết: nào nhang, hoa và cả đồ lễ nữa. Mẹ cùng chị sửa sang phần mộ chu đáo, cẩn thận, nhổ cỏ quanh bia đá. Đưa tôi mấy nén nhang thơm đã đốt sẵn, mẹ bảo hai chị em đi thắp nhang cho các ngôi mộ xung quanh. Mẹ tôi vẫn đang sửa cỗ. Xa xa nơi một góc nghĩa trang, một nhà đang hóa vàng và lục tục chuẩn bị ra về. Lũ trẻ nhà đó chạy lăng xăng đi trước, người lớn sửa soạn đi sau.

... Tôi giờ đang đứng lặng ở đây, trước mộ bà, chắp tay làm lễ như mẹ và chị tôi. Những kỉ niệm chợt ùa về với tôi thật rõ nét, tất cả chỉ như vừa mới qua thôi. Tôi nhớ những ngày bà bế tôi rong chơi khắp làng, nhớ cả hơi ấm đặc biệt của bà nữa. Quên sao được hình bóng bà chập chờn trên vách bếp mỗi sớm tinh sương, bà nấu những nồi chè nóng, nướng những củ khoai thơm phức cho chị em tôi. Lúc nào bà cũng dành cho tôi phần hơn, phần ngon. Tôi cũng là đứa thường hay thích chải tóc cho bà, mái tóc bà dài, xòa ngang lưng, lốm đốm những sợi bạc và thoang thoảng mùi sả thơm. Tôi nhớ khôn nguôi cái mùi hương nồng ấm làm cay cay sống mũi ấy! Tôi cũng biết rằng hồi đó tôi chỉ là đứa trò hậu đậu, vụng về, làm đâu đổ đấy. Nhưng bà chẳng bao giờ quở trách tôi, cũng chẳng bao giờ bảo tôi hậu đậu cả. Bà dạy tôi mọi thứ, bà cho tôi niềm tin ở những việc mình làm, cho tôi cả những niềm hạnh phúc lớn lao. Bây giờ, tôi đã khôn lớn hơn, đã bớt hậu đậu, vụng về thì tôi chẳng còn có dip cho bà thấy những việc mình làm nữa. Bây giờ, ông cũng vẫn thường cho tôi những quả lộc nhưng cái cảm giác ngày xưa đã mãi không còn nữa, nó không phải là cảm giác thích thú, hớn hở khi được bà cho quà... Ngày trước, cứ mỗi đợt đông về, bà luôn nhắc tôi phái mặc áo cho ấm, sợ tôi ho và ốm, bà sợ tôi lạnh. Vậy mà bây giờ bà nằm đây, trong đất lạnh, cô đơn và trống trải. Bà có cảm nhận được không một mùa xuân ấm áp sắp về.

Một làn gió thoảng qua kéo tôi trở lại với thực tại, đưa tôi ra khỏi thế giới của tuổi thơ tràn ngập bóng bà. Chị và mẹ đang gọi tôi. Mẹ đang hóa vàng, những tro tiền giấy theo gió bay khắp cả một khoảng không trước mộ.

Tôi nhận ra ràng, bà đi thật rồi... Tôi trở về khi ánh hoàng hôn dán buông, cảnh vật nhuốm một màu vàng nhàn nhạt, ảm đạm. Tôi quay gót, ngước nhìn phía sau con đường vừa bước. Dường như tôi mong chờ một hình bóng ai đó hay một điều kì diệu làm phai bớt di gam màu buồn này, có thể gạt đi trong tôi bao ý nghĩ miên man ùa về.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**Đề 1: Hãy kể về một lần em trót xem nhật kí của bạn.**

**Dàn ý:**

**A. Mở bài:**

- Giới thiệu về lần em trót xem nhật kí của bạn. Lỗi lầm đó khiến em có cảm xúc thế nào trong hiện tại.

**B. Thân bài**

- Hoàn cảnh khi nhìn thấy nhật kí

   + Trong một lần ngồi trong lớp coi lớp giờ thể dục, tôi thấy cuốn sổ nhỏ rơi ở gần bục giảng

- Khi nhìn thấy cuốn nhật kí, tôi khá lưỡng lự, đã định giữ và trả cho bạn nào đánh rơi

- Suy nghĩ một hồi lâu, tôi không thắng nổi tính tò mò của mình nên đã mở ra để xem trong đó viết gì

- Sau khi lật mở những trang đầu ra, tôi không thể kiềm lòng mình nên đã mở những trang tiếp theo

- Bỗng lúc đó, bạn An (chủ nhân cuốn sổ bước vào lớp) thấy tôi đang đọc thì rất tức giận

- An không làm lớn chuyện nhưng bạn ấy không nói, không chơi với tôi trong một tuần

- Tôi đã rất ân hận vì hành động xâm phạm bí mật riêng tư của người khác, tôi đã xin lỗi An và mong bạn ấy bỏ qua

**C. Kết bài**

- Qua chuyện đó, chúng tôi thân nhau hơn, và tôi rút ra bài học cho mình: không bao giờ xâm phạm tới bí mật riêng tư của người khác

**Dàn ý:**

Tuổi học trò, có thể bạn không phải là học sinh xuất sắc, không có mối tình gà bông chớm nở đầy màu hồng nhưng người bạn thân chắc hẳn là ai cũng có. Tôi cũng vậy, tôi với Nguyệt là bạn thân với nhau từ hồi mẫu giáo, chúng tôi thân thiết như hai chị em ruột. Chính vì vậy mà tôi đã rất hối hận, chỉ vì tính tò mò của bản thân mà đã trót dại đọc trộm nhật kí của cậu ấy.

Tôi và Nguyệt học chung lớp, ngồi cùng bàn, luôn đi học cùng nhau, lúc nào cũng dính lấy nhau. Vì thế, từ lâu tôi đã phát hiện Nguyệt có một quyển vở màu hồng xinh xắn luôn giấu trong ngăn bàn, quyển vở mà ngay cả người bạn thân như tôi cũng chưa từng được xem. Tôi rất tò mò với quyển vở ấy.

Hôm ấy, tôi ngủ dậy muộn nên không thể đến lớp cũng Nguyệt. Vào đến lớp thì đã trễ, trong lớp chỉ có mình tôi, cả lớp tôi đã ra ngoài sân học thể dục. Tôi nghĩ bụng phải cất cặp sách thật nhanh rồi ra ngoài học kẻo bị thầy phạt. Tuy nhiên đúng lúc ấy, quyển vở màu hồng từ trong ngăn bàn của Nguyệt rơi xuống đất vì động tác cất cặp của tôi.

Nhặt quyển sách lên, ngay trang bìa tôi đã đọc được dòng chữ “Nhật kí tuổi học trò”. Sai lầm sẽ không xảy ra nếu lúc ấy tôi cất quyển nhật kí ấy lại chỗ cũ. Nhưng tôi lại làm một việc mà mỗi khi nhớ lại tôi lại giận và không thể tha thứ cho chính bản thân mình khi ấy.

Tôi lén lút nhìn ra cửa sổ xem có ai không rồi mở ra, lật từng trang, từng trang. Mỗi trang nhật ký đều được Nguyệt trang trí rất tỉ mỉ, từng dòng chữ nắn nót. Tôi vừa thấy có lỗi lại vừa tò mò,lén lút như một kẻ trộm xem trộm nhật ký của Nguyệt mà không có sự đồng ý của cậu ấy.

Lật tới trang cuối cùng, tôi liếc qua thấy Nguyệt kể về cuộc đi chơi của chúng tôi chiều qua. Bỗng nhiên, cảm xúc tội lỗi dâng lên trong lòng tôi mãnh liệt. Tôi vội cất quyển nhật kí đi, gục mặt xuống bàn, bỏ qua cả hai tiết thể dục hôm ấy. Ngày hôm ấy tôi không dám nói chuyện với Nguyệt, tôi sợ khi Nguyệt biết điều này cậu ấy sẽ buồn và thất vọng về tôi lắm.

Tôi trằn trọc suy nghĩ cả ngày hôm ấy, cho đến sáng hôm sau tôi quyết định phải nói sự thật với Nguyệt và xin cậu ấy tha thứ. Mới đến lớp tôi đã kéo Nguyệt ra một góc và thành thật những gì tôi đã làm. Rất may với tôi là Nguyệt đã nhanh chóng tha thứ cho lỗi lầm ấy của tôi nhưng tôi vẫn luôn thấy hành động khi đó của mình là rất không tốt.

Lần xem trộm nhật ký đó cũng là lần cuối cùng tôi xem trộm chuyện riêng tư của người khác. Tôi đã nhận ra hành động xem trộm nhật ký mà chưa được sự cho phép là vô cùng sai trái, là điều đáng xấu hổ. Từ đó tôi đã rút ra được một bài học rằng: Cần tôn trọng sự riêng tư của người khác nếu không cảm giác tội lỗi sẽ luôn đeo bám trong lòng bạn.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Đề 2. Hãy tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.**

**Dàn ý:**

**A. Mở bài**

Giới thiệu về hoàn cảnh gặp gỡ ( không gian, địa điểm, thời gian, nhân vật)

**B. Thân bài:** Diễn biến cuộc gặp gỡ

Khắc họa hình ảnh người lính lái xe sau nhiều năm chiến tranh kết thúc.

+ Giọng nói, tiếng cười, trang phục, lời nói...

Tưởng tượng ra cuộc trò chuyện với người lính lái xe

- Trao đổi về hoàn cảnh chiến đấu thời chống Mĩ khốc liệt như thế nào

- Hỏi về cảm xúc của người lính lái xe khi phải đối mặt với hiểm nguy

- Khi không có các phương tiện còn giặc lại có vũ khí hiện đại tối tân làm thế nào chúng ta có thể chiến thắng được

- Bày tỏ suy nghĩ về chiến tranh, về những trang sử hào hùng của cha ông

**C. Kết bài**

Khoảnh khắc chia tay người lính lái xe, ấn tượng về nhân vật và giấc mơ.

**Bài mẫu**

“Không có kính là xe không có kính”… À “Không có kính bởi xe có kính”… Không phải... Aaa… Sao mãi không thuộc vậy? Tôi tức tối ném cuốn sách giáo khoa vào góc bàn không học nữa. Tôi đi ngủ nhưng không hiểu sao tôi lại đi lạc giữa một rừng. Ddang lo lắng, sợ hãi tôi gặp một ông già mặc bộ quân phục xanh. Ông giới thiệu ông là bộ đội, nay tìm về chiến trướng xưa để thăm bạn.

Tôi vẫn chưa hết sợ hãi cho đến khi ông bảo sẽ giúp tôi tìm đường về nhà. Ông hỏi tôi sao lại lạc đến đây, một mình rất nguy hiểm. Lúc này tôi mới dám để ý kĩ đến ông. Ông có nụ cười thân thiện, tuy đã già nhưng trông ông vẫn rất minh mẫn, khỏe mạnh. Tôi hỏi ông là ai? Ông bảo cứ gọi ông là ông lính, ông là lính lái xe dọc tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ cứu nước. Năm 1969, ông hay lái xe qu tuyền đường Trường Sơn, tuyền đường huyết mạch nối liền Bắc Nam, kẻ thù hay tìm cách bắn phá để ngăn sự viện trợ của quân ta. Cánh rừng này là nơi bí mật trước kia ông với đồng đội nghỉ ngơi, tránh sự truy tìm cảu kẻ thù. Giờ đi theo đường mòn nhỏ kia là ra được đường quốc lộ, tôi có thế bắt xe về nhà. Tôi mừng quá, đi theo ông, vừa đi tôi vừa hỏi rất nhiều thứ.

- Ông ơi, thế hóa ra ông là những người lính trẻ giống như trong bài thơ của ông Phạm Tiến Duật ạ? Cháu chả tin là có nên học mãi bài thơ mà không thuộc.

- Ông cười hà hà: Đúng đấy cháu, không có thật sao có thể đi vào bài thơ.

- Tôi bảo: Chả nhẽ cái xe nào cũng mất kính, mất đèn hả ông? Thế thì lái làm sao được?

- Ông bảo: Đúng thế cháu ạ. Thực tế còn có những chiếc xe bị hỏng hóc nặng hơn trong bài thơ viết nữa cơ. Cuộc chiến ấy thực sự khốc liệt. Ông và đồng đội đã lái xe vượt qua bao bom đạn của kẻ thù. Có lúc chúng bắn phá vào xe, có lúc lại dội bom làm hỏng đường. Xe chạy liên tục hàng nghìn cây số, từ ngày này qua ngày khác. Mà đường ngày ấy toàn đất đá, không phải trải nhựa như bây giờ. Vì vậy các xe đều hư hỏng vài bộ phận cháu ạ. Vẫn lái tốt… Ông cười hà hà tự hào

Tôi càng nghe càng hứng thú, tôi tỏ ý muốn ông kể cho tôi nghe về những người lính, những chiếc xe của ông. Ông vui vẻ đồng ý. Ông nhắc tôi đi theo ông, đi cẩn thận, vừa đi ông vừa kể.

- Những năm tháng ấy là những năm tháng không thể nào quên. Khó khăn gian khổ những đầy tự hào. Quân Mĩ không chỉ phá đường còn đốt rừng, phá hủy nơi ẩn nấp của bộ đội ta. Ông cùng các bạn ngày đêm lái xe để viện trợ cho anh em trong miền Nam ruột thịt. Đường bị bom phá thì các ông nhờ đến các cô gái thanh niêm xung phong dẫn đường. Đấy cháu xem, như thế thì người con vỡ còn xước huống chi là xe. Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi là vì lẽ đó. Lái xe không kính cũng vui lắm cháu ạ, gió táp vào mặt mát rượi, không cần quạt gió. Có bụi bẩn thì dùng tay xoa một cái là xong. Bụi phủ trắng cả tóc, mặt mũi thì lấm lem, nhưng ông và các bạn vẫn vui vẻ, hăng hái lái xe lắm. Có vài người châm điếu thuốc phì phèo, trêu đùa cười ha ha lấn át cả tiếng bom đạn cháu ạ. Giờ các cháu trẻ cứ thích tắm mưa mà không được vì bố mẹ mắng chứ trước các ông tắm mưa suốt. Ở đây, cứ mưa là mưa rất to, mưa ngấm vào da vào thịt làm các ông tê tái. Đi xe trong đêm mà gặp hôm sương muối nữa thì da thịt như có kim châm ấy cháu ạ. Lạnh, đói, rét các ông ngồi sát vào nhau để truyền nhiệt. Nhưng vì miền Nam, vì Tổ Quốc các chú lại tặc lưỡi đùa với nhau, lát nữa gió lùa là khô nhanh thôi. Xe không kính cũng có cái hay của nó cháu ạ. Các ông có thể thoải mái ngắm chim bay, ngắm sao trời. Gặp đồng đội chả cần xuống xe mà vẫn có thể bắt tay nhau. Khổ nhọc mà vui cháu ạ. Có gian khổ mới biết trân trọng những lúc an bình. Đó là những giây phút ông cùng đồng đội nấu cơm chung, ăn chung. Lúc nấu cơm cũng cần cẩn thận, nấu bằng bếp Hoàng Cầm để khói không bay lên. Khói mà bay lên địch phát hiện ra ngay, chúng sẽ mang trực thăng đến thả bom là nguy. Các ông cứ gặp được nhau là quý cháu ạ, coi nhau như anh em một nhà, như người trong gia đình hết. Nhưng đáng tiếc thay, giờ đội lái xe ấy chỉ còn ông và một ông nữa đang nằm ở bệnh viện… Mà sao cháu lại khóc? Không phải sợ, kìa, ông cháu mình ra đến đường lớn rồi.

Tôi lắc đầu, ông ơi, cháu cảm động quá, cháu thực sự rất khâm phục các ông. Các ông vĩ đại quá, các ông thật anh hùng. Vậy mà… Có một bài thơ cháu cũng không chịu khó học. Ông lại cười thích thú… Ông xoa đầu tôi…

Tôi choàng tỉnh. Ồ, hóa ra là một giấc mơ những giấc mơ này thật chân thực. Cuốn sách giáo khoa vẫn ở kia. Tôi bồi hồi kết nối lại toàn bộ giấc mơ. Tôi cầm sách lên, trân trọng từng con chữ. Lạ thật, chỉ một lát sau tôi đã thuộc lòng cả bài thơ, tôi còn hiểu hết nội dung ý nghĩa của bài thơ nữa chứ:

*“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

### Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

**Đề 3: Nhân ngày 20/11 kể cho các bạn nghe về kỉ niệm đáng nhớ giữa mình và thầy, cô giáo cũ.**

**Dàn ý:**

**A. Mở bài**

Giới thiệu về hoàn cảnh gặp gỡ, nêu về kỉ niệm đáng nhớ giữa bản thân với thầy cô giáo cũ

    + Nhân dịp chào đón ngày 20/11, tôi bồi hồi nhớ về kỉ niệm vui buồn cùng thầy cô

**B. Thân bài:** Kể lại câu chuyện

- Nói chung về thầy cô đó

    + Đó là câu chuyện vui, buồn, xảy ra trong hoàn cảnh, thời gian nào?

    + Kỉ niệm liên quan tới thầy cô giáo dạy lớp mấy của em

    + Dáng vẻ, tính tình, công việc hằng ngày của thầy cô

- Diễn biến của kỉ niệm (câu chuyện)

    + Câu chuyện khởi đầu như thế nào, đâu là cao trào của câu chuyện?

    + Tình cảm, cách ứng xử của thầy cô và những người biết/ chứng kiến câu chuyện

    + Kết thúc của câu chuyện đó diễn ra thế nào

    + Nêu suy nghĩ và cảm nhận của bản thân thông qua kỉ niệm

    + Tấm lòng, vai trò của thầy cô dành cho học trò nói chung và dành cho em nói riêng

**C. Kết bài**

Kỉ niệm đáng nhớ đó để lại ấn tượng với em thế nào. Tình cảm và sự kính trọng của em dành cho người thầy/ cô ấy

**Bài mẫu**

Chỉ hai hôm nữa là đến ngày 20 tháng 11, cũng là ngày trường tôi làm lễ kỉ niệm 40 năm ngày thành lập trường và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba – phần thưởng cao quý do Đảng và Nhà nước tặng. Không khí lao động và học tập của trường thật sôi nổi và hào hứng. Nhiều thầy cô giáo cũ đã về hưu hay đang công tác ở xa đã lần lượt trở về thăm trường. Ngôi trường được quét vôi lại mang vẻ đẹp tinh khôi tuyệt đẹp. Cột cờ được thay bằng cột kim loại không gỉ. Sân trường, hội trường, các lớp học, các phòng chức năng ... sáng bừng lên. Thư viện nhà trường được bổ sung nhiều sách mới ... .

Chiều hôm ấy, tôi vừa ra khỏi cổng trường thì gặp thầy Nguyên, thầy chủ nhiệm dạy mẹ tôi thời chống Mỹ, và dạy tôi năm học lớp 6, ba năm về trước. Thầy dạy môn toán và làm chủ nhiệm lớp 6. Thầy đã về hưu, hiện sống ở quê thầy, cách trường trên 40km. Thầy nhận ra tôi trước. Thầy cất tiếng hỏi rất ấm áp:

*- Em Vinh đấy à? Trông em lớn quá! Học lớp 9 rồi chứ? Em còn nhớ thầy nữa không ...*

Tôi sững người ra, nói ấp úng sau hai tiếng "thưa thầy" rồi nước mắt ứa ra. Hai thầy trò chuyện trò một lát, tôi chào thầy ra về, vì biết thầy đạp xe đường xa mệt. Thầy nắm vai tôi, nhẹ nhàng nói: *"Em cho thầy gửi lời hỏi thăm sức khỏe cụ và bố mẹ em ..."*

Xã Bình Minh quê hương tôi có ba thôn: thôn Thượng, thôn Trung và thôn Hạ. Ngoài nghề nông, bà con xã tôi còn có nghề làm hương, làm mộc mĩ nghệ nổi tiếng trong vùng. Trường cấp II Bình Minh trước đây là niềm tự hào của bà con làng trên xóm dưới, một vùng quê giỏi làm ăn và hiếu học.

Thầy Nguyên sau mấy năm dạy học ở Bình Minh đã đi bộ đội, đã chiến đáu ở chiến trường biên giới Tây – Nam. Thầy bị thương ở chân và bụng, bị mất cánh tay phải. Năm 1986, thầy trở lại trường. Ông tôi nói: *"Việc thầy Nguyên trỏ lại trường Bình Minh xã ta là một việc làm rất tình nghĩa ..."* Tôi vừa đi vừa bồi hồi nghĩ về thầy.

Sau ba năm gặp lại, thầy vẫn như xưa. Dáng cao gầy, mắt hiền từ tươi sáng. Tóc có bạc thêm vẫn cắt ngắn. Bộ quần áo ka-ki màu thẫm, ống tay phải cài kim băng. Có lẽ là ngày lễ nên thầy đi giày vải còn mới. Vai trái khoác cái túi vải bạc màu, cái túi ngày xưa thầy vẫn đựng sách vở, tài liệu khi đến lớp. Vẫn chiếc xe đạp Phượng Hoàng cũ ấy ... . Thầy vừa dắt xe vừa bước khoan thai.

Thầy chỉ còn lại một tay mà làm gì cũng nhanh và khéo léo. Trước khi về trường, ở trại thương binh, thầy đã khổ luyện viết, vẽ, làm việc bằng tay trái suốt hai năm. Dạy toán, thầy không dùng được thước, chỉ vẽ bằng tay mà đường nét thẳng tắp. Chữ thầy phê vào bài, vào vở học sinh, hay viết lên bảng, trông đều tăm tắp và rất đẹp.

Ở trường Bình Minh lâu nay không có chuyện học thêm. Thầy Nguyên mỗi tuần hai buổi, thầy đến với từng nhóm học sinh, chăm chút cho những em học yếu, những em học giỏi. Các vị phụ huynh coi thầy như người nhà. Các cụ già, các bác cán bộ về hưu rất quý trọng thầy thương binh của xã mình. Thầy vẫn đến thăm ông nội tôi mỗi tháng đôi lần khi thầy còn dạy học.

Sau khi hai đứa con của thầy tốt nghiệp Đại học, ra trường đi làm, số tiền trợ cấp thương tật, thầy dành lại phần thưởng cho những học sinh vượt khó học chăm, học giỏi.

Các thầy cô giáo vẫn ca ngợi tấm gương tự học của thầy Nguyên. Thầy tự học thi được bằng C Tiếng Anh, rồi học tại chức, thầy tốt nghiệp Đại học tiếng Anh.

Thầy dạy giỏi, rất thương học sinh, nhất là những em gặp khó khăn. Thầy vẫn nói với học sinh trong những giờ học Đạo đức: "Thầy mồ côi bố. Nhà nghèo, nhờ mẹ thương mà học hành nên người. Đi dạy học, đi bộ đội mà được giáo dục trưởng thành". Mấy năm liền, thầy là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, nhưng thầy vẫn sống giản dị, khiêm tốn. Ngày tôi thi học sinh giỏi Toán lớp 6 được giải Nhì toàn huyện, thầy tặng tôi quyển sổ tay rất đẹp với lời ghi: *"Chúc em Vinh cố gắng, ngoan ngoãn và học giỏi, vươn lên!"*. Tôi vẫn giữ quyển sổ ấy như một kỉ vật quý báu của một tấm lòng vàng.

Về nhà tối hôm ấy, tôi khoe chuyện gặp thầy Nguyên ở cổng trường và chuyển lời hỏi thăm của thầy với ông nội và bố mẹ. Trong bữa cơm, ông nhắc lại một vài kỉ niệm về thầy, rồi nói: *"Sáng mai ông ra trường gặp thầy Nguyên và mời thầy vào nhà chơi". Mẹ thì nói: "Ngày thầy đi bộ đội, cả lớp đều khóc. Thế mà đã 35 năm trôi qua. Chóng thật!" ...*

### Đề kiểm tra tập làm văn số 3 lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

**Đề 4: Kể lại cuộc gặp gỡ với các anh bộ đội nhân Ngày thành lập Quân đội**

**Dàn ý:**

**A. Mở bài**

Hoàn cảnh cuộc gặp gỡ với các anh bộ đội nhân ngày 22/12, trường em tổ chức tới doanh trại…

Em đại diện cho các bạn phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh đã chiến đấu, hi sinh bảo vệ Tổ Quốc

**B. Thân bài**

- Không khí phấn chấn, sôi động khi chuẩn bị cho chuyến đi

- Trên đường đi mọi người háo hức mong muốn được gặp các chú bộ đội

- Khi gặp gỡ, sau màn chào hỏi, mọi người cùng đi thăm quan phòng sinh hoạt truyền thống, nơi tập luyện, phòng ăn tập thể… của đơn vị

- Trên hội trường diễn ra cuộc gặp gỡ, giao lưu nghe các anh, các chú nói chuyện

    + Giới thiệu người giao lưu

    + Nội dung câu chuyện, kể về việc gì, kể về ai, diễn ra ở đâu, trong hoàn cảnh như thế nào

    + Các chú, các anh nói về chuyện chiến đấu trong lịch sử, về truyền thống của quân đội…

- Thay mặt các bạn em phát biểu những suy nghĩ của thế hệ mình về thế hệ cha anh dã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc

    + Phát biểu tình cảm: tự hào, biết ơn, xúc động

    + Lời hứa: phấn đấu học tập, rèn luyện tốt, xứng đáng với thế hệ cha anh

**C. Kết bài**

Thông qua cuộc gặp gỡ để lại cho em những cảm xúc gì

**Bài mẫu**

Trong chúng ta chắc hẳn ai cũng biết ngày 22-12 là ngày gì. Và ngày này có ý nghĩa lịch sử rất lớn đối với dân tộc, với đất nước và với mỗi con người Việt Nam chúng ta. Nó không chỉ trở thành ngày lễ của các chú, các bác trong quân ngũ mà nó còn là ngày vui chung của mọi người trên đất nước Việt Nam.

Để kỉ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, giáo dục học sinh truyền thống lịch sử lâu dài của dân tộc, trường em đã tổ chức một buổi tham quan Viện Bảo tàng Quân đội. Chuyến đi này đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc và nhiều bài học lí thú, bổ ích. Hơn thế nữa, trong buổi tham quan này, chúng em đã được vào Phòng Truyền thống của Viện bao tàng, gặp gỡ những con người đã đi vào lịch sử dân tộc: Đại tá Bùi Quang Thận – người trực tiếp lái xe tăng tiến thẳng vào Dinh Độc lập Ngày 30-4; Đại tá Lê – người trực tiếp kéo cờ trong ngày Quốc khánh 2-9.

Cuộc trò chuyện thật là vui vẻ, bổ ích. Chúng em quây quanh hai bác.

Gương mặt ai ai cũng hớn hở lạ thường; bởi trong lòng mỗi người đều có niềm hãnh diện đã được gặp mặt những người anh hùng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Linh Hương – lớp trưởng đứng lên thay mặt cả lớp hỏi thăm sức khỏe của các bác. Nhìn những tấm huân chương sáng lấp lánh trên ngực áo, em thấy một phần công lao của các bác trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Bác Lê dịu dàng hỏi:

– Thế nào, các cháu khỏe chứ? học tập ra sao?

– Có ạ, có ạ! Học kì một, lớp cháu hầu hết đều được học sinh giỏi, hạnh kiếm tốt đấy bác ạ. – Cả lớp nhao nhao.

– Thế là rất tốt, rất tốt. Các cháu đã thực hiện tốt năm điều Bác Hổ dạy, ngoan lắm! Bác Lê gật gù:

Bây giờ các cháu muốn hỏi gì nào?

Một loạt cánh tay giơ lên nhưng Quý nhanh nhảu giơ tay lên trước:

– Bác ơi! Tại sao có ngày 22-12 ạ?

Bác Thận gật đầu, mĩm cười rồi trả lời:

– Thế này cháu ạ! Vào ngày 7-5-1944, Tổng bộ Việt Minh ta ra chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân “sắm vũ khí đuổi thù chung”. Không khí lúc bấy giờ sôi sục trong tất cả các khu căn cứ. Chính bác cũng cảm nhận được bầu không khi bận rộn. Tình hình thời cuộc lúc này rất khẩn trương, vào khoảng tháng 10-1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào toàn quốc nêu rõ “Phe xâm lược gần đón ngày bị tiêu diệt… Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”. Sau đó, theo chỉ thị của Cụ Hồ, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ngày 22- 12-1944 nhằm phát động phong trào đấu tranh cả chính trị và quân sự để thúc đẩy quá trình cách mạng tiến lên mạnh mẽ hơn nữa. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần. Từ đó ngày 22-12-1944 đã trở thành ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam. Các cháu đã rõ chưa nào?

Bây giờ thì em đã hiểu xuất xứ ngày 22-12 qua lời kể của bác Thận, hiểu về truyền thống yêu nước và ý chí chiến đấu bảo vệ đất nước của dân tộc và đặc biệt là các chú, các bác trong quân đội. Càng hiểu nơi bắt đầu thì càng phải trân trọng, càng cần phải khắc ghi nó vào tiềm thức. Đó cũng là việc làm thể hiện lòng biết ơn của mình đối với các bậc tiền bốì đã hi sinh để ngày lễ này càng có ý nghĩa và sâu sắc.

Kế tiếp là câu hỏi của Trang dành cho bác Lê:

– Thưa bác? Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường lịch sử Ba Đình, bác là người trực tiếp kéo cờ Việt Nam lên cột cờ trong lúc mọi người hát Quốc ca. Cho cháu hỏi: Tâm trạng của bác lúc ấy như thế nào ạ?

– Đúng là lúc ấy bác giữ trọng trách nặng nề. Bác vừa mừng lại vừa lo. Các cháu có biết vì sao không? Mừng vì bác là người trực tiếp kéo cờ trong một buổi lễ hết sức quan trọng; rất vinh dự và tự hào. Lo là vì phải kéo cờ làm sao cho vừa hết bài Quốc ca thì cờ cũng phải kéo lên đỉnh cột cờ. Trong lúc đang kéo cờ thì bác có một cảm xúc rất khó tả nhưng vô cùng mãnh liệt: Sự xúc động đã lấn át trái tim bác. Lòng bác như muốn nói thật to: Việt Nam tự do! Việt Nam độc lập! Hồ Chủ tịch muôn năm!”.

Khuôn mặt bác thể hiện rõ nỗi xúc động cứ đan xen vào nhau. em thấu hiếu rằng ngày 2 -9 có ý nghĩa cực kì to lớn trong mỗi con người Việt Nam, làm đẹp thêm tâm hồn con người và làm vẻ vang thêm trang sử hào hùng của dân tộc Việt. Khuôn mặt mỗi thành viên của lớp 9A6 cũng khác nhau. Có người bộc lộ nét tươi tắn, sung sướng, hãnh diện và tự hào vì đất nước ta đã giành chiến thắng từ tay thực dân Pháp bằng rất nhiều nỗ lực phi thường, cũng có bạn vẻ mặt trầm tư, suy nghĩ. Có lẽ bạn đang nghĩ, để có được hòa bình, độc lập như hôm nay, dân tộc ta đã đổ không biết bao nhiêu xương máu, bao con người đã ngã xuống cho Tổ quốc quyết sinh.

Sau đó, bác Thận lại kể cho chúng em nghe về chiến thắng lịch sử ngày 30-4. Nhờ có lời kể của bác mà chúng em biết được chiến thắng lẫy lừng với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân ta và sự giúp đỡ to lớn của bạn bè năm châu.

Chính lúc này đây, em thật sự cảm động. Sự biết ơn, niềm tự hào, một chút hãnh diện, một chút hổ thẹn đã tạo nên trong lòng em một cảm xúc khó tả. Em đứng lên phát biểu những suy nghĩ và tình cảm của mình.

Cháu xin thay mặt cho các bạn ngồi đây có đôi lời phát biểu. Thế hệ chúng cháu may mắn sinh ra đã được hưởng một nền hòa bình. Chúng cháu biết, để có được ngày hôm nay, cả dân tộc Việt Nam đã phải đánh đổi rất nhiều. Chúng cháu rất biết ơn các bác, những người đã hi sinh biết bao công sức và xương máu để bảo vệ đất nước. Chúng cháu hứa nguyện sẽ nỗ lực rèn luyện, học tập và tu dưỡng đạo đức để mai sau xây dựng đất nước vững mạnh hơn. Và ngày mai bắt đầu từ ngàv hôm nay. Ngay bây giờ, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng cháu sẽ cố gắng học tập tốt, để khi vào đời góp phần đưa nước ta sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Chúng cháu sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy những truyền thống mà cha anh đi trước để lại. Cuối cùng, cháu xin chúc các bác một sức khỏe dồi dào để công tác tốt.

Em vừa kết thúc câu nói, một tràng pháo tay rộn rã vang lên. Tiếp theo, chúng em cùng các bác đi thăm Viện Bảo tàng. Vừa đi, các bác vừa giảng giải cho chúng em về truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Trời gần trưa, ánh nắng bắt đầu gay gắt, chúng em luyến tiếc chia tay các bác để lên xe ô tô trở về trường.

Buổi ngoại khóa tuy kết thúc nhưng đã để lại trong lòng chúng em biết bao cảm xúc. Đối với riêng em, đây là một dịp để nói lên những suy nghĩ của mình với thế hệ cha anh đi trước, tăng thêm lòng quyết tâm và niềm tin vào một ngày mai tươi sáng hơn.

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 1)

**Phần I**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

    Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

    Tin sương luống những rày trông mai chờ

    Chân trời góc bể bơ vơ

    Tấm son gột rửa bao giờ cho phai

    Xót người tựa cửa hôm mai,

    Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

    Sân Lai cách mấy nắng mưa,

    Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

1. Đoạn thơ nằm trong tác phẩm nào? Của ai?

2. Tìm hai điển cố trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của cách sử dụng điển cố đó?

3. Trong đoạn thơ trên, tại sao khi nói tới nỗi nhớ của Kiều hướng tới Kim Trọng, tác giả sử dụng từ “tưởng”, còn khi nói tới nỗi nhớ của Kiều dành cho cha mẹ, nhà thơ lại dùng từ “xót”

4. Viết một đoạn văn khoảng 12- 15 câu theo phép lập luận quy nạp làm rõ những phẩm chất của Kiều được thể hiện ở đoạn thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng câu bị động (gạch dưới câu bị động)

**Phần II**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

    … Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

    - Tôi sẽ mang về trao tận tay cháu.

    Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

(Trích Chiếc lược ngà- Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

1. Người kể chuyện trong đoạn trích trên là ai? Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì?

2. Cụm từ “nhắm mắt đi xuôi” trong đoạn văn trên có ý nghĩa gì? Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn này.

3. Bằng đoạn văn ngắn, hãy nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lược ngà trong đoạn trích trên.

**Đáp án và Thang điểm**

**Phần I** (6 điểm)

1. Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm Kiều ở lầu Ngưng Bích, của tác giả Nguyễn Du *(1 điểm)*

2. Hai điển tích điển cố được sử dụng:

- Quạt nồng ấp lạnh: nói về người con có hiếu, phụng dưỡng cha mẹ, mùa hè trời nóng nực thì quạt cho cha mẹ ngủ, mùa đông trời giá lạnh thì vào nằm trong giường trước cho ấm *(0,25 điểm)*

- Sân Lai: sân nhà Lão Tử người nước Sở thời Xuân Thu rất có hiếu với cha mẹ, tuy đã già mà còn nhảy múa ngoài sân cho cha mẹ xem để mua vui cho cha mẹ. (0,25 điểm)

- Sử dụng điển tích điển cố nhằm thể hiện, nhấn mạnh nỗi nhớ nhà, nhớ mong, lo lắng cho cha mẹ của Thúy Kiều *(0,5 điểm)*

3.

Nỗi nhớ Kiều dành cho Kim Trọng sử dụng động từ “tưởng” (hồi tưởng, nhớ lại) để nói về những kỉ niệm đẹp đẽ trong quá khứ. Trong nỗi nhớ của Thúy Kiều về tình yêu đẹp có cả hình dung về không gian đêm trăng thề nguyền, sự khắc khoải trông chờ của Kim Trọng khi trở lại vườn Thúy… Tưởng là vừa nhớ, vừa hoài niệm. *(0,5 điểm)*

- Nhớ về cha mẹ Nguyễn Du dùng từ “xót” thể hiện nỗi khổ tâm đau xót của người con giàu lòng vị tha hiếu thảo khi không chăm sóc được cha mẹ. *(0,5 điểm)*

4. Viết đoạn văn

Nỗi nhớ Kim Trọng *(1 điểm)*

- Chữ “tưởng” nhớ lại, hồi tưởng lại

+ Nhớ đêm trăng thề nguyền

+ Nhớ về Kim Trọng nên đau đớn hình dùng ra khi chàng trở về không hề biết Kiều đã bán mình chuộc cha

- Động từ “gột rửa” diễn tả tấm lòng son sắt, thủy chung của mối tình đầu, nhưng cũng xót thương cho tấm thân không còn gột rửa được nữa

→ Nỗi nhớ người yêu tha thiết, đau đáu

Nỗi nhớ cha mẹ *(1 điểm)*

- Sử dụng thành ngữ, điển tích, điểm cố để nói tới nỗi nhớ cha mẹ

- Kiều xót xa khi nghĩ tới cảnh cha mẹ già yếu mà hằng ngày vẫn tựa cửa ngóng tin con

- Kiều lo lắng cho cha mẹ khi cha mẹ đã già không biết có ái chăm sóc, đỡ đần

→ Kiều là người con hiếu thảo, tình nghĩa

- Sử dụng được câu bị động *(0,5 điểm)*

Trình bày sạch đẹp, đầy đủ ý *(0,5 điểm)*

**Phần II** (4 điểm)

1. Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ nhất - nhân vật ông Ba kể chuyện, xưng “tôi”. Ngôi kể này có tác dụng tạo ra độ chính xác, tin tưởng cao, khi nhân vật trực tiếp thuật lại câu chuyện bản thân chứng kiến.

2. Cụm từ “nhắm mắt đi xuôi” để chỉ cái chết nhẹ nhàng, thanh thản *(0,5 điểm)*

Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn “Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi”: biện pháp nói giảm nói tránh được sử dụng nhằm giảm bớt sắc thái đau đớn khi diễn tả cái chết của ông Sáu *(0,5 điểm)*

3. Ý nghĩa hình tượng chiếc lược ngà

- Chiếc lược ngà ở đây được lựa chọn làm tên nhan đề tác phẩm. Câu chuyện cảm động về tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu được trong hoàn cảnh chiến tranh đã làm rõ tư tưởng của tác phẩm *(0,5 điểm)*

- Nêu tóm tắt lại nội dung câu chuyện, trước khi trở về mặt trận ông Sáu hứa tặng bé Thu chiếc lược ngà *(0,25 điểm)*

- Chiếc lược ngà là tất cả tình cảm, sự yêu thương và hối hận của ông Sáu dành cho con “Anh cưa từng chiếc răng lược tỉ mỉ thận trọng cố công như người thợ bạc, gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” *(0,25 điểm)*

- Chiếc lược ngà như gỡ rối được một phần tâm trạng của anh.

- Chiếc lược ngà như gỡ rối được một phần tâm trạng của anh. Chiếc lược ngà trở thành biểu tượng của tình thương con, chăm sóc cho con, nỗi nhớ mong con gái của ông Sáu (0,25 điểm)

- Ông Sáu hi sinh vẫn không kịp trao tận tay con chiếc lược ngà, đây là chi tiết gây xúc động trong lòng người đọc, cũng mang giá trị tố cáo chiến tranh chia cắt tình thân, gây ra nhiều đau đớn. *(0,25 điểm)*

→ Chiếc lược ngà đạt giá trị sâu sắc về mặt nội dung và hình thức, trở thành biểu tượng đẹp đẽ về tình phụ tử, và để lại ấn tượng sâu đậm cho người đọc. *(0,5 điểm)*

- Trình bày sáng rõ, bố cục khoa học, không mắc lỗi chính tả *(0,5 điểm)*

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 2)

**Phần trắc nghiệm**

**Câu 1:** Nội dung chính của đoạn trích “Cảnh ngày xuân” là gì?

**A.** Tả lại vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều **B.** Tả cảnh mọi người đi lễ hội trong tiết thanh minh

**C.** Tả lại cảnh chị em Thúy Kiều đi chơi xuân **D.** Tả lại cảnh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ

**Câu 2:** Hai câu thơ sau nói lên tâm trạng gì của Thúy Kiều?

    “Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

    Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

**A.** Nhớ cha mẹ, nhớ quê hương **B.** Xót xa cho duyên phận lỡ làng

**C.** Buồn nhớ người yêu **D.** Lo sợ cho cảnh ngộ của mình

**Câu 3:** Cụm từ “Súng bên súng” trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu” nói lên điều gì?

**A.** Tả thực những khẩu súng đặt nằm bên cạnh nhau

**B.** Nói lên sự đụng độ giữa quân ta và địch.

**C.** Những người lính cùng chung nhiệm vụ chiến đấu

**D.** Những người lính đang canh gác trên chiến hào.

**Câu 4:** Nói giảm nói tránh là phép tu từ liên quan đến phương châm hội thoại nào?

**A.** Phương châm lịch sự **B.** Phương châm về chất

**C.** Phương châm quan hệ **D.** Phương châm cách thức

**Câu 5:** Trong văn bản tự sự, khi muốn làm cho chi tiết, hành động, cảnh vật con người và sự việc trở nên sinh động, cần sử dụng kết hợp với yếu tố nào?

**A.** Biểu cảm **B.** Miêu tả

**C.** Thuyết minh **D.** Nghị luận

**Phần tự luận**

**Câu 6:** (3 điểm)

a) Nhớ và chép thuộc lòng khổ thơ cuối bài thơ “Ánh trăng” của nhà thơ Nguyễn Duy. *(0,5 điểm)*

b) Xác định từ láy và biện pháp tu từ có trong khổ thơ vừa chép. *(1,0 điểm)*

c) Qua bài thơ “Ánh trăng” của nhà thơ Nguyễn Duy, em rút ra cho mình thái độ sống như thế nào? (Trình bày bằng một đoạn văn từ 6 đến 8 câu) *(1,5 điểm)*

**Câu 7:** (5 điểm)

Tưởng tượng em được gặp gỡ nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân và trò chuyện cùng ông về những ngày tháng đi tản cư. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.

**Đáp án và Thang điểm**

**Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| B | D | C | A | B |

**Phần tự luận**

**Câu 6:** (3 điểm)

Chép thuộc khổ thơ cuối Ánh trăng của Nguyễn Duy *(0,5 điểm)*

    Trăng cứ tròn vành vạnh

    Kể chi người vô tình

    Ánh trăng im phăng phắc

    Đủ cho ta giật mình

Từ láy được sử dụng “vành vạnh”, “phăng phắc” để diễn tả trạng thái của ánh trăng.

Từ láy “vành vạnh”: từ láy tượng hình, gợi lên hình ảnh vầng trăng chung thủy, tròn vạnh, trong sáng. Người đọc liên tưởng tới sự son sắt, trước sau như một, không thay đổi.

Từ láy “phăng phắc” gợi hình ảnh, gợi tả trạng thái, từ láy này bổ sung cho từ “im” gợi tả sự im lặng tuyệt đối, sự âm thầm lặng lẽ, trước sau như một không thay đổi.

→ Sự bao dung âm thầm, lặng lẽ mà cao thượng trước sự thay đổi của con người.

Biện pháp tu từ được sử dụng:

Biện pháp nhân hóa: Ánh trăng, vầng trăng lúc này trở thành con người sống động, có cảm xúc, có cách hành xử. Ánh trăng vừa bao dung, độ lượng vừa nghiêm khắc.

3. Thái độ sống:

- Bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy, hình ảnh vầng trăng mang ý nghĩa triết lý sâu xa. Con người khi được sống trong đầy đủ vật chất thì thường lãng quên đi giá trị nền tảng cơ bản của cuộc sống

- Bài thơ nhắc nhở con người cần biết trân trọng quá khứ, trân trọng những điều đã qua. Bài thơ nhắc con người về đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Nếu như ai lỡ quên, lỡ đánh mất những giá trị tinh thần quý giá thì cần thức tỉnh, hối lỗi, sự hối lõi, ăn năn và sửa đổi cũng là điều đáng quý.

**Câu 7:** (5 điểm)

Tưởng tượng em được gặp gỡ nhân vật ông Hai trong truyện ngắn "Làng" của nhà văn Kim Lân và trò chuyện cùng ông về những ngày tháng đi tản cư. Hãy kể lại cuộc gặp gỡ đó.

Xác định rõ đề bài, đây là dạng kể chuyện sáng tạo

1. Mở bài: Tạo dựng tình huống gặp gỡ giữa bản thân với ông Hai. Thời điểm, thời gian, dẫn dắt hợp lý.

2. Thân bài:

- Nói được hoàn cảnh khiến nhân vật ông Hai phải tản cư. Kể về niềm kiêu hãnh, tự hào, nỗi nhớ quê hương da diết và sự quan tâm tới kháng chiến của nhân vật ông Hai

- Nêu diễn biến tâm lý nhân vật ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, thấy được tình yêu làng quê hòa quyện với tình yêu đất nước, Tổ quốc

- Từ sự bàng hoàng, sững sờ, tới cảm giác xấu hổ, lo lắng, buồn, chán nản

- Sự bế tắc, tuyệt vọng của ông Hai, sự đấu tranh nội tâm gay gắt giữa việc lựa chọn làng, hay lựa chọn kháng chiến, giữa đi nơi khác hay trở về làng.

- Lời tâm sự của ông Hai với đứa con thể hiện tấm lòng chung thủy, son sắc của ông Hai với cách mạng và kháng chiến, tình yêu nước, yêu Tổ Quốc rộng lớn bao trùm lên tình yêu quê hương của ông Hai

3. Kết bài

Ấn tượng, cảm xúc của em sau cuộc trò chuyện đó.

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 3)

**Phần I**. (7 điểm)

Trong một đoạn trích sách Ngữ Văn 9 (Tập 1) có viết:

    “ Làn thu thủy nét xuân sơn

    Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh ”

**Câu 1:** Chép chính xác tám câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ?

**Câu 2:** Cho biết đoạn thơ em vừa chép trích trong văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Của ai? Vị trí của văn bản đó trong tác phẩm?

**Câu 3:** Theo em, có thể thay thế từ “hờn” trong câu thơ thứ hai thành từ “buồn” được không? Vì sao?

**Câu 4:** Viết một đoạn văn khoảng 12-15 câu theo cách tổng phân hợp để làm nổi bật vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của nhân vật trong đoạn thơ trên (trong đó có dùng một câu ghép, phép thế và gạch chân).

**Phần II**. (1,5 điểm)

    “ Hoàng Lê nhất thống chí ” là một tác phẩm văn xuôi chữ Hán có quy mô lớn nhất và đạt những thành công xuất sắc về nghệ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực tiểu thuyết của văn học Việt Nam thời trung đại.

**Câu 1:** Hãy giải thích nhan đề tác phẩm.

**Câu 2:** Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo dựng hình ảnh nhân vật chính Quang Trung - Nguyễn Huệ?

**Phần III.** (1,5 điểm)

    Bác Hồ không chỉ là một con người vĩ đại trong cuộc sống mà còn là một hình tượng tuyệt đẹp trong tác phẩm văn học. Trong chương trình Ngữ Văn 9 có một văn bản nhật dụng viết rất hay về vẻ đẹp phong cách của người.

**Câu 1:** Hãy cho biết đó là văn bản nào? Của ai?

**Câu 2:** Viết một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi trình bày những bài học về phong cách tư tưởng đạo đức mà em học được từ Người qua tác phẩm đó.

**Đáp án và Thang điểm**

**Phần I**. (7 điểm)

**Câu 1:** Chép thuộc thơ *(1 điểm)*

    “ Làn thu thủy nét xuân sơn

    Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

    Một hai nghiêng nước nghiêng thành

    Sắc đành đỏi một tài đành họa hai

    Thông minh vốn sẵn tính trời,

    Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

    Cung thương làu bậc ngũ âm,

    Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương.

    Khúc nhà tay lựa nên chương

    Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.

**Câu 2:** Đoạn thơ vừa chép nằm trong văn bản Chị em Thúy Kiều, thuộc tác phẩm Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du

Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu gia cảnh của Kiều. Tác giả tập trung tả tài sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều. *(0,5 điểm)*

**Câu 3:** Không thể thay thế từ “hờn” thành từ “buồn” bởi ghen- hờn đi liền với nhau.

Từ “buồn” chỉ sự âu sầu, không vui

Từ “hờn” thể hiện thái độ ghen ghét, đố kị

Ở đây, vẻ đẹp của Kiều khiến cho tạo hóa, tự nhiên phải ghen ghét, đô kị dự báo trước cuộc đời sóng gió *(0,5 điểm)*

**Câu 4:** Phân tích vẻ đẹp của Kiều (5 điểm)

- Mở đoạn: Giới thiệu nhân vật Thúy Kiều, được xây dựng bằng bút pháp ước lệ tượng trưng với vẻ đẹp có một không hai *(1 điểm)*

- Vẻ đẹp và tài năng của Thúy Kiều được tả khái quát. Tác giả tả vẻ đẹp của Vân làm đòn bẩy khéo léo miêu tả vẻ đẹp của Kiều nổi bật hơn cả *(0,5 điểm)*

- Đặc tả đôi mắt của Kiều, gợi lên khí chất, nét đẹp “nghiêng nước nghiêng thành”. Tài năng của Kiều được miêu tả lên tới đỉnh điểm của sự sắc sảo, tài năng (tài đàn hát, cầm kì thi họa…) *(0,5 điểm)*

- Vẻ đẹp của Kiều khiến cho tạo hóa ghen tị, hờn dỗi điều này dự báo trước số phận lận đận của Kiều *(0,5 điểm)*

- Bút pháp ước lệ tượng trưng, làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều *(0,5 điểm)*

→ Vẻ đẹp của Kiều được lý tưởng hóa “mười phân vẹn mười” xưa nay hiếm gặp, điều đó khẳng định được tài năng của Nguyễn Du khi tạo nhân vật *(1 điểm)*

- Đoạn văn sử dụng câu ghép, phép thế *(1 điểm)*

**Phần II**. (1,5 điểm)

**Câu 1:** Nhan đề Hoàng Lê nhất thống chí *(0,5 điểm)*

- Chí là thể loại ghi chép lại sự vật, sự việc

- Nhan đề được viết bằng chữ Hán ghi chép quá trình thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Tác phẩm còn tái hiện được giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỉ XVIII, mấy năm đầu thế kỉ XIX. Tiểu thuyết có 17 hồi.

**Câu 2:** Nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo

dựng hình ảnh nhân vật chính Nguyễn Huệ *(1 điểm)*

Các tác giả Ngô gia văn phái vốn trung thành với nhà Lê nhưng vẫn viết về vua Quang Trung đầy tinh thần ngợi ca, họ đứng trên tinh thần dân tộc phản ánh. Nhờ điều đó, càng tạo ra cho tác phẩm sức thuyết phục, tính chân thực, chứng tỏ tinh thần tôn trọng sự thật lịch sử

Đây là đặc điểm đặc sắc của thể loại truyền thuyết lịch sử.

**Phần III.** (1,5 điểm)

**Câu 1:** Văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà báo Lê Anh Trà *(0,5 điểm)*

**Câu 2:** Bài học từ phong cách đạo đức của Hồ Chí Minh:

- Nói được Hồ Chí Minh: tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và nét đẹp trong lối sống giản dị, thanh cao của Người

- Học hỏi sự giản dị trong: lối sinh hoạt (ăn, ở, mặc…), tác phong làm việc

- Sự thanh cao trong nhân cách: thường xuyên học tập, nuôi dưỡng tâm hồn

- Người có đức tính khiêm tốn, chân thành, cởi mở… Bác hi sinh tất cả, quên mình lo cho dân cho nước

→ Tỏ lòng yêu mến, biết ơn Bác Hồ, phán đấu rèn luyện theo gương Bác

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 1 (Đề 4)

**Phần I**. (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

    “Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa khoa học được lưu trữ bằng trí nhớ, chữ viết được lưu chuyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu trữ, lưu truyền khác. Nó bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn sướng dân gian, lối sống, nếp sống”

    (Sách Giáo dục công dân 7)

**Câu 1:** Đoạn văn cung cấp thông tin về điều gì? Viết đoạn văn (5 - 8 câu) nêu suy nghĩ của em về việc bảo tồn những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc.

**Câu 2:** Chỉ ra lỗi dùng từ trong đoạn trên sửa lại cho đúng *(0,75 điểm)*

**Phần II**. (3 điểm)

    “ Ông Nguyễn Văn Lũy- người bảo vệ ở trường THPT Lê Hồng Phong luôn được học sinh của trường cúi chào mỗi ngày đến trường. Theo miêu tả của nhiều giáo viên, học sinh, ông Lũy được yêu quý bởi tính cách nhiệt tình, niềm nở. Một giáo viên chia sẻ: “Con người ở cương vị nào dù là bảo vệ, lao công hay giáo viên miễn hoàn thành nhiệm vụ, đáng yêu, không khó chịu đều nhận được sự yêu quý, nể trọng”

    Không ai biết được tuổi nào phù hợp để mỗi người bắt đầu làm một điều tử tế. Các em cúi chào như một phép lịch sự và chỉ được dạy từ thầy cô trong trường và sự dặn dò cặn kẽ từ bố mẹ chúng. Vài giây cúi chào bậc cha chú từ thầy cô trong trường và sự dặn dò cặn kẽ từ bố mẹ chúng. Vài giây cúi chào bậc cha chú không làm cho các em chậm giờ vào lớp mà ngược lại nó là niềm vui mỗi ngày đi học, đi làm của các học sinh và người bảo vệ. Sự tôn trọng nảy nở từ chính những hành dộng tưởng chừng như nhỏ nhặt đó khiến môi trường giáo dục trở nên thân thiện,… Để mỗi lần cúi đầu là một lần các em học sinh biết ơn những người không trực tiếp giảng các em những bài học văn hóa nhưng ngầm dạy các em để trở thành một người tử tế. Những điều tử tế cứ từ từ bé nhỏ lớn lên như vậy theo năm tháng, mỗi người trong số chúng ta sẽ trở thành một nhân tố trong cộng đồng của mình.”

Viết văn bản nghị luận khoảng 01 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về vấn đề được đặt ra từ bài viết trên.

**Phần III.** (4 điểm)

Bằng lời kể của nhân vật ông Ba trong truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng hãy kể lại câu chuyện từ khi ông Sáu được về thăm nhà cho đến khi bé Thu chèo xuồng bỏ ra nhà ngoại (có kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, nghị luận)

**Đáp án và Thang điểm**

**Phần I**. (3 điểm)

**Câu 1:** Di sản văn hóa là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác

- Di sản văn hóa phi vật thể: tiếng nói, chữ viết, lối sống, lễ hội, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống *(0,5 điểm)*

\* Ý nghĩa của việc bảo vệ di sản văn hóa *(0,75 điểm)*

- Phản ánh được đặc sắc riêng về văn hóa của dân tộc Việt Nam

- Bảo vệ di sản văn hóa còn đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường sống của con người trước những vấn đề bức xúc của nhân loại.

- Là vẻ đẹp, truyền thống dân tộc, thể hiện được công lao của cha ông trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc

**Câu 2:**

Lỗi sai khi dùng từ:

“Chữ viết được lưu chuyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác” *(0,5 điểm)*

- Sửa:

“Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác” *(0,5 điểm)*

**Phần II**. (3 điểm)

Nghị luận về lời chào- văn hóa ứng xử thể hiện sự tử tế (Ông cha ta từ xưa đã có nhận định: Lời chào cao hơn mâm cỗ)

- Tuy nhiên giới trẻ hiện nay chưa hẳn ai cũng thực hiện được

\* Khái niệm: Chào hỏi là quá trình giao tiếp, gặp gỡ giữa hai hay nhiều người họ chào nhau bằng lời nói, cử chỉ, hành động, có nhiều cách chào hỏi, nhiều hoàn cảnh khác nhau

\* Biểu hiện:

- Con cái phải chào ông bà, cha mẹ khi đi về, khi ra khỏi nhà

- Ra ngoài xã hội, người bé phải chào người lớn tuổi

- Học trò lễ phép chào thầy cô

- Bạn bè chào nhau thân mật

- Chào hỏi là nét đẹp văn hóa, cử chỉ lịch sự trong quá trình giao tiếp

\* Nguyên nhân:

- Chào hỏi thể hiện người có trình độ, có nhân cách, có ý thức, đạo đức

- Người không có những ý thức chào hỏi, người có đạo đức kém, trình độ văn hóa hạn chế

KL: Chào hỏi thể hiện nhân cách con người, phản ánh sự văn minh khi xã hội đang phát triển hòa nhập toàn cầu với kinh tế toàn cầu. Là nét đẹp trong truyền thống văn hóa của người Việt

**Phần III.** (4 điểm)

Phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng

Mở bài

Giới thiệu về truyện Chiếc lược ngà, nhân vật ông Sáu trong truyện. Thể hiện thật cảm động tình cha con sâu nặng, cao đẹp trong cảnh ngộ éo le *(0,5 điểm)*

- Ông Sáu: nhân vật chính, nhiều phẩm chất cao đẹp, là người cha hết lòng thương yêu con *(0,5 điểm)*

TB:

Hoàn cảnh của nhân vật *(0,5 điểm)*

- Ông Sáu một nông dân Nam Bộ, tham gia kháng chiến chống Pháp, Mĩ mãi tới khi con gái 8 tuổi mới được trở về

- Ông Sáu đại diện cho người dân Nam bộ yêu nước, kiên trung

- Ông Sáu là người có tình yêu thương con tha thiết

Tình cảm sâu nặng của ông Sáu thể hiện rõ nét qua lần ông về thăm nhà, khi ông ở trong rừng tại chiến khu *(2 điểm)*

\* Tình yêu ông Sáu đối với con trong những ngày ông về thăm quê

- Tình yêu con thể hiện qua hành động, cử chỉ khi ông được về thăm nhà: xuồng chưa kịp cập bến, anh đã nhảy tót lên bờ, anh nóng lòng kêu to tên con, giọng run lặp bặp

- Tình yêu thương con khiến ông Sáu luôn tìm cách gần gũi con, ông chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con

- Trước khi đi ông muốn con, hôn con nhưng sợ hãi nó giẫy nảy lên bỏ chạy, nên anh chỉ dám đứng nhìn với đôi mắt trìu mến, buồn rầu

\* Tình yêu của ông Sáu thể hiện khi ông ở chiến khu

- Những ngày ở chiến khu, ông ân hận vì đã đánh con, điều đó giày xé tâm can ông

- Ông chắt chiu làm cho con chiếc lược ngà, đó như phần nào gỡ rối được tâm trạng của ông

- Chiếc lược khắc chữ “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”

KB: Ông Sáu là người dân Nam bộ hiền lành, chất phác, sẵn sàng hi sinh hạnh phúc riêng để cống hiến cho kháng chiến và sự nghiệp giải phóng dân tộc. *(0,5 điểm)*

- Ông Sáu có tình yêu thương con tha thiết, sâu nặng không gì sánh nổi. Sức hấp dẫn của truyện được tác giả xây dựng được cốt truyện chặt chẽ, yếu tố bất ngờ nhưng hợp lí. Truyện thành công bởi ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo *(0,5 điểm)*

- Trình bày sáng rõ, khoa học, bố cục mạch lạc, không sai chính tả *(0,5 điểm)*

## CHUYÊN ĐỀ II. KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ II

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

Viết một đoạn văn ngắn khoảng 8 câu, phân tích để làm rõ giá trị của các điệp ngữ trong đoạn thơ sau:

*Mùa xuân người cầm súng.*

*Lộc giắt đầy trên lưng.*

*Mùa xuân người ra đồng.*

*Lộc trải dài nương mạ.*

*Tất cả như hối hả.*

*Tất cả như xôn xao.*

Gợi ý

- Chỉ rõ các điệp ngữ trong đoạn là: mùa xuân, lộc, tất cả.

- Vị trí điệp ngữ: đầu câu.

- Cách điệp ngữ: cách nhau.

- Tác dụng: tạo nhịp điệu cho câu thơ, các điệp ngữ tạo nên điểm nhấn trong câu thơ như nốt nhấn trong bản nhạc, góp phần gợi không khí sôi nổi, tấp nập của bức tranh đất nước lao động, chiến đấu.

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

Hãy phân tích ý nghĩa của hình ảnh ẩn dụ **“mặt trời trong lăng”** ở câu thơ:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng.*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

Chép hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời trong một bài thơ mà em đã học (ghi rõ tên và tác giả bài thơ)

**Dàn ý:**

- Hai câu thơ sóng đôi hình ảnh thực và ẩn dụ “mặt trời”. Điều đó khiến ẩn dụ “mặt trời trong lăng” nổi bật ý nghĩa sâu sắc.

- Dùng hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.

- Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” cũng thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

- Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời:

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi.*

*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*

*(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm)*

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**Câu 1:** Tìm các thành phần tình thái, cảm thán trong những câu sau đây:

*a, Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều.*

*b, Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.*

*c, Ông lão bỗng ngừng lại ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được.*

**Câu 2:** Xác định thành phần phụ chú, thành phần khởi ngữ trong các ví dụ sau:

*a, Thế rồi bỗng một hôm, chắc rằng hai cậu bàn cãi mãi, hai cậu chợt nghĩ kế rủ Oanh chung tiền mở cái trường*

*b, Lan - bạn thân của tôi - học giỏi nhất lớp.*

*c, Nhìn cảnh ấy mọi người đều chảy nước mắt, còn tôi, tôi cảm thấy như có ai đang bóp nghẹt tim tôi.*

*d, Kẹo đây, con lấy mà chia cho em.*

Gợi ý

**Câu 1:**

a, Thành phần tình thái: có lẽ

b, Thành phần cảm thán: Chao ôi

c, Thành phần tình thái: Chả nhẽ

**Câu 2:**

- Thành phần phụ chú:

a) chắc rằng hai cậu bàn cãi mãi

b) bạn thân của tôi

- Thành phần khởi ngữ:

c) còn tôi,

d) kẹo đây

### Đề kiểm tra 15 phút Ngữ Văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**Câu 1:**Cho đoạn văn sau, tìm câu có chứa hàm ý và cho biết nội dung của hàm ý đó là gì ?:

*“Tôi lên tiếng mở đường cho nó:*

*- Cháu phải gọi “ Ba chắt nước dùm con”, phải nói như vậy.*

*Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:*

*- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ !”*

*( Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng)*

**Câu 2:** Hãy điền vào lượt lời của B trong đoạn thoại sau đây một câu có hàm ý từ chối.

*A: Mai về quê với mình đi!*

*B: /.../*

*A: Đành vậy*

Gợi ý

**Câu 1:**

Câu có chứa hàm ý: *“ Cơm sôi rồi, nhão bây giờ”*

**Hàm ý: Ba chắt nước giùm con.**

**Câu 2:**

Một số lời nói hàm ẩn cho trường hợp:

- Tiếc quá, ngày mai tớ có tiết kiểm tra cuối kì

- Mai tớ đi thăm bạn ốm rồi, để dịp khác tớ về với cậu nhé.

### Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nối tên tác phẩm ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Con cò | **a.** Tình cảm của người cha đối với con; ngợi ca truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp tâm hồn của người dân miền núi. |
| 2. Mùa xuân nho nhỏ | **b.** Ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với cuộc sống mỗi con người. |
| 3. Nói với con | **c.** Niềm xúc động thành kính của nhà thơ và mọi người đối với Bác khi vào viếng lăng Bác. |
| 4. Viếng lăng Bác | **d.** Tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước và cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. |

**2.**Đức tính cao đẹp của *“người đồng mình”* trong câu thơ: *“Người đồng mình thô sơ da thịt – Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”* mà người cha nói với con trong bài thơ “Nói với con” là:

**a.** Dễ thương, giàu tình cảm **b.** Hồn nhiên, mạnh mẽ

**c.** Mộc mạc, chân chất mà to lớn, kiêu hãnh **d.** Bản lĩnh, bền bỉ

**3.**Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ: *“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng/ Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”* là:

**a.** So sánh và nhân hóa **b.** Ẩn dụ và nhân hóa

**c.** Hoán dụ và so sánh **d.** Hoán dụ và ẩn dụ

**4.**Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cò trong bài thơ *“Con cò”* của Chế Lan Viên là gì?

**a.** Cuộc sống đầy đủ của đứa con

**b.** Cuộc sống lam lũ nhưng thanh bình ở làng quê

**c.** Tấm lòng của người mẹ và ý nghĩa của những lời hát ru

**d.** Tình cảm và phẩm chất cao quý của người mẹ

**5.**Hình ảnh *“Hàng cây đứng tuổi”* trong bài thơ Sang thu có ý nghĩa biểu tượng nào?

**a.** Hình ảnh hàng cây già đi theo năm tháng

**b.** Hàng cây qua bao mùa thay lá

**c.** Con người từng trải đã đi qua nhiều giông bão của cuộc đời nay trở nên vững chãi, chín chắn.

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Trong bài thơ*“Viếng lăng Bác”*, tác giả Viễn Phương đã viết hai câu thơ có sử dụng hình ảnh **mặt trời**.

**a.** Em hãy chép lại chính xác hai câu thơ ấy. (1đ)

**b.** Nêu cảm nhận của em về hình ảnh đó. (1đ)

**2.**Đọc khổ thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

**a.** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả? (1đ)

**b.** Chỉ ra tính ẩn dụ của hai hình ảnh *“sấm”* và *“hàng cây đứng tuổi”* (2đ)

**c.** Viết đoạn văn từ 7 - 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên. (4đ)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 – b, 2 – d, 3 – a, 4 -c | c | b | c | c |  |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Trong bài thơ *“Viếng lăng Bác”*, tác giả Viễn Phương đã viết hai câu thơ có sử dụng hình ảnh mặt trời.

**a.** Em hãy chép lại chính xác hai câu thơ:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.* (1đ)

**b.** Nêu cảm nhận của em về hình ảnh đó.

   - Câu thơ thể hiện niềm tôn trọng, thành kính của tác giả, cũng như là của dân tộc đối với Bác.

   - Câu thơ có 2 hình ảnh mặt trời: một mặt trời thực tế trong cuộc sống, một mặt trời mang ý nghĩa ẩn dụ.

      + Mặt trời thực tế: mặt trời đi qua trên lăng trong câu thơ thứ nhất. Đây là hình ảnh mặt trời tự nhiên, mang ánh sáng, sự sống đến cho muôn loài. Nghệ thuật nhân hóa “đi”, “thấy” chan chứa niềm tôn kính.

      + Mặt trời trong lăng: hình ảnh ẩn dụ cho Bác Hồ - người mang lại ánh sáng, ấm no, xua tan đêm trường nô lệ cho dân tộc Việt Nam(1đ)

**2.**

Đọc khổ thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

**a.** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh. (1đ)

**b.** Tính ẩn dụ của hình ảnh

   - *“sấm”*: hiện tượng tự nhiên, ẩn dụ cho những giông bão, thăng trầm, biến thiên của cuộc đời (1đ)

   - *“hàng cây đứng tuổi”*: hàng cây đi qua nhiều năm tháng, ẩn dụ cho lớp người trải qua nhiều thăng trầm của cuộc sống. (1đ)

**c.** Viết đoạn văn từ 7 - 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên. (4đ)

HS nêu cảm nhận về đoạn thơ đó, về cơ bản phải nêu được những nét sau:

   - Vẻ đẹp của sự giao mùa, của tâm hồn con người giao cảm với thiên nhiên và mang đầy dự cảm, thể hiện sự chiêm nghiệm và suy tư của nhà thơ. ( 1đ)

   - Những tia nắng hạ vẫn còn, cơn mưa ồ ạt cũng vơi dần đi. Nắng – mưa là hai hình ảnh tương phản chuyển giao của đất trời trước thời khắc giao mùa. ( 1đ)

   - Hai dòng thơ cuối vừa mang nét nghĩa tả thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ:

      + Ý nghĩa tả thực: sấm gắn với cơn mưa mùa hạ cũng đã bớt dần. (1đ)

      + Ý nghĩa ẩn dụ: Sấm - những gì bất thường dữ dội trong cuộc sống, hàng cây đứng tuổi - người từng trải. Con người từng trải sẽ bình thản hơn, trưởng thành hơn, điềm đạm chín chắn hơn với những bão tố của cuộc đời. (1đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**I. Trắc nghiệm** (4 điểm)

**1.** Hai câu thơ: *“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ/ Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”* được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả?

**a.** Sang thu – Hữu Thỉnh **b.** Nói với con – Y Phương

**c.** Viếng lăng Bác – Viễn Phương **d.** Con cò – Chế Lan Viên

**2.** Theo Y Phương, cội nguồi sinh dưỡng nuôi con lớn khôn là:

**a.** Tình yêu thương của cha mẹ **b.** Dòng sữa mát trong của mẹ

**c.** Chiếc nôi quê hương êm đềm **d.** Tình yêu thương của cha mẹ và quê hương

**3.** Các từ in đậm trong hai câu thơ: *“Môt mùa xuân****nho nhỏ/ Lặng lẽ dâng****cho đời”* thể hiện điều gì?

**a.** Sự nhỏ bé, mỏng manh

**b.** Sự khiêm nhường hiến dâng cho đời, cho quê hương, đất nước

**c.** Sự tận hiến cho cuộc đời

**d.** Mùa xuân giản dị, bình yên

**4.** Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh cây tre trong bài thơ *Viếng lăng Bác* là:

**a.** Hình ảnh con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, bền bỉ

**b.** Phẩm chất trung – hiếu tiêu biểu của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam

**c.** Cả a và b

**5.** Nội dung chính của bài thơ *Mây và sóng* là:

**a.** Ca ngợi tình cảm của đứa con dành cho mẹ

**b.** Ca ngợi công lao của người mẹ đối với con

**c.** Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, cao cả, bất diệt

**d.** Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên

**6.** Dấu hiệu đầu tiên của mùa thu được Hữu Thỉnh cảm nhận trong bài *Sang thu* là:

**a.** Hương ổi **b.** Sương qua ngõ

**c.** Tiếng sấm **d.** Hàng cây đứng tuổi

**7.** Trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*, Thanh Hải đã thể hiện thái độ dâng hiến cho đời như thế nào?

**a.** Sôi nổi, ồn ào **b.** Tươi vui, náo nức

**c.** Lặng lẽ, khiêm nhường **d.** Thành kính, nghiêm trang

**8.** Từ trời xanh trong câu: *“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”* sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**a.** So sánh **b.** Nhân hóa

**c.** Hoán dụ **d.** Ẩn dụ

**II. Tự luận** (6 điểm)

**1.** Đọc câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Ta làm con chim hót”*

**a.** Chép lại chính xác 7 câu thơ tiếp theo. (1đ)

**b.** Nêu cảm nhận của em về ước nguyện sống cao đẹp của tác giả trong đoạn thơ trên. (2đ)

**2.** Trong bài thơ *Nói với con*, người cha nhắc nhở người con về những đức tính cao đẹp nào của “người đồng mình”. Nêu cảm nhận của em về 4 câu cuối bài thơ:

*“Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con”* (3đ)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| c | d | b | c | c | a | c | d |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Đọc câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Ta làm con chim hót”*

**a.** Chép lại chính xác 7 câu thơ tiếp theo:

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc.* (1đ)

**b.** Nêu cảm nhận của em về ước nguyện sống cao đẹp của tác giả trong đoạn thơ trên.

HS nêu được các ý cơ bản sau:

   - 2 đoạn thơ thể hiện ước muốn của tác giả được cống hiến cho đất nước, dân tộc. (0.25đ)

   - Những điều nguyện hóa thân của tác giả thật đơn sơ và bình dị, nhỏ nhoi và chân tình: *“con chim hót”*, *“một nhành hoa”*, *“một nốt trầm xao xuyến”* nghệ thuật lặp *“Ta làm”*thể hiện ước muốn thôi thúc khôn nguôi, (0.25đ)

   - Tác giả nguyện hiến dâng cuộc đời mình cho mùa xuân đất nước, góp mùa xuân nho nhỏ của mình hòa vào mùa xuân lớn lao của dân tộc. Tác giả nguyện sẽ mãi mãi được làm việc, được hi sinh, cống hiến cả tuổi thanh xuân lẫn khi về già, mong ước ấy mãi luôn cháy bỏng. (0.5đ)

**2.**

   - Những đức tính cao đẹp của *“người đồng mình”* là:

      + Dễ thương, giàu tình cảm.

      + Thủy chung, gắn bó với quê hương.

      + Hồn nhiên, mạnh mẽ.

      + Bản lĩnh, bền bỉ

      + Mộc mạc, chân chất mà to lớn, kiêu hãnh. (1đ)

   - Cảm nhận về 4 câu cuối bài thơ:

      + Lời nói của cha đầy trìu mến và tin tưởng, thôi thúc con đi trên đường đời. (0.5đ)

      + Tuy thô sơ da thịt nhưng không nhỏ bé, *“Nghe con”* nghe sao trìu mến thân thương. Lời cha thốt lên tự đáy lòng: dù ở bất cứ đâu vẫn không quên nguồn cội, luôn tự hào về truyền thống tốt đẹp, gắn bó với mảnh đất quê hương mình. Đó là nơi mang đậm những đức tính quý báu và tâm hồn cao đẹp. Mong con vượt lên khó khăn, tiếp nối truyền thống để sống có nghĩa, có tình. (1.5đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nối tên tác phẩm ở cột A với năm sáng tác ở cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Con cò | **a.** 1980 |
| 2. Sang thu | **b.** 1977 |
| 3. Viếng lăng Bác | **c.** 1962 |
| 4. Mùa xuân nho nhỏ | **d.** 1976 |

**2.**Cách xưng hô *“con – Bác”* của Viễn Phương trong bài thơ *Viếng lăng Bác* thể hiện điều gì?

**a.** Sự gần gũi, thân thương **b.** Sự thành kính, nghiêm trang

**c.** Sự ngưỡng mộ, biết ơn chân thành **d.** Cả a, b, c

**3.**Lựa chọn từ thích hợp nhất để điền vào chỗ... trong nhận định sau: *“Bài thơ con cò không chỉ đề cao tình mẫu tử thiêng liêng mà còn khẳng định ý nghĩa củ****a.****..đối với cuộc đời mỗi con người”*.

**a.** Lòng biết ơn **b.** Sự thiếu thảo

**c.** Lời hát ru **d.** Sự yêu thương

**4.**Câu thơ: *“Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi”* ngoài nghĩa tả thực còn sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**a.** So sánh **b.** Ẩn dụ

**c.** Nhân hóa **d.** Hoán dụ

**5.**Nội dung bài thơ *“Mùa xuân nho nhỏ”* của Thanh Hải là:

**a.** Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, đất nước

**b.** Tâm trạng tươi vui, rộn ràng của nhà thơ khi nhìn ngắm vẻ đẹp mùa xuân của thiên nhiên, đất nước

**c.** Tiếng lòng yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; đồng thời thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến, góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc

**d.** Nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng mùa xuân đất nước

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

**a.** Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ nào? Của tác giả nào? (0.5đ)

**b.** Trong chương trình ngữ văn 9 cũng có một bài thơ thể hiện ước muốn cống hiến của tác giả với quê hương, đất nước. Đó là bài thơ nào? (0.5đ)

**c.** Cảm nhận của em về đoạn thơ trên. (2đ)

**2.**Chứng minh rằng: *“Sang thu thể hiện cảm xúc tinh tế của Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu”*. (4đ)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 – c; 2 – b; 3 - d; 4 - a | d | c | b | c |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

**a.** Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương. (0.5đ)

**b.** Trong chương trình ngữ văn 9 cũng có một bài thơ thể hiện ước muốn cống hiến của tác giả với quê hương, đất nước. Đó là bài thơ mùa xuân nho nhỏ. (0.5đ)

**c.** Cảm nhận về đoạn thơ trên.

   - Tình cảm của tác giả khi đứng giữa lăng Bác mà nghĩ đến cảnh ngày mai phải xa lìa mà bịn rịn, trào dâng niềm xúc động khôn nguôi *“thương trào nước mắt”*.(0.5đ)

   - Lời nói tha thiết, chân thành, nỗi đau thương không nói thành lời. (0.5đ)

   - Ước nguyện thành kính, tự nguyện của tác giả qua điệp từ *“muốn làm”*. Tác giả mong muốn hóa thân thành những vật xung quanh để quây quần bên Người, giữ cho Người giấc ngủ yên bình giữa dòng đời biến động: *“con chim”, “đóa hoa” , “cây tre”*. Hình ảnh cây tre xuất hiện cuối bài là phẩm chất bao đời của con dân nước Việt. (0.5đ)

   - Lời thơ mang cảm xúc chân thành, ước muốn giản dị. (0.5đ)

**2.**

Chứng minh rằng: *“Sang thu thể hiện cảm xúc tinh tế của Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu”*. (4đ)

HS chứng minh qua các khổ thơ

   - Khổ thơ 1; 2: Cảm nhận tinh tế của tác giả trước sự biến đổi của đất trời trong khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.

**Khổ 1 (1đ)**

      + *Bỗng nhận ra* => sự bất ngờ, sửng sốt, chưa được báo trước.

      + Hương ổi phả vào trong gió se, sương giăng mắc ngoài ngõ..là những dấu hiệu đặc trưng báo hiệu khoảnh khắc giao mùa, rằng thu đã về!

      + *Phả:* động từ diễn tả sự chủ động tác động của mùa thu vào cảnh vật.

      + Hình như diễn tả tâm trạng còn chưa chắc chắc. Tâm hồn thi sĩ có sự cảm nhận thật tinh tế.

**Khổ 2 (1đ)**

      + Cảm nhận về bức tranh mùa thu được miêu tả ở tầm cao, xa. Dòng sông mùa thu cũng trôi chậm rãi, không bị những cơn mưa mùa hạ thúc giục hối hả nữa. Ngược lại là đàn chim hối hả bay về phương Nam chuẩn bị tránh rét. Nghệ thuật đối *“dềnh dàng” >< “hối hả”* => trạng thái chủ động.

      + Đám mây mùa hạ được nhân hóa, diễn tả sự dùng dằng, luyến tiếc, thể hiện sự níu kéo thời gian.

   → *Mùa thu đặc trưng của miền Bắc*

   - Khổ thơ 3: Suy ngẫm của tác giả về triết lý nhân sinh trong cuộc đời con người.

      + Những tia nắng hạ vẫn còn, cơn mưa ồ ạt cũng vơi dần đi. Nắng – mưa là hai hình ảnh tương phản chuyển giao của đất trời trước thời khắc giao mùa.

Hai dòng thơ cuối vừa mang nét nghĩa tả thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ:

      + Ý nghĩa tả thực: sấm gắn với cơn mưa mùa hạ cũng đã bớt dần.

      + Ý nghĩa ẩn dụ: Sấm - những gì bất thường dữ dội trong cuộc sống, hàng cây đứng tuổi - người từng trải. Con người từng trải sẽ bình thản hơn, trưởng thành hơn, điềm đạm chín chắn hơn với những bão tố của cuộc đời. (1đ)

   → Khẳng định lại nhận định trên.

### Đề kiểm tra 1 tiết Thơ lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Đâu không phải là những hình ảnh, hiện tượng của đất trời khi chuyển mình sang thu trong cảm nhận của nhà thơ Hữu Thỉnh?

**a.** Hương ổi phả trong gió se **b.** Lá vàng rơi

**c.** Dòng sông bắt đầu vội vã **d.** Đám mây hạ - thu

**2.**Ý nghĩa nhan đề bài thơ *“Mùa xuân nho nhỏ”* là:

**a.** Biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của cuộc đời mỗi con người

**b.** Sự thống nhất giữa cái riêng với cái chung, giữa cái tôi cá nhân với cái ta cộng đồng

**c.** Nguyện ước muốn làm một mùa xuân cống hiến những gì tươi đẹp nhất cho cuộc đời, cho đất nước một cách khiêm nhường và lặng lẽ. **d.** Cả a, b, c

**3.**Bài thơ *Con cò* được rút ra từ tập thơ nào của nhà thơ Chế Lan Viên?

**a.** Ánh sáng và phù sa (1960) **b.** Hoa ngày thường – chim báo bão (1967)

**c.** Hái theo mùa (1977) **d.** Hoa trên đá (1984)

**4.**Nội dung chính của bài thơ *Mây và sóng* là gì?

**a.** Ca ngợi tình cảm của đứa con dành cho mẹ **b.** Ca ngợi công lao của người mẹ đối với con

**c.** Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên **d.** Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt

**5.**Dòng nào dưới đây nêu đầy đủ tên các bài thơ có nội dung đề cập đến tình cảm của cha mẹ đối với con cái?

**a.** Con cò, Nói với con, Mây và sóng **b.** Sang thu, con cò

**c.** Nói với con, Viếng lăng Bác **d.** Mùa xuân nho nhỏ, Con cò, Nói với con

**6.**Câu thơ: *“Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu”* sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**a.** Ẩn dụ **b.** So sánh

**c.** Nhân hóa **d.** Hoán dụ

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Dù ở gần con*

*Dù ở xa con*

*Lên rừng xuống bể,*

*Cò sẽ tìm con,*

*Cò mãi yêu con.*

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ*

*Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.* (4đ)

**2.**Chép lại chính xác khổ thơ cuối bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh và nêu cảm nhận của em về đoạn thơ đó. (3đ)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| b | d | b | d | a | c |

**II. Phần tự luận**

**1.**

HS viết được một đoạn văn nêu cảm nhận của bản thân về đoạn thơ trên, về cơ bản phải nêu được các nội dung sau:

   - Đoạn thơ là sự cảm nhận sâu sắc của nhà thơ về tình cảm mẫu tử thiêng liêng, sâu nặng, ca ngợi tình mẹ, lòng mẹ thương con. (1đ)

   - Hình ảnh người mẹ được hình tượng hóa trong hình ảnh con cò quen thuộc trong ca dao để nói lên sự gắn bó máu thịt, sự quan tâm dìu dắt suốt đời của mẹ dành cho con cái, dù cho ở bất cứ đâu hay trong hoàn cảnh nào. (2đ)

   - Hình tượng nghệ thuật độc đáo, âm hưởng lời ru ngọt ngào, triết lí sâu xa. (1đ)

**2.**

Chép lại chính xác khổ thơ cuối bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh

*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi.*(1đ)

HS nêu cảm nhận về đoạn thơ đó, về cơ bản phải nêu được những nét sau:

   - Vẻ đẹp của sự giao mùa, của tâm hồn con người giao cảm với thiên nhiên và mang đầy dự cảm, thể hiện sự chiêm nghiệm và suy tư của nhà thơ. (0.5đ)

   - Những tia nắng hạ vẫn còn, cơn mưa ồ ạt cũng vơi dần đi. Nắng – mưa là hai hình ảnh tương phản chuyển giao của đất trời trước thời khắc giao mùa. (0.5đ)

   - Hai dòng thơ cuối vừa mang nét nghĩa tả thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ:

      + Ý nghĩa tả thực: *sấm* gắn với cơn mưa mùa hạ cũng đã bớt dần. (1đ)

      + Ý nghĩa ẩn dụ: *Sấm* - những gì bất thường dữ dội trong cuộc sống, hàng cây đứng tuổi - người từng trải. Con người từng trải sẽ bình thản hơn, trưởng thành hơn, điềm đạm chín chắn hơn với những bão tố của cuộc đời. (1đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nối tên tác phẩm ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Bến quê | **a.** Lòng yêu thương bạn bè, mở rộng ra là lòng yêu thương con người, sự cảm thông với những nỗi đau hoặc lỡ lầm của người khác. |
| 2. Những ngôi sao xa xôi | **b.** Thức tỉnh sự trân trọng giá trị của cuộc sống gia đình và những vẻ đẹp bình dị của quê hương. |
| 3. Bố của Xi - mông | **c.** Cuộc sống khó khăn, gian khổ và tinh thần lạc quan của nhân vật khi chỉ có một mình trên đảo hoang vùng xích đạo suốt mười mấy năm ròng rã |
| 4. Rô – bin – sơn ngoài đảo hoang | **d.** Tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng đầy lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong. |

**2.**Trong truyện ngắn *Bến quê*, thông qua nhân vật Nhĩ, nhà văn muốn gửi gắm những thông điệp nào?

**a.** Biết nhận ra những vẻ đẹp gần gũi, quý giá của quê hương và gia đình ngay bên cạnh mình

**b.** Cẩn thận đừng sa vào những điều vòng vèo hoặc chùng chình trong cuộc đời để rồi không đến được với những giá trị đích thực của cuộc sống

**c.** Cả a, b

**3.**Vì sao cậu bé Xi – mông mới tám tuổi đã muốn nhảy xuống sông *“cho chết đuối”*?

**a.** Vì cậu không có bố, đến trường bị bạn bè chế giễu, châm chọc

**b.** Vì cậu có ông bố say xỉn, thường xuyên bị đánh đập

**c.** Vì bố mẹ cậu đã chia tay nhau

**d.** Vì cậu có một bà mẹ độc ác, hay đánh mắng con

**4.**Đồ dùng, trang phục nào không xuất hiện trong văn bản *Rô – bin – sơn ngoài đảo hoang*?

**a.** Quần áo bằng da dê **b.** Mũ bằng da dê

**c.** Chiếc dù lớn bằng da dê **d.** Lược bằng sừng dê

**5.**Đâu là nét tính cách nổi bật của nhân vật Phương Định trong đoạn trích *Những ngôi sao xa xôi*?

**a.** Nhạy cảm, hồn nhiên, mơ mộng, ưa sống với những kỉ niệm thời thiếu nữ vô tư

**b.** Yếu đuối, mỏng manh, tinh nghịch

**c.** Cẩu thả, bi quan, nóng tính

**d.** Lười biếng, nhiều tham vọng

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(1đ) Suy nghĩ của em về hành động và cử chỉ của nhân vật Nhĩ ở đoạn kết truyện trong đoạn trích *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu.

**2.**(6đ) Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong đoạn trích *Những ngôi sao xa xôi* – Lê Minh Khuê.

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 – b, 2 – d, 3 – a, 4 -c | c | a | d | d |

**II. Phần tự luận**

**1.**

      - Vẻ mặt, hành động, cử chỉ của Nhĩ ở cuối truyện có vẻ rất khác thường: *“Anh cố thu nhặt chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài nào đó”*. (0.25đ)

   → Hành động nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau lên kẻo lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày. (0.25đ)

   → Thức tỉnh mọi người vượt qua những thứ *“chùng chình” “vòng vèo”* của cuộc đời để hướng tới những giá trị đích thực vốn gần gũi và bền vững. (0. 5đ)

**2.**

Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong đoạn trích Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê.

   - Là nhân vật chính của truyện, một nữ thanh niên xung phong đẹp từ ngoại hình đến tâm hồn. (0.25đ)

   - Hoàn cảnh, công việc của Phương Định:

      + Là cô thanh niên xung phong sống trên cao điểm giữa khói bụi Trường Sơn và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. (0.25đ)

      + Công việc của tổ trinh sát mặt đường là: *“Đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”*. (0.5đ)

   → công việc nguy hiểm nhưng càng ngời sáng sự dũng cảm của cô. (0.5đ)

   - Tính cách: trong sáng, mơ mộng, hồn nhiên đầy trẻ thơ (0.5đ)

      + Là cô gái Hà Nội vào chiến trường. Dù trong khói lửa chiến tranh vẫn luôn đầy ắp những kỉ niệm về Hà Nội và gia đình. (0.5đ)

      + Cô gái lạc quan, hay cười, hay ngắm mình trong gương, tự đánh giá mình là cô gái khá với đôi mắt *“dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng”*, được nhận xét là *“cô có cái nhìn sao mà xa xăm”* (0.5đ)

   → Hồn nhiên, đáng yêu, chân thực. (0.5đ)

      + Chị được nhiều người dành tình cảm quý mến

   → Thấy vui, tự hào. Nhạy cảm nhưng không bộc lộ tình cảm giữa đám đông, khiến người khác cảm thấy có phần hơi kiêu kì. (0.5đ)

      + Dũng cảm, bình tĩnh, vượt lên mọi hiểm nguy. (0.5đ)

      • Quen với công việc đầy hiểm nguy: *“Tôi bây giờ còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi”*. Nhưng mỗi lần trải qua thử thách vẫn như cuộc thách thức thần kinh cho đến từng cảm giác.

      • Làm việc bình tĩnh, thành thạo khi phá bom. (0.5đ)

      + Quan tâm, lo lắng cho đồng đội khi bạn đi lên cao điểm chưa về; chăm sóc tận tình khi đồng đội bị thương; hiểu tính cách đồng đội. (0.5đ)

      + Cũng rất cần sự cổ vũ của đồng đội.

   → Người nữ thanh niên xung phong anh hùng nhưng cũng rất đời thường với thế giới nội tâm phong phú. Ngòi bút Lê Minh Khuê đã thành công trong khắc họa tâm lí nhân vật. Trong chiến tranh, con người sẵn sàng bất chấp hiểm nguy, chấp nhận hi sinh cả mạng sống để hoàn thành nhiệm vụ được giao. (0.5đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu thức tỉnh người đọc điều gì?

**a.** Phải biết yêu gia đình **b.** Phải biết trân trọng tình cảm hàng xóm láng giềng

**c.** Biết yêu quý trẻ em **d.** Biết trân trọng gia đình và những vẻ đẹp bình dị của quê hương

**2.**Nhận xét nào sau đây đúng với truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê

**a.** Là truyện ngắn viết về thể hệ trẻ Việt Nam thời kì đất nước đổi mới

**b.** Là truyện ngắn viết về người chiến sĩ những năm chống Mĩ cứu nước

**c.** Là truyện ngắn viết về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước

**d.** Là truyện ngắn viết về người phụ nữ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước

**3.**Dòng nào nêu đúng ý nghĩa của truyện *Bố của Xi – mông*?

**a.** Giáo dục con người về sự cảm thông và ca ngợi tình yêu thương, lòng nhân hậu của con người

**b.** Ca ngợi tình cảm mẹ dành cho con

**c.** Đề cao trách nhiệm phải biết giữ gìn hạnh phúc gia đình

**d.** Giáo dục con cái phải biết ơn công lao cha mẹ

**4.**Sau khi gặp Xi – mông, bác Phi – lip đã làm gì?

**a.** Hỏi han, an ủi cậu bé **b.** Đưa cậu bé về nhà

**c.** Nhận làm bố của cậu bé **d.** Cả a, b, c

**5.***Tình huống nghịch lí* là tình huống trong truyện nào?

**a.** Lặng lẽ Sa Pa **b.** Bến quê

**c.** Làng **d.** Những ngôi sao xa xôi

**6.**Ngôi kể **thứ nhất** xưng tôi có trong các truyện nào?

**a.** Lặng lẽ Sa Pa, Chiếc lược ngà, Những ngôi sao xa xôi

**b.** Làng, Chiếc lược ngà, Bến quê

**c.** Chiếc lược ngà, Những ngôi sao xa xôi, Rô – bin – sơn ngoài đảo hoang

**d.** Bến quê, Những ngôi sao xa xôi, Lặng lẽ Sa Pa

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(2đ) Em hãy nêu đặc sắc nghệ thuật trong đoạn trích truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.

**2.**(5đ) Cảm nhận của em về nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu.

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| d | c | a | d | b | c |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Đặc sắc nghệ thuật:

   - Thành công trong lựa chọn ngôi kể: ngôi kể thứ nhất, người kể là nhân vật chính. (0.25đ)

→ Câu chuyện sinh động, chân thật, tạo điều kiện để nhân vật bộc lộ tâm hồn, tính cách. (0.25đ)

   - Ngôn ngữ kể tự nhiên. Lời kể ngắn phù hợp với không khí khẩn trương nơi chiến trường. (0.25đ)

   - Đoạn hồi tưởng trong hòa bình về cuộc sống của nhân vật bên gia đình lời kể chậm rãi. (0.25đ)

   - Cốt truyện đơn giản. (0.25đ)

   - Thành công trong miêu tả tâm lí và tính cách nhân vật. (0.5đ)

   - Nhan đề có ý nghĩa biểu tượng cao. (0.25đ)

**2.**

Nhân vật Nhĩ:

   - Nhân vật được đặt trong tình huống đầy nghịch lí: cả đời mải mê đặt chân đến những mảnh đất xa xôi khắp nửa vòng trái đất, đến cuối đời khi bị cột chặt trên giường bệnh lại phát hiện ra vẻ đẹp bình dị của mảnh đất quê hương mình; đồng thời thấy được suy tư, chiêm nghiệm của tác giả về cuộc đời. (1đ)

   - Trong ánh nhìn của Nhĩ khi cận kề cái chết, quê hương hiện lên với vẻ đẹp thanh bình, đơn sơ nhưng đầy thơ mộng. Đó là bãi cát, là dòng sông, nương ngô hay đóa bằng lăng…lần đầu tiên sau bao nhiêu năm anh chú ý tới. (1đ)

   - Những chi tiết tượng trưng cho sự sống của Nhĩ đang cạn dần: bông bằng lăng cuối màu đậm hơn, tảng đất bên bờ sông đổ ụp vào giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng…(0.5đ)

   - Cảm nhận của Nhĩ về vợ: Lần đầu tiên Nhĩ thấy Liên đang mặc tấm áo vá, ngón tay gầy guộc vuốt ve bên vai anh, Nhĩ nhận ra tình yêu thương, tảo tần và hi sinh của vợ, anh hiểu và thêm biết ơn về vợ. (0.5đ)

   - Nhĩ khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông. Niềm xót xa xen lẫn ân hận.

→ Sự thức tỉnh những giá trị bị lãng quên khi con người đã trải qua nhiều sóng gió. (1đ)

   - Không thể thực hiện được ước muốn của mình, Nhĩ nhờ con trai. Nhưng con anh thực hiện một cách miễn cưỡng và vì mải chơi đã lỡ mất chuyến đò cuối cùng trong ngày.

→ Triết lí *“con người ta trong đời khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình”*, cần trân trọng thực tại, trân trọng những vẻ đẹp bình dị ngay cạnh mình. (1đ)

   - Khoát tay ra hiệu con, nhoài người về phía cửa sổ như muốn thức tỉnh đứa con dứt mình ra khỏi những vòng vèo, chùng chình của cuộc đời để hướng tới những giá trị sống đích thực mà gần gũi quanh ta. (1đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nhan đề truyện *Những ngôi sao xa xôi* sử dụng biện pháp tu từ nào?

**a.** So sánh **b.** Nhân hóa

**c.** Ẩn dụ **d.** Hoán dụ

**2.**Nghệ thuật đặc sắc trong truyện *Bến quê* là:

**a.** Xây dựng tình huống truyện đầy nghịch lí, nội tâm nhân vật tinh tế, ngôn ngữ giàu hình ảnh và mang tính biểu tượng cao

**b.** Xây dựng truyện với những tình huống đảo ngược, lời văn trau chuốt

**c.** Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm

**d.** Miêu tả nội tâm nhân vật chính phức tạp, nhiều sự việc phong phú

**3.**Điểm chung củ ba cô gái thanh niên xung phong trong truyện *Những ngôi sao xa xôi* là:

**a.** Chung một nhiệm vụ trinh sát mặt đường

**b.** Họ đều là các cô gái còn trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, yêu thương gắn bó với đồng đội.

**c.** Họ chiến đấu dũng cảm và sống giản dị, lạc quan, thích ca hát, thêu thùa.

**d.** Cả a, b, c

**4.***“Qua bức chân dung tự họa và giọng kể của nhân vật trong đoạn trích, chúng ta hình dung được cuộc sống vô cùng khó khăn và gian khổ, cũng như tinh thần lạc quan của nhân vật khi chỉ có một mình nơi đảo hoang vùng xích đạo suốt mười mấy năm ròng rã.”* Là nội dung của truyện nào?

**a.** Bến quê **b.** Những ngôi sao xa xôi

**c.** Rô – bin – sơn ngoài đảo hoang **d.** Con chó Bấc

**5.**Đâu là biểu hiện thể hiện sự đau đớn của Xi – mông sau khi bị bạn bè trêu chọc?

**a.** Muốn đi tự tử. Cảnh vật bờ sông làm em nguôi ngoai, nhưng vẫn đau khổ vô cùng.

**b.** Em khóc rất nhiều. Em nghĩ đến mẹ và nhớ nhà

**c.** Nghẹn ngào, mắt đẫm lệ khi em trả lời bác Phi – lip, giọng nói luôn ngắt quãng xen lẫn những tiếng nấc buồn tủi

**d.** Tất cả những biểu hiện trên

**6.***Con chó Bấc* được trích từ tác phẩm nào của Giắc Lân – đơn?

**a.** Sói biển **b.** Tiếng gọi nơi hoang dã

**c.** Nanh trắng **d.** Gót sắt

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(3đ) Viết một đoạn văn ngắn từ 5 – 7 câu nêu cảm nhận của em về nhân vật Phi – lip trong truyện ngắn Bố của Xi – mông (Mê Pát –xăng).

**2.**(2đ) Giải thích ý nghĩa nhan đề truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.

**3.**(2đ) Truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu xây dựng trên tình huống nào? Tình huống truyện đó có gì đặc sắc?

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| c | a | d | c | d | b |

**II. Phần tự luận**

**1.**

HS viết được đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật. về cơ bản phải nêu bật được các nội dung sau:

   - Ngoại hình: *“Cao lớn, vạm vỡ, râu tóc đen, quăn”* và một sức mạnh phi thường *“Bàn tay chắc nịch và giọng nói ồm ồm”*. (0.5đ)

   - Khi Xi – mông tuyệt vọng, bác an ủi và đưa em về nhà (0.5đ)

   - Nhận lời làm bố của Xi – mông khi thấy em chịu nhiều tổn thương. (0.5đ)

   - Cầu hôn mẹ của Xi – mông để trở thành bố thật của em. (0.5đ)

→ Là người nhân hậu, đứng đắn, yêu thương trẻ thơ. (0.5đ)

→ Thông qua nhân vật, tác giả gửi gắm thông điệp của đoạn trích: thức tỉnh học sinh về lòng thương yêu bè bạn mà mở rộng ra là lòng thương yêu con người, sự đồng cảm với những nỗi đau hoặc lỡ lầm của người khác. (0.5đ)

**2.**

Ý nghĩa nhan đề truyện ngắn:

   - Vừa có ý nghĩa thực lại vừa mang ý nghĩa ẩn dụ:

      + Ý nghĩa thực: Chỉ những ngôi sao trên bầu trời. Dù trong bom đạn chiến tranh vẫn ngời sáng. (0.5đ)

      + Ý nghĩa ẩn dụ: Chỉ 3 cô gái trong tổ trinh sát mặt đường anh hùng, không ngại hiểm nguy, gian khổ. Đó là những cô gái trẻ trung, lãng mạn, có sức tỏa sáng diệu kì. Ánh sáng ấy không phô trương mà phải nhìn ngắm thật lâu để thấy được vẻ đẹp của nó. (1đ)

→ Nhan đề lãng mạn, giàu chất thơ. (0.5đ)

**3.**

   Tình huống truyện xoay quanh nhân vật Nhĩ: Từng di khắp nơi, về cuối đời Nhĩ lại bị cột chặt vào giường bệnh bởi một căn bệnh hiểm nghèo, đến nỗi không thể tự mình dịch chuyển được. Chính vào thời điểm ấy, Nhĩ lại phát hiện ra vùng đất bên kia sông một vẻ đẹp bình dị. (1đ)

→ Trải nghiệm về cuộc đời: cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của con người. (0.5đ)

→ Chiêm nghiệm: *“Con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình”*. (0.5đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Truyện lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nội dung chính được thể hiện qua truyện *“Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê là gì?

**a.** Cuộc sống gian khó ở Trường Sơn trong những năm chống Mĩ

**b.** Vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn

**c.** Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong ở Trường Sơn

**d.** Vẻ đẹp của người lính công binh trên con đường Trường Sơn

**2.**Qua đoạn trích *“Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”*, tác giả muốn thể hiện điều gì?

**a.** Ca ngợi cách ăn mặc lạ lùng của Rô – bin - xơn **b.** Tái hiện cuộc sống thú vị của Rô – bin - xơn

**c.** Miêu tả sự hài hước của Rô - bin - xơn **d.** Tái hiên cuộc sống khó khăn và tinh thần lạc quan của Rô – bin - xơn

**3.**Ý nghĩa hành động của nhân vật Nhĩ ở đoạn kết truyện: *“Anh cố thu nhặt chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài nào đó”* là:

**a.** Nôn nóng thúc giục cậu con trai nhanh chóng kẻo lỡ chuyến đò cuối cùng trong ngày

**b.** Thức tỉnh mọi người về những thứ “vòng vèo hay chùng chình” trong cuộc đời để hướng tới những giá trị đích thực

**c.** Cả a và b

**4.**Truyện ngắn nào sau đây **không** kể theo ngôi thứ nhất?

**a.** Những ngôi sao xa xôi

**b.** Bến quê

**c.** Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang

**5.**Hình ảnh *“bãi bồi bên kia sông”* trong truyện ngắn Bến quê hiện lên như thế nào?

**a.** Vẻ đẹp tiêu sơ, hoang dã **b.** Vẻ đẹp giàu có, hấp dẫn

**c.** Vẻ suy tàn, kiệt quệ **d.** Vẻ đẹp gần gũi, bình dị của quê hương, xứ sở

**6.**

**a.** Lạnh lùng, bình thản **b.** Chán nản, tuyệt vọng

**c.** Hài hước, lạc quan **d.** Tự cao, yêu đời

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(2đ) Chi tiết đứa con trai của Nhĩ mải mê sa vào đám chơi phá cờ thế bên đường có ý nghĩa gì?

**2.**(3đ) Chỉ ra nét chung và riêng của ba cô gái thanh niên xung phong trong truyện Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

**3.**(2đ) Nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích truyện Rô - bin - xơn ngoài đảo hoang.

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| c | d | c | b | d | c |

**II. Phần tự luận**

**1.**

HS chỉ ra được vị trí của chi tiết trong truyện: Khi Nhĩ nhờ con sang bên kia sông, con anh đi nhưng lại mải mê sa vào xem chơi phá cờ tướng bên lề đường mà bỏ lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày. (0.5đ)

→ Chiêm nghiệm: *“Con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình”*. (1đ)

→ Bài học: biết vượt qua những cám dỗ, vòng vèo để hướng đến giá trị sống đích thực. (0.5đ)

**2.**

Nét chung và riêng:

   - Nét chung (1đ):

      + Hoàn cảnh sống và chiến đấu: sống trong hang trên cao điểm; nhiệm vụ quan sát, đo, lấp, phá bom.

      + Phẩm chất: đều là những người trẻ tuổi; có tinh thần trách nhiệm cao; dũng cảm, gan dạ; giàu tình đồng chí, đồng đội; tâm hồn nhạy cảm.

   - Nét riêng (2đ):

      + Chị Thao, tổ trưởng, tính cách trầm lặng, nghiêm túc, ít nhiều có từng trải hơn.

      + Còn Nho lại là cô gái khác, có lúc cô bướng bỉnh, lầm lì nhưng rất mạnh mẽ và tươi đẹp.

      + Nhân vật chính cũng là nhân vật kể chuyện là Phương Định, một cô gái trẻ trung, đầy mơ mộng.

**3.**

Nội dung và nghệ thuật:

   - Giá trị nội dung:hình dung được những gian nan, vất vả mà nhân vật phải trải qua, đồng thời ca ngợi tinh thần lạc quan, ý chí vượt lên mọi khó khăn, gian khổ của con người. Con người sống vươn lên khỏi nghịch cảnh.(1đ)

   - Nghệ thuật: ngôi kể thứ nhất chân thực, giọng điệu dí dỏm, hài hước. (1đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nối tên thành phần biệt lập ở cột A với tác dụng ở cột B sao cho phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Thành phần tình thái | **a.** Dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu |
| 2. Thành phần cảm thán | **b.** Dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu |
| 3. Thành phần gọi - đáp | **c.** Dùng để bộc lộ tâm lí của người nói |
| 4. Thành phần phụ chú | **d.** Dùng để tạo lập hoặc để duy trì quan hệ giao tiếp |

**2.**Điền vào dấu... từ thích hợp để hoàn thành khái niệm sau về khởi ngữ:

*Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước...để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.*

**a.** Chủ ngữ

**b.** Vị ngữ

**c.** Trạng ngữ

**3.**Lựa chọn trong các từ dưới đây, từ nào thể hiện mức độ tin cậy cao nhất để hoàn thiện câu sau:

*“Với lòng mong nhớ của anh, ...anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh”* (Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng)

**a.** Có lẽ **b.** Dường như

**c.** Chắc chắn **d.** Chắc là

**4.**Hai câu văn sau sử dụng phép liên kết nào?

*Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu.* (Vũ Khoan – Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)

**a.** Phép lặp từ ngữ **b.** Phép nối

**c.** Phép liên tưởng **d.** Phép thế

**5.**Hàm ý trong câu: *“Mẹ mình đang đợi ở nhà”* – con bảo – *“Làm sao có thể rời mẹ mà đến được”* (Mây và sóng – R.Ta – go) là:

**a.** Từ chối lời mời  **b.** Đồng ý

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(5đ) Viết một đoạn văn từ 5 - 7 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau, trong đó có sử dụng thành phần tình thái và thành phần phụ chú:

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả và trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

**2.**(2đ) Em hiểu nghĩa tường minh và hàm ý của câu ca dao sau như thế nào?

*Bao giờ chạch đẻ ngọn đa*

*Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.*

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 - c; 2 – a; 3 – d; 4 - b | a | c | d | a |

**II. Phần tự luận**

**1.**

HS viết đoạn văn từ 5 – 7 câu nêu cảm nhận về khổ thơ đầu bài Sang thu, trong đó có sử dụng thành phần tình thái và thành phần phụ chú. (1đ)

   Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

      + *Bỗng nhận ra* => sự bất ngờ, sửng sốt, chưa được báo trước. (1đ)

      + *Hương ổi phả* (động từ mạnh) vào trong gió se, sương giăng mắc ngoài ngõ..là những dấu hiệu đặc trưng báo hiệu khoảnh khắc giao mùa, rằng thu đã về! (1đ)

      + *Hình như* thành phần tình thái diễn tả tâm trạng còn chưa chắc chắc. Tâm hồn thi sĩ có sự cảm nhận thật tinh tế. (1đ)

→ Cảm nhận tinh tế của tác giả trước sự biến đổi của đất trời trong khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu. (1đ)

**2.**

   - Nghĩa tường minh: Bao giờ con chạch đẻ ở trên ngọn cây đa và con sáo đẻ dưới nước thì nhân vật *“ta”* lấy *“mình”*. (1đ)

   - Hàm ý: lời **từ chối** đi đến hôn nhân của nhân vật vì tất cả nội dung câu nói đều không thể xảy ra (chạch sống dưới nước, không thể đẻ con trên ngọn đa; sáo là loài chim, không xuống nước đẻ trứng). (1đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Câu: *“Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang”* sử dụng phép liên kết nào?

**a.** Phép nối **b.** Phép thế

**c.** Phép lặp **d.** Phép đồng nghĩa, trái nghĩa

**2.**Trong các thành phần sau, đâu không phải là thành phần biệt lập

**a.** Thành phần tình thái **b.** Thành phần cảm thán

**c.** Thành phần trạng ngữ **d.** Thành phần phụ chú

**3.**Thành phần in đậm trong câu: *“****Làm khí tượng****, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ”* đóng vai trò là:

**a.** Chủ ngữ **b.** Khởi ngữ

**c.** Vị ngữ **d.** Trạng ngữ

**4.**Trong các câu dưới đây, câu nào **không có** hàm ý:

**a.** Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba đây rồi mình nhỉ

**b.** Tôi không phải là cái kho

**c.** Chẳng ai biết lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy

**d.** Ồ, việc quan chứ không phải như chuyện đàn bà của các chị

**5.**Từ in đậm trong câu: *“Trong những hành trang ấy,****có lẽ****sự chuẩn bi bản thân con người là quan trọng nhất”* là thành phần gì?

**a.** Thành phần trạng ngữ **b.** Thành phần tình thái

**c.** Thành phần phụ chú **d.** Thành phần cảm thán

**6.**Trong các câu dưới đây, câu nào có chứa thành phần khởi ngữ:

**a.** Tôi là con gái Hà Nội

**b.** Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm”

**c.** Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương

**d.** Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(3đ) Viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng các phương thức liên kết câu. Chỉ ra phương thức liên kết được sử dụng trong đoạn văn đó và hiệu quả của phương tiện liên kết đó đối với đoạn văn em vừa tạo lập.

**2.**(2đ) Câu thơ sau sử dụng thành phần biệt lập nào? Em hãy phân tích hiệu quả của việc sử dụng thành phần biệt lập đó:

*“Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”*

**3.**(2đ) Gạch chân dưới thành phần khởi ngữ được sử dụng trong các câu sau:

**a.** Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức. ( Kim Lân – Làng)

**b.** Tôi thì tôi xin chịu (Nam Cao)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| a | c | b | c | b | b |

**II. Phần tự luận**

**1.**

   - Đoạn văn đảm bảo nội dung trọn vẹn, đúng hình thức lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu câu. (0.5đ)

   - Đoạn văn có sử dụng phương thức liên kết. (1đ)

   - HS chỉ ra được phương thức liên kết (0.75đ)

   - HS phân tích được hiệu quả của phương thức liên kết có trong đoạn văn. (0.75đ)

**2.**

   - Câu thơ sử dụng thành phần tình thái: *Hình như* (1đ)

   - Sự cảm nhận chưa dứt khoát, chưa chắc chắn về mùa thu của tác giả. Câu thơ diễn tả sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên, thầm hỏi đầy bối rối, mơ hồ của Hữu Thỉnh. Tâm hồn thi sĩ thật tinh tế và nhạy cảm biết chừng nào! (1đ)

**3.**

**a.** Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. *Điều này* ông khổ tâm hết sức. ( Kim Lân – Làng) (1đ)

**b.** *Tôi* thì tôi xin chịu (Nam Cao) (1đ)

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Thành phần in đậm trong câu: *“Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm.****Điều này****ông khổ tâm hết sức”* đóng vai trò là:

**a.** Trạng ngữ **b.** Chủ ngữ

**c.** Vị ngữ **d.** Khởi ngữ

**2.**Thành phần biệt lập trong câu: *“Thôi nào – bác nói – đừng buồn nữa, cháu ơi, và về nhà với mẹ cháu với bác đi”* ( Bố của Xi – mông, G. Mô – pa – xăng) thuộc loại nào?

**a.** Thành phần gọi đáp **b.** Thành phần phụ chú

**c.** Thành phần tình thái **d.** Thành phần cảm thán

**3.**Hai câu thơ sau sử dụng phép liên kết gì?

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

**a.** Phép thế **b.** Phép lặp

**c.** Phép nối **d.** Phép liên tưởng

**4.**Câu văn: *“Dạ, con cũng thấy như hôm qua…”* sử dụng thành phần biệt lập nào?

**a.** Thành phần gọi đáp **b.** Thành phần phụ chú

**c.** Thành phần cảm thán **d.** Thành phần tình thái

**5.**Hàm ý của câu nói: *“Có lẽ hôm nay đã là mùng hai, mùng ba tây rồi mình nhỉ”*là:

**a.** Hỏi về thời gian **b.** Nhắc khéo chồng về việc đi nhận tiền

**6.**Trong các câu sau, câu nào có khởi ngữ:

**a.** Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường

**b.** Đơn vị chăm chúng tôi ra trò

**c.** Đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn

**d.** Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(2đ) Phân tích phép liên kết về hình thức trong đoạn văn sau:

*Từ đó, oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị thần nước đánh mệt mỏi, chán chê vẫn không thắng nổi thần núi để cưới Mị Nương, đành rút quân.* (Huỳnh Lý)

**2.**(3đ) Chỉ ra các thành phần biệt lập được sử dụng trong các câu sau:

**a.** Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi).

**b.** Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.

**c.** Ôi những cánh đồng quê chảy máu/ Dây thép gai đâm nát trời chiều.

**3.**(2đ) Em hãy viết các câu trả lời có hàm ý cho câu hỏi: *“Cậu có thích truyện Những ngôi sao xa xôi không?”*

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| d | b | b | a | b | d |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Phép liên kết trong đoạn văn đó là:

   - Phép thế:

      + Thủy Tinh - vị thần nước (0.5đ)

      + Sơn Tinh - thần núi (0.5đ)

   - Phép nối: Nhưng năm nào cũng vậy (1đ)

**2.**

   - Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi).

→ Thành phần phụ chú (*thương thương quá đi thôi*). (1đ)

   - Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.

→ Thành phần tình thái: có lẽ (1đ)

   - Ôi những cánh đồng quê chảy máu/ Dây thép gai đâm nát trời chiều.

→ Thành phần cảm thán: ôi (1đ)

**3.**

Các câu trả lời có hàm ý cho câu hỏi đó:

   - Ai mà chẳng thích

→ Tôi cũng thích

   - Xưa rồi diễm!

→ Không thích

### Đề kiểm tra 1 tiết Tiếng Việt lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Các câu sau sử dụng phép liên kết nào?

*“Trăng là cái liềm vàng giữa đống sao. Trăng là cái đĩa bạc giữa tấm thảm nhung da trời”* (Nam Cao)

**a.** Phép thế, phép lặp **b.** Phép lặp, phép liên tưởng

**c.** Phép liên tưởng, phép nối **d.** Phép nối, phép thế

**2.**Thành phần in đậm trong câu: *“Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm”* là thành phần biệt lập nào?

**a.** Thành phần tình thái **b.** Thành phần cảm thán

**c.** Thành phần phụ chú **d.** Thành phần gọi – đáp

**3.**Trong các câu sau, câu nào **không** chứa khởi ngữ:

**a.** Giàu, tôi cũng giàu rồi

**b.** Về các môn tự nhiên, Nam là người học rất giỏi

**c.** Hiểu thì tôi hiểu rồi, nhưng giải thì tôi chưa giải được

**d.** Tôi không đi Hà Nội vào ngày mai

**4.**Câu nào dưới đây có chứa hàm ý?

**a.** Thôi u không ăn, để phần cho con **b.** Còn chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi

**c.** U không muốn ăn tranh của con **d.** Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u

**5.**Câu thơ: *Tất cả như hối hả/ Tất cả như xôn xao* sử dụng phép liên kết:

**a.** Phép lặp **b.** Phép thế

**c.** Phép nối **d.** Phép liên tưởng

**6.**Thành phần in đậm trong câu: *“****Thưa ông****, chúng cháu ở Lào Cai lên đấy ạ”* là thành phần:

**a.** Thành phần tình thái **b.** Thành phần goi – đáp

**c.** Thành phần cảm thán **d.** Thành phần phụ chú

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**(4đ) Xác định các thành phần biệt lập trong câu sau:

**a.** Bác sĩ ơi! Đã có ánh sáng rồi! Mời bác sĩ sang xem.

**b.** Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích

**c.** Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu

**d.** Mùa đông năm nay chắc lạnh hơn mùa đông năm trước

**2.**(3đ) Em hãy viết một đoạn văn từ 5 – 7 câu phân tích ý nghĩa nhan đề bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, trong đó có sử dụng các phép liên kết: lặp, nối.

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| b | c | d | b | a | b |

**II. Phần tự luận**

**1.**

**a.** Bác sĩ ơi! Đã có ánh sáng rồi! Mời bác sĩ sang xem.

   → Thành phần gọi – đáp: Bác sĩ ơi! (1đ)

**b.** Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích

   → Thành phần phụ chú (có ai ngờ) (1đ)

**c.** Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu

   → Thành phần cảm thán: than ôi! (1đ)

**d.** Mùa đông năm nay chắc lạnh hơn mùa đông năm trước

   → Thành phần tình thái: chắc (1đ)

**2.**

HS viết được đoạn văn chỉ ra được ý nghĩa nhan đề Mùa xuân nho nhỏ: (2đ)

   - Biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của cuộc đời mỗi con người

   - Sự thống nhất giữa cái riêng với cái chung, giữa cái tôi cá nhân với cái ta cộng đồng

   - Nguyện ước muốn làm một mùa xuân cống hiến những gì tươi đẹp nhất cho cuộc đời, cho đất nước một cách khiêm nhường và lặng lẽ.

Đoạn văn có sử dụng phép liên kết lặp, nối. ( 1đ)

### Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**Đề bài:**Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về câu nói của tổng thống Mĩ A.Lin – côn viết gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình: *“Xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi”*

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu, trích dẫn câu nói của tổng thống Mĩ A. Lin – côn viết gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình: *“Xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi”*.

   - Câu nói bàn về đức tính trung thực trong thi cử nói riêng và trong cuộc sống của mỗi người nói chung.

**b. Thân bài (9đ)**

**- Giải thích nội dung câu nói** (2đ):

      + A. Lin – côn nhắn nhủ: *“biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi”*tức đề cao sự cần thiết và vai trò của đức tính trung thực trong thi cử. Chấp nhận thi rớt, trung thực trong thi cử còn vinh dự hơn sự gian lận mà đạt kết quả cao.

      + Thực chất câu nói nhằm khẳng định đức tính trung thực của con người.

**- Phân tích – chứng minh (5đ):**

      + Lời nhắn nhủ của vị tổng thống với thầy giáo để thầy dạy dỗ con mình đồng thời cũng là lời khuyên nhủ tới mọi người. Phải trung thực: cả trong thi cử lẫn ngoài cuộc sống.

      + Trung thực là: ngay thẳng, thật thà, tôn trọng và sống đúng với sự thật, biết nhận lỗi khi mắc khuyết điểm. Người sống trung thực luôn sống tuân theo các chuẩn mực đạo đức mà xã hội đề ra.

      + Biểu hiện của trung thực: dám nhận khuyết điểm của bản thân, sống đúng theo lẽ phải, không bao che cho những hành động sai trái, đi ngược lại truyền thống đạo lí của dân tộc. Người sống trung thực luôn được mọi người yêu mến, tin tưởng.

      + Trong thi cử: Trung thực là làm bài bằng tất cả khả năng mình có, không dựa vào ai hay bất cứ điều gì khác hỗ trợ ngoài thực lực bản thân.

Ngược lại với trung thực là gian lận khi thi. Gian lận là: quay cóp, mang tài liệu vào phòng thi, nhờ người thi hộ...Dù thi đạt kết quả cao nhưng không phải bằng thực lực bản thân.

→ Chấp nhận thi rớt là biểu hiện của đức tính trung thực.Việc thi rớt nhưng trung thực với kết quả, việc làm của chính mình còn vinh dự hơn đi đỗ bằng sự gian lận, dối trá.

      + Trong cuộc sống: Người trung thực luôn thành thực với mình và với người khác. Đây là phẩm chất nền tảng hình thành nên nhân cách của con người, là cơ sở để con người đặt niềm tin vào nhau để xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Trung thực đem lại cho con người sự thoải mái, tránh âu lo.

Ngược lại với trung thực là gian dối. Người gian dối, thiếu trung thực hay làm viêc khuất tất, sống dè chừng, nghi kị, toan tính, sợ bị phát hiện.

      + Lấy ví dụ về sống trung thực trong đời sống và thi cử để thấy lợi ích của nó.

**- Bàn luận (2đ):**

      + Câu nói hoàn toàn đúng đắn, khẳng định tầm quan trọng của trung thực trong cuộc sống mỗi con người.

      + Với tư cách là một phẩm chất đạo đức, người sống trung thực là người có đạo đức và ngược lại. Xã hội sẽ ra sao nếu con người sống mưu toan, vi kỉ, không tin tưởng mà hoài nghi lẫn nhau?

      + Liên hệ bản thân và bài học nhận thức: phải sống ngay thẳng, trung thực, không thẹn với lòng mình; tu dưỡng đức tính trung thực, đấu tranh chống những biểu hiện gian lận tiêu cực trong thi cử cũng như cuôc sống...

**c. Kết bài (0.5đ)**

   Khẳng định lại ý nghĩa câu nói.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**Đề bài:**Viết một bài văn nêu suy nghĩ của em về tình trạng bạo lực gia đình.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tình trạng bạo lực gia đình – thực trạng, nguyên nhân, hệ quả và giải pháp phòng tránh.

**b. Thân bài (9đ)**

**- Giải thích (2đ):**

      + Bạo lực gia đình là: hành vi cố ý của các thành viên trong gia đình nhằm đe dọa, gây tổn hại đến sức khỏe, tâm lí, đời sống của các thành viên khác.

      + Bạo lực gia đình là một dạng thức của bạo lực xã hội.

**- Phân tích – chứng minh (5đ):**

→ **Các loại bạo lực gia đình:**

      + Bạo lực về mặt thể xác: dùng vũ lực tác động làm tổn hại đến sức khỏe của người khác.

      + Bạo lực về mặt tinh thần: dùng lời lẽ xỉ vả, mắng nhiếc... trong một thời gian dài.

      + Bạo lực xã hội: không cho tiếp xúc với bạn bè, người thân, cộng dồng.

      + Bạo lực tình dục: loạn luận, cưỡng ép tình dục trong quan hệ vợ chồng...

→ **Thực trạng của bạo lực gia đình:**(Ảnh chụp số liệu thống kê trên trang wikipedia)

→ **Nguyên nhân của bạo lực gia đình:** cả chủ quan lẫn khách quan:

      + Do tệ nạn xã hội: rượu chè, cờ bạc, nghiện hút (Say rượu, cờ bạc thua, thiếu tiền hút chích...) về nhà trút giận lên người thân.

      + Do kinh tế khó khăn, trình độ dân trí thấp (trọng nam khinh nữ, bất bình đẳng giới, .

      + Người trong cuộc bao che, ngần ngại, không tố cáo, để hành vi bạo lực đó vẫn tiếp tục tiếp diễn.

...

→ **Hệ quả của bạo lực gia đình:**

      + Tổn thương về thể xác lẫn tinh thần, nhất là đối tượng trẻ nhỏ bị bạo hành thể xác bị ảnh hưởng tâm lí nặng nề.

      + Thiệt hại kinh tế.

      + Đi ngược lại truyền thống gia đình tốt đẹp của dân tộc.

      + Vi phạm nghiêm trọng các quyền của con người: quyền tự do thân thể và bất khả xâm phạm thân thể.

→ **Giải pháp phòng chống bạo lực gia đình:**

      + Tuyên truyền, giáo dục nhận thức người dân về tác hại nghiêm trọng của bạo lực gia đình đến đời sống vật chất – tinh thần của mỗi con người.

      + Kịp thời nắm bắt những hoàn cảnh gia đình xảy ra bạo lực để có hướng hòa giải/ ngăn chặn.

      + Chế tài xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm.

**- Bình luận (2đ):**

      + Bạo lực gia đình là hiện tượng xấu, cần loại bỏ để xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

      + Bài học cho bản thân em, nhận thức hành động: ngăn chặn bạo lực từ chính ngôi nhà của mình, tuyên truyền với mọi người về nguyên nhân, tác hại...

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Khẳng định lại vấn đề. Xã hội cần chung tay đẩy lùi bạo lực gia đình.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**Đề bài:**Hiện nay, tình cảm khác giới nảy nở sớm trong độ tuổi học sinh đã trở thành hiện tượng phổ biến. Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của mình về tình yêu tuổi học trò.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận xã hội. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: tình yêu tuổi học trò – những rung động đầu đời tự nhiên, trong sáng nhưng đồng thời cũng làm đau đầu không ít các bậc phụ huynh. Vậy đó là tình cảm như thế nào? Làm thế nào để giúp người trong cuộc xử lí những rung động đầu đời một cách chủ động và không ảnh hưởng đến học tập cũng như tương lai của bản thân?

**b. Thân bài (9đ)**

**- Thế nào là tình yêu tuổi học trò** (2đ):

      + Tình yêu là sự rung động trái tim giữa 2 người khác giới. Đồng hành cùng với nó là sự quan tâm, sẻ chia, yêu thương, đồng cảm và bao dung...

      + Tuổi học trò là lứa tuổi hồn nhiên, vô tư, không toan tính của những bạn trong độ tuổi đi học (từ 6 đến dưới độ tuổi 18).

→ Tình yêu tuổi học trò là những rung động đầu đời trong sáng, vô tư, không vụ lợi của cả nam và nữ dưới 18 tuổi.

**- Phân tích** (5đ):

      + Tình yêu học trò là tình cảm trong trẻo, vô tư và hồn nhiên nhất của cuộc đời.

      + Là những rung động của tuổi mới lớn – độ tuổi chưa được trang bị đầy đủ về kinh nghiệm sống, tri thức về giới tính, tình dục, hôn nhân. Vì vậy vấn đề đặt ra là lợi ích – hệ quả của tình yêu tuổi học đường là gì?

→ Lợi ích: Tình yêu học trò – vì yêu mà cố gắng học tập, nỗ lực hoàn thiện bản thân để trở nên hoàn hảo hơn trong mắt người kia.

→ Hệ quả của tình yêu học trò khi không được trang bị đầy đủ tri thức về giới tính, tình dục an toàn: dễ nhầm lẫn với các tình cảm khác (sự ngưỡng mộ, biết ơn...), sa sút học tập, mang thai ngoài ý muốn, nhiều trường hợp quẫn trí tự tử.

**- Giải pháp:** Vai trò của người lớn – làm thế nào để có tình yêu tuổi học trò trong sáng, lành mạnh.

      + Khi học sinh đang trong giai đoạn tìm hiểu hay rung động, người lớn (cha mẹ, thầy cô) sẽ là người cố vấn giúp các em có định hướng hành động đúng đắn. Tôn trọng, quan tâm tới các mối quan hệ của con cái; chú ý những biểu hiện lạ trong cảm xúc, hành động của con; làm bạn để cùng trò chuyện và hiểu con hơn; lắng nghe tâm sự của con để giúp con biết việc gì nên hay không nên trong mối quan hệ đó. Người lớn cần trang bị cho con cái kiến thức về giới tính và tình dục một cách đầy đủ và thắng thắn, tránh để lại những hậu quả đáng tiếc về sau.

      + Tổ chức các buổi tọa đàm nói chuyện trong nhà trường/ lớp học ở những giờ hoạt động ngoại khóa bàn về tình yêu học đường để HS nhận thức được hệ quả/ cách xử lí hợp tình hợp lí nhất.

**- Bàn luận** (2đ):

      + Tình yêu học trò là những rung động hết sức tự nhiên, chân thành, không nên và không thể cấm đoán.

      + Điều quan trọng là trang bị tất cả kiến thức cần thiết liên quan để cho tình cảm ấy trong sáng, lành mạnh; không áp đặt hay thiếu tôn trọng tình cảm của trẻ ở lứa tuổi này.

      + Bài học nhận thức và hành động: trang bị kiến thức về tình yêu lành mạnh, tình dục an toàn, tình yêu là động lực cùng cố gắng học tập tốt hơn.

**c. Kết bài (0.5d)**

   - Khẳng định lại vấn đề.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 4 lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**Đề bài:**Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nghiện internet của giới trẻ ngày nay.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng nghiện internet của giới trẻ ngày nay. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. HS có thể lựa chọn những đồ dùng khác nhau như phấn, bảng, bút...Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng nghiện internet của giới trẻ ngày nay – thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và hướng giải quyết.

**b. Thân bài (9đ)**

**- Giải thích nghiện internet là gì? (2đ):**

      + Là hiện tượng phổ biến, đáng báo động của giới trẻ ngày nay.

      + Nghiện là sự lặp lại liên tục của một hành vi bất chấp hậu quả xấu hoặc sự rối loạn thần kinh để dẫn đến những hành vi như vậy. Nghiện internet là việc dành phần lớn thời gian để dùng internet đến mức không thể kiểm soát, tách rời hay sống thiếu nó được.

**- Phân tích – chứng minh (5d):**

**Biểu hiện:**

      + Thờ ơ với mọi thứ xung quanh, chỉ tập trung vào internet thời gian dài và liên tục.

      + Bần thần, thẫn thờ nếu không được sử dụng internet.

      + Sống không giao lưu với ai ngoài các thiết bị internet, xa cách cộng đồng.

**Thực trạng:**

      + Công nghệ thông tin phát triển, thiết bị ngày càng được trang bị hiện đại, các quán net mọc lên như nấm, phục vụ 24/24.

      + Các trò chơi trên internet được sáng tạo ra ngày một nhiều hơn.

      + Số lượng người thường xuyên sử dụng internet vào mục đích giải trí đến mức say mê ngày một nhiều.

**Nguyên nhân:**

      + Thời đại công nghệ số, khoa học máy tính phát triển ở mức độ cao, nhiều trò chơi được tạo ra trên internet có sức hấp dẫn mạnh mẽ.

      + Cha mẹ buông lỏng quản lí con cái, không quan tâm đến con, để chúng làm theo ý thích.

      + Lối sống buông thả, ham chơi của một bộ phận giới trẻ.

**Hệ quả:**

      + Theo một nghiên cứu cho rằng 45% stress là do ngồi trước màn hình máy tính quá lâu. Không chỉ bị căng thẳng, người dùng còn có một số triệu chứng khác như trầm cảm, tự kỉ...

      + Tốn thời gian, tiền bạc.

      + Ảnh hưởng đến công việc, học tập.

      + Sống ảo, thờ ơ với cuộc sống thực tại.

**Giải pháp:**

      + Tuyên truyền về sử dụng internet một cách khoa học.

      + Thắt chặt quản lí đối với các quán game online phục vụ 24/24.

      + Mở ra nhiều sân chơi bổ ích cho giới trẻ tham gia thay vì ngồi trước màn hình máy tính.

**- Bình luận (2đ):**

      + Nghiện internet là thói quen xấu, cần loại bỏ.

      + Bài học nhận thức và hành động: chú tâm vào học tập, tham gia các câu lạc bộ/ hoạt động bổ ích cho sức khỏe; tuyên truyền với các bạn về tác hại của nghiện internet...

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Khẳng định lại vấn đề: mọi người cần chung tay đẩy lùi hiên tượng nghiện internet, dành thời gian cho gia đình, công việc...

### Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**Đề bài:**Hãy phân tích giá trị nhân đạo của *“Chuyện người con gái Nam Xương”* (Trích Truyền kì mạn lục) của Nguyễn Dữ.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. yêu cầu viết văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

   - Chuyện người con gái Nam Xương thấm đẫm giá trị nhân đạo sâu sắc, thể hiện qua số phận cuộc đời của nhân vật Vũ Nương.

**b. Thân bài (9đ)**

**- Ca ngợi phẩm chất cao quý của người phụ nữ** (5đ)

      + Vũ Nương là con nhà nghèo khó. Nàng hội tụ đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ: đảm đang, tháo vát, thủy chung, giàu tình nghĩa.

      + Là người con gái hoàn mĩ, đẹp người đẹp nết.

      + Là người vợ thủy chung, luôn có khát vọng hạnh phúc, yêu chồng tha thiết, không màng công danh phú quý, chỉ mong chồng bình an trở về.

      + Là người con dâu hiếu thảo: thay chồng chăm sóc mẹ tận tình, chu đáo từ lúc mẹ chồng ốm đến khi mất.

      + Người yêu con tha thiết, dạy dỗ con chu đáo.

      + Là người trọng danh dự: Khi bị nghi oan, nàng tìm mọi cách thanh minh, cuối cùng tìm đến cái chết để chứng minh mình trong sạch.

**- Bi kịch bi vùi dập (1đ)**: chồng hiểu lầm, không nghe giải thích mà vội vàng kết luận nàng là người không đoan chính. Quá đau xót, nàng tự vẫn.

**- Tâm hồn sáng trong như ngọc** (2đ):

      + Nguyễn Dữ không để nàng chết oan khuất mà giải oan cho nàng ở chốn thủy cung thông qua chi tiết kì ảo. Cái chết oan khuất của nàng đã làm cảm động cả thần linh: nàng được Linh Phi cứu vớt và cho ở lại Long Cung.

      + Chồng nàng nhờ nói chuyện với con mà vỡ lẽ rằng hiểu lầm dẫn đến cái chết oan của vợ nên lập đàn giải oan cho nàng.

      + Hình ảnh nàng trở về khi chồng lập đàn giải oan “ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến hơn năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông” như một sự đền bù, an ủi cho số phận bất hạnh của nàng trên dương thế.

**- Xót thương cho số phận bất hạnh của nhân vật, đồng thời lên án những thế lực chà đạp cuộc sống, khát vọng hạnh phúc của con người. (1đ)**

      + Đó là chiến tranh phi nghĩa cướp đi mái ấm của nàng, dẫn đến cảnh chia lìa, tang tóc.

      + Chế độ nam quyền đầy bất công, người chồng ghen tuông mù quáng.

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Chuyện người con gái Nam Xương giàu tính nhân văn.

   - Tiêu biểu cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**Đề bài:**Cảm nhận của em về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần, hành văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật.

   - Câu chuyện hấp dẫn người đọc bởi tình cảm cha con đầy thấm thía và cảm động. **b. Thân bài (9đ)**

**- Hoàn cảnh (1đ)**: Ông Sáu thời trẻ tham gia kháng chiến chống Pháp, để lại vợ và con nhỏ mới một tuổi là bé Thu. Tám năm sau, trong một lần công tác bí mật, tổ chức dàn xếp cho ông về thăm con. Trước đó, hai cha con ông chỉ nhìn thấy nhau thông qua những bức ảnh.

**- Tâm trạng bé thu khi lần đầu nhìn thấy ba (2đ):**

      + Thấy người nhận là ba mình không giống với người trong bức ảnh.

→ Ngạc nhiên, sợ hãi, ngờ vực, không tin, lảng tránh, lạnh nhạt, không chấp nhận được sự thật.

      + Hành động: hốt hoảng, mặt tái đi, chạy vụt vào trong nhà gọi má.

→ Ngây thơ, hồn nhiên, chân thực.

**- Tâm trạng, cảm xúc của bé Thu trong những ngày ông Sáu ở nhà (3đ)**:

      + Chỉ gọi trống không.

      + Nhất định không chịu nhờ ông chắt nồi nước cơm đang sôi.

      + Hất cái trứng cá mà ông gắp cho.

      + Bị ông Sáu tức giận đánh cho một cái thì bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuồng còn cố ý khua dây cột xuồng thật to.

→ Ngang ngạng, ương bướng.

→ Là nét tâm lí hoàn toàn dễ hiểu, tự nhiên (chỉ nhìn thấy ba trong bức ảnh, bức ảnh đó ông Sáu không có vết sẹo trên mặt như bây giờ). Em còn quá nhỏ để hiểu hết được sự khắc nghiệt của chiến tranh. Em cũng chưa sẵn sàng chuẩn bị tâm lí đón nhận.

→ Cá tính mạnh mẽ, quyết đoán đầy kiêu hãnh của trẻ thơ. Tình cảm sâu sắc, chỉ yêu ba khi tin chắc đó là ba mình.

**- Tâm trạng của bé Thu khi nhận ba (2đ)**:

      + Trong buổi sáng trước khi ông Sáu lên đường, thái độ và tâm trạng của em thay đổi hoàn toàn.

      + Lần đầu tiên em cất tiếng gọi ba – tiếng kêu thất thanh nghe xé lòng. Khi bỏ về nhà ngoại, em được nghe ngoại kể vì sao ba em có vết sẹo đó, tâm trạng em đầy ăn năn và hối hận (nằm im nghe bà kể…)

→ Giờ phút chia tay, tình cảm nhớ mong dồn nén bao lâu về ba bùng lên mạnh mẽ. em hối hả, cuống quýt và cả hối hận vì bấy lâu không nhận ra ba. Phút chia tay hiện lên thật cảm động.

**- Cảm nhận chung về nhân vật (1đ)**:Tính cách bé Thu hồn nhiên, ngây thơ, rạch ròi về tình cảm, cứng cỏi đến ương ngạnh, yêu ba tha thiết.

→ Tác giả am hiểu tâm lí trẻ em và diễn tả một cách chân thực, sinh động.

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Khẳng định sự thành công của tác giả trong xây dựng nhân vật và tình cảm của em với nhân vật đó.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**Đề bài:** Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai (Làng – Kim Lân) từ lúc nghe tin làng mình theo giặc đến hết truyện. Cảm nhận của em về nét nổi bật trong tính cách của nhân vật đó.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần, hành văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu truyện ngắn Làng và nhân vật ông Hai: nhân vật chính của tác phẩm, kết tinh lòng yêu làng, yêu nước sâu sắc.

**b. Thân bài (9đ)**

   - Tình huống truyện độc đáo thể hiện lòng yêu làng của nhân vật: Ông Hai nghe tin làng mình theo giặc. (1đ)

   - Diễn biến tâm trạng từ lúc nghe tin (6đ):

      + Sự xung đột trong nội tâm nhân vật: rất yêu làng nhưng nghe tin làng theo giặc, ông hết sức bất ngờ *“Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây thì phải thù”*.

→ Tình yêu nước vượt lên trên tình yêu làng quê.

Mặc dù vậy, vì yêu làng nên ông càng day dứt, tủi hổ, không thể dứt bỏ tình cảm với làng được.

      + Bị đẩy vào tình huống bế tắc khi bị mụ chủ nhà đuổi đi. Mâu thuẫn nội tâm nhân vật và những giằng xé, bế tắc đòi hỏi cần được giải quyết.

      + Trút lòng tâm sự với đứa con nhỏ. Đoạn văn diễn tả cảm động nỗi lòng của ông Hai với cách mạng, với kháng chiến, đất nước, quê hương... Thực chất ở lời tâm sự đó là lời tự nhủ với mình, giãi bày nỗi lòng mình:

   • Ông yêu làng tha thiết.

   • Thủy chung với cách mang, với kháng chiến mà biểu tượng là Cụ Hồ. tình cảm ấy bền chặt, thiêng liêng

      + Khi làng được minh oan, tin về làng ông được ông chủ tịch cải chính: ông vui mừng, hớn hở: *“Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt nhẵn”*.

   - Nét nổi bật trong tính cách nhân vật chính là tình yêu làng, yêu quê hương đất nước. (1đ)

→ Tác giả rất thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật, đặt nhân vật vào thử thách để bộc lộ chiều sâu tâm trạng. (0.5đ)

→ Am hiểu tâm lí con người, nhất là người nông dân. (0.5đ)

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Khẳng định lại sự thành công của tác giả trong xây dựng nhân vật.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 5 lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**Đề bài:**Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần, hành văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa và nhân vật anh thanh niên.

   - Câu chuyện ngợi ca những con người lao động làm công tác khí tượng và thế giới những con người như anh.

**b. Thân bài (9đ)**

   - Là nhân vật chính của truyện. Nhân vật không xuất hiện từ đầu truyện mà chỉ xuất hiện trong cuộc gặp gỡ chốc lát giữa các nhân vật kia với anh, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Dù chỉ trong thoáng chốc nhưng cũng đủ để mọi người trong đoàn và kể cả độc giả có những hình dung trọn vẹn về anh. (1đ)

   - Hoàn cảnh sống và làm việc (3đ):

      + Anh làm việc một mình trên đỉnh núi cao, quanh năm suốt tháng giữa bạt ngàn mây núi Sa P**a.** Anh được nhận xét là người *“cô độc nhất thế gian”*, đến nỗi phải *“ thèm người”*, anh thèm nói chuyện với người khác, có khi còn để cây ngang đường để có thể gặp người nói chuyện với người khác.

      + Tác giả miêu tả anh ta sống trong căn nhà nhỏ, đơn giản, đồ đạc không có gì giá trị. Cuộc đời anh thanh niên chỉ có chiếc giường con, chiếc bàn học, giá sách. Anh sống một mình nhưng không bừa bộn, cẩu thả mà ngăn nắp, cẩn thận.

      + Anh là làm đẹp nơi mình bằng cách trồng hoa. Không chỉ có thế, anh còn nuôi gà, tự học, tự đọc sách ngoài giờ làm việc.

→ Hoàn cảnh sống thật đặc biệt. Môi trường sống rất cô đơn và vắng vẻ.

      + Công việc: *Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.*

→ Đòi hỏi sự tỉ mẩn, chính xác và tinh thần trách nhiệm cao, bất chấp mọi điều kiện thời tiết.

      + Nét tính cách và phẩm chất: sự cởi mở, chân thành, quý người, khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người; tiếp đón mọi người cẩn thận, chu đáo, thân tình và đầy cảm động, cống hiến thầm lặng. (1đ)

Khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và sự đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh nhiệt thành giới thiệu cho ông những người khác đáng cảm phục hơn nhiều. (1đ)

→ Người có lối suy nghĩ, lối sống và hành động đẹp. (1đ)

→ Người tự giác vượt mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ và sống đẹp, âm thầm cống hiến cho đất nước, đem lại niềm vui cho mọi người. (1đ)

→ Dù sống đơn độc giữa thiên nhiên vắng lặng nhưng vẫn tìm thấy ý nghĩa của công việc và giá trị đích thực trong cuộc sống của chính mình. (1đ)

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Con người hết mình lao động, **cống hiến trong âm thầm** để lại hình ảnh đẹp trong lòng người đọc.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**Đề bài:** Phân tích sự cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh khi đất trời vào thu và những chiêm nghiệm về cuộc đời của nhà thơ qua bài Sang thu.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần, hành văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài** (0.5đ)

   - Giới thiệu bài thơ Sang thu, nêu ý kiến khái quát của mình về sự cảm nhận tinh tế của tác giả khi đất trời có dấu hiệu chuyển mình sang thu và những chiêm nghiệm quý giá của ông về đời người.

**b. Thân bài** (9đ)

**- Phân tích sự cảm nhận tinh tế của tác giả khi đất trời sang thu trong khổ 1, 2 của bài thơ (6đ)**

**Khổ 1: (3đ)**

      + *Bỗng nhận ra* => sự bất ngờ, sửng sốt, chưa được báo trước. Sự bất ngờ đó là cơ duyên nhưng đồng thời cũng là may mắn khi tác giả được trực tiếp ngắm nhìn sự chuyển biến của đất trời giao mùa từ hạ sang thu.

      + Mùi hương đặc biệt báo hiệu mùa thu: hương ổi phả vào trong gió se, sương giăng mắc ngoài ngõ…là những dấu hiệu đặc trưng báo hiệu khoảnh khắc giao mùa, rằng thu đã về!

      + *Phả*: động từ diễn tả sự chủ động tác động của mùa thu vào cảnh vật.

      + *Hình như* diễn tả tâm trạng còn chưa chắc chắc, ngỡ ngàng, chưa thể tin được vì những cảm nhận ở trên còn rất mơ hồ.

→ Tâm hồn thi sĩ có sự cảm nhận thật tinh tế.

**Khổ 2 (3đ)**

      + Cảm nhận về bức tranh mùa thu được miêu tả ở tầm cao, xa. Dòng sông mùa thu cũng trôi chậm rãi, không bị những cơn mưa mùa hạ thúc giục hối hả nữa. Ngược lại là đàn chim hối hả bay về phương Nam chuẩn bị tránh rét. Nghệ thuật đối *“dềnh dàng” >< “hối hả”* => trạng thái chủ động.

      + Đám mây mùa hạ được nhân hóa, diễn tả sự dùng dằng, luyến tiếc, thể hiện sự níu kéo thời gian.

→ Mùa thu đặc trưng của miền Bắc

**- Chiêm nghiệm về cuộc đời của tác giả qua khổ thơ số 3 (3đ)**

**Khổ 3**

      + Những tia nắng hạ vẫn còn, cơn mưa ồ ạt cũng vơi dần đi. Nắng – mưa là hai hình ảnh tương phản chuyển giao của đất trời trước thời khắc giao mùa.

Hai dòng thơ cuối vừa mang nét nghĩa tả thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ:

      + Ý nghĩa tả thực: sấm gắn với cơn mưa mùa hạ cũng đã bớt dần.

      + Ý nghĩa ẩn dụ: Sấm - những gì bất thường dữ dội trong cuộc sống, hàng cây đứng tuổi - người từng trải. Con người từng trải sẽ bình thản hơn, trưởng thành hơn, điềm đạm chín chắn hơn với những bão tố của cuộc đời.

**c. Kết bài** (0.5đ)

   - Cả bài thơ là những cảm nhận đầy tinh tế của tác giả khi đất trời giao mùa. Đồng thời với những suy tư, ông gửi vào trang thơ của mình đầy những trạng thái chiêm nghiệm về nhân sinh.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**Đề bài:**Cảm nhận của em về ước nguyện sống cao đẹp của Thanh Hải qua 2 khổ thơ sau:

    Ta làm con chim hót

    Ta làm một cành hoa

    Ta nhập vào hoà ca

    Một nốt trầm xao xuyến.

    Một mùa xuân nho nhỏ

    Lặng lẽ dâng cho đời

    Dù là tuổi hai mươi

    Dù là khi tóc bạc.

    (*Mùa xuân nho nhỏ*)

**Đáp án và thang điểm**

Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài (0.5đ)**

   - Giới thiệu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, nêu ý kiến khái quát của mình về nội dung của hai khổ thơ: ước nguyện sống cao đẹp: khát vọng được cống hiến cho đất nước của nhà thơ.

**b. Thân bài (9đ)**

   - 2 đoạn thơ thể hiện ước muốn tha thiết, cháy bỏng của tác giả được cống hiến cho đất nước, dân tộc. (0.5đ)

   - Tác giả cảm nhận được mùa xuân của đất trời và chính mùa xuân đang trỗi dậy trong lòng mình – mùa của sức sống tươi trẻ, của sự cống hiến và hi sinh hết mình. (1đ)

   - Những điều nguyện hóa thân của tác giả thật đơn sơ và bình dị, nhỏ nhoi và chân tình: *“con chim hót”, “một nhành hoa”, “một nốt trầm xao xuyến”.* Tác giả mong muốn được trở thành con chim hót vang cùng dàn hòa ca, tô điểm rộn rã cho mùa xuân đất nước; mong được làm một nhành hoa gom hương sắc của mình góp vào sắc chung tươi vui, nhiệt huyết rực rỡ của đất trời tươi đẹp. Bình dị là thế, tác giả mong hòa một nốt trầm, lặng lẽ hiến dâng cho đất nước. (2đ)

→ Ước nguyện giản dị, đơn sơ, cao đẹp. (0.5đ)

   - Từ đại từ *“tôi”* ở đầu bài thơ, đến khổ thơ này đã chuyển thành “ta”, thể hiện sự khao khát hòa mình vào bản nhạc chung của mọi người, của đất trời của tác giả. (1đ)

   - Nghệ thuật lặp *“Ta làm”* vừa như lời khẳng định, vừa thể hiện ước muốn thôi thúc khôn nguôi. (1đ)

   - Tác giả nguyện hiến dâng cuộc đời mình cho mùa xuân đất nước, góp mùa xuân nho nhỏ của mình hòa vào mùa xuân lớn lao của dân tộc. Tác giả nguyện sẽ mãi mãi được làm việc, được hi sinh, cống hiến cả tuổi thanh xuân lẫn khi về già, mong ước ấy mãi luôn cháy bỏng. “Dù là” hiện lên như một lời hứa, nguyện hiến dâng suốt đời cho đất nước, mãi làm một mùa xuân nhỏ góp sắc chung vào mùa xuân lớn của đất nước. (2đ)

   - Liên hệ: Được sống trong hòa bình, ta biết trân trọng, biết ơn thành quả của người đi trước đã gây dựng; biết sống có ích, có trách nhiệm với chính mình và với đất nước, quê hương. (1đ)

**c. Kết bài (0.5đ)**

   - Đoạn thơ thể hiên ước muốn cống hiến cao đẹp, đầy chân tình của tác giả.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**Đề bài:**Cảm nhận của em về bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần, hành văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài** (0.5đ)

   - Giới thiệu bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương.

   - Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác khi vào viếng lăng Bác.

**b. Thân bài** (9đ)

   - Bài thơ thể hiện cảm xúc chân thành của tác giả từ khi ngắm nhìn cảnh vật ngoài lăng cho tới khi được vào trong lăng viếng Bác. (0.5đ)

Mỗi khổ thơ như một dòng tâm sự đầy xúc động và thành kính.

- **Khổ 1:**

      + Lời giới thiệu mộc mạc, chân tình của tác giả: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”

→ Xưng con thể hiện tấm lòng đầy trân trọng của tác giả.

→ Miền Nam: vừa báo niềm vui chiến thắng, vừa khơi gợi nỗi niềm. Bắc nam nay đã sum họp một nhà sau đằng đẵng 30 năm dài chia cắt.

→ Thăm: thể hiện sự gần gũi, thân thương.

      + Hình ảnh đầu tiên gây ấn tượng sâu sắc với tác giả chính là cây tre. Hàng tre hiện lên mênh mông qua từ láy “bát ngát”. Biện pháp tu từ nhân hóa giúp cây tre hiện lên sinh động, kiên cường, bất khuất, không chịu cúi đầu.

- **Khổ 2:**

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

      + Câu thơ thể hiện niềm tôn trọng, thành kính của tác giả, cũng như là của dân tộc đối với Bác.

      + Câu thơ có 2 hình ảnh mặt trời: một mặt trời thực tế trong cuộc sống, một mặt trời mang ý nghĩa ẩn dụ.

• Mặt trời thực tế: mặt trời đi qua trên lăng trong câu thơ thứ nhất. Đây là hình ảnh mặt trời tự nhiên, mang ánh sáng, sự sống đến cho muôn loài. Nghệ thuật nhân hóa *“đi”, “thấy”* chan chứa niềm tôn kính.

• Mặt trời trong lăng: hình ảnh ẩn dụ cho Bác Hồ - người mang lại ánh sáng, ấm no, xua tan đêm trường nô lệ cho dân tộc Việt Nam

*Ngày ngày mặt trời đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

      + Điệp từ ngày ngày diễn tả sự lặp đi lặp lại, sự nhớ thương khôn nguôi của mọi người dành cho Bác.

      + Mỗi người một nỗi nhớ thương kết thành một *“tràng hoa”* với lòng thành kính tôn nghiêm dâng lên *“bảy mươi chín mùa xuân”* (Hình ảnh ẩn dụ. 79 năm Bác sống là mấy mươi năm Bác cống hiến cho dân tộc.)

   - **Khổ 3:**

Vào trong lăng, nhìn thấy Bác ngủ bình yên giữa một vùng ánh sáng dịu hiền. *“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”*, tác giả Viễn Phương đã so sánh Bác với *“trời xanh”* vĩnh hẵng, bất biến.

Để những mất mát và đau thương là có thực:“Mà sao nghe nhói ở trong tim”.

   - **Khổ 4:**

      + Dù vẫn ở trong lăng nhưng tác giả đã hình dung cảnh chia lìa, phải xa Bác vào ngày mai để trở về miền Nam. Nghĩ đến đó thôi, Viễn Phương đã không kìm nổi xúc động mà *“thương trào nước mắt”.*

      + Ước nguyện của nhà thơ được mãi mãi ở bên Bác. Tác giả ước muốn hoá thân vào những cảnh vật, sự vật ở bên Bác: muốn làm con chim cất cao tiếng hót, muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây, và nhất là muốn làm cây tre trung hiếu để có thể mãi mãi ở bên Bác.

   - Bài thơ thể hiện giọng điệu sâu lắng, thể thơ tự do (chủ yếu 8 chữ), nhiều hình ảnh thơ độc đáo, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (ẩn dụ, nhân hóa...)

**c. Kết bài** (0.5đ)

   - Khẳng định lại nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

### Đề kiểm tra tập làm văn số 6 lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**Đề bài:**Cảm nhận của em về bài thơ *Nói với con* của Y Phương.

**Đáp án và thang điểm**

Viết bài văn nghị luận văn học. Yêu cầu: biết dùng từ, đặt câu, viết văn lưu loát. Bài văn có đầy đủ kết cấu 3 phần, hành văn lưu loát, sinh động. Về cơ bản, phải nêu được các nội dung sau:

**a. Mở bài** (0.5đ)

   - Giới thiệu bài thơ và nội dung bao trùm của bài: qua lời người cha nói với con, bài thơ gợi về cội nguồn mỗi con người, đồng thời bộc lộ niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ của quê hương mình.

**b. Thân bài** (9đ)

   - Mở đầu bài thơ, tác giả nói về nguồn cội sinh dưỡng của mỗi con người chính là gia đình và quê hương.

      + 4 câu thơ đầu, những bước chân đầu đời con đã biết hướng đến cha mẹ bởi con cảm nhận được tất cả những thương yêu, bao bọc từ những người thân thương đó.

      + *một bước, hai bước* thể hiện sự khôn lớn dần của con theo năm tháng. Đồng hành cùng con luôn có cha mẹ chở che. Con gắn bó mật thiết với gia đình.

→ Con lớn lên bằng tình yêu thương, gắn bó, quấn quýt đầm ấm của gia đình. Đó là cái nôi đầu tiên bao bọc và chở che, nuôi dưỡng tâm hồn và nhân cách của con.(2đ)

   - Khổ tiếp theo, tác giả sử dụng lối nói quê hương, *“người đồng mình”* để thấy được phẩm chất tốt đẹp của những con người miền núi, đồng thời thấy được quê hương cũng chính là cội nguồn nuôi dưỡng mỗi con người.

      + *đan lờ, cài nan hoa, ken câu hát*...những hình ảnh hiện lên thật đẹp và vui tươi. Con người nơi đây gắn bó với xứ xở của mình như máu thịt.

      + *Rừng cho hoa/ Con đường cho những tấm lòng* => quê hương không chỉ có những vẻ đẹp thơ mộng mà còn hun đúc tâm hồn con người.

      + Nơi đó cha mẹ đã cùng con sống những tháng ngày bình yên: Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới/ Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời. => nghĩa tình sâu đậm.

   - Tác giả nhắc nhở con về những phẩm chất cao quý của đồng bào quê hương mình:

      + Dễ thương, giàu tình cảm.

      + Thủy chung, gắn bó với quê hương.

      + Hồn nhiên, mạnh mẽ.

      + Bản lĩnh, bền bỉ

      + Mộc mạc, chân chất mà to lớn, kiêu hãnh

*“người đồng mình”* được lặp lại nhưng không phải *“yêu”* mà là *“thương”*. Thương bởi quê hương còn nghèo khó nhưng cha vẫn dạy con tự hào về truyền thống dân tộc mình và có ý chí mạnh mẽ vươn lên trong cuộc sống.

   - Lấy trắc trở về địa lí *“cao”*, *“xa”* thể hiện những khó khăn còn *“đo”*, *“nuôi”* thể hiện tinh thần lạc quan, khát vọng thành công mai sau, người cha nhắn nhủ con sống sao cho xứng đáng với quê hương mình, phải luôn rèn luyện ý chí, nghị lực một cách đầy tin tưởng.

   - Cha nhắn con sống có ích và không quên nguồn cội *“thô sơ da thịt”>< “chẳng mấy ai nhỏ bé”* toát lên sức mạnh tiềm ẩn của con người miền núi và sức sống bền bỉ của họ. chính những con người ấy – bằng bàn tay và khối óc đã dựng xây quê hương giàu đep với những truyền thống và phong tục tốt đẹp.

   - 4 câu cuối:

      + Lời nói của cha đầy trìu mến và tin tưởng, thôi thúc con đi trên đường đời. (0.5đ)

      + Tuy thô sơ da thịt nhưng không nhỏ bé, “Nghe con” nghe sao trìu mến thân thương. Lời cha thốt lên tự đáy lòng: dù ở bất cứ đâu vẫn không quên nguồn cội, luôn tự hào về truyền thống tốt đẹp, gắn bó với mảnh đất quê hương mình. Đó là nơi mang đậm những đức tính quý báu và tâm hồn cao đẹp. Mong con vượt lên khó khăn, tiếp nối truyền thống để sống có nghĩa, có tình.

**c. Kết bài** (0.5đ)

   - Khẳng định lại giá trị của bài thơ.

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 1)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nối tên tác phẩm ở cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp:

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Bến quê | **a.** Niềm xúc động thành kính của nhà thơ và mọi người đối với Bác khi vào viếng lăng Bác. |
| 2. Viếng lăng Bác | **b.** Thức tỉnh sự trân trọng giá trị của cuộc sống gia đình và những vẻ đẹp bình dị của quê hương. |
| 3. Sang thu | **c.** Tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ nhưng hồn nhiên,lạc quan của các cô gái thanh niên xung phong. |
| 4. Những ngôi sao xa xôi | **d.** Sự chuyển biến của đất trời khi sang thu trong cảm nhận tinh tế của tác giả. |

**2.**Hai câu thơ: *“Tất cả như hối hả/ Tất cả như xôn xao”* sử dụng phép liên kết nào?

**a.** Phép lặp **b.** Phép thế

**c.** Phép nối **d.** Phép đồng nghĩa, trái nghĩa

**3.***“Bài thơ được viết không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước và cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước.”* là nội dung của bài thơ nào?

**a.** Sang thu **b.** Mùa xuân nho nhỏ

**c.** Nói với con **d.** Con cò

**4.**Truyện *“Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê được viết vào thời kì nào?

**a.** Khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang ác liệt . **b.** Khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi

**c.** Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp **d.** Trong giai đoạn xây dựng, đổi mới đất nước

**5.**Phần in đậm trông câu ca dao: *“****Bầu ơi****thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”* là thành phần biệt lập nào?

**a.** Thành phần phụ chú **b.** Thành phần tình thái

**c.** Thành phần gọi – đáp **d.** Thành phần cảm thán

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Đọc câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

**a.** Chép lại chính xác 3 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ. (1đ)

**b.** Câu thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả? Nội dung chính của bài thơ đó là gì? (1đ)

**c.** Viết một đoạn văn ngắn từ 7 – 10 câu nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên, trong đó có sử dụng phương tiện liên kết câu lặp và nối. (3đ)

**2.**Xác định thành phần biệt lập trong các câu sau:

**a.** *Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ.* (Chị Dậu – Ngô Tất Tố)

**b.** *Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này – các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ - gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy.* (giáo dục – chìa khóa tương lai – P. May – o)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1- b, 2 – a,3 - d, 4 - c | a | b | a | c |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Đọc câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

**a.** Chép lại chính xác 3 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ.

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.*(1đ)

**b.** Câu thơ trên được trích từ tác phẩm Viếng lăng Bác của Viễn Phương. Nội dung chính của bài thơ đó là niềm xúc động thành kính của nhà thơ và mọi người đối với Bác khi vào viếng lăng Bác. (1đ)

**c.** Viết một đoạn văn ngắn từ 7 – 10 câu nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên, trong đó có sử dụng phương tiện liên kết câu lặp và nối.

- HS viết được đoạn văn từ 7 – 10 dòng, sử dụng phương tiên liên kết câu lặp và nối. (1đ)

- Lời giới thiệu mộc mạc, chân tình của tác giả: *“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”*

→ Xưng con thể hiện tấm lòng đầy trân trọng của tác giả.

→ Miền Nam: vừa báo niềm vui chiến thắng, vừa khơi gợi nỗi niềm. Bắc nam nay đã sum họp một nhà sau đằng đẵng 30 năm dài chia cắt.

→ Thăm: thể hiện sự gần gũi, thân thương. (1đ)

- Hình ảnh đầu tiên gây ấn tượng sâu sắc với tác giả chính là cây tre. Hàng tre hiện lên mênh mông qua từ láy *“bát ngát”*. Biện pháp tu từ nhân hóa giúp cây tre hiện lên sinh động, kiên cường, bất khuất, không chịu cúi đầu. (1đ)

**2.**

Xác định thành phần biệt lập trong các câu sau:

**a.** *Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ.* (Chị Dậu – Ngô Tất Tố)

→ Thành phần gọi – đáp: này (1đ)

**b.** *Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này – các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ - gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy.* (giáo dục – chìa khóa tương lai – P. May – o)

→ Thành phần phụ chú: các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ. (1đ)

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 2)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Câu thơ: *“Ngày ngày mật trời đi qua trên lăng”* sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**a.** Nhân hóa **b.** So sánh

**c.** Ẩn dụ **d.** Hoán dụ

**2.**Phần in đậm trong câu thơ: *“Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam”* là thành phần gì?

**a.** Thành phần tình thái **b.** Thành phần cảm thán

**c.** Thành phần phụ chú **d.** Thành phần gọi – đáp

**3.**Câu thơ *“Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ.”* được trích từ tác phẩm nào?

**a.** Sang thu **b.** Nói với con

**c.** Mây và sóng **d.** Con cò

**4.**Ý nào dưới đây không phải đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu:

**a.** Lựa chọn ngôi kể ở ngôi thứ nhất

**b.** Sáng tạo trong xây dựng tình huống truyện

**c.** Xây dựng những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng

**d.** Miêu tả tâm lí nhân vật, trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật

**5.***“Trông có vẻ yếu đuối những cũng rất tinh nghịch”* là nét nổi bật trong tính cách của nhân vật nào trong truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê?

**a.** Phương Định

**b.** Chị Thao

**c.** Nho

**6.**Đoạn thơ: *“Mùa xuân người cầm súng/ Lộc giắt đầy trên lưng/ Mùa xuân người ra đồng/ Lộc trải dài nương mạ”* sử dụng phép liên kết nào?

**a.** Phép lặp **b.** Phép nối

**c.** Phép thế **d.** Phép đồng nghĩa, trái nghĩa

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Đọc câu thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

Bỗng nhận ra hương ổi

**a.** Chép lại chính xác 4 câu thơ tiếp theo để hoàn thành khổ thơ. (1đ)

**b.** Câu thơ trên trích từ bài thơ nào? Ai là tác giả? Nội dung chính của bài thơ đó là gì? (1đ)

**c.** Viết một đoạn văn diễn dịch từ 7 – 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên, trong đó có sử dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán. (3đ)

**2.**(2đ) Xác định phép liên kết có trong các câu sau:

**a.** Nghe vậy, Nam không nén nổi tò mò. Nhưng cổng trường khóa, trốn ra sao được.

**b.** Ngựa con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| a | b | c | a | c | a |

**II. Phần tự luận**

**1.**

**a.**

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

**b.** Câu thơ trên trích từ bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh. Nội dung chính của bài thơ đó là cảm nhận tinh tế của tác giả về những biến chuyển của đất trời khi sang thu và những suy nghĩ, chiêm nghiệm của ông về cuộc đời. (1đ)

**c.** Viết một đoạn văn từ 7 – 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên, trong đó có sử dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán. (3đ)

   - HS viết được đoạn văn diễn dịch có sử dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán. (1đ)

   - HS chỉ ra được nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ:

      + *Bỗng nhận ra* => sự bất ngờ, sửng sốt, chưa được báo trước. Sự bất ngờ đó là cơ duyên nhưng đồng thời cũng là may mắn khi tác giả được trực tiếp ngắm nhìn sự chuyển biến của đất trời giao mùa từ hạ sang thu. (0.5đ)

      + Mùi hương đặc biệt báo hiệu mùa thu: hương ổi phả vào trong gió se, sương giăng mắc ngoài ngõ…là những dấu hiệu đặc trưng báo hiệu khoảnh khắc giao mùa, rằng thu đã về! (0.5đ)

      + *Phả*: động từ diễn tả sự chủ động tác động của mùa thu vào cảnh vật. (0.5đ)

      + *Hình như* diễn tả tâm trạng còn chưa chắc chắc, ngỡ ngàng, chưa thể tin được vì những cảm nhận ở trên còn rất mơ hồ. (0.5đ)

   → Tâm hồn thi sĩ có sự cảm nhận thật tinh tế.

**2.**

**a.** Nghe vậy, Nam không nén nổi tò mò. Nhưng cổng trường khóa, trốn ra sao được.

   → Phép nối: nhưng (1đ)

**b.** Ngựa con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế.

   → Phép thế: ngựa con – chú (1đ)

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 3)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Thành phần biệt lập trong câu: *“Có lẽ bắt đầu từ những đêm sương sa thì bóng tối đã hơi cứng và sáng ngày ra trông thấy màu trời có vàng hơn mọi khi.”* là:

**a.** Thành phần tình thái **b.** Thành phần cảm thán

**c.** Thành phần phụ chú **d.** Thành phần gọi đáp

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi 2, 3:

*“ ..Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng chốc nữa sẽ nổ..”*

         (Ngữ văn 9, tập 2, NXBGD)

**2.**Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào?

**a.** Bến quê **b.** Những ngôi sao xa xôi

**c.** Rô – bin – sơn ngoài đảo hoang **d.** Con chó Bấc

**3.**Câu văn: *“Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ.”* sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

**a.** Nhân hóa **b.** So sánh

**c.** Ẩn dụ **d.** Hoán dụ

**4.**Nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ *Nói với con* của Y Phương là:

**a.** Từ ngữ, hình ảnh mộc mạc, giàu sức gợi cảm **b.** Giọng điệu trầm lắng, suy tư

**c.** Đối thoại xen lẫn với độc thoại nội tâm **d.** Hình ảnh phong phú, từ ngữ trau chuốt

**5.**Đâu không phải là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu?

**a.** Bãi bồi bên kia sông

**b.** Bông bằng lăng nở cuối mùa

**c.** Anh con trai sa vào xem đám chơi phá cờ thế

**d.** Đám trẻ con giúp Nhĩ dịch chuyển ra mép tấm phản

**6.**Câu thơ: *“ Dù ở gần con/ Dù ở xa con”* sử dụng phương thức liên kết nào?

**a.** Phép lặp **b.** Phép thế

**c.** Phép nối **d.** Phép liên tưởng

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê. (5đ)

**2.**Xác định các phép liên kết có trong các câu sau (2đ):

**a.** Bà lão đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối bao trùm lấy hai con mắt. (Kim Lân)

**b.** Khu vườn nhà Lan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một cái sân nhỏ nhưng có bao nhiêu là cây.

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| a | b | b | a | d | a |

**II. Phần tự luận**

**1.**

Là nhân vật chính của truyện, một nữ thanh niên xung phong đẹp từ ngoại hình đến tâm hồn. (0.25đ)

   - Hoàn cảnh, công việc của Phương Định:

      + Là cô thanh niên xung phong sống trên cao điểm giữa khói bụi Trường Sơn và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. (0.25đ)

      + Công việc của tổ trinh sát mặt đường là: *“Đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”*. (0.5đ)

→ công việc nguy hiểm nhưng càng ngời sáng sự dũng cảm của cô. (0.5đ)

   - Tính cách: trong sáng, mơ mộng, hồn nhiên đầy trẻ thơ (0.5đ)

      + Là cô gái Hà Nội vào chiến trường. Dù trong khói lửa chiến tranh vẫn luôn đầy ắp những kỉ niệm về Hà Nội và gia đình. (0.5đ)

      + Cô gái lạc quan, hay cười, hay ngắm mình trong gương, tự đánh giá mình là cô gái khá với đôi mắt *“dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng”*, được nhận xét là *“cô có cái nhìn sao mà xa xăm”* (0.5đ)

→ Hồn nhiên, đáng yêu, chân thực. (0.25đ)

      + Chị được nhiều người dành tình cảm quý mến

→ Thấy vui, tự hào. Nhạy cảm nhưng không bộc lộ tình cảm giữa đám đông, khiến người khác cảm thấy có phần hơi kiêu kì. (0.5đ)

      + Dũng cảm, bình tĩnh, vượt lên mọi hiểm nguy. (0.25đ)

• Quen với công việc đầy hiểm nguy: *“Tôi bây giờ còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi”*. Nhưng mỗi lần trải qua thử thách vẫn như cuộc thách thức thần kinh cho đến từng cảm giác.

• Làm việc bình tĩnh, thành thạo khi phá bom. (0.25đ)

      + Quan tâm, lo lắng cho đồng đội khi bạn đi lên cao điểm chưa về; chăm sóc tận tình khi đồng đội bị thương; hiểu tính cách đồng đội. (0.25đ)

      + Cũng rất cần sự cổ vũ của đồng đội.

   → Người nữ thanh niên xung phong anh hùng nhưng cũng rất đời thường với thế giới nội tâm phong phú. Ngòi bút Lê Minh Khuê đã thành công trong khắc họa tâm lí nhân vật. Trong chiến tranh, con người sẵn sàng bất chấp hiểm nguy, chấp nhận hi sinh cả mạng sống để hoàn thành nhiệm vụ được giao. (0.5đ)

**2.**

Xác định các phép liên kết có trong các câu sau:

**a.** Bà lão đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối bao trùm lấy hai con mắt. (Kim Lân)

   → Phép liên tưởng: nhìn ra – con mắt. (1đ)

**b.** Khu vườn nhà Lan không rộng lắm. Nó chỉ bằng một cái sân nhỏ nhưng có bao nhiêu là cây.

   → Phép thế: khu vườn nhà Lan – nó. (1đ)

### Đề thi Ngữ văn lớp 9 Học kì 2 (Đề 4)

**I. Trắc nghiệm (3 điểm)**

**1.**Nối tên tác phẩm ở cột A với năm sáng tác ở cột B cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| 1. Những ngôi sao xa xôi | **a.** 1985 |
| 2. Bến quê | **b.** 1962 |
| 3. Nói với con | **c.** 1971 |
| 4. Con cò | **d.** 1980 |

**2.**Công việc chính của ba cô gái thanh niên xung phong trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* là:

**a.** Đo khối lượng đất lấp vào hố bom **b.** Đếm bom chưa nổ

**c.** Phá bom **d.** Tất cả những công việc trên

**3.**Câu: *“Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”* sử dụng phép liên kết nào?

**a.** Phép lặp **b.** Phép thế

**c.** Phép nối **d.** Phép liên tưởng

**4.**Hai câu thơ sau là lời ru của ai hướng tới ai? Nhằm mục đích gì?

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ*

*Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con*

(Con cò – Chế Lan Viên)

**a.** Lời của tác giả nói với đứa con về tình cảm và tấm lòng của người mẹ

**b.** Lời người mẹ ru con để bày tỏ tình cảm mẹ dành cho con

**c.** Lời tác giả nói với mẹ về mong ước của đứa con

**d.** Lời của người mẹ ru con mong con có giấc ngủ ngon

**5.**Giá trị nghệ thuật của bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh là:

**a.** Khắc họa hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, đặc sắc về thời điểm giao mùa ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ

**b.** Sáng tạo trong sử dụng từ ngữ, sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, ẩn dụ

**c.** Cả a và b

**6.**Truyện *Rô – bin – sơn ngoài đảo hoang* khiến em liên tưởng đến truyện nào của Việt Nam?

**a.** Tấm Cám **b.** Thạch Sanh

**c.** Sọ Dừa **d.** Sự tích dưa hấu

**II. Tự luận (7 điểm)**

**1.**Em hãy viết một đoạn văn ngắn phân tích tình huống truyện trong truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu, trong đó có sử dụng phương thức liên kết nối và thế. (3đ)

**2.**Đọc câu thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

**a.** Câu thơ trên được trích từ bài thơ nào? Ai là tác giả? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ đó. (1đ)

**b.** Chép lại chính xác 3 câu tiếp theo để hoàn thành khổ thơ. (1đ)

**c.** Nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên. (2đ)

**Đáp án và thang điểm**

**I. Phần trắc nghiệm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 – c, 2 – a, 3 – d, 4 4 - b | d | a | a | c | d |

**II. Phần tự luận**

**1.**

HS viết một đoạn văn ngắn phân tích tình huống truyện của truyện ngắn Bến quê, trong đó có sử dụng sử dụng phương thức liên kết nối và thế. (1đ)

   - Phân tích tình huống truyện: là tình huống nghịch lí (0.5đ)

   - Nhĩ thời trẻ đi nhiều, không sót một nơi nào trên Trái Đất, khi bệnh tật không đi được nữa anh mới phát hiện ra vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông, vẻ đẹp của người vợ cực nhọc. (0.5đ)

→ Tác giả muốn nhắn nhủ mọi người: cuộc sống và số phận con người đầy bất thường, nghịch lí, nên biết trân trọng những giá trị tốt đẹp quanh mình. (1đ)

**2.**

Đọc câu thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

**a.** Câu thơ trên được trích từ bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương.

Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ:

   - Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngàygiải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy.

   - In trong tập thơ *“Như mây mùa xuân”* (1978) (1đ)

**b.** Chép lại chính xác 3 câu tiếp theo để hoàn thành khổ thơ.

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...* (1đ)

**c.** Nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên. (2đ)

   + Dù vẫn ở trong lăng nhưng tác giả đã hình dung cảnh chia lìa, phải xa Bác vào ngày mai để trở về miền Nam. Nghĩ đến đó thôi, Viễn Phương đã không kìm nổi xúc động mà “thương trào nước mắt”. (1đ)

   + Ước nguyện của nhà thơ được mãi mãi ở bên Bác. Tác giả ước muốn hoá thân vào những cảnh vật, sự vật ở bên Bác: muốn làm con chim cất cao tiếng hót, muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây, và nhất là muốn làm cây tre trung hiếu để có thể mãi mãi ở bên Bác. (1đ)